VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tạ quốc tuấn - *chúc tết trong thi văn trung quốc* • vũ quốc thúc - *gió đưa cành trúc la đà* • thụy khuê - *phê bình văn học thế kỷ xx* • trần văn tích - *cổ duệ từ* • lại nguyên ân - *tập thơ "tinh huyết" của bích khê* • nguyễn huệ chi - *so sánh kim vân kiều truyện* • phan nhật nam - *ba cuốn sách* • hoàng thị quỳnh nga - *bay lên bàn tay ơi* • thiên đức - *nhật ký đặng thùy trâm*

văn

trần mộng tú • phan xuân sinh • nguyễn hoài phương • lâm chương • ngô nguyên dũng • ngọc anh • nguyễn nam an • hoài mỹ • murakami haruki-*phạm vũ thịnh dịch* • isaac bashevis singer • trần tư • võ văn trực

thơ

khêkinhkha • viên dung • nguyệt thư • hoàng xuân sơn • triều hoa đại • như thương • thiên hương chu kim hải • kinh dương vương

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* ■ hoàng mai đạt *tạp ghi* ■ lê quỳnh mai *sinh hoạt văn học nghệ thuật*

Chúng Chúc Tân Xuân

229

tháng 1 & 2 / 2006

Cung Chúc Tân Xuân

Ảnh Phương Châm

VĂN HỌC
số 229 tháng 1, 2-2006

MỤC LỤC

THƯ TÒA SOẠN	3	văn học
TẠ QUỐC TUẤN	4	chúc tết trong thi văn trung quốc
KHÊKINHKHA	10	*như mây lạc đường*
VŨ QUỐC THÚC	11	gió đưa cành trúc la đà
VIÊN DUNG	16	*hái lộc*
THỤY KHUÊ	17	phê bình văn học thế kỷ xx
TRẦN VĂN TÍCH	40	cổ duệ từ
LẠI NGUYÊN ÂN	47	tập thơ "tinh huyết" của bích khê
NGUYỄN HUỆ CHI	57	so sánh kim vân kiều truyện
NGUYỆT THƯ	92	*về quê thăm mạ*
TRẦN MỘNG TÚ	94	chó nhà và chó rừng
HOÀNG XUÂN SƠN	100	*hát thề*
PHAN XUÂN SINH	102	quay nhìn lại một đoạn đời
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	110	công viên
TRIỀU HOA ĐẠI	119	*vàng hiên*
LÂM CHƯƠNG	120	mùi bùn non
NGÔ NGUYÊN DŨNG	124	cuối cùng, không còn lại
NHƯ THƯƠNG	134	*tràn ánh trăng*
NGỌC ANH	135	đôi giầy
T. HƯƠNG CHU KIM HẢI	149	*bài thơ tám câu*
NGUYỄN NAM AN	150	những ngày với dũng
HOÀI MỸ	153	hình như từ độ ấy...
MURAKAMI HARUKI	174	vườn cỏ buổi chiều cuối cùng
KINH DƯƠNG VƯƠNG	186	*thác với tình*
ISAAC BASHEVIS SINGER	188	elka và meir
TRẦN TỰ	201	hát nữa biển ơi!
PHAN NHẬT NAM	212	ba cuốn sách,
HOÀNG THỊ QUỲNH NGA	237	bay lên bàn tay ơi!
THIÊN ĐỨC	243	nhật ký đặng thùy trâm
VÕ VĂN TRỰC	269	chuyện làng ngày ấy
ĐÀN BÁCH KIÊM	287	đùa với đường thi
HOÀNG MAI ĐẠT	296	mùa xuân theo mây thời gian
LÊ QUỲNH MAI	304	sinh hoạt văn học
HOÀNG MAI ĐẠT	315	giới thiệu sách

thư tòa soạn

Nhân dịp Xuân về, Văn Học kính chúc quý độc giả, văn thi hữu một năm mới an khang và thịnh vượng.

Sinh hoạt sách vở trong năm qua có hai hiện tượng gây ồn ào trong nước, đó là tập truyện Bóng Đè của Đỗ Hoàng Diệu và quyển Nhật Ký Đặng Thùy Trâm. Văn Học số trước đã đăng bài của Ngọc Anh về quyển nhật ký này, số này đăng thêm bài nhận định của Thiên Đức. Và Hoàng Thị Quỳnh Nga viết về "bàn tay" trong truyện Bóng Đè. Phan Nhật Nam viết về ba quyển sách của Judit Radiguet, Nguyễn Khắc Viện và Trương Như Tảng.

Ngoài những sáng tác của các tác giả quen thuộc cả thơ lẫn văn như KhêKinhKha, Trần Mộng Tú, Hoàng Xuân Sơn, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Hoài Phương, Triều Hoa Đại, Lâm Chương, Ngô Nguyên Dũng, Ngọc Anh, Nguyệt Thư, Nguyễn Nam An, Hoài Mỹ, Kinh Dương Vương, Hoàng Mai Đạt, là những bài biên khảo của những tác giả Tạ Quốc Tuấn, Thụy Khuê, Trần Văn Tích, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Huệ Chi... Truyện dịch của Phạm Vũ Thịnh...

Theo yêu cầu của độc giả, kể từ số này, Văn Học dùng font unicode (times new roman) và tăng lên nửa chấm để chữ đọc được dễ hơn. Và cũng kể từ số này, trang 1 của báo mỗi kỳ sẽ đăng một ảnh chụp, của các nhiếp ảnh gia, chụp những sinh hoạt đời thường ở trong nước.

Văn Học xin nhắc lại một điều lâu nay bị gây hiểu lầm với các tác giả cộng tác, tạp chí đã không đến tay một số văn thi hữu vì đã không gia hạn mua báo. Văn Học chỉ gửi báo biếu đến quý vị, nhưng vì quý vị đã gửi tiền ủng hộ dưới dạng mua báo nên khi hết hạn, computer tự động không in tên quý vị ra label để chúng tôi gửi báo. Đó là một trục trặc ngoài ý muốn. Ai đã bị ngưng báo, xin liên lạc với chúng tôi để điều chỉnh.

Kể từ số này, tòa soạn đã có người phụ trách về trị sự, mọi quảng cáo, thư từ về gia hạn hay mua báo, xin quý độc giả liên lạc với Phạm Hoàng Vũ, địa chỉ email: phv4vh@yahoo.com

Chúng tôi xin nhắc lại, xin đừng gửi cho Văn Học những bài chưa đánh máy hoặc đã đăng trên các báo khác hoặc trên bất cứ một website nào.

Văn Học

tục chúc tết trong thi văn trung quốc

TẠ QUỐC TUẤN

Trong các hoạt động ngày Tết theo tập tục của người Trung Quốc, chủ yếu nhất và phổ biến nhất là tục chúc Tết, mà họ gọi là "*bái niên hạ tiết*", hay gọi tắt là "*bái niên*" hoặc "*bái hạ*".

Ở Trung Quốc tục chúc Tết bắt đầu từ bao giờ không rõ, chỉ biết là đến thời nhà Hán (206 TCN - 220 SCN) đã có rồi, và từ nhà Tống (960-1280) trở đi thì đã phát triển rất rộng lớn, càng ngày càng thịnh hành, càng mãnh liệt, cho tới hiện tại, tuy đã giảm đi nhiều.

Bái niên có thể chia làm ba loại.

Loại thứ nhất là chúc Tết gia trưởng trong một nhà và tôn trưởng ở hàng cao hơn trong một họ.

Loại thứ hai là chúc Tết giữa những người ngang hàng nhau trong gia đình hay trong họ, cả bên nội lẫn bên ngoại, bên cha cũng như bên mẹ, bên vợ cũng như bên chồng.

Hoạt động và lời lẽ chúc Tết trong hai loại này tương đối thực tế hơn nhiều và chân thực hơn nhiều.

Trái lại, loại thứ ba là các quan liêu, bằng hữu chúc Tết nhau. Việc chúc Tết trong loại này phần lớn là hư văn, phù phiếm, khuôn sáo.

Trong bài này chúng ta sẽ chỉ xét đến loại bái niên thứ ba thôi.

Phạm vi giao du giữa các quan lại thường rộng lớn, với nào là bạn đồng song, nào là bạn đồng bảng, bạn đồng ân sư, nào là bạn đồng liêu, v.v... Vì vậy, mỗi lần Tết đến thì họ phải vất vả cực nhọc đi chúc Tết nhau.

Lý Dĩnh trong bài thơ *Nguyên Nhật Tác* (*Làm Ngày Đầu Năm*) đã có câu:

Thương thương hoa tứ khách,
Môn quán hạ tân chính.
(Ngồi xe tứ mã đẹp,
Đến cửa quán chúc Tết.)

Người "*hoa tứ khách*" (hoa = đẹp; tứ = xe do bốn ngựa kéo; khách = người khách) này không phải là chỉ đi chúc Tết có một nhà không thôi, mà là rất nhiều, rất nhiều.

Bạch Cư Dị trong bài thơ *Nguyên Nhật Đối Tửu* (*Ngày Đầu Năm Cùng Uống Rượu*) đã nói về việc vào ngày Nguyên Đán trong thời nhà Đường (618-907) các quan viên đã không ngần ngừ mà lợi dụng cơ hội đi chúc Tết cấp trên, một việc mà tác giả coi vừa là "*khánh*" (chúc mừng, chia vui) lại vừa là "*điếu*" (viếng người chết, chia buồn cùng người sống), nghĩa là tác giả đã coi hành động đi chúc Tết như một cực hình không có thú vị gì mấy, để mà quị lụy nịnh hót. Hơn nữa, ông còn nói là cần chi phải chờ đến ngày Tết mới làm việc khiến người phải suy nhược như vậy.

Khánh điếu kinh quá lãn,
Phùng nghênh quị bái trì.
Bất nhân thời tiết nhật,
Khải giác thử thân suy.
(Chúc Tết đâu ngần ngừ,
Xu nịnh dềnh dang quì.
Cần chi mượn ngày Tết,
Chẳng thấy thân suy sao.)

Việc đến tận nhà chúc Tết (đăng môn bái hạ) có trình độ nông sâu, nặng nhẹ không giống nhau, tùy theo quan hệ tình cảm giữa người đi chúc và người được chúc.

Sang đến thời nhà Tống, vì số thân bằng đồng liêu nhiều thái quá, không ai có thể đi chúc Tết nhau hết được, cho nên mới nảy sinh "*đầu thích phong*"

Bàn về "*thích*" Triệu Dực đã viết trong quyển Danh Thiếp sách Cai Dư Tùng Khảo rằng người xưa khi báo tên đã viết chữ lên "*tước mộc*", đầu thời Hán gọi là "*yết*", rồi đến cuối thời nhà Hán mới gọi là "*thích*". Từ sau thời nhà Hán trở đi người ta tuy dùng giấy để viết nhưng vẫn gọi là "*thích*"[1].

Sang thời nhà Tống, mỗi khi đến ngày Nguyên Đán, nhiều người đã

viết họ tên và địa chỉ mình trên giấy hoa mai (mai hoa tiên) dài 3 thốn rộng 2 thốn[2], rồi gửi đến các thân hữu biểu thị chúc mừng năm mới, còn bản thân thì không đến tận nơi. Có nhiều người lại dùng người khác mang danh thiếp của mình tới nhà những người mà họ muốn chúc Tết.

Theo *Thanh Ba Tạp Chí* của Châu Huy, trong niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) đời vua Tống Triết Tông Triệu Hú (1086-1101) người ta đại đa số không thân đến tận nơi chúc Tết. "*Có sĩ nhân sai người cầm cương xe ngựa mỗi khi đến nhà ai thì hô to mấy tiếng rồi để lại danh thiếp để tỏ ý đã đến.*"

Đến thời nhà Minh (1368-1644) thì "*đầu thích phong*" lại càng thịnh hành hơn nữa. Sách *Thúc Viên Tạp Ký* của Lục Dung đã viết rằng: "*Kinh sư sau ngày đầu năm, trên từ triều quan dưới đến thứ nhân, người qua lại chen chúc nhau đầy đường suốt ngày, nói là 'bái niên'.*"

Tuy nhiên, trong khi mọi người chúc Tết thân hữu xuất từ thực tâm, thì các triều quan đại đa số chỉ là chúc ngoài môi ngoài miệng thôi, chứ không có thực lòng.

Thí dụ như trong thời nhà Minh, các triều quan cư ngụ rất đông ở đường Trường An trong thành Bắc Kinh. Dù quen hay không quen, những người đi chúc Tết chỉ biết "*đầu thích*" ở ngoài cửa cổng. Lại có những người không cả xuống ngựa, hoặc không đi đến tận cửa cổng mà chỉ sai người đưa danh thiếp thôi. Nếu nhỡ gặp gia bộc giữ cửa thì lại không cả đưa danh thiếp nữa, hoặc có người thấy cửa đóng thì cũng không đưa.

Trước tập tục phù phiếm như vậy, Văn Chinh Minh, thi nhân thời nhà Minh, đã có bài thơ *Bái Niên* (Chúc Tết) rằng:

Bất cầu kiến diện duy đạo yết,
Danh chỉ triêu lai mãn tệ lư.
Ngã diệc tùy nhân đầu số chỉ,
Thế tình hiểm giản bất hiểm hư[3].
(Chẳng cầu gặp mặt chỉ hỏi thăm,
Danh thiếp mừng xuân chật tệ lư.
Ta cũng theo người đưa vài thiếp,
Thế tình hiểm giản chẳng hiểm hư.)

Trong thời nhà Thanh (1644-1911), "*đầu thích phong*" vẫn tiếp tục rực cháy hừng hực, chẳng những là ở thành thị mà còn cả ở hương thôn nữa.

Theo sách Yên Kinh Tạp Ký của tác giả khuyết danh:

"Tuần đầu tháng Giêng, người đi chúc Tết thân hành đến trước cửa nhà,

hô to 'tiếp thiếp', đưa một tấm danh thiếp, rồi vù một cái phóng đi mất, đa số không gặp mặt chủ nhân. *Người canh cửa ghi tên người đó vào trong sổ, đa số là người không quen biết. Nếu không có người canh cửa thì ở trước cửa cổng có dán một cái túi bằng giấy, bên ngoài viết bốn chữ 'thỉnh lưu tôn giản'*[4], *người đến chúc Tết bỏ danh thiếp vào đó rồi đi."*

Tôn Hùng, thi nhân thời nhà Thanh, có bài thơ trong đó đã nói:

Đồng đồng triêu húc ánh thiên môn,
Liên nhiễu hương yên giáng lạp ngân.
Mãng phục điêu cầu[5] *kim bất kiến,*
Khinh đầu tố thích hướng tư hôn[6].
(Ánh sáng ban mai chiếu thiên môn,
Hương khói vây quanh giọt nến hồng.
Mãng phục điêu cầu nay chẳng thấy,
Nhẹ quăng thiếp trắng hướng tư hôn.)

Phần *Yên Kinh Tuế Thời Tạp Vịnh* trong sách *Nhâm Quí Thi Tồn* của soạn giả khuyết danh, căn cứ vào *Kiến Hồ Tập* của Chử Nhân Hoạch, viết là: "*Thiếp chúc Tết thời quốc sơ dùng cổ giản nên có tên gọi như vậy. Trong thời Khang Hi lại đổi dùng giấy hồng, viết 'mỗ nhân bái hạ'.*"[7]

Bài thơ *Danh Phiến* (Danh Thiếp) trong sách *Đô Môn Tạp Vịnh* của Dương Tịnh Đình, cũng người thời nhà Thanh, đã khai triển ý này.

Tân chính đầu thích cổ di phong,
Tiểu khải đoan thư[8] *dạng nhược cùng.*
Tiện mộ hàn lâm danh tự đại,
Dã tương hồng chỉ ấn lai công.
(Tháng Giêng đưa thiếp thói xưa truyền,
Tiểu khải trang nghiêm thực vô cùng.
Thèm muốn hàn lâm tên gọi lớn,
Mà đem hồng chỉ lại khéo in.)

Trong khi thủ đoạn lừa bịp trong việc chúc Tết của giới quan trường rất nhiều thì các liên lạc cảm tình của giới công thương khác hơn. Đó là vì trong con mắt của các công thương nghiệp gia việc mưu cầu lợi nhuận là chính yếu, là quan trọng, cho nên việc chúc Tết của họ thiết thực hơn nhiều, chứ không như các quan lại đưa thiếp chúc mừng năm mới phù phiếm.

Bài thơ Bái Niên trong sách Tăng Bổ Đô Môn Tạp Vịnh, cũng trong thời nhà Thanh, nói lên được đặc điểm này.

Gia gia danh giản hạ tân xuân,
Môn bộ thư lai trụ chỉ toàn.

Duy hữu công thương vưu giản tiện,
Toàn tùng môn trản đệ hồng tiên.
(Nhà nhà danh thiếp chúc tân xuân,
Sổ ghi khách đến địa chỉ toàn.
Duy có công thương càng giản tiện,
Toàn theo khe cửa chuyển hồng tiên.)

Bên trên là tục chúc Tết ở miền Hoa Bắc. Ở miền Hoa Nam cũng không khác gì mấy.

Sách *Thanh Gia Lục* nói rằng "*Có người sai gia bộc đưa thiếp hồng đến nhà bạn bè thân thích, chứ đa số không đến, người đáp lễ cũng vậy, gọi là 'phi thiếp'.*"[9] Thậm chí họ còn gửi thiếp hồng tới những người họ xưa nay không lai vãng.

Trong đời vua Thanh Càn Long (1736-1796), Phạm Lai Tông, người Hoa Nam, có bài thơ *Bái Niên* như sau:

Tẩu hạ phân văn tuế dược canh,
Tố phi thức diện dã quan tình.
Thiêm đình khoa liệt hoài trung thích,
Quá ngọ phi lưu bộ thượng danh.
Vũ sĩ thiền sư đồng trục trục,
Đông gia tây xá tận doanh doanh.
Xuân minh cựu mộng hoàn năng ký,
Trì biên luân đề nội ngoại thành.
(Đi chúc nghe càng lộn xộn nhiều,
Vốn chẳng biết quen cũng thân tình.
Trong lòng mang nhiều tờ danh thiếp,
Quá ngọ vội ghi sổ đề tên.
Đạo sĩ thiền sư đều đôn đáo,
Đông gia tây xá chật ních đầy.
Xuân sang mộng cũ còn nhớ được,
Bánh xe vó ngựa nội ngoại thành.)

Bài thơ mô tả cảnh người đi chúc Tết qua lại nhộn nhịp tấp nập. Người đi chúc Tết đối với người không quen biết cũng "*quan tình*" (thân mật, tử tế). Họ mang trong người rất nhiều danh thiếp, bôn tẩu khắp nơi, chủ khách không gặp mặt nhau, chỉ vội vội vàng vàng ghi vào sổ rồi đi. Ngay cả các đạo sĩ thiền sư cũng cùng với bọn tục nhân, đôn đôn đáo đáo, chạy đây chạy đó như bị ma đuổi, cơ hồ mọi người chúc Tết đều như vậy.

Ngày nay việc đi chúc Tết nhau vẫn còn thịnh hành ở Hoa Lục, Đài

Loan, Tân Gia Ba, cũng như trong các cộng đồng người Hoa ở hải ngoại, nhưng đã giảm lực đi khá nhiều, và chỉ giới hạn trong ngày mồng một Tết thôi. Nhất là tục "*đầu thích phong*" ít còn thấy nữa.

Tạ Quốc Tuấn

---

(1) (A) Đầu = (a) ném, quăng; (b) gửi, đưa. (B) Thích = (a) đâm, chọc; (b) dò, do thám; (c) hỏi thăm; (d) danh thiếp. (C) Phong = thói quen, phong tục. (D) Tước = (a) vót; nạo; (b) cái nạo; (c) ngày xưa khi chưa có giấy để viết thì người Trung Quốc viết chữ lên thẻ tre, chữ nào cần sửa thì dùng cái nạo nạo đi. (E) Mộc = gỗ. (F) Yết = (a) yết kiến; (b) bảo, cáo; (c) danh thiếp.

(2) Trong thời nhà Tống, 1 thốn = 3.07 phân tây = 7.80 inches.

(3) Câu này có nghĩa là thói đời chỉ chê đơn giản chứ không chê giả dối.

(4) "Thỉnh lưu tôn giản" có nghĩa là "xin để lại quí thư".

(5) Mãng phục (còn gọi là mãng bào) là áo thêu hình con mãng xà (con trăn) và điêu cầu là áo lông chồn. Cả hai là phẩm phục của các quan đại thần thời nhà Thanh.

(6) Tư hôn là người canh cửa.

(7) (a) Quốc sơ: chỉ thời kỳ nước Kim của người tộc Nữ Chân được thành lập bắt đầu từ năm 1616 (thư tịch Trung Quốc thường gọi là Hậu Kim, để phân biệt với nước Kim cũng của người tộc Nữ Chân, tồn tại năm 1115-1260), đến năm 1636 quốc hiệu đổi là Thanh và năm 1644 người Thanh mới chiếm được Trung Quốc. (b) Thời Khang Hi: Khang Hi cai trị Trung Quốc năm 1662-1723. (c) Mỗ nhân: người Việt Nam thường dùng từ "mỗ" không thôi.

(8) Tiểu khải là một lối chữ viết tay.

(9) Phi thiếp, nghĩa đen là thiếp bay, ngụ ý chỉ việc sai người khác đưa danh thiếp của mình đến nhà người mình muốn chúc Tết và người đưa thiếp thường là liệng thư vào cửa nhà người đó.

tìm đọc

SỬ VIỆT
ĐỌC VÀI QUYỂN
của Tạ Chí Đại Trường
Văn Mới xuất bản, 2004

Sách dày 523 trang.
Giá 20 Mỹ kim.
Hiện có bán tại các nhà sách.

KHÊKINHKHA

như mây lạc đường

cho HNTuan

chiều xuống vội, giữa bàn tay
ngẩng nhìn quanh, thấy mưa bay
thấy như chua xót, như cay đắng nào

cay đắng nào, hay chiêm bao?
chiêm bao? hay sự thật nào?
mà sao lòng ứa máu đào em ơi

giấc mộng đời, như lá rơi
khảy tiếng đàn xưa, khóc người
đọc vần thơ cũ, tưởng người về qua

một mình, đếm dấu vết xưa
một mình, nhớ sao cho vừa
một mình, hỏi gió, hỏi mưa, một mình

hình như, gió lộng, qua cành
hình như, ai đến, trong đêm
rượu cay, trăng sáng, bập bềnh, rượu cay

à ơi, thế sự cũng say
à ơi, mất ai, còn ai
một người ở lại, như mây lạc đường

KHÊKINHKHA

gió đưa cành trúc la đà

VŨ QUỐC THÚC

Mới đây tôi được đọc trên mạng lưới Internet một bài phiếm luận lý thú về hai câu thơ, thời tiền đô hộ Pháp; đó là hai câu lục bát:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương...

Ngay từ hồi còn học ở Trường Thành Chung Nam Định (1934-1937), tôi đã được đọc hai câu thơ này, nhưng không phải là tiếng chuông Thiên Mụ mà là tiếng chuông Trấn Vũ. Theo tôi nhớ thì đây là hai câu đầu của một bài thơ tứ tuyệt:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương,
Mịt mù bãi cát màn sương,
Nhịp chày Yên Thái, bóng gương Tây Hồ...

Thiên Mụ là tên một ngôi chùa danh tiếng ở ngoại thành Huế còn Trấn Vũ là tên một ngôi chùa cũng rất nổi danh ở phía tây thành Thăng Long cũ (tức Hà Nội). Vậy thì địa danh nào mới đáng coi là chính xác? Dĩ nhiên những ai sinh trưởng ở miền Trung, đặc biệt ở vùng Thừa Thiên, có xu hướng chọn địa danh Thiên Mụ. Trái lại những người gốc miền Bắc tin rằng địa danh Trấn Vũ mới đúng sự thật. Bản thân kẻ viết bài này không bao giờ có đầu óc địa phương phi lý như vậy: trái lại chúng tôi rất trân quý đồng bào miền Trung. Tuy nhiên khi bàn về một đề tài liên can tới văn học sử chúng ta cần phải khách quan và tôn trọng tinh thần khoa học. Tôi tin rằng tiếng chuông trong câu thơ trên là chuông chùa Trấn Vũ vì những lý do sau đây.

Trước hết, địa danh Trấn Vũ không đưa ra một cách đơn lẻ mà đặt trong một tổng thể gồm bốn địa danh: Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái và Tây Hồ. Cả bốn địa danh này đều thuộc một khu vực chung là vùng tây cố đô Thăng Long, tức Hà Nội cũ. Chùa Trấn Vũ là một thắng cảnh nằm trên đường Cổ Ngư, một đường đê ngăn cách Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch. Thọ Xương là tên cũ của một huyện sát thành Thăng Long, trên bờ Hồ Tây, trong đó có những làng danh tiếng như làng Bưởi, làng Thụy Khê, làng Yên Thái vân vân... Đặc biệt là làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy bản: trong làng suốt ngày vang tiếng chày giã bột giấy của nhân dân. Như vậy toàn bài thơ tứ tuyệt liên can tới một vùng nhất định là vùng ngoại thành phía Tây của cố đô Thăng Long. Nếu cho là tiếng chuông của chùa Thiên Mụ thì làm sao giải thích được sự hiện diện trong cùng câu thơ của huyện Thọ Xương, một nơi cách xa Huế hàng nghìn dặm?

Đọc bài thơ tứ tuyệt nói trên, ta có thể mường tượng là tác giả đã sáng tác ở đâu trong hoàn cảnh nào. Rõ ràng là lúc đó ông (hay bà?) ta đang ngụ ở một nơi trông ra Hồ Tây cách chùa Trấn Vũ cũng như làng Yên Thái không xa lắm nên mới nghe được tiếng chuông chùa cũng như tiếng chày giã bột giấy của dân làm giấy. Trước biến cố ngày 9 tháng Ba năm 1945 kẻ viết bài này từng cư ngụ ở đường Pépinière, một con đường đi từ đường Quan Thánh qua trường Bưởi (tức Lycée du Protectorat sau đổi tên là trường Chu Văn An), tới Vườn Ươm Cây của Thành Phố Hà Nội (vì thế con đường mới mang tên Pépinière) rồi tới các làng Thụy Khê, Yên Thái. Đứng trên gác ngôi nhà tôi cư ngụ, nhìn qua cửa sổ có thể thấy Vườn Ươm Cây và đàng xa là mặt nước Hồ Tây. Như vậy việc tác giả bài thơ thuật rằng mình nhìn thấy mặt nước Hồ Tây sau bãi cát phủ sương mù ở bờ hồ đồng thời nghe thấy tiếng chuông chùa Trấn Vũ và tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái, là việc có thực, không phải bịa đặt để thi vị hóa. Tác giả đã ngẫu hứng vào lúc nào? Theo tôi nghĩ lúc đó là bình minh vì bốn chữ canh gà Thọ Xương. Hồi theo cấp tiểu học, tôi từng thuộc lòng một bài thơ khác khởi đầu như sau:

Trống canh năm gà vừa gáy sáng,
Bừng mắt dậy trời đã rạng đông!
Ngắm phong cảnh đẹp vô cùng:
Hỏi ai thêu dệt? Ấy Ông Thợ Trời!

Tác giả không nói tới tiếng trống cầm canh của đồn Thọ Xương mà lại nói tiếng gà gáy. Tất nhiên gà gáy vào lúc bình minh chứ không gáy ban đêm: có lẽ tiếng gà gáy đã vang lên cùng lúc với tiếng trống điểm canh

năm chăng? Vì thế tác giả mới nảy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh là con gà gáy điểm canh! Đây là một nghệ thuật chơi chữ táo bạo của các nhà thơ, nhà văn, có dụng ý đánh động sự hiếu kỳ của độc giả hay thính giả. Từ xưa đến nay đã ai thấy gà gáy điểm canh suốt đêm đâu! Chẳng trách có người đã hiểu lầm và dịch canh gà Thọ Xương là chicken soup of Thọ Xương (bouillon de poulet de Thọ Xương)!

Tiếng chuông chùa cũng như tiếng chuông giáo đường thường có ảnh hưởng gây xúc động trong tâm hồn những người nhạy cảm. Thời Nhà Đường, một thi sĩ Trung Hoa, ngủ trên thuyền ở bến Cô Tô, giữa đêm bỗng nghe thấy hồi chuông từ chùa Hàn San vọng lại Ông ta ngẫu hứng đã sáng tác một bài thơ trứ danh trong đó có hai câu:

Cô Tô thành ngoại Hàn San Tự
Dạ bán chung thanh náo khách thuyền!
(Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San)

Hồi chuông mà tác giả của chúng ta đã nghe thấy không có tính cách bất thường như hồi chuông giữa đêm khuya của chùa Hàn San: đó chỉ là hồi chuông được gióng lên mỗi buổi sáng. Tuy nhiên đối với những người đang có chuyện ưu tư hay phiền não nó nhắc nhở cho họ rằng mọi sự trên cõi đời trần tục này đều là vô thường!

Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm!
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa!

Tác giả của chúng ta có ở trong trạng thái tâm thần đó không? Ta không thể quyết đoán, chỉ biết chắc rằng ông (hay bà) ta đã chú tâm đến hồi chuông này. Có thế thôi!

Dựa trên các chi tiết trong bài thơ, tôi giả thiết như sau: tác giả vừa thức dậy, nhìn ra ngoài vườn thì thấy nhiều cành trúc trong bụi trúc trước nhà la đà trước gió, rồi nghe thấy tiếng chuông ban mai của chùa Trấn Vũ vang dội cùng lúc với tiếng gà gáy từ phía đồn canh của Huyện lỵ Thọ Xương. Tác giả thầm nghĩ "Thật chẳng khác chi con gà đã thay lính cầm canh báo cho ai nấy biết rằng canh năm tới rồi!". Tác giả nhìn về phía bãi cát ở bờ Hồ Tây, thì thấy sương mù mờ mịt. Mặc dù còn tranh tối tranh sáng như vậy, đã nghe thấy tiếng chày giã bột giấy của dân làng Yên Thái. Rồi qua màn sương, tác giả thấy mặt nước Hồ Tây lóng lánh như một tấm gương vĩ đại... Ngẫu hứng nhà thơ đã sáng tác bốn câu lục bát, còn được truyền tụng cho đến ngày nay.

Rõ ràng đó là một bài thơ tả cảnh, rất hiện thực. Tuyệt nhiên không

phải là thơ tả tình vì không có một câu nào, một từ nào, nói lên tình cảm của chủ thể. Điều bất ngờ là do các biến chuyển của thời cuộc, bài thơ dần dần trở thành thơ tả tình, hơn thế nữa: đã được dùng như một thông điệp để biểu lộ một thái độ chính trị.

a) Sự biến chuyển thứ nhất là việc nước Pháp chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa (1863) rồi đặt nền bảo hộ trên hai miền Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1884). Lợi dụng tình trạng khiếp nhược của Triều đình Huế, nhà cầm quyền Pháp đã dần dần biến chế độ bảo hộ trên giấy tờ thành một chế độ trực trị trong thực tế. Những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định ở Bắc Kỳ hoàn toàn do các cai trị viên Pháp quản lý. Bộ mặt của những thành phố này thay đổi sâu xa. Trước cảnh tang thương ấy, nhiều sĩ phu cựu học cảm thấy nhớ tiếc thời đất nước còn tự chủ: thời Hà Nội còn gọi là Thăng Long với những hình ảnh, những âm thanh được ghi trong bài thơ tứ tuyệt Gió đưa cành trúc la đà... Các cụ đã ngâm nga bài này để nói lên tâm trạng hoài cổ của mình và gián tiếp bầy tỏ nguyện vọng cần vương phục quốc. Nhưng sau sự thất bại của các nhà kháng chiến như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật... của các phong trào duy tân như Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, sau khi thấy các vị vua có tinh thần đấu tranh như Hàm Nghi, Duy Tân, Thành Thái bị lưu đày ra hải ngoại... nhiều cụ đã chán nản, chua chát ghi nhận những sự thật ngang tai chướng mắt. Thí dụ: Cụ Tú Trần Kế Xương trong mấy câu:

Vợ lăm le ở vú!
Con tấp tểnh đi bồi!
Khách hỏi nhà Ông đến:
Nhà Ông đã bán rồi!

b) Sự biến chuyển thứ hai xảy ra trong những năm đầu của thập kỷ 1930. Sau khi những âm mưu khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng và của Đảng Cộng Sản Đông Dương bị nhà cầm quyền thuộc địa thẳng tay đàn áp, Pháp áp dụng chính sách "lập lờ đánh lận con đen" với hy vọng ru ngủ nhân dân hai miền Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Vua Bảo Đại được Pháp đưa về hồi loan chấp chính, Triều đình Huế được tân trang với sự bổ nhiệm một số nhân vật tân học vào Viện Cơ Mật nhưng cơ cấu chính trị và hành chính vẫn giữ nguyên vẹn với các định chế lỗi thời như định chế quân chủ thiên mệnh, định chế quan lại, định chế xã thôn tự trị.. Nguyện vọng của các tổ chức đấu tranh và những người yêu nước là phải canh tân toàn diện chứ không phải là cải cách nửa vời, giả dối! Bài thơ Gió đưa cành trúc la đà bị coi như tượng trưng xu hướng thủ cựu, một xu hướng *chỉ có lợi cho*

nhà cầm quyền thuộc địa. Sau khi vua Bảo Đại bổ nhiệm sáu vị thượng thư "tân học" để thay thế lục bộ cũ, tuần báo hài hước Phong Hóa đã đăng một bức hí họa trong đó sáu cụ "Thượng mới", quần trùng áo dài, đeo thẻ bài lùng lẳng, chen chúc nhau trên một con thuyền nhỏ bé lênh đênh trên sông Hương. Dưới bức họa ghi hai câu thơ lục bát:

Gió đưa cành trúc la đà
Một thuyền chật ních bài ngà thượng thư...

Bài thơ Gió đưa cành trúc la đà trước kia được coi là biểu tượng của thái độ chống thực dân Pháp thì nay đã biến thành biểu tượng của thái độ thủ cựu, hợp tác với nhà cầm quyền thuộc địa Pháp!

c) Sự biến chuyển thứ ba xảy ra sau ngày 30 tháng Tư năm 1975 với sự di cư của hơn một triệu người Việt tị nạn ra ngoại quốc. Nhiều người tị nạn đã mượn bài thơ Gió đưa cành trúc la đà để nói lên nỗi lòng tưởng nhớ quê hương của mình. Tất nhiên những người gốc miền Trung đã xửa lại tiếng chuông Trấn Vũ thành tiếng chuông Thiên Mụ.

Ba mươi năm đã trôi qua. Số người tị nạn ở hải ngoại, cộng với con cháu họ và những người Việt không chịu hồi hương sau khi chế độ cộng sản Liên Xô tan rã, đã lên gần ba triệu. Khỏi cần chứng minh là nhiều thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử cũng như văn chương Việt Nam. Nhiều người nói tiếng Việt còn không sõi. Do đó, khi họ đọc bài thơ trứ danh Gió đưa cành trúc la đà họ đã không hiểu những từ ngữ dùng trong bốn câu thơ. Nếu tra tự điển để tìm nghĩa từng chữ thì có thể sai lầm thảm hại như tác giả bài phiếm luận nói trên đăng trên internet đã chứng minh một cách dí dỏm. Chẳng hạn người ta có thể nghĩ rằng la đà là một đàn la và lạc đà rồi suy luận rằng cành trúc là cây roi tre của kẻ chăn đàn la và lạc đà này. Rồi Thiên Mụ thì được hiểu là Vợ của ông Trời, chuông đồng của chùa giống như chuông điện chỉ cần bấm là kêu leng keng, còn canh gà Thọ Xương có lẽ là canh xương gà trong các tiệm ăn Tầu! Tác giả bài phiếm luận đã dựa trên những sự lầm lẫn đó để làm bài thơ trào phúng sau đây:

Roi tre vun vút vung ra:
Lũ lạc đà với lũ la chạy cuồng...
Vợ Trời giáng một hồi chuông
Gọi về ăn bát canh xương gà Tầu!

Nếu dụng ý của tác giả bài phiếm luận là chế giễu các thanh thiếu niên không có đủ kiến thức về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, thì tôi nghĩ rằng cũng tội nghiệp cho họ quá! Họ đâu có được học hỏi về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam như ông, cha của họ!

VIÊN DUNG

hái lộc

Sáng xuân theo mẹ lên chùa
Rộn ràng áo mới thu mua lòng người
Ai ai cũng sánh xuân tươi
Trẻ con nghịch pháo, cổ chuông gọi mời
Lượt đi chợt thấy anh cười
Chợt nghe trời rót hồng tươi xuống trần
Níu me chợt bấn loạn chân
Chợt nghe tim đổi nhịp lâng khác thường
Hoa lài hoa cúc thêm hương
Đèn nhang lễ Phật nụ thương xuống đời
Gọi mời lộc đãi nơi nơi
Mắt anh cũng đợi từ nơi em quành
Ai kia hái lộc trên cành
Còn em hái lộc mắt anh đủ rồi

Viên Dung
2005

Kẻ đáng trách chính là chúng ta, những người lớn tuổi thuộc thế hệ ông, cha của các thanh thiếu niên ấy. Chúng ta đã không làm hay không làm đủ bổn phận truyền đạt cho con cháu chúng ta những kiến thức về văn hóa dân tộc mà chúng ta đã hấp thụ.

Thiên phiếm luận đăng trên Internet về bài thơ *Gió đưa cành trúc la đà* đã giúp chúng ta ý thức sâu sắc hiểm họa vong bản đang đe dọa con cháu chúng ta. Chúng ta không nên trì hoãn nữa: cần phải làm một cố gắng quyết liệt để chấn chỉnh tình trạng này.

Paris tháng 8 năm 2005
Vũ Quốc Thúc

phê bình văn học thế kỷ xx

THỤY KHUÊ

Mikhail Bakhtine (1895-1975)

Mikhail Mikhailovitch Bakhtine, triết gia và lý thuyết gia về tiểu thuyết đứng riêng một cõi. Được coi là nhà phê bình Nga lớn nhất thế kỷ XX, cuộc đời ông là một chuỗi bất hạnh. Những công trình nghiên cứu của Bakhtine bị vùi dập trong vòng nửa thế kỷ, và chỉ được công bố vào khoảng 1960, 15 năm trước khi ông qua đời.

Bakhtine sinh ngày 16/11/1895 tại Orel và mất ngày 7/3/1975 tại Moskova. Xuất thân trong một gia đình quý tộc nghèo, cha làm việc ở ngân hàng. Năm 1918, vừa học xong khoa văn chương ở đại học Saint-Pétersbourg (thời kỳ này đã bị đổi tên là Petrograd, rồi sau thành Léningrad), Bakhtine được bổ làm giáo sư dạy trường Trung học (đổi là trường Lao động thống nhất) Nevel, một tỉnh nhỏ gần thủ đô. Say mê triết học Đức đương thời, Bakhtine góp phần đắc lực trong các sinh hoạt văn chương và triết học của nhóm trí thức cấp tiến ở Saint- Pétrebourg với những tên tuổi như: nghệ sĩ dương cầm Maria Ioudina (1899-1970), triết gia Matvei Kagan (1889-1970), hai nhà triết ngữ học Valentin Volochinov (1895-1935) và Lev Poumpianski (1894-1940). Năm 1920, Bakhtine và phần lớn các bạn trong nhóm, chuyển về Vitebsk (Biélorussie), cái nôi của văn nghệ tiên phong (avant-garde) trước Cách mạng, thuộc miền Tây nước Nga, (Chagall cũng đang làm việc tại đây). Bakhtine dạy học ở trường Sư Phạm, đồng thời diễn thuyết tại nhiều cơ sở giáo dục do Cách mạng dựng nên. Nhóm nghệ sĩ trẻ mở rộng với nhà nhạc học tương lai Ivan Sollertinski (1902-1970) và chuyên gia văn học sử Pavel Medvedev (1892-1938), lúc đó đang làm chủ tịch thành ủy Vitebsk.

Vì bệnh viêm cốt tủy kinh niên (xương và tủy bị nhiễm trùng, đến năm

1938, phải cắt một chân), năm 1924, Bakhtine phải ngừng dạy học, trở về Léningrad, gặp lại đám bạn cũ ở Nevel và Vitebsk, và tiếp tục giao du với nhóm nhà văn tiên phong, đã bị xã hội Cách mạng khai trừ, trong đó có nhà thơ nông dân Nicolas Kliouiev và Constantin Vaguinov, cả hai đều bị thủ tiêu trong cuộc đàn áp 1930. Bakhtine làm việc bán thời gian cho nhà xuất bản nhà nước và Viện lịch sử nghệ thuật (một trong những thành trì của trường phái hình thức). Hoàn tất một số tác phẩm triết học, nhưng bị kiểm duyệt cấm in.

Từ 1925 đến 1929, một loạt tác phẩm về nhận thức luận khoa học xã hội của ông phải in dưới tên hai người bạn và cũng là đệ tử của ông: *Học thuyết của Freud (le Freudisme,* 1925) và *Chủ nghĩa Mác và triết học ngôn ngữ (Marxisme et philosophie du langage,* 1929), dưới tên Volochinov. Và *Phương pháp hình thức trong khoa học văn chương (La méthode formelle en science de la littérature,* 1928) và *Thi học xã hội nhập môn (Introduction à la poétique sociologique*, 1928), dưới tên Medvedev. Volochinov và Medvedev cùng một số bạn hữu và học trò đã giúp đỡ ông sau này đều bị tù đầy và chết trong các trại cải tạo.

Năm 1929, Bakhtine được in tác phẩm đầu tiên dưới tên thật: cuốn "*Những vấn đề trong tác phẩm của Dostoievski*" (*Les problèmes de l'oeuvre de Dostoievski*), (năm 1963, bổ sung và in lại dưới tên *Thi pháp Dostoievski (La poétique de Dostoievsky)*, bản tiếng Pháp do Isabelle Kolicheff dịch, nxb Le Seuil, 1970). Sách vừa ra đời thì ít lâu sau ông bị bắt (lý do "liên hệ" với những hội bí mật nghiên cứu lịch sử tư tưởng tôn giáo) Bakhtine bị đầy lên Koustanai, vùng biên giới giữa Sibérie và Kazakhstan. Tiếp theo là vụ đàn áp 1930. Đến năm 1936, điều kiện quản chế đỡ khắc nghiệt hơn, một năm sau ông được về dạy học ở Viện Sư Phạm Mordovie tại Saransk, rồi năm sau ông về Kimry, ngoại ô Moskova. Trong thời gian ở Moskova, Bakhtine liên tục làm việc, nhưng những công trình nghiên cứu của ông vẫn vấp phải hàng rào kiểm duyệt chặt chẽ. Năm 1937, ông hoàn tất tập bản thảo về tiểu thuyết Đức thế kỷ XVIII, sắp được in, thì bị thất lạc trong khi di tản. Trong thế chiến, ông phải rời thủ đô, về sống ở một vùng quê, đến 1946 mới trở lại. Luận án của ông về Rabelais, hoàn thành năm 1940, đến 1946 mới được bảo vệ và chỉ được nhận học vị "phó tiến sĩ". 1965, tức là 19 năm sau, tác phẩm mới được in, tựa đề "*Tác phẩm của François Rabelais và nền văn hóa bình dân thời Trung Cổ và Phục Hưng*" (bản tiếng Pháp *Oeuvre de François Rabelais et la culture populaire au Moyen Âge et sous la Renaissance*, do Andrée Robel dịch, nxb Gallimard, 1970). Nhờ

học vị phó tiến sĩ, năm 1946, Bakhtine lại được trở về dạy ở trường Sư Phạm Saransk (Mordovie), từ 1950 đã trở thành Đại Học Sư Phạm, tới khi về hưu năm 1970. Những năm cuối đời, Baktine được về sống ở Moskova và mất ở đấy.

Từ 1956, không khí cởi mở hơn trước, tác phẩm của ông được một nhóm nhà nghiên cứu trẻ trong Viện Văn Chương Thế Giới thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học như S. Botcharov, V. Kojinov chú ý. Họ vận động ráo riết mọi mặt và năm 1963, cuốn *Thi pháp Dostoievski* được tái bản, mở cửa dần dần cho việc đọc và khám phá Bakhtine ở Nga những năm 60 và trên thế giới thập niên 70.

Tác phẩm chủ yếu thứ ba của Bakhtine, quy tụ những bài tiểu luận về lý thuyết văn chương viết từ năm 1924 đến 1970, tựa đề "*Mỹ học và lý thuyết về tiểu thuyết*" in năm 1975, tức là năm ông mất (bản tiếng Pháp *Esthétique et théorie du roman* do Daria Olivier dịch, nxb Gallimard).

Cuốn Thi pháp Dostoievski chủ yếu trình bày khái niệm *đối thoại* (dialogue) và *đa âm* (polyphonie) trong tiểu thuyết của Dostoievski. Cuốn "*Tác phẩm François Rabelais và nền văn hóa dân gian thời Trung Cổ và Phục Hưng*" nghiên cứu *tính chất trào tiếu grotesque* trong các lễ hội dân gian thời Trung Cổ qua tác phẩm của François Rabelais. Cuốn "*Mỹ học và lý thuyết về tiểu thuyết*", mặc dù có những bài đã viết từ 1924, vẫn có thể coi là tổng kết những khái niệm đã phân tích trong hai tác phẩm trên để đưa vào nghệ thuật tiểu thuyết, đồng thời mở rộng hơn thành một lý thuyết về tiểu thuyết dựa trên hai khái niệm *đa ngôn* (plurilinguisme) và *thời không gian* (chronopote) trong tiểu thuyết nói chung.

Thi pháp Dostoievsky

Mở đầu cuốn "*Thi pháp Dostoievski*", Bakhtine đưa ngay ra nhận xét: Nếu đọc những gì người ta đã viết về Dostoievski, thì ta không có cảm tưởng rằng người ta muốn viết về một nghệ sĩ duy nhất là Dostoievski, mà người ta viết về nhiều tác giả khác nhau, nhiều nhà tư tưởng khác nhau, với những tên như: Raskolnikov, Mychkine, Stavroguine, Ivan Karamazov v.v... Dường như trong óc những nhà nghiên cứu này, nghệ thuật của Dostoievski bao gồm một số hệ thống tư tưởng triết học độc lập và mâu thuẫn nhau được một số nhân vật kia đứng ra xướng lên. Có người cho rằng giọng của Dos trùng hợp với giọng của nhân vật này, nhân vật kia. Có người cho rằng giọng Dos tổng hợp những ý thức luận của các nhân vật. Có người lên tiếng cãi cọ với nhân vật này nhân vật kia trong truyện của Dos. (*Thi pháp Dostoievski*, *La*

poétique de Dostoievski, bản dịch tiếng Pháp của Isabelle Kolitcheff, Julia Kristeva viết tựa, nxb Le Seuil 1970, tái bản 1998, trang 31).

Tại sao vậy? Theo Bakhtine, là bởi vì, tất cả những nhà phê bình này đã dùng một biện pháp cũ, tức là biện pháp mà ông gọi là *đơn âm* (monologique) để khảo sát một tác phẩm mới, tức là tác phẩm mà ông gọi là *đa âm* (polyphonique) hay *đối thoại* (dialogique). Càng không thể giải thích tính chất đặc thù trong tác phẩm của Dos bằng biện pháp đơn âm, bởi vì Dostoievski cũng như Prométhée của Goethe (trái với Zeus) không tạo ra *những kẻ nô lệ không có tiếng nói*, mà tạo ra những *người tự do* và những người, hay những nhân vật tự do này, đã thoát ra khỏi vòng kiểm soát của kẻ đã sinh ra họ, tức là tác giả; và họ, tức là những nhân vật của Dos có quyền đối thoại với tác giả, chống lại tác giả, trong một tương quan hoàn toàn bình đẳng (sđd, trang 32). Ở đây, Bakhtine nhấn mạnh những chữ "*người tự do*", và ông viết tiếp: "*Sự đa dạng của nhiều giọng nói, với những ý thức độc lập và khác nhau, tức là sự đa âm đích thực và toàn diện, là nền móng các tác phẩm của Dostoievski*". (trang 32-33)

Có thể nói, Bakhtine nhấn mạnh đến sự tự do của nhân vật, đến tính chất đa âm trong tiểu thuyết của Dostoievski, chỉ là một cách để ông trình bày nhân sinh quan và thế giới quan tự do của mình, nói lên quan niệm đa âm trong đời sống: phải có tự do đối thoại và mọi người đều có quyền phát biểu ý kiến riêng của mình. Và khi Bakhtine phê bình tính chất đơn âm trong văn chương, cũng chỉ là một cách gián tiếp để đạp đổ quan niệm đơn âm của những chế độ độc tài, trong đó mọi người đều phải nói một giọng, giọng phải đạo mà nhà cầm quyền cho phép nói.

Như vậy, chính ở quan niệm đa âm trong đời sống, quan niệm con người tự do, bình đẳng, có quyền chống lại tất cả mọi hệ tư tưởng, kể cả hệ thống tư tưởng của chính những kẻ đã sản sinh ra mình, mà Bakhtine bị thanh trừng tù tội và cả những người bạn và học trò ông cũng chịu chung cảnh ngộ.

Theo Bakhtine, Dostoievski là người khai sinh ra tiểu thuyết đa âm (trang 33), đã nhìn thấu những tương quan đối thoại ở khắp nơi, trong mọi hoàn cảnh sinh hoạt của đời sống con người có ý thức và có suy luận. Ở đâu có ý thức là ở đó có đối thoại. Nhưng người ta thường dùng quan niệm triết lý đơn âm để xét tác phẩm của Dos: "*Người ta thay thế tác dụng hỗ tương của nhiều ý thức khác nhau bằng tác dụng hỗ tương của những ý tưởng và những ý kiến của một ý thức duy nhất*" (trang 36).

Bakhtine đi dần đến chỗ định nghĩa khái niệm đa âm, ông viết: "*Thực*

ra, những yếu tố mâu thuẫn trong chất liệu văn chương của Dostoievski, được chia ra thành nhiều thế giới và nhiều ý thức độc lập, chúng biểu hiện, không phải cho một cái nhìn duy nhất mà cho nhiều cái nhìn hoàn toàn độc lập, và đó cũng không còn trực tiếp là chất liệu nữa, mà là những thế giới khác nhau, những ý thức khác nhau, những cái nhìn khác nhau, cùng sống chung trong một đơn vị cao hơn, tầng thứ nhì, tầng của tiểu thuyết đa âm". (trang 45).

Như vậy, đa âm theo định nghĩa của Bakhtine là có nhiều tiếng nói (la pluralité des voix, trang 32), không có nghĩa là phức tạp, (cho nên chúng tôi nghĩ rằng nếu dịch là *phức âm* hay *phức điệu*, như một số tác giả đã làm, e có thể gây hiểu lầm), bởi nó không chỉ định những sự phức tạp trong tính tình, trong số mệnh của mỗi nhân vật được rọi sáng dưới một *ý thức riêng của tác giả* (như trong tiểu thuyết của Tolstoi, tính tình và số phận của mỗi nhân vật rất phức tạp); mà nó có nghĩa là: *mỗi nhân vật có một ý thức riêng, một tư tưởng độc lập riêng*. Trong sáng tác của Dos, phát ngôn của nhân vật, dù do tác giả viết ra, nhưng nó không biểu dương ý thức của tác giả, mà nó biểu dương ý thức của nhân vật. Ý thức của nhân vật được trình bày như một ý thức *khác*, không lệ thuộc vào tác giả. Tiếng nói của mỗi nhân vật vọng lên như những *tiếng nói khác, bên cạnh tiếng của tác giả*. Theo Bakhtine, Dostoievski là người đi tiên phong trong thể loại tiểu thuyết đa âm. Trong tiểu thuyết của Dos, *cái tôi của người khác* được quyền hiện diện, không phải như một vật thể mà như một thực thể sống động. Tiểu thuyết đa âm đặt nền móng hoàn toàn trên đối thoại. Và Dos xây dựng tác phẩm của mình như một cuộc "*đối thoại lớn*" (un grand dialogue), dệt nên từ những cuộc đối thoại nhỏ mà ông gọi là *vi thoại* (microdialogue), và mỗi *vi thoại*, khởi đi từ mỗi chữ, mỗi lời. Tinh thần đối thoại ngấm vào từng chữ, từng lời, từng cử chỉ, từng nét mặt của nhân vật. Nó diễn tả những bất đồng, những sai lầm, những nhược điểm của nhân vật. Văn phong Dostoievski mang tính chất vi thoại (trang 77). Những độc thoại nội tâm trong tiểu thuyết của Dos, như đoạn độc thoại của Raskolnikov trong những trang đầu cuốn "*Tội ác và trừng phạt*" là một ví dụ. Trong cuộc độc thoại nội tâm này, Raskonilkov làm sống lại lời nói của những người chung quanh: có nhiều tiếng cất lên, tiếng của mẹ anh, lẫn trong tiếng anh, tiếng của Rodia, Sonia, Marmeladov, v.v... và như thế, Dos đã tạo nên cái gọi là *vi thoại* trong lòng một cuộc độc thoại.

Còn thế nào là *đơn âm*? Cũng không phải tiểu thuyết nào có đối thoại cũng đa âm. Bakhtine coi Tolstoi là một tác giả đơn âm. Bởi các nhân vật

của Tolstoi dù có nói, nhưng họ *không đối thoại với nhau*. Bakhtine lấy ví dụ truyện *Ba cái chết* mà ông cho là tiêu biểu cho lối viết đơn âm của Tolstoi. Truyện viết về ba cái chết: của một gia chủ giầu có, một người kéo xe và một cái cây. Trong cách xây dựng truyện của Tolstoi thì *cái chết* là một dịp tổng kết cuộc đời, xem lại ý nghĩa cuộc sống để đánh giá lại đời mình. Ba nhân vật mà Tolstoi mô tả trong truyện hoàn toàn *khép kín nội tâm, họ không biết nhau*, mặc dù cả ba cái chết đều có liên hệ với nhau: người đánh xe (mới) Serioga, đánh xe chở bà chủ giàu bệnh nặng, trong lúc vội vàng, anh xỏ vội đôi bốt của người đánh xe (cũ) sắp chết (vì người này không dùng được nữa), và sau khi bác ta chết, Serioga vào rừng chặt một thân cây làm thánh giá cho người đánh xe bất hạnh. Như vậy là cả ba cái chết: của bà chủ, của người đánh xe và cái cây, đều có liên lạc bề ngoài với nhau. Nhưng liên lạc bên trong, liên lạc ý thức thì không. Bà chủ hấp hối không biết gì về cái sống và cái chết của người đánh xe và thân cây giữa rừng, và ngược lại cũng thế. Thế giới của ba nhân vật ở đây là ba thế giới khép kín, mỗi người câm và điếc trong thế giới riêng của mình, không ai nói, không ai nghe. Nhưng cả ba hội tụ được với nhau và nhận được tín hiệu của nhau, là qua ý thức của tác giả. Trong truyện chỉ có một mình Tolstoi là có ý thức, ông nghĩ và làm hộ các nhân vật. Tại sao vậy? Theo Bakhtine thì bởi vì Tolstoi không có ý thức đối thoại đối với với nhân vật. Những nhân vật của Tolstoi chỉ diễn tả những nhận thức tư tưởng của chính Tolstoi, mà không có ý thức riêng của họ.

Vẫn theo Bakhtine, nếu truyện này vào tay Dostoievski, thì ông sẽ viết khác hẳn, ông sẽ viết một cách đa âm, tức là ông thiết lập một tương quan đối thoại giữa ba nhân vật. Ông sẽ đưa vào tầm nhìn và tâm thức của bà chủ đời sống và cái chết của người đánh xe và cái cây, và ngược lại, đưa vào tầm nhìn và tâm thức của người đánh xe vá cái cây, cái chết của gia chủ. Dostoievski sẽ cho ba nhân vật trực diện và đối chất với nhau và tác giả chỉ là người đứng ra điều động chương trình của cuộc đối thoại lớn này. Và chắc chắn là Dos sẽ không cho ba nhân vật chết. Bởi cái chết theo quan niệm của Tolstoi, không có trong thế giới của Dos. Dos sẽ không trình bày những cái chết của mỗi nhân vật mà ông trình bày những khủng hoảng của nhân vật, những tan vỡ của nhân vật, tức là ông dừng lại ở ngưỡng cửa, và như thế, những nhân vật của Dos luôn luôn dang dở từ bên trong. Bởi ý thức về mình phát xuất từ bên trong. Mỗi nhân vật đều có một sự thật và những sự thật ấy phải đối chất với nhau trong cuộc đối thoại. (sđd từ trang 109 đến 117).

Như thế khái niệm đa âm được Bakhtine đối chiếu với khái niệm đơn âm một cách khá triệt để. Hồi ký, tự thuật, những truyện kể như truyện lịch sử, truyện phong tục, anh hùng ca, và thơ... theo Bakhtine, là những thể đơn âm. Nhất là thơ. Trong thơ tác giả nói là chỉ nói để cho mình mình nghe. Trong thơ *không có chỗ đứng cho người khác*.

Xin mở dấu ngoặc: một vài tác giả Việt Nam khi viết về Bakhtine có ý chống lại điểm này của ông và cho rằng thơ cũng có thể đa âm. Nói như vậy, có lẽ chưa thật hiểu rõ khái niệm đa âm và đơn âm mà Bakhtine đưa ra. Ông gọi là đơn âm tất cả những gì không có tính cách đối thoại tay đôi, sống động, và trực tiếp. Đối thoại trong thơ, nếu có, vẫn là đơn âm (tức là kiểu đối thoại trong tiểu thuyết của Tolstoi): Bakhtine gọi là đơn âm tất cả những đối thoại phát xuất từ một tác giả có quyền sinh quyền sát đối với nhân vật của mình. Tóm lại, đối với Bakhtine, khi nhân vật *không được quyền phát biểu một cách dân chủ* trong đối thoại thì không có đa âm. Khi nhân vật chỉ là người phát ngôn những ý tưởng của tác giả thì cũng không có đa âm. Thơ là một phát biểu của nhà thơ. Nhà thơ không đối thoại với ai cả. Ngay cả khi trong thơ có đối thoại, thì lời đối thoại đó cũng phát xuất từ nhà thơ, cũng của nhà thơ. Trong thơ không có sự hiện diện của người khác.

Trong chương thứ nhì, tựa đề "*Nhân vật và thái độ của tác giả đối với nhân vật trong tác phẩm của Dos*", trước hết Bakhtine phân tích vai trò của nhân vật. Dostoievski chú ý đến cái gì trong nhân vật ? Bakhtine trả lời: Dostoievski chú ý đến nhận thức của nhân vật đối với đời và đối với bản thân. Những nhân vật của Dos có một ý thức sâu sắc về bản thân và về người khác.

Ý thức bản thân là ý thức cơ bản xây dựng lên nhân vật của Dos. Bakhtine viết: "*Dos tìm kiếm một nhân vật chính có ý thức thượng thừa, một nhân vật chính mà cuộc đời hoàn toàn dựa trên ý thức bản thân và ý thức cuộc sống*". Vì thế trong tác phẩm của Dos xuất hiện những con người mà Bakhtine gọi là "con người mơ mộng", và "con người trong đường hầm". (trang 86-88). Họ không xuất hiện như những con người đang bon chen vào đời mà như những chủ thể mơ mộng, chủ thể ý thức. *Con người trong đường hầm* chính là nét đặc thù trong những nhân vật của Dos. Trái với những truyện đơn âm, trong đó nhân vật được đóng khung, tô rõ đường viền bằng những nét đậm và ý thức của nhân vật trùng khớp với ý thức của tác giả. Thì nhân vật của Dos, tức là những "người trong đường hầm" lặn

xuống, để lắng nghe từng câu từng chữ của người khác, hắn tự quan sát mình bằng cách rọi mình trong những tấm gương tâm thức của kẻ khác. Hắn tự phân tích, tự khám phá ra mình qua những tấm gương ấy. Cho nên cái sự thật mà hắn khám phá ra, chính là sự thật của ý thức. Và Bakhtine nhận xét: Con người trong đường hầm là ý thức hệ đầu tiên trong tác phẩm của Dos. Là một trong những tư tưởng cơ bản mà Dos bảo vệ. *Khi tranh biện với những người theo chủ nghĩa xã hội, con người của Dos là con người tự do*, và vì thế, nó có thể chống lại tất cả những giáo điều mà người ta áp đặt cho nó. Nhân vật của Dos luôn luôn tìm cách đập vỡ những khung kính mà người khác lồng vào cho họ, để kết liễu và tiêu diệt họ. Nhân vật của Dos là những người mà Bakhtine gọi là "*con người trong con người*". (sđd, trang 84 đến 108).

Nhân vật của Dos là kẻ nói tiếng nói hoàn toàn của mình, chứ không phải là một đối tượng vô ngôn, chỉ biết lập lại lời tác giả. Tác giả không *nói* về nhân vật ở ngôi thứ ba, mà *nói với* nhân vật. Ý thức bản thân của nhân vật đòi hỏi một không khí nghệ thuật cho phép đào sâu và mở rộng sự tự phân tích tiếng nói của mình.

Bakhtine cho rằng: Dostoievski hình thành một thứ đối thoại đào sâu tới tận cùng của vấn đề. Lối đối thoại sâu sắc này, xác định *sự tự chủ, và tự do của nhân vật*, đồng thời đưa ra tính cách hụt hẫng, không có giải pháp cho các vấn đề của nhân vật. Và đối với nhân vật, Dos không gọi là tôi, không gọi là hắn, mà gọi là anh, tức là ngôi thứ hai, tương đương với tôi, trong vị trí đối diện, hiện hữu. Khảo sát Dostoievski, Bakhtine đặt trọng tâm trên mỗi tiếng, mỗi chữ, mỗi lời [trong chương cuối viết về *Lời* (Le mot)]. Vai trò của mỗi chữ, mỗi lời, khi được phát thành âm. Không có lời nào nói ra là không có dụng ý. Và chính ở sự dụng ý đó, mà mỗi chữ, mỗi câu trong cuộc đối thoại, xác định tư tưởng của nhân vật, xác định hệ ý thức của nhân vật. Điều đó, là lý do khiến chúng ta không thể khảo sát chữ một cách máy móc như những thực thể vô hồn theo những quy luật của ngôn ngữ học. Trong phần kết luận, Bakhtine nhấn mạnh đến sự mở rộng khái niệm tiểu thuyết, để đi đến dạng thức *đa âm trong tư tưởng mỹ học*, như một kiểu mẫu nghệ thuật mở ra thế giới bên ngoài.

François Rabelais và nền văn hóa dân gian thời Trung Cổ và Phục Hưng

Trong phần mở đầu và đặt vấn đề, Bakhtine nói ngay: Rabelais là một tác gia lớn của nền văn học thế giới. Chateaubriand, Victor Hugo ca ngợi

Rabelais như một thiên tài của mọi thời, và Michelet coi Rabelais như một hiền triết, một tiên tri. Trong nền văn học phương Tây, Rabelais được xếp ngang hàng với Dante, Boccace, Shakespeare, Cervantès, là những văn hào được coi như đã mở đường cho nền văn học hiện đại của chúng ta. Nhưng ở nước Nga, Rabelais lại ít được biết đến. Đó là những lý do bề mặt, khiến Bakhtine khảo sát Rabelais. Nhưng có lẽ một trong những lý do sâu sa khiến Baktine nghiên cứu Rabelais, là bởi vì, theo Bakhtine "*Rabelais là nhà văn dân chủ nhất, trong những nhà văn đầu đàn của thế hệ văn chương mới*" (L'oeuvre de François Rabelais et la culture populaire au Moyen Age et sous la Renaissance, bản dịch từ tiếng Nga của Andrée Robel, nxb Gallimard, 1970, tái bản 1982, trích trang 10, bản 2003). Bakhtine nhấn mạnh những chữ *dân chủ nhất* (*le plus démocratique*), cũng như ông đã từng nhấn mạnh đặc tính dân chủ và đa âm trong tác phẩm của Dostoievski. Theo ông, Rabelais là người đi ra ngoài hệ chính thống của nền văn học Trung Cổ; Rabelais bước qua những quy luật của hệ văn chương chính thống một cách mạnh dạn hơn Shakespeare và Cervantès. Bakhtine viết: "*Những hình tượng mà Rabelais đưa ra mang đậm dấu ấn "phi chính thống", một cách kiên quyết và bất diệt, đến độ không một chủ nghĩa giáo điều nào, không một quyền lực nào, không một đường lối đơn phương trịnh trọng nào, có thể hòa hợp được với với những hình tượng mà Rabelais đưa ra, bởi những hình tượng này cực lực chống lại những sự ổn định, chống lại những giới hạn trịnh trọng, chống lại những quyết định cuối cùng, chống lại mọi giới hạn, mọi nghị quyết quy định phạm vi tư tưởng và quan niệm nhân sinh*" (sđd, trang 10). Nhận định trên đây của Bakhtine nói rõ lý do tại sao ông đã lựa chọn nghiên cứu Rabelais trong hoàn cảnh nước Nga đang bị chế độ độc tài Sô Viết thống trị và chính bản thân ông đang bị đọa đầy.

Trở lại với François Rabelais. Rabelais là một trong những tác giả cổ điển rất khó đọc và khó hiểu. Nhưng ngày nay, ở Pháp đã có những ấn bản song ngữ: in song song, nguyên tác tiếng Pháp thời Trung Cổ, đối chiếu với bản chuyển sang tiếng Pháp hiện hành. Cho nên, việc đọc Rabelais không còn là một trở ngại hàng đầu nữa, tuy nhiên việc "bình dân hóa" tác phẩm Rabelais gặp sự phản đối của một số học giả.

Điểm quan trọng và cũng là điểm bí ẩn nhất trong nghệ thuật Rabelais mà Bakhtine đã khám phá và phân tích một cách rốt ráo là Rabelais đã đem tất cả những hình tượng trào tiếu đặc thù của nền văn hóa dân gian Âu châu, trải dài hàng ngàn năm lịch sử vào văn chương một cách tuyệt vời, không tác phẩm nào có thể sánh kịp. Vậy muốn tìm hiểu tác phẩm của Rabelais,

trước hết phải nắm được cái chìa khóa mở cửa vào nền văn hóa dân gian thời Trung Cổ và Phục Hưng ở Âu châu, mà cái cười là yếu tố chủ chốt (sđd, trang 11). Từ trước đến nay, người ta, không coi trọng cái cười. Các nhà dân tộc học cũng không mấy khi chú ý nghiên cứu cái cười. Nhất là cái cười dân gian, ở những nơi công cộng, trong các dịp hội hè đình đám, trong các lễ hội giả trang carnaval... Theo Bakhtine, tất cả những "thể loại cười" như thế, trong sinh hoạt văn hóa trào tiếu dân gian ở Âu châu, có thể xếp thành ba loại:

1- Dưới hình thức lễ nghi, trình diễn như trong lễ hội giả trang, hoặc những vở hài kịch trình diễn trên sân khấu công cộng v.v...

2- Dưới hình thức tác phẩm trào phúng truyền khẩu (kể cả nhại) theo nhiều kiểu khác nhau, nói hoặc viết, bằng tiếng La tinh hay tiếng dung tục.

3- Dưới những hình thức và thể loại ngôn từ sỗ sàng, dung tục, (như chửi, chửi thề, vè, ví, v.v...) (sđd, trang 12).

Theo ông, cả ba thể loại trào tiếu trên đây chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống dân chúng thời Trung Cổ. Những lễ hội như "hội ngu", "hội lừa", có cả lễ "phục sinh tếu", tất cả nằm trong truyền thống lễ hội dân gian (trang 13). Trong những ngày hội như thế, người dân có toàn quyền cười xả láng, nói chuyện tiếu lâm, chế nhạo những kẻ quyền uy nhất, nhạo báng những truyền thống lâu đời nhất như thánh thần, trời đất, ma quỷ, đức Chúa, đức Mẹ... Và những lễ hội này được tổ chức hầu như trên toàn diện lãnh thổ châu Âu thời Trung Cổ. Chúng thể hiện một sự khác biệt sâu xa gần như đối đầu với những hình thức lễ nghĩa chính thống của Giáo hội và chính quyền phong kiến. Chúng như một thứ đối trọng, một thứ quyền lực dân gian. Chúng tạo ra một thế giới thứ nhì, một cuộc đời khác, cuộc đời ngoại vi, trực diện với cuộc đời chính thống mà người dân phải sống trong xã hội hiện hữu. Chúng tạo sự đối chất thường trực giữa hai thế giới: thế giới chính thống và thế giới dân gian. Lờ đi hoặc không biết đến cái cười dân gian là lầm. Aristote có câu nói nổi tiếng: "*Người là sinh vật duy nhất biết cười!*" (trang 77). Từ thời cổ, cái cười dân gian đã có mặt: Ngay bên cạnh lễ thượng phong chiến thắng chào đón anh hùng của chính quyền La Mã, dân chúng tạo ra lễ nhái anh hùng, tạo ra những anh hùng rơm, nộm, để cười và hạ bệ. Hoặc bên lề một chính lễ trọng thể, mai táng một nhân vật quan trọng, dân chúng làm ngay một màn đưa ma trào phúng người quá cố (trang 80-81).

Nếu những hình thức trào tiếu dân gian nói trên còn có tính cách châm

biếm cá nhân, thì trong các lễ hội giả trang, tức là carnaval, người đến dự không chỉ đến để xem hội không thôi, mà họ còn tham dự vào, họ đến để sống những ngày hội. *Sống những ngày tự do của hội hè* (trang 15). Cho nên, đặc điểm thứ nhất của những ngày lễ hội carnaval chính là những ngày mà dân chúng *được sống một đời sống thứ nhì*, dựa trên cái cười. Đó là một ngày hội. Hội cười. Tất cả mọi người cùng cười. Đặc điểm thứ nhì: Cái cười carnaval có tính phổ quát, nó là cái cười chung, nó không châm biếm riêng ai, nó châm biếm tất cả, kể cả người tham dự: cười người mà cũng cười ta. Và đó cũng là hình thức tiên khởi của văn minh nhân loại. Đặc điểm thứ ba: cái cười carnaval có giá trị đối nghịch: nó vừa vui vẻ, hoan hỷ, lại vừa nhạo báng chua cay, nó vừa phủ định vừa xác định, nó vừa chôn cất vừa tái sinh. Bakhtine phân biệt sự khác biệt giữa cái cười dân gian trong lễ hội giả trang thời Trung Cổ với cái cười châm biếm thời nay như sau: theo ông, tác giả châm biếm hiện đại chỉ đưa ra cái cười phủ định, họ đứng ngoài để chế giễu những đối tượng mà họ muốn châm biếm (chúng ta có thể thấy rõ những hình thức châm biếm này trong những màn độc diễn hoặc các màn giễu nhại các nhân vật chính trị trong các chương trình truyền hình). Trong khi ở các lễ hội carnaval, mọi người đều bình đẳng, đều có thể khoác bất cứ vai trò nào: vua, quan, thánh, thần, ma, quỷ...

Rabelais là ngòi bút đã đưa được những nét độc đáo của văn hóa trào tếu dân gian trong các lễ hội vào văn chương. Ông đã tạo ra lối viết *hiện thực trào tiếu* (réalisme grotesque), (nhiều nơi dịch là *nghịch dị*), đối diện với lối viết hiện thực thông thường, hiện thực chính thức mà các tác giả đương thời sử dụng. (sđd, trang 13 đến 26).

Hiện thực trào tiếu được Bakhtine coi là hệ thống hình tượng của văn hóa hài hước dân gian (le système d'images de la culture comique populaire) (trang 28), và ông giải thích tại sao ông dùng chữ hiện thực trào tiếu như sau: Cuối thế kỷ XV, trong những cuộc đào đất, khảo cổ dưới nền thành La Mã, người ta khám phá thấy những bức biếm họa, vẽ trên tường những đường hầm dẫn nước thời xưa. Những bức biếm họa này được đặt tên là "la grottesca", từ chữ grotta, tiếng Ý, tức là hang động. Rồi người ta còn tìm thấy những bức biếm họa này trên một số những di tích hang động khác ở Ý. Lối biếm họa này vẽ người, vật, và cỏ cây, đạt mức *tự do* và *lạ lùng* hiếm có, làm sửng sốt công chúng hội họa đương thời. Trong khi hội họa chính thức chủ trương vẽ người ra người, vật ra vật, cái gì ra cái nấy, thì ở những bức biếm họa này, người vẽ không phân biệt ranh giới giữa con người, cỏ cây và vạn vật. Có người chống, có người theo. Raphael và

học trò của ông đã lấy lại những nét vui tươi của lối biếm họa này khi ông trang trí tòa thánh Vatican.

Hiện tượng biếm họa đã bị khai trừ ở thời La Mã, Vitruve kiến trúc sư nổi tiếng của César, kết án những hình ảnh mà ông gọi là "mọi rợ" vẽ "bôi bác trên tường những con quái vật" thay vì vẽ rõ hình người và vật. Thời Trung Cổ, Vasari, lấy lại lời Vitruve, để sổ toẹt nghệ thuật biếm họa này và khuynh hướng chung của thời phục hưng và những thế kỷ sau đó là dẹp bỏ lối biếm họa và lối hiện thực trào tiếu mà Rabelais và Cervantès là những nhà văn chủ xướng. Lối biếm họa này, cũng bị chung số phận như hiện thực trào tiếu, tức là bị chôn vùi trong nhiều thế kỷ (trang 40-41).

Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy trong viện bảo tàng, ảnh hưởng những nét biếm họa này trong các tác phẩm của Giuseppe Arcimboldo (1527-1593), và các họa sĩ được xếp vào trường phái cầu kỳ (maniérisme), sống lại trong thế kỷ XX với trường phái siêu thực.

Điểm độc đáo trong lập luận của Bakhtine, là ông đã nhìn thấy trong tác phẩm của Rabelais sự tương đồng giữa ba hiện tượng:

Thứ nhất: Hiện tượng lễ hội giả trang (carnaval), trong đó con người Trung Cổ, có thể sống tự do, cơ bản dựa trên tiếng cười. Trong những ngày hội, dân chúng thoát khỏi sự kiểm soát và cấm đoán của nhà nước và giáo hội chính thống.

Thứ nhì: Hiện tượng biếm họa trong các hang động thời trung cổ, cũng là một hành động tự do, chống lại hội họa hàn lâm, chống lại những nghiêm ngặt, giáo điều cấm đoán của tầng lớp thống trị, tạo ra những bức biếm họa, không phân chia ranh giới giữa người và thú, để nhạo báng, để cười.

Thứ ba: Hiện tượng Rabelais, phối hợp cái cười carnaval cùng biếm họa một cách tài tình, độc đáo, trong văn học. Và vì thế, Baktine gọi hiện thực Rabelais là *hiện thực trào tiếu, réalisme grotesque.*

Vào khoảng nửa sau thế kỷ thứ XVII, người ta bắt đầu thu hẹp cái cười lại, thu hẹp những lễ hội dân gian, những hình thức carnaval lại. Một phần vì có sự quốc hữu hóa lễ hội, những lễ hội trở thành lễ nghi huê dạng, trong các đại gia, có tính cách tư nhân hơn là đại chúng. Lễ lạc hầu như mất hẳn tính chất là đời sống thứ nhì của dân gian. Tuy bị thu hẹp, nhưng chúng cũng không thể hoàn toàn bị tiêu diệt. Chúng vẫn còn sống trong một số tác phẩm và tác giả như Molière, Voltaire, Diderot... (trang 43).

Nghệ thuật trào tiếu trong văn chương lãng mạn cũng đi tìm nguồn cội từ trào tiếu dân gian, nhưng đã bước khỏi địa hạt thuần tuý trào phúng khách quan, phổ quát, chung cho mọi người, để dẫn vào địa hạt nội tâm,

riêng tư, chủ quan của từng cá nhân, sâu sắc hơn và phức tạp hơn. Bakhtine cho rằng: "*Dĩ nhiên là cái cười vẫn còn đó, nhưng nó đã bị biến đổi đến tận cỗi rễ. Cái cười trong văn chương lãng mạng đã bị giảm thiểu, nó chỉ còn mang hình thức humour, mỉa mai hoặc châm biếm. Nó đã hết vui, hết hân hoan. Và cái vẻ lạc quan và tái tạo của cái cười đã bị rút gọn đến độ tối thiểu.*" (trang 47).

Dưới không khí nghiêm ngặt, cấm cười, của những thể chế, thì tất cả những gì đáng sợ trong đời sống hằng ngày, người dân đem vào trong lễ hội cải trang. Họ biến những chúng thành những đối tượng bù nhìn, hình nộm, trào tiếu. Cái cười carnaval, làm cho con người thắng cái sợ. Sợ ma quỷ, thánh thần, sợ giai cấp lãnh đạo, sợ những cấm đoán giáo điều... Tác phẩm của Rabelais cũng vậy, nó làm cho người ta cười, nó triệt tiêu tất cả mọi hình thức sợ hãi (trang 48).

Đặc trưng chính của hiện thực trào tiếu là sự méo mó, dị dạng (le difforme). Mỹ học trào tiếu là nghệ thuật làm méo mó, xiên xẹo, dị dạng đối tượng, làm cho dị hợm, tức cười. Những hình ảnh mà Rabelais đưa ra về cha con Gargentua và Pentaguel là những hình ảnh tiêu biểu của hiện thực trào tiếu: Làm cho tất cả những cái nghiêm trọng đứng đắn trở thành bù nhìn, hình nộm.

Nét rõ nhất trong hiện thực trào tiếu, theo Bakhtine là sự hạ thấp, hạ bệ. *Hạ bệ* tức là chuyển hoán tất cả những gì cao cả, thiêng liêng, lý tưởng và trừu tượng sang bình diện vật chất và xác thịt (trang 29). Hầu như tất cả những nghi lễ của "hội điên" (fêtes des fous), vẫn còn thấy tại Pháp, đều nhằm việc hạ bệ để chế giễu những hình thức lễ nghi và biểu tượng của tôn giáo, bằng cách chuyển tất cả sang bình diện vật chất và xác thịt, như ăn uống phàm phũ, nhậu nhẹt trên bàn thờ, cử chỉ tục tĩu, cởi quần cởi áo v.v... (trang 83).

Sự nhái chơi thời Trung Cổ cũng là một hình thức giễu cợt những chỗ bất cập trong hệ thống giáo hóa của giáo hội mà dân chúng muốn chế giễu, hạ bệ, đạp đổ. Sự nhái lại này chẳng trừ địa hạt nào, kể cả lễ lạt kinh kệ: có lễ say rượu, lễ đánh bạc, lễ tiền; có Phúc Âm tiền Đức, Phúc Âm của một sinh viên ở Paris, Phúc Âm say rượu, có Kinh con heo, Kinh con lừa (trang 93). Những ví dụ này cho thấy người ta tìm hết mọi cách tương đương và đồng âm để trá hình cái trịnh trọng thành cái tức cười, kéo xuống thấp, hạ bệ nó. Cười biểu hiệu cho giây phút tự do, dù chỉ chốc lát. "*Cái cười cho thấy cái sợ đã bị đẩy lui. Cái cười không cấm ai, nó cũng không hạn chế ai. Không bao giờ thế quyền, bạo lực, nhà cầm quyền dùng ngôn ngữ hài*

hước" (trang 98). Cảm tưởng thắng sự sợ hãi bằng tiếng cười, thời Trung Cổ là một yếu tố cơ bản, cho nên, không thể hiểu những hình ảnh trào tiếu, nếu ta không xét đến khía cạnh thắng cái sợ của nó. Người ta mặc kệ, cứ đùa giỡn với những thứ dễ sợ và làm cho những thực thể khủng khiếp trở nên bù nhìn, người ta chôn nó xuống đất (trang 99). *"Sự phóng đại, khoa trương, huê dạng, quá đáng, là những nét đặc trưng của văn phong trào tiếu"* (trang 302).

Người ta cho rằng đằng sau mỗi nhân vật, mỗi biến cố trong truyện của Rabelais là một nhân vật, một biến cố rất chính xác của lịch sử, xảy ra trong triều. Toàn bộ tiểu thuyết là một hệ thống biểu hiện lịch sử. Ví dụ: Gargantua là vua François Đệ Nhất. Le Motteux là Henri d'Albert; Panurge, có người cho là Đức Hồng Y Amboise, có người bảo là Đức Hồng Y Charles Lorraine, hay Jean de Montluc; có người lại xác nhận Panurge chính là Rabelais. Còn Picrochole có người cho là Louis Sforza hay Ferdinand d'Aragon, nhưng Voltaire quyết đoán Picrochole chính là Charles Quint.

Các phương pháp nghiên cứu dựa trên biểu hiệu lịch sử như thế đưa ra những kiến giải tác phẩm có màu sắc giai thoại: ví dụ chương nổi tiếng về sức "sáng tạo" các cách "chùi đít" của Gargentua được giải thích theo các dữ kiện lịch sử: một hôm Gargentua nghĩ ra sáng kiến chùi đít bằng con mèo của Thần Chiến Tranh (Mars) nên bị nó cào rách đít. Những nhà phê bình bèn cho rằng đoạn này ám chỉ việc năm mười tám tuổi (1512), François Đệ Nhất bị bệnh lậu vì làm tình với một cô con gái ở vùng Gasconne. Rồi Gargentua lành vết thương nhờ chùi đít với găng tay của mẹ, đoạn này ám chỉ việc bà mẹ François Đệ nhất đã hết lòng săn sóc con trai trong thời gian bị bệnh.

Cách kiến giải bằng dữ kiện lịch sử như thế, dù đúng dù sai, cũng không mang lại lợi ích gì cho tác phẩm và cho văn học (trang 118-120).

Theo Bakhtine, ngôn ngữ của Rabelais nằm trong hệ thống ngôn ngữ thông tục, chợ búa, bình dân, tổ phụ xa xôi của ngôn ngữ porno mô-đéc. Tất cả những hình thức chửi thề, đem hạ bộ ra mời đối thủ xơi là những hình thức cổ xưa nhất của sự hạ bệ. Đó là những hiện tượng ngoại vi, bụi đời, của lời nói, nó được coi như những xâm phạm quả tang vào các quy ước ngôn ngữ: như nghi lễ, lịch lãm, thương cảm, kính trọng, tôn ti, v.v... Không phải là bôi nhọ, nhấn bùn đối thủ, mà là đem cứt đái ra tưới lên đầu lên cổ đối phương. Ở Rabelais, tưới nước tiểu và lụt nước tiểu là những động tác cơ bản: Gargantua đái ngập lụt bọn hiếu kỳ ở Paris. Con ngựa cái của Gargentua đái ngập khúc sông cạn Vède làm bọn lính của Picrochole chết

đuối. Gargentua đái thành sông cản bọn người hành hương. Pantagruel đái ngập trại quân Anarche. Tất cả những thủ pháp tưới cứt đái không phải mới có từ hiện thực trào tiếu, cũng chẳng do Rabelais bịa ra, mà đó là những thủ pháp hạ bệ truyền thống, có từ thời thượng cổ (tao đái vào mặt mày, tao ị vào mặt mày). Và song song với những lời tấn công bằng miệng, hoặc cử chỉ là sự hạ thấp địa hình, nghĩa là đi dần xuống hạ bộ, xuống sinh hoạt các phần dưới của cơ thể.

Trong nghệ thuật của Rabelais, vật chất và xác thịt là hai yếu tố cơ bản: hình ảnh thân xác, ăn uống, tiêu hóa, bài tiết, sinh dục, chửa đẻ, được tô đậm, thổi phồng. Hạ bệ trở thành "thủ pháp" cốt lõi: Rabelais nhặt những mảnh cao cả trong thánh kinh cựu ước, tân ước; trong những thiên anh hùng ca, trong kinh kệ, trong các sách thánh hiền, tóm lại những gì được cung kính thờ phụng, đem ra giễu, nhại.

Sự hạ bệ những cái cao cả này, không chỉ có tính cách hình thức hoặc tương đối. Mà nó có ý nghĩa tuyệt đối: phần dưới và phần trên được phân chia theo một ý nghĩa địa hình tuyệt đối chính xác: Trên bình diện vũ trụ, thì trên là trời, dưới là đất; đất hút (như mộ, bụng), vừa sinh vừa tái tạo (như lòng mẹ, vú mẹ). Trên bình diện thể xác: phần trên là mặt, là đầu; phần dưới là bộ phận sinh dục, bụng và hậu môn. Theo Bakhtine, hiện thực trào tiếu vận hành trên phương diện tuyệt đối địa hình như vậy: Hạ bệ tức là kéo tất cả về đất, là giao lưu với đất, đất ở đây được hiểu như nguyên tắc thẩm thấu thu hút để thụ mầm nảy sinh, tái tạo. Khi hạ bệ cái cao cả và các thần tượng là chúng ta làm một công hai việc: vừa chôn vùi vừa gieo hạt, tức là vừa cho nó chết đi để nó nảy sinh ra cái mới. Rabelais kéo tất cả xuống phần dưới, xuống hạ bộ, để cho chúng gần đất. Tất cả mọi sinh hoạt của con người như ăn uống, sinh đẻ, đại tiện, tiểu tiện, v.v... được vẽ thành những bức biếm họa khổng lồ, đúng tầm mức "vũ trụ" của cha con Gargantua và Pentagruel: Hai cha con người khổng lồ "ăn tục nói phét" này, dòng dõi "cứu thế", hệt như đức Chúa Trời, có nguồn gốc gia phả theo đúng truyền thống Thánh Kinh: Gargentua chui từ tai mẹ ra sau khi bà này ăn tham, xơi quá nhiều lòng bò, bị bội thực. Gargantua cực kỳ thông minh, mới năm tuổi đã sáng tạo ra nhiều cách chùi đít. Gargantua đái chết ngập hàng trăm ngàn người dân Paris. Pantagruel hồi còn bé, bú cạn sữa 400 con bò v.v... mỗi hình tượng mỗi khung cảnh trong tác phẩm đều rút ra từ những kinh điển, những truyền thống lâu đời, những thần tượng. Mỗi hình ảnh đều lập lờ hai nghĩa, trong mối tương quan chặt chẽ giữa sống-chết-sinh: mọi sinh hoạt "hạ tiện" đều có hai nghĩa như tất cả mọi hình ảnh "thấp" khác của vật

chất và xác thịt: Rabelais hạ bệ, kéo xuống đất, vừa để chôn những cái méo mó dị dạng ấy đi, vừa để cho cái mới có thể nảy mầm, sinh hạt.

Mỹ học và lý thuyết về tiểu thuyết

Khởi đi từ trường phái hình thức, Bakhtine muốn đề xướng một nền khoa học văn chương, nhưng ông phê phán gắt gao phương pháp nghiên cứu của trường phái hình thức.

Cuốn *Mỹ học và lý thuyết tiểu thuyết*, in năm 1975, có ba chủ đề chính:

Chương đầu: nghiên cứu về nội dung, chất liệu và hình thức trong tác phẩm văn chương.

Chương hai: nghiên cứu về cách hành văn trong tiểu thuyết.

Chương ba: những hình thức thời gian và thời không gian trong tiểu thuyết.

Chương đầu tiên - viết từ năm 1924 (đã bị nằm trong ngăn kéo trong nửa thế kỷ), Bakhtine khảo sát ba vấn đề chính trong tác phẩm văn chương- tựa đề: "*Vấn đề nội dung, chất liệu và hình thức trong văn chương*". Ông trực tiếp phê phán những phương pháp nghiên cứu văn chương nghệ thuật của các tác giả đương thời (1924), đặc biệt của trường phái hình thức, mà theo ông, họ đã coi tác phẩm văn chương như một *tổ hợp chất liệu* (chữ, âm, câu, nhịp, v.v...). Bakhtine vặn lại: Tại sao lại đặt trọng tâm trên chất liệu? Ông viết: "*Trong địa hạt nghệ thuật, người ta có khuynh hướng coi hình thức nghệ thuật như một chất liệu nhất định, một sự pha trộn chất liệu, trong chừng mức nào đó, đã được khoa học thực nghiệm và ngữ học xác định và công nhận.*" (Mỹ học và lý thuyết tiểu thuyết, bản dịch của Daria Olivier, Gallimard 1978, trang 28).

Theo ông, làm như thế có khác gì cho rằng tất cả mọi hình thức văn chương đều chỉ tóm gọn trong một mớ chữ, và mớ chữ này được sắp đặt theo những quy luật định trước.

Bakhtine cho rằng không thể tách rời văn chương nói riêng và nghệ thuật nói chung, ra khỏi con người bằng xương bằng thịt đã cấu tạo nên tác phẩm, để chỉ xét về mặt *chất liệu* (tiếng, chữ, câu, nhịp...) không thôi như những nhà hình thức đã làm. Mà phải xét toàn bộ bối cảnh đã xây dựng nên nó, kể cả xương thịt con người. Một lập luận thuần túy "chất liệu" theo ông chẳng qua chỉ là một trường hợp đặc biệt của mỹ học vật chất, và ông chỉ ra năm yếu tố bất cập trong mỹ học vật chất, nếu dùng nó để đánh giá tác phẩm nghệ thuật:

1- Mỹ học vật chất không có khả năng xây dựng hình thức nghệ thuật: Bởi nếu chỉ có chất liệu không thì không thể làm nên văn chương nghệ thuật. Một nhà điêu khắc muốn tạc tượng. Nếu chỉ có đất, đá không thôi, thì chắc chắn không thành tượng. Vậy bức tượng là gì? Nó là thành quả nghệ thuật của một con người bằng xương bằng thịt.

2- Mỹ học vật chất không thể nhìn rõ sự khác biệt giữa đối tượng mỹ học và tác phẩm cụ thể: nó luôn luôn lẫn lộn hai yếu tố này.

3- Trong những tác phẩm viết về mỹ học vật chất, người ta luôn luôn nhầm lẫn giữa hình thức kiến trúc tác phẩm (formes architectoniques) và hình thức kiến tạo tác phẩm (formes compositionnelles). Ví dụ: *Kịch* (le drame) là một hình thức kiến tạo tác phẩm (đối thoại, nối khớp những hồi đoạn v.v...), nhưng *bi kịch* (le tragique) và *hài kịch* (le comique) là những hình thức kiến trúc tác phẩm.

4- Mỹ học vật chất không thể diễn tả quan niệm mỹ học ngoài nghệ thuật: như cái đẹp trong thiên nhiên, trong huyền thoại, trong nhân sinh quan v.v...

5- Mỹ học vật chất không thể xây dựng lịch sử nghệ thuật: Bởi trong văn hóa, nó biệt lập không những nghệ thuật nói chung mà cả các ngành nghệ thuật nói riêng; nó coi tác phẩm không như một tác phẩm sống động, mà như một vật thể (chose), một chất liệu có tổ chức. Vì vậy nó chỉ có thể liệt kê những thay đổi trong thủ pháp kỹ thuật của một ngành nghệ thuật, theo dòng thời gian. Và sự thống kê về một kỹ thuật riêng lẻ của một ngành nghệ thuật như thế, không thể làm nên lịch sử nghệ thuật. (sđd, từ trang 30 đến 39).

Cho nên có thể nói: Bakhtine chối bỏ hầu như toàn diện phương pháp nghiên cứu của trường phái hình thức Nga.

Theo Bakhtine, không thể chỉ chú ý đến những dữ kiện, mà bỏ qua tất cả những tìm tòi nghiên cứu về mỹ học, bỏ qua triết học. Không thể rút gọn hoạt động sáng tạo trong một số yếu tố *chất liệu* ngôn ngữ, mà không chú ý đến đời sống xã hội và lịch sử có trước tác phẩm. Không thể mổ xẻ chữ nghĩa như những tử thi mà không xét đến phần hồn của chữ, phần hồn của người đã tạo dựng nên những câu, những lời đó.

Một nền khoa học văn chương nếu chỉ chú ý khảo sát chất liệu văn chương, tức là chữ không thôi, thì sẽ trở thành khoa ngữ học, và như vậy nó hướng ra ngoài văn chương. Một nền mỹ học nếu chỉ khảo sát *chất liệu* không thôi, thì cũng chỉ dẫn đến một thứ mỹ học của khoa học thực nghiệm hay của ngữ học.

Bakhtine chứng minh rằng: mỹ học chất liệu không giải thích được những vấn đề cơ bản của văn chương. Vấn đề cơ bản của văn chương là nhà văn, khi viết tác phẩm, luôn luôn hướng về con người, hướng về thực tại, hướng về những điều thiết thân trong đời sống, trong xã hội. Và muốn tìm hiểu tác phẩm của họ, thì phải tìm hiểu theo hướng đó, tức là quay về với xã hội và con người.

Cho nên, nền khoa học văn chương mà ông muốn xây dựng phải là một nền khoa học hướng về con người, sống trong bối cảnh xã hội, một nền *xã hội học văn chương*.

Bakhtine trách những nhà hình thức, khi đối lập ngôn ngữ thi ca với ngôn ngữ hằng ngày, đã coi thơ thuộc địa hạt lời nói (thơ làm ra để đọc), thơ có một cấu trúc âm thanh riêng biệt, tức là gián tiếp gạt văn xuôi ra khỏi địa hạt ngôn ngữ (tức là lời nói). Những thể loại như: truyện ngắn, tiểu thuyết và cổ tích được họ (họ tức là cả Chklovski lẫn Propp) xếp vào những thể loại rập khuôn theo một số quy luật có sẵn; làm như vậy là dẫn đến hai loại thi pháp: Một thứ thi pháp của lời nói, áp dụng cho thơ, và một thứ thi pháp truyện kể, áp dụng cho văn xuôi. Chống lại điều đó, Bakhtine cho rằng cả thơ lẫn tiểu thuyết đều là những cách nói, cách lập ngôn. Không phải chỉ thơ mới có thi pháp riêng, và ông đã khảo sát thi pháp tiểu thuyết như người ta khảo sát thi pháp thơ. Ông lập luận: chữ nghĩa không có giá trị gì, nếu ta tách nó ra khỏi lời nói, và lời nói cũng không có nghĩa lý gì, nếu ta tách nó ra khỏi *đối thoại*. Chính ở điểm này, Bakhtine đã xây dựng nên lý thuyết về tiểu thuyết của ông. Theo Bakhtine: tiểu thuyết là vùng đất mà tiếng nói của *người khác* được đưa vào, tất cả những ý kiến khác nhau được phát triển, trong khi những thể loại như thơ, chỉ có sự độc thoại, *người khác* không có chỗ đứng. Và đó là sự khác biệt sâu xa giữa tiểu thuyết và các thể loại khác.

Khi viết về thi pháp Dostoievski, Bakhtine đưa ra khái niệm *đa âm* (polyphonie) trong tiểu thuyết, để đối lập với tính cách *đồng âm* (homophonie) và *độc âm* (monologue) trong tiểu thuyết truyền thống, đặc biệt tiểu thuyết của Tolstoi. Theo ông, Dostoievski là người phá rào, đưa tiểu thuyết từ chỗ độc âm, một giọng (giọng của tác giả) đến chỗ đa âm (nhiều giọng, giọng khác nhau của những nhân vật): tiểu thuyết của Dos có nhiều giọng khác nhau, và những nhân vật của Dostoievski, đối thoại với nhau, như một bè hợp xướng, có trầm có bổng, tạo nên không gian toàn diện và sinh động về sự sống, về ngôn ngữ, về xã hội con người.

Khi viết về Rabelais, ông đưa ra khái niệm *tiếng cười carnaval* như

một đặc cách trong tác phẩm của Rabelais, để chống lại tất cả những trịnh trọng giáo điều trong hệ thống xã hội thời Trung Cổ và Phục Hưng.

Trong *Mỹ học và lý thuyết về tiểu thuyết*, Bakhtine triển khai hai yếu tố độc đáo *đa âm* và *tiếng cười carnaval* ấy, thành sở hữu chung của tiểu thuyết và các hình thức khôi hài. Khái niệm *đa âm* trong tác phẩm của Dostoievski trở thành khái niệm *đa ngôn* (plurilinguisme), trong tiểu thuyết.

Ta có thể trách Bakhtine ở chỗ đã khái quát hóa "tham lam" ấy, làm mất đi tính chất độc đáo mà ông đã khám phá ra trong các tác phẩm của Dostoievski và Rabelais.

Khái niệm đa ngôn hay đa ngôn ngữ (plurilinguisme) trong tiểu thuyết:

Gạt bỏ quan niệm chỉ khảo sát chất liệu, tức là chữ, của các nhà hình thức, Bakhtine, cho rằng: một chữ không có nghĩa gì, nếu nó đứng một mình. Chữ chỉ có nghĩa, nếu nó được đặt trong một câu. Một câu cũng không có nghĩa gì, nếu nó đứng một mình. Câu chỉ có nghĩa trong cuộc đối thoại. Và chính ở mấu chốt *đối thoại* này mà Bakhtine xây đựng lý thuyết của ông về tiểu thuyết.

Trong phần thứ nhì của tác phẩm, Bakhtine khảo sát về vấn đề *hành văn trong tiểu thuyết* (Du discours romanesque). Theo ông, tiểu thuyết là loại hình văn chương được cấu tạo gần gũi nhất với thực tế đời sống con người. Chỉ có tiểu thuyết mới trình bày được khía cạnh *đa ngôn* và vai trò của *người khác* trong đời sống.

Khái niệm đa ngôn hay đa ngôn ngữ, (plurilinguisme) (một số tác giả dịch là đa ngữ) ở đây có khác đôi chút so với khái niệm đa âm (polyphonique) mà ông đã trình bày trong cuốn *Thi Pháp Dostoievski*.

Bakhtine cho rằng: hình thức đa ngôn rất hiển nhiên trong các tác phẩm được gọi là tiểu thuyết trào phúng, với những tác giả như: Fielding, Smollett, Sterne, Dickens, Thackeray ở Anh, hay Hippel, Jean-Paul Richter ở Đức.

"*Trong tác phẩm trào phúng Anh, chúng ta thấy rõ sự nhái lại tất cả mọi thứ ngôn ngữ văn chương nói và viết của thời đó. Không có quyển tiểu thuyết trào phúng nào của các tác giả cổ điển Anh trên đây, mà không ít nhiều là những cuốn bách khoa của tất cả mạch văn và hình thức ngôn ngữ văn chương. Tùy theo đối tượng mô tả, khi thì ta thấy tác phẩm nhái lại sự biện hộ hùng hồn ở nghị viện hay tòa án, khi thì những báo cáo đặc biệt của nghị viên, hoặc biên bản, phóng sự nhà báo, hoặc những từ vựng khô khan của những nhà kinh doanh trung tâm thành phố, những chuyện*

ngồi lê đôi mách của bọn ngu độn, giọng cặm cụi hủ nho của bọn bác học, loại văn phong cao thượng anh hùng ca hay kinh thánh, giọng sùng đạo mê muội của kẻ thuyết pháp, nói chung là nhại cách nói của một nhân vật cụ thể trong một thành phần xã hội nhất định". (trang 122). "*Rabelais, người có ảnh hưởng sâu xa đến tất cả nền văn xuôi tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết trào phúng, nhái lại hầu như tất cả các hình thức phát ngôn ý thức hệ (triết lý, đạo đức, bác học, hùng biện, thi ca) trong tất cả các hình thức rung động của nó (đối với ông, rung động và nói dối cũng giống nhau)*" (trang 130).

Bakhtine cho rằng: người ta đưa vào tiểu thuyết trào phúng những thứ tiếng nói (les langues) khác nhau và những bối cảnh văn chương tư tưởng muôn mặt, với những thể loại, những nghề nghiệp, những nhóm xã hội khác nhau (như ngôn ngữ của quý tộc, của người chủ trại, của con buôn, của người nhà quê); người ta đưa vào tiểu thuyết những cách nói thân tình hoặc có định hướng (chuyện ngồi lê đôi mách, chuyện xã giao, chuyện giữa đày tớ) v.v... (trang 132).

Ông viết: "*Sự đa ngôn đưa vào tiểu thuyết (dù dưới dạng thức nào) cũng là cách phát ngôn của người khác trong ngôn ngữ người khác (le discours d'autrui dans le langage d'autrui), dùng để khúc xạ chủ đích của tác giả. Cách phát ngôn này có đặc điểm là hai giọng (bivocal), cùng một lúc cho hai người, diễn tả hai chủ đích khác nhau: chủ đích -trực tiếp- của nhân vật đang nói, và chủ đích -khúc xạ- của tác giả".* (trang 144).

"*Nếu trung tâm vấn đề lý thuyết thơ là biểu tượng thi ca, thì trung tâm vấn đề lý thuyết văn xuôi là sự phát ngôn hai giọng -đối thoại bên trong- qua những thể loại và biến thể nhiều tầng.*" (trang 150).

Đa ngôn hay đa ngôn ngữ, theo Bakhtine là nhiều cách nói khác nhau của những con người xã hội khác nhau: cách nói của người có học khác với cách nói của người vô học, cách nói của người tu hành khác với cách nói của con buôn, cách nói của chủ khác với cách nói của đầy tớ... Như vậy *đa ngôn* cũng là *đa âm*. Nhưng trong đa ngôn, mỗi tiếng, mỗi giọng, mỗi lời, đã được chỉ định rõ là của ai, thuộc tầng lớp xã hội nào, trong khi *đa âm* đi sâu vào ý thức cá nhân của mỗi phát biểu.

Tiểu thuyết là một thế giới của đối thoại, đa ngôn, mọi giọng nói trong mỗi tầng lớp xã hội đều được cất lên, mỗi ý kiến, mỗi tư tưởng của mọi người đều được phát triển.

Khái niệm: Thời không gian (chronotope) trong tiểu thuyết

Phần thứ ba trong tác phẩm, Bakhtine dành để phân tích khái niệm *Thời không gian* (chronotope) trong tiểu thuyết. *Thời không gian*, đối với ông có nghĩa là: không gian và thời gian trong tiểu thuyết được tổ chức một cách đặc biệt. Từ sự phân tích cách tổ chức đặc biệt "thời không gian" này, Bakhtine phân định những thể loại tiểu thuyết khác nhau, xuyên qua các thời đại: tiểu thuyết Hy Lạp, tiểu thuyết kiếm hiệp, tiểu thuyết hoa tình, tiểu thuyết tự thuật v.v...

Trong loại hình tiểu thuyết đầu tiên, tổ chức *thời không gian* đặt trọng tâm ở *sự gặp gỡ trên đường. Con đường* là thành tố đặc biệt, đưa đến những cuộc gặp gỡ, bất ngờ, kỳ thú, rường mối những éo le, tình tiết. *Con đường* là một tổ chức thời không gian, giữ địa vị chủ yếu kéo dài suốt từ thời thượng cổ Hy Lạp đến thời Trung Cổ, trong những tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm. Con đường, xuyên suốt các thời kỳ, qua các tiểu thuyết phong tục và phiêu lưu, từ *Satiricon* của Pétrone, *Ane d'or* của Apulée, đến những tiểu thuyết kiếm hiệp thời Trung Cổ. Con đường -trong Parzifal của Wolfram von Eschenbach- mà nhân vật đi đến Monsalvat, trở nên một ẩn dụ: vừa là đường đi, vừa là đường đời, đường tâm hồn, khi nó dẫn gần đến Chúa, khi nó đi xa Chúa, tùy theo những bấp bênh nổi trôi trong thân phận nhân vật.

Thế kỷ XVI-XVII, Don Quichotte đã đi suốt xứ Tây Ban Nha, rồi bao nhiêu nhân vật nổi tiếng khác đã theo chân Don Quichotte, trên các nẻo đường khác của Âu Châu... (trang 384-385)

Cuối thế kỷ XVIII, ở Anh xuất hiện loại tiểu thuyết "gô tích" hay tiểu thuyết "đen", một tổ chức thời không gian mới thành hình với các *lâu đài*. Lâu đài lần đầu tiên xuất hiện trong truyện *Le château d'Otrante* (Lâu đài Otrante) của Horace Walpole. *Lâu đài* hoàn toàn bị thời gian xâm nhập, thời gian ở đây là thời gian lịch sử, tức là *quá khứ lịch sử*. Lâu đài là nơi các lãnh chúa ngự trị thời phong kiến, là nơi bảo tồn những khuôn mặt lịch sử, nhiều thế kỷ và nhiều thế hệ đã đặt dấu ấn trên đó, trên những bộ phận khác nhau của lâu đài, trong cách bài trí đồ đạc, khí giới, trên các bức chân dung, trong kho tư liệu gia đình... Tóm lại, bất cứ góc cạnh nào của lâu đài cũng mang dấu vết quá khứ. Kỷ niệm, huyền thoại và truyền thống, là những yếu tố xây dựng tiểu thuyết gô tích. Walter Scott là người đã thoát khỏi sự lỗi thời, hướng tác phẩm của mình về phía huyền thoại lâu đài, về mối tương quan với cảnh sắc, về mối cảm nhận và thấu hiểu qua lịch sử. Trong lâu đài, có sự giao thoa hữu cơ giữa những chứng tích thời gian và

không gian; và bề dày lịch sử trong hệ thống thời không gian này, sẽ xác định mức độ phong phú của hình tượng, trong những chuyển biến của tiểu thuyết lịch sử. (trang 387).

Trong tiểu thuyết của Stendhal và Balzac, xuất hiện một *thời không gian khác*: các xa-lông, (hiểu theo nghĩa rộng). Tất cả mọi chuyện đều có thể xảy ra ở xa-lông: gặp gỡ, toan tính, phản bội... Những doanh thương, chính trị gia, tất cả mọi hạng người trong xã hội trưởng giả đều gặp gỡ nhau ở xa-lông, lấy mọi quyết định ở xa-lông. Thêm một yếu tố chủ chốt nữa: *tiền*. Tiền trở thành ông chủ mới của đời sống. Dĩ nhiên là những bậc thầy hiện thực như Stendhal hay Balzac, không chỉ dùng xa-lông như một tổ chức thời không gian duy nhất để dựng truyện. Balzac có khả năng phi thường để "thấy" thời gian trong không gian, trong cách ông trình bày những gia trang như những hiện thân của kịch sử, những hình ảnh phố phường, thành thị, cảnh đồng quê, trên bình diện lịch sử và thời gian... (trang 388)

Một cách giao thoa khác giữa thời gian và không gian trong tiểu thuyết của Flaubert: truyện *Madame Bovary* xảy ra ở một tỉnh nhỏ. Tổ chức thời không gian trong thế giới Flaubert là *tỉnh lỵ*.

Thời không gian trong tiểu thuyết của Dostoievski là ngưỡng cửa, là tiền sảnh, là cầu thang, là phòng đợi, là hành lang, là tất cả những chỗ tiếp giáp, thậm chí như con phố tiếp giáp với công trường. *Thời không gian* của Dostoievski là khoảnh khắc, là chốc lát, là không kéo dài, như thể nó đi ra ngoài dòng chảy bình thường của thời gian truyện lý (thời gian truyện xảy ra). Trái với Dostoievski, thời không gian của Tolstoi, chính là thời gian truyện lý, nó kéo dài trong không gian, trong những gia cư và điền trang quý tộc. Khác hẳn Dostoievski, Tolstoi thích dàn trải thời gian. Và sau thời không gian truyện lý, cái quan trọng nhất, đối với Tolstoi, là thời không gian thiên nhiên, thời không gian gia đình, thời không gian huê tình đồng nội. (trang 390)

Đó mới chỉ là lược qua những thời không gian lớn, cơ bản, bao gồm tất cả. Nhưng trong mỗi thời không gian lớn như thế còn gói ghém bao nhiêu thời không gian nhỏ, và mỗi chủ đề, lại có một thời không gian riêng của nó, tất cả những thời không gian ấy đan cài, chồng chất lên nhau, hỗ tương nhau hoặc chống lại nhau, trong tác phẩm. Sự tương tác hay đối tác bên trong của các yếu tố thời không gian ấy, hiện ra như một hình thức đối thoại, nằm ngoài hình ảnh, nó đi vào thế giới của tác giả, người thực thi, và thế giới người đọc hay người nghe, và cả hai đều là thế giới thời không gian.

Thời không gian có giá trị gì? Bakhtine cho rằng: nó có giá trị hiển

nhiên đối với chủ đề. Nó là những trung tâm tổ chức những biến cố chính chứa đựng trong tác phẩm. Những nút thắt, mở trong tiểu thuyết, đều nằm trong thời không gian, cho nên nó là đầu não của chủ đề, nó là nơi xảy ra những màn chính, nó là sự vật chất hóa thời gian trong không gian, nó hiện ra như một trung tâm cụ thể hóa hình ảnh, nó là hiện thân của toàn thể cuốn tiểu thuyết. Tất cả những yếu tố khác như triết lý, tâm lý, xã hội, tư tưởng, phân tích nhân quả, cứ thế mà hướng về thời không gian, quay quanh nó, nhờ sự trung gian của nó, để xây dựng máu thịt, để nhập vào ngữ tự màu sắc của nghệ thuật văn chương. Đó là ý nghĩa tượng hình của thời không gian. (trang 391).

Nguyên tắc thời không gian trong văn chương, được Lessing nêu ra lần đầu tiên trong Laokoon. Lessing cho rằng: Homère không mô tả sắc đẹp của Hélène, mà mô tả hiệu ứng của sắc đẹp ấy trên các cụ già thành Troie, qua một loạt cử chỉ và hành động của các cụ già này. Cái đẹp ở đây được trình bày, không phải như một đối tượng mô tả tĩnh lặng, mà như một đối tượng kể (truyện) chuyển động.

Rút lại, điều quan trọng đối với chúng ta là bất cứ ý nghĩa nào trong truyện, cũng mang trong nó một biểu hiệu thời không gian nào đó, nói khác đi, mỗi ý nghĩa, tất yếu phải thông qua một *hình thức ký hiệu*, để chúng ta nghe thấy, nhìn thấy được, và muốn như vậy, nó phải thông qua ngưỡng cửa *thời không gian* (trang 398).

Phát thanh trên đài RFI những ngày 9, 16 và 23/ 4/2005
Sửa lại và bổ sung 28/12/2005
Thụy Khuê
(Kỳ tới: trường phái Bác ngữ học Đức với Auerbach và Spitzer)

Tìm mua, tìm đọc tác phẩm thứ sáu của
nhà văn HOÀNG NGA
ừ thôi kiếp sau em nhỏ
tập truyện
Làng Văn xuất bản
Sách dày 270 trang. Giá 14 Mỹ kim

cổ duệ từ

TRẦN VĂN TÍCH

Trong số đông đảo hoàng tử công chúa con vua Minh Mệnh có ít nhất ba người thiện dụng điển từ. Đó là Mai Am công chúa, Tương An quận vương và Tùng Thiện vương. Theo Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách hán nôm* thì Miên Thẩm có hẳn một tập từ gọi là *Thương Sơn từ tập*. Nhưng chúng ta không được nhà thư tịch học quá cố cung cấp dữ kiện cụ thể nào liên quan đến tác phẩm này. Trong khi đó thì những bản *Thương Sơn thi tập, Thương Sơn ngoại tập* hiện lưu giữ tại các thư viện miền Bắc đều không ghi nhận một tuyển tập từ nào của ông Hoàng Mười, có chăng thì chỉ là sự hiện hữu của một số bài từ trong *Thương Sơn ngoại tập*, chẳng hạn bài từ mừng sinh con trai, nếu chúng ta căn cứ vào công trình thống kê *Di sản hán nôm Việt Nam*, Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993, tập 3, trang 298, mục từ số 3671. Hai tác giả Ưng Trình và Bửu Dưỡng, hậu duệ trực tiếp của Tùng Thiện vương, khi biên khảo về thân thế và sự nghiệp của hoàng tử, cũng không nhắc đến tập từ nào do vương chấp bút. Tuy nhiên người Trung Hoa đã có cơ hội sao chép và ấn loát một tập từ của Bạch Hào Tử tức Tùng Thiện vương Miên Thẩm. Đó là tập *Cổ duệ từ*.

Năm thứ tư niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh tức năm Giáp Dần 1854, nước ta gửi một sứ bộ tuế cống sang Trung Hoa. Một thành viên của sứ bộ có mang theo *Thương Sơn thi sao* và một tập từ, cả hai đều do Tùng Thiện vương Miên Thẩm sáng tác. Trên đường đi sứ bộ dừng lại tại Quảng Đông. Một viên chức Trung Hoa tên Lương Tụy Xa được xem tập từ mang đầu đề *Cổ duệ từ* và đã chép tay lại. Sau vài chặng trung chuyển nữa, đến năm 1934, các cơ sở ấn loát Trung Hoa in ghép *Cổ duệ từ* cùng chung với một số bài từ của các tác giả đồng văn Triều Tiên, Nhật Bản và đặt tên cho tổng

tập là *Vực ngoại từ tuyển*, nghĩa là tuyển tập từ sáng tác ở ngoài cương giới Trung Quốc. Năm 1981, Nhà Xuất bản Thư Mục Văn Hiến Bắc Kinh tái bản Vực ngoại từ tuyển. Nhờ một người quen giúp đỡ, nhà nghiên cứu hán nôm Phan Văn Các (hiện ở trong nước) được cung cấp một bản sao phần *Cổ duệ từ* trong *Vực ngoại từ tuyển* rồi dựa vào tài liệu này để chế bản vi tính nhằm trình bày phần nguyên tác hán văn đoạn phiên âm, dịch nghĩa, chú thích, dịch thơ và dịch theo nguyên điệu [Bạch Hào Tử (Miên Thẩm) *Cổ duệ từ* (*Khúc hát gõ mái chèo*). Phan Văn Các sưu tầm, phiên dịch, chú thích, giới thiệu. Trung tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn quốc gia. Viện nghiên cứu hán nôm. Hà Nội. 1999. 164 trang]. Qua ông Phan Văn Các, tôi có dịp làm quen với *Cổ duệ từ*.

Bài viết hôm nay có nội dung tập trung vào việc tìm hiểu hình thức văn học các bài từ được ghi trong *Cổ duệ từ*. Phần nhận định về nội dung sáng tác sẽ được trình bày trong một bài khác.

Cổ duệ có nghĩa là gõ mái chèo. Tổ hợp từ ngữ này được ghi trong các từ điển hán-hán phổ thông như *Từ Nguyên, Từ Hải* cũng như các từ điển bách khoa như *Hán ngữ đại từ điển, Trung văn đại từ điển*. Xuất xứ của từ tổ là câu văn thuộc bài *Ngư phủ* trong *Sở từ* của Khuất Nguyên:

Ngư phủ hoàn nhĩ nhi tiếu, cổ duệ nhi khứ.

Vương Dật chú: *Cổ duệ: khấu thuyền huyền giã, diệc dụng vi hành thuyền chi xưng* (cổ duệ tức là gõ mạn thuyền, cũng dùng chỉ việc khiến thuyền trôi đi). Chuyển sang Việt ngữ, Trần Trọng San dịch là: *Lão chài mỉm cười, gõ vào mái chèo mà đi.*[1]

F.S. Couvreur[2] dịch chữ *duệ* là *rame de batelier* và dịch câu *Cổ duệ nhi khứ* là F*rappant l'eau de sa rame, il s'en va.* Herbert A.Giles[3] dịch cổ là a drum, to drum và dịch duệ là a long oar, a sweep. David Hawkes[4] dịch câu của Khuất Nguyên sang Anh ngữ thành: *The fisherman, with a faint smile, struck his paddle in the water and made off.*

Từ Hải, ấn bản 1999, quyển 1, A-G, trang 708, định nghĩa *cổ duệ là khấu kích thuyền huyền* (gõ đánh mạn thuyền). *Từ Nguyên*, ấn bản 1983, quyển 4, trang 3592, giảng rằng *cổ duệ* là *dao động thuyền tương* (vung vẫy mái chèo). Theo Hán ngữ đại từ điển, quyển 12, trang 1390, thì *cổ duệ* có nghĩa *hoa tương, vị phiếm chu* (vung mái chèo, khiến thuyền trôi). Theo *Trung văn đại từ điển*, quyển 38, trang 17116, mục từ 49321-37, thì *cổ duệ* là *khấu thuyền huyền giã, cổ tiếp giã* (gõ mạn thuyền, vung mái chèo).

Ngoài Sở từ với Khuất Nguyên, thư tịch cổ đại Trung văn còn ghi nhận một số trường hợp khác tản văn và vận văn sử dụng từ tổ *cổ duệ*.

Tấn thư, Dữu Xiển truyện: Trung hưng nhị thập tam tải, dư thiêm thủ Hoành nam, cổ duệ tam giang, lộ thứ Ba Lăng, vọng Quân sơn (Trung hưng năm hai mươi ba, ta trộm giữ Hoành nam, chèo thuyền theo ba nhánh sông, dọc đường nghỉ tại Ba Lăng, nhìn về Quân sơn).

Thơ Đỗ Phủ, bài *U nhân* (Người ở ẩn):

Hồng đào ẩn ngữ tiếu,
Cổ duệ Bồng lai trì.
(Trong sóng lũ cười nói,
Chèo thuyền nơi chốn Bồng lai)

Thơ Bạch Cư Dị, bài *Đại thủy* (Nước lớn):

Độc hữu dung chu tử,
Cổ duệ sinh ý khí.
(Chỉ có người đưa đò,
Gõ chèo sinh thành ý)

Thơ Sầm Tham, bài *Ngư phủ* (Ông câu):

Vu đầu điếu ti trường trượng dư,
Cổ duệ thừa lưu vô định cư.
(Đầu cần dây câu dài hơn trượng,
Gõ mái chèo theo dòng nước không chỗ ở nhất định)

Hai câu này được C.H.Wang dịch sang Anh ngữ:

The line at the end of the fishing pole
Is more than ten feet long.
He rows and rows, following where the river goes,
And he doesn't have a permanent abode.[5]

Trong bộ trường thiên tiểu thuyết năm mươi hai hồi *Hoa nguyệt ngân* của Ngụy Tú Nhân đời Thanh, hồi thứ bốn mươi tám cũng có câu văn xuôi:

Lục binh túng mã, thủy sư cổ duệ.
(Lính bộ thả ngựa, lính thủy gõ chèo).

Như vậy, qua thư tịch cổ chữ hán, *cổ duệ* mô tả một hành động của người sinh sống hay di chuyển trên sông nước, thường là ngư phủ, nhưng cũng có khi là thủy binh.

Cổ duệ từ của Tùng Thiện vương Miên Thẩm qui tụ được mười bốn bài từ, điền theo mười ba điệu: *Cán khê sa, Thanh bình lạc, Mô ngư nhi, Pháp khúc hiến tiên âm, Mại bi đường (tức Mô ngư nhi), Kim nhân bổng ngọc bàn, Sơ liêm đạm nguyệt, Tích ngân đăng, Dương châu mạn, Giải bội lệnh, Tây giang nguyệt, Lưỡng đồng tâm và Tiểu đào hồng.*

Nếu so sánh với tập thể tương đối hiếm hoi những bài từ do từ gia Việt Nam sáng tác còn truyền được đến chúng ta ngày nay thì *Cổ duệ từ* của Tùng Thiện vương có điểm đặc biệt là vận dụng một số điệu từ ít phổ biến: *Pháp khúc hiến tiên âm, Kim nhân bổng ngọc bàn, Sơ liêm đạm nguyệt, Tích ngân đăng, Giải bội lệnh, Lưỡng đồng tâm, Tiểu đào hồng*. Ngay các từ gia Trung Hoa cũng ít khi sử dụng những điệu từ này, chúng không được các tập từ tuyển phổ thông ghi nhận. Về phần thư tịch Việt ngữ, Trần Trọng San, khi liệt kê "các điệu từ mà người các đời Đường, Tống thường làm" cũng không đan cử những điệu vừa kể[6].

Theo *Từ tổng*, những tác giả Trung Hoa sau đây đã từng điền từ theo bảy điệu chúng ta đang bàn:

Đối với *Pháp khúc hiến tiên âm* có Chu Bang Ngạn, Khương Quì, Ngô Văn Anh, Trương Viêm và Lâu Thái.

Đối với *Kim nhân bổng ngọc bàn* có Tằng Địch, Cao Quán Quốc và La Chí Nhân.

Đối với *Sơ liêm đạm nguyệt* có Trương Tập.

Đối với *Tích ngân đăng* có Thẩm Tử Sơn.

Đối với *Giải bội lệnh* có Tưởng Tiệp.

Đối với *Lưỡng đồng tâm* không có tác giả nào.

Đối với *Tiểu đào hồng* có Trình Cai, Nghê Toàn và Xà Quế Anh[7].

Tham khảo *Từ phổ*[8] chúng ta gặp một số tác giả quen thuộc hơn. Chẳng hạn điệu *Tiểu đào hồng* có Lý Bạch bên cạnh Thiệu Thúc Tề; điệu *Lưỡng đồng tâm* có Liễu Vĩnh, Án Kỷ Đạo, Đỗ An Thế.

Để trình bày thêm chi tiết về thi loại *từ* trong tập hợp sáng tác của Tùng Thiện vương, tôi xin đan cử bài *từ* sắp xếp ngay đầu tác phẩm.

Cảnh xuân vào một ngày thức giấc sớm được Mạnh Hạo Nhiên ghi lại trong một bài ngũ ngôn rất nổi tiếng:

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề điểu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu?
(Giấc ngủ đêm xuân không biết trời đã sáng,
Nơi nơi đều nghe chim hót vang.
Đêm qua rầm rập tiếng gió mưa,
Chẳng hay có bao nhiêu hoa đã rụng).

Vua Trần Nhân Tông cũng mô tả cảnh xuân vào cùng thời khắc vật lý và cùng thời gian tâm lý:

Thụy khởi khải song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.
(Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không ngờ mùa xuân đã về.
Một đôi bướm màu trắng,
Phần phật cánh bay đến hoa).

Cả hai bài, một của nhà thơ lớn đời Đường, một của vị hoàng đế triều Trần, đều mang đầu đề *Xuân hiểu* (Buổi sớm mùa xuân). *Cổ duệ từ* cũng mở đầu với bài *Xuân hiểu:*

Liệu tiếu đông phong hiểu mạc hàn,
Phi hoa hoà lộ trích lan can,
Hà tu bất quyển khiếp y đan.
Tiểu ẩm vi huân hoàn độc ngọa,
Tầm thi vô kế thúc ngâm an,
Họa bình vi chẩm khán xuân san.
(Gió phương đông se lạnh, lạnh cả tấm màn ban mai,
Hoa bay cùng sương rơi giọt xuống lan can,
Rèm chẳng cuốn lên, sợ áo quá mỏng.
Nhấp chút hơi men ngà ngà, vẫn nằm yên một mình,
Không có cách gì tìm tứ thơ trên yên ngựa,
Lấy bức họa bình làm gối nhìn núi mùa xuân).

Hai bài *Xuân hiểu* trước là thi và là hai bài ngũ ngôn tuyệt cú. Chúng tuân thủ luật lệ thơ Đường về áp vận, niêm luật, bố cục v.v... Bài *Xuân hiểu* của Tùng Thiện vương là một bài sáu câu bảy chữ và rõ ràng không phải là thi. Nó là *từ*. *Từ* theo những luật lệ khắt khe khác mà hoàng tử lúc sáng tác đã phải tuân thủ triệt để bởi hoạt động mỹ học vào trường hợp này là *điền từ*, tức là đặt lời cho một *từ phổ* mệnh danh là điệu *Hoãn khê sa*[9]. Đó là một *từ bài* gồm bốn mươi hai chữ, bố trí thành hai *bán khuyết thượng* và *hạ*, mỗi bán khuyết có hai mươi mốt chữ, phân chia thành ba dòng. Những bài từ theo điệu *Hoãn khê sa* quen thuộc là của Án Thù, Tần Quan:

Án Thù Tần Quan
Nhất khúc tân từ tửu nhất bôi, Mạc mạc khinh hàn thướng tiểu lâu,
Khứ niên thiên khí cựu đình đài. Hiểu âm vô lại tự cùng thu.
Tịch dương tây hạ kỷ thời hồi. Đạm yên lưu thủy hoạ bình u.
Vô khả nại hà hoa lạc khứ, Tự tại phi hoa khinh tự mộng,

Tự tằng tương thức yến qui lai. Vô biên ty vũ tế như sầu.
Tiểu viên hương kính độc bồi hồi. Bảo liêm nhàn quái tiểu ngân câu.

Tôi không ghi phần dịch nghĩa vì mục đích trích dẫn văn liệu là nhằm so sánh hình thức. Qua so sánh, chúng ta thấy vị hoàng tử từ gia đã rất tôn trọng *từ luật, từ phổ*, từ bố cục chia đoạn đến ngắt câu gieo vần. Tất cả các bài khác trong *Cổ duệ từ* cũng đều triệt để tuân theo luật thép của thể *từ*. Ngoài ra cách lựa chọn chữ cũng tử công phu vì *điền từ* đòi hỏi khả năng nhạc lý và bản lĩnh thẩm âm, do đó Tùng Thiện vương phải phối hợp thanh điệu của chữ dùng với thanh điệu của nốt nhạc. *Cổ duệ từ* vô hình trung gián tiếp xác nhận tính chính xác của hai tự hiệu *Trọng Uyên* và *Thận Minh* của từ gia Nguyễn Phúc Miên Thẩm. Hơn nữa, khi trả lời câu hỏi của vua Tự Đức về sự khác biệt giữa *thi* và *nhạc*, vương từng đáp rằng trong câu thơ câu ca đều phải dùng chữ cho đúng với nhạc âm.

Bàn về mối giao lưu văn học giữa Việt Nam và Trung Hoa những thế kỷ trước, Lê Quí Đôn viết trong *Toàn Việt thi lục lệ ngôn* rằng *Nam bắc giảng hiếu, dĩ thi từ tương tặng đáp*, việc giao hảo giữa nam và bắc thường dùng thi và từ để tặng đáp. Động từ tặng áp dụng vào trường hợp *Cổ duệ từ* rất sát nghĩa và hợp nghĩa. Qua việc *tặng* một văn bản thành quả trí tuệ của Bạch Hào Tử tức Tùng Thiện vương Miên Thẩm cho một nhà ngoại giao Trung Hoa và nhờ tính chu đáo của người nhận đã tạo cơ hội cho công trình ấn loát tiến hành đến nơi đến chốn; ngày nay chúng ta có cơ may thưởng ngoạn một *từ tập* tuy rằng có phần khiêm tốn về tầm vóc nhưng lại quan trọng về thể tài.

Bản thân tôi chỉ tiếc là chắc chẳng thể nào tìm được nguyên bản chính thức của *Cổ duệ từ*; ngay cả văn bản in lại trong *Vực ngoại từ tuyển* do Nhà Xuất bản Thư Mục Văn Hiến Bắc Kinh phổ biến, tôi cũng chưa có dưới tay. Tài liệu duy nhất tôi thu thập được là do ông Phan Văn Các cung cấp qua văn bản do ông sử dụng máy vi tính để trình bày.

Westpreussenstr. 3, 09.12.2005

---

(1) Trần Trọng San.- *Văn học Trung Quốc đời Chu Tần*. Bắc Đẩu xuất bản lần thứ nhất. Sài Gòn. 1969. Xuân Thu in lại ở quốc ngoại. 1989. tr. 94-95.

(2) F.S.Couvreur S.J.- Dictionnaire classique de la langue chinoise. Kuang Chi Press. 1966. p. 447.

(3) Herbert A.Giles.- *A Chinese-English Dictionary*. Second Edition. Ch'eng-wen Publishing Co. Taipei. Taiwan. 1978. p. 691. p. 781.

(4) David Hawkes.- *The Songs of the South*. p. 207. (Vì mới dọn nhà nên tôi chưa tìm lại được tài liệu tham khảo này và chỉ có thể ghi theo phiếu lược ký).

(5) Wu-chi Liu and Irving Yucheng Lo.- *Sunflower Splendor. Three Thousand Years of Chinese Poetry.* Anchor Books. Garden City, New York. 1975. p. 144.
(6) Trần Trọng San.- *Đường Tống từ tuyển.* Bắc Đẩu xuất bản. Ontario. 1995. tr. 13.
(7) Từ tổng. (Thanh) Chu Di Tôn chủ. Hạ. Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã. 1978. *Tác phẩm sách dẫn.* Tr. 25, tr. 24, tr. 17, tr. 15, tr. 51 và tr. 4. Chu Di Tôn cũng từng sáng tác một bài từ theo điệu Giải bội lệnh lấy nhan đề Tự đề từ tập nhằm tự đề tựa tập từ của chính bản thân.
(8) Vương Dịch Thanh. *Từ phổ.* Đệ tứ sách. Cứ Thanh Khang Hy ngũ thập tứ niên (1715). Nội phủ khắc bản ảnh ấn. Trung Quốc thư cục. Bắc Kinh. 1979. tr. 1a-1b và 5a-5b, 6a-6b.
(9) Hoãn khê sa cũng có khi gọi là Cán khê sa.

Giới Thiệu Sách Mới Của PHÙNG CUNG

Cuốn Sách
"Phùng Cung 11 truyện ngắn, Tập thơ Trăng Ngục, Thơ Xem Đêm"

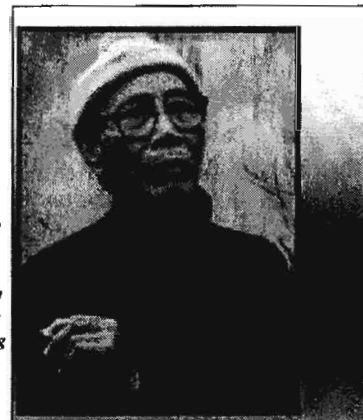

"một hạt ngọc quý, hiếm thấy trong nền văn chương đương đại nước ta"
(Nguyễn Minh Cần)

"Thơ của Phùng Cung trong Xem Đêm chứa chất tư tưởng cao đẹp: công bằng và bác ái, thể hiện qua tình thương rộng lớn, không giới hạn...."
(Nguyễn Hữu Đang)

PHÙNG CUNG
1928 — 1997
(thuộc nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm)

Vào đầu năm 2004, quyển sách "Phùng Cung, truyện và thơ chưa hề xuất bản" đã được bạn đọc khắp nơi tiếp đón nồng nhiệt.

Trung Tâm Dân Chủ cho Việt Nam tại Montréal, Canada vừa phát hành thêm quyển sách mới trên đây của Phùng Cung, trong đó có thêm 72 bài thơ đặc sắc nhất của tập thơ "Xem Đêm" của ông.

Tiền lời sẽ được cho vào Quỹ Tự Do Ngôn Luận Phùng Cung để trợ giúp các văn nghệ sĩ đang gặp khó khăn trong nước vì tham gia tranh đấu cho Tự Do Ngôn Luận và Dân Chủ.

Quyển sách nầy có bán tại

6420 Avenue Victoria Suite 4 Montreal Quebec Canada	*Chi phiếu 25 Euro hoặc 28 Mỹ kim Gửi về Lâm Thu Vân TTDCVN*

tập thơ "tinh huyết" của bích khê và giai đoạn phát triển thứ hai của thơ mới

LẠI NGUYÊN ÂN

1/ Trong số các tác phẩm của Bích Khê, tập thơ *Tinh huyết* hiển nhiên là tác phẩm được biết đến rộng rãi hơn cả, giản dị là vì đây có lẽ là tác phẩm duy nhất của nhà thơ này được in thành sách ngay sinh thời tác giả, trong khi những tác phẩm còn lại phải chịu khoảng thời gian nằm trong im lặng khá lâu (tính bằng hàng mấy chục năm) mới đến được công chúng, và đến công chúng chỉ với tư cách là những di cảo. Điều này cũng có nghĩa là, nếu muốn luận bàn về ảnh hưởng của thơ Bích Khê đến phong trào thơ mới đương thời, hiển nhiên phải tập trung chú ý vào tập thơ này.

Đã có những nhận xét, theo đó tập thơ *Tinh hoa* còn hay hơn, sâu sắc hơn, có giá trị hơn so với *Tinh huyết*; nhận xét này có thể là đề tài thảo luận riêng. Nhưng một điều khác trực tiếp có can hệ đến những gì sắp bàn trong bài này lại là một vài băn khoăn về ranh giới giữa *Tinh huyết* và *Tinh hoa*. Là vì trong các dạng công bố mà người ta được biết (*Tinh huyết* trong sách in 1939; *Tinh huyết* và *Tinh hoa* trong bản in Thơ Bích Khê, Nghĩa Bình 1988; *Tinh hoa* trong bản in ở Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 1997), có một tình trạng là ranh giới giữa hai tập không thật rành rẽ, một số bài thơ đã có trong *Tinh huyết* (bản in 1939) lại xuất hiện trong *Tinh hoa* (bản Nghĩa

Bình 1988 và bản Hội Nhà Văn 1997), và khi cả hai tập thơ cùng in trong một cuốn sách (bản Nghĩa Bình 1988) thì đến lượt hình hài tập *Tình huyết* cũng bị hư hao đáng kể so với chính mình ở bản in 50 năm trước! Vậy thì đâu là *Tình hoa*, đâu là *Tình huyết*? Chẳng lẽ trong *Tình huyết* lại đã có một phần *Tình hoa* và trong *Tình hoa* vẫn cứ bao gồm một phần *Tình huyết*? Tình trạng này hẳn chỉ có thể được giải quyết bởi những người nắm được di cảo của tác giả, tức là những thân nhân của nhà thơ; và chúng ta cùng hy vọng việc này sẽ được giải quyết ngay trong dịp hội thảo này.

Về phía người nghiên cứu, cho đến tận lúc này, có lẽ không có cách nào khác hợp lý hơn là tiếp tục coi bản in 1939 là bản chính thức của tập thơ *Tình huyết*.

2/ Như số khá đông trong các giới sáng tác và phê bình nghiên cứu đã nhận xét, tập *Tình huyết* tiêu biểu cho nỗ lực của Bích Khê trên hướng "cập nhật" một số đặc tính của văn hóa thi ca Âu Tây đương thời vào thơ tiếng Việt (khác với *Tình hoa* là từ bỏ những thể nghiệm "Âu hóa" ấy để trở về khai thác các đặc tính thi ca Đông phương). Nói rõ hơn, ở *Tình huyết* có thể thấy một vài đặc điểm của chủ nghĩa hiện đại Âu châu (modernisme), rõ nhất là những biểu hiện tượng trưng, siêu thực, trong cách cảm nhận và thể hiện của nhà thơ.

Trong *Tình huyết* bộc lộ một xu hướng khá gần gũi với các nhà thơ tượng trưng Pháp (như Baudelaire, Verlaine): xem trọng vai trò của trực giác và vô thức trong sáng tác nghệ thuật. Lối sáng tác của khá nhiều bài trong *Tình huyết* là lối sáng tác tượng trưng, thường dựa vào liên tưởng, cuồng tưởng, ám thị, trực giác, thường thể hiện những cảm quan phi thực tại, siêu thực tại, và hiển hiện ra trong những dòng thơ đầy nhạc tính.

Tất nhiên điều vừa nói trên đây không phải đặc điểm bao trùm toàn bộ các bài của *Tình huyết*; trong tập vẫn có một loạt bài truyền đạt cảm quan thực tại cổ điển, ví dụ có thể kể tên các bài *Tỳ bà, Ảnh ấy, Thi vị, Cuối thu, Cùng một cô đào hát bộ, Quả măng cụt*... Nhưng nếu tiếp tục kể thêm nữa mong kéo dài danh mục này, hẳn sẽ phải do dự, vì nhiều trường hợp tác giả khởi đầu từ cảm quan thực tại cổ điển (hoặc xúc cảm lãng mạn duy lý), nhưng rồi những liên tưởng rồi cuồng tưởng dấy lên, đẩy đưa xúc cảm của ông sang miền của huyễn tưởng phi thực tại. Ta thử xem bài *Cùng một cô đào hát bộ* chẳng hạn. Bài này tuy nằm trong phần II mang tiêu đề chung là Đẹp và Dâm, nhưng hầu như toàn bài này lại là lời diễn tả khá thật thà

một xúc cảm hoàn toàn thực ở tác giả về diễn xuất của một đào nương. Xin lưu ý khổ thơ cuối cùng:

Mặt cô buồn quá! tôi yêu quá!
- Nghệ thuật tràn ra giữa bể đêm.
Tôi chợt ôm cô trong giấc mộng
Nút bao thanh khí, đã nư thèm.

Hai câu trên vẫn còn ở trong địa hạt thực tại, hai câu dưới đã sang địa hạt tưởng tượng, và ít nhiều là cuồng tưởng nữa, vì tác giả không chỉ mơ tưởng được ôm được hôn cô đào hát bộ, mà còn "nút bao thanh khí" nữa. "Nút", một từ đã hơi cổ, không thông dụng ở đàng ngoài nữa nên trở thành phương ngữ miền trong, nghĩa nó là "mút","hút", như "hút mật" có thể nói là "nút mật" (đây là căn cứ theo cuốn từ điển cách nay trên một trăm năm của Huình Tịnh Paulus Của). Nhưng "nút bao thanh khí" hay "hút bao thanh khí" lại là một sự việc ít nhiều trừu tượng, vì "thanh khí" không phải là "thanh" và "khí" mà điều muốn nói tới có lẽ là một phẩm chất nào đó đối với thi nhân là tuyệt vời, có thể được hình dung (đương nhiên là theo kiểu tượng trưng) như bầu khí trong trẻo thanh sạch. Hóa ra "nút" (= hút) lại là hành vi bày tỏ sự trìu mến: trìu mến đối với cô đào và thực ra là đối với cái nghệ thuật đẹp đẽ mà cô trình diễn đã khiến nhà thơ cảm động sâu sắc. Một cách trìu mến phải nói là lạ lùng.

Ở trên vừa nêu nhận xét về lối sáng tác thường được vận dụng khá nhiều trong *Tình huyết,* theo đó tác giả dựa vào liên tưởng, trực giác, vào ám thị, cuồng tưởng, đẩy xúc cảm từ thực sang phi thực, siêu thực tại. Nhưng cũng cần chú ý đến cái đối tượng mà các bài thơ kiểu ấy của Bích Khê thường nhắm vào thể hiện. Tôi nghĩ một trong những "đề tài" chủ yếu của tác giả *Tình huyết* là con người, là thân xác người, là giá trị người. Có thể nói tới cảm quan nhân bản như một nét đặc sắc của thơ Bích Khê, và về mặt này dường như khó có nhà "thơ mới" nào vượt nổi ông. Nhiều người đọc Bích Khê thường chỉ nhớ việc nhà thơ vừa khắc họa vừa rúng động trước thân thể những mỹ nữ, "*Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm?/ Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?*" Quả là Bích Khê không chỉ có một bài thơ về vẻ đẹp phụ nữ, không chỉ một lần dùng thơ vẽ ra "tranh lõa thể"; ông là nhà thơ ca tụng vẻ đẹp thân thể phụ nữ.

Ôi đi! đoàn tiên lột khỏa thân
Hoan hô xác thịt chiếm ngôi thần

Nhưng ta không nên quên là Bích Khê còn có những bài thơ hoặc hàng loạt đoạn thơ về từng phần của thân thể con người nói chung, không

nhất thiết là phụ nữ: bàn chân, hộp sọ, cặp mắt, trái tim, cặp lông mày, cặp đùi, cặp vú... Có khi ông thể hiện tiếp cận mới này bằng thao tác thơ vịnh quen thuộc:

Ôi khối mộng của hồn thơ chếnh choáng!
Ôi buồng xuân hơ hớ cánh đào sương!
Ôi bình vàng ôi chén ngọc đầy hương
...
Ôi! sọ người! sọ người! gương phép tắc!
(Sọ người)
Ô cặp mắt đa tình ngời sắc kiếm!
Một bàn chân ve vuốt một bàn chân!
(Bàn chân)
Ôi! cặp mắt của người trong tợ ngọc
Sáng như gươm và chấp chóa kim cương!
(Cặp mắt)

Hãy nhớ rằng nhà thơ mỗi lần nói tới một bộ phận thân thể thì mỗi lần ấy, cái được nói tới luôn luôn là những bộ phận của thân thể sống. Ở *Tình huyết*, những "mặt tươi", những "môi son", những "vú nõn", v.v... hiển nhiên đều được tiếp cận như vậy, nhưng không gây cảm giác lạ, có lẽ vì đó là những bộ phận ở mặt ngoài thân thể. Đối với cái sọ, cũng thao tác "cắt riêng" như thế (gọi bằng cái sọ tức là chỉ vào phần chìm khuất sau lớp da thịt tóc tai) lại dễ tạo cảm giác lạ, đôi khi cả cảm giác nhờm tởm (như gợi nghĩ tới cái sọ đang phân hủy). Thật ra ở *Tình huyết*, cái sọ không phải cái đầu lâu dưới huyệt mà là phần sống động gắn liền trên thân người, có điều con mắt mơ của thi sĩ đã hình dung nó ra sao đó (chẳng hạn, ngầm gắn nó với năng lực tư duy của con người?) nên thi sĩ có thể lên giọng ca tụng nó như khối mộng, như buồng xuân, như hồ nguyệt...

Có thể nói phần thân thể người hấp dẫn đến mức ám ảnh hồn thơ Bích Khê chính là cặp mắt. Tôi nghĩ ai đó (người viết những dòng này chưa kịp làm) có thể dùng thống kê để thấy hình ảnh con mắt, cặp mắt người, nhất là cặp mắt mỹ nhân, hiện diện thường trực ra sao trong thơ Bích Khê.

Trong cả bài thơ dài nhan đề Châu, một trong những cái mà hồn thơ tác giả dõi theo, dò hỏi, - chính là đôi mắt:

- Hỡi đôi mắt! nơi ngươi là ngọc thạch
...
Ngươi là ai? Ngươi hỡi! Ngươi là ai?

Ở trường hợp này nhà thơ không áp dụng kiểu thơ vịnh sự vịnh vật xưa

cũ, trái lại, ông lúc thì trầm tư lúc lại tự ngập chìm vào trạng huống mê loạn để làm hiện ra những ảo cảnh, nơi mà mọi sự vật đều ở trong một trạng thái gần như tan loãng, quay cuồng, các phần thân thể con người chuyển hóa, biến động một cách siêu thực tại:

Nhạc khiêu vũ đâu đây lan sóng múa
Tôi tưởng chừng... da thịt biến ra thơm
Những đầu lâu rã hết khí xanh rờn
Những xiêm áo bay rờn trong cảnh mộng
Cả địa ngục đi vào trăm lỗ hổng
Bắn tinh ra trộn trạo giữa nguồn hương
(Châu, III)

Bài Châu là bài cuối của phần cuối Tinh huyết (phần này mang tên *Cuồng và ánh sáng*). Có thể tìm thấy ở bài này khá nhiều nét siêu thực và tượng trưng trong xúc cảm và sự thể hiện của tác giả.

Bản thân từ "châu" đã khá đa nghĩa (đây cũng là từ mà ở miền ngoài ít thông dụng hơn so với ở miền trong), ngoài những hàm nghĩa ít liên quan nên ta có thể tạm thời loại ra (những từ "châu" đồng âm, trỏ một vùng đất lớn, hoặc trỏ một hòn đảo, một doi đất, bãi đất...); còn lại, các từ "châu" trỏ hạt ngọc trai, trỏ dòng nước mắt, trỏ tính chất quý giá... vốn đã không thật tách bạch nhau. Ở bài thơ này của Bích Khê, có thể cảm thấy "châu" như một tinh chất quý báu, một chất thể biến hóa, như trạng thái chung cục của những biến hóa. "Cặp mắt say thơ mộng" có thể "dần biến ra châu trắng mịn mà"; đôi mắt đẹp trên pho tượng mỹ nhân có thể "biến ra châu nguyên vẹn cốt thiên đàng"... Cho đến người nữ không rõ hình hài mà nhà thơ yêu mến "Em đã là châu lệ cũng châu", và chính tiếng nói của nhà thơ "Tôi chết rồi tiếng nói như châu". "Thơ tôi" (đây là nhân vật trữ tình trong thơ Bích Khê tự xưng) vừa "lưu luyến giữa dòng châu", vừa có thể được "tượng hình bằng châu bằng lệ"... Nhưng "châu" còn như chất thể đã tiết xuất ra, đã ứa trào ra, từ những gãy đổ, từ những rạn vỡ:

- Châu vỡ Thiên Tài lai láng cả
Chết rồi! khí phách của tôi đâu?
- Say mức say mơ say mất mây
Thần châu tôi xuất phút này đây
Mau lên! Tinh túy ngàn muôn triệu
Thế giới - hư linh - hiệp lại nầy

Qua suốt các đoạn của toàn bài *Châu*, có thể thấy hồn thơ tác giả như một nhân vật chu du trong thế giới ảo cảnh, dõi theo một đối tượng khi ẩn

khi hiện, tha thiết muốn trò chuyện với nó, - đối tượng đó là đôi mắt:

Tôi đã hôn lên đôi mắt thơ
Rồi mang đôi mắt ở trong mơ
Giờ đôi mắt hiện xanh như ngọc
Ám ảnh hồn tôi đến ngất ngư

Cuộc rượt đuổi của thi nhân với cặp mắt tạo thành một thứ gần như hành động, gần như kịch tính cho cả bài Châu. Mỗi khi cặp mắt hiện hình là "*Toàn thân tôi rởn ốc / Cả linh hồn óc não phổi tim gan...*" Thi nhân muốn hỏi đôi mắt ấy thật nhiều thật nhiều:

Hỡi đôi mắt! hồ thủy tinh trong suốt
Soi trần gian địa ngục vạn đời ma
Hãy nói tên thần bí của muôn hoa
Hãy kể hết nhiệm màu muôn thế giới
Những bí quyết khi nhạc lên vời vợi
Những thơm ngào phối hiệp giữa trăng sao
...
Người là ai? người hỡi! người là ai?
- Nhưng đôi mắt lờ lặng và mê say
Nhìn đắm đuối không một lời náo nức

Sau nhiều lần sáp lại và bị lẩn tránh, cuối cùng, thi nhân dốc hết tâm nguyện, và ông đã nhận được lời đáp từ cặp mắt:

- Hỡi đôi mắt! ngươi hãy hiện trên tay
Cho lòng ta ấp yêu nguồn suối lệ
Hồn ta say trong nhạc vàng kể lể
Tình ta dâng trong gợn sóng thu ba
Cả máu đào tuỷ trắng với xương ma
Cùng tinh loãng và bao nhiêu bảo vật
Để xây đắp bàn thờ cao chất ngất
Lút mây xanh và lút cả thiên thai
Ngươi là ai? Ngươi hỡi! Ngươi là ai?
- Bỗng đôi mắt rưng rưng dường rớm khóc
Nhưng cười nụ trong màu hoa ánh ngọc:
- Ta là CHÂU! *Thi sĩ! Ta là CHÂU!*

Độ căng mang đôi chút kịch tính, đến đây được giải tỏa. Nhưng hàm nghĩa "châu" đã không nhờ đó mà trở nên dễ hiểu hơn. "Châu" như ý niệm chất thể, như ý niệm giá trị, vẫn mờ nhòe trong những liên hội mà trực giác chỉ soi rọi từng lúc ít ỏi. Tuy vậy, hiệu quả gây ám ảnh của nghệ thuật thơ

không vì thế mà suy giảm. "Châu" chính là một hình ảnh được láy đi láy lại như mô-tip chủ đạo (leitmotiv) của toàn bài và do đó là một tượng trưng. Một tượng trưng với hàm nghĩa nhân bản phổ quát.

3/ Như đã nêu ở nhan đề bài này, tập thơ *Tình huyết* (in xong lần đầu vào tháng 12/1939 tại Hà Nội, sau đó được phát hành rộng rãi) có thể được xem như điểm đánh dấu hai giai đoạn phát triển của phong trào thơ mới 1932-45. Một số cây bút ở Hà Nội từng tham gia phong trào thơ mới như Vũ Hoàng Địch, Đông Hoài... đã nói cho tôi biết nhận xét này của họ, và từ việc xem xét cứ liệu cụ thể, tôi cũng đi tới nhận định như vậy.

Nếu mô tả thật khái quát tiến trình thơ mới, có thể tóm gọn nó trong hai giai đoạn: giai đoạn đầu với vai trò chủ đạo của những nhà thơ mới của (hoặc gắn với) nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... mà nét nổi bật chung về khuynh hướng nghệ thuật là thơ trữ tình lãng mạn duy lý; giai đoạn sau với uy tín của Hàn Mặc Tử, Bích Khê... và "trường thơ loạn" của họ mà dấu ấn rõ rệt về khuynh hướng sáng tác là sự xuất hiện những đặc điểm tiền hiện đại chủ nghĩa hoặc hiện đại chủ nghĩa như tượng trưng, siêu thực, suy đồi, tiền phong (Tất nhiên ở giai đoạn sau còn có khuynh hướng trở về với nguồn thơ phương Đông, nhưng ở một vài hiện tượng tiêu biểu của khuynh hướng này như Xuân Thu Nhã Tập, người ta vẫn thấy những nét của tinh thần tiền phong, tức là tinh thần hiện đại chủ nghĩa).

Cần phải nói thêm rằng, sớm hơn Bích Khê vài ba năm, vào năm 1936, người sẽ là đại diện số một của "trường thơ loạn" là Hàn Mặc Tử đã công bố tập thơ *Gái quê*, nhưng tập thơ này vẫn chưa cho thấy tác giả của nó đã đi sang phạm vi tượng trưng, siêu thực; vào năm 1937, một đại diện khác, cũng đích thực của "trường thơ loạn" là Chế Lan Viên, đã trình làng tập thơ *Điêu tàn* (cũng in tại Hà Nội) mà bài tự đề tựa chính là tuyên ngôn của "trường thơ loạn". Nhưng *Điêu tàn* ra mắt chỉ khiến làng thơ đương thời ở đất Bắc thấy "như một niềm kinh dị" (đây là mượn lời diễn tả của Hoài Thanh) chứ chưa tìm được tri âm tri kỷ. Là vì khi ấy làng thơ đất Bắc vẫn còn đang tiếp tục dành nhiều ngưỡng mộ cho các thi gia xuất hiện trên các cơ quan của nhóm Tự Lực (các tờ *Phong Hóa, Ngày Nay*). Tập *Thơ thơ* của Xuân Diệu in thành sách năm 1938, tập *Lửa thiêng* in thành sách năm 1940 nhưng khá nhiều bài trong các tập này đã đến với người đọc từ dăm ba năm trước đó, chủ yếu cũng trên các ấn phẩm của nhóm Tự Lực. Sang thập niên

1940, hoạt động văn nghệ của nhóm Tự Lực sút kém rõ rệt; kiểu thơ của các thi gia gắn với Tự Lực cũng kém dần sức hấp dẫn trong con mắt những người cầm bút trẻ. Đến lúc này, người ta lưu ý nhiều hơn đến những tìm tòi kiểu khác cho thơ tiếng Việt. Tập *Tình huyết* vì vậy là một trong những ví dụ hiếm hoi đáp ứng tâm thế ấy của giới sáng tác trẻ đất Bắc.

Có thể tìm thấy ảnh hưởng của "trường thơ loạn" trong sáng tác của một loạt cây bút thơ ở Hà Nội những năm 1940-46 như Hoàng Lộc (*Từ tịch dương đến bình minh*), Đông Hoài (*Giác linh hương*), Đinh Hùng (*Mê hồn ca*) và nhóm Dạ Đài (Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch...). Trừ *Từ tịch dương đến bình minh* của Hoàng Lộc hiện chưa tìm lại được văn bản nên về xu hướng của nó buộc phải dựa vào nhận định của các nhân chứng (dựa vào Vũ Hoàng Địch, Đông Hoài); ngoài ra các trường hợp khác đều có văn bản tác phẩm để xem xét.

Nhìn chung, trong sáng tác, các cây bút này đều xem trọng những gì như bất giác đến từ trực giác, từ vô thức; họ thích thác lời những linh hồn của thế giới bên kia hoặc thích chuyện trò với chúng; ý niệm thực tại ở họ như gồm cả cõi sống lẫn cõi chết và cái được nói đến nhiều hơn lại là cõi chết; ở sáng tác của họ đôi khi cũng thấy cảm hứng đập phá của phái tiền phong; họ cũng chú trọng sáng tạo nhạc tính của ngôn từ thơ ca.

Đông Hoài phác vẽ một thứ *Ngẫu tượng siêu luân*:

Sặc sụa hương nào thơm xác ma
Lòng đi âm phủ bước dương tà
Đầu lâu ghé miệng hôn yêu dấu
Cỏ mộ hoa lầu quỳ hát ca

Trần Mai Châu ở bài *Theo bóng tử thần* trở lại một đêm tàn sát nào đó từ cổ đại trung đại:

Trăng ơi! trở lại đêm tàn sát
Này ánh tà dương khóc bạo Tần
Em có buồn không, giờ tử nạn
Ta cười ghi lại nét phù vân
Nửa đêm sao biếc về trong mộ
Mừng cuộc hồi sinh hiện giữa trần

Trong bài *Về nẻo thanh tuyền,* Trần Dần thác lời hồn ma một kẻ từng có uy quyền trên thế gian nay đã mất hình hài đã nằm dưới thuỷ cung vẫn đe dọa đòi lại những gì đã mất:

... Hồn ta mất mảnh thi hài
Về trên thế tục ta đòi cố đô

... Tiếng ta than động trăng mờ
Từng đêm ta gọi lá cờ Nữ Vương
...

Nếu mấy sáng tác lẻ tẻ của Trần Dần, Vũ Hoàng Địch, Trần Mai Châu, Nguyễn Văn Tậu in trong *Dạ Đài* số 1 chưa thể minh chứng đáng kể cho những điều họ nói trong Bản *tuyên ngôn tượng trưng* (cũng in trong *Dạ Đài* số 1), thì tinh thần của bản tuyên ngôn ấy lại được bộc lộ rõ hơn trong tập *Mê hồn ca* của Đinh Hùng. Tập thơ này mãi đến 1954 mới in thành sách, nhưng hiển nhiên đây là thơ của thời kỳ 1944-46 mà một số bài đã đăng tải ngay những năm ấy (ví dụ bài đăng ở *Dạ Đài* số 1).

Như tên gọi của nó, đây là những khúc "mê hồn", "lạc hồn", những bài ca của một linh hồn chu du dấn bước vào những miền lạ, hoặc thử làm lạ miền đất quen, chẳng hạn thử vào vai "người rừng", bước về "đô thị" để thấy "*Ôi ngợ ngác một lũ người vong bản / Mất tinh thần từ những thuở xa xôi*", để thấy mình bị xa lánh và trở nên xa lạ, rốt cuộc ra tay tàn phá đình tạ thành quách rồi trở lại núi rừng, trở lại cuộc sống hoang dã: "*Từng buổi hoàng hôn xuống lạ kỳ / Ta nằm trên cỏ lắng tai nghe... / Thèm ăn một chút hoa hoang dại / Rồi ngủ như loài muông thú kia*". Dĩ nhiên linh hồn ấy cũng dấn bước vào tình yêu, vào thế giới những "kỳ nữ", những "người gái thiên nhiên"... Nhưng đáng nói hơn là linh hồn ấy hướng về trò chuyện với người gái dưới mộ, dõi tìm bóng dáng tử thần... Linh hồn ấy như thuộc về cả cõi sống lẫn cõi chết, thuộc về cả hiện tại lẫn các thời đại xa xưa... "*Ai tìm ta đó trong đêm loạn? / Có gặp Thơ về, Nhạc hiển linh? / Ta gọi thiên tai, cười mệnh số*". Trong những lời ca lạc hồn ấy đôi khi vang lên những lời như toan nói tiên tri: "Thế kỷ thanh bình nức nở qua / Ta nhìn nhau khóc tuổi trăng già...", hoặc: "*Thời đại Hoàng Kim đã phục hồi / Ta mừng Bạo Chúa sắp lên ngôi / Tìm thơ vương giả, xuân lưu huyết...*" Thế giới mê hồn là cõi trời loạn, là cõi hỗn độn, là nơi tử sinh chuyển hoá: "*Bừng mắt dậy, lửa hồi sinh đỏ rực / Thịt xương về trong cổ mộ xôn xao / Hỏa thiêu rồi! Làn tử khí lên cao / Chiều tái tạo bâng khuâng từng ngọn cỏ...*" Những đổ vỡ mà linh hồn này cảm thấy ở đây là những đổ vỡ vũ trụ: "*Trời lâm nạn, thôi! hành tinh tan vỡ! / ... / Chúng ta khóc như một bầy thú dữ / Lòng dã man nghe trái đất tan tành*".

Mặc dầu cũng hướng tới một thế giới siêu thực tại như tác giả *Tình huyết*, nhưng ở Đinh Hùng và các thi gia Hà Nội kể trên, cõi siêu thực tại dường như vẫn bị viền khung bởi ý thức duy lý của những cái tôi tác giả. Có vẻ như cái tiếng Việt xứ Bắc quá sáng rõ, cái câu thơ lục bát, câu thơ

bảy chữ hoặc tám chữ quá đều đặn đã phản lại tâm thế điên rồ của họ, phản lại bước chân mê cuồng của họ. Thi nhân như là vẫn luôn ở bờ bên này tuy biết có bờ cõi siêu thực tại bên kia; họ hầu như chưa mấy khi nhập hồn mình được hoàn toàn sang đó như Hàn Mặc Tử đã làm được thường xuyên trong *Thơ điên* (*Đau thương*), *Chơi giữa mùa trăng*, Bích Khê đã làm được khá thường xuyên trong *Tình huyết*, Chế Lan Viên đã làm được ít nhiều trong *Điêu tàn*.

Dầu sao những hiện tượng trên đây ở giới làm thơ ngoài Bắc đầu những năm 1940 vẫn cho thấy những tìm tòi của "trường thơ loạn" miền Trung giữa những năm 1930 là bước đi hữu lý trên hướng cập nhật hóa những tìm tòi của thi ca thế giới đương đại vào thi ca tiếng Việt. Họ không trực tiếp chịu ảnh hưởng cụ thể của một ai đó trong "trường thơ loạn"; đơn giản là họ thấy ở những T*inh huyết, Điêu tàn, Đau thương* (*Thơ điên*) một hướng sáng tác khả thi, hứa hẹn đem lại cái mới vào thơ tiếng Việt. Một số kết quả sáng tác quá ít ỏi của họ trong thời gian quá ngắn ngủi, - chưa in thành dấu vết đáng kể vào thành tựu phát triển của thơ ca tiếng Việt. Tuy vậy, thể nghiệm sáng tạo của họ cũng như của các tác gia "trường thơ loạn" cho thấy đây là một hướng có thể trông cậy được nhằm đưa thơ tiếng Việt vượt qua thời đại những mẫu mực của thơ mới lãng mạn duy lý.

Lại Nguyên Ân

Hà Nội, tháng 11-2005

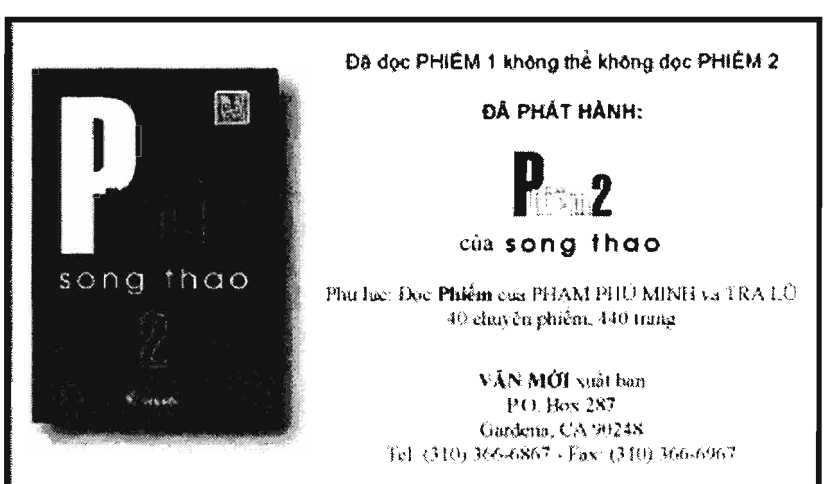

trở lại câu chuyện so sánh kim vân kiều truyện với truyện kiều của ông đồng văn thành

NGUYỄN HUỆ CHI

Năm 1989, tôi là người có cái may mắn tiếp xúc với hai cuốn *Minh Thanh tiểu thuyết luận tùng* 明清小說論叢 tập 4 (1986) và tập 5 (1987) trong đó có bài *So sánh "Truyện Kim Vân Kiều" giữa hai nước Trung Việt* 中越"金雲翹傳"的比較 in liền hai kỳ của ông Đồng Văn Thành 董文成 mà nhà Trung Quốc học người Nga Riftine nhã ý trao cho đọc tại Moskva rồi sau đó nhờ tôi đem về tặng lại chị Phạm Tú Châu. Vừa đọc, tôi đã nhận thấy đây là một bài viết có ngữ khí không bình thường, có vẻ là một hồi chuông "cảnh mê", hay một gáo "nước xối sau lưng" cho người ta tỉnh lại, như lời Huỳnh Thúc Kháng nói về bài Ngô Đức Kế cũng về chuyện đánh giá *Truyện Kiều* 70 năm về trước. Lời lẽ của Đồng Văn Thành kể như là lời tâm huyết của một "tráng sĩ" muốn "ra tay tế độ" khi chứng kiến cảnh "trầm luân" của một sản phẩm thuộc "kho báu" tinh thần của đất nước mình, bị đồng loại (người Trung Hoa) quên lãng, trong khi đó thì người chị em sinh đôi với nó tại một quốc gia khác - *Truyện Kiều* - lại được hết thảy người Việt và rộng hơn, rất nhiều người đọc trên thế giới, kể cả một số học giả Trung Quốc rất mực trân trọng, đề cao, coi đó như kiệt tác của một thiên tài. Tôi cảm thông với nỗi phẫn hận chính đáng của nhà nghiên cứu họ Đồng và kính trọng công phu kiên trì tìm kiếm bóng dáng nguyên bản *Kim Vân Kiều truyện* của ông, cũng như hứng thú đón nhận những thông tin mới mẻ về *Kim Vân Kiều truyện* mà ông cung cấp, cả những lời bàn giải về nhiều mặt khả thủ ông gợi ra từ tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân, nhưng lại rất không đồng tình với cách ông bênh vực *Kim Vân Kiều truyện* bằng việc hạ thấp *Truyện Kiều*. Tôi thầm hẹn với lòng thế nào cũng phải có ngày hầu chuyện

ông. Vì thế, mặc dù từ bấy đến nay kể cũng đã lâu, đã có nhiều người như Phạm Tú Châu, Hoàng Văn Lâu, Nguyễn Khắc Phi và cả Trần Ích Nguyên 陳益源 ở Đài Loan lên tiếng[1], xem ra tiếng chuông của Đồng Văn Thành gióng lên mười tám năm về trước vẫn còn gây hiệu ứng trên văn đàn Trung Quốc, Đài Loan, có thể ở Việt Nam và biết đâu ở một số nước khác nữa[2], nên xin tiếp tục có mấy lời mạo muội trao đổi với Đồng tiên sinh.

1. Tôi rất tán đồng với Nguyễn Khắc Phi rằng muốn so sánh *Kim Vân Kiều truyện* với *Truyện Kiều* một cách khoa học nhất thiết phải có những thao tác nghiêm chỉnh và tỷ mỉ nhằm đối chiếu chỗ dị đồng giữa hai bên thật rành mạch chứ không thể tùy tiện. Tôi cũng không kém tán đồng Phạm Tú Châu và Hoàng Văn Lâu rằng muốn làm so sánh cho chính xác, không chỉ phải thành thạo cổ Hán ngữ mà còn phải rất thành thạo tiếng Việt nhất là tiếng Việt thế kỷ XIX, cái mà ông Đồng Văn Thành chỉ mới có được một vế. Đến nỗi khi so sánh, ông đã vô tình rơi vào lầm lẫn vì phải dựa vào bản dịch *Truyện Kiều* ra chữ Hán chưa mấy chuẩn xác của ông Hoàng Dật Cầu 黃軼球 [3]. Tôi sẽ không nhắc lại ở đây những gì họ Đồng đã thất thố khi không vượt qua nổi "cái bẫy" của bản dịch mà Phạm Tú Châu và Hoàng Văn Lâu đã thẳng thắn chỉ ra, khiến cho những chỉ trích của ông, chẳng hạn nói rằng Nguyễn Du đã hạ thấp tính cách hai nhân vật Thúy Kiều và Từ Hải, hoặc Nguyễn Du đã dùng điển không chỉnh... đều trở nên vô nghĩa. Tôi cũng chưa thể làm cái việc so lại từng đoạn từng câu thật kỹ lưỡng giữa *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều* như Nguyễn Khắc Phi mong muốn. Việc ấy Phạm Đan Quế đã thực hiện từ năm1991[4], sau đó Nguyễn Thạch Giang, Triệu Ngọc Lan và Lô Úy Thu lại tiếp tục tuy nhằm chủ đích khác nên chỉ thu gọn trong "một số nhận xét"[5]. Tuy nhiên, tôi cũng tự mình đối chiếu ở một chừng mực nhất định giữa hai tác phẩm, với một mục tiêu hạn chế, nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra trong bài này.

Chỗ quan trọng trước hết, theo tôi, là hãy nhìn sâu vào chủ ý của ông Đồng Văn Thành. Ông muốn đề xuất điều gì cấp thiết khi so sánh *Truyện Kiều* với *Kim Vân Kiều truyện*? Nguyễn Khắc Phi cho rằng "không thể phủ nhận ý định đề cao, thậm chí rất cao *Truyện Kiều* của Nguyễn Du" trong bài của ông[6]. Đọc đi đọc lại bài Đồng Văn Thành nhiều lần tôi thấy không hẳn đã như thế. Nguyễn Khắc Phi không thích cách lấy tiêu chí của một tác phẩm Trung Quốc như *Hồng lâu mộng* để làm thước đo giá trị *Truyện Kiều* của Việt Nam. Rất đúng, nhưng mà thôi cũng cứ được đi, nếu Đồng Văn Thành thực tâm muốn sánh *Truyện Kiều* với *Hồng lâu mộng*. Đọc lại

câu văn của ông Đồng Văn Thành, thì nào đâu có phải. Ông chỉ nói đó là dư luận từ trước đến nay về *Truyện Kiều* chứ không phải ý kiến của bản thân ông. Thậm chí ông còn dẫn lời ông Trương Triều Kha 張朝柯 trong sách *Sơ giản lịch sử văn học Á Phi* 亞非文學簡史 cho rằng "Người dân Việt Nam so Nguyễn Du, tác giả *Truyện Kiều*, với Pouskine của Nga, Balzac của Pháp và Tào Tuyết Cần của Trung Quốc"[7]. Vậy "cái thước đo" mà Nguyễn Khắc Phi e ngại thực chất theo Đồng Văn Thành là của người Việt đấy, tuyệt không phải của người Trung Hoa và người nước ngoài. Như sau đây ta sẽ thấy, dẫn ra những lời này, Đồng Văn Thành muốn kín đáo hoàn lại thước đo ấy cho người Việt theo kiểu cái gì của César thì trả về cho César. Đó mới là chỗ dụng ý thâm trầm của tiên sinh họ Đồng. Vì sao tôi dám nói vậy? Hãy xem trình tự phân tích trong bài của Đồng Văn Thành.

Sau khi hết lời phàn nàn sự bất công của dư luận trong nước đã bỏ quên *Kim Vân Kiều truyện* suốt mấy trăm năm, thậm chí "sổ toẹt", họ Đồng bèn so sánh *Kim Vân Kiều truyện* với *Truyện Kiều* theo một tiến trình hai chặng. Chặng thứ nhất chia làm hai bước nhỏ là so sánh cốt truyện và so sánh chủ đề tư tưởng giữa hai tác phẩm, chặng thứ hai là so sánh những tình tiết sai dị giữa hai tác phẩm, từ đó rút ra kết luận cũng theo một tiến trình hai cấp, nâng luận điểm lên dần dần. Tiến trình đầu, có ba kết luận cơ bản được rút ra: **a**. "Nhân vật chính cùng tình tiết cốt truyện ở hai bộ *Truyện Kiều* của Trung Quốc và Việt Nam hoàn toàn giống nhau, kể cả kết cấu tự sự cũng không chút thay đổi. Chỗ khác nhau chỉ là *Truyện Kiều* Trung Quốc có bản 12 hồi và có bản 20 hồi, còn *Truyện Kiều* Việt Nam chỉ có bản gồm 12 quyển, không có bản gồm 20 quyển. Tiểu thuyết *Truyện Kiều* Trung Quốc lưu truyền cuối đời Minh, tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân in đầu đời Thanh còn *Truyện Kiều* của Việt Nam được Nguyễn Du hoàn thành vào năm thứ hai sau chuyến đi sứ Trung Quốc lần thứ nhất (năm 1815, niên hiệu Gia Khánh năm thứ 20), muộn hơn *Truyện Kiều* của Trung Quốc ít nhất trên 160 năm. Rõ ràng Nguyễn Du chịu ảnh hưởng tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân chứ quyết không thể là chuyện ngược lại"[8]; **b**. "Nhìn tổng thể, tôi - tức Đồng Văn Thành - thấy *Truyện Kiều* của Nguyễn Du bất luận về nội dung hay về nghệ thuật... đều không vượt được bản gốc - *Truyện Kiều* của Trung Quốc - mà nó mô phỏng"[9] (một chỗ khác trong *Minh Thanh tiểu thuyết giám thưởng từ điển* 明清小說鑒賞辭典, Đồng quân còn nói trắng ra rằng *Truyện Kiều* là "bản dịch" từ Thanh Tâm Tài Nhân như Nguyễn Khắc Phi đã lưu ý); **c**. "*Truyện Kiều* của Nguyễn Du bảo tồn được phần lớn tinh hoa của nguyên tác tiểu thuyết Trung Quốc, tuy có tăng giảm về nội dung

và nghệ thuật song phần nhiều vẫn bảo tồn được nguyên tác, vì vậy có cống hiến cho sự giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một tác phẩm đáng được khẳng định"[10]. Tiến trình đầu tiên gồm ba luận điểm này thật chặt chẽ và lôgic. Cốt truyện thì không thay đổi, ai cũng chấp nhận. Chủ đề tuy có thay đổi nhưng không đi xa nguyên tác, mà Nguyễn Du lại viết *Truyện Kiều* sau *Kim Vân Kiều truyện* những 160 năm là ít, vậy Nguyễn Du không "mô phỏng", không "dịch lại" Thanh Tâm Tài Nhân thì là gì. Hẳn ít ai, dù có muốn cũng khó thoát ra khỏi tình thế lưỡng đao của kết luận thứ hai. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có giá trị đấy, "đáng được khẳng định", nhưng nhìn cho kỹ giá trị ấy chỉ nằm trong phạm vi "bảo tồn được nguyên tác" và đóng góp vào sự "giao lưu văn hóa Trung Việt", nói cụ thể là "bất luận nội dung hay nghệ thuật đều không thể vượt lên trên nguyên tác" được. Chỉ qua hai thao tác so sánh đơn giản, ông Đổng Văn Thành đã đặt người ta vào cái thế phải thu hẹp lại phạm vi ý nghĩa *Truyện Kiều*, từ chỗ là một tác phẩm độc lập và có giá trị nhân loại để đời đến chỗ phải nằm trong tương quan với *Kim Vân Kiều truyện* mới thấy rõ giá trị, thế có đáng để chúng ta thán phục hay không.

Nhưng xin chớ vội lạc quan. Ngay sau mấy lời khẳng định thế rồi, ông Đổng Văn Thành chuyển sang đánh giá về *Kim Vân Kiều truyện*. Vâng, đánh giá là việc cần làm, và chúng tôi nghĩ rất nên hoan nghênh những tìm tòi thẩu đáo để đi tới sự đánh giá khách quan đúng mức. Nhưng ở đây ta hãy lưu ý tới một ý kiến chốt lại của ông, rằng *Kim Vân Kiều truyện* là "một tác phẩm loại hai" trong kho tàng tiểu thuyết Minh Thanh, từ đó liên hệ trở lại với những kết luận ông rút ra ở phần trước, thì sẽ thấy dụng ý sâu xa của một lời phán quyết vô ngôn trong mạch ý tứ của tác giả. Xin thử chắp nối hai ý: nếu "bất luận về nội dung hay về nghệ thuật *Truyện Kiều* không thể nào vượt được bản gốc", mà bản gốc thuộc vào hàng những tác phẩm loại hai, từ lâu đã bị bạn đọc Trung Hoa xếp xó, thì cái tác phẩm gọi là "mô phỏng bản gốc" ấy làm sao đáng được xem là một sản phẩm thiên tài, có thể đem sánh với *Hồng lâu mộng* như người Việt đã làm? Chẳng phải Đổng tiên sinh đã cho chúng ta một bài học thâm thúy về cách dùng tam đoạn luận cũng rất thâm thúy đấy sao.

Song đâu đã hết. Ông Đổng Văn Thành sẽ còn bước sang chặng so sánh thứ hai về những sai dị giữa hai tác phẩm như trên tôi đã đề cập, để cuối cùng dành cho độc giả tự phán đoán lấy, thông qua những kiến giải có vẻ không nỡ nói thật cạn ý, nhưng ai chịu khó nghiền ngẫm chắc còn bàng hoàng sửng sốt hơn. Ông nói: **a**. "Nguyễn Du đã in dấu ý thức chủ quan

của mình cho một số nhân vật, làm tổn hại sự thống nhất về tính cách của những nhân vật ấy ở mức độ nhất định"[11]; **b**. Nguyễn Du đã "làm sâu thêm quan niệm số mệnh phong kiến"[12]; **c**. "Nguyễn Du còn thêm chân cho rắn khiến chúng mâu thuẫn với hoàn cảnh và tình tiết trong toàn bộ nguyên tác"[13]. Nghĩa là bất luận về phương diện nào, tuy nói *Truyện Kiều* không thua *Kim Vân Kiều truyện*, cứ đi sâu vào thì rõ là thua trông thấy, mà thua là do chủ quan Nguyễn Du đã thay đổi tình tiết cốt truyện; do "lập trường giai cấp quý tộc" (豪門世族立場) nặng gánh khiến Nguyễn Du thiếu nghiêm minh trong việc kết án giai cấp thống trị; và do Nguyễn Du chưa nhuyễn điển cố văn học Trung Quốc, còn "những chỗ hổng về kiến thức" (知識上的缺陷), lại "thích khoe khoang chữ nghĩa" (隨時炫耀自己對中國詩詞), nên nhiều chỗ đã "dùng sai" (引用上的錯誤) "dùng gượng" (生硬) "dùng chồng chất" (堆砌) các thứ điển, làm ảnh hưởng tới giá trị tác phẩm của ông. Thiết tưởng, với ba kết luận bổ sung đó, còn ai dám coi *Truyện Kiều* đứng ngang *Kim Vân Kiều truyện* được nữa không, hay đành phải chấp nhận lời phê phán nhẹ nhàng mà không kém "sâu sắc nước đời" của họ Đổng: "những tình tiết Nguyễn Du đổi khác so với nguyên tác tuy không nhiều nhưng tuyệt đại đa số đều không được như mức độ tư tưởng và mức độ nghệ thuật của nguyên tác"[14]. Nói khác đi, nếu *Kim Vân Kiều truyện* là tác phẩm loại hai thì *Truyện Kiều* với những sửa chữa "biến lành thành què" của Nguyễn Du lại phải đặt xuống loại ba hoặc thấp hơn nữa, nhất định là thế, và cái điều mà ta buộc phải liên tưởng như một hệ luận tất yếu, là một tác phẩm lâu nay vẫn được thế giới nhìn nhận là kiệt tác thì than ôi đấy chỉ là... bé cái nhầm. Tuy không nói hẳn ra, "gáo nước lạnh" ông Đổng Văn Thành xối sau lưng độc giả, rốt cuộc, lại phải nói như cụ Huỳnh Thúc kháng, đã trở thành tiếng "sét phang trước trán" thật rồi.

2. Nhưng chân lý có đứng về phía ông Đổng Văn Thành hay không? Đó mới là điều cần trao đổi với nhau. Chỗ lầm lẫn đầu tiên của ông Đổng Văn Thành theo tôi là ông đã so sánh *Kim Vân Kiều truyện* với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du **trên cấp độ cốt truyện** (tuy ông nói ông "so sánh nhân vật-cốt truyện" nhưng xét kỹ chỉ là so sánh cốt truyện và một số tình tiết cốt truyện xoay quanh hai nhân vật Thúy Kiều, Từ Hải mà thôi). Chính ông cũng biết giữa hai tác phẩm có một khác biệt hết sức cơ bản: thể loại của chúng khác nhau. Một bên là văn xuôi tự sự (*Kim Vân Kiều truyện*), còn một bên là truyện thơ (*Truyện Kiều*) mà ông gọi đó là thơ trường thiên. Thể loại đã khác nhau thì thông điệp nghệ thuật của mỗi tác phẩm làm sao

có thể giống nhau, bởi vì nói như Ferdinand Brunetière (1849-1906), thể loại văn học cũng giống như các loài sinh vật tiến hóa theo thuyết Darwin, luôn luôn phải phục tùng quy luật tiến hóa đa dạng của đời sống văn học. Đó "là một trong những vấn đề rất cũ của thi pháp học" và "việc nghiên cứu thể loại phải được tiến hành từ đặc trưng cấu trúc nghệ thuật của nó"[15] chứ đâu phải là từ cốt truyện? Thiết tưởng những kiến thức này là điều sơ đẳng, nhà nghiên cứu văn học ai cũng phải nắm vững. Vậy mà ông Đồng Văn Thành lại sử dụng một thao tác kỳ lạ: sử dụng lời tóm tắt *Kim Vân Kiều truyện* của Thư viện Đại Liên do Nhà xuất bản Xuân phong in năm 1983 trong khoảng vài chục dòng rồi đem đối sánh với đoạn tóm tắt *Truyện Kiều* của ông Hoàng Dật Cầu cũng trong khoảng vài chục dòng để dẫn tới một lời khẳng quyết rằng "giá trị nội dung và nghệ thuật" của tác phẩm này (*Truyện Kiều*) là "bảo lưu" nói cách khác bắt nguồn từ giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm kia (*Kim Vân Kiều truyện*), tức là truyện này là dịch hay mô phỏng của truyện kia, thật dễ dàng làm sao!

Trái với Đồng Văn Thành, chúng tôi cho rằng nếu đi tìm sự dị biệt giữa *Kim Vân Kiều truyện* với *Truyện Kiều* trên cấp độ cốt truyện thì vấn đề sẽ chẳng có ý nghĩa bao nhiêu. Việc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du được "đoạt thai hoán cốt" từ tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và trên cơ bản, theo sát cốt truyện, thậm chí tình tiết cốt truyện của bản gốc, thì người Việt Nam từ lâu rồi ai mà chẳng thừa nhận. Nói rộng hơn, giao lưu văn hóa trên thế giới xưa nay là chuyện muôn thuở và trong khu vực văn hóa Đông Á nhiều thế kỷ đã qua, Việt Nam và một số nước láng giềng với tư cách những nền văn hóa ngoại vi đã hướng về Trung Hoa như một tâm điểm, là điều không có gì lạ. Công lao "gợi ý" của *Kim Vân Kiều truyện* đối với *Truyện Kiều* trong trường hợp này quả là lớn chứ không phải nhỏ. Có điều, bằng thể loại truyện thơ, *Truyện Kiều* đã chinh phục độc giả Việt Nam tuyệt không như *Kim Vân Kiều truyện* đến với độc giả Trung Hoa, bởi lẽ hai yếu tố *truyện* và *thơ* đã kết hợp một cách kỳ diệu thông qua thiên tài sáng tạo của Nguyễn Du, từ phương thức tư duy thuần túy trần thuật bước sang địa hạt tư duy tự sự-trữ tình, nâng cấp lên tư duy trừu tượng-biểu cảm, khiến cho cảm xúc của người đọc được nhân lên gấp bội và cứ thế lan tỏa không giới hạn, vượt qua cõi hữu thức mà đi vào đến tận cõi vô thức, vượt qua việc đọc Kiều, kể Kiều, ngâm Kiều, lấy Kiều, tập Kiều, đố Kiều, họa Kiều, vịnh Kiều, bình Kiều, giảng Kiều, diễn xướng Kiều mà đi đến cả bói Kiều, từ truyền cảm nghệ thuật đã tiến sát vùng biên giới của tín ngưỡng. Đó là điều Thanh Tâm Tài Nhân không thể nào làm được với cuốn truyện

chương hồi của ông. Ngay trong văn học thế giới, theo lời Hoài Thanh, trừ Homère ra cũng không ai giành được một địa vị trong công chúng theo kiểu như Nguyễn Du. Thử hỏi, chỉ so sánh cốt truyện giữa *Kim Vân Kiều truyện* với *Truyện Kiều* không thôi thì làm sao thấy được cái ranh giới không thể lẫn lộn kia? Trong văn học phương Tây, đề tài "Le Cid" vốn có từ thế kỷ XI và tính đến thế kỷ XVII chẳng phải đã lần lượt xuất hiện ít nhất bốn tác phẩm khác nhau: 1. Bản anh hùng ca *Bài ca về Cid* (El Cantar de Mío Cid) của Tây Ban Nha, hoàn chỉnh khoảng năm 1142; 2. Vở hài kịch *Tuổi trẻ của Cid* (Las Mocedades del Cid) của Guillén de Castro (Tây Ban Nha), ra mắt năm 1618; 3. Vở chính kịch *Những kỳ công của Cid* (Las Hazañas del Cid) cũng của Guillén de Castro, hoàn thành trong khoảng thời gian ít lâu sau vở trước; **4**. Vở bi kịch *Le Cid* của Pierre Corneille (Pháp) công bố vào năm 1637. Cả bốn tác phẩm đều lấy đề tài từ câu chuyện lịch sử về chàng Rodrigo Diaz (1043- 1099) người Tây Ban Nha đã được truyền thuyết hóa, do chiến công lừng lẫy nên được một bộ tộc bị chinh phục tôn xưng là "Đức Ông" (Mío Cid), trong đó vở kịch danh tác của P. Corneille chịu ảnh hưởng rất sâu sắc từ vở *Tuổi trẻ của Cid* của Guillén de Castro. Thế nhưng trong văn học so sánh của thế giới trước nay, chẳng ai lấy tiêu chí cốt truyện giống và khác nhau giữa bốn tác phẩm trên để định giá sự hơn kém giữa bốn tác phẩm. Vì sao? Đơn giản chỉ vì cốt truyện không thể nào hàm chứa phát ngôn nghệ thuật của từng thể loại riêng (anh hùng ca, hài kịch, chính kịch, bi kịch) mà những tác phẩm này là hình thức biểu hiện cụ thể. Đem cốt truyện *Truyện Kiều* so sánh với cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* để định hơn kém, ông Đồng Văn Thành đã làm cái việc thế giới không hề làm. Đấy là điều chúng tôi thành tâm muốn chất chính ông.

3. Cũng cần nói rõ hơn, sự khác nhau về thể loại giữa *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều* thực chất là khác nhau về loại hình ngôn ngữ: **một bên là văn xuôi một bên là thơ**. Đây mới là một khu biệt có chiều sâu cần được nói kỹ hơn sự khu biệt về thể loại, bởi nói đến văn xuôi kể chuyện theo lối cổ như *Kim Vân Kiều truyện* là nói đến cái ngữ nghĩa thông báo đơn nhất mà ngôn từ chứa đựng, cụ thể ở đây là nội dung của câu chuyện được kể lại. Còn nói đến thơ thì ngoài ngữ nghĩa đọc ra từ ngôn bản, còn phải nói đến tiết tấu, vần và nhịp điệu, nói đến khả năng cộng hưởng của tất cả những thứ ấy, nó hướng tới chỗ thiết lập một sự tương ứng giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt, hay như lời Mallarmé là thơ sinh ra bởi một cuộc "tôi luyện đan dệt bằng nghĩa và sự âm vang" (retrempe alternée en

le sens et la sonorité). Chính ông Đổng Văn Thành cũng thừa nhận ưu thế cộng cảm phi thường trong lời thơ trữ tình của Nguyễn Du mà ông chọn lấy hai đoạn tác giả thêm vào sau lúc Thúy Kiều đi thanh minh trở về và lúc ở lầu Ngưng Bích làm dẫn chứng. Ông nhận xét: "Trong lúc trữ tình, nhà thơ đã gửi gắm vào đó cả thể nghiệm cuộc đời của mình, nên những đoạn đó chân thực tha thiết, làm cảm động lòng người"[16]. Nhưng ngay sau một lời khen thành thật, họ Đổng đã lèo luôn vào một câu gần như phủ định sạch trơn điều ông vừa khẳng định tức thì: "Nhưng đồng thời, có lúc nhà thơ mải mê gửi gắm tình cảm chủ quan của mình nên đã làm tổn hại đến sự hoàn chỉnh và thống nhất của nhân vật"[17]. Việc Đổng Văn Thành vừa thừa nhận vừa phủ định giá trị trữ tình ngoại đề của tác phẩm Nguyễn Du chúng tôi sẽ bàn ở phần dưới. Chỉ xin nói rằng trữ tình ngoại đề là sở trường của tác giả *Truyện Kiều* mà ông Đổng Văn Thành chắc chưa thể nắm hết các thủ pháp độc đáo của nhà thơ bằng người am tường Việt ngữ, chẳng hạn trữ tình theo dòng hồi tưởng của nhân vật, cũng bấy nhiêu nỗi niềm nhớ cha nhớ mẹ nhớ người tình cũ mà mỗi lần là một Thúy Kiều ngổn ngang trăm mối tơ lòng hiện lên trước mắt ta không chút lặp lại; trữ tình thông qua âm thanh của tiếng đàn, cũng chừng ấy tiếng tơ tiếng trúc mà mỗi lần Kiều gảy lại một lần hiện diện một thế giới kỳ lạ chất chứa bên trong tâm hồn nàng, ám ảnh mãi người xem; trữ tình gói trong lời bình xen vào trần thuật, mỗi lần là một chân lý sống hiển nhiên dội vào tâm trí khiến người ta sửng sốt, có giá trị kéo nhân vật về với hiện tại trước mắt... Tuy nhiên, trữ tình ngoại đề chỉ mới là một phương diện đặc sắc của *Truyện Kiều*. Chất thơ trong *Truyện Kiều* còn biểu hiện ở hai phương diện khác, nó làm nổi rõ sự khác nhau về đẳng cấp của *Truyện Kiều* so với *Kim Vân Kiều truyện*: đó là *Truyện Kiều* đã đem thiên nhiên vào tác phẩm, tạo nên một không gian nghệ thuật kỳ thú cho câu chuyện của mình, trong khi *Kim Vân Kiều truyện* hoàn toàn vắng mặt thiên nhiên, và thứ hai là lời thơ Nguyễn Du làm cho ngôn từ trần thuật lung linh màu sắc, trở nên có nhiều tầng nghĩa, nghĩa bề ngoài và nghĩa bên trong, nghĩa nổi và nghĩa chìm, nghĩa siêu hình và nghĩa hiện thực, mặt khác có giá trị gắn kết mọi trạng thái cảm xúc phức hợp trong tâm hồn nhân vật lại, đưa lại cho người đọc những cảm nhận nhiều chiều nhiều vẻ. Đó là điều văn xuôi *Kim Vân Kiều truyện* không có được.

Với việc khắc họa thiên nhiên, Nguyễn Du không phải chỉ xây dựng một bức tranh phong cảnh. Ông có tâm hồn của một người từng tắm mình trong nguồn suối thi vị của cảnh trí thơ Đường để chuyển tải nó vào sáng tạo của riêng mình. Mặc dầu thế, vẻ đẹp thơ mộng của Đường thi chỉ chiếm

một phần trong cái nhìn thiên nhiên của ông. Phần lớn hơn, ông tái tạo một thiên nhiên thứ hai, được cá thể hóa, gắn vào đó tâm trạng của nhân vật, biến đổi theo nhân vật, mỗi nơi một khác, làm nên không gian trữ tình để từ trong đó nhân vật có một chiều kích mới mẻ và khiến cho nhân vật gần lại với chúng ta, như đang giao tiếp với chúng ta, dắt chúng ta bước vào khung cảnh của câu chuyện lúc nào không hay. Thiên nhiên ở đây là chủ thể thứ ba làm cầu nối giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận. Đó chính là thiên nhiên của tiểu thuyết, không phải loại tiểu thuyết cổ mượn phong cảnh như một công thức sáo mòn để đưa đẩy, chuyển đoạn cho câu chuyện kể, mà là tiểu thuyết với nghĩa hôm nay. Nếu nhìn tổng quát, ngoại trừ rất nhiều trường hợp Nguyễn Du lồng thiên nhiên vào chỉ bằng một hai câu thơ ngắn nhưng cũng đủ hoán cải nội dung câu chuyện so với *Kim Vân Kiều truyện*, như hình ảnh "*Vầng trăng vằng vặc giữa trời/Đinh ninh đôi miệng một lời song song*" trong đêm thề nguyền giữa Thúy Kiều và Kim Trọng để cho mối tình đôi lứa có thêm một nhân vật chứng giám (*Kim Vân Kiều truyện* chỉ viết: "Hai người cùng lạy trời đất, đọc rõ bài minh thệ, đọc xong mời nhau chén tạc chén thù rất là vui vẻ 兩人同拜天地。讀了盟章。盟畢然後傳畢飛觴。共覺快樂), hay hình ảnh "*Đêm khuya khắc lậu canh tàn/Gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương/Lối mòn cỏ lợt màu sương/Lòng quê đi một bước đường một đau*" trong cái đêm Sở Khanh lừa Kiều đi trốn khỏi lầu Ngưng Bích, mở ra con đường hun hút vô vọng trên từng bước chân của Thúy Kiều trong cuộc trốn chạy (*Kim Vân Kiều truyện* chỉ viết: "Lúc bấy giờ vào khoảng tháng chín, trong kỳ sương giáng, cảm thấy hơi lạnh rợn người, lại không có trăng, cảnh vật thật là thê thảm 此時九月。天氣霜降之候。便覺寒氣侵人。又無月色。好生凄慘) v.v... mà ta không thể đếm xuể, thì ít nhất có 9 trường đoạn Nguyễn Du lồng rất đậm thiên nhiên vào trong *Truyện Kiều* mà *Kim Vân Kiều truyện* hoàn toàn không thấy: đoạn chị em Kiều đi thanh minh, đoạn Thúy Kiều sau khi đi thanh minh trở về giữa đêm khuya ngồi trước hiên lầu nghĩ ngợi, đoạn Kim Trọng bị tiếng sét tình yêu thúc đẩy phải tìm trở lại nơi lần đầu gặp gỡ cho khuây bớt nhớ nhung, đoạn đường Mã Giám Sinh đưa Kiều về Lâm Truy, đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích[18], đoạn Thúc Sinh từ biệt Kiều về thăm Hoạn Thư, đoạn Kiều trốn khỏi Quan Âm các, đoạn Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường, đoạn Kim Trọng trở lại vườn Thúy. Ở đây chỉ xin so sánh một trường hợp để thấy chỗ khác nhau về bút lực giữa Nguyễn Du và Thanh Tâm Tài Nhân:

Ngay mở đầu thiên truyện, trong cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều, gặp mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng, Thanh Tâm Tài Nhân chép rất kỹ việc

Kiều đề thơ trước mộ nàng ca kỹ, việc Đạm Tiên hiển linh thành ngọn gió Tây u ám làm mọi người hoảng sợ và nỗi cảm thương của Thúy Kiều đối với con người hồng nhan bạc phận, việc Kim Trọng nhìn thấy hai chị em Thúy Kiều xinh đẹp liền tơ tưởng ngay đến chuyện làm sao lấy cho được cả hai... Nhưng đáng tiếc, bối cảnh của những cuộc gặp gỡ ấy, vốn đóng vai trò then chốt chi phối hai phương diện tình yêu và vận mệnh của nàng Kiều về sau, ông lại hoàn toàn bỏ qua, chỉ chép có mấy dòng vắn tắt: "*Một hôm nhằm tiết thanh minh, cả nhà họ Vương cùng đi tảo mộ, rồi luôn dịp dự hội đạp thanh. Thúy Kiều cùng hai em là Vương Quan và Thúy Vân thong thả dạo chơi đây đó. Bỗng đi đến bờ suối, thấy một ngôi mộ đơn độc, bèn hỏi Vương Quan rằng [...] Thúy Kiều vạch bài thơ xong, hãy còn nấn ná chưa ra về, bỗng thấy một chàng thư sinh cưỡi ngựa từ xa đi đến. Vương Quan nhận ra là người bạn đồng song chí thiết Kim Trọng, nhưng không ngờ anh chàng lại chú ý tìm tới đây nên vội nói với Thúy Kiều: "Có anh Kim đến, hãy tạm lánh đi". Thúy Kiều thoạt nghe, ngước mắt nhìn, thấy Kim Trọng vẻ người hào hoa, phong lưu thích thảng, đang giong ngựa tiến đến, liền cùng Thúy Vân lảng qua phía sau mộ. Kim Trọng tới trước mộ, xuống ngựa chào Vương Quan...*"[19]. Đơn giản thế thôi. Trong khi đó, bằng linh cảm của một nghệ sĩ lớn, Nguyễn Du có lẽ đã nhận thức được tầm vóc của *trường đoạn thanh minh* nó khởi đầu mọi nút thắt cho toàn bộ tấn bi kịch bằng thơ của mình. Vì thế ông đã chủ tâm dựng lên cả một không gian rộng lớn, vừa hư vừa thực, để làm môi giới cho những mặt ẩn kín trong tính cách con người Thúy Kiều có dịp phát lộ: một con người rất đa cảm, trong một thời khắc đặc biệt và trước cái đẹp của tạo vật đang hồi sinh mơn mởn, nàng bất thần được chạm trán cùng một lúc với thần số mệnh và với hạnh phúc rợn ngợp của mối tình đầu:

Câu 39 *"Ngày xuân con én đưa thoi,*
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến oanh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,

Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thong thả dan tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu khê,
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh [...]
Câu 133 *Dùng dằng nửa ở nửa về,*
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lòng buông tay khấu bước lần dặm băng.
Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau lưng theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn,
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa [...]
Câu 163 *Người quốc sắc kẻ thiên tài,*
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chẳng không.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.
Dưới cầu nước chảy trong veo,
Câu 170 *Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha"*

Có thể nói, theo dõi cả 9 trường đoạn có sự tham gia tích cực của thiên nhiên trong *Truyện Kiều* và tất nhiên hoàn toàn vắng mặt thiên nhiên trong *Kim Vân Kiều truyện*, ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng, Thanh Tâm Tài Nhân là nhà văn chỉ dàn dựng con người và sự việc theo thời gian tuyến tính, còn Nguyễn Du đã dàn dựng nhân vật và sự kiện trong phối cảnh nghệ thuật sống động với cả không gian và thời gian, đan chéo giữa không gian

và thời gian hiện thực với không gian và thời gian tâm lý, giữa không gian và thời gian vũ trụ với không gian và thời gian tâm linh.

Còn về những câu thơ *Kiều* có khả năng tạo nên âm hưởng đa thanh so với *Kim Vân Kiều truyện* thì khó lòng nói hết, dường như nhặt ở đâu cũng có. Có khi là những câu thơ giúp ta lật đi lật lại nhiều góc cạnh của vô vàn trải nghiệm về cuộc sống - nội dung những câu này không hề có trong *Kim Vân Kiều truyện*:

Câu 217 "*Một mình lưỡng lự canh chầy,*
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh"
Câu 247 "*Sầu đong, càng lắc càng đầy,*
Ba thu dồn lại, một ngày dài ghê"
Câu 443 "*Bây giờ rõ mặt đôi ta,*
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao"
Câu 1147 "*Thân lươn bao quản lấm đầu,*
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa"
Câu 1197 "*Dẫu sao bình đã vỡ rồi,*
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong"
Câu 1515 "*Thương nhau xin nhớ lời nhau,*
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy"
Câu 1547 "*Lo gì việc ấy mà lo,*
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu"
Câu 1975 "*Dẫu rằng sông cạn đá mòn,*
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ"
Câu 2151 "*Chém cha cái số hoa đào,*
Cợt ra rồi lại buộc vào như chơi"
Câu 2155 "*Tiếc thay nước đã đánh phèn,*
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần.
Hồng quần với khách hồng quần,
Đã xoay đến thế còn vần chưa tha"
Câu 2163 "*Biết thân chạy chẳng khỏi trời,*
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh" v.v...

Có khi nhà thơ phù phép vào vần thơ đều đều lục bát, biến chúng thành những câu thơ điệp thanh, điệp chữ, thay đổi cách ngắt nhịp, gieo vần, phối hợp với những hình ảnh liên kết hoặc đối lập, đối ứng, có giá trị tu từ rất đắt, tạo nên âm hưởng trùng điệp, dồn dập, nhấn nhá, buông lửng, kéo dài... hằn rõ hơn, mở rộng hơn, hoặc gây ấn tượng đột ngột về những điều mình muốn gửi gắm trong tâm tư người đọc:

Câu 221 "*Nỗi riêng/**lớp lớp** sóng dồi,*
*Nghĩ **đòi cơn**/lại **sụt sùi đòi cơn**"*
Câu 451 "***Tóc tơ**/**căn vặn tấc** lòng,*
***Trăm năm**/**tạc** một chữ đồng/đến xương.*
*Chén **hà**/sánh giọng quỳnh **tương**,*
*Giải **là hương lộn**/**bình gương bóng lồng**"*
Câu 481 "*Trong/như **tiếng** hạc bay qua,*
*Đục/như **tiếng** suối mới sa nửa vời.*
***Tiếng** khoan/như gió thoảng ngoài,*
***Tiếng** mau **sầm sập**/như trời đổ mưa.*
*Ngọn đèn/**khi** tỏ/**khi** mờ,*
***Khiến** người ngồi đó/cũng **ngơ ngẩn** sầu.*
***Khi** tựa gối/**khi** cúi đầu,*
***Khi** vò **chín** khúc/**khi chau** đôi mày"*
Câu 557 "***Còn non**/ **còn nước**/ **còn** dài*
***Còn** về/**còn** nhớ/đến người hôm nay"*
Câu 585 "*Điều đâu **bay buộc**/ai làm,*
*Này/ai đan **dậm**/**giật dàm**/bỗng **dưng**"*
Câu 697 "*Phận **dầu**/**dầu** vậy/cũng **dầu**"*
Câu 701 "***Thề hoa**/**chưa** ráo **chén** vàng,*
*Lỗi **thề**/**thôi**/đã **phũ phàng**/với **hoa**"*
Câu 851 "***Nỗi** riêng/**tầm tã tuôn** mưa,*
***Phần**/căm **nỗi** khách/**phần**/dơ **nỗi** mình"*
Câu 883 "***Khi** về/bỏ vắng trong nhà,*
***Khi** vào **dùng dắng**/**khi** ra **vội vàng**.*
***Khi** ăn/**khi** nói/**lỡ làng**,*
***Khi** thầy/**khi** tớ/**xem** thường **xem** khinh"*
Câu 923 "*Thoắt trông/**nhờn nhợt** màu da,*
*Ăn chi/**cao** lớn/**đẫy đà** làm **sao**"*
Câu 973 "*Lão **kia có** giở **bài bây**,*
*Chẳng **văng vào mặt**/**mà mày** lại nghe"*
Câu 981 "***Thôi thì thôi**/có tiếc gì,*
*Sẵn dao tay áo/tức **thì** giở ra"*
Câu 1053 "*Buồn/trông/**gió** cuốn mặt **duềnh**,*
***Ầm ầm**/tiếng sóng/**kêu quanh** ghế ngồi"*
Câu 1211 "***Chơi**/**cho** liễu **chán**/hoa **chê**,*
***Cho** lăn lóc đá/**cho mê mẩn** đời"*

Câu 1234 "*Khi **tỉnh** rượu/lúc tàn canh,*
*Giật **mình/mình** lại thương **mình/xót xa**.*
*Khi/**sao** phong gấm rủ là,*
*Giờ/**sao tan tác**/như hoa giữa đường.*
*Mặt/**sao dày gió dạn** sương,*
***Thân/sao** bướm **chán**/ong **chường**/bấy **thân**.*
***Mặc**/người **mưa** Sở/**mây** Tần,*
*Những **mình**/nào biết có xuân/là gì*"
Câu 1271 "*Đã **cho** lấy **chữ** hồng nhan,*
*Làm **cho/cho** hại/**cho** tàn/**cho** cân*"
Câu 1307 "*Dưới trăng/quyên đã gọi hè,*
***Đầu** tường/**lửa lựu lập lòe/đâm** bông*"
Câu 1427 " *Phận đành/chi dám kêu oan,*
*Đào/**hoen quẹn** má/liễu/**tan tác** mày*"
Câu 1617 "*Làm **cho/cho mệt/cho mê**,*
*Làm **cho/đau đớn ê chề/cho** coi*"
Câu 1837 "***Bắt** khoan/**bắt** nhặt/đến lời,*
Bắt** quỳ **tận mặt/bắt** mời **tận tay"
Câu 1875 "*Chước đâu/rẽ thúy chia uyên,*
Ai**/ra đường nấy/**ai**/nhìn được **ai"
Câu 1883 "***Một mình/âm ỉ/đêm** chầy,*
*Đĩa dầu vơi/**nước** mắt **đầy/năm** canh*"
Câu 2269 "*Hỏa bài/tiền lộ ruổi mau,*
*Nam **đình**/nghe/**động**/trống chầu/**đại**/doanh*"
Câu 2579 "***Nghe càng đắm/ngắm càng** say,*
*Lạ cho **mặt sắt**/cũng **ngây** vì tình*" v.v...

Khi phân tích cách gieo vần thần tình giữa vần *pace* với vần *sface*, vần *piena* với vần *pena* trong những bài thơ tình tặng nàng Laure của nhà thơ nổi tiếng Phục hưng Italia Pétrarque (1304-1374), nhằm "làm sống dậy những nỗi thống khổ của tình yêu", nó "gợi lên một sự trùng hợp ngược đời nơi trái tim của chàng tình nhân, giữa một niềm an lạc và một sự hủy diệt, một nỗi khổ đau và một trạng thái sung mãn", Michel Collot đã đi đến kết luận rằng "không thể nào tóm tắt, chú giải hoặc dịch ra ngôn ngữ khác một áng thơ mà không làm cho nó mất đi không những tính nhạc mà còn một phần ý nghĩa của áng thơ đó"[20]. Tiếc thay, điều Michel Collot cảnh báo lại rơi đúng vào trường hợp ông Đồng Văn Thành. Ông đã ba lần "đánh mất" chứ không phải một: dựa vào một bản dịch mà mình không nắm chắc được sai

đúng, đấy là lần thứ nhất, sử dụng phương pháp tóm tắt thơ *Kiều* để định vị *Truyện Kiều*, thêm một lần "đánh mất" thứ hai, không chú ý đến sức lan tỏa của tiếng nói âm nhạc dồn nén trong lời thơ đưa đến những hiệu quả thẩm mỹ ngoài ngôn ngữ, đấy là lần "đánh mất" thứ ba.

4. Với những thêm bớt của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, Đồng Văn Thành tỏ ý không hài lòng, cho rằng Nguyễn Du đã đem chủ quan của mình vào, hạ thấp nhân vật của nguyên tác. Nhiều chi tiết ông Đồng Văn Thành chê bai, cứ chịu khó suy nghĩ chắc ông cũng có thể tự phản tỉnh, chẳng hạn việc Nguyễn Du tô đậm "dòng dõi thư hương" của gia đình Thúy Kiều ở một số tình tiết, theo ông là không đúng vì vào đầu truyện, tác giả đã giới thiệu đó là một gia đình "thường thường bậc trung". Nhưng xin ông hiểu cho, truyền thống gia đình cổ xưa và cả hiện đại ở Việt Nam (và hẳn Trung Quốc cũng thế thôi), "thường thường bậc trung" không có nghĩa là thiếu nền nếp, thất học, trái lại phần lớn những nhân vật hiển hách về chữ nghĩa vẫn xuất thân trong các gia đình không giàu có song luôn luôn giữ được "nếp nhà" tức là nếp học hành lễ nghĩa mà ta có thể đổi cách gọi là "tầng lớp trung lưu" cho dễ hiểu. Phải bắt nguồn từ một gia đình thanh bạch có học thì nết na và tài năng của mấy chị em họ Vương mới làm người ta yêu mến, và mới có được những phẩm cách ưu trội của một Thúy Kiều làu thông cả thi ca nhạc họa, nhập thần đến mức "*Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm*", "*Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay*", được Hoạn Thư khen là "*Ví chăng có số giàu sang/Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên*"... chứ. Thêm nữa, về sau Vương Quan chẳng đỗ Tiến sĩ và làm quan to đấy sao. Bắt bẻ chữ nghĩa tiểu tiết như ông chẳng là quá câu nệ ư? Rồi việc *Kim Vân Kiều truyện* ghi thành phần của Kim Trọng là "chàng tú sĩ nhà giàu trong làng 里中富家秀士" (Đồng Văn Thành giải thích rõ hơn là "con trai một tài chủ nhà quê" 鄉村土財主的兒子) nhưng Nguyễn Du lại đã biến cải chàng thành dòng dõi trâm anh, họ Đồng cho là vô lý, vì theo lôgic của ông, đã là nhà trâm anh thế phiệt thì sao khi gia đình họ Vương gặp nạn "nhà kia lại không đem tiền bạc, thế lực ra giúp bạn cũ mà đành trơ mắt nhìn họ Vương bán đứt con gái yêu của mình?"[21]. Đọc lại *Truyện Kiều*, chúng tôi đâu có thấy giữa hai nhà Kim-Vương từng có mối thâm giao bằng hữu. Thì ra, vì dựa vào bản dịch, ông đã hiểu câu thơ 153 "*Với Vương Quan trước vẫn là đồng thân*" (bạn học thân thiết) thành ra "Hàng xóm nhiều đời giao hảo" (鄰居世好). Cũng đành phải "thông cảm" với ngộ nhận của nhà học giả chứ biết nói sao. Nhưng không chỉ thế, Nguyễn Du còn cho Kim Trọng

lên Bắc Kinh "du học" thì quê quán của chàng tuy không xa Bắc Kinh đi nữa, tất không phải ở ngay Bắc Kinh, trong làng nơi gia đình Thúy Kiều cư ngụ, như trong *Kim Vân Kiều truyện*. Mà quan hệ giữa Kim và Kiều dẫu đã thề nguyền hẹn ước song đâu có công khai cho hai gia đình biết; trong một tình thế khẩn cấp, chàng Kim lại đang đến Liêu Dương hộ tang chú, "sơn khê cách trở", thời bấy giờ chưa có điện tín, hỏi làm cách nào báo tin cho chàng được để về cứu nạn Thúy Kiều? Vả chăng, đòi hỏi nhà họ Kim quý phái phải bỏ tiền ra cứu giúp nhà họ Vương chẳng hóa đâm ra lần thần, coi đường dây phát triển nội tại của tiểu thuyết cũng dễ dãi như truyện cổ tích thần kỳ, cứ ước gì được nấy, gặp cảnh ngộ không may là có người hiện ra giải thoát, cuối cùng bọn bất nhân bị đánh đổ, người phúc hậu được hưởng giàu sang, thì còn gì là tiểu thuyết? Vân vân... Từ một vài chi tiết bắt bẻ của Đồng Văn Thành, suy ra, họ Đồng chỉ muốn Nguyễn Du không được tham gia phần ý tưởng của riêng mình trong khi cải tạo lại cốt truyện mà ông chuyển tác. Về phương pháp luận, cách nghĩ ấy khỏi phải nói cũng thấy là bất ổn. Sản phẩm nghệ thuật bao giờ cũng mang tính chủ quan của nhà nghệ sĩ trong khi nhìn thế giới, nó là bằng chứng cá tính sáng tạo của nghệ sĩ, để một nghệ sĩ thật sự tài năng khẳng định sự tồn tại của mình, không thể lấy một mẫu gốc nào đó ra để áp đặt cho cái đi xa mẫu gốc. Nguyễn Du không phải là típ nhà văn mà ông Đồng Văn Thành quan niệm.

Chính từ đây, chúng tôi muốn nói đến sự **khác nhau trong xây dựng nhân vật** giữa Nguyễn Du và Thanh Tâm Tài Nhân. Nhìn chung, cuốn tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân được triển khai theo dòng tiểu thuyết đạo lý. Tính cách của nhân vật ngay từ đầu đã được định sẵn, mọi biến cố của cuộc đời chỉ làm cho tính cách ấy có dịp bộc lộ ra bằng hành động theo dạng này dạng khác, bằng ứng xử lúc cương lúc nhu tùy tình thế bắt buộc, bằng đối thoại thường khi là phát ngôn của tác giả nên không tự nhiên như ngôn ngữ của người trong cuộc, quá nhiều lý lẽ, và cũng rất dài lời. Tính cách đó không thay đổi, cũng không phải là thuộc tính có một không hai của những con người cá thể, mà là một *tập hợp thang bậc theo loại* của hai hệ thống đạo đức không điều hòa với nhau: một bên là những cái tốt, cái đẹp theo chuẩn mực chính thống của xã hội được thêm bớt, pha phách đậm nhạt chỗ này chỗ khác bởi nhà văn, và bên kia là những cái xấu xa, hèn mọn dồn đọng lại dưới đáy xã hội cũng được nhà văn loại hình hóa. Trình độ của tiểu thuyết đạo lý nói chung ít khi tạo nên được những nhân vật thực sống mà nhiều lắm cũng chỉ tạo nên những "tấm gương", biểu tượng của từng loại hình đạo đức xã hội nào đấy. Người kể chuyện trong tác phẩm thường

đứng bên ngoài nhân vật, chỉ đạo nhân vật vượt qua hết nạn nọ đến nạn kia để chứng tỏ cho độc giả thấy hạng người như Thúy Kiều là người giàu tài năng và đức hạnh, càng được "mài xát" thì càng sáng rỡ.

Mặt khác, tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân đồng thời cũng là kiểu tiểu thuyết truyện kể, rất ly kỳ ở tình tiết, ly kỳ đến độ nhiều chi tiết vẽ ra quá tỷ mẩn, ví dụ kể chuyện Vương Viên Ngoại bị bọn sai nha hành hạ thì tả rõ "bốn chân tay bị treo quặt lên, mặt và bụng ở phía dưới, trên lưng đè một hòn đá, ba trăm sáu mươi đốt xương, đốt đốt rời lìa, tám vạn bốn nghìn lỗ chân lông, thảy đều đổ mồ hôi, mặt mày tái mét"[22]. Tình tiết ly kỳ làm cho nhân vật càng phơi bày tính cách có sẵn bằng những hành vi cụ thể, nên trong truyền thống thưởng thức nghệ thuật của phương Đông xưa cũng có một sức hấp dẫn đáng kể. Dưới ngòi bút của Thanh Tâm Tài Nhân, Thúy Kiều là một con người rất chủ động. Trong cơn gia biến, nàng hầu như làm hết mọi việc. Nàng hoàn toàn tỉnh táo, chạy vạy khắp đây đó, lo vực dậy tinh thần cho em cho mẹ, lo bàn tính với đám sai nha, nhờ vả Chung Công để cứu cha cứu em ra khỏi vòng nước lửa, rồi kế đó dứt khoát bán mình, tự ngã giá cho đến khi được 450 lạng bạc mới ưng thuận, lại thăm dò gia thế Mã Giám Sinh để tính con đường làm lẽ sau này. Khi gặp được Từ Hải, nàng cũng chủ động dựa vào thế lực của Từ để trừng phạt kẻ thù và trừng phạt đến nơi đến chốn, không bỏ sót một ai, như quần chiếu lại, đâm nát nhừ thân thể Bạc Hạnh "khiến người xem kinh hoàng muốn chết 觀者驚得半死", và sai trộn xương thịt của y vào cỏ cho ngựa ăn; lột sạch quần áo Hoạn Thư chỉ chừa một cái khố, quấn tóc lên xà nhà, cho hai cung nữ đánh đủ một trăm roi, "một người từ trên quất xuống, một người từ dưới quất lên, đánh cho như cá rơi than nóng, lươn phải nước sôi 一個從上打下。一個從下打上。打得如鰍落灰塲。鱔逢湯鼎"; dựng ngược Tú Bà lên, tẩm dầu thông từ chân đến cổ, căng người Mã Giám Sinh trên một cái giàn, nấu một vạc dầu nhựa thông sôi sục rồi cùng lúc đốt cây sáp người Tú Bà, dùng dao nhọn róc gân Mã Giám Sinh, lấy móc sắt lôi hết gân ra và dội nhựa thông sôi bỏng vào mình Sở Khanh, lóc từng mảng da mảng thịt của y cũng bằng móc sắt, "chỉ một chốc lát lóc sạch thân thể Sở Khanh, còn lại hình dạng một cục máu nhầy nhụa 那消半個時辰。將楚卿割得赤利利的一個血塊模樣"... Người đọc, nhất là người đọc bình dân vốn mê truyện dân gian, sẽ rất khoái trá, cảm phục trước tính cách tiết liệt của Thúy Kiều, một tính cách "đại trượng phu", có "phẩm chất sát phạt, quyết đoán"[23] đúng như ông Đồng Văn Thành nhận định. Nhưng cũng phải nói đây là một kiểu tính cách tiết liệt được đẩy tới cùng, đoan chính cũng đoan

chính cùng tột, ham muốn cũng ham muốn cùng tột, oán thù cũng oán thù cùng tột, không còn là một con người với tất cả những trở trăn hai ba phía, cao cả và hèn yếu, mạnh dạn và rụt rè, hăm hở và chán chường, lo toan và buồn nản... như ta thường gặp trong đời. Vì thế, khi ông Đồng Văn Thành cho rằng nhân vật Thúy Kiều là "một điển hình nữ tính giàu nội hàm tư tưởng"[24], một hình tượng "cao hơn hẳn cuộc sống hiện thực và có ý nghĩa điển hình tương đối lớn"[25], thậm chí một "tính cách hướng nội"[26] thì khó ai có thể đồng tình. Khái niệm "hướng nội" chỉ một nhân vật thường sống nhiều với thế giới bên trong. Xét toàn bộ *Kim Vân Kiều truyện*, tính cách Thúy Kiều không hề biểu hiện ở một chỗ nào khuynh hướng "quay vào" ấy. Nàng là người luôn luôn hành động, rất giỏi suy nghĩ, toan tính, đối thoại có lý có lẽ, nhưng hiếm có một lúc nào nàng tự đối diện với chính mình. Lỗi hiển nhiên không phải do nàng mà do tác giả, đúng hơn, do thời đại quy định. Nhân vật của Thanh Tâm Tài Nhân chỉ mới là *nhân vật truyện kể*, người kể chuyện trong tác phẩm chỉ mới đứng từ ngoài hay đứng từ trên để chỉ đường đi nước bước cho nhân vật, thủ pháp sử dụng độc thoại nội tâm chưa được biết tới, thì làm sao nói đến nhân vật hướng nội ở đây? Ngay chỉ một chỗ ở hồi thứ tư, tác giả tả Thúy Kiều trong cái đêm đầu tiên gia đình rơi vào khốn quẫn, nàng nằm mơ thấy Kim Trọng đang đuổi theo con ngựa chở mình đi, giấc mơ khá thú vị nhưng cũng chỉ gói gọn trong một ước vọng duy nhất: Kim Trọng bất thình lình trở về cứu nàng và gia đình nàng. Nói cho đúng, cũng có một số bức thư, tờ cung, và không ít bài thơ bài ca được tác giả xen vào trong trần thuật, thế nhưng chúng lại thường quá nặng về từ chương học nên không liền mạch với tình cảm nhân vật cho lắm, dường như là cách tác giả khoe tài văn chương của Kiều thì đúng hơn. Cho nên, nói hình tượng Thúy Kiều là "một điển hình tương đối lớn" "cao hơn hẳn cuộc sống hiện thực" có phải là đánh giá Thanh Tâm Tài Nhân đã đạt đến một chủ nghĩa hiện thực ở mức cao? Đánh giá thế nào là quyền của ông Đồng Văn Thành, còn chúng tôi thì cho rằng không thể đặt *Kim Vân Kiều truyện* cũng như *Tam quốc diễn nghĩa*, *Tây du ký*, *Nho lâm ngoại sử*... - là những tác phẩm được ông xếp vào hàng tiêu biểu, vượt trên *Kim Vân Kiều truyện* nhiều - vào phạm trù chủ nghĩa hiện thực được. Không phải cứ chủ nghĩa hiện thực mới là sáng giá, song đã nói đến chủ nghĩa hiện thực nhất thiết phải có những tiêu chí rõ ràng trong khắc họa tính cách, đặt vào những hoàn cảnh thích đáng cho tính cách ấy phát triển, chứ không thể muốn nói sao thì nói.

Trong xây dựng nhân vật, Nguyễn Du đã tham bác, kế thừa mặt mạnh

của Thanh Tâm Tài Nhân, nhưng ông không đi theo hướng của Thanh Tâm Tài Nhân. Nhân vật của ông cũng có nhiều nét ước lệ, tượng trưng, vì bút pháp của nhà thơ trước sau không phải là hiện thực chủ nghĩa. Rất nhiều chi tiết rườm rà của *Kim Vân Kiều truyện* đã được Nguyễn Du lược gọn lại. Thi ca không cho phép kể lể rậm rạp đã đành, cái chính là giữa Nguyễn Du và Thanh Tâm Tài Nhân có một khoảng cách trong khuynh hướng miêu tả nghệ thuật. Tuy thế, cũng không nên cạn nghĩ rằng cứ tượng trưng ước lệ là yếu tố tự sự nhất định phải yếu kém. Sự trần thuật của thơ khác với trần thuật của văn xuôi là ở chỗ, bằng thủ pháp tượng trưng ước lệ, nhiều khi thông báo nghệ thuật của thơ có giá trị liên tưởng cao hơn hẳn văn xuôi. Cũng vì cứ bám vào cách kể chuyện tỷ mỉ theo kiểu Thanh Tâm Tài Nhân mà ông Đồng Văn Thành tưởng lầm là hiện thực, ông đã dẫn ra một đoạn khá dài trong *Kim Vân Kiều truyện* kể chuyện Từ Hải giáp chiến với quân lính triều đình, thấy họ đùn đẩy nhau, Từ vừa "hét vang một tiếng như sấm rền" vừa một mình một ngựa xông lên vung búa chém đứt đầu viên phó tướng Không Hỗn và đuổi các tướng Bốc Tế. Cừu Nhiêu chạy dài... rồi so sánh với đoạn thơ Nguyễn Du mô tả chiến công của Từ Hải:

Câu 2439 "*Thừa cơ trúc chẻ ngói tan,*
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà.
Đòi phen gió táp mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi Nam"

và nói dứt khoát rằng "tiểu thuyết nguyên tác phơi bày không nề nang và châm biếm chua cay sự bất tài của tướng soái quan quân"[27], còn "dưới ngòi bút của Nguyễn Du, ưu thế áp đảo tuyệt đối quân đội triều đình của Từ Hải [vốn có trong *Kim Vân Kiều truyện*] bị giảm nhẹ rất nhiều"[28]. Chẳng lẽ lại phải giải thích để họ Đồng hiểu rằng lối đặc tả chiến trận giữa các tướng soái địch và ta, có hò hét, có vung kiếm vung đao, có khích bác chê bai bên địch, có chém băng đầu một vài đối thủ và cuối cùng có một bên thắng một bên bại như *Kim Vân Kiều truyện* tả đấy thì còn kém xa *Tam quốc diễn nghĩa*, giỏi lắm cũng chỉ như các "miếng tuồng" trên sân khấu kinh kịch, sân khấu hát bội của người Việt là cùng, làm sao sánh được với sáu câu thơ hàm súc ca ngợi không chỉ chiến công mà cả khí thế cuồn cuộn, uy danh lừng lẫy của Từ Hải của nhà thơ Việt Nam? Bút pháp ước lệ là thế, *trúc chẻ ngói tan* là đi đến đâu kẻ thù nát vụn đến đấy; *binh uy ran như sấm* thì còn gì chấn động và vang xa hơn được nữa; *rạch đôi sơn hà* là đã chiếm

được cả một vùng rộng lớn đối trọng hẳn với triều đình; *gió táp mưa sa* là thế quân như trận bão Katrina vừa mới rồi đổ vào nước Mỹ, cái thế không cần phải vung giáo vung gươm mà *đạp đổ năm tòa thành* dễ như trở bàn tay. Nguyễn Du không mô tả cụ thể tình cảnh luống cuống của quan quân trong khi đối phó với Từ Hải nhưng chỉ bằng bấy nhiêu mỹ từ hoán dụ và ám dụ người đọc cũng đã dư sức hiểu đội quân nhà vua hèn nhát và thất bại như thế nào rồi, cần gì phải thêm một vài lời châm biếm mới đủ tăng sức nặng cho uy thế của họ Từ.

Một chỗ khác, ông Đồng Văn Thành còn kỳ công trích dẫn cả một đoạn dài không kém để làm bằng chứng cho hình tượng Từ Hải "ôm chí lớn ngút trời" trong *Kim Vân Kiều truyện*: "Có một hảo hán họ Từ tên Hải, hiệu là Minh Sơn hòa thượng, người đất Việt đến chơi. Người này có lòng ưu ái, phóng khoáng đại lượng, ôm chí lớn lao, coi giàu sang nhẹ tựa lông hồng, xem người bằng vai như cỏ rác. Khí tiết hơn hẳn người cùng lứa, cao lớn hùng vĩ trùm đời, hiểu rõ lược thao, giỏi giữ ngay thẳng. Thường nói: "Trời cho ta tài năng ắt cho ta sử dụng. Hữu tài vô dụng là trời phụ ta vậy. Nhược bằng hoàng thiên phụ ta thì ta cũng phụ lại hoàng thiên. Đại trượng phu ở đời phải làm sao cho được lỗi lạc, lập được những sự bất hủ trên đời, sao có thể chết già bên cửa sổ như những kẻ sống vì miếng ăn? Còn nếu có tài mà vô mệnh, anh hùng không có đất dụng võ, không để lại được tiếng thơm cho trăm đời thì phải tự mình tạo ra mệnh. Khinh suất gây binh đao nơi ngòi đầm chỉ tổ để lại nỗi sỉ nhục đến vạn năm. Nếu không được như thế thì bầu nhiệt huyết trong người này làm thế nào sử dụng được?" Hồi nhỏ học hành nhưng không thành đạt bèn bỏ đi buôn, của cải sung túc, thích kết giao với bạn bè"[29]. Trích xong, ông đem so sánh với đoạn Nguyễn Du mô tả Từ Hải trong *Truyện Kiều* mà theo ông, từ một người "chí lớn ngút trời" đã bị "thay đổi thành võ sĩ giang hồ lưu lạc khắp nơi":

Câu 2165 "*Lần thâu gió mát trăng thanh,*
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.
Râu hùm hàm én mày ngài,
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.
Đội trời, đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.

Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng"

Về phần chúng tôi, cân nhắc giữa cả hai đoạn, chúng tôi thấy dụng ý của hai nhà văn có chỗ khác nhau. Giới thiệu Từ Hải, Nguyễn Du trước tiên chưa muốn để lộ thân thế của Từ mà hãy để Từ đột ngột hiện ra với diện mạo và phong thái một con người phi phàm, gây một ấn tượng đặc biệt cho cả Thúy Kiều và người đọc. Chỉ bằng mấy câu thơ ước lệ ông đã làm điều đó hết sức thành công. Để cho hình tượng của Từ càng được thăng hoa, nhà thơ không chịu trần tục hóa người anh hùng thành kẻ đi buôn như *Kim Vân Kiều truyện*, vì đi buôn thì có khác gì Thúc Sinh là người "quen thói bốc rời", Kiều đâu có lạ. Ông cấp cho họ Từ một hành tung đi mây về gió, một con người đầy lãng mạn, nâng cao thêm trí tưởng tượng của độc giả: "*Giang hồ quen thú vẫy vùng/Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo*". Về phần Thanh Tâm Tài Nhân, nhà văn lại làm ngược với những thao tác của Nguyễn Du. Ông không bận tâm gì nhiều đến hình dạng, cốt cách của Từ Hải (đó cũng là đặc điểm chung dễ thấy ở tất cả mọi nhân vật khác trong *Kim Vân Kiều truyện*), nhưng chỉ sau vài câu vào đề ngắn gọn, ông cho Từ nói ra một lời bộc bạch chí khí, tỏ ra mình luôn ôm ấp trong lòng ý muốn "vá trời lấp biển". Hiềm nỗi, câu nói đầy khí phách, ý tứ tiền hô hậu ủng kia lại không phải là diễn ngôn "sống" của một Từ Hải bằng xương bằng thịt, chỉ là lời nói lặp lại trong sách vở, kể từ Mã Viện đời Hán cũng đã nói không khác là bao, nên trở thành một thứ văn lắp ráp khuôn sáo, nghe ra vẫn có vẻ "phường tuồng", cũng giống như đoạn tả cảnh Từ đánh nhau với quan quân mà họ Đồng đã soát xét kỹ càng mới chọn trích. Điều kỳ hơn nữa là tiếp ngay sau lời bộc bạch, nhà văn nói toẹt luôn nghề nghiệp của Từ Hải là "học hành dang dở nên đành bỏ đi buôn, của cải sung túc, thích kết giao bầu bạn". Thế thì những lời "thổ lộ can tràng" của Từ cũng chưa có gì làm bằng cứ, mới chỉ nằm trong mộng ước mà thôi. Về mặt nghệ thuật, một cách "tỏ chí" ồn ào kiểu đó làm sao thể hiện được khí phách vừa ngang tàng vừa tự nhiên bằng một cái vẫy tay và một lời nói đầy tự tin của chàng Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du khi đứng trước Thúy Kiều: "*Lại đây xem lại cho gần/Phỏng tin được một vài phần hay không*". Có cần tự giới thiệu gì nhiều về mình đâu, song chỉ một cử chỉ thế là đủ chứng tỏ con người ấy rồi đây sẽ làm nên một sự nghiệp kinh thiên động địa.

Xin nói thêm, cũng do không chú ý đến ước lệ thi ca, khi đọc câu thơ "*Một tường tuyết trở sương che*" ông Đồng Văn Thành tưởng là Nguyễn Du đang tả cảnh mùa đông thật, liền chê nhà thơ tả sai thời tiết[30], có biết đâu đấy

cũng là một biện pháp tu từ để nói về những ngăn trở do phép nhà nghiêm ngặt khiến Thúy Kiều và Kim Trọng chỉ sống cách nhau một bức tường mà không biết được tin nhau: "*Tin xuân đâu dễ đi về cho năng*". Không nắm được ngôn ngữ tượng trưng của thi ca thành ra cứ lâm tình trạng "ông chẳng bà chuộc", âu cũng là một nỗi khổ tâm trong đối thoại với ông.

Nhưng ước lệ trong xây dựng nhân vật không ngăn trở Nguyễn Du có những đổi mới thật sự trong khi tiếp thu Thanh Tâm Tài Nhân. Nhà thơ đã chuyển đổi có ý thức *loại hình tiểu thuyết đạo lý* sang *loại hình tiểu thuyết tâm lý*. Các nhân vật của *Truyện Kiều* không phải là cái cớ để Nguyễn Du thuyết minh một quan niệm về đạo đức, mặc dù ở cuối truyện ông có nói "*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*". Bút lực của nhà thơ giúp họ sống giữa cuộc đời như những con người chịu mọi xô đẩy của hoàn cảnh thực, trong đó có các biến thái của quá trình tâm lý bên trong. Không những ông hơn Thanh Tâm Tài Nhân trong việc tìm kiếm các dạng thái tinh tế của độc thoại nội tâm, dường như người kể chuyện trong thơ ông cũng không đứng ngoài nhân vật mà có lúc nhập thân vào nhân vật, từ phía trong nhân vật mà phát ngôn; không đẩy nhân vật đi theo phác đồ định sẵn mà tự nhân vật "ma đưa lối quỷ dẫn đường" vô thức tìm lấy. Thúy Kiều gặp Kim Trọng, "*Người quốc sắc kẻ thiên tài/Tình trong như đã mặt ngoài còn e*", đấy mới là thông báo khách quan của người kể chuyện, nhưng "*Chập chờn cơn tỉnh cơn mê/Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chỉn khôn*" thì đã là hoạt động tâm lý xảy ra ngay trong thời khắc hiện tại của cả đôi bên, người kể chuyện đã đứng ở điểm nhìn bên trong nhân vật mà nói. Trong cuộc hội ngộ giữa Kiều-Kim bên nhà Kim Trọng, tình yêu cũng theo tâm lý mà thay đổi. Lúc đầu Kiều còn nói những lời kiểu cách, tỏ ra nàng còn e ngại: "*Nàng rằng: Trộm liếc dung quang/Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn*". Kim Trọng cũng hứa một cách kiểu cách không kém: "*Ví dù giải kết đến điều/Thì đem vàng đá mà liều với thân*". Nhưng rồi sau một ngày trò chuyện không dứt, cả hai đã bước được một bước rất dài, mọi e dè lo lắng không còn, tâm trạng giữa đôi bên thật sự cởi mở: "*Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng*". Lời thông báo này cũng không còn là lời thông báo bên ngoài mà đã nằm ngay trong nhân vật. Kiều quay về nhà, thấy cha mẹ chưa về, lại "xăm xăm băng lối vườn khuya" trở sang. Nhìn thấy Kim Trọng đã thiu thiu ngủ trong khi mình vẫn một lòng một dạ vì yêu, nàng không khỏi có chút hờn dỗi: "*Bây giờ rõ mặt đôi ta/Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao*". Người kể chuyện đến đây tế nhị ẩn hẳn đi, để cho nhân vật tự phơi trải lòng mình. Cho đến sau khi hai bên đã thề nguyền, Kiều đã đánh đàn cho Kim Trọng nghe,

không còn chút mặc cảm nào giữa trai tài gái sắc, người kể chuyện lại xuất hiện trở lại, thông báo tiếp một bước biến đổi tâm lý cao hơn: "*Hoa hương càng tỏ thức hồng/Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu*"...

Quả là với quan niệm tính cách được biểu hiện thông qua các trạng thái tâm lý, Nguyễn Du đã không cố định hóa tính cách nhân vật như Thanh Tâm Tài Nhân. Ông Đồng Văn Thành thắc mắc: vì sao nàng Kiều trong *Truyện Kiều* đối với Thúc Sinh và Từ Hải vẫn nặng tình như đối với Kim Trọng, mà lẽ ra theo đúng nguyên tác *Kim Vân Kiều truyện*, "Thúy Kiều chỉ thực sự yêu có một mình Kim Trọng, còn đối với Thúc Sinh và Từ Hải thì chủ yếu chỉ cảm cái ơn họ chuộc mình ra khỏi lầu xanh"[31]. Đây cũng chính là lý do khiến ông chê nhiều đoạn trữ tình ngoại đề của Nguyễn Du "đã làm tổn hại đến sự hoàn chỉnh và thống nhất của nhân vật" mà ở trên chúng tôi nói phần sau sẽ xin lý giải[32]. Bây giờ đã đến lúc có thể nói rõ: Nguyễn Du không hề buộc chặt nhân vật Thúy Kiều vào một thứ "phẩm tiết kiên trinh" như Thanh Tâm Tài Nhân. Được Hoài Thanh coi là người "đi guốc trong ruột nhân vật", Nguyễn Du hiểu hơn ai hết mối tình với Kim Trọng dầu sao cũng chỉ là mối tình đầu của Kiều. Với thời gian xa cách chừng ấy năm, lại trải biết bao nhiêu bầm dập, trong tâm lý Kiều ví thử vẫn cứ còn giữ nguyên vẹn tình cảm với Kim Trọng như thuở nào để suốt ngày mình dằn vặt mình thì thật ít ai hiểu nổi. Chúng tôi khác ông Đồng Văn Thành, không thể nào coi *Kim Vân Kiều truyện* là một tác phẩm hiện thực, một phần cũng chính vì lẽ ấy. Nhưng Nguyễn Du thì mới đúng là một ngòi bút hiện thực tâm lý, khi ông cho nàng Kiều nhớ đến Kim Trọng như nhớ đến một kỷ niệm cũ, không còn thắm nữa nhưng vẫn chưa phai: "X*ót thay chút nghĩa cũ càng/Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*". Nguyễn Du cũng không thể buộc Thúy Kiều hờ hững với Thúc Sinh vì trong hoàn cảnh đang sống dưới địa ngục trần gian của nhà mụ Tú Bà, Thúc Sinh không chỉ là người phò nguy cứu nạn, mà còn là con người hết sức đa tình, đã hiến dâng cho nàng cả tâm hồn và của cải, cả tình yêu "dá vàng" lẫn tình yêu xác thịt: "*Miệt mài trong cuộc truy hoan/Càng quen thuộc nết càng dan díu tình*". Kiều giờ đây không còn ở cái tuổi cài trâm e lệ như thuở mới yêu Kim Trọng. Nàng đã thất thân với Mã Giám Sinh rồi với Sở Khanh, lại đã lăn lóc chốn lầu xanh, mùi đời đã trải. Bắt nàng cứ thờ ơ lạnh nhạt trước một mối tình chứa chan hạnh phúc như của chàng Thúc e chỉ là giả dối nếu không là ngốc nghếch về tâm lý. Thế nhưng mối tình của Thúy Kiều đối với Thúc Sinh, cũng như sau này đối với Từ Hải, vẫn khác mối tình đầu giữa nàng với Kim Trọng. Một bên e ấp, trong sáng, thuần túy tình yêu platonique, một bên dạn dĩ, tinh táo, vừa

là ơn nghĩa, vừa biết tính toán thiệt hơn, nên tuy có nhớ nhung: "*Cầm tay dài ngắn thở than/Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời*" vẫn đinh ninh những chuyện rất thực tế: "*Đôi ta chút nghĩa đèo bòng*". Cũng vậy, với Từ Hải, người đã cứu mình khỏi chốn bùn nhơ một lần thứ hai, lại giúp mình đền ơn trả oán phân minh, cho mình được sống những ngày hả hê nhất, mà nói Kiều lấy Từ không phải vì tình thì dễ chỉ có Thanh Tâm Tài Nhân mới nghĩ ra được, và cũng dễ chỉ có Đồng Văn Thành mới coi đó là một "tính cách nhất quán" đáng trọng của nàng Kiều. Kiều của Nguyễn Du phát triển theo xu thế tâm lý cuộc đời thực đã không thể làm như vậy. Nàng yêu Từ Hải với tấm lòng của người tri kỷ: "*Khen cho con mắt tinh đời/Anh hùng đoán giữa trần ai mới già*", cũng là với cái nghĩa của người chịu ơn sâu nặng: "*Thưa rằng lượng cả bao dung/Tấn Dương được thấy mây rồng có phen*". Vì thế nàng vẫn dành cho Từ Hải một góc trong trái tim thương nhớ sau khi đã hồi tưởng hết cha mẹ, các em, đến người tình cũ:"*Cánh hồng bay bổng tuyệt vời/Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm*". Không thể nói với những mối tình gắn bó sau này, Kiều đã tự đánh mất mình, như cách nói "làm tổn hại đến sự hoàn chỉnh và thống nhất của hình tượng nhân vật" của Đồng Văn Thành. Chính Kim Trọng là người hiểu rất rõ tâm hồn của nàng trước sau vẫn toàn vẹn: "*Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường*". Đặt vấn đề "tính nhất quán" của tính cách Thúy Kiều không trên cơ sở nhìn sâu vào những va động của hiện thực đã vùi dập nàng xuống tận bùn đen và nàng đã phải chống trả bằng mọi cách để tìm đường sống, tình cảm cũng ba chìm bảy nổi, có lẽ về mặt thấu tình đạt lý còn thua cả một người chỉ biết sách vở mà ít trải đời như Kim Trọng. Đó là vấn đề thứ tư chúng tôi thấy bất cận nhân tình trong lập luận của ông Đồng Văn Thành.

5. Sau tất cả những lời chỉ trích *Truyện Kiều* nặng nhẹ tùy lúc tùy nơi, ông Đồng Văn Thành dồn sự phê phán của mình vào một mục tiêu lớn nhất: ông "kết tội" Nguyễn Du đã xuất phát từ lập trường giai cấp quý tộc của bản thân mà có những "xuyên tạc và xóa nhòa mối quan hệ đối lập giai cấp" (把階級對立的關係加以歪曲惑冲淡) vốn rất rõ trong *Kim Vân Kiều truyện*. Ông đưa ra khá nhiều "thiết chứng": **a**. *Kim Vân Kiều truyện* nói việc bán mình của Thúy Kiều là do "bọn cướp bị bắt câu kết với quan lại" "bóp nặn bức hại gia đình họ Vương mà sinh ra", thế mà nhà thơ lại "sửa thành thằng bán tơ", biến câu chuyện "đòi đút lót" vốn là "hành động tàn bạo của lũ công sai và người đầu bọn" thành một "việc nghĩa" của ông lại già họ Chung: "*Cũng trong nha dịch lại là từ tâm/Thấy nàng*

hiếu trọng tình thâm/Vì nàng nghĩ cũng thương thầm xót vay/Tính bài lót đó luồn đây/Có ba trăm lạng việc này mới xuôi"[33]; **b**. Đem việc Hoạn Thư và miệng bẻ răng hai tên gia nô mách lẻo tiêu biểu cho hành động "áp bức giai cấp" đối sang và miệng bẻ răng hai người quen chỉ còn thuần ý nghĩa ghen tuông[34]; **c**. Ngay hai tên Ưng, Khuyển, trong nguyên tác gọi rất rõ là Hoạn Ưng và Hoạn Khuyển để "ngụ ý chúng là lũ ưng khuyển của nhà quan" mà Nguyễn Du cũng đang tâm bỏ mất chữ "Hoạn" ở đầu, "làm mờ nhạt hàm nghĩa phê phán thân phận chó săn cho kẻ quyền quý của chúng" [35]; **d**. Nguyễn Du còn "giảm tội" cho mụ mẹ Hoạn Thư và Hoạn Thư bằng thủ pháp miêu tả giảm đẳng hành vi thâm độc của họ đối với nàng Kiều; bà mẹ không "đánh nàng đến máu chảy trôi chày" ("Hai bên thị nữ dạ ran, tức thì vật Thúy Kiều xuống đất, người giữ tay để đánh vào tay, người giữ chân để đánh vào chân, kẻ đè đầu để đánh vào đầu, một người át giọng quất đánh, một người quỳ xuống ghi số. Một gậy vụt xuống Thúy Kiều kêu lên một tiếng, mông đít như lửa đốt, hồn xiêu phách tán. Cái gậy tre vô tình kia cứ dồn vào một chỗ, chỉ dăm ba gậy thì Thúy Kiều đã nứt da bật máu"[36]) mà chỉ truyền đánh ba chục roi; cô con cũng không dọa nàng một cách hùng hổ: "Nếu mày còn loanh quanh giấu giếm nữa, ta sẽ cho mày một trận đòn ở đây đã, rồi tống cổ trả mày về bên cụ lớn đánh cho kỳ chết"[37], lại không trực tiếp đứng ra tra vấn nàng về lai lịch mà để cho Thúc Sinh tra hỏi, và khi nghe đến tiếng đàn tuyệt kỹ của nàng thì lại "*Khôn uy dường có bớt vài bốn phân*"[38]; **đ**. Nhưng tệ hại nhất là ở đoạn báo ân báo oán của nàng Kiều, một dịp "trả thù giai cấp" rất đắc địa thì Nguyễn Du lại "nhẹ nhàng bỏ qua Hoạn phu nhân, căn bản không hề cho người đi bắt mụ đó"[39]. Riêng "đối với "thủ phạm" bức hại Thúy Kiều là Hoạn Thư, Nguyễn Du lại cũng khoan dung, để cho lọt lưới: ...*Tha ra thì cũng may đời/ Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen/ Đã lòng tri quá thì nên/ Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay*". Đến nỗi "lần bị điệu đến này, Hoạn Thư chẳng những không xây xát một mảy lông mà còn nhờ chồng là Thúc Sinh được thơm lây. Hai vợ chồng nhận "gấm trăm cuốn bạc nghìn cân" của Thúy Kiều trả ơn Thúc Sinh, chở nặng mà về"[40]. Ông Đồng Văn Thành phân tích "khuyết điểm" của Nguyễn Du ở phần cuối cùng này rất sát sao, chặt chịa: "Sở dĩ Nguyễn Du viết như thế đương nhiên xuất phát từ sự đồng tình với những nhân vật thuộc giai cấp quý tộc là giai cấp xuất thân của mình. Ông đã tìm mọi cách che đậy cho tội áp bức của giai cấp ấy, sửa chữa cuộc đấu tranh giai cấp nghiêm túc đó thành cuộc tranh chấp thuần túy giữa vợ cả vợ lẽ ghen tuông với nhau trong gia đình. Thúy Kiều đòi hỏi trả thù nhưng khi thấy kẻ thù

thì lại khâm phục tài ăn nói và khen ngợi cô ta biết sửa lỗi lầm"[41]. Sau hết, ông dành cho Nguyễn Du một lời "kết án" nghiêm khắc: "Cách cải biên ấy rõ ràng đã bóp méo, xuyên tạc nghiêm trọng nội dung có tính chính trị sâu sắc của nguyên tác"[42].

Về nhiều chi tiết Đổng Văn Thành "mời ra" làm đối chứng trước "tòa án văn chương" do ông thụ lý, phải nhắc lại, ông lại rơi đúng vào cái vòng "bất kham" của chữ nghĩa mà chúng tôi đã gọi là "ông chẳng bà chuộc" ở một phần trước. Câu chuyện thằng bán tơ chẳng hạn, thì giữa *Kim Vân Kiều truyện* nào có thấy khác gì *Truyện Kiều*? *Kim Vân Kiều truyện* nói thằng bán tơ vốn là ăn cướp giả danh, trọ trong nhà ông dượng, khi bị bắt thì khai liều, liên lụy đến gia đình ông dượng và cả gia đình Vương Viên Ngoại bấy giờ đang ăn giỗ ở đấy. Nguyễn Du cũng chỉ nói "*Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ*", ta hiểu thằng bán tơ là đầu mối, chứ nhà thơ có đổ tất cả tai họa của gia đình Kiều cho thằng bán tơ đâu. Xem lại các bản *Kim Vân Kiều truyện* hiện lưu giữ tại Việt Nam, chủ yếu là bản do Quán hoa hiên tàng bản (A.559) chúng tôi không thấy có đoạn sau đây được ông Đổng Văn Thành tóm lược: "Dương Binh mã thuộc Ty Binh mã trong thành chỉ dựa vào lời phạm nhân khai là có dính dáng đến Vương Viên Ngoại, không cần xét thật giả đã lập tức lợi dụng khẩu cung gian dối này làm cớ, sai ngay bảy tám tên sai nha xông vào nhà họ Vương vơ vét của cải, dùng cực hình tra hỏi"[43]. Phải chăng nói như Nguyễn Đăng Na, có hai loại văn bản *Kim Vân Kiều truyện* khác nhau, loại in từ trước thế kỷ XX và loại in từ thế kỷ XX về sau, trong đó, loại thứ hai như "các bản do Đinh Hạ hiệu điểm hoặc bản do Xuân phong văn nghệ xuất bản... về cơ bản cũng gồm 20 hồi như các bản Quán hoa hiên, Đại Liên [in trước thế kỷ XX]... nhưng dài hơn, có nhiều chi tiết hơn"[44], "điều này tạo nên sự phức tạp, thậm chí rối loạn khi nghiên cứu so sánh giữa *Đoạn trường tân thanh* [*Truyện Kiều*] với *Kim Vân Kiều truyện*"[45]. Duy trong trường hợp đang bàn thì chẳng phải vì Nguyễn Du dựa vào một bản thuộc loại thiếu nhiều chi tiết (do ông sống trước thế kỷ XX không được tham khảo các bản đầy đủ in về sau) mà đi đến "rối loạn nhận định" như ông Đổng Văn Thành. Nguyễn Du vẫn lên án quan lại sai nha gay gắt đấy chứ:

Câu 575 "*Hàn huyên chưa kịp dãi dề,*
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.
Người nách thước kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.
Già giang một lão một trai,

Một dây vô lại buộc hai thậm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rời khung cửi, tan tành gối may.
Đồ tế nhuyễn của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham"...

Thậm chí, nhà thơ còn châm biếm bọn chúng sâu cay nữa là khác:

Câu 997 "*Một ngày lạ thói sai nha,*
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền"

Trong yêu cầu cô đúc của nghệ thuật thi ca, thiết tưởng thế là quá đủ, còn nếu thấy liều lượng "chưa đã" thì... cũng đành phó mặc sở thích riêng của mỗi người, miễn ta chấp nhận với nhau không phải Nguyễn Du cố tình giảm nhẹ tội cho đám công sai. Có điều, trong bọn "đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi" ấy lại nảy ra một Chung Công (Chung công sai = Chung Sự) có tấm lòng từ ái. Việc vòi vĩnh ba trăm lạng, theo *Kim Vân Kiều truyện* đúng là do bọn lính tráng đến nhà Vương Viên Ngoại đề xuất trước. Nhưng chính Thanh Tâm Tài Nhân cũng khẳng định vai trò quyết định của Chung Công trong việc tính liệu "lót đó luồn đây" với ba trăm lạng bạc đó: "Già Chung này tuy làm việc chốn quan nha nhưng suốt đời ăn chay, việc gì làm được mới làm, việc gì không làm được thì nhất quyết không dám làm xằng [...]. Đồng tiền của cô là đồng tiền thế nào mà tôi dám phung phí. Ba trăm lạng bạc này hãy để ở nhà tôi, tôi đưa hai ông con nhà đến tận mặt quan, xin giấy chiếu làm chứng cho nhà cô được vô can, rồi sau mới đem tiền đến. Gặp mấy tên cướp, tôi sẽ bảo rõ không được vướng đến nhà cô, rồi cho chúng một số. Còn bọn chúng tôi có mười người đầu mục liên quan đến tra xét vụ này, tôi sẽ chia bạc cho họ, và bảo cho họ biết việc ở nhà họ Vương do tôi đảm bảo, nếu có hơi tăm gì ở nha môn thì nhờ họ che giấu"[46]. Thanh Tâm Tài Nhân còn để cho Chung Công ân cần giúp đỡ Thúy Kiều nhiều việc trong những ngày gia đình nàng bấn loạn, và vào hôm nàng cùng Mã Giám Sinh về Lâm Truy, chính Chung Công đã đến tận trường đình đưa tiễn, mở một tiệc nhỏ thết hai người cùng gia đình họ Vương rồi mới ra về. Nguyễn Du không chủ tâm biến Chung Công từ người xấu thành người tốt (hay ngược lại) khác với *Kim Vân Kiều truyện*; nếu việc ấy là có lỗi, xin ông Đồng Văn Thành cứ trách cứ Thanh Tâm Tài Nhân.

Cả việc Nguyễn Du gọi hai tên gia nô của Hoạn Thư là Khuyển, Ưng chứ không gọi dài dòng là Hoạn Ưng, Hoạn Khuyển có lẽ một phần cũng do sự ràng buộc của câu thơ lục bát: "*Sửa sang buồm gió lèo mây/Khuyển Ưng lại chọn một bầy côn quang*". Một phần nữa, dùng hai chữ Khuyển và

Ưng vừa đủ nói rõ thú tính của hai kẻ tay sai vừa hàm ý chúng là chó săn chim mồi của họ Hoạn, thế thì bỏ tiền tố "Hoạn" trong tên của chúng không có hại, mà đưa vào thơ đôi khi lại giảm ý vị, có thể bị coi là "bới bèo ra bọ" cũng nên. Một nhà thơ như Nguyễn Du tất biết "bỏ" và "lấy" như thế nào thì mới thích hợp với ngôn ngữ của thơ.

Một tình tiết nữa là việc Hoạn Thư bẻ răng hai tên mách lẻo. Đấy là hai tên gia nô hay hai người quen của họ Hoạn thì cũng đều chứng tỏ uy thế gớm ghê của cô con gái viên quan Bộ Lại, xét cho cùng cũng đều là "áp bức giai cấp" như ông Đồng Văn Thành nói cả. Mà bẻ răng hai tên gia nô là chuyện trong nhà họ Hoạn, thời Trung cổ các gia đình quyền quý Trung Hoa làm việc đó nào có gì lạ, có khi họ còn gây nhiều tội ác tày trời nữa ấy chứ, bẻ răng vẫn còn là quá nương tay. Song đến người quen mà cũng đè nghiến ra bẻ răng thì cái hành vi hống hách của cô gái họ Hoạn này mới thật là quá quắt. Thử hỏi giữa Thanh Tâm Tài Nhân và Nguyễn Du, ai xử lý tình tiết thâm trầm hơn ai?

Tuy nhiên, điều chúng tôi mong muốn bàn với ông Đồng Văn Thành ở phần cuối cùng này vượt lên trên những sự tranh cãi lặt vặt về tình tiết. Qua những ý kiến đánh giá của ông về *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều*, Chúng tôi nghĩ, nên trao đổi thêm về **phương pháp luận nghiên cứu văn học** của ông. Đối với Đồng Văn Thành, bài học rút ra từ các tác phẩm quá khứ tuồng như chủ yếu là vấn đề đấu tranh giai cấp. Từ đầu chí cuối chỉ thấy ông phân loại thành phần cho nhân vật của *Kim Vân Kiều truyện* và coi đây là cuốn tiểu thuyết "miêu tả rõ ràng, nổi bật sự đối lập giữa các giai cấp" - một "giới hạn chính trị có tính nguyên tắc"[47] của Thanh Tâm Tài Nhân. Xem xét một lĩnh vực vô cùng đa nghĩa như văn học mà chỉ bó hẹp trong một tiêu chí là đấu tranh giai cấp, liệu có phải là dùng một thước đo chưa thích đáng, là dùng "dao mổ trâu" để giải phẫu cơ thể phức tạp của con người hay không? Đành rằng con người không thoát ly quan hệ giai cấp, nhưng con người còn rất nhiều quan hệ khác, là "tổng hòa mọi mối quan hệ xã hội" nói như K. Marx, và ngày nay chúng ta đã có thể bổ sung thêm: không những là sự tổng hòa mọi quan hệ xã hội, con người còn thường xuyên mở rộng giới hạn giao tiếp của mình ra những quan hệ nằm ngoài xã hội nữa. Có bao nhiêu cái chưa biết trong cuộc đời này và vũ trụ này không liên quan gì đến xã hội, con người vẫn cứ phải tham dự như một chủ thể. Đối tượng của tiểu thuyết là con người, là sự sống nhiều mặt của con người, thế nên tiếng nói trong tiểu thuyết rộng hơn quan hệ giai cấp rất nhiều. Cũng không thể coi tiếng nói của tiểu thuyết là một tiếng nói đơn

nghĩa mà phải nói như Milan Kundera, nhà văn đương đại nổi tiếng người Pháp gốc Tiệp, đó là một thứ "ngôn ngữ tương đối và nước đôi"[48] trong ý nghĩa tích cực của nó. Con người trong tiểu thuyết có cái phần là con người giai cấp, nhưng còn có vô số phần khác là con người nhân loại, con người mang tính người thuần túy, con người siêu hình, hư vô, con người sinh lão bệnh tử, thậm chí con người sinh vật với các nhu cầu "vật-người" ở giữa thế gian này.

Ông Đồng Văn Thành thích tiếp nhận những nhân vật của Thanh Tâm Tài Nhân dưới góc độ chúng là hiện thân của tính giai cấp, song người khác vẫn có thể tìm ra từ những nhân vật ấy nhiều phương diện đa đoan, lý thú hơn. Đặc biệt, với Nguyễn Du, nhà tâm lý bậc thầy, nhân vật của ông không bao giờ lại là những mô hình khô cứng, thuyết minh cho một tín điều nào cả. Nhân vật của ông là sự sống được cụ thể hóa nên phong phú ý nghĩa. Hoạn Thư vừa có thể ác nghiệt với Kiều vì máu ghen của "con quan Lại bộ" "*Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen*", vừa có thể nghe tiếng đàn Kiều gảy mà chợt động tâm, cái phần người trỗi dậy, và biệt đãi với Kiều hơn hẳn đám tôi đòi khác; đến khi xem rõ lời khai về cuộc đời chìm nổi của Kiều thì lại càng động tâm, "ngẫn ngơ chút tình" hơn chút nữa. Lại khi cần tra vặn chuyện chồng cũ của Kiều, là việc cô ta đã biết tỏng, một thoáng xấu hổ nào đó chợt hiện ra ám ảnh khiến cô đành đẩy sang cho Thúc sinh "*Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao*"... Đó mới là "người", là "cái hiền minh lưỡng lự"[49] của tiểu thuyết chứ sao? Cũng vậy, khi Kiều trả thù, có thể nàng vẫn căm phẫn bà phu nhân già họ Hoạn, nhưng một bà già tuổi tác như bà ta lại cũng có thể làm cho nàng - vốn là một cô gái hết sức nhạy cảm - động lòng trắc ẩn. Ngay *Kim Vân Kiều truyện* tuy có cho điệu bà ta đến nhưng rồi cũng tha kia mà. Trong các bộ luật hiện đại của nhiều nước văn minh, có điều luật đặc cách đối với những kẻ phạm pháp đã già nua không bắt phải thi hành án. Thời đại Thúy Kiều là thời Gia Tĩnh triều Minh, luật lệ còn man rợ, nhưng Nguyễn Du cứ để cho Kiều không thèm truy xét bà mẹ Hoạn Thư, chứng tỏ cái nhìn viễn kiến vượt lên trước thời đại của nhà thơ. Riêng Hoạn Thư, trong *Kim Vân Kiều truyện* bị treo lên xà nhà đánh đủ một trăm roi, thì trong *Truyện Kiều* lại được biệt đãi. Phải nhìn vào cuộc đối thoại giữa hai con người tình địch và tâm trạng Thúy Kiều trong thời điểm ấy. Khi nói với Thúc Sinh nàng đã hiểu giữa mình và Hoạn Thư là hai đối thủ không vừa "*Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau*". Hoạn Thư bị dẫn ra, nàng chủ động lên tiếng trước, lời lẽ xã giao, lịch sự, nhưng chứa đầy thách thức: "*Thoắt trông nàng đã chào thưa/Tiểu thư cũng*

có bây giờ đến đây/Đàn bà dễ có mấy tay/ Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan/ Dễ dàng là thói hồng nhan/Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều". Nàng có ngờ đâu Hoạn Thư "hồn lạc phách xiêu" mà vẫn trấn tĩnh được, đáp lại thật nhũn nhặn, và lại biết giữ thể diện, nhận phần lỗi về mình "*Trót lòng gây việc chông gai/Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng*", đồng thời cũng khéo léo nhắm vào những chỗ yếu của lòng người để khơi gợi đối thủ: "*Rằng tôi chút phận đàn bà/Ghen tuông thì cũng người ta thường tình/Nghĩ cho khi các viết kinh/Với khi khỏi cửa dứt tình chăng theo/Lòng riêng riêng những kính yêu/Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai...*". Kiều phải thừa nhận Hoạn Thư là người "*Khôn ngoan hết mực nói năng phải lời*". Cuộc đối thoại chấm dứt bằng sự tha bổng là điều ai cũng thấy trước, một thách đố cam go, trong đó Hoạn Thư đã đánh rất trúng tâm lý người đối thoại: "*Tha ra thì cũng may đời/Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen*". Chỉ tiếc vì không hiểu tiếng Việt, ông Đồng Văn Thành đã không thể theo dõi hết các biến thái tâm trạng trong màn đấu lý căng thẳng mà hấp dẫn vốn là một trong những đoạn thành công nhất của *Truyện Kiều*.

Từ một vài phân giải sơ lược của chúng tôi về giá trị *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng tôi nghĩ, chỗ khác nhau cơ bản giữa chúng tôi với ông Đồng Văn Thành là cách nhìn nhận sức mạnh đích thực của tiểu thuyết. Tiểu thuyết không phải bày ra trước chúng ta một câu chuyện thật ly kỳ để chúng ta thưởng thức cho thỏa thích mà khi đọc xong không cần bận tâm đến nữa vì đó là chuyện đã được nói rồi, không có gì khám phá mới mẻ, và cũng chẳng liên quan đến vận mệnh của một người nào. Tiểu thuyết cũng không phải treo một tấm gương đạo đức cho người ta nhìn ngắm với lòng ngưỡng mộ và noi gương học hỏi, lại cũng không nhất thiết phải là bài học đấu tranh sát sườn giữa thiện và ác, giữa thống trị và bị trị, giữa bóc lột và nô lệ... để rút kinh nghiệm cho "trận cuối cùng" của nhân loại trên con đường hành hương về miền đất hứa. Đó là những loại tiểu thuyết đã từng xuất hiện một thời, dưới các cơ chế toàn trị, nhưng cũng đã biến đi rất chóng. Tiểu thuyết tự nó giữ một vị trí khiêm tốn hơn nhiều lắm. Nó là những chuyện bịa, dắt người ta vào vô số cuộc phiêu lưu không định hướng, và cũng không răn dạy gì to tát cho bất kỳ ai. Nhưng những điều mà nó mách bảo, dù chỉ rất ít vẫn là những điều con người không lường trước. Tiểu thuyết không nói với con người cái tất định mà là cái đang tiếp diễn con người chưa thể biết - "Mỗi cuốn tiểu thuyết nói với độc giả: Sự vật ở đời phức tạp hơn anh tưởng"[50]. Nó nói về sự mong manh của thân phận con người trước rất nhiều ngả của dòng đời tuôn chảy, đặt cho con người

những mối hoài nghi, những băn khoăn thấp thỏm về chính cõi người. Nó gợi lên những câu hỏi nước đôi, những giấc mơ và sự thật, hiện hữu và cái phi lý của hiện hữu. Nó giúp con người tự phân thân, tách mình ra để nhìn lại cái bề ngoài của mình tưởng không liên quan đến mình. Nó cũng giúp con người khám phá vào thế giới bên trong sâu thẳm và nhiều khi đối với mình là một sự lạ lẫm. Tiểu thuyết vì thế, không đẩy con người quay về quá khứ mà hướng con người đi tới. Trong một chừng mực nào đó, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã làm được vai trò nhỏ nhoi nhưng thực đáng giá đó của một cuốn tiểu thuyết. Mượn lại một câu chuyện xảy ra vào triều Minh xa lắc, Nguyễn Du đã làm cho bao nhiêu thế hệ người Việt từ hơn hai thế kỷ nay mê man say đắm, vì ông đã làm cho nàng Kiều hóa thân vào từng thế hệ, trở thành nỗi ưu tư, buồn khổ, thành "cái tôi" dằn vặt, những dấu hỏi về vận số, thành khát vọng sống của mọi giới người, nói như Mộng Liên Đường Chủ nhân: "Tố Như Tử dụng tâm đã khéo, tả cảnh như hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy"[51]. Chính khả năng hướng tới hiện đại của nhà thơ đã quy định số phận khác nhau giữa *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều*. Toàn bộ câu chuyện kể của Thanh Tâm Tài Nhân, không phải không hay, rất hấp dẫn là khác, nhưng đó là một câu chuyện của quá khứ, từ rất lâu rồi không còn để một ngờ vực băn khoăn gì cho con người hiện tại. Số phận của nó đã kết thúc. Còn tác phẩm của Nguyễn Du, mỗi lần đọc vẫn đưa lại một vài khám phá mới, "một mẩu của sự sống" (un fragment de la vie) mà theo Herman Broch, chỉ có tiểu thuyết mới khám phá ra được. Nó vẫn còn hiện diện ở giữa cõi nhân gian, vẫn là cuốn tiểu thuyết đối thoại được với chúng ta.

Công lao của Thanh Tâm Tài Nhân không nhỏ. Không có Thanh Tâm Tài Nhân thì ắt hẳn không thể có *Truyện Kiều* của Nguyễn Du như cái hình thức mà nó tồn tại cho đến ngày nay, mặc dù có thể có một truyện thơ khác. Nhưng cũng lại phải nói cho công bằng, chính nhờ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ngày một nổi tiếng, vượt ra khỏi biên giới nước mình, mới là một động cơ để những học giả như ông Đồng Văn Thành cố gắng làm cho *Kim Vân Kiều truyện* được độc giả trong và ngoài Trung Hoa quan tâm trở lại. Sự đời có nhân có quả chính là như vậy.

Nguyễn Huệ Chi

Hà Nội ngày 17 tháng 11 năm 2005

---

1. Xin xem: **a**. Phạm Tú Châu. *Đọc "Truyện Kiều" bản dịch Trung văn. Văn nghệ* số

44, 1990; **b**. Phạm Tú Châu. *Sóng gió bất kỳ từ một bản dịch*; Tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 5-1997. In lại trong *200 năm nghiên cứu bàn luận "Truyện Kiều"*. Nxb. Giáo dục, 2005; **c**. Hoàng Văn Lâu. *Cũng là một kiểu "so sánh văn học"*. *Tạp chí Hán Nôm*, số 3-1998. In lại trong *200 năm nghiên cứu bàn luận "Truyện Kiều"*. Sđd; **đ**. Nguyễn Khắc Phi. *Nhân đọc bài "Kim Vân Kiều truyện" của Đồng Văn Thành*. In trong *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc qua cái nhìn so sánh*. Nxb. Giáo dục, 2001. In lại trong *200 năm nghiên cứu bàn luận "Truyện Kiều"*. Sđd; **đ**. Trần Ích Nguyên. *Nghiên cứu so sánh "Kim Vân Kiều truyện" của Trung Quốc, Việt Nam và tranh luận*. In trong *Vương Thúy Kiều cố sự nghiên cứu*. Lý Nhân thư cục, Đài Bắc, 2001. Được Phạm Tú Châu dịch ra tiếng Việt dưới nhan đề *Nghiên cứu câu chuyện Vương Thúy Kiều*. Nxb. Lao động, Hà Nội, 2004. In lại trong *200 năm nghiên cứu bàn luận "Truyện Kiều"*. Sđd.

2. Chẳng hạn luận văn Thạc sĩ của Vương Thiên Nghi ở Sở Nghiên cứu văn học Trung Quốc thuộc Trường Đại học Đông Hải, Đài Loan, 1988. Chuyển dẫn theo Trần Ích Nguyên trong bài đã dẫn.

3. Nhân dân văn học xuất bản xã xuất bản, Bắc Kinh, 1959. Cần nói thêm rằng bản dịch này tuy có nhiều mặt chưa đạt đến chỗ tinh thâm của nguyên tác, nhưng tấm lòng trân trọng nguyên tác của người dịch, muốn giới thiệu cho nhân dân Trung Quốc một áng văn "cực kỳ vi diệu khúc chiết" mà mình cảm thấy bất lực trong việc chuyển ngữ là điều thấy rõ và đáng được ghi nhận.

4. Xem Phạm Đan Quế. *Truyện Kiều đối chiếu*; Nxb. Hà Nội, 1991.

5. Xem Nguyễn Thạch Giang, Triệu Ngọc Lan, Lô Úy Thu. *Một số nhận xét về "Kim Vân Kiều truyện" với "Đoạn trường tân thanh"*. *Sông Hương*, số 2-1994.

6. Xem Nguyễn Khắc Phi. *Nhân đọc bài "Kim Vân Kiều truyện" của Đồng Văn Thành*. In trong *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc qua cái nhìn so sánh*. Bài đã dẫn; tr. 1578.

7. Bài Đồng Văn Thành đã dẫn. Chuyển dẫn theo bản dịch của Phạm Tú Châu trong *200 năm nghiên cứu bàn luận "Truyện Kiều"*. Sđd; tr. 1544. Nguyên văn: "越南人民把金雲翹傳的作者比之為俄國普希金。法國的巴爾扎克。中国的曹雪芹"; Tập 4, trang nguyên văn (trnv.) 57. Mặc dù nguyên văn bài Đồng Văn Thành in chữ giản thể nhưng để bạn đọc rộng rãi dễ theo dõi, khi trích, chúng tôi đều chuyển sang phồn thể.

8. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1548. Chúng tôi có đối chiếu lại và chỉnh lý tí chút cho câu văn xác thiết hơn. Nguyên văn: "中越两部"翹傳"的主要人物和故事情節完全相同。就連叙事的结构都毫無變化。所不同的只在于中國"翹傳"有十二回本的。也有二十回本的。中國小說"翹傳"流傳于明末。青心才人之作则刊行于清初。而越南"翹傳"是阮攸第一次出使中國歸國後第二年(嘉慶二十年。1815年)完成作品比中國的"翹傳"晚了至少有一百六十年以上。很顯然是阮攸受了青心才人作品的影响。而绝不是相反"; Tập 4, trnv. 61.

9. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1552. Nguyên văn: "從總体上看。我覺得阮攸的"翹傳"無論在内容上還是在藝術上。。。均未超過其摹仿底本-中國"翹傳"的水平"; Tập 4, trnv. 65.

10. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1552. nguyên văn: "阮攸的"翹傳"保存了中國小說原作的大部分精華。雖對原作内容和藝術也有所損益。但還是保存的。因此。對中越文化的交流是有贡獻的。其"翹傳"还是一部值得

肯定的作品"; Tập 4, trnv. 65.

11. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1553. Nguyên văn: "阮攸在書中某些人物身上打上了自己主觀意識的烙印。在一定程度上損害了人物性格的完整和统一"; Tập 5, trnv. 93.

12. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1564. Nguyên văn: "封建宿命論觀念的加深"; tập 5, trnv 103. Cần nói thêm, trong nguyên văn ở phần hạ, dưới mục 1: Từ chi tiết xem xét những sai dị (一。从细节看差异) có mục (一) tức mục **A** trong bản dịch, mà lại không thấy các mục (二) và (三) nên chúng tôi đoán hai mục này thuộc các trang103 và 104 mà bản dịch trong sách *200 năm nghiên cứu bàn luận Truyện Kiều* đã biến thành hai mục d, đ của phần 2, trong khi lẽ ra đây là mục **B** và mục **C** tương ứng với mục **A "Nguyễn Du đã in dấu ý thức chủ quan của mình..."**.

13. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1566. Nguyên văn: "阮攸長詩增加了同全書環境。情節矛盾的蛇足之筆"; Tập 5, trnv. 104.

14. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1567. Nguyên văn: "阮攸離開小說原作的細節雖然不多。但絕大多數都不如原作的思想水平和藝術水平"; Tập 5, trnv. 105.

15. Xin xem Oswald Ducrot & Tzvetan Todorov. *Dictionnaire encyclopédique des sciences du langages*. Édition du Seuil, 1972; tr. 193. Nguyên văn: "Le problème des genres est l'un des plus anciens de la poétique" và "l'étude des genres doit se faire à partir des caractéristiques structurales".

16, 17. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1570. Nguyên văn: "由于詩人在抒情中寄托着自己的生活体验。往往能做到情景交融。真切感人。与此同時。有時也因為詩人過分追求主觀感情的寄托而損害了人物形象的完整與統一"; Tập 5, trnv. 108.

18. Chi riêng đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích này thì *Kim Vân Kiều truyện* có nói lướt qua về địa giới và có gửi gắm hình ảnh thiên nhiên trong một bài thơ: "Ngôi lầu này, từ phía Đông trông ra biển xanh, phía Bắc nhìn lên kinh kỳ, phía Nam ngó lại Kim Lăng, phía Tây trông ra dãy núi Kỳ Sơn 此樓東望滄海。北望京畿。南望金陵。西望岐山; "Đề xong [mấy câu ca] lại thấy nước mới đầy khe, có gò vương khói, tiếng triều rào rạt, cánh buồm thấp thoáng, nàng lại nghĩ thành một bài thơ luật rằng: *Bên song nước suối thoảng mùi hoa/Sương khói mung lung ngọn núi xa/gần biển, triều dâng bờ đá ướt/Cách thành, buồm ngà bóng chiều tà/Gió nâng vóc liễu trên từng gác/Sóng giục người đi biệt đất nhà/Việc cũ can chi mà nhỏ lệ/Đốt lò nhắp thử vị hương trà* 題畢。又見新水漫溪。阜草拕嵐。潮聲噓坐。帆影拂闌。又成一律詩曰。入窗新水漫溪花。阜草拕嵐四望賒。近海潮聲噓坐濕。隔城帆影拂闌斜。風扶瘦我輕登閣。浪逐征人倒印沙。往事不堪頻淚落。颺香慢煮兩前茶. Những trích dẫn *Kim Vân Kiều truyện* trong bài này chúng tôi theo bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999. Trong khi trích có đối chiếu với nguyên văn in cuối bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm; Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa thuộc Nha Văn hóa Việt Nam cộng hòa xuất bản, Sài Gòn, 1971, và chỉnh sửa câu chữ bản dịch ở những chỗ thấy cần thiết. Trích dẫn nguyên văn cũng rút từ bản in Tô Nam Nguyễn Đình Diệm.

19. Nguyên văn: "一日清明。王氏合家掃墓。就借此踏青。翠翹同弟王觀。妹翠雲。各處閒行。忽行到溪邊。看見一座孤塚。因對王觀道...翠翹刺畢。尚

流連不舍。忽見一書生騎馬遠遠而來。王觀認得是同窗契友金重。不知他有意跟尋到此。忙對翠翹道。金家哥哥來了。快些回避。翠翹聽了。抬眼看見金重風流倜儻。雅致蹁躚。乘馬而來。因與翠雲斂迹墓後。金生走到墓前下馬見王觀...".

20. Xem *Encyclopedia Universalis*. Version 10, 2005, mục "Poésie". Nguyên văn: "Lorsque, pour évoquer les tourments de l'amour, Pétrarque fait rimer *pace* avec *sface*, *piena* avec *pena*, il suggère la coïncidence paradoxale, au cœur de l'amant, d'une paix et d'une destruction, d'une peine et d'une plénitude. Il n'est donc pas possible de résumer, de paraphraser ou de traduire un poème sans lui faire perdre non seulement sa musicalité, mais une part de sa signification".

21. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1564. Nguyên văn: "這家為什么不用自己的財勢来帮助自己的老朋友。而眼睁睁看着王家賣掉爱女呢?"; Tập 5, trnv. 103.

22. Nguyên văn: "王員外四肢反吊朝天。面胸朝地。背上壓豈一塊石頭。壓得三百六十骨節。節節皆離。八萬四千毛孔。孔孔皆汗。面如土色".

23. *Minh Thanh tiểu thuyết giám thưởng từ điển*. Hàng Châu, 1994; tr. 509-510. Chuyển dẫn theo Nguyễn Khắc Phi, bài đã dẫn; tr. 1576.

24, 25. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1550. nguyên văn: "一個富有思想内涵的女性典型và這種形象。。。是大大高出于現實生活的。是具有較大典型意義的"; Tập 4, trnv. 63.

26. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1571. Nguyên văn: "以傳神之筆。畫出了這位少女嫻靜文雅的内向性格"; Tập 5, trnv. 110.

27, 28. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1556-1557. Nguyên văn: "小說原作對官軍將帥的腐敗無能做了無情的揭露和辛辣的嘲諷và徐海對官軍這種絕對壓倒的優勢。在阮攸筆下的分量就輕得多了"; Tập 5, trnv. 96-97.

29. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1553. Nguyên văn: "來了一個好漢。[姓]徐名海。號明山和尚。越人也。開濟豁達。包含宏大。等富貴若弁毛。視儔列如草莽。氣節邁倫。高雄蓋世。深明韜略。善操奇正。[背]曰。天生吾才必有吾用。有才無用。天負我矣。設若皇天負我。我亦可負皇天。大仗夫處世當磊磊落落。建不朽于天壤。安能隨肉食者老死牖下。縱有才無命。英雄無用武之地。[不能]流芳百世。亦當自我造命。弄兵黃池。遺耻萬年。不然。這腔子内活潑潑的熱血。如何得發付也。早年習儒不就。棄而為商。財用充足。最好結交朋友"; Tập 5, trnv. 93-94. Trong các bản *Kim Vân Kiều truyện* chữ Hán ở thư viện Việt Nam, đoạn này có bị lược đi một số câu.

30. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1566. Nguyên văn: "書中王翠翹和金重相識于清明節。不久便進入熱戀阶段。前後整個戀愛歷程不超過半年。阮攸寫二人戀愛環境時却出現了冬境的描寫:墻頭霜濃雪厚"; Tập 5, trnv. 104.

31, 32. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1570. Nguyên văn: "從原故事的描寫看。王翠翹真正爱的是金重。對束守和徐海主要是感其贖身之恩"và "因為詩人過分追求主觀感情的寄托而損害了人物形象的完整與統一"; Tập 5, trnv. 108.

33. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1558-1559. Nguyên văn: "可是到阮攸筆下。同官吏句結的犯人响馬賊被改成了"絲商"。王家被抄劫刑訊的原因被歸結為"事起絲商誣告。羅織罪愆"。應捕和公差的暴行并非為了逼索賄賂。而是"雖是衙役。但秉慈心。体諒她至情重孝。不禁憐憫深深。他暗中安排辯法索銀三百。作為結案罰金"; Tập 5, trnv. 99.

34. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1560. Nguyên văn: "阮攸把這兩個無辜奴才的不幸遭遇改移到宦氏的兩個"熟人"身上。寫她對自己的"熟人"翻臉為仇。撒潑施虐。雖然也表現了她的嫉妒和狠毒。但階級壓逼的意義就被抽掉了"; Tập 5, trnv. 100.

35. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1561. Nguyên văn: "小說對宦氏母女派豪奴惡仆劫持翠翹的強盜行為十分憤慨。特為所派去的豪奴取名為"宦鷹"和"宦犬"以寓"宦門鷹犬"之意。阮攸把二豪奴改名為"阿鷹""阿犬"。冲淡了對其權貴走狗身份的批判含義"; Tập 5, trnv. 100.

36. Nguyên văn: "兩邊了頭應一聲。把翠翹拖翻在地。拳手的打手。拳脚的打脚。按頭的打頭。一個喝聲打杖。一個跪下記數。劈空一板打將下去。翠翹叫唧喲一聲。臀上絕火燒。魂魄已不失了。那無情竹板下下打在一處。不須三五板。皮破血流".

37. Nguyên văn: "若胡支胡掩。我這裡上了板子。發還老夫人處。活活敲死".

38. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1561-1562. Nguyên văn: "寫宦氏把翠翹帶回家中折辱。更是溫情脉脉:小姐談到絲竹宮商。她受命抱琴演奏。水流鳴咽動人腸。小姐頓生憐惜。威稜稍斂鋒芒。不僅如此。[阮攸]還刪掉宦氏刑訊翠翹來歷細節。改為宦氏囑束生向她根查來歷"; Tập 5, trnv. 101.

39. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1562. Nguyên văn: "寫到後來翠翹復仇。輕輕放過了宦夫人。根本沒有派人抓她"; Tập 5, trnv. 102.

40. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1562-1563. Nguyên văn: "宦氏這次被帶來。不僅未偷一根豪毛。還跟丈夫束生借光。夫婦倆領到王翠翹對束生報恩的"千兩銀。百匹錦"滿載而歸"; Tập 5, trnv. 102.

41, 42. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1563. Nguyên văn: "阮攸之所以這樣寫。當然是出于對自己出身的貴族階級人物的同情。千方百計掩飾其階級壓逼的罪行。把一場嚴肅的階級斗爭修改成了單純的妻妾爭風吃醋的家庭糾紛。聲言要復仇的翠翹。見了仇人反而佩服其辯才而贊其善改過。這種修改。顯然是對小說原作深刻政治性內容的嚴重歪曲和算改"; Tập 5, trnv. 102.

43. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1558. Nguyên văn: "中城兵馬司的楊兵馬只據犯人供詞中對王員外牽連他句把儿。便不察真偽利用這點假供詞做借口。立即派了七八個做公的闖入王家劫掠財物。刑訊勒索"; Tập5, trnv. 98.

44, 45. Xin xem Nguyễn Đăng Na. "Lời dẫn về văn bản". In đầu bản dịch *Kim Vân Kiều truyện* của Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh, Sđd; tr. 21.

46. Nguyên văn: "我老終身雖在衛門。却吃一口長素。做得的做。做不得的定不去結案[...]姑娘你為令尊賣身是甚麼錢。怎敢花費。我三百銀子。放在我家。先同令尊令弟見了本官。當面討個執炤。與你家無干。然後將銀送去。就見响馬。我與他說明。不許牽扯你家。把銀子與他。我們這夥干理有十個頭目。把銀分他。說王家事。是我管的。凡各衛門。有甚風聲。都求列位遮蓋".

47. Như trên, bản dịch của Phạm Tú Châu; tr. 1560. Nguyên văn: "小說原作對階級對立的描寫是很鮮明突出的và原則性的政治界限"; Tập 5, trnv. 99.

48, 49, 50. Milan Kundera. *Nghệ thuật tiểu thuyết*. Nguyên Ngọc dịch. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2001; tr. 13, 14 và 26.

51. Tựa *Truyện Kiều*, 1820. Trần Trọng Kim dịch. Nguyên văn: "素如子用心之苦。敘事之神。寫景之工。談情之切。自非眼浮六合。心貫千秋。未必有始如此力也".

NGUYỆT THƯ

về quê thăm mạ

(thương yêu gởi Cam Thảo)

Bàn tay anh dắt em
xuyên lối mòn giữa cỏ,
sau tàng mít tròn xoe
cơ ngơi Mạ mình đó.

Những ngọn núi bao quanh
mây lững lờ trắng xóa,
ngôi nhà nét rất thanh
uốn cong mái ngói đỏ.

Êm ả biết bao nhiêu
thông và tùng đứng ngó,
canh giấc Mạ an lành
mát mẻ nằm trước gió.

Cùng thắp một nén hương
quỳ bên anh em nhớ,
ngày Mạ mất năm xưa
đôi ta còn trẻ quá.

*

Bàn tay anh dắt em
tới thăm Mạ từ đó,
thuở Mạ còn trong nam
chừ về trung thương khó.

Anh cõng Mạ trên lưng
vượt trăm ngàn cực khổ,
đưa Mạ về quê hương
cậy núi đồi ôm giữ.

Hạnh phúc biết bao nhiêu
cùng anh quỳ trước mộ,
một lạy này em thưa
thương anh xin Mạ độ.

Dù không có tên em
bên anh trên bia đá,
yêu nhau suốt bao năm
em vẫn là dâu Mạ.

Nguyệt Thư

chó nhà và chó rừng

TRẦN MỘNG TÚ

Trong ngôi biệt thự được xây ở sát bìa rừng, có một con chó nhà. Nó được nuông chiều bởi ông chủ nhà giầu, nên nó có một cái nhà gỗ nhỏ riêng, đặt giữa một gian phòng rộng, với nệm len ấm áp, đồ chơi và những thức ăn bổ dưỡng ngon lành. Mỗi buổi sáng nó được Lão quản gia dẫn đi dạo ở sát bìa rừng, đôi khi nó được chính ông nhà giầu cho đi chơi. Những lúc đó nó được tắm gội sạch sẽ, sức dầu thơm sực nức. Nó nhảy lên xe của chủ, nó ngồi vào lòng cho chủ vuốt ve. Cổ nó đeo một cái lắc có ghi tên và địa chỉ của ông nhà giầu, cái xích của nó được mạ vàng, Vào mùa đông mỗi khi đi ra ngoài nó được mặc những cái áo ấm rất đẹp. Những lần ông chủ cho nó vào thành phố ai nhìn thấy cũng trầm trồ khen ngợi vẻ sang trọng của nó. Sống trong nhung lụa như thế mà hình như nó không được vui lắm! Nó thấy cô đơn vì ông chủ không có vợ, con cho nó bầu bạn, và chung quanh ngôi biệt thự của ông chủ không có một căn nhà nào xây gần. Nó thường chỉ chơi với chính cái bóng của mình vào nhưng đêm trăng tỏ. Nó ước ao cái bóng đó thành một con chó khác biết chuyện trò với nó.

Một buổi sáng cuối đông, ông chủ vắng nhà, Lão quản gia mặc áo ấm cho nó rồi đưa nó ra ngoài bìa rừng chơi, mà quên không đem theo xích. Bắt đầu nó còn đi theo sát bên chân Lão, sau vì mãi chạy theo bầy ong, nó đi sâu vào trong rừng lúc nào không hay, khi nó muốn quay trở lại thì không nhìn thấy Lão đâu nữa. Ban đầu nó hơi ngỡ ngàng đôi chút, nó đứng lại ngắm nghía cảnh rừng đang trở mình vào mùa xuân, một thế giới mới nở bung ra trước mặt với chồi non, lá lụa, nó nghểnh mũi lên hít cái không khí thơm ngát và vô cùng lạ lẫm của rừng, sau đó nó cứ để cho bầy ong dắt nó đi, đi mãi. Con suối, đóa hoa, con sóc, tảng đá đều là những bất ngờ kỳ thú với nó. Nó không thể tưởng tượng ra thế giới bên trong cánh rừng hấp dẫn thế này! Nó bỗng thấy cái buồng chật hẹp trong biệt thự kia thật là một nơi buồn nản, những đồ chơi bằng nhựa thật vô hồn, và ngay cả cái áo

ấm sặc sỡ nó đang mặc để bớt lạnh mới thật là lố bịch biết bao! Con nai đi ngang nó với mắt nhìn ngây thơ mà thân thiện, con thỏ rừng chạy vụt qua mặt nó rồi quay đầu lại trốn sau một gốc cây như chơi trò đi trốn, đi tìm với nó, rồi cả một đàn bướm, lớn có, nhỏ có, đủ mầu không biết từ đâu bay tới như chào đón nó, làm nó phải ngửa cổ nhìn lên ngọn một cây thông sủa lên mấy tiếng như một lời chào lại những cảnh vật chung quanh mình. Nó bỗng nghe một tiếạng tru ngân dài đáp lại. Bên cạnh nó, bỗng có một con chó rừng đứng đó tự bao giờ, làm nó hoảng sợ, định co chân chạy. Nhưng chó rừng nghiêng đầu chào chó nhà, cất tiếng thân thiện:

Chào anh Nhà, không ngờ sáng nay được tiếp đón anh vào đây chơi, anh có muốn chúng ta cùng đi dạo không?

Chó nhà ngần ngừ một lúc, rồi gật đầu. Chó rừng vồn vã:

"Nhà tôi gần đây lắm, mời anh lại chơi" Vừa nói Rừng vừa đi dắt đường. (Bắt đầu từ đây chó nhà có tên là Nhà, chó rừng có tên là Rừng)

Nhà vừa đi vừa ngắm nghía người bạn mới. Lông Rừng mầu sám tro, đầu rừng nhỏ và dài, bốn chân Rừng khá cao, hai tai Rừng vểnh lên, Rừng đi những bước khoan thai.

Rừng dắt Nhà đi vòng vo trong rừng một lúc khá lâu, thỉnh thoảng Rừng giơ tay chào một con hươu, một con khỉ, hoặc một con gà có mầu sắc rất đẹp. Rừng vừa đi vừa giới thiệu cho nhà từng gốc cây, con suối, kể tên những loại thú sốạng trong khu rừng này, con hiền, con dữ, chúng sống với nhau như thế nào.

Nhà hỏi: Tôi thường được dậy bảo ở nhà là chó rừng là một con thú nguy hiểm, nó ăn thịt những con thú khác trong rừng và đôi khi nó cắắn chếtƯ người ta có đúng không?"

Rừng cười khẽ: "Điều đó đúng và cũng sai nữa. Bất cứ một con vật nào sốÔng ở trong rừng cũng phải tự vệ và tự kiếm ăn. Con lớn ăn thịt con bé. Hổ beo ăn thịt hươu, nai; chó rừng ăn thị thỏ, sóc. Người ta không vào rừng săn thú thì làm sao bị chó rừng cắn được? Ở xã hội con người cũng vậy, kẻ mạnh hiếp đáp kẻ yếu, người giầu bóc lột người nghèo. Con người cũng nào khác con thú, kẻ có sức mạnh, quyền thế thì lấn áp kẻ nghèo, yếu thế. Những con thú dữ, to lớn thì làm chủ cả khu rừng, các con nhỏ sợ hãi, chạy xa, kiếm những hang nhỏ ẩn tránh, nhưng cũng tìm cách để triệt hại lại con lớn. Ở ngoài đời cũng có những nhà tu hành đạo đức, không làm ác với ai, không sát sinh, thì trong rừng cũng có những con vật tu thân chỉ ăn thịt những con vật đã chết, hoặc ăn cây trái. Người tu thì ít, thú tu cũng ít. Người tham vọng, và thú dữ bao giờ cũng chiếm số đông.Từ mấy năm nay,

tôi tập tu thân, không sát hại những con vật bé hơn mình để lấy thịt ăn, chỉ ăn những thịt thú đã bị giết chết và ăn hoa quả."

"Thế khi anh tu thì ai hướng dẫn anh?" Nhà thắc mắc.

Rừng chỉ lên dãy núi đứng bọc ở cuối rừng, và con Suối ngay dưới chân cả hai, nói:

"Núi là thiền sư, Suối là nhà minh triết. Núi dậy cho tôi sự thản nhiên, vững chãi với những tiếng động chung quanh mình. Từ tiếng gió ầm ầm khi bão tới, tiếng hổ gầm, vượn hú cho đến tiếng chân một con sóc chạy trên lá khô. Suối dậy cho tôi sự khôn ngoan dưới mạch đất ngầm. Mỗi buổi sáng tôi ra ngồi bên cạnh Suối, nghe Suối giảng dậy bằng những thanh âm đầm ấm, trong suốt, và dản dị. Đêm đêm tôi dựa lưng vào núi, núi truyền cho tôi, sức mạnh, lòng quả cảm, sự thủy chung và sau hết là giữ được sự thản nhiên trước biến chuyển chung quanh mình."

Nhà không tin hoàn toàn vào lời nói của Rừng. Làm gì lại có những vị thầy là Núi, là Suối như thế. Chỉ có loài người thông minh mới là thầy dậy mọi loài được thôi. Nhưng khi Rừng đưa Nhà vào một cái hang khá sâu, trống không, ngoài một lớp lá khô trải bên dưới và nói đây là nhà của Rừng, nó mời Nhà uống nước trong một cái tô bể và nước thì đã váng bụi, ăn một miếng thịt đã có mùi và nói đó là thịt một con gà rừng bị người ta bắn chết mà không nhặt được xác, thì Nhà đành phải tin thôi. Cả hai thứ đều rất khó nuốt với Nhà nhưng nhìn Rừng ăn, uống rất ngon lành nên vì lịch sự nó cố nuốt xuống. Trong khi Nhà ăn thì Rừng ngắm nghía Nhà với con mắt rất sáng, nó nhìn đám lông vàng mướt, sạch sẽ trên 4 cái chân tròn trĩnh, cái áo bông hoa bọc chung quanh mình từ lưng xuống bụng, từ cổ xuống đến đuôi, trông Nhà chẳng khác gì một ông phú hộ béo tốt. Rừng nghĩ thầm trong bụng anh chàng này chắc ít khi ra ngoài vận động nên cơ thể mới tròn trịa thế kia. Ngược lại Nhà thấy cái hang bẩn thỉu, thiếu thốn đủ mọi thứ của Rừng thì bắt đầu thất vọng, và hối hận là chưa chi mình đã chê chỗ ở đầy tiện nghi của mình. Nó muốn bỏ về nhà ngay.

Rừng xã giao hỏi thăm về đời sống của Nhà. Nhà nhìn quanh chỗ ở của Rừng, trả lời cố làm ra khiêm tốn nhưng không giấu được vẻ hãnh diện:

"Trong ngôi biệt thự đó, tôi có một căn phòng riêng rất rộng, họ đặt vào đấy cho tôi một cái nhà gỗ nhỏ, thật đẹp, đủ chăn nệm và đồ chơi. Mỗi ngày có người phục dịch dắt tôi ra ngoài cho tôi làm vệ sinh, hàng tuần tôi được đem đến tiệm tắm gội, cắt móng chân, làm tóc; Thỉnh thoảng, một tháng đôi lần tôi được vào thành phố với ông chủ, mỗi năm tôi được đi khám bệnh, chích ngừa cảm cúm. Tôi không phải lo cho mình một điều gì

cả, ngoài việỳc biết làm vui lòng ông chủ."

Rừng tò mò hỏi:

"Anh có thích đời sống đó không?"

Nhà nói: "Thích chứ, tôi chẳng phải làm một việc gì nặng nhọc cả, ngoài việc làm vui lòng ông chủ của mình." Rồi Nhà hỏi lại:

"Thế anh sống thiếu thốn như thế này anh có khổ lắm không?

"Không, vì tôi không thấy mình thiếu thốn. Tôi cũng như mấy ông thầy tu ở ngoài đời, chỉ ăn rau cỏ, và hoa quả, chỉ khác thầy tu là tôi có ăn thêm thịt gà rừng, thỏ và sóc khi những con vật này bị người ta bắn chết mà không vào nhặt được, hoặc của các con vật lớn hơn như hổ, gấu ăn không hết bỏ lại, tôi uống nước suối nên cơ thể tôi mới lành mạnh thế này."

Nhà hỏi: "Anh ngủ trong hang như thế này có lạnh lắm không?"

Rừng ngửa mặt tru lên mấy tiếng ròn rã: "Tôi sinh ra ở hang, lớn lên ở hang thì làm gì còn biết lạnh".

"Anh sống như thế này thiếu thốn quá! Tôi ở nhà khi nóng thì có máy lạnh, khi lạnh thì có máy sưởi. Tôi còn có áo ấm, có chăn đắp, mà đôi khi vẫn thấy không đủ".

Rừng lắc đầu: "Tôi thì lúc nào cũng thấy trời cho mình thừa thãi.Cả cánh rừng này là nhà của tôi, tôi muốn ngủ ở đâu thì ngủ miễn là tôi không chiếm vào chỗ của kẻ khác đang nằm. Những đám lá khô này anh đừng coi thường, đó là chăn nệm rất ấm, và tôi có thể thay cái mới bất cứ lúc nào. Thức ăn của tôi do chính cánh rừng này cung cấp, tôi không phải tìm đâu xa cả. Như thế làm sao có thể nói là thiếu thốn được".

Nhà nghe thấy đời sống của Rừng như thế nó bỗng thương hại, muốn dắt Rừng về nhà để được nhìn tận mắt chỗ ở của mình, để Rừng hiểu thế nào là một đời sống đầy đủ và lành mạnh, nó nói:

"Anh có muốn về nhà tôi chơi mấy ngày không?"

Rừng thì lại có ý nghĩ riêng của mình, nó muốn rủ Nhà ở lại sống với nó, nó muốn Nhà hiểu thế nào là một đời sống tự do, không lệ thuộc vào ai, không phải mua chuộc làm vui lòng ai. Mình làm vui lòng kẻ khác bằng chính niềm vui tự tâm mình, thế thôi! Nó nói:

Nếu tôi về nhà anh chơi 1 ngày, thì anh cũng phải quay lại đây ở chơi với tôi 1 ngày. Để cả hai ta cùng có kinh nghiệm về đời sống của nhau."

Sau một hồi suy nghĩ, Nhà đồng ý, trong thâm tâm nó biết, nếu Rừng mà được nuôi sung sướng đầy đủ như nó một ngày, thì anh chàng sẽ không bao giờ trở lại hang nữa.

Nhà nhìn Rừng một lúc, nó thấy bộ lông của Rừng xác sơ, bẩn thỉu qúa!

Không biết bước vào buồng nó có làm hôi, bẩn chỗ ăn ngủ của nó không? Nhưng nói ra thì hơi bất lịch sự với người bạn mới. Rừng như đoán được điều lo ngại của Nhà, nó nói:

"Trên đường về nhà anh, tôi sẽ ghé xuống suối tắm một cái cho mát."

Nhà rùng mình:

"Trời lạnh thế này làm sao mà anh dám nhúng mình xuống suối?"

Rừng ngửa mặt cười:

"Quen rồi anh ơi! Thôi ta đi, trời đã chiều rồi."

Hai con chó bắt đầu đi, Rừng vừa đi vừa hát nho nhỏ, nó gọi tên của mọi con thú , mọi loại cây trong rừng, thỉnh thoảng nó phải đứng lại chuyện trò với mấy con đi ngang, Nhà thì đi như chạy vì nó sợ khi nghe tiếng hổ gầm ở xa vọng lại. Bây giờ nó mới biết là rừng chỉ đẹp vào buổi sáng khi chưa có những con thú lớn trở mình thức dậy.

Cả hai về đến ngôi biệt thự thì trời đã xập tối. Nhà dặn Rừng:

"Tôi không biết ông chủ của tôi hôm nay lên tỉnh đã về chưa? Bây giờ tôi đưa anh vào phía cổng sau, đi thẳng vào buồng tôi ngủ. Sáng mai dậy sớm tôi sẽ giới thiệu anh với những người trong nhà này; Có chị Bếp, Lão quản gia, (anh tài xế thì đi theo ông chủ rồi,) tôi chắc chắn họ sẽ đãi mình một bữa ăn sáng thật ngon. Cam đoan là anh hết muốn về rừng ở nữa."

Cả hai rón rén đi về phía một chiếc nhà nhỏ xíu bằng gỗ đặt ở trong một căn buồng rộng. Nhà nói đó là buồng riêng của mình, trong buồng có chăn, nệm và mấy khúc xương giả vứt lăn lóc. Nhà gạt mấy khúc xương sang một bên để cả hai có chỗ nằm. Rừng lạ nhà xin cho được nằm phía trong. Hai người bạn rì rầm nói chuyện trong bóng tối. Nhà ca tụng đời sống đầy đủ, đói có thịt cá, lạnh có chăn nệm của mình. Nó tỏ vẻ thương cho Rừng, muốn Rừng ở lại với nó. Rừng bảo tôi cám ơn anh, nhưng tôi sống dản dị quen rồi, tôi thích tắm nước suối một mình, tôi không quen được ai tắm cho mình, tôi thích ngửi mùi rong, rêu, hoa, cỏ hơn là mùi thuốc thơm gội đầu. Tôi thích được nằm giữa rừng những sáng tinh sương, những chiều đỏ ối hơn nằm trong cái nhà gỗ đẹp với mấy khúc xương giả này của anh. Tôi thích được chạy, nhảy tung tăng, hoặc ngồi tĩnh tọa trong rừng vào những sáng thơm ngát cỏ hoa mùa xuân hay những đêm thu trăng tỏ, với thầy và bạn tôi. Sẽ chẳng có cái xích nào móc vào cổ tôi, dù cái xích đó được mạ vàng. Tôi nằm chơi với anh đêm nay, sáng mai tôi về sớm.

Hai người bạn đang nói chuyện thì nghe tiếng chân đi vào buồng, tiếạng Lão quản gia gọi Nhà, Nhà thò đầu ra ngoài, le lưỡi liếm vào bàn tay Lão

đang đưa ra. Lão xoa xoa đầu Nhã mừng rỡ:

"Con đi đâu mà để ta tìm kiếm nguyên ngày, ngày mai ông chủ về mà con chưa về thì ta đến mất việc. Thôi con ngủ đi, mai cũng là ngày hẹn ta phải mang con đi Bác Sĩ để con đoạn sản*"

Rừng nằm bên trong nín thở, nó nghe hết những lời Lão nói. Khi tiếng chân Lão bỏ đi xa, Rừng cũng rón rén trở dậy, nó khuyên Nhà nên đi với nó, đừng để cho người ta mang mình đi thiến như thế, tủi nhục lắm! Nhưng Nhà xuy nghĩ và từ chối, Nhà biết là mình quen sống trong tiện nghi, quen được nghe lệnh từ người, nó không thể nào sống một đời phóng khoáng như Rừng được. Rừng đành từ biệt Nhà trở lại rừng, nó không muốn ở trong căn biệt thự lộng lẫy này thêm một phút nào nữa.

Trong đêm tối, Rừng đi những bước chậm rãi về hang mình, nó nằm lăn trên đám lá khô, thở những hơi dài trong lồng ngực buồn bã.

Chao ôi! Nhà thật là một con thú bất hạnh! Tại sao nó không có may mắn được làm con của một nhà tu hành, hay một người tốt bụng, biết yêu thương súc vật vì súc vật chứ không phải vì mình. Chủ của Nhà có hỏi ý kiến nó khi đem nó đi thiến hay không? Và nếu được hỏi thì nó sẽ trả lời thế nào, để làm vui lòng chủ mà không mất cái phẩm cách của nó và duy trì giòng giống mình? Rừng chợt nhớ đến những truyện cổ tích con Suối hay kể cho nó nghe về các ông quan ngày xưa. Để được mặc áo đẹp, ở nhà đẹp, ăn ngon và ở gần vua, các ông quan ấy đã bị cái khổ nạn mà Nhà sẽ phải chịu ngày mai. Tội nghiệp quá! Chó và người nào có khác gì nhau.

A ha! Thật là may mắn khi được sinh ra là một con chó rừng!!!

Trần Mộng Tú

(Bính Tuất-2006)

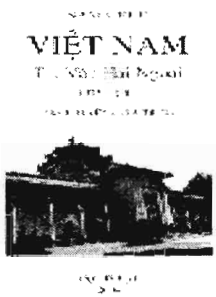

NGUYỄN HẢI HÀ
VIỆT NAM
THI VĂN HẢI NGOẠI
1975-2003
trích tuyển & chú thích
HỌC THUẬT xuất bản 2004
270 tr. Giá $10.00
Sách dành cho học sinh
đang học Việt ngữ tại hải ngoại
Đã có bán tại các nhà sách

HOÀNG XUÂN SƠN

hát thề

còm cõi đêm thụy. trói
áo trời nẫu sương thu

Tiếng hát chắn đầu gió
reo ca ở độ thùy âm
suối mộng mơ rù rì chân khép
không vơi tự trời cao giọt chép buồn mắt xuyên
đắm chơi vơi lòng trẻ
đêm áo rắn trườn bay tóc
là ngọn xanh. chiều

chiều bao giờ ơi
có khi mịt tối thang âm góc khuất
sóng mơn man vành tửu rưng hoe
lệ đằm đằm kéo
thời dung tưởng mi bạc ngoài trời
không sương

chân cổ cao ngôi thủy tinh dài
hồng đượm thắm
tâm sự tâm sự ngấu nghiến cơn môi thèm
khát rệu mềm bọt ứa
rượu nhòe tiếng bấc rao trên bục điếng người
khuỵu dần bóng. xuống

cứ giả vờ xót xa lòng mụ mị khôn cùng
nhỏ nhẹ cầm tay đếm ngón
dị ảnh người thất tung
người đi mất tháng mười một thơ không về
tháng chạp vời vời đâu giêng hai nỡ?
che mặt đi
đừng bắt nhớ câu thơ dịu hiền đừng bắt viết
mảnh giấy vo tròn ném lên gai góc
cứa bào u minh
lưỡi mỏng lúa biện tình
nói hộ trăng thuyên
cơn bệnh thản hương tăm sùi sụt
giữ rịt con mắt cười
giọt hôn treo

tiếng hát kín rào dây ngạt rùng tâm thất
mối buộc đầu cơn rung có khi quay về hoa đã chạnh

hát thề long lanh.

Hoàng Xuân Sơn
Dallas/Montreal
Novembre 2005

quay nhìn lại một đoạn đời

PHAN XUÂN SINH

Lâu lắm tôi không trở lại Huế, bởi nhiều lý do nhưng có lẽ lý do chính đáng nhất tôi thường né tránh là tôi sợ nhìn lại những gì đã đánh mất. Thật tình thì những nơi chốn tôi dừng lại lâu ngày đều có ít nhiều mất mát. Thế nhưng với Huế thì lại khác đi, bởi lẽ cái khung cảnh trầm lặng cố hữu gây cho người đến một cái buồn man mác, rưng rức. Huống gì trước đây đã sống ở Huế một thời gian khá lâu như tôi, lại có một vài kỷ niệm thật buồn nên chuyện trở lại thăm Huế làm cho tôi có cảm giác vừa hăm hở nhưng cũng vừa sờ sợ, vừa mong muốn nhưng cũng vừa hối tiếc. Nghĩa là tâm trạng của tôi thật bất ổn và đối nghịch nhau khi nghĩ về Huế.

Ngày xưa khi đọc câu: "*Học trò trong Quảng ra thi...*" tôi rất bực mình, mấy ông Quảng Nam của tôi mê gái nên mới ra nông nỗi nầy, chứ còn tôi cứng cựa không ai hớp hồn được mình, tôi nhủ thầm như vậy. Thế nhưng rồi tôi cũng một phường như các bậc tiền bối Quảng Nam của tôi, té còn nặng hơn và cái đau còn thấm tới bây giờ. Những bài thơ tôi làm thuở đó, có ý như đay nghiến, như mỉa mai, vừa chọc giận họ nhưng cũng vuốt ve họ: "*Ta chết điếng một thời em Thượng Tứ / Bởi nụ cười môi mỏng gái thâm cung / Bởi lòng em thay từng hồi từng chặp / Mà sao ta vẫn nhớ Huế vô cùng...*". Thế mà có người khi đọc họ biết ngay được cái đùa giỡn của tôi, họ thấy khó chịu và nổi giận. Một chị bạn người Huế, sau khi đọc mấy bài thơ về Huế kiểu nầy, chị ấy tức mình quá đòi gặp cho được tôi để hỏi ra lẽ:

"Anh Xuân nè, con gái Huế của tụi tôi có làm chi anh buồn, mà anh cho tụi tôi nào là lừa Thượng Tứ với ngựa Thượng Tứ không vậy anh Xuân hè?"

Tôi nhã nhặn trả lời với chị ấy:

"Dạ thưa chị, tôi yêu Huế bởi vì Huế có một thứ ngựa Thượng Tứ mà hễ thằng nào sớn sa sớn sác leo lên là bị té lăn cù, chứ tôi không có buồn chi gái Huế hết chị ạ. Họ dễ thương quá làm sao mình ghét cho được".

Chị ấy lườm tôi:

"Miệng mồm chi mà lanh lẹ quá".

Tôi đến Huế sau tết Mậu Thân. Huế lúc ấy thật tan nát, những căn nhà sụp đổ và những vết đạn loang lổ trên tường. Đường phố vắng lạnh, những khuôn mặt vẫn còn thất thần lo âu chưa tan hết, những người lính chiến tuần tiễu trên đường phố súng ống lăm le sẵn sàng trong tư thế nhà đạn. Huế vẫn chưa thực sự thức dậy sau cơn bệnh nghặt nghèo đó, nên thấy Huế càng thê thảm và càng buồn thêm. Mỗi buổi chiều tôi hay ra ngồi ngoài quán café gần chợ Đông Ba nhìn ra cầu Tràng Tiền mới bị gãy. Chiếc cầu mà người dân Huế rất tự hào, họ ví nó như chiếc xương sống của Huế. Tất cả xe cộ đều đổ dồn trên cầu Bạch Hổ, người đi bộ muốn qua sông phải dùng bến đò Thừa Phủ. Ngồi ở đó để ngắm một góc sinh hoạt của thành phố thật tuyệt vời. Các trường học có nơi đã bắt đầu tựu trường trở lại, những tà áo trắng của nữ sinh cũng bắt đầu thấy thấp thoáng trên đường phố. Áo dài của nữ sinh các trường học của Miền Nam ngày xưa nơi nào cũng có, thế nhưng chiếc áo dài của nữ sinh Huế có cái gì đó khang khác, vừa đài các nhưng cũng vừa nghịch ngợm, vừa kiểu cọ nhưng cũng vừa thâm trầm, hình như họ cất giấu cái chất lãng mạn trong vóc dáng dịu hiền đó. Thằng con trai nào tới Huế cũng bị hớp hồn bởi cái nét tưởng chừng như ngây thơ, nhưng rất liếng thoắng, và đều chết điếng trước cách làm dáng của họ.

Tôi ở nhà một người bạn tên là Kiếm. Anh lớn tuổi hơn tôi nhiều và đã lập gia đình. Nguyện là cháu gọi vợ anh Kiếm bằng Dì, nhà Nguyện ở ngoài thành Mang Cá Lớn, Cha của Nguyện vừa mới bị mất tích trong tết Mậu Thân. Nguyện học trường Bồ Đề Thành Nội, mỗi lần Nguyện tới nhà anh Kiếm đều đi thẳng một mạch mặc dù có tôi ngồi chần dần trước cửa, chẳng thèm chào hỏi, chẳng thèm liếc nhìn tôi. Tôi nghĩ trong bụng: "Con nhỏ nầy lối thật, làm cao". Và ngược lại tôi cũng làm bộ không thèm để ý tới cô ta. Một lần tôi nghe tiếng xe solex ngừng trước sân, tôi không thèm ngó ra ngoài và cũng không xê dịch chiếc ghế đặt giữa cửa ra vào, mắt tôi dán chặt vào tờ báo. Nguyện bước tới đứng sau lưng tôi không thèm mở miệng để cho tôi nhường lối đi,. Anh Kiếm ngồi trên ghế phía trong, cười cười nói với ra:

"Chú Xuân làm khó cháu tôi quá rồi, đứng dậy nhường lối cho cháu tôi đi chứ".

Lúc ấy tôi giả đò, giật mình quay lui thấy đôi má của Nguyện đỏ hồng. Tôi xê chiếc ghế cho Nguyện bước vào. Lần đầu tôi thấy Nguyện e thẹn và đẹp lạ lùng.

Trong một buổi chiều ngồi ăn cơm với vợ chồng anh Kiếm. Không biết anh nói đùa hay nói thật:

"Có chú Xuân ở đây, nên con Nguyện vài ba ngày ghé qua thăm Dì Dượng nó. Trước đây cả tháng chưa thấy mặt con nhỏ".

Chị Kiếm giật mình:

"Đúng rồi, anh nói bây giờ em mới để ý. Lạ thật sao lúc nầy nó hay tới nhà mình vậy hè?"

Chị nhìn tôi như có vẻ dọ hỏi, tôi tỉnh bơ ăn uống tự nhiên như không để ý tới chuyện của hai người. Ăn xong, tôi về phòng đóng cửa lại, trong lòng tôi lúc ấy sướng chi lạ. Chẳng lẽ Nguyện để ý tới tôi như vậy sao? Bắt đầu bữa đó khi nào Nguyện tới nhà anh Kiếm tôi cũng gật đầu chào, rồi dần dần về sau tôi lân la hỏi chuyện. Lúc đầu thì Nguyện cũng trả lời nhát gừng, sau thì thân thiện và không còn bẽn lẽn như trước đây. Tôi biết Nguyện cũng có cảm tình với tôi, vì trong cử chỉ và lời nói đôi lúc mang một chút săn sóc cho tôi. Thú thật tôi cũng mang bệnh nhát gái nên sự tấn công của tôi cầm chừng, không mấy ồ ạt. Tôi thường bị bí, không biết gì nói với Nguyện nên thường rút vào phòng trước, sau vài câu bâng quơ. Khi có Nguyện tôi vào phòng thường mở he hé cửa để thỉnh thoảng tôi nhìn trộm Nguyện đứng dưới bếp. Và cũng thỉnh thoảng tôi bắt gặp Nguyện liếc nhìn vào phòng tôi. Tôi cảm thấy như mình đang bị dò xét và quả thật trong lòng tôi lúc ấy nôn nao khó tả.

Tết năm đó tôi về Đà Nẵng với gia đình. Tôi thường đi uống café với mấy thằng bạn buổi tối, thường nói chuyện vui vẻ. Nhưng bây giờ ngồi với tụi nó, tôi ít nói hơn và có vẻ đăm chiêu.

Một thằng bạn ngồi cạnh hỏi tôi:

"Ở ngoài Huế, có con nào hớp hồn mi, mà sao tau thấy mấy bữa rày mi có vẻ thẫn thờ?"

Tôi giật mình, chuyện thầm kín của tôi có người đã nhìn thấy rồi sao? Tôi lắc đầu, nói trớ qua là mấy bữa nay trong người tôi muốn bị cảm. Thế mới hay cái ngớ ngẩn đã hiện trên nét mặt, khó có thể lẩn tránh được. Tôi tự nhủ với lòng mình là sau tết trở ra Huế, tôi sẽ tấn công Nguyện trước chứ không thể để tình trạng nầy kéo dài, mệt mỏi quá. Và tôi nghĩ đã đến cái lúc tôi phải dõng dạc nói với Nguyện những điều hệ trọng nầy chứ không thể ấp ủ mãi trong lòng. Tết đó sống với gia đình nhưng trông cho hết tết tôi lên xe đò ra Huế ngay.

Tôi mang một số đặc sản của quê tôi để làm quà cho anh chị Kiếm và cho Nguyện. Quà thật ra cũng chẳng quan trọng, nhưng đây là cái cớ để

đến nhà Nguyện và cũng thầm nói lên sự quan tâm của tôi với Nguyện. Tôi khệ nệ mang gói quà, gõ cửa nhà Nguyeạn, tôi hồi hộp như đứng chờ trước khi vào thi vấn đáp. Nguyện ra mở cửa, mắt Nguyện tròn xoe vừa mừng rỡ vừa ngạc nhiên, chạy lại nâng gói quà trên tay tôi. Tôi nhìn vào trong nhà không thấy ai, tôi kéo Nguyện sát gần, nâng cằm ngước lên tôi hôn ngay trên môi Nguyện. Tôi làm chuyện nầy quá nhanh, Nguyện không kịp phản ứng, trên tay ôm gói quà không bỏ xuống được, chỉ biết trân người chịu trận. Thế là từ giây phút đó tôi đã chiếm được Nguyện. Sau nầy hai đứa kể lại chuyện nầy, Nguyện nói với tôi là: "Không ngờ anh bạo thật, Nguyện nghĩ là anh sẽ nói cái gì với Nguyện trước, rồi sau đó mới hôn. Đằng nầy anh hôn trước rồi mới nói yêu em sau. Anh gan thật". Đó là người tình mà tôi nôn nóng đốt tất cả giai đoạn tiến tới tình yêu, chọn một con đường nhanh nhất, bạo nhất.

Tôi không còn nhớ năm nào phát hiện được những hố chôn tập thể, hình như là năm 1970 gì đó. Người dân Huế bàng hoàng trước những hố chôn tập thể mà Quân Giải Phóng đã giết những quân nhân, công chức của Miền Nam bị bắt trong tết Mậu Thân. Nghe tin phát hiện nơi nào đã chôn họ, tôi đều chở Nguyện đi tìm xác của người cha. Nhận dạng bằng cách nhìn áo quần họ mặc trước khi bị bắt hoặc một cái gì đặc biệt chỉ có người trong gia đình mới nhận ra v.v... tuy nhiên cũng không chính xác lắm. Mỗi khi phát hiện cái hố chôn tập thể nào là hàng ngàn người nhào tới, bất kể mùi hôi thối xông lên nồng nực không chịu được. Tiếng khóc lóc kể lể của những người thân vang lên thật não nuột. Tôi chở Nguyện từ nơi nầy đến nơi khác nhưng không tìm ra được, tối về nhà hai mẹ con ôm nhau khóc. Chứng kiến cảnh nầy, tôi xúc động ghê gớm chỉ còn an ủi Nguyện và mong manh hy vọng rằng có thể cha của Nguyện còn sống, đang bị phe bên kia giam giữ. Như vậy mới gây cho gia đình Nguyện một niềm tin và ngày tháng sẽ xoa dịu bớt những thương nhớ. Thật tình trong lòng tôi cũng biết cha của Nguyện đã bị sát hại. Vì khi rút lui họ phải thanh toán những tù nhân để khỏi phải vướng mắc và trì trệ sự rút lui nhanh chóng của họ. Không dại gì khi rút lui họ mang theo đám tù binh lủ khủ chậm chạp nầy.

Sau đó thì chiến cuộc càng ngày càng khốc liệt. Tôi cũng phải bước vào quân đội, tôi xa Nguyện từ đó. Chúng tôi vẫn liên lạc với nhau bằng thư từ. Tôi ở một đơn vị tác chiến và quả thật đời sống của một quân nhân rày đây mai đó, mạng sống luôn luôn bị đe dọa, mặc dù tôi rất yêu Nguyện nhưng tôi không dám nghĩ xa hơn. Bao nhiêu lần Nguyện vào thăm tôi, là bao nhiêu lần tôi nghe sự trách móc, tôi chứng kiến những giọt nước mắt

đẫm ướt chiếc khăn tay của Nguyện, bao nhiêu lần tôi hứa với Nguyện sẽ nói với gia đình tôi ra Huế thăm mẹ Nguyện và dọ hỏi. Nhưng khi Nguyện rời tôi ra về là tôi không dám nghĩ tới chuyện nầy. Tôi biết, nếu tôi tiến xa hơn, tôi sẽ làm khổ cho Nguyện suốt cả cuộc đời. Tôi đã chứng kiến biết bao nhiêu sự chết chóc của bạn bè tôi, biết bao nhiêu người kề cận tôi tức tưởi ra đi một cách nhanh chóng. Đến khi nào sẽ tới phiên tôi, không thể may mắn mãi mãi được, chỉ cần một lần, một lần thôi đời người sẽ được rũ sạch. Nguyện làm sao hiểu được chuyện thầm kín nầy, nó đã dày vò tôi, đọa đày tôi mỗi khi tôi nghĩ tới Nguyện.

Rồi cái ngày đó cũng tới với tôi. Tôi bị thương trong một cuộc tấn công chiếm lại ngọn đồi, hai bên dằng co nhau trực thăng không xuống được, trời lại mưa to. Vết thương của tôi sưng húp lên, dưới bàn chân thậm đen và đau nhức không chịu được. Ngày hôm sau, một đơn vị bạn tiếp viện, thanh toán được mục tiêu và lúc ấy tôi mới được tải thương. Khi tôi tỉnh dậy trong bệnh viện, nhìn xuống thì bàn chân phải của tôi không còn nữa. Trời ơi, tôi ngất đi. Tôi không thể nào diễn tả hết sự đau khổ tột cùng nầy, tôi muốn chết. Tại sao người ta không cho tôi chết? tại sao đời lại đày đọa tôi một cách tàn nhẫn như thế nầy. Tôi ôm chiếc gối khóc ấm ức, mọi người đến thăm tôi, tôi đều đuổi họ ra khỏi phòng. Tâm trí tôi điên loạn lên, tôi thù ghét chiến tranh, oán hận chiến tranh.

Trong số người đến thăm tôi đầu tiên trong đó có Nguyện. Nguyện cũng bị tôi đuổi nhưng không chịu ra về. Nguyện ngồi ngoài phòng đợi suốt đêm hôm đó, cho đến trưa hôm sau tới giờ vào thăm bệnh nhân, Nguyện chạy vào ôm chặt lấy tôi khóc nức nở, tôi cũng khóc. Chúng tôi không nói gì với nhau, chỉ biết khóc. Tôi nhìn Nguyện thấy đôi mắt sưng húp lên, thân người dã dượi, quần áo xốc xếch. Tôi biết suốt đêm Nguyện ngồi ngoài phòng đợi chỉ khóc. Tội nghiệp cho Nguyện nhưng tôi biết làm sao bây giờ. Tôi không thể để Nguyện phải mang tiếng lấy một người tàn tật vì thương hại. Mà tôi có đuổi thì Nguyện cũng không đi. Trong lòng tôi lúc ấy vừa đau sót cho mình và cũng vừa thương cho Nguyện. Tôi nghĩ rồi đến một ngày nào đó tôi sẽ nói dứt khoát để cho Nguyện khỏi phải bận tâm tới tôi.

Cứ cách hai ngày từ Huế, Nguyện lại vào Tổng Y Viện Duy Tân ở Đà Nẵng thăm tôi. Thỉnh thoảng Nguyện đẩy tôi trên chiếc xe lăn đi lòng vòng trong bệnh viện và có đôi lúc Nguyện tắm cho tôi. Tôi có một người lính ở đơn vị phái về để giúp tôi trong khi còn nằm bệnh viện, nhưng khi có Nguyện thì Nguyện làm những việc nầy. Nghĩa là Nguyện săn sóc cho tôi như một người vợ. Có lẽ lúc đó là cái lúc mà tôi cảm thấy hạnh phúc nhất.

Tuy nhiên sau khi Nguyện trở ra Huế, tôi càng đau đớn thêm, tôi muốn tất cả những người bạn gái quen với tôi trước đây đến thăm tôi một lần rồi thôi. Tôi không muốn dây dưa thêm vì tôi bây giờ không còn là một con người bình thường. Tôi không muốn họ vì thương hại mà miễn cưỡng đến với tôi. Nhiều lúc nhìn Nguyện tôi muốn nói sự thật nầy nhưng tôi không nỡ nói ra được với Nguyện.

Trước ngày tôi rời bệnh viện, Nguyện hỏi tôi:

"Anh có dự tính gì trong tương lai để sống không?"

Không hiểu sao lúc đó tôi lại nghĩ Nguyện kiếm cớ để rời khỏi tôi, một câu hỏi bình thường như vậy, thế mà đầu óc của tôi lúc ấy cho rằng Nguyện mỉa mai châm chọc tôi. Nguyện phải biết rằng trong một cuộc chiến tranh khốc liệt như thế nầy, những thanh niên trang lứa với tôi lúc đó còn lành lặn, khỏe mạnh mà không tìm được cho mình một tương lai tươi sáng, huống gì một thằng tàn tật như tôi mà nghĩ tới tương lai. Mặt của tôi đanh lại, răng của tôi nghiến chặt, mắt của tôi hực lửa. Tôi trả lời với Nguyện một cách đay nghiến:

"Khi rời khỏi đây, tôi được chính phủ cấp cho một cặp nạng. Tôi chỉ còn kiếm thêm cho mình một cái bị như vậy là đủ bộ để trở thành một thằng ăn xin. Tương lai của tôi là lê lết tấm thân ngoài đường phố, ngửa chiếc nón cời để xin từng đồng bạc bố thí của người đời. Cô có thể lấy một thằng chồng có một tương lai đen tối như vậy được không? Cô về đi, về đi, từ nay về sau tôi không muốn nhìn thấy mặt của cô ở đây nữa".

Nguyện ôm mặt khóc nức nở. Tôi bảo thằng lính nuôi tôi đưa Nguyện ra bến xe về Huế ngay lập tức. Về Huế Nguyện đã viết cho tôi cả trăm bức thư nhưng tôi không đọc và cũng không trả lời.

Mối tình của tôi với Nguyện kể như tan rã từ đó. Từ độ ấy về sau tôi không biết tin tức gì về Nguyện. Tôi không trở lại Huế lần nào và cũng không gặp người quen nào ở Huế. Tôi cố quên tất cả những gì mà trước đây tôi đã sống ở Huế. Thế nhưng thỉnh thoảng vô tình nghe được giọng Huế từ một người nào đó là tự nhiên tôi nhớ Nguyện, tự nhiên hình ảnh Nguyện lại hiện ra. Nguyện không bao giờ biết được tôi không muốn Nguyện phải khổ vì tôi. Tôi nghĩ rằng một thời gian sau, thế nào Nguyện cũng hiểu được lòng của tôi đối với Nguyện.

Sau một thời gian dài chờ ra Hội Đồng Giải Ngũ. Tôi vào Sài Gòn để chuẩn bị chuyện học hành dang dở trước đây. Bây giờ tôi không còn gì lo lắng để bon chen trong cuộc sống, mọi chuyện với tôi đã được an bài. Với số tiền trợ cấp hằng tháng tôi đủ trang trải để đi học và cũng để kiếm

cho mình một chút tương lai đỡ bớt sự nhọc nhằn trong cuộc sống sau nầy. Không bao lâu sau toàn Miền Nam bị mất, những người thắng trận mang đến những giáo điều kịch cỡm ụp trên đầu dân chúng. Tất cả cuộc sống lúc ấy bị đảo lộn, những nề nếp cũ bị xóa bỏ. Tôi bơ vơ giữa Sài Gòn không người thân thích. Tôi tìm tới một vài thằng bạn cùng cảnh ngộ để cùng nhau tìm kiếm cho mình một lối sống. Lúc đầu tụi tôi tham gia bán ngoài chợ trời đường Trương Minh Ký, bán có lãi nhưng không đủ để trang trải chi dụng hằng ngày, số vốn ít ỏi cứ thâm thủng dần dần buộc lòng tụi tôi phải tìm một công việc khác. Những công việc sau nầy tương đối ổn định, cuộc sống cũng tương đối khả quan hơn.Tôi lấy vợ lúc nầy.

Tôi đến Mỹ 1990, đến năm 1994 nghe tin Ba của tôi mất, tôi phải về lại Đà Nẵng chịu tang. Vợ tôi muốn đi Huế cho biết, tôi chiều lòng nên cả gia đình tôi ra Huế. Sau khi thăm các lăng tẩm xong thì mọi người muốn vào chợ Đông Ba, tôi quá mệt nên ngồi ở quán café bên bờ sông chờ mọi người. Hơn nữa tôi muốn nhìn lại Huế, tôi không muốn ai quấy rầy rôi lúc nầy. Tôi ngồi một mình để tìm lại những gì có một chút quen thuộc mà tôi có thể nhớ lại. Huế vẫn nghèo xơ xác, đường phố đông người hơn nhưng bộ mặt của Huế vẫn trầm lặng như thuở nào.

Tôi đang nghĩ miên man, thì bất chợt nhìn thấy một người đang ngồi với gánh bún bò khuôn mặt hao hao như chị Kiếm. Tôi ngồi nhìn chị khá lâu, đúng là chị Kiếm rồi, tôi phân vân không biết phải làm sao nói chuyện với chị, vì tôi sợ chị sẽ xúc động khi gặp lại tôi trong một hoàn cảnh thật nghiệt ngã cho chị. Dù sao đi nữa tôi cũng là người từ Mỹ về, ở bên Mỹ tôi chỉ là một thằng cu-ly nhưng so sánh với chị lúc nầy vẫn thấy hơn chị quá nhiều. Tôi ngồi nhìn chị mà tôi cảm thấy quặn đau, một người ngày xưa vóc dáng như tiểu thư thế mà bây giờ tàn tạ như vậy. Khi chị đứng dậy gánh bún đi nơi khác, tôi vội trả tiền café và đi theo sau chị. Được một đỗi đường, tới chỗ hơi vắng người, tôi khe khẽ gọi chị:

"Chị Kiếm".

Chị để gánh bún xuống, quay lưng nhìn tôi. Tôi không để cho chị nhận ra mình trước, tôi nói ngay:

"Chị nhận ra em không? Em là Xuân đây mà".

Chị há mồm không nói được, mắt chị sáng lên, tự nhiên nước mắt chị tuôn ra. Tôi đến gần nắm lấy tay chị. Bàn tay chị khô khốc, bàn tay mà ngày xưa khi còn ở chung với anh chị tôi hay khen là bàn tay nõn nà quý phái, bây giờ thì nó đen sạm và chai lì. Một hồi chị mới nói được với tôi:

"Mấy chục năm rồi mới gặp lại chú".

Rồi chị lại khóc, lần nầy chị khóc tức tưởi như có điều gì uất ức.

Chị cho tôi biết, anh Kiếm đã mất hơn mười năm nay. Bệnh hoạn mà không có tiền lo thuốc thang. Chị phải bán nhà dẫn con về quê, hiện các cháu đang sống với bà Ngoại. Ở quê không có gì làm ăn nên chị quay trở lại thành phố, buôn bán gửi tiền về nuôi con, đời sống của chị thật cơ cực. Tôi hỏi chị về Nguyện bây giờ ra sao? Chị nhìn tôi một hồi, trong ánh mắt chị có một cái gí đó oán trách, nước mắt chị lại tuôn ra, chị nói trong nước mắt:

"Nguyện đã chết rồi".

Tôi đứng lặng người, Chị nói thêm:

"Cả gia đình Nguyện đều mất tích trong một chuyến vượt biên".

Lúc nầy nước mắt tôi bắt đầu rơi xuống. Trời ơi, tôi đã cố tránh cho Nguyện một tai họa, thì Nguyện lại gặp một tai họa khác khốc liệt hơn và tàn nhẫn hơn. Làm sao có những bất công cứ đổ xuống trên đầu chúng tôi nhiều như vậy.

Chị Kiếm cho tôi biết thêm là Nguyện sau nầy có chồng và được hai con. Gia đình Nguyện và Mẹ của Nguyện vượt biên năm 82 và mất tích từ đó. Cái nhà cũ của Nguyện bị tịch thu, hiện thời cán bộ đang ở. Chị kể cho tôi nghe hết chuyện nầy đến chuyện khác, chuyện nào cũng buồn nên nước mắt của chị cứ liên tục chảy mãi. Rồi tôi cũng phải ra về. Tôi có bao nhiêu tiền mang theo, gom hết bỏ vào túi chị, chị ngượng ngùng không muốn nhận, tôi phải năn nỉ chị nhiều lần. Tôi quý trọng con người của chị, sống trong nghèo khổ nhưng phong thái của chị thanh bạch, không cần mở miệng xin xỏ ai. Tôi nói rằng không ngờ gặp lại chị hi hữu như thế nầy. Lần sau về sẽ ra Huế tìm gặp lại chị.

Cho đến bây giờ, mười mấy năm rồi tôi chưa trở lại Huế. Không biết đời sống của chị Kiếm bây giờ ra sao? Huế đối với tôi buồn như thế, thì làm sao tôi dám nhìn lại. Tuy nhiên tôi vẫn còn nợ một lời hứa với chị Kiếm. Về để thăm các cháu, con của chị, thăm bà Ngoại của Nguyện, mà khi còn quen với Nguyện tôi đã nghe Nguyện kể về bà với tất cả lòng kính mến. Có lẽ trong nhà của Ngoại, thế nào cũng đặt cho gia đình Nguyện chiếc bàn thờ. Tôi còn nợ với Nguyện một lời xin lỗi mà bao nhiêu năm nay tôi không nói ra được. Tôi sẽ thắp cho Nguyện một cây hương và một lời xin lỗi ấy, dù lời của tôi đã muộn màng. Nhưng tôi nghĩ Nguyện sẽ hiểu được lòng tôi.

Phan Xuân Sinh

công viên

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

Với tôi, công viên này đã, đang và còn sẽ lưu giữ nhiều kỷ niệm... - Chắc lại chuyện tình ái chứ gì? Ai còn lạ. - Tôi đoán thế nào cũng có bạn đọc hỏi câu ấy. Có thể là bạn sẽ nói ra miệng, nhưng cũng có thể là bạn giữ câu hỏi trong đầu như bạn đã đang và sẽ vẫn còn giữ các câu hỏi trong đầu. Chẳng có gì khác nhau giữa những điều này đâu, bạn ạ. Tôi nghĩ, có thể bạn còn bĩu môi một cách điệu điệu và nói thêm, thì còn cái gì khác vào đây nữa chứ. Vâng! Cứ cho là thế đi, song điều đó cũng chẳng sao. Để thỏa mãn trí tò mò của bạn, để bạn khỏi mất thì giờ đoán già đoán non mà yên tâm theo dõi câu chuyện, có vẻ như là sẽ hơi lan man đấy, tôi xin trả lời ngay: Thưa vâng, thì đúng toàn là những kỷ niệm về tình ái, tình cảm của tôi cả.

Ở nơi công viên này, đến bất cứ đâu, dù là một gốc cây hình thù kỳ dị (để trong công viên cái gì cũng phải lạ lạ một tí, người ta hay chọn những giống kỳ hoa dị thảo), một góc sáng, góc tối, một lối nhỏ... tôi cũng thấy gợi lại cho mình những tình cảm đẹp đẽ với một cô bé mà thú thật đến tận bây giờ tôi cũng vẫn chưa hiểu rõ lắm. Cái cô diễn viên này, ấy là tôi nói về nghề nghiệp của nàng, mà tôi cũng chỉ đoán vậy thôi, vì rất có thể là nàng đã tham gia đóng một vài bộ phim, một vài vở kịch, hoặc hát hòng trong một dàn đồng ca nào đó chăng, vậy nên cứ tạm gọi nàng như thế, chết thật, đến bây giờ tôi cũng chưa biết tên nàng là gì. Và, để cho tiện, tôi đặt cho nàng một biệt hiệu là Quỳnh Hương. Nàng không ra vẻ phản đối cũng chẳng ra vẻ đồng tình, chỉ cười và vu vơ bảo tôi rằng: Anh nói Quỳnh Hương à, Quỳnh Hương là sao anh. Nhân nói đến cười, tôi phải nói ngay với các bạn, nụ cười của nàng thật mê hồn, rực rỡ, tươi thắm và tinh khiết cứ như một đóa hoa hồng vừa nở lúc bình minh ấy. Cũng thú thực luôn với

bạn là ngay từ khi đặt tên cho nàng là Quỳnh Hương tôi đã cảm thấy mình có chút mâu thuẫn. Thì tôi cứ nghĩ, (vâng, nhiều khi cái "nghĩ" của con người ta rất vớ vẩn, ít nhất là về mặt thực tế và logic, dù đôi khi thực tế vẫn chẳng logic tí nào) Quỳnh Hương là một loại hoa, và tất nhiên là phải thật đẹp rồi. Còn bạn thì khác, có thể Quỳnh Hương, nếu có, thì đối với bạn lại có một ý nghĩa khác, tuy nhiên, đấy lại là vấn đề của bạn. Và sở dĩ, tôi phải nói "nếu có..." là đến tận lúc này tôi cũng chẳng biết là có tồn tại một loài hoa tên là Quỳnh Hương trên đời này hay không nữa. Tôi đã tìm khắp nơi, mon men vào cả mạng, nhưng trong google tra hai chữ Quỳnh Hương chỉ thấy toàn những người là người, lướt qua cũng phải vài chục trang, và toàn những mỹ nhân cả thôi. Mà sao tôi không đặt tên cho nàng là Hoa Hồng nhỉ. Hoa hồng thì tuyệt vời rồi, nữ hoàng của các loài hoa mà. Quỳnh Hương của tôi cũng rất thích hoa hồng. Tôi đã từng tặng nàng, trên giấy thôi, cả triệu triệu bông hồng, Quỳnh Hương sẵn lòng nhận với vẻ thích lắm, song khi nghe tôi nói hay để anh gọi em là Hoa Hồng hay Hồng Hoa nhé thì mặt nàng đang rất tươi tự nhiên lại xịu ngay xuống, trông chẳng có vẻ gì là Quỳnh Hương cả. Có một lần khác, tôi cũng bị Quỳnh Hương xịu mặt như thế khi tôi gọi nàng là nhà thơ hay gì văn gì đó. Theo tôi thì nhà thơ nhà văn cũng là một nghề, và về cái sự danh giá cũng có kém gì nghề diễn viên đâu, nhưng Quỳnh Hương không màng, nàng hình như chỉ cảm tình với mỗi nghề diễn viên, tức là thích đóng kịch, hát hỏng hoặc múa may mà thôi. Tất nhiên, đấy là chuyện của nàng, còn về phần mình, ngay từ khi mới quen nhau tôi đã xác định là có nhiệm vụ phải chiều theo mọi ý thích của nàng. Mà tại sao tôi lại gọi Quỳnh Hương là nhà văn, thưa cũng có lý do cả đấy ạ. Thú thực là tôi có được đọc ở đâu đó vài mươi trang nhật ký hay nói đúng hơn là vài mươi trang ghi chép tản mạn của nàng... Với tôi, phải nói đấy là những trang viết bất hủ, tuyệt vời đến mức tôi lấy làm lạ là tại sao một người của công chúng như Quỳnh Hương lại không cho phổ biến những ghi chép ấy, gì chứ thành "hiện tượng", thành danh, nổi đùng đùng là cái chắc.

Tôi có nhiều thời gian, vâng, nói ngay là tỷ phú thời gian đi cho dễ và bạn cũng vừa lòng. Vậy nên, tôi cũng hay vào công viên này lắm, gì chứ trong cái thành phố nho nhỏ này của chúng tôi, nó cũng là một trong số không nhiều những thắng cảnh được người ta thích thăm viếng. Chúng tôi hay thuê một chiếc thuyền nhỏ, - thuyền ở đây nhiều kích thước, lớn nhỏ có hết, nhưng toàn một loại đạp chân và tôi thấy vậy mà lại hay, chứ giả sử có thuyền chèo bằng tay hay vận hành bằng động cơ hơi nước hay động

cơ đốt trong, động cơ điện... thì tôi cũng chẳng biết phải xử sự thế nào - và bơi lòng vòng trên con kênh nhỏ xung quanh công viên. Con kênh, theo tôi ai bảo là thơ mộng cũng được mà ai bảo không thơ mộng cũng chẳng sao. Lòng kênh đầy những tảng đá to đùng, những khúc gỗ, những gốc cây mấy người ôm không xuể với những bộ rễ lởm chởm, chính cống là những chướng ngại vật, nước kênh hơi bị đục, nhất là sau những trận mưa. Hai bờ kênh, cỏ mọc um tùm, tôi nghĩ là cỏ cũng tốt, nhưng nếu mà thỉnh thoảng người ta cho cắt bớt đi một ít, để còn vừa đủ xanh thôi thì còn tốt hơn nữa, đằng này những người quản lý công viên, nghe đâu trực thuộc hẳn tòa thị chính thành phố, cũng oai đấy chứ, lại để dài ngoai hết cả ra mặt kênh. Mà chẳng phải là chỉ có dài mà thôi đâu, trong số cỏ ấy còn có lẫn rất nhiều cây lá han với chao ôi kinh khủng những lông là lông để khẽ quệt vào đâu cũng gây ra những cái buốt thon thót rồi sau đó ngứa đến điên người.

Tôi hay ngồi đạp thuyền với một thằng bạn phát vãng. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải quan hệ với nhiều hạng người, và trong số đó lại có những loại rất vô tích sự là loại bạn phát vãng này đây. Đã nhiều lần tôi thắc mắc chẳng hiểu tại sao những người ở đây lại gọi thằng này là Hưng Mọi. Tôi đã bỏ không ít thời giờ để quan sát, để rồi thấy rằng từ chân lên đến đầu nó chẳng có một nét nào là của Mọi cả, nói một cách hình ảnh là đến một cọng lông cũng không. Mà thực sự "Mọi" là cái gì, tôi đã gặp, đã tiếp xúc với "Mọi" bao giờ chưa, "Mọi" tốt hay xấu thì tôi cũng chẳng biết. Vậy mà ai cũng gọi nó là Hưng Mọi, một điều Hưng Mọi, hai điều Hưng Môi, một mực khăng khăng cái gì cũng Hưng Mọi, thậm chí có người còn bớt hẳn đi một chữ Hưng nữa, trước sau chỉ gọi một chữ Mọi mà nó cũng thưa. Tôi cũng đã từng hỏi nhiều người rằng tại sao lại gọi thằng Mọi là Hưng Mọi nhưng hình như cũng chẳng ai biết, ai cũng bảo thấy người khác gọi thì cũng gọi, riết rồi cũng quen...

Lần nào tôi với Hưng Mọi cũng đạp thuyền vòng vòng trên mặt kênh theo đúng chiều kim đồng hồ. Người ta vẫn hay nói đồng sàng dị mộng... Câu này áp dụng cho tôi với thằng Mọi này thì phải nói là đúng. Lần nào cũng vậy, ngồi cùng thuyền với nó mà đầu óc vẫn để ở tận đâu tận đâu. Tôi hay tưởng tượng ra cảnh nếu mình được ngồi cùng thuyền với Quỳnh Hương như thế này thì tuyệt vời biết bao. Ừ, thì chắc chắn là tôi sẽ cố gắng điều khiển sao cho con thuyền này đừng xô vào những đám cỏ rậm rạp đầy những lá han kia, sẽ cố gắng đưa con thuyền đi vào dưới cành những cành liễu la đà buông mành rũ xuống mặt sông kia, để được nhìn thấy tơ liễu mơn trớn trên tóc, trên vai em thì thật là tuyệt vời biết bao. Mải đuổi theo

những suy nghĩ của mình, tôi chẳng để ý xem thằng Mọi làm hay nghĩ gì đó. Thằng này có máu hay nhậu nhẹt, rất có thể nó đang nghĩ về một bữa nhậu ra vấn đề nào đó... Nhưng cũng chỉ là có thể thôi. Biết đâu cu cậu lại cũng đang mơ về một bóng hồng hay một bóng Quỳnh Hương hay Hương Quỳnh nào khác cũng nên. Viết vậy, vì về hai cái tên này, tôi thấy tên nào cũng đẹp.

Vì nhiều lẽ, tôi nghĩ chắc là Quỳnh Hương chẳng thể yêu được tôi. - Đấy, tôi lại sa vào logic rồi, còn thực tế thì thế nào? - Có chăng chỉ là một chút lưu luyến, một chút cảm tình. Vâng! Có chăng thôi, chứ có khi còn chẳng có gì nữa kia cũng phải chịu. Vậy mà từ ngày hơi biết nàng, lúc nào trong đầu óc tôi cũng chỉ vang lên có hai tiếng Quỳnh Hương mà thôi. Tôi thấy hình ảnh của nàng ở khắp nơi, làm việc gì tôi cũng cảm giác như có nàng ở bên, Quỳnh Hương theo tôi cả vào bữa ăn, vào giấc ngủ, và phải nói là tôi đã tưởng tượng ra quá nhiều những hình ảnh đẹp đẽ, ngọt ngào, tình tứ của nàng. Như cái hôm đạp thuyền cùng thằng Mọi cũng vậy, nhìn nó mà đôi lúc mắt tôi mờ đi tưởng như đang nhìn Quỳnh Hương. Còn nó, tôi chẳng biết là thằng Mọi có nhìn tôi và tưởng tượng ra cái gì hay không, chỉ biết rằng nó cũng lơ đãng lắm, đã mấy lần nó đưa thuyền sát sàn sạt vào đám cỏ làm hai tay tôi bị quệt hết vào lá han sưng vù lên, ngứa ngáy, đau đớn không thể nào chịu được.

Hưng Mọi, năm nay đã bước sang tuổi ba lăm, vậy mà, theo mọi người nói, vẫn chưa có được lấy một mảnh tình rách vắt vai. - Thực tình tôi không thích cách dùng hình ảnh này lắm khi nói về tình yêu. Nhưng đây là cách nói của số đông, cái gì được nhiều người nói mãi rồi cũng thành thói quen, không thích, mà muốn sửa cũng không được nữa, như là nói ngọng nờ thấp thành lờ cao ấy. - Song tôi thấy nó cũng là thằng hay tính toán, và có lẽ cũng tại cách tính toán ấy mà đến giờ cu cậu vẫn còn độc thân chăng.

Trong khu phố tôi ở có hai vợ chồng anh Chương đều là tiến sỹ hay phó tiến sỹ gì đấy, nếu cứ ở nhà thì cả hai đều là giáo viên dậy đại học hẳn hoi, nhưng sang đây thì phải làm một cái nghề hết sức tầm thường là bán lòng lợn tiết canh. Theo mọi người thì, của đáng tội, tuy đã ngót nghét bốn chục tuổi nhưng vợ anh, tức chị Hòa trông vẫn còn ngọt nước lắm. Đấy có thể là ngẫu nhiên, song cũng có thể là kết quả của việc biết cách kiêng kỵ, biết cách đi đứng, nói năng, ăn mặc... của chị. Nhưng anh Chương, ngược lại, trông thật là tệ. Thực chất anh chỉ hơn vợ dăm sáu tuổi nhưng người không biết nhìn vào thì nghĩ khoảng chênh lệch ấy phải lên đến hơn vài chục. Ai đời, mới khoảng bốn tư, bốn lăm mà anh đã phát tướng, tóc rụng hết, hói

bóng, mặt mũi phương phi, béo tròn trùng trục, áo quần của mình mặc vào mà cứ như là đi mượn của ai, vì cái nào cũng chẳng chịu nổi sức căng của da thịt, nứt với toạc hết cả... Chẳng biết nghe ai nói mà Hưng Mọi tin rằng anh Chương béo như vậy là vì mắc bệnh tiểu đường. Mà bệnh ấy thì sớm đi chầu ông bà ông vải lắm. Đã mấy lần tôi được nghe chính mồm Hưng Mọi nói rằng, bà Hòa trông hơ hớ, ngon nhỉ. Còn về anh Chương thì nó bảo, ngữ ấy thì chờ ngày ra đi thôi chứ còn làm ăn gì được. Và nó tỏ vẻ tha thiết chờ ngày ấy lắm. Nó mong sao sớm đến ngày anh Chương ra đi để rồi còn mau mau tiếp quản cái cửa hàng cháo lòng tiết canh với cả bà chị.

Cũng như nhiều người khác, tôi chẳng biết chương trình tiếp quản cái cửa hàng anh Chương của Hưng Mọi như thế nào. Nhưng đấy là cách tính toán của nó. Thì rõ là đếm cua trong lỗ, song nó cứ đếm thế đấy, ai làm gì nổi nó nào. Thỉnh thoảng anh Chương cũng đi dạo với tôi trong công viên. Tôi nhớ là đã mấy lần rủ anh hay là mình đi thuyền cho đỡ mỏi chân, song lần nào cũng bị anh từ chối. Không phải là tao tiếc mấy đồng thuê thuyền đâu, anh vừa vỗ bồm bộp vào mấy cái túi trên túi dưới vừa bảo với tôi thế, tao thề với mày như vậy, mày biết đấy (nào tôi có biết gì đâu), tao mạng Hỏa, mà Hỏa thì kỵ Thủy. Đến đây thì tôi phát hiện ra một điều, có lẽ là vì quá kỵ thủy mà anh Chương đâm ra rất sợ nước chăng. Ai cũng phải công nhận rằng anh rất lười tắm gội, giặt giũ, mặt mũi anh lúc nào cũng bóng nhẫy, loang loáng mồ hôi, còn giầy dép áo quần thì hình như cũng chỉ mấy bộ và cũng rất ít khi thay... Thảo nào đi gần anh cứ thấy tanh tanh, khăn khẳn.

Anh Chương cũng rất ghét thằng Mọi. Vì nó nhăm nhe cửa hàng hiệu Long Quân - Âu Cơ của anh một cách lộ liễu quá chăng. Có thể thế. Nhưng anh Chương không nói ra mồm. Anh chỉ bảo: tao với thằng Mọi không hợp nhau. Nó mạng Thủy, tao mạng Hỏa mà Thủy thì khắc Hỏa.

Không thích thằng Mọi nhưng anh Chương lại rất thích tôi. Tao với mày hợp nhau. - Anh tâm sự với tôi. - Mày tuổi... chứ gì? Tuổi mày hành Kim, mà Hỏa thì sinh Kim. Như trên tôi đã nói, thỉnh thoảng, vào những ngày không mưa tôi cũng cùng anh Chương đi dạo trong công viên. Đi bộ thôi. Hai anh em quanh quẩn trên các lối mòn, giữa các thảm cỏ xanh rì và những luống hoa muôn màu sắc rực rỡ. Quanh quẩn và chậm chậm và không được quá xa mấy cái ghế đá để thỉnh thoảng anh Chương còn đề nghị: Thôi cho tao ngồi nghỉ một tí đã mày. - Anh vừa thở vừa nói với tôi. - Tao mệt quá.

Phải nói là anh Chương có khá nhiều kiến thức về các loại hoa lá cây cảnh. Ở nhà tao, anh nói vậy, ông già chơi hoa mà, hoa gì mà tao lại chẳng

biết. Những lúc ngồi nghỉ trên ghế đá với nhau, đợi anh bớt mệt rồi thỉnh thoảng tôi cũng thủ thỉ tham khảo ý kiến anh về hoa này hoa nọ để rồi cuối cùng bao giờ cũng đi đến câu hỏi, anh có thấy hoa Quỳnh Hương khi nào chưa và để rồi bao giờ cũng thấy anh lắc đầu, mày nghe nhầm hay sao đó em ạ, làm gì có hoa Quỳnh Hương, theo chỗ tao biết thì chỉ có hoa quỳnh thôi. Và nhân tiện anh lại nói thêm một loạt chuyện về hoa quỳnh. Theo tao thì đời con người ta được một vài lần thưởng thức cảnh hoa quỳnh nở là hạnh phúc lắm rồi... Anh nói thế và hỏi lại tôi: Hay Quỳnh Hương của mày là Hương của hoa Quỳnh. Mày đã thấy hoa quỳnh nở bao giờ chưa, lúc từng cánh hoa bật ra thì cũng là lúc một mùi hương tinh khiết, nồng nàn lan tỏa khắp không gian, lãng mạn không thể nào tưởng tượng được... Nhưng không... tôi định trả lời, xong lại thôi, lãng mạn ư, Quỳnh Hương của em còn trên cả lãng mạn, và ngoài ra còn phức tạp vô cùng nữa, chứ không đơn giản chỉ có thoang thoảng thế đâu.

Cùng sang Đức từ lâu nhưng chị Hòa mới về ở với anh Chương được mấy năm nay. Về tuổi tác, cung số, mệnh nọ mệnh kia - khoản này thì tôi mù tịt - của hai ông bà hình như cũng không được hợp nhau lắm, vậy nên theo anh Chương, cứ mỗi người một nơi lại hóa hay, từ khi bà ấy về đây tao cứ bị ức chế làm sao ấy. Anh Chương bảo tôi là lúc yêu và lấy nhau anh vội vàng, chủ quan quá, không điều tra kỹ, lúc chị Hòa về nhà mình rồi anh mới sực nhớ ra là cầm tinh con Hổ, mà đã là Hổ, tức là Chúa sơn lâm thì còn biết sợ gì nữa. Mặc dù chúng tôi thấy chị Hòa rất hiền, hiền như cái tên Nguyễn Thị Hiền Hòa của chị, nhưng anh Chương thì lại bảo, có mà hiền khối ra đấy, nó lại chẳng muốn ăn thịt tao. Tôi thấy anh quá sợ chị, một nỗi sợ mơ hồ, khó hiểu từ ngay trong tiềm thức. Và có lẽ cũng chính vì sợ hãi như thế mà anh đâm ra quẫn. Anh tìm đủ mọi cách để hóa giải sự xung khắc về tuổi tác giữa hai người. Tôi đã đến nhà anh vài lần để rồi sau đó mỗi khi có việc gì cần lắm mới phải đến, vì rất ngại. Nhà kiểu gì mà nhìn chỗ nào cũng thấy những bùa là bùa, những lá bùa đủ kích thước, mầu sắc với những hình vẽ ngoằn ngoèo anh thỉnh ở đâu về dán khắp khắp nơi, ngoài nhà, trong nhà, phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, bếp, toilet, hành lang, ban công... chỗ nào cũng thấy. Vì nghĩ rằng (chị) đã là hổ thì may ra chỉ còn biết sợ con rồng nên anh mua tượng rồng, tranh rồng về đặt hoặc dán khắp nơi, lại gửi cả tiền về Việt Nam nhờ người nhà mua hàng chục cái áo dài đủ mầu sắc, mỗi cái thêu đến mấy con rồng cả đằng trước lẫn đằng sau cả trên lẫn dưới và lúc nào cũng bắt chị phải mặc, cứ thay lớp rồng này ra là phải lồng ngay lớp rồng khác vào.

Thỉnh thoảng, vào những lúc vui vẻ, anh Chương cũng tâm sự, tức là kể cho tôi nghe về những chuyện tình ái. Mày có biết ca sỹ Thương Thương không, - anh hỏi tôi và tôi nhân đây cũng xin thành thật xin lỗi ca sỹ Thương Thương nếu như bà có tồn tại trên đời - ông anh tao cùng lứa với bà ấy. Phải nói là không có hai ông bà thì tao đã chẳng bao giờ biết được thế giới của nghệ sỹ và do đó mới biết thế nào là tình yêu. Thật là tuyệt vời nhưng mà cũng tốn kém lắm mày ạ. Mày biết đấy (sự thật là tôi chỉ biết qua lời anh kể thôi, còn chính xác được đến bao nhiêu phần trăm thì chịu), ông già tao là người chơi hoa và chơi đồ cổ nổi tiếng ở Hà Nội. Ông sưu tầm được những cái đĩa, cái bát, cái chén... (nói chung là đồ sứ) từ đời Tống, đời Minh, đời Thanh... quý lắm, ai hỏi mua, mua với giá nào cũng không bán, vậy mà hai thằng tao cứ thỉnh thoảng lại nẫng mang đi một cái. Thì cũng chỉ là để khao bạn khao bè, khao cái đám nghệ sỹ kia thôi, được bao nhiêu tiền cũng chỉ đập phá vài bữa là hết. Trước khi lấy chị Hòa, anh Chương đã có vài cuộc tình, toàn là với giới nghệ sỹ cả, cuộc tình nào cũng rất lãng mạn, rất đẹp, không thể nào quên nhưng chỉ tiếc thay là không được lâu.

Ngoài việc pha tiết canh rất ngon, đấy là nghe mọi người nói thế chứ thực ra tôi chưa bao giờ dám nếm món đặc sản này, làm dồi rất béo, luộc lòng non, dạ dày, dạ con... rất dòn, anh Chương còn rất có hoa tay. Anh chữa xe đạp rất giỏi, hỏng hóc kiểu gì mà vào tay anh cũng chỉ nhoáng một cái là lại đâu vào đấy ngay. Con ngựa sắt của anh, anh Chương âu yếm gọi cái xe đạp của mình như vậy, được anh chăm sóc một cách chu đáo, lúc nào cũng chắc chắn, đầy đủ các bộ phận, lại trơn tru, nhẹ nhàng, nhẩy lên đạp mà cứ như là không ấy... Tuy nhiên, cái mà tôi muốn nói ở đây là tay đàn ghi ta của anh. Tôi đã vài lần nghe anh đàn, và phải nói là rất được. Tao phải công nhận là tao học hành có bài bản, ít nhất cũng vài lần anh nói với tôi như thế, tao học... đấy chứ, mỗi lần anh nói tên một nghệ sỹ nổi tiếng, mấy em... anh nói tên mấy ca sỹ cũng nổi tiếng không kém, nghe tao đàn cứ gọi là mê đến lịm cả người.

Đúng là khi ngôn ngữ bất lực thì âm nhạc lên tiếng, nghe anh Chương kể tự nhiên tôi cũng muốn học đàn, học hát. Chẳng phải học để rồi đi biểu diễn ở đâu hoặc để lên mặt với ai, nếu đàn và hát được tôi chỉ muốn đàn và hát cho Quỳnh Hương, một mình em nghe và thích cũng đã là quá đủ đối với tôi rồi.

Nghĩ là làm, tôi sắm ngay cây đàn theo anh Chương để học. Phải nói là anh chỉ bảo cũng vô tư, nhiệt tình, vậy nên, dù chưa cầm đàn bao giờ mà chỉ trong vòng có vài tháng tôi đã bập bùng được bản bé bé bồng bông...

Nhưng ở đời, không phải cứ nghĩ hay muốn cái gì là có cái ấy... Đúng lúc tôi cảm thấy mình muốn học một cách say sưa nhất và lúc anh Chương đang có hứng truyền dạy một cách nhiệt tình nhất thì khóa học một thầy một trò của chúng tôi bỗng xảy ra một sự cố nghiêm trọng.

Một buổi chiều, sau khi tận tình chỉ cho tôi cách đi một vài gam, anh Chương bỗng nổi hứng rủ rê. Tao với mày vào công viên chơi đi, trời đẹp thế này... Lúc ấy đang là giữa mùa thu và trời đẹp thật. Chúng tôi đi vào trong công viên. Hai anh em lững thững đi trên những lối mòn quen thuộc và thỉnh thoảng lại ngồi xuống nghỉ ở một cái ghế đá nào đó để ngắm cảnh. Lá vàng vẫn tiếp tục rơi xuống, trải thêm vào những tấm thảm đã rực rỡ lắm rồi ở khắp mọi nơi, gió hiu hiu thổi nhẹ, dễ chịu không thể tưởng tượng được, một vài con sóc nhỏ thập thò ở đâu đó, mắt trước mắt sau vồ lấy những hạt dẻ vừa rơi xuống rồi mất hút sau những gốc cây, trên cành mấy con chim non cất tiếng hót ríu rít, bầu trời thì thăm thẳm, không một gợn mây... Tao nhớ Hà Nội quá, bất chợt anh Chương bảo tôi, nhớ những buổi chiều có lẽ cũng như thế này, mấy đứa thong thả đạp xe trên đường Thanh Niên bên bờ Hồ Tây... Mắt anh mờ mờ, trông như có một làn sương phủ, mấy ngón tay anh nhịp nhịp lên thành ghế theo giai điệu bài hát nào đó, thấy anh đang có vẻ hứng, tôi bèn rủ, hay là anh em mình ra bờ kênh đi, đảm bảo anh sẽ tìm lại được cái cảm giác như bên bờ Hồ Tây ngày nào, và đáng lẽ phải từ chối như từ bấy lâu anh vẫn từ chối đến những nơi sông nước thì chẳng hiểu tại sao hôm ấy anh lại nhận lời.

Hai anh em ra bờ kênh. Con đường chỉ đủ phẳng phiu để người ta có thể lơ đãng bước từng bước mà không sợ vấp váp hoặc hụt hẫng. Nhưng mặt nước thì thật tuyệt vời. Nhìn dòng nước trong vắt đến tận đáy lững lờ trôi, đàn vịt trời và những con thiên nga bồng bềnh... tự nhiên tôi lại muốn bơi thuyền một vòng. Và tôi rủ. Và anh Chương, hình như vì không cưỡng được lòng mình cũng tặc lưỡi: Ừ! Bơi thì bơi, sợ gì. Lâu lắm rồi tao không được bơi thuyền, từ ngày xưa, lâu lắm rồi, ở Hồ Tây...

Chúng tôi thuê một chiếc thuyền nhỏ. Tôi xung phong làm cửu vạn đạp thuyền còn nhường vị trí người cầm lái vĩ đại cho anh. Chỉ một lúc sau anh lái đã khá chuẩn và thuyền chúng tôi yên ả lướt đi giữa tấp nập những con thuyền khác giờ này cũng giăng ngược giăng xuôi trên mặt kênh... Thì đã bảo mấy khi được ngày trời quá đẹp như thế này, mà ai thì chẳng thích thư dãn.

Gió từ mặt nước thổi lên mát rượi. Anh Chương vẫn có vẻ đầy hứng khởi, tôi thấy anh huýt sáo hết bài này sang bài khác và khi nghe anh huýt

đến bài Cachiusa thì tự nhiên tôi cũng cất tiếng khe khẽ hát: "Đào vừa ra hoa, rặng liễu đu đưa vầng trăng tà..." Nhưng đang lúc chúng tôi say sưa mải mê như vậy, không biết anh Chương nghĩ gì trong đầu, còn tôi thì lúc nào cũng chỉ nhớ đến Quỳnh Hương thì tự nhiên có vấn đề.

Đang huýt sáo rất vui, tự nhiên tôi thấy anh Chương im bặt. Rồi con thuyền của chúng tôi đang đi rất thẳng, tự nhiên như bị mất lái, ngang ra, xiên hết bên nọ lại xọ sang bên kia. Tôi ngạc nhiên hết nhìn anh, mặt mũi lúc này đã tái đi, hơi thở gấp gáp, lại nhìn ra xung quanh, nhìn trước, nhìn sau và nhận ngay ra sự việc. Thì ra, ngay trước mặt chúng tôi là thuyền của Hưng Mọi và chị Hòa cũng đang lướt đi một cách êm ả vô cùng. Thằng Mọi hôm nay ăn mặc rất bảnh, trông nó cứ như một nhà thể thao vừa từ sân quần vợt ra. Còn chị Hòa thì vẫn nhẹ nhàng duyên dáng như mọi ngày với chiếc áo dài sặc sỡ quen thuộc và những con rồng cuốn quýt múa lượn. Và cái đáng đập vào mắt nhất lúc này đối với anh Chương là nó đang đưa tay ôm lấy cái lưng rất eo của chị, còn chị thì đang ngả đầu vào vai nó tin tưởng, thanh thản như ngả vào vai tình nhân.

Tuy rất từng trải nhưng anh Chương vẫn thuộc dạng người không kiềm chế được cảm xúc. Tôi thấy mặt anh tối sầm lại. Một cách choáng váng, anh đưa hai tay ôm lấy đầu rồi từ từ đổ xuống, và nếu không được tôi vội vàng đỡ ngay lấy thì có lẽ anh đã đổ xuống lòng kênh rồi.

Tôi cứ nghĩ là anh Chương chỉ choáng vớ vẩn một lúc rồi lại đâu vào đấy ngay. Ai ngờ đâu rằng về nhà rồi bệnh anh phát càng lúc càng nặng thêm đến nỗi phải đưa vào bệnh viện. Và cái gì phải đến đã đến. Một vài mạch máu, vài sợi dây thần kinh bị tổn thương, dẫu nhẹ nhưng cũng đủ để giọng nói của anh không còn được tròn vành rõ chữ nữa. Giờ anh có muốn hát thì cũng chỉ là hát trong đầu. Những ngón tay anh cũng đâm cứng ra, kềnh càng, nhồi cái dồi lợn to đùng mà còn để vãi hết nhân ra ngoài, nói chi đến chuyện lướt trên mấy dây đàn mong manh...

Thế là việc học đàn học hát để đàn hát cho Quỳnh Hương mà tôi chưa một lần gặp mặt nghe bị gián đoạn. Tất nhiên, nếu muốn tôi có thể học lại vào những lúc khác, nhưng từ ngày ấy trở đi, cứ bước chân vào công viên là tôi lại bị ám ảnh.

Thì như ngay từ đầu tôi đã nói rồi: Công viên này đã, đang và sẽ còn lưu giữ của tôi nhiều kỷ niệm... Vâng, thì vẫn biết, kỷ niệm tình ái, và có thể vớ vẩn...

Nguyễn Hoài Phương
Thu - 2005

TRIỀU HOA ĐẠI

vàng hiên

buổi nay chiều đã
vàng hiên
vườn ai rụng lá
đầy trên thềm nhà

chân quen chờ mỏi
quên về
sông nằm đợi sóng
thuyền xưa ngại thuyền

lòng chừ
ta giấu nhãn non
ta giấu hoa rụng
ngủ quên môi hồng

lòng ta
em biết chi không?
thôi thì trăng khuyết
một vùng cỏ non
chiều ơi! chiều xanh
mãi lên
quên quên, nhớ nhớ
chiều lên thuở nào?

Triều Hoa Đại

mùi bùn non

LÂM CHƯƠNG

Chúng tôi đứng ngóng ở phi trường chờ người tới đón. Anh bạn nhà thơ Phan Xuân Sinh ngồi trên băng ghế dài, chốc chốc lại gọi điện thoại. Anh bạn nhà văn Trần Doãn Nho đi qua đi lại ngoài hành lang, bồn chồn nóng ruột. Tôi đứng hút thuốc gần thùng rác, nơi có cái gạt tàn to tổ bố. Tôi không lo lắng như hai ông bạn. Từ lâu lắm rồi, tôi hay buông xuôi theo câu nói, chuyện gì đến sẽ đến. Một câu cũ rích, nhưng hợp với bản tính tôi. Tới đâu hay đó. Đời dẫu có ra sao cũng được.

Một thằng Mỹ đen cũng đến gần cái gạt tàn, đứng hút thuốc. Tôi làm bộ lơ đãng không chú ý, nhưng thật ra tôi đang kín đáo quan sát hắn. Hắn ăn mặc bảnh bao. Môi dưới hơi dầy làm cái miệng hắn thô. Theo sách tướng, môi dầy là người đam mê dục lạc. Tôi môi mỏng, cũng theo sách tướng là người lắm lời. Nếu môi hắn bớt đi một tí, và môi tôi thêm được một tí thì cả hai sẽ có đôi môi cân đối dễ nhìn. Một người đàn bà da đen, có lẽ vợ của hắn, đến nói điều gì với hắn, tôi không nghe được. Nếu có nghe, chưa chắc đã hiểu. Sống ở Mỹ khá lâu, nhưng vốn liếng Anh ngữ của tôi thuộc loại ấm ớ hội tề. Chỉ nói được hai tiếng Yes hoặc No, tùy theo thái độ của người đối thoại. Sau đó, hắn dụi nhanh điếu thuốc đang hút dở vào cái gạt tàn và đi với người đàn bà. Khi ngang qua tôi, tôi nghe từ người đàn bà đen tỏa ra mùi nước hoa rất gắt. Mùi nước hoa và mùi người đàn bà đen trộn vào nhau làm thành một cái mùi không diễn tả được.

Tôi nhớ có lần tôi đến nhà người bạn. Con gái của bạn đi học về, ngồi khóc. Tôi hỏi tại sao? Nó cho biết, mấy đứa bạn cùng lớp nói bọn da vàng có cái mùi không ngửi nổi. Tôi nghĩ thầm, đàn bà con gái da vàng của tụi tao ngon lành thế mà mày bảo không ngửi nổi, tại mày không biết thưởng thức đấy thôi. Tôi lại hỏi, con nghe mùi của tụi nó thế nào? Trả lời, chính cái mùi của tụi nó mới khó ngửi. À, thì ra mỗi màu da đen, vàng, đỏ, trắng đều có mùi khác nhau. Người màu da này, khó thích hợp với mùi của người màu da khác. Điều này cũng làm tôi liên tưởng lại ngày xưa, lúc còn đi lính. Khi hành quân lên vùng Tây Nguyên, tiểu đoàn đóng quân nơi một buôn làng người Thượng. Trong một đêm trăng mù ẩm hơi sương của núi rừng Trường Sơn, thằng Diềng thuộc tiểu đội thám kích, rà rê đến gạ chuyện và

xin tôi thuốc hút.

Hắn hỏi: "Thiếu úy muốn chơi gái Thượng không?"

Tôi nói: "Cũng muốn thử cho biết mùi, nhưng không dám."

"Sợ gì?"

"Nửa chừng nó la lên thì bỏ mẹ. Tội hiếp dâm không nhẹ đâu."

"Làm gì có chuyện la lên? Em chơi rồi."

"Thiệt hả? Nói nghe coi."

"Con nhỏ Thượng đang ở trong rẫy bắp. Em nói em muốn nó. Nếu chịu thì em cho tiền. Nó cười, không nói gì hết. Thế là em nhào vô, tốc váy chơi luôn. Xong chuyện, em cho 500 đồng. Nó nói nhiều quá, không có tiền thối lại. Nó chỉ cần 50 thôi. Em nói để đó, lần sau làm nữa."

"Mày thì được rồi. Có thêm tao, chưa chắc nó chịu."

"Yên chí. Em sẽ nói với nó. Chỉ cần thiếu úy cho 500 đồng."

Sáng hôm sau, những giọt sương mù còn đầm đìa trên lá cây, tôi và thằng Diềng háo hức đi tìm cô gái Thượng. Trên đường đi, tôi nghĩ hai thằng như hai con chó vào mùa động tình tháng Bảy. Khi đến rẫy bắp, Diềng bảo tôi ngồi ngoài đợi và hắn chui vô rẫy. Bắp vào mùa mới ra trái non, vườn rẫy xanh um rậm rạp, cây cao quá đầu người. Một lát sau, Diềng chui ra, đưa tay ngoắc tôi.

"Vào đi."

"Nó nói gì không?"

"Không nói gì, chỉ cười."

"Vậy sao biết nó chịu tao?"

"Cười là chịu rồi."

Tôi theo Diềng vào rẫy, thấy một cô Thượng choàng tấm nylon màu xám, phủ xuống như chiếc áo đi mưa. Cô không đẹp, nhưng giữa núi rừng có được một bông hoa hoang dại thế này là quý. Cô nhìn tôi bằng đôi mắt "*con nai vàng ngơ ngác*" của Lưu Trọng Lư. Tôi cũng ngượng, không biết làm sao mở lời.

Diềng giục: "Còn chờ gì nữa?"

Tôi nói: "Mày đứng đây làm nó mắc cỡ, tao cũng mất hứng. Hãy ra ngoài, coi chừng có ai đi tới thì cho tao biết."

Trước khi quay đi, Diềng nói: "Gặp mục tiêu mà còn chờn vờn chưa chịu tấn công. Địch thay đổi ý kiến là hỏng việc. Làm mau lên, em chờ đánh cú chót và thu dọn chiến trường luôn."

Lúc Diềng đi khuất ngoài rẫy bắp, tôi hỏi cô Thượng: "Lạnh không?"

Cô nói: "Không."

"Chịu tôi không?"

Cô cười. Hàm răng đều như những hạt bắp.

"Bỏ tấm choàng ra đi."

"Không."

"Sao vậy?"

"Không biết."

Tôi đưa cho cô tờ giấy bạc 500.

Cô cầm lấy và nói: "Nhiêu qua."

Cô phát âm tiếng Việt bằng cái giọng lơ lớ. Nhiều quá thật. Đĩ Gò Vấp cũng chưa tới giá đó. Nhưng ở đây, khan hiếm đàn bà và lương lính không có chỗ xài nên đồng tiền bị phá giá.

Tôi mở nút thắt tấm nylon trên vai cô Thượng. Cô không phản ứng. Tôi trải tấm nylon giữa hai hàng bắp, đỡ cô nằm xuống và nằm đè lên trên. Tôi mơn trớn vuốt ve hai chiếc vú săn cứng như hai em bé sinh đôi. Cô mở mắt nhìn tôi, thản nhiên như không cảm giác gì cả. Vậy mà thằng Diềng dặn, không được sờ vú gái Thượng, nó sẽ chống đối vì chỗ đó chỉ dành cho con bú. Tôi muốn làm gì thì làm, cô nằm như khúc gỗ không hề hưởng ứng đồng tình. Đàn bà khi làm tình mà nét mặt tỉnh bơ, cũng làm đàn ông mất hứng. Tệ nhất là có vài em ở động mãi dâm Gò Vấp, vừa làm tình vừa ca vọng cổ. Tôi tránh cái nhìn của cô bằng cách úp mặt vào ngực cô. Từ màu da bùn non ấy toát ra một mùi rất lạ. Mùi của nắng gió, của sương mù, của cây cỏ ẩm mục trên vùng đất đá Tây Nguyên. Ngửi một lần là không sao quên được. Không phải vì sức quyến rũ của nó, mà vì xa lạ khác với mùi hương dịu dàng thoang thoảng của các em gái da vàng nơi những phần đất tôi đã đi qua.

Vài năm sau. Tôi lại ngửi thấy cái mùi y chang như thế, từ một cô gái người Miên, khi tiểu đoàn hành quân qua Kampuchia. Cô tên Chiêng, nữ sinh trung học thủ đô Phnom Pênh. Cô về thị trấn Pon Hia Crêt thăm nhà, và rồi không trở lại được. Chiến tranh làm gián đoạn đường về thủ đô. Gia đình cô thuộc hàng khá giả. Mẹ cô cất một dãy nhà sàn mười căn, ngăn ra từng phần cho thuê. Chưa có ai thuê thì chiến tranh ập đến, mười căn nhà bỏ trống. Bà cho biết đã từng sống ở Trà Vinh, nói rành tiếng Việt. Một hôm, bà bắt gặp tôi tặng Chiêng phần lương khô của lính, Chiêng cũng tặng lại tôi mấy trái ổi và măng cầu. Bà biết tôi thích con gái của bà.

Bà nói: "Tôi có đứa con gái nhỏ muốn cho "lục" làm vợ, nhưng không muốn "lục" dẫn nó về Sài Gòn nên không cho được. Con gái Sài Gòn đẹp hơn Chiêng, "lục" sẽ bỏ Chiêng. Nó còn nhỏ quá, làm sao biết đường về

nhà. "Lục" về kiếm vợ Sài Gòn đi. Đừng thương Chiêng nữa."

Hạ sĩ Thạch Sơn là người duy nhất trong đại đội, thông rành tiếng Miên. Tôi hỏi hắn, "lục" có nghĩa là gì? Hắn bảo, là tiếng gọi bằng "ông" một cách kính trọng. Tôi cười thầm, cái mặt hãm tài của tôi mà cũng có người kính trọng nữa sao?

Dù biết mẹ không bằng lòng, nhưng Chiêng vẫn lén gặp tôi. Những ngày không hành quân, tôi đến dãy nhà sàn mười căn, gặp Chiêng ở đó. Chiêng không biết tiếng Việt. Tôi không biết tiếng Miên. Do đó, tôi hiểu thế nào là "*ngôn ngữ tình làm bằng dấu đôi tay*" của một bài hát quen thuộc. Chẳng hạn, khi tôi cắn nhẹ vào vành tai Chiêng, ý nói: "thương nhau lắm, cắn nhau đau." Chiêng co vai rúc cổ là tỏ ý: "Đừng làm em nhột." Tôi rà môi trên đầu núm vú của Chiêng: "khi yêu, anh muốn trở thành em bé." Chiêng vuốc tóc, ôm đầu tôi ghì vào ngực: "Bú đi con." Tôi vuốt ve phần hạ bộ của Chiêng: "Anh muốn yêu em." Đôi mắt Chiêng lờ đờ ngây dại: "Em sẵn sàng dâng hiến."

Thế nhưng không phải lúc nào cũng dùng ngôn ngữ đôi tay, tôi nhờ thằng Thạch Sơn làm thông dịch. Mỗi lần như vậy, tôi trả công cho hắn bằng hai bao thuốc lá. Tôi ôm Chiêng bên này vách liếp, Thạch Sơn ngồi bên kia vách. Chúng tôi nói gì, hắn nghe và dịch lại.

Vài ngày sau, Thạch Sơn nói: "Tôi thà nhịn thuốc, chứ không làm thông ngôn nữa."

Tôi hỏi: "Sao vậy?

"Chịu không nổi."

"Công việc khỏe re. Có gì nặng nhọc đâu?"

"Nói thiệt, nghe tiếng thở hổn hển của con Chiêng như người sắp đứt hơi, tôi muốn điên lên."

"Ai bảo mày để ý chuyện đó làm gì?"

"Tôi cũng là con người, đâu phải cái máy vô tri giác."

Thạch Sơn không chịu làm thông dịch nữa. Tôi và Chiêng tiếp tục đóng "phim câm" cho đến ngày tiểu đoàn chuyển vùng hành quân về đồn điền cao su Mi Môt. Từ đó, tôi mất liên lạc với Chiêng. Nhưng đi đâu tôi cũng nhớ mùi da thịt của Chiêng. Cái mùi bùn non ngai ngái của Chiêng và cô gái Thượng trên vùng Tây Nguyên là một. Và hôm nay nữa, cái mùi của người đàn ba da đen nơi phi trường Fort Worth, dù đã pha trộn với mùi nước hoa, tôi vẫn còn nghe phảng phất một chút gì cái mùi của hai người ngày xưa ấy.

Lâm Chương

cuối cùng, không còn lại

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Tôi hỏi lý do tại sao Luận xin trọ tạm nhà tôi một khoảng thời gian, Luận triết lý ngắn gọn, để làm lại cuộc đời. Tôi gắt gỏng qua dây nói:

- Cái tuổi của mày, ngoài bốn mươi rồi mà không chịu lập gia đình, cứ hoang đàng, phóng túng như vậy...

Luận cướp lời:

- Đứa nào nói anh là em hoang đàng, phóng túng?

- Không có "đứa nào" ở đây, nghe chưa? Kiểu sống của "của" cậu, trong gia đình ai lại chẳng biết? Bạn bè của mày đâu rồi, sao không nhờ chúng nó?

Luận cười lớn, tiếng cười có âm dội như thể chúng tôi đang đứng trong hang động, cái hang động dành cho những kẻ có ý định nhập thất. Tự dưng, thoắt cái, tôi nảy ra ý nghĩ so sánh kỳ quặc này.

Luận nhẹ giọng như than:

- Ngoài này chỉ còn có anh em mình, còn ai nữa đâu mà "gia đình?"

Tôi còn bối rối vì những tư tưởng lạ lùng quấy nhiễu thì Luận đã mau mắn tiếp lời:

- Mà chữ "đình" có liên hệ gì với chữ "gia" vậy anh?

Luận phân trí tôi chớp nhoáng. Tôi lưỡng lự:

- Ừ, mày hỏi, tao mới thấy ra. Cái "đình" với cái "nhà" ở làng quê Việt Nam mình lúc nào cũng gắn bó mật thiết... Có lẽ từ đó mà ra.

Luận ví von:

- Thứ em đang cần là một mái nhà, có kẻ ra người vào mỗi ngày, còn miễu đình mỗi năm chỉ cúng lễ tấp nập một lần. Em sợ những dịp lễ lạc kiểu ấy, vì sau khi hương tàn nến lạnh, không khí mới thật sự âm u.

Tôi cười hắt. Giọng cười nghe như nhát chừng, dè dặt:

- Mày học nói văn hoa màu mè ở đâu vậy?

- Đầu tháng tới em bắt buộc phải dọn ra.

Luận đổi đề tài như trở bàn tay, như thời tiết nắng mưa, ấm lạnh chóng vánh nơi đây. Tôi bảo, để bàn lại với chị dâu mày. Nghe vậy, Luận biết tôi ưng thuận, mau mắn cám ơn rồi kết thúc mẩu đối thoại như sợ tôi đổi ý.

Vẻ mặt Hạnh thoáng ngạc nhiên khi nghe tôi thuật lại lời cầu xin của Luận. Nàng hỏi tôi về việc làm hiện thời của Luận. Nó không kể, tôi cũng quên hỏi. Trước đó nó là nhân viên trong một văn phòng du lịch. Hạnh bàn, nhà mình chỉ còn cái phòng trống dưới hầm, để em dọn dẹp lại cho gọn gàng. Chú ấy định ở trọ bao lâu, nàng hỏi. Chắc không lâu, tôi đáp rồi chặc lưỡi trách cứ vu vơ, cái thằng già đầu mà ăn chưa no lo chưa tới. Vợ tôi cười khẽ, khó đoán nàng nghĩ gì. Có điều, tôi biết rõ, Hạnh không phải là người phức tạp, so đo, tính toán. Đôi lúc tôi nhận thấy nàng hiền lành, đơn giản tới độ gần như vụng về. Tôi không vậy. Tôi thường có những suy tư trăn trở, lắm lúc bắt tôi phiền muộn vô cớ. Như mới nãy, trong khi chuyện vãn với Luận, ngẫu nhiên tôi tưởng ra hai đứa tôi đang đối diện nhau trong một hang động nhấp nhô vệt sáng từ khe hở mở ra vòm trời mênh mông. Một nơi chỉ có anh em chúng tôi, với thỉnh thoảng tiếng nước rỉ giọt xuống hõm thạch nhũ tách, tách... Âm thanh va vào vách đá, cộng hưởng thành đợt hồi tưởng bập bềnh mảnh vụn...

Tuổi chúng tôi cách nhau năm một, tâm tính nhiều điểm bất đồng, nhưng có nhiều gắn bó trong quá khứ: thuở nhỏ học cùng trường, đi về chung mỗi ngày. Tôi sống động, bất chấp như ve; Luận nhu mì, cần cù như kiến. Sau tú tài đôi, tôi ra nước ngoài; Luận ở lại, nhập ngũ. Vài năm sau chiến tranh, Luận đi tù cải tạo, được thả rồi vượt biên. Hôm chúng tôi gặp lại ngoài phi trường, tôi mủi lòng chảy nước mắt khi thấy nó đen, ốm, dễ vỡ như gỗ mục. Tia mắt Luận lóe lên một thoáng, như tích tắc ngắn ngủi nhận diện người thân, rồi gấp mặt xuống vai tôi, đón bắt hơi hướm thâm tình. Chỉ vậy thôi.

Luận tới sống với gia đình tôi trong khoảng thời gian đầu. Lúc ấy tôi và Hạnh vừa chính thức kết hôn chưa tròn năm. Việc làm của tôi theo hợp đồng ngắn hạn. Đời sống bấp bênh như thuyền con trong biển lớn. Căn nhà mướn ba phòng nhỏ chật. Luận phải ngủ trong phòng làm việc mười thước vuông. Ngày ngày tôi đi làm, thường khi chập choạng tối mới về. Hạnh đang mang thai con so, thêm gánh nặng chợ bếp, tâm tính buồn vui

bất chợt. Có thêm Luận, tôi ngại Hạnh đảm đương không xuể, vì tôi biết rõ bản sắc thằng em, bừa bộn hơn là ngăn nắp. Không ngờ, chỉ sau một khoảng ngắn Luận về sống chung, tôi để ý thấy Hạnh tươi tắn hơn trước. Nàng chỉ than phiền, thường khi trước mặt Luận, chú Luận hút thuốc nhiều quá, hại sức khỏe. Luận nại cớ, em tập tành hút thuốc và thiền tập trong mấy năm tù cải tạo. Tôi trợn mắt:

- Mày? Tập thiền?

Luận cười nhỏ nhẻ:

- Cho đỡ đói.

Hạnh bông đùa:

- Ở đây có ông thiền sư dạy thiền bảy món: đi, đứng, ngồi, nằm, ôm, lúc rửa chén, khi điện thoại.

Tôi bất chấp:

- Cả những khi tắm rửa, bài tiết, làm tình.

Hạnh lườm mắt nhìn tôi. Luận cười hề hà, tại sao không?

Có lần, vào giường nằm, Hạnh thủ thỉ:

- Chú Luận bớt hút thuốc rồi anh ạ!

Tôi trở lưng, vuốt ve chóp bụng Hạnh căng tròn, ậm ừ không nói. Hạnh khúc khích trong bóng đêm:

- Có vẻ như chú ấy tiêu tiểu lâu hơn trước, chắc thiền bài tiết.

Tôi đập khẽ lên bụng nàng, giọng nhừa nhựa:

- Em bỏ tật rình lỗ khóa, được không?

Hạnh "hứ" một tiếng, xoay qua hướng khác. Tôi áp mặt vào tóc nàng, thở ra hít vào, miệng láp dáp:

- Anh đang thiền tóc... Tóc em sợi cứng sợi mềm. Nửa đêm trăng lặn, anh thèm sợi tóc mai.

Hạnh làm thinh. Tôi biết nàng không giận, chỉ ngượng vì lời lẽ tôi thiếu tế nhị. Tôi làm lành bằng cử chỉ ve vuốt. Bụng nàng đã tám tháng, bác sĩ sản khoa không đoán được trai hay gái, vì thai nhi nằm sấp. Tôi lặp lại câu nói quen, trai gái gì cũng được, miễn sao khỏe mạnh, lành lặn. Những khi chúng tôi làm chuyện vợ chồng, Hạnh luôn miệng nhắc, nhẹ thôi, mạnh quá, tội nghiệp con. Tôi quen thói lớn tiếng sảng khoái khi xuất tinh. Hạnh bịt miệng tôi lại, sau đó dặn dò, có mặt chú Luận, anh điều chỉnh âm thanh nhỏ lại. Tôi nảy ra sáng kiến, mở nhạc những lúc đó. Nhiều lời hát tầm nhập trí tôi, lẫn lộn, không đầu đuôi. *"... Nhiều khi bỗng như trẻ nhớ nhà, về giữa phố xưa tôi quì... Chút nắng vàng từ đây cũng vội, khép lại từng đêm vui... Tinh ra có khi còn nghe..."* Hạnh chê tôi có trí nhớ kém. Làm

sao nhớ được trong giây phút mặn nồng căng thẳng đó?

Những ngày Hạnh vào nhà hộ sinh, khuya, tôi trăn trở chiêm bao. Thấy mình trở thành đứa trẻ về lại quê nhà mùa nắng cháy. Nhưng tôi không quì giữa phố, mà dò dẫm ra vườn thăm lại những gốc cây, bụi cỏ thân thiết thuở ấu thời. Trưa vắng. Không gian tịch mịch, nặng trịch hơi nước. Cây trứng cá rụng trái đỏ đầy sân. Đột nhiên, vẳng lại từ xa, tiếng nước đổ ầm ì. Tôi tươi mặt nhận ra thác nước trong bài hát những đêm tôi thận trọng trên bụng Hạnh tám tháng. Và không khỏi nhớ lại cảnh tượng tôi đứng cầm tay nàng lúc thai nhi chào đời. Máu hòa nước ối xối xả bụng dưới. Hạnh cắn răng, tống khứ cái đầu trẻ sơ sinh lầy lụa chất nhờn khỏi khe bụng. Nàng làm tôi rặn theo vô ý thức. Giọng ông bác sĩ đỡ đẻ hỗ trợ. Hạnh dốc sức đẩy nhúm thịt ra ngoài. Bà phụ tá nhanh tay hứng sinh vật nhăn nheo đỏ hỏn, nắm chân dốc ngược. Vài tiếng ngo ngoe yếu ớt vang lên, khởi hành đoạn hành trình nhân sinh. Tôi cầm khăn chặm mồ hôi tươm dòng trên trán Hạnh. Hai mắt nàng ánh lên tia sáng mong đợi, khóe môi nhếch cười toại nguyện. Khoảnh khắc đó, bất thần tôi nghĩ tới những lần chúng tôi ân tình. ÝÔ tưởng không đúng thời, không phải chỗ, nhưng thực tế là như vậy. Nơi Hạnh tiếp nhận da thịt tôi cũng là nơi nàng cho ra đời thịt da mới. Điều so sánh chẳng có gì tân kỳ, nhưng với tôi, nó mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Bà phụ tá ẵm đứa nhỏ bọc khăn trắng tới đặt lên ngực Hạnh, nở miệng cười:

- Chúc mừng ông bà, một bé trai.

Ngấn mắt Hạnh lóng lánh ướt. Tôi xúc động, không thốt ra chữ, lâu sau mới lí nhí được lời cám ơn.

Bữa đó tôi mua bia về nhà, ăn mừng với Luận. Nó tháo vát không ngờ, nhanh tay làm món nhắm, tôm khô với dưa chuột ngâm giấm. Những ngày tiếp đó, Luận trổ tài nội trợ, nấu những món thuần túy dành cho đàn bà đẻ, cho tôi đem vào nhà hộ sinh. Khẩu vị Hạnh không hợp với thức ăn bản xứ, vì vậy thấy tôi mang tới, lúc thịt heo nạc kho quẹo lúc giò lụa muối tiêu rang lúc canh mướp thịt bằm, toàn đặc sản quê nghèo, nàng ưa lắm, ăn uống tận tình. Hỏi ra, biết Luận trổ tài, Hạnh trầm trồ không tiếc lời.

Không rõ, có phải nhờ vậy mà chỉ hai ngày sau, Hạnh hồi sức, được phép bồng con về nhà. Tôi xin nghỉ phép một tuần, ở nhà chăm sóc vợ con. Đó cũng là khoảng thời gian tôi biết rõ tính khí Luận nhiều hơn trước. Đếm lại, chúng tôi xa nhau xấp xỉ mười lăm năm. Đủ lâu để tôi không còn nhận ra cá tính thằng em trai. Những biến động ở quê nhà hẳn đã ít nhiều ảnh hưởng tới điều đó.

Một lần, trong cuộc rượu vụn, tôi dọ dẫm:

- Sang đây rồi, mày có những dự định gì?

Luận chần chừ:

- Thì... cũng như người khác, học tiếng, học nghề rồi tìm việc làm.

Tôi vặn vẹo:

- Mày định học nghề gì?

Luận đáp gọn:

- Em không thích làm bồi hay phụ bếp quán ăn, mà thích làm một việc gì đó có giờ giấc nhất định.

Nói tới đó, hai mắt Luận bật sáng:

- Đời người ngắn ngủi, hưởng thụ cái đã.

Rồi, nó nhếch môi cười vu vơ. Tôi nhận ra trong ánh mắt, giọng cười cái bản sắc cố hữu của Luận thuở nào. Hạt giống ấy chỉ cần một cơn mưa ấm là nẩy mầm, bung lá. Quê hương tôi, tuy mưa hiền nắng ấm, nhưng lòng người khắc nghiệt, vẫn chưa phải đất lành.

Không đợi tôi có ý kiến, Luận đã kể lể:

- Những năm tù cải tạo đã bắt em suy nghĩ nhiều điều và thấy rõ chính mình hơn trước. Sống không vì mục đích cao cả nào, miễn sao đừng làm tổn thương đến đời sống cá nhân của kẻ khác.

Tôi chép miệng:

- Mày lý tưởng, mơ mộng nhiều quá, không tốt.

Luận cười vô tư:

- Anh cho như vậy là mơ mộng sao?

Tôi đập nhẹ lên vai Luận như thể vỗ về, vắn tắt:

- Thực tế hơn chút xíu, được không?

Luận không nói gì thêm, nâng ly chúc mừng tôi có con trai đầu lòng. Tôi đắn đo mấy chuyện vặt vãnh, chẳng hạn, không biết nên đặt tên con là gì. Tôi và Hạnh đã nhiều lần bàn tính chuyện này. Không lần nào tìm ra mẫu số chung. Hạnh thích có con gái đầu lòng. Tôi muốn một đứa con trai, để cha con đi xem đá banh, đi xem triển lãm xe gắn máy, xe hơi và chơi những trò mà đàn bà con gái ít khi ưa chuộng. Giờ đây, ước muốn tôi đã thành sự thật. Tôi vui sướng, hãnh diện và lo lắng cùng lúc. Tôi sợ mình không kham nổi bổn phận dạy dỗ.

Hạnh rầy rà lấy lệ khi nghe tôi bày tỏ nỗi lo. Nàng nhỏ nhẹ, phải dung hòa anh ạ! Dễ dãi quá, khó dạy con. Khó khăn quá, nó trách mình. Tôi chắt lưỡi so đo, có vậy mới thấy phục ông bà cha mẹ mình lúc trước ở quê nhà. Chưa có phương tiện ngừa thai, ai cũng con cái đùm đống, vậy mà tảo tần

nuôi nấng, rồi cũng xong. Hạnh góp ý, anh chỉ nói tới hoàn cảnh tương đối thuận lợi của gia đình anh trong xã hội. Có biết bao tầng lớp bần cùng, chịu nhiều thiệt thòi khác. Với họ, kế sinh nhai là một vấn đề nan giải, nói chi tới chuyện giáo dục. Tôi im lặng, ngấm ngầm cho Hạnh có lý. Và không khỏi tự hỏi, tại sao đời sống có những phân biệt này?

Hạnh thường lắc đầu than thở, rằng tôi ưa nghĩ ngợi xa vời. Tôi gật đầu an phận, ông trời ban cho anh tính nết vậy, chịu thôi. Khoảng thời gian có Luận sống chung, Hạnh càng nhận ra tâm tính dị biệt giữa hai chúng tôi. Hạnh nói thẳng:

- Tính anh với tính chú Luận khác nhau như trời vực.

Tôi lan man:

- Thuở nhỏ anh với nó hầu như cái gì cũng giống. Tóc gáo dừa hớt một kiểu, áo quần y hệt như anh em sinh đôi, chỉ có sở thích hoàn toàn khác nhau. Anh thích chơi bắn đạn, tạt hình, đá banh, còn Luận ưa vít dây thun, búng hột me, thậm chí còn nhảy lò cò, đánh đũa với chị và đám con gái lối xóm.

- Anh với chú ấy có khi nào đánh nhau?

- Chưa bao giờ. Anh chị em nhà anh hiếm khi cãi vã, giận hờn, nói gì tới đánh nhau.

- Cha mẹ anh khéo dạy con.

- Ông bà san sẻ tình thương công bằng cho bầy con.

Hạnh lý luận:

- Người ta chỉ làm được chuyện đó khi đời sống vật chất ổn định, có thì giờ để ý tới con cái.

Không dưng tôi mỉm cười, man mác tưởng lại:

- Đã vài lần Luận nói với anh, nó có cảm tưởng ba thương anh nhiều hơn thương nó.

Hạnh thở ra:

- Tâm lý trẻ con đó mà!

- Trẻ con gì, bây giờ Luận vẫn còn nghĩ như vậy.

Tôi không khỏi liên tưởng nét mặt Luận khi bày tỏ ý nghĩ trên. Không buồn, không trách cứ, mà phảng phất điều gì như ngượng ngập. Tôi đoán chừng, Luận sợ nói ra sẽ làm méo mó hình ảnh ruột thịt thiêng liêng. Cha mẹ chúng tôi qua đời đã nhiều năm. Theo tập quán gia đình, tôi không cúng giỗ, chỉ đóng khung ảnh cha mẹ dặt trên bàn tưởng niệm. Và quan trọng hơn hết, là tưới tẩm những hình bóng quá vãng luôn tươi sắc trong tâm khảm mình.

*

Tháng năm, từ dạo đó, thản nhiên trôi qua. Hai con tôi giờ đã lớn. Mỗi năm đôi ba bận, nhân sinh nhật chúng, Luận tạt ngang, trao quà. Hối hả như sợ lỡ chuyến xe cuối cùng trong ngày. Thảng hoặc vợ chồng chúng tôi nhắc tới Luận, hoàn toàn ngẫu nhiên. Hạnh am tường đời tư Luận hơn tôi. Khó đoán nổi nàng nghĩ gì qua khóe cười tủm tỉm:

- Chú ấy làm việc siêng năng, giỏi giắn, hội nhập trơn tru như thoa mỡ.

Tôi gặn hỏi:

- Nó nói gì với em?

Hạnh ậm ừ:

- Thì... lẩn quẩn mấy chuyện ở văn phòng, và... tình cảm lăng nhăng.

Hạnh khiến tôi tò mò:

- Có gì lạ không?

Hạnh ra vẻ quan trọng:

- Có chứ anh. Dịp nào, em sẽ kể anh nghe!

Rồi, vì những lo toan thường nhật, tôi quên đi như quên những giấc mộng vá víu, không đoạn kết. Chúng nhem nhuốc cảm xúc, hụt hẫng, vô màu như thứ dục tính không nhằm đối tượng. Tôi chấp nhận và bằng lòng với đời sống mình, chưa một lần cất tiếng than van. Nhưng tôi biết, thâm tâm mình vẫn còn một gian trống trong lâu đài thênh thang, rực rỡ ánh sáng những ước vọng không thành, thỉnh thoảng tôi vẫn rảo chân dạo chơi. Nhiều cánh cửa mở rộng cho tôi vào ra linh hoạt. Duy cánh cửa căn phòng cuối hành lang vẫn đóng kín. Chìa khóa ấy, tôi cất giữ trong tâm tưởng, như điều bí mật của riêng mình. Nỗi khát vọng gì vậy?

Một hôm, Hạnh gọi vào chỗ tôi làm việc, nhờ tôi chiều nay ghé ngang siêu thị mua vài thứ gia vị nhà không còn. Cuối năm trời tối sớm. Mưa tuyết lất phất, không đủ khoác tấm áo mùa đông cho phố phường. Chật vật một đỗi khá lâu, tôi mới tìm được chỗ đậu xe. Vừa tắt máy, toan bước ra thì tôi thấy loáng thoáng một dáng đi quen, tán dù đen che ngang đầu. Luận. Không phải một mình. Bụi tuyết bám mờ kính xe, tôi không nhìn rõ. Tôi đẩy cửa xe, toan lên tiếng gọi thì hai lưng áo sẫm màu đã lẫn vào đám đông xuôi ngược. Tôi dáo dác quanh quất. Những khuôn mặt trơ lạnh, những bước chân tất tả. Mùi rượu vang nấu hồi và đinh hương chua nồng. Hương va-ni và đường cháy ngan ngát. Đã nhiều năm tha hương, tôi vẫn thấy mình như hóa trang trong dòng đời bản xứ.

Có lần sau đó, Hạnh ngần ngừ kể tôi nghe vài khía cạnh đời tư của

Luận. Trời ạ, thằng em tương thân của tôi giờ đây đổi thay như vừa trải qua một cuộc phẫu thuật hiện đại, về ngoại hình lẫn tâm lý. Phải trực diện với nó một lần mới rõ trắng đen.

Luận rất mực ngạc nhiên khi tôi gọi điện tỏ ý muốn gặp. Chỗ hẹn là một quán cà-phê bánh ngọt trong ngõ hẹp phố chính. Nơi này, trước kia, tôi và Hạnh thường hò hẹn. Nàng thích món bánh táo rắc hạnh nhân bào mỏng và đường quế. Tôi hạp khẩu với loại bánh trái cây nhân kem có mùi chanh. Cà-phê không có vị đặc biệt. Tôi thích vì bầu không khí yên tịnh, ấm cúng. Vào những dịp lễ lớn cuối năm, quán đông khách, nhưng không có vẻ tất bật của một kẻ không kham nổi thời khóa biểu. Có điều lạ, khách tới lui không phải chỉ những người cao tuổi với động tác mẫu mực, khuôn sáo. Tôi thường gặp nhiều cặp tình nhân trẻ trung chuyện trò âu yếm nơi bàn hai chỗ ngồi, trong góc quán vàng mờ ngọn nến con. Nhiều cửa sổ rộng chưng cây cảnh, giăng màn voan màu huyết dụ. Những khung kính trông ra ngõ hẹp dông dốc lên ngôi nhà cổ ghi bảng xây gần nửa thế kỷ trước.

Mỗi khi tới đây, tôi đều có cảm tưởng mình vừa lấn qua lằn ranh thời gian, ngược dòng quá khứ. Còn hơn thế nữa, là kẻ đang trà trộn vào trò chơi úp mở của tạo hóa. Một lần mở ra là một kỷ nguyên khác. Cứ vậy luân phiên. Những thời đại, những chủng tộc, những bản sắc hiện ra rành rành trên mỗi khuôn mặt, qua từng ngôn ngữ, lưu dấu chưa phai trên từng viên gạch xây tường, từng viên đá nhẵn ngụi bàn chân giẫm.

Luận tới trễ mười lăm phút, cao giọng phiền hà khó kiếm chỗ đậu xe. Tôi đã gọi cho mình một tách trà đen ăng-lê sữa đường. Tôi để ý ngắm Luận. Nó tháo khăn ni đỏ quàng cổ, cởi áo da máng vào lưng ghế. Tôi thấy cổ tay nó đeo vòng chuỗi hạt trắng đục như sữa.

- Mày đeo những thứ này à?

Tôi nhăn mặt hỏi. Luận kéo ghế ngồi, chìa tay tới trước mặt tôi, giãi bày:

- Bạch ngọc đó anh! Tuổi em hợp với loại đá này. Đeo để tăng sinh lực.

- Mày mê tín từ khi nào vậy?

- Sao lại mê tín? Nếu nó không đem lại hiệu quả thì cũng không có ảnh hưởng xấu.

Tôi lặng thinh. Luận gọi một ấm cà-phê con và một phần bánh táo. Hạnh có lý. Luận không còn là một gã trẻ tuổi suy dinh dưỡng, kiệt quệ tâm lý đến từ một xứ đầy dẫy những trại tù cải tạo của nhiều năm trước, mà đã chóng vánh gột tẩy trở thành một nhân tố đồng dạng trong xã hội

văn minh. Đầu tóc Luận cắt khéo, râu hàm cạo sạch, viền đậm màu da mặt nâu đỏ, khoe mạnh. Tôi không khỏi tự hỏi, bằng cách nào mà Luận biến dạng nhanh chóng vậy?

Tôi buột miệng:

- Trông mày khác nhiều.

Luận cười khẽ:

- Hơn năm năm rồi anh.

- Không phải ai cũng như mày.

Luận nhíu mày:

- Anh nói như trách.

- Việc làm, sức khỏe, đời sống mày hiện giờ ra sao? Lâu không nghe mày gọi điện, cũng không thấy mày tới thăm, anh mày đâm lo.

- Không tin tức có nghĩa tin lành.

Tôi bực bội:

- Đừng lý luận với tao. Chị dâu mày kể lại...

Luận ngắt ngang:

- Việc làm tốt, sức khỏe khả quan, chỗ ở ổn định. Chị Hạnh nói gì với anh?

Tự dưng tôi ngập ngượng. Những định kiến gai góc lởn vởn trong trí. Luận giơ tay sửa lại cổ sơ-mi màu vàng rơm lật ngoài áo len trắng muốt có những ô hình thoi màu nâu hạt dẻ. Cử chỉ và cách phục sức của Luận, thật ra, không có gì diêm dúa, nhưng tôi vẫn thấy chúng phô trương, lộ liễu. Không như tôi, quanh năm dày tháng, cởi ra mặc vào những bộ áo quần với dăm ba màu sắc nhất định. Những trang phục do Hạnh chọn mua theo ý tôi. Khác, không bao giờ tôi đụng tới.

Tôi không trả lời câu hỏi Luận, xắn một mẩu bánh, lặng lẽ nhai. Luận rót thêm cà-phê vào tách, khuấy lanh canh. Những móng tay Luận đều đặn, cắt dũa gọn gàng. Chúng bắt tôi có lúc rón rén lướt mắt lên mấy ngón tay mình. Làm biếng, chưa cắt. Tôi nhớ lại thuở nhỏ, không hiểu sao, mười đầu móng tay lúc nào cũng đen bẩn, tôi thường lấy tăm tre cạy đất. Giống như lúc tôi trật ngược túi áo, tần mần gỡ sạch bụi bặm và vụn bánh li ti. Cảm giác những lúc đó thích thú kỳ lạ. Không biết Luận có nhớ những chi tiết ngộ nghĩnh ấy?

Giọng Luận trầm trầm:

- Đã có lần em nói với anh, đời người ngắn ngủi, hưởng thụ cái đã, miễn sao đừng va chạm, tổn thương tới kẻ khác. Em đang thực hành điều đó bằng phương tiện vật chất do chính công sức em làm ra. Em không phải người tu

hành. Em sống, trước tiên cho mình. Em ăn ngủ với những người em thích. Ai nói gì, kệ họ. Em bất chấp luật lệ của số đông. Em đang sống tại một nơi mà quyền lợi cá nhân được tôn trọng, thì tại sao em lại giấu giếm bản sắc mình? Vài chục năm trước, đâu ai nghĩ rằng sẽ có một ngày những người cùng phái được phép ra sở hôn thú ký giấy sống chung với nhau?

Tôi bắt bẻ:

- Ở Trung Đông và Hoa Lục, bắt được, bị xử tử.

Luận bĩu nôi:

- Tội nghiệp cho những đầu óc đựng toàn sỏi đá.

- Mày thay đổi từ khi nào vậy?

- Tại sao lại thay đổi? Nó là bản tính, là nhiễm sắc tố trong mỗi tế bào da thịt, trong từng sợi lông, chân tóc.

Tôi thấy vẫn còn điều gì không ổn, nhưng biết nói ra sẽ không giải tỏa được gì, đành làng qua chuyện khác:

- Mấy ngày nghỉ lễ, mày có dự tính gì chưa?

- Chắc giống như mọi năm, tới nhà bạn hoặc rủ bạn về nhà, nấu nướng, đi dạo và nghỉ ngơi.

- Nếu thích thì tới nhà tao chơi. Hạnh và mấy đứa nhỏ nhắc tới mày luôn.

Luận ngập ngừng:

- Em không thể để bạn một mình.

- Thì dẫn nó tới!

Giọng Luận ngờ vực:

- Thằng bạn của em không ăn được nước mắm.

- Thì pha cho nó một tô nước tương, khó tính.

Luận cười ra tiếng. Tôi thong thả hỏi thăm thêm nhiều chuyện khác, thỉnh thoảng chêm vào một vài lời khuyên cho đúng bổn phận. Rồi chúng tôi mềm giọng ôn lại vài chương dĩ vãng chung thời niên thiếu.

Lúc chúng tôi rời quán, phố phường đã rực đèn. Tôi siết lấy lưng Luận, từ giã. Khứu giác tôi đằm đằm hương đường cháy những hàng quà bánh đón lễ cuối năm. Luận đi khỏi, tôi thong thả bước ngược lên con dốc. Dấu chân tôi giẫm lên mặt mặt đá xanh nhẵn nhụi. Tôi ngước mặt nhìn ngôi nhà cổ in bóng lên nền trời xanh thẫm, và thấy ra lý lẽ sau cùng của đời sống. Không có.

Ngô Nguyên Dũng
(tháng 12.2005)

NHƯ THƯƠNG

tràn ánh trăng

Anh lướt nhẹ phím đàn
Trên thân người trinh nữ
Sẽ có một từ ngữ
Trong trái tim cưu mang
Yêu

Anh nâng bậc cung đàn
Môi tìm lời minh họa
Mắt em chợt nhạt nhòa
Lời tỏ tình trần gian
Hôn

Anh tìm nốt lặng ngân
Cho cung đàn ân ái
Cho ngày sau còn lại
Anh và em sẽ gần
Tình

Anh để lại dư âm
Trong mắt nhìn đắm đuối
Trong vòng tay bối rối
Một ngôn ngữ lặng câm
Nhớ

Mai dầu đời cách ngăn
Vẫn nhớ nồng hơi thở
Ngày tình yêu hé mở
Song cửa tràn ánh trăng

Như Thương
(Viết cho một cung đàn 18/8/05)

đôi giầy

NGỌC ANH

Sơn nhìn thèm thuồng đôi giầy ủng Lương đang mang trên chân, ước gì nó nằm trên chân mình. Sơn nghĩ, giá mà ngay lúc này Lương chịu đổi đôi giầy ủng lấy đôi giầy thể thao của Sơn, thì Sơn, chẳng những đổi mà còn hết sức cám ơn Lương. Nhưng mặc cho nỗi ao ước của Sơn, Lương như không biết hay giả vờ không biết, vẫn tiếp tục lúc đi, lúc ngừng để chờ Sơn hoặc có lúc phải níu tay Sơn, trở thành chỗ vịn hay tấm chắn giúp cho Sơn khỏi ngã.

Đôi giầy ủng trên chân Lương là đôi giầy ống rẻ tiền, có lẽ chỉ đáng giá vài chục ngàn bạc mà nếu đổi ra tiền đô thì chỉ vài đô, bất cứ những ngôi chợ miền núi nào như chợ Sapa đều có bán. Nó khá thông dụng, được dùng để đi rừng, làm rẫy, lội nước hay băng qua những con đường đất lầy lội vào mùa mưa, mà ở thành phố Sapa nhỏ bé này lại thường xảy ra những cơn mưa bất thường và dai dẳng.

Trong khi đó, đôi giầy của Sơn là giầy thể thao hiệu Puma đắt tiền, được bày bán ở Mỹ trong những cửa hàng chuyên bán những hiệu giày nổi tiếng. Sơn đã chọn giữa hàng trăm đôi giầy thể thao, giá từ bạc chục đô đến bạc trăm đô, cuối cùng đã trả hơn trăm rưỡi đô để mua nó. Nó được tiếng tốt về độ êm ái và bền bỉ nên Sơn mang nó lúc chơi thể thao và đi bộ kể cả việc lội bộ đường dài. Thật ra mới trông qua, đôi giầy không có gì đặc biệt, không có vẻ gì là giầy đắt tiền - cũng màu trắng với vài đường chỉ màu đen chạy dọc một bên hông đôi giầy tương tự như những đôi giầy hiệu Nike hay Adidas... và không khác lắm so với những đôi giầy rẻ tiền hơn cũng hiệu Puma với hình cọp xoãi chân. Có điều Sơn vốn thiên về phẩm, đặc biệt quan tâm đến sự thoải mái của đôi chân, lại biết tính mình năng động, ưa xê dịch, suốt ngày nếu không đi cũng đứng, chẳng khi nào chịu ngồi yên, trừ lúc ngủ hay lúc bị bó buộc phải ngồi tham dự những buổi họp của sở làm, mà có khi Sơn là diễn giả, lúc là dự thính viên, nên đôi giầy êm ái luôn luôn là nỗi ám ảnh. Bởi vậy, trước khi trả tiền mua bất cứ đôi giầy nào, Sơn luôn luôn xét đến độ bền và êm của giầy.

Có thể do sự cẩn thận quá đáng đối với những đôi giầy, nên Sơn không có nhiều giầy, nhưng đôi nào ra đôi ấy, và cũng vì thế ít khi Sơn mua lầm

giầy. Hầu như từ ngày bắt đầu ra đời tự lập, Sơn đã có thói quen tự chọn giầy và chọn thật kỹ những đôi giầy của mình từ giầy mang thường ngày đến giầy thể thao dành đi chơi *golf* hay đi tập thể thao, chạy bộ. Có thể vì thế, trong những lần đến tiệm chọn giầy, hết xem đôi này lại đòi xem đôi khác nên khá nhiều lần Sơn bắt gặp ánh mắt kém vui của những người bán giầy. Sơn không trách họ vì tự hiểu mình khá bất thường hay lập dị đối với việc chọn giầy; do đó, lắm lúc Sơn đã cố gắng giới hạn thời gian chọn giầy bằng cách tìm hiểu về những đôi giầy trên mạng *internet*, dẫu vậy việc mua giầy của Sơn vẫn kéo dài hơn những người mua giầy dễ tính khác. Bù lại, khi đã chọn được đôi giầy vừa ý, Sơn sẵn lòng trả tiền cho đôi giầy dầu đôi giầy có giá quá đắt. Và với lắm nỗ lực dành cho những đôi giầy, điều lợi mà Sơn được hưởng là tránh chịu đựng một đôi giầy không vừa ý, quá rộng hoặc quá chật, hay thiếu êm ái. Bằng chứng là đôi Puma Sơn đang mang trên chân. Sơn đã có rất nhiều dịp để mang nó, từ những lần chơi *golf*, lúc đi bộ kể cả đi bộ đường dài, đôi giầy đã chứng tỏ là người bạn đồng hành rất tốt của đôi chân. Những lúc mang nó, Sơn có cảm tưởng đôi chân như dẻo dai hơn, có thể vận dụng đôi chân lâu hơn.

Thế mà giờ đây, chính vì đôi giầy, Sơn không ngớt chịu khổ sở. Sơn nhìn xuống đôi giầy mình đã từng rất thích một lần nữa. Trông nó thảm hại làm sao! Trước đó độ nửa tiếng đồng hồ, nó trông trắng trẻo, sạch sẽ như thế, mà giờ đây thật chẳng giống bất cứ đôi giầy nào! Nó vừa ướt nhẹp vừa lem luốc vì màu đất đỏ; tệ hơn nữa, đế giầy được cơi cao thêm mấy phân bởi lớp đất sét đỏ đã bám chặt như keo, và mặc cho Sơn cố gắng chùi chân vào đá, vào cỏ, vào bất cứ vật gì xuất hiện trên đường khả dĩ làm giảm đi được lớp đất, và lắm lần giẫm mạnh chân trên đường cho lớp đất được sút ra, thế mà nó vẫn nhất định bám chặt vào đế giầy; chẳng những thế với sức nặng của thân hình đè nặng trên đôi gót chân, lớp đất không rời ra, càng dày thêm và nén chặt vào bên dưới gót giầy khiến cho đôi giầy như được đóng thêm một lớp đế khác vừa cao, vừa lởm chởm, gồ ghề.

Đôi giầy càng lúc càng trở nên nặng nề bên dưới đôi chân, còn chân thì mỗi lúc một thêm lạnh vì những hạt mưa bổ mạnh trên lớp áo mưa poncho, mà giờ đây giữa những xếp nếp, những đường nhăn của chiếc *poncho* đã biến thành những những máng xối nhỏ liên tục chuyên chở những dòng nước dội xuống đôi bàn chân có đôi giầy da Sơn đang mang, làm đẫm ướt lớp da ở bên ngoài, làm sũng nước đôi vớ bên trong đôi giầy, hòa với làn gió lạnh ngắt của mùa đông cao nguyên đã không ngớt quật mạnh vào khoảng chân ướt, khiến chân lạnh ngắt và khó chịu. Trong lúc Sơn chịu đựng vì

đôi giầy, thì đôi giầy của Lương, nhờ lớp *plastic*, vừa ngăn được gió, giữ ấm đôi chân, vừa che chở cho chân Lương khỏi ướt. Dưới cơn mưa và chất đất sét dẻo đỏ quánh trên đường, chẳng những giầy không hề hấn gì mà còn đen tuyền và bóng loáng một cách kỳ lạ như thể được trét lên lớp mỡ nên lớp đất sét, dầu rất muốn tung hoành nơi đôi giầy trên chân Lương, cũng đành chịu thua chẳng thể bám vào. Mưa càng nặng hạt, đôi giầy của Lương càng sạch. Màu đen của chất *plastic* nhờ mưa rửa sạch óng lên tựa một đôi giầy mới càng trở nên sự thách thức, khiến nỗi bực mình và ganh tị thêm đầy ứ trong lòng Sơn.

Sơn tức tối lầm bầm:

- Đúng là gặp thứ hướng dẫn viên dởm. Tài giỏi gì mà chỉ một đôi giầy tiện lợi, rẻ tiền dành cho việc đi mưa, cũng không nhắc nhở cho người ta biết mà mua.

Sơn lầm thầm trong miệng, quên đi sự đồng tình của mình với anh nhân viên lễ tân tại khách sạn sau những lời giới thiệu của anh ta về Lương, và sau khi có được khoảng thời gian tiếp xúc với Lương lúc sáng sớm, để chuẩn bị cho chuyến đi bộ đường dài lúc gần trưa vào những bản làng của người thiểu số nằm rải rác quanh chân ngọn núi Fansipan này.

Từ ga xe lửa về khách sạn, lúc đang đứng tại chiếc quầy trong phòng tiếp khách của khách sạn để làm thủ tục nhận phòng, Sơn đã thấy Lương làng vảng, nhưng cứ ngỡ Lương cũng là một trong những anh bồi dọn phòng tại khách sạn, bởi Lương thiếu hẳn dáng dấp quen thuộc của một hướng dẫn viên du lịch như: cao, to, dễ nhìn và quan trọng là vui vẻ hoạt bát; mà ở vùng đất Sapa do nhu cầu khách du lịch, số hướng dẫn viên du lịch từ Hà Nội hay những thành phố lớn đã tụ họp về tạo thành một đội ngũ hướng dẫn viên lành nghề với bề ngoài khá sạch sẽ.

Vậy mà có một người đàn ông bé choắt, mới nhìn qua tựa một chàng trai mới lớn, thiếu vẻ chững chạc của một người đàn ông trưởng thành, lại làm một hướng dẫn viên du lịch ở một nơi cần hướng dẫn viên đủ tiêu chuẩn ngoại hình, thì xem ra khá bất thường. Trông Lương cũng không có vẻ gì là người hoạt bát, nhậm lẹ. Dầu sao nếu chịu khó nhìn kỹ thì biết tuổi anh cũng không quá trẻ như dáng vẻ bề ngoài mà khoảng chừng đã trên dưới ba mươi. Da ngăm đen, có thể vì lý do nghề nghiệp phải ở ngoài trời nhiều, nhưng độ đen của da không che giấu được màu xanh mét lẫn lộn trên làn da mặt, tựa như người bị thiếu máu hay thiếu ăn. Nói chung, nếu không được sự giới thiệu, và nếu phải chọn lựa giữa những người hướng dẫn viên khác, Sơn không nghĩ đến Lương.

Có điều hiện giờ Sơn không còn một lựa chọn nào khác.

Vào dịp Tết, nếu khách là người Việt từ nước ngoài đến Việt Nam, mục đích của đa số là có dịp ăn Tết với người thân còn ở lại Việt Nam, hoặc muốn hưởng không khí thực sự ngày Tết trên quê hương mà vì lý do này hay lý do khác họ đã phải rời bỏ, nên ngày đầu năm ít ai tính chuyện du lịch nhất là du lịch ở một thành phố nhỏ, buồn tẻ và lạnh lẽo như ở thành phố núi này. Riêng khách du lịch ngoại quốc đến Việt Nam hay đến bất cứ một xứ sở nào là cốt ý tìm một số nét đặc thù của nơi đó, nên vào dịp Tết họ cũng muốn ở thành phố lớn để thấy cảnh mua bán hay phong cách người dân bản xứ chuẩn bị ăn Tết, thành ra Sapa cũng không phải là nơi họ chọn đến trong những ngày Tết. Khách ít, nhu cầu hướng dẫn viên không nhiều, nhiều hướng dẫn viên nhân cơ hội này về gia đình ăn Tết trong những ngày đầu năm. Chỉ còn lại rất ít hướng dẫn viên vì những lý do riêng như thiếu tài chánh, không có gia đình hay gia đình ở quá xa không thể nào vừa đi vừa về chỉ trong vòng ba ngày Tết, đành chấp nhận ở lại để đón giao thừa hay ăn Tết cùng những người khách bất thường như Sơn chẳng hạn. Lương nằm trong danh sách những hướng dẫn viên này. Anh nhân viên lễ tân bảo:

- Anh thấy đó, chả có mấy khách đến Sapa vào ngày Tết, cả hướng dẫn viên cũng không ở lại. Anh hên lắm mới gặp được anh Lương, lúc bình thường, một hướng dẫn viên nổi tiếng ở đây như Lương, thường bận rộn hướng dẫn cho những nhóm lớn, ít khi chịu hướng dẫn cho một người.

Đúng như lời của anh nhân viên lễ tân, từ lúc bước chân vào khách sạn đến lúc theo Lương ra khỏi khách sạn, Sơn chỉ thấy lác đác vài khách du lịch người da trắng và riêng mỗi mình Sơn là người da vàng hay nói cho chính xác hơn là người Việt Nam.

Nhìn sự vắng vẻ của khách sạn, với không khí bàng bạc, quạnh quẽ nơi thành phố cao nguyên lạnh lẽo như ở Sapa mà đa phần là dân tộc thiểu số, Sơn mới thấy cái quyết định đến Sapa vào những ngày đầu năm của mình quả thật không bình thường. Mà nghĩ cho cùng thì dường như quyết định nào của Sơn cũng thường mang tính bất thường, từ chuyện mua giầy, đi Việt Nam và luôn cả quyết định rời chốn kinh đô ngàn năm văn vật Hà Nội để leo lên chuyến xe lửa Hà Nội - Sapa đêm 30 Tết, một thời khắc biểu nằm ngay giữa mùa đông lạnh giá của Sapa, thành phố cao nguyên nằm cạnh ngọn Fansipan.

Dĩ nhiên ngay phút đầu biết Lương là hướng dân viên, Sơn đã không mấy tin tưởng lời nói của anh nhân viên lễ tân, cho rằng vì sợ Sơn không bằng lòng anh hướng dẫn viên có dáng dấp không mấy bắt mắt đó, anh ta

đã cố nâng cao giá trị của người hướng dẫn viên này.

Lúc nghe tiếng gõ cửa phòng ngủ, Sơn ngờ khách sạn cho người lên phòng nhắc nhở khách giờ có mặt tại phòng tiếp tân để chuẩn bị cho chuyến đi. Đến chừng mở cửa, thấy Lương, Sơn ngạc nhiên tưởng có chuyện gì hay vì lý do nào đó cần hoãn chuyến đi, vì thông thường cần thông báo điều gì, khách sạn gọi điện thoại cho khách, còn hướng dẫn viên thì đợi khách nơi phòng tiếp tân của khách sạn để đưa khách đi *tour*, ít ai chịu đến gặp riêng khách sớm hơn giờ hẹn để trao đổi dữ kiện về chuyến du hành, hay chuẩn bị cho khách như khuyên khách mua thêm những vật dụng cần thiết nếu khách chưa có để tạo cho chuyến đi được dễ dàng. Trong trường hợp của Sơn, theo lời đề nghị của Lương, nếu muốn, ngay lúc này cách hai tiếng đồng hồ trước giờ lên đường, Lương có thể dắt Sơn ra chợ Sapa cách khách sạn vài đoạn đường để chọn mua áo mưa *poncho*, mà theo lời Lương:

- Trời sáng nay vẫn còn âm u, tốt nhất là tìm mua cho anh một chiếc áo mưa *poncho*. Thời tiết ở đây khá bất thường, nắng đó, mưa đó, có khi mưa dai dẳng cả mấy ngày, gặp những ngày như thế, chỉ có chiếc áo mưa *poncho* mới giúp chịu đựng nổi chuyến đi bộ.

Mà không phải chỉ chiếc áo mưa *poncho*, khi đến chợ Lương cũng không quên khuyên Sơn mua một khăn quàng cổ. Dĩ nhiên, một chuyến đi chỉ sử dụng bằng đôi chân để vào những thôn bản xa xôi, ở đó liên tiếp hai đêm, nên tuy không phải mang theo thức ăn vì đã có khách sạn và Lương chịu trách nhiệm sự đói no của hai người, Lương cũng không quên dặn dò Sơn mang theo quần áo ấm, vật dụng cá nhân như dao cạo râu, bàn chải đánh răng, máy hình để ghi lại những sinh hoạt hay phong cảnh còn đượm nét hoang sơ của đa số người dân ở đây. Chưa hết, Lương còn hứa lúc trở về nếu Lương không bận dẫn khách du lịch khác, thì Lương sẽ đích thân đưa Sơn đi thăm chợ Tình của người Hmong, dắt Sơn đi uống rượu táo mèo, ăn xôi nướng trong ống treà nghĩa là giúp Sơn có dịp thưởng thức thêm nét đặt thù cũng như đặc sản của Sapa... Những lời dặn dò về vật dụng cá nhân cần mang theo, tuy có vẻ tỉ mỉ, nhưng thật ra rất cần vì hai người sẽ qua đêm trong nhà của người dân trong thôn bản, nơi thiếu hẳn những tiện nghi mà khách sạn có thể cung cấp, thì nếu thiếu những căn dặn cần thiết đó của người hướng dẫn viên tận tình và kinh nghiệm, những người khách như Sơn đã sinh sống lâu năm tại những quốc gia có lắm tiện nghi vật chất như Mỹ, sẽ ngỡ rằng một khi đã trả tiền cho chuyến đi, khách sẽ có đầy đủ tiện nghi của một khách sạn mà bỏ lại những vật dụng cá nhân cần thiết để giữ ba lô cho nhẹ. Xét cho cùng, những gì Lương căn dặn không có gì

đặc biệt ra ngoài những chuẩn bị sơ đẳng nhất mà bất cứ một người tính chuyện thực hiện chuyến đi bộ đường dài đều cần nghĩ tới, nhưng chứng tỏ Lương hiểu rõ sự thiếu sót khách du lịch thường vướng phải, thêm vào những lời hứa dắt đi đây đó của Lương tuy không bao gồm trong chuyến đi và chưa thành hiện thực, vẫn thấy ở Lương một người chu đáo, ân cần với khách và rất yêu nghề. Thêm một điều lý thú Sơn khám phá lúc nói chuyện với Lương, ngược lại sự nhận xét ban đầu của Sơn là Lương không mấy hoạt bát; thật ra tuy không nói nhiều, cách nói của Lương khá dí dỏm, có duyên. Ngẫm nghĩ lại Sơn thấy anh nhân viên lễ tân của khách sạn có lẽ đã nói đúng - Lương là một hướng dẫn viên giỏi. Qua khám phá này, Sơn có cảm giác sẽ có được chuyến đi đầy thích thú.

Vậy mà giờ đây chỉ vì đôi giầy, Sơn bất bình với Lương và thấy Lương đã là một hướng dẫn viên tồi và vô trách nhiệm vì tuyệt nhiên không nhắc nhở gì đến việc mua đôi giầy ủng, trong khi tại nơi bán áo mưa Sơn thấy bày bán đủ cỡ giầy ống loại Lương đang mang trên chân. "Hay Lương không biết trước mưa sẽ kéo đến?" Sơn tự hỏi và tự trả lời: "Nếu thế, tại sao Lương lại dắt Sơn mua áo mưa? Tại sao Lương mang giầy ủng thay vì giầy thường? Hay có quá nhiều điều cần nhắc nhở khách, nên Lương đã quên mất việc nhắc mua đôi giầy?" Việc bào chữa cho Lương không làm giảm thiểu sự khó chịu của đôi bàn chân lạnh ngắt vì thấm nước mưa, không làm giảm bớt những bước chân khập khiễng vì sợ trợt té, nên nó theo tỷ lệ thuận với sự bất mãn và xem thường tài năng làm hướng dẫn viên của Lương.

Trước khi Sơn và Lương bước ra khỏi cửa khách sạn, mưa rơi từ đêm hôm qua tưởng đã ngừng hẳn vào lúc sáng sớm lại bắt đầu lác đác, dầu sao con đường trước mặt vẫn còn là đường nhựa. Khi đỉnh cao của căn khách sạn năm tầng đã khuất tầm nhìn, con đường tuy vẫn còn rộng đủ chỗ xe chạy, đường đã hết bằng phẳng, nhiều khoảng đường nhựa đã bị hư hại vì những cơn lũ, bây giờ do cơn mưa từ đêm trước đọng lại ở những chỗ trũng thành từng vũng nước nhỏ.

Thêm một khoảng ngắn nữa thì hết đoạn tráng nhựa, nhưng dầu sao đường vẫn còn đủ lớn đủ chỗ để khách bộ hành có thể tránh những vũng nước nên còn tương đối dễ đi. Đến một ngã rẽ dẫn vào lối mòn dân cư trong bản làng sử dụng thì lối đi trở nên chật hẹp, nhiều khoảng đường chỉ đủ chiều rộng cho hai người, một xuôi một ngược và rặt một màu đất đỏ nhão nhoẹt, trơn lỡn. Tuy nhiên nếu những đoạn đường đó bằng phẳng, bước đi có khó đi nữa cũng chưa đến nỗi. Chừng đường lên dốc, việc sử dụng bàn chân nằm trong đôi vớ ướt bên dưới làn da giầy vừa trì nặng vừa lùng

bùng khiến mỗi bước chân bỗng trở thành hình phạt. Dẫu sao ở đoạn đường dốc này Sơn vẫn có thể tự một mình đi mà không cần sự giúp đỡ nào của Lương. Nhưng cũng chính vì thế, nỗi bất bình về Lương tăng thêm đến độ có lúc Sơn muốn nhổ toẹt vào mặt Lương rằng Lương là một hướng dẫn viên du lịch tồi tệ vào bậc nhất mà Sơn gặp.

Khổ nỗi chuyến đi chỉ mới bắt đầu không lâu, đường đi trước mặt vẫn còn dài, Sơn không còn lựa chọn nào hơn ngay lúc này là nuốt cơn giận dữ vào bụng và tự trách mình đã chẳng nghe lời bạn mà đi Hải Dương hoặc cứ ở lại Hà Nội trong mấy ngày Tết đợi bạn về. Cũng tại bản tánh ưa bốc đồng của Sơn, làm chuyện gì cũng chẳng chịu tính trước, ngay cả chuyến *du lịch Việt Nam này cũng vậy. Anh bạn Việt Nam cùng học chung đại học* gọi đến lúc Sơn đang đầu tắt mặt tối với công việc trong hãng. Anh bạn vừa hỏi khỏe không, Sơn đã tả oán:

- Cái project này lớn quá, muốn điên lên đây. Xong rồi chắc phải lấy phép vài ngày nghỉ xả hơi quá.

- Đi du lịch Việt Nam với tao không? Vụ cúm gà, nhiều người ớn nên trả vé. Dịp Tết này vé Việt Nam rẻ quá chừng. Mày dám đi không?

- Có một mình tao. Sợ gì mà không đi. Nhưng chừng nào mới được chứ?

- Hơn tháng nữa.

- Vậy thì được.

Ngày Tết hãng xưởng của Mỹ vẫn làm việc bình thường, nên những ngày đầu năm âm lịch không khác gì những ngày trong tuần. Học trò cắp sách đến trường, người lớn đến sở làm việc. Sơn đến Mỹ lúc chưa hoàn toàn khôn lớn và đã ở Mỹ khá lâu nên theo phong tục người Mỹ ăn mừng lễ Giáng Sinh và Tết tây, còn Tết ta không còn mang nhiều ý nghĩa kể cả ý nghĩa linh thiêng. Hằng năm vào dịp Tết, Sơn thấy vài người Việt làm cùng hãng thường xin nghỉ làm, còn Sơn cứ dửng dưng như không, vẫn đến sở như thường lệ. Năm nay có khác, nhận lời cùng đi Việt Nam với bạn vào dịp Tết biết đâu chẳng là một sự thay đổi thích thú, Sơn nghĩ vậy.

Máy bay đến Sài Gòn một tuần lễ trước Tết. Sau mấy ngày quanh quẩn ở Sài Gòn, Sơn theo anh bạn ra Hà Nội, mà theo lời anh ta thì muốn được ăn Tết với một ông bác ở Hải Dương, anh thường xuyên liên lạc qua thư từ và điện thoại nhưng chưa từng gặp, vì gia đình ông bác ở Bắc trước năm 1954 cho đến bây giờ, trong khi gia đình anh sinh sống ở Nam và sau năm 75 thì qua Mỹ. Anh bạn rủ Sơn cùng đi Hải Dương vào chiều 29 Tết sau khi hai người đã dạo chơi Hà Nội từ ngày hôm trước, tuy nhiên nghe chuyện

lần đầu gặp mặt ông bác của anh ta, Sơn quyết định ở lại Hà Nội. Còn lại một mình trong khách sạn, Sơn mới thấy chuyến về Việt Nam vào dịp Tết của mình thật vô duyên. Ngày Tết vừa mắc mỏ, phố xá chỉ vui trước những ngày Tết, đến trưa 30 Tết thì chợ búa đã bắt đầu thưa thớt, hàng quán đã rục rịch đóng cửa, có lẽ người bán cũng như mua muốn có đủ giờ về nhà chuẩn bị ăn Tết với người thân. Buổi sáng 30 Tết, Sơn một mình dạo bộ chợ Tết Đồng Xuân, đến trưa đói bụng định vào một tiệm ăn, chợt nhìn thấy văn phòng du lịch bên cạnh còn mở cửa, Sơn ghé vào hỏi mua tour du lịch ba ngày để đợi bạn trở về. Sơn cho biết ý định muốn đến một nơi nào đó. Anh nhân viên văn phòng du lịch tỏ ra ngạc nhiên:

- Anh muốn đi ngay hôm nay? 30 Tết?

- Đúng, nếu anh còn chuyến đi. Ở đâu cũng được, nhưng nếu là Sapa thì tốt nhất.

- Chà khó đấy. Để tôi quay một vòng xem sao. Chẳng là vào dịp Tết đa số *tour guide* về quê ăn Tết cả.

Sau một lúc điện thoại, anh nhân viên lộ vẻ vui mừng:

- Anh hên lắm đấy. Tôi vừa gọi khách sạn ở Sapa, họ cho biết vẫn còn một *tour guide*. Nơi đấy đẹp lắm. Nếu anh thích đi bộ thì đến Sapa là nhất.

Chuyến xe lửa vào đêm trừ tịch thật vắng vẻ. Người đi đã đi và người về đã về. Nhà ga Hà Nội lúc 8 giờ tối chỉ còn lác đác những người khách bất đắc dĩ, có thể do bận rộn buôn bán, hay nghề nghiệp đòi hỏi không thể leo lên chuyến tàu sớm hơn, nhưng ai nấy trông vội vã. Có lẽ họ chỉ đi những chuyến tầu gần và mong kịp về nhà trước nửa đêm để cúng giao thừa.

Sơn lặng lẽ ngồi trong nhà ga chờ chuyến tầu đêm, cố tình dửng dưng, như không thèm để ý đến không gian chung quanh mình. Một vài con muỗi vo ve quanh anh, anh vẫn như bất động. Không, sẽ không có bất cứ điều gì ảnh hưởng đến tâm hồn anh. Sơn đã sống như thế từ nhiều năm, nên dường như đã quá quen với đời sống một mình đi một mình về trong một thành phố nhỏ ở nước Mỹ, cách nơi đây hơn nửa quả địa cầu. Ngày Tết ư? Nào có nghĩa gì! Khi suốt cuộc sống Lương thường làm kẻ độc hành. Lương đã nhiều lần nghĩ đến chuyện lập gia đình với bất cứ người nào đó, một cô gái Mỹ, một cô gái Việt ở Mỹ hay có thể như một anh bạn, lấy vợ ở Việt Nam qua lời giới thiệu của người nào đó. Anh nghĩ đến, nhưng chợt thấy đó chỉ là sự suy nghĩ nhất thời. Sống một mình, tuy đôi lúc có cô đơn thật, nhưng là cuộc sống với rất nhiều tự do, đi về không ai phiền trách hay thắc mắc. Còn lập gia đình, nếu với một người mình yêu thương để chấp nhận

hy sinh đời sống cá nhân thì không nói làm gì, nhưng với một người mình không chắc thương yêu, thì sự ràng buộc chằng chịt tuy vô hình nhưng có thể cuộc đời Sơn sẽ giống như một chú ruồi bị mắc lưới nhện, càng vùng vẫy, chiếc lưới càng quấn chặt.

Ô hay! Mình đang nghĩ gì nhỉ. Đời sống ở Mỹ hay ngay lúc này, một mình mình trên sân ga ở một nơi lạ lẫm. Có thể tại mình đang sống giữa cái không khí của một đêm cuối năm nên đâm ra bâng quơ chăng! Đêm 30 Tết bàng bạc. Buồn buồn. Lạc lõng. Mà không phải, nó như lùi về một quá khứ xa xôi nào đó, nơi Sơn đã có đời sống tuổi nhỏ cơ cực, không nhớ cha mẹ mình là ai, cho đến một buổi tối cũng tối như thế này, Sơn một mình lang thang ra biển với chiếc bụng lép kẹp, nhìn vùng biển đen tối trước mặt, mà muốn nhảy bổ vào đó để quên đi hết những khổ sở, đói khát, lang thang. Bỗng có những bóng người lố nhố. Sơn lại gần. Có những tiếng thầm thì. Họ đang làm gì nhỉ? Sơn nằm xuống cát, trườn người về phía có tiếng người. Nghe chưa rõ. Sơn trườn đến gần thêm. Tiếng gió thổi ngược về. Tiếng người rõ thêm. Hóa ra người vượt biên. Sơn tính đứng dậy bỏ đi. Bỗng có tiếng nói bên tai, "Thằng nhỏ! Mày làm gì ở đây? Dọ thám hả?" Sơn ngước nhìn lên. Trời tối, Sơn nhìn không rõ mặt, chỉ thấy một chiếc bóng cao to. "Tui dạo chơi," Sơn nói. "Mày đi dạo gì vào ban đêm? Nói thiệt đi, mày dọ thám cho ai? Cho công an hả?". Sơn lắc đầu lia lịa, "tui thề, đói quá tui ra đây coi có gì ăn." Có thêm vài bước chân người nữa tiến tới. Có tiếng hỏi, tiếng trả lời, rồi họ quay lưng thầm thì với nhau. Sơn loáng thoáng nghe chữ giết và chữ đi. Đột ngột một người đến gần bên Sơn hỏi, "Mày chịu đi với tụi tao không? " Sơn đã chẳng muốn lao mình vào vùng đen thẫm trước mặt đó ư! Có gì ở đây cho Sơn luyến tiếc. Đi thì đi, cần gì biết đi đâu. Sơn nhanh nhẩu, "Chú cho đi tui đi liền." Vậy là Sơn theo chiếc tầu bồng bềnh trên mặt biển rộng. Đến đảo rồi nhập vào với lũ trẻ mồ côi. Rồi khơi khơi qua Mỹ, sau khi được một gia đình người Mỹ nhận làm con nuôi.

Kể từ ngày đó, Tết đối với Sơn trở nên hoàn toàn xa lạ. Hôm nay ngồi giữa những dãy ghế vắng khách, bất giác hình ảnh cũ chợt trở về. Trong Sơn có chút nao lòng. Có tiếng loa gọi người bắt đầu ra cổng để lên tầu. Sơn đứng dậy theo dòng người ít ỏi đi dọc theo những con tầu nằm bất động trên dãy đường sắt tối mù. Không, nhất định ngày Tết đối với Sơn chẳng là gì cả. Nó chỉ là một ngày bình thường như mọi ngày. Nhưng sao những bóng người đi dọc theo đường sắt lại ít nói, lại im lìm đến thế! Và cả những thân tầu cũng vậy, sao chẳng cất những hồi còi, sao chẳng chịu rục rịch di chuyển. Dường như cái đêm trừ tịch vẫn có cái gì khang khác

những đêm bình thường khác. Phải chăng nó là đêm giao thoa của đất trời nên nếu không có những ràng buộc, mọi người, mọi vật đều cần giữ im lặng tuyệt đối trong một khoảng thời gian nào đó để chia sẻ giờ phút thiêng liêng nhất của một năm chăng? Trong Sơn có chút nao nao và thấy như mình đang thiếu thốn một điều gì. Làm gì có chuyện đó! Đời sống của Sơn nào thiếu thốn điều gì. Công ăn việc làm tốt. Cha mẹ nuôi thương yêu. Sơn đâu muốn gì hơn nữa. Hay vì mái tóc của Sơn màu đen và điều Sơn thiếu chính là mái tóc màu vàng của bà mẹ nuôi hay mái tóc màu nâu của người cha nuôi. Phải chi Sơn quên hẳn tiếng Việt. Sơn không còn nói giỏi, nhưng Sơn vẫn hiểu và nói được dầu là câu nói vấp. Có thể những điều đó khiến cho Sơn, ngay phút giây của đêm trừ tịch, thấy có chút trống vắng nào đó. Đó không phải là nỗi buồn. Không phải là niềm vui. Là một cảm giác hoàn toàn khác lạ Sơn chưa từng bắt gặp.

Sơn bước lên tầu. Một đầu tầu cũ kỹ. Cô soát vé tầu hỏi anh, "Anh có gia đình trên đấay à? Sao không về sớm hơn, ai lại đợi mãi gần đến giờ giao thừa thế này?" Anh lắc đầu, "Tôi là khách du lịch, muốn thăm Sapa cho biết". Cô nhìn anh từ đầu đến chân, và qua cái nhìn đó, anh có cảm giác cô nghĩ nếu anh không điên cũng khác thường.

- Này anh Sơn, đường bắt đầu xuống giốc sẽ khó đi hơn đấy! - Tiếng Lương vang lên lôi Sơn trở về thực tại. - Anh nhớ đi sát sau lưng tôi. Bước sát vào chân tôi sẽ đỡ bị trượt.

Đúng như lời Lương, trước mặt Sơn là dốc đứng, con đường như chuồi hẳn xuống bên dưới, với một bên là dốc và một bên là núi, cùng dòng suối nhỏ do những hạt mưa tích tụ lại từ trên đỉnh núi chảy xuống chiếc khe nằm dọc theo chân núi. Đoạn đường này trơn như một tảng băng. Nhìn con dốc, Sơn thấy quyết định đi bộ vào bản làng là một sai lầm. Sơn tự hỏi, sai lầm hay thích thú? Chẳng phải Sơn muốn thỏa mãn bản chất mạo hiểm đang tiềm tàng trong con người của những người có được sự ổn định cả đời sống lẫn tài chánh? Về mặt tương đối, Sơn có thể tự hào về điều này. Như thế với quyết định về Việt Nam ăn Tết để rồi chọn lựa không đến nhà ai, không trải qua cái Tết với những người quen biết và đi bộ vào vùng đất lạ chẳng qua là để thỏa mãn tâm lý muốn có chút gì bất thường, chút gì hơi nguy hiểm để thấy cái đời sống ngày ngày đến hãng với công ăn việc làm vững chắc và đồng lương bảo đảm một đời sống kinh tế thoải mái là sự may mắn tột cùng dành cho một số ít người trên thế gian này? Đột nhiên Sơn so sánh giữa Lương và Sơn. Một người chọn lựa để đi bộ giữa ngày mưa gió và thấy có một chút nguy hiểm và thiếu tiện nghi trong công việc của mình,

nhưng lồng trong đó là niềm kích thích muốn chinh phục, sự vỗ về cho bản tánh thích phiêu lưu đang ngầm trỗi dậy trong con người của mình. Chẳng lẽ chỉ một con dốc đứng như thế mà Sơn cảm thấy sợ và chùn bước trước nhu cầu mạo hiểm cần được thỏa mãn? Sơn rời bỏ nơi ở êm ấm do ý thích của mình, còn Lương cũng rời bỏ một mái nhà, một chiếc giường ấm vì bó buộc của đời sống. Lương nghĩ thế nào nhỉ, khi bị buộc phải lội bộ trong một ngày đầu năm mưa lạnh như thế này!

Lương đi chậm, rất sát trước mặt Sơn vừa với mục đích dẫn đường vừa như tấm chắn để Sơn, nếu sắp ngã, có thể níu vào Lương để giữ lại thăng bằng. Sơn dò dẫm từng bước, cố bấm đầu giầy xuống mặt đất mềm để làm điểm tựa cho bước chân kế tiếp, nhưng đế giầy bị phủ đất thiếu những đường lồi lõm cần thiết, nên mặc sức cho Sơn cố gắng thế nào, bước đến đâu chân Sơn trượt tới đó; chưa kể chiếc ba lô đằng sau lưng ở đoạn đường bằng phẳng không thấy nặng nề, bỗng chốc trở thành gánh nặng, đè *xuống khoảng lưng gần vai, làm cho người Sơn như chuồi về phía trước*, khiến bước chân lại càng thêm trơn. Trong lúc Sơn bối rối với chiếc ba lô, và như hiểu được sự bất tiện do chiếc ba lô trên lưng Sơn mang lại, Lương xoay lại lên tiếng:

- Anh đưa chiếc ba lô cho tôi giữ, như thế anh sẽ thấy dễ đi hơn.

Đề nghị mang giùm ba lô cho Sơn của Lương, Sơn như trút được gánh nặng, quên hết sự giận dỗi, cám ơn Lương rối rít.

Trong khi Sơn khổ sở với mỗi bước chân, thì mỗi bước chân Lương đặt xuống mặt dốc, đôi giầy của Lương như bám chặt vào vùng đất ướt, in hình rõ từng vết giầy. Mặc dầu vậy, vì Sơn cắm cúi với bước chân của mình, chỉ sợ té và với những giúp đỡ tận tình của Lương, nên trong Sơn không còn nỗi ao ước có được đôi giầy của Lương mang trong chân, mà chỉ nghĩ đến chuyện làm sao cho khỏi ngã, nỗi phiền hà Sơn đã gieo cho Lương, từ chiếc ba lô, tới những bước chân ngắn thật chậm để Sơn có thể bắt kịp. Từ nỗi bất mãn đã chuyển sang lòng biết ơn.

Đến một cua quẹo tương đối bằng phẳng, Lương như dừng hẳn lại để Sơn bước ngang hàng. Trong khi Lương chậm lại thì Sơn bước nhanh hơn, qua mặt Lương. Bỗng chân Sơn như cái ba-te trợt đá, tuột thẳng ra, hai chân dạng hai bên và Sơn té ạch. Bàn tay Lương nhanh như cắt, chụp cánh tay Sơn kéo lại, nên cái té đáng lẽ nặng, chỉ làm cho mông sơn có chút ê ẩm.

- Tôi mới tính dặn anh đứng đây đợi, nhưng chưa kịpà Đoạn đường sắp tới trơn trở lại, nhưng ngắn, chỉ khoảng hơn trăm thước, sau đó đường sẽ bằng phẳng và xem như mình tới đích nghỉ đêm hôm nay.

Đến giây phút này, Sơn như quên đôi giầy, quên luôn chuyện giận Lương và chỉ nhớ đến những cái đỡ tay, những bước chân đứng chặn làm giá chắn cho chân Sơn bước. Sơn đã nhiều lần nói tiếng cám ơn và giá mà Sơn chịu khó cộng lại số lần lên tiếng cám ơn đó, có lẽ đến hàng vài chục.

Trời còn âm u tuy những giọt mưa đã tạnh hẳn, nhưng làn sương muối vẫn còn tiếp tục dày đặc. Đường ở khúc quanh này vẫn còn dốc, nhưng đã lài hơn và được dân ở bản làng gần đó trải lên một ít đá nên tương đối dễ đi. Sơn đi mà không lo bị ngã nên có thể nhìn quanh khung cảnh. Bên dưới thung lũng, làn mây thấp thiếu ánh nắng mặt trời vén lên nên tiếp tục che tầm mắt và phủ kín hầu hết cảnh trí bên dưới thung lũng, chỉ còn vài thửa ruộng bậc thang nằm gần đường đi là còn rõ nét. Giữa khoảng trắng đục trên đường mà mắt có thể nhìn thấy, chỉ còn lại Sơn và Lương Cảm giác của một lữ hành cô độc chụp xuống. Nỗi cô đơn dâng lên và trong một lúc bất ngờ nhất, cái tâm trạng của một người không nhà lang thang trong những ngày đầu tiên của năm mới cho Sơn cái cảm giác nửa cô đơn, nửa buồn buồn. Giờ đây khoảng cách mắt có thể nhìn thấy hay là cái thế giới Sơn đang hiện diện chỉ còn lại độc nhất có hai người đàn ông, Lương, Sơn và không còn ai hết. Tự nhiên Sơn thấy Lương không còn là một hướng dẫn viên thuần tính cách thương mại mà là một người bạn đồng hành thân thiết. Sơn hỏi Lương:

- Chắc anh thích nghề này lắm nhỉ?

- Vâng, nếu làm cho khách hài lòng. Nhưng nghề nào cũng thế, lúc vinh lúc nhục, có điều đây là một nghề thiếu ổn định.

- Sao thế, tôi tưởng với kỹ nghệ du lịch, Việt Nam sẽ cần thêm rất nhiều hướng dẫn viên lành nghề như anh, nên nghề này phải ổn định hơn nhiều nghề khác chứ?

Lương nói như tâm sự:

- Anh tính, ai lại muốn có một hướng dẫn viên già bao giờ. Đây là nghề chỉ lúc trẻ mới làm nổi. Làm hướng dẫn viên, hằng ngày đi bộ bao nhiêu cây số, ở những con đường như anh và tôi vừa đi qua còn đỡ, gặp lúc phải leo ngọn Fansipan thì nỗi khó lại tăng gấp bội. Người leo núi tuy phải thuê mướn thêm người khuân vác, mình cũng vẫn phải đeo ba lô với bao nhiêu thứ ở trong đó, có khi cả lều trại, đồ ấm, thức ăn, nên chỉ có tuổi trẻ là đủ sức lực mới chịu nổi. Ấy là không tính đến thời tiết thay đổi ở trên núi, trời mới vừa trong đấy, chỉ và phút sau là mù dày đặc. Rồi rắn rít, đỉa, vắt. Rồi cái lạnh ban đêm khi nằm lều mới thật khủng khiếp, nó như xoáy vào da thịt thì người lớn tuổi làm sao chịu nổi. Cũng may anh không tính leo ngọn

Fansipan, nếu không, gặp thời tiết này việc leo núi mới thật nguy hiểm.

Đường gần đến bản làng càng dễ đi. Bây giờ con đường đã được trải rộng, tuy vẫn là con đường đất đỏ, nhưng do đường rộng bước chân người không giẫm nhiều vào một chỗ nên đường không trơn trợt. Bên dưới chân, lúc qua một vũng nước lớn, Sơn đã cởi giầy rửa sạch lớp đất dưới đế giầy và lớp da chung quanh. Giầy và vớ vẫn ướt nhèm, nhưng vì đã quen chân, Sơn hết thấy khó chịu. Với những giúp đỡ của Lương giúp Sơn vượt qua những chặng đường khó đi, Lương đã trở thành một người bạn, hơn là một hướng dẫn viên được trả tiền. Sơn nghĩ đến số tiền *tip* hậu hĩ Sơn cần phải tặng Lương, một người hướng dẫn viên giỏi, biết lúc nào cần đi, lúc nào cần dừng lại cho khách bắt kịp và tránh cho khách theo mình khỏi ngã. Tuy thế Sơn vẫn chưa hết bị ám ảnh vì đôi giầy.

Sơn và Lương đã lội bộ hơn nửa ngày. Trời đã ngả giấc chiều. Lúc mưa bắt đầu lắt rắt trở lại thì hai người đến một ngôi nhà làm bằng gỗ, mái lợp tôn khá khang trang của một gia đình người Dao, mà theo lời Lương thì đời sống của người Dao gần giống lối sống của người Việt. Ngôi nhà nằm trên một sườn đồi, không xa những ngôi nhà khác. Một con chó đang ngồi nghếch mõm nơi vỉa hè, vừa thấy Lương đã chạy ra ngoắc đuôi.

Lương tỏ vẻ rất quen thuộc với ngôi nhà. Có lẽ anh đã bao lần dẫn khách đến nghỉ qua đêm trong ngôi nhà này. Sau khi cởi bỏ áo mưa, Lương dắt Sơn đi thẳng vào căn bếp nơi có giàn bếp nằm ở góc nhà, ngay trên nền nhà với bốn chiếc kiềng ba chân dùng làm lò nấu đang được đun bằng những thanh củi lớn bằng cổ tay. Tiếng củi nổ lách tách. Ánh lửa tỏa sáng bập bùng. Những làn khói đen nhẹ nhàng lan tỏa về phía trần bếp. Một bữa chiều đông trong một ngôi nhà miền núi có lửa đốt sưởi ấm. Một người vừa trải qua những chặng đường lạnh lẽo giờ đây được thoải mái cởi đôi giầy ướt, đôi vớ ướt. Đôi giầy và đôi vớ được gác trên những thanh củi cạnh giàn bếp để hong khô. Đôi bàn chân giờ duỗi thẳng thoải mái bên cạnh ngọn lửa. Sơn ngồi quanh giàn bếp với Lương. Cạnh đó, ông bà chủ nhà đang chuẩn bị bữa cơm chiều cho gia đình và những người khách qua đêm trong ngôi nhà. Mùi thơm của gạo mới. Của tỏi phi thơm. Của thức ăn xào nấu. Của ấm nước reo vui. Của củi đốt. Tất cả quện lại tạo nên một thứ âm thanh đầm thắm xen vào giữa là mùi gây gây, nồng nồng , mùi của một cái gì thật ấm, thật gần. Ngọn lửa phả lên mặt, lên cổ, lên tay làm lưng tưng, giãn nở làn da thịt đã bị cơn lạnh của gió mưa làm săn lại. Sơn đưa sát chân mình lại gần ánh lửa, vừa tầm để chân nhận được một hơi nóng vừa phải. Cái nóng của lửa chuyền nhanh vào đôi bàn chân kích thích hệ thần kinh làm cho hệ

thần kinh như được tiêm vào liều thuốc an thần. Sơn ngồi đó đợi bữa cơm chiều và thấy mình thật hoàn toàn thoải mái.

Lương ngồi đối diện đang hơ đôi bàn tay lên ngọn lửa. Trong đầu chưa hết bị ám ảnh bởi đôi giầy, Sơn vuột miệng hỏi:

- Có đi với anh mới thấy anh là một hướng dẫn viên du lịch xuất sắc. Nhưng tôi vẫn còn chút thắc mắc, tại sao với một người có tay nghề cao như thế, anh lại quên nhắc tôi mua đôi giầy ủng để lội mưa cho thoải mái?

Lương nhìn Sơn qua ánh lửa rồi chậm rãi đặt ngược câu hỏi:

- Theo anh thì đôi giầy của tôi và của anh, đôi giầy nào tốt hơn?

- Giầy tôi.

- Nếu phải chọn giữa giầy anh và giầy tôi. Anh chọn giầy nào?

- Nếu còn đi bộ giữa cơn mưa, tôi chọn giầy của anh.

Lương hơi trầm ngâm, một phía bên mặt hơi tối vì Lương nghiêng người về phía không có ánh lửa:

- Chúng ta không có nhiều cơ hội như vậy. Nếu không mưa, anh chọn đôi giầy nào?

- Giầy của tôi.

- Trước khi rời khách sạn, anh không hề muốn mang đôi giầy ủng. Ba lô của anh cũng không đủ chỗ nhét đôi giầy ủng, nên lúc bắt đầu đi anh chỉ có một lựa chọn duy nhất, hoặc giầy giống như tôi hoặc giầy của anh. Lúc đó nếu tôi khuyên anh mua đôi giầy ủng, cho anh biết mưa sẽ kéo đến, đường sẽ khó đi, liệu anh có muốn bỏ lại đôi giầy thể thao của anh lại khách sạn, để mang đôi giầy ủng không, khi đôi giầy thể thao tuy bị ướt vẫn có thể đưa anh đến được nơi đây? Chưa kể ngày mai khi hết mưa, trong khi tôi vẫn bị buộc phải đi đôi giầy ủng vừa bít hơi vừa nặng nề, thì anh lại thoải mái mang đôi giầy thể thao nhẹ nhàng...

Đầu Lương nghiêng về phía ánh lửa, tỏ vẻ cân nhắc, anh hỏi:

- Có lẽ anh đã được nghe về tôi, một hướng dẫn viên thuộc hạng khá. Anh biết tại sao tôi được khen như thế không?

- Thú thật với anh, lúc còn ở trên đường để đến đây tôi đã nghĩ anh là một hướng dẫn viên hạng tồi. Đến nơi rồi, ý nghĩ đó hoàn toàn biến mất. Ngược lại thấy anh đúng là một hướng dẫn viên giỏi, nhưng vẫn không hiểu rõ tại sao tôi có những nhận xét như vậy.

Lương cười:

- Chung quy cũng tại đôi giầy. Chiếc áo mưa tôi nhắc anh mua, mặc dầu nó giúp anh rất nhiều, nhờ nó anh không bị ướt và anh hoàn toàn quên nó. Giữa áo mưa và đôi giầy thì chiếc áo mưa là vật anh cần, còn đôi giầy

THIÊN HƯƠNG CHU KIM HẢI

bài thơ tám câu

Bước từng bước dập dừng
mãi cô đơn,

Quay một vòng
bảy mươi năm chợt thoáng,

Gánh hành trang
nặng chĩu với thời gian.

Đêm chập chờn
giấc mơ từ tiền kiếp,

Sáng cài then
níu tiếc chút bình an.

Cuộn tròn chân
ngồi xuống nghe hơi thở

Trả lại đời trăn trở mộng hoang đường.

Thiên Hương Chu Kim Hải

là vật anh muốn. Người ta thường nhớ những gì người ta muốn và quên đi những gì người ta cần. Muốn thì nhất thời, cần thì lâu dài. Tôi tạo tiếng tốt nhờ biết đầu tư vào sự bền vững, lâu dài. Từ bao nhiêu năm tôi vẫn áp dụng đúng quy luật cho chính mình và cho khách là không thỏa mãn những điều muốn mà chỉ thỏa mãn những điều cần...

Lương ngưng nói nhìn về phía người chủ nhà đang sửa soạn dọn bữa cơm chiều. Qua ánh sáng của những ngọn lửa nơi chiếc bếp, Sơn nhìn thấy dường như trên môi Lương có một nụ cười nhẹ. Sơn không hiểu nụ cười mang ý nghĩa nào. Có thể Sơn phải suy nghĩ thêm về câu trả lời của Lương. Có điều ngay lúc này Sơn thấy mình hoàn toàn thoải mái và hạnh phúc.

Ngọc Anh

những ngày với dũng

NGUYỄN NAM AN

Lúc đó ba vừa mất. Tôi còn nhỏ nhưng trong đầu vẫn nhớ như in hình ảnh quan tài ba phủ cờ vàng lung linh hàng nến thắp. Bà con lối xóm họp lại tiễn đưa lần cuối. Người ta chuyển quan tài ba ra đường, đưa lên chiếc xe nhà binh đậu đối diện ty Cảnh Sát ở đường Gia Long. Tôi thằng bé ba tuổi, áo tang trắng, khăn chế trên đầu chạy lăng xăng không biết bất hạnh lớn nhất vừa phủ xuống cho mẹ và anh em mình. Em Dũng mới sinh. Hai thằng con trai. Một lên ba. Một chưa đầy một năm tuổi. Ai ẵm em Dũng tôi không biết. Mẹ vật vã mấy ngày nay. Đi không nổi. Người thân dìu lên xe, ngồi bên quan tài ba, ôm tôi mà như chết rồi.

Xe chạy gập ghềnh qua những con đường đầy ổ gà. Chầm chậm. Người đi đường ngó theo. Đám ma ai rứa. Tội nghiệp. Mẹ có nghe gì đâu. Ôm con vào lòng mà khóc. Không biết người ta đưa quan tài ba về đâu. Cuối cùng xe tang dừng lại ở nghĩa trang Quân Đội. Cậu chú bác, bà con láng giềng trong xóm mỗi người một tay. Đưa linh cữu ba đến huyệt. Mấy người phu còn đang đào. Nơi ấy ba sẽ vào nằm. Con và mẹ, em Dũng rồi sẽ không thấy ba trong quan tài với bát hương nghi ngút khói.

Mệ Lu Li thương ba như con. Mệ sống lẻ loi nơi căn nhà nhỏ phía trước nhà ba mẹ. Những chiều đi bán ve chai về, mệ nấu cơm ăn một mình. Cái nồi đồng nhỏ, nhiều khi có khách là tôi, "con thằng Ba" như mệ thường nói, cơm chín muốn tràn ra ngoài. Lúc đó mệ đã móm mém. Nhìn mệ nhai cơm thấy tội.

"Thằng cha mi vui tính lắm. Ai cần gì cũng xắn tay áo lên giúp."

"Dạ."

"Nhà tao trời bão, mái tôn bay đi. Mưa gió rứa mà hắn mặc áo mưa trèo lên mái nhà sửa lại. Không có hắn thì cái nhà ni sụp rồi."

Tôi chỉ biết ngồi nghe.

"Ba mi thương mi lắm biết không con. Bồng mi đi đánh bôn ngoài chỗ ông Năm phở. Làm sao đó, cái mũ mới mua cho mi bị gió thổi xuống sông. Chỗ đó có nhiều nhà vệ sinh của người ta bắt ra. Dơ ình! Rứa mà hắn bồng mi về, gởi cho bác Cháu để ra lội xuống vớt cái nón lên. Thiệt là tội..."

" Dạ. Con nghe. Mệ kể nữa đi mệ."

Cái giường kê gần cửa sổ. Kiếng soi mặt là một phần của chiếc tủ nhỏ gắn gần cửa sổ trổ ra phía trước. Bên ngoài là hiên nhà. Mẹ đứng đó. Sau lưng là cái giường nơi em Dũng đang nghịch. Em vịn tay vào thành giường, chập chững đứng lên. Tôi cũng quanh quẩn đâu đó bên em bên mẹ. Hai anh em còn quá nhỏ để biết sự trống vắng trong gia đình từ lúc đám tang ba. Nhà tôi, phía trước có tấm bảng vẽ câu khẩu hiệu "Đả Đảo Cộng Sản Nằm Vùng". Hình như nhà nào trong khu vực lúc đó cũng có những khẩu hiệu tương tự. Thời gian này, học trò ở các trường, sau lễ chào cờ, vào lớp đều hát bài suy tôn Ngô TổngThống. Mẹ mặc áo dài xanh, sửa soạn đưa hai anh em lên thăm mộ ba. Nghĩa trang ở khúc đường Trần Bình Trọng, nơi yên nghỉ của những người lính viễn chinh quân đội Pháp. Sau là nghĩa trang quân đội của thành phố.

Đường Lê Lợi lên tới ngã tư Hùng Vương, qua khỏi ngã năm đổi thành đường Phan Chu Trinh. Rạp xi nê Trưng Vương nằm góc Hùng Vương - Lê Lợi đối diện với một tiệm thuốc tây kỳ cựu của Đà Nẵng. Tiệm có cái cân lớn lắm ở cửa ra vào. Những đứa trẻ lớn lên trong thành phố, có dịp qua khu phố Hùng Vương rong chơi, ít nhất trong đời cũng có một lần nghịch ngợm với cái cân đó. Nhảy lên một đứa, nhỏ con quá, cân hình như không nhúc nhích. Thêm một đứa và một đứa nữa...

Từ góc này, đi lên thêm chút là ngã năm. Rạp xi nê Lido nằm bên phải. Những tiệm bán chè, phần đông của người Tàu, mở trong khu vực. Qua khỏi rạp Lido, rẽ phải là đường Trần Bình Trọng. Đi bộ chừng năm phút đến khu nghĩa trang. Cổng đi vào có trồng cây me. Lá xanh um. Đường vào trong nghĩa trang lót đá, hai bên hai hàng dương liễu chạy dài như hai hàng lính giàn chào. Người lính già người Bắc di cư và gia đình ở đó. Ông coi sóc nghĩa trang. Ngày đêm bầu bạn với những người sống vô danh, chết vô danh. Xuôi tay là hết. Những lần đến thăm mộ ba mẹ đều ghé ngang cho con ông ít quà.

Tôi đã vào nghĩa trang đó nhiều lần với mẹ để thắp hương cho ba. Lần nào cũng buồn. Cả con lẫn mẹ. Mẹ ngồi xuống, lom khom che gió bằng nón

để đốt hương. Cắm hương vào mộ ba và những ngôi mộ nằm kế, mộ láng giềng của ba, mẹ xoay qua ôm tôi nói nhỏ con cầu cho ba chóng siêu thoát. Ba phò hộ cho con, cho em Dũng, cho mạ con mình. Trong nghĩa trang này có nhiều hài cốt của lính viễn chinh Pháp. Họ chết, an táng nơi đây nhưng hồn có lẽ đã phiêu du đâu tận quê nhà. Ở trời Âu, Phi Châu, hay nơi nào đó quê quán mình. Nằm xuống đây là xong. Hết hận hết thù. "*Trăm năm nào có gì đâu / Chẳng qua một nấm đất nâu xanh rì*" (Nguyễn Du).

Dũng đứng trên giường, sau lưng mẹ. Hình như em muốn lấy cái gì, chồm lên, và té. Mẹ ẵm em lên suýt xoa tội nghiệp. "Ôi con ơi! Răng không coi em giùm mẹ?" Tôi dại quá đâu có biết gì. Em Dũng đau từ đó. Hình như ông em Năm phở làm y tá chích dạo có vào lo việc thuốc men cho em. Nhưng chẳng khá hơn chút nào. Em đau nặng thêm mà không rõ bệnh gì rồi mất sau ba chừng mấy tháng. Mộ em chôn ở Lầu Đèn. Cạnh mộ con bác Bộ. Về sau người ta đến làm nhà ở đó. Hài cốt em Dũng lạc luôn. Từ đó mẹ tôi nhắc hoài những lời ba nói lúc còn sống: "Anh chết anh mang theo một đứa cho mẹ nó đỡ khổ!" Tôi nghe và nhớ đến giờ.

Đất nước đổi chủ. Nghĩa trang quân đội của thành phố không còn nữa. Tất cả phải dời đi theo lệnh những kẻ cầm quyền mới. Mẹ tôi kẹt lại bên nhà, thư từ sang báo cho thằng con biết. Nghe tin nghĩa trang quân đội ở Sài Gòn tôi đã đoán những gì sẽ xảy ra cho chỗ nằm cuối đời của ba tôi ở nghĩa trang khúc đường Trần Bình Trọng. "Mẹ và bác đưa hài cốt ba lên gò Cà..." Thôi cũng đỡ mạ. Xứ sở mình, người sống không có quyền sống nói gì quân nhân. Những người đã chết khi đứng bên này. Đánh lạia Để sống.

An Phú Vang

[Trong Những Sứ Quân Thời Thơ Ấu]

Tạp chí VĂN HỌC
tái bản
lần thứ bảy

Giá 10 mỹ kim

hình như từ độ ấy...

HOÀI MỸ

1.

"Em vừa gặp anh Tư nên được biết thày mới qua Cali chơi nhưng đã về lại xứ sở... lạnh lẽo của thày. Tiếc là em không có "duyên" gặp thày. Mà thày có còn nhớ em không đã? Em tên Na, dạo ấy là học trò lớp 9 của thày, trường Nguyễn. Thày vẫn kêu em là "bé Na" í. Nhưng em đoán thày chẳng nhớ em đâu. Thày có đông học trò quá, lại toàn những chị lớp lớn, sức mấy thày thèm nhớ... con bé này. Thế mà cũng dễ đã gần ba chục năm rồi. Mau quá, thày nhỉ!

Thôi cho em xin lỗi thày. Mới lá thư đầu em đã phá thày rồi. Thày nhận được thư này, hồi âm cho em liền nhé. Có nhiều chuyện em muốn kể thày nghe. À, mà thày có ngạc nhiên không? Cũng nhờ anh Tư em mới có địa chỉ e-mail của thày đấy".

Quảng ngồi tựa hẳn lưng vào thành ghế, vòng tay trước ngực nhưng ánh mắt vẫn lướt trên mặt kính của chiếc máy vi tính, đọc thêm hai ba lần nữa lá thư. Căn nhà vắng lặng. Quên làm sao được "*con bé này*"! Quảng nói trong đầu như vậy. Khóe môi nhếch cười. Có quá nhiều thứ để phải nhớ cô học trò này. Trước hết là cặp mắt lúc nào cũng mở lớn. Rồi nụ cười rạng nở. Nhìn thấy là người đối diện đã cảm nhận được trọn vẹn tâm hồn của cô. Bởi thế chẳng lạ khi ngày đầu vào nhận lớp, Quảng đã phải chú ý tới cô ngay rồi. Và cũng vô tình Quảng gọi người đầu tiên lên đọc bài cũng

lại là cô bé. Trần Thị Na!

"Jango đó thày!"

Một loạt tiếng đáp gần như đồng thời của bao cái miệng khác. Quảng phải bật cười, tỏ vẻ thắc mắc. Lại nhao nhao những lời giải thích:

"Nó cao bồi lắm, thày ơi!"

"Nhỏ chạy xe như phi ngựa đó thày! Nể luôn!"

"Bọn con trai sợ nó xếp re! Đụng đâu là nhỏ Na bắn pằng pằng *đấy!"*

Na cầm tập vở đi lên. Quảng chỉ thấy cô bé có dáng người cao. Khuôn mặt thanh tú, biểu lộ tính chất thông minh và linh hoạt. Đôi mắt mở lớn nhìn Quảng rồi quay lại liếc lũ bạn. Nụ cười thật tươi. Môi đỏ như da trái cà chua chín mọng. Quảng nghĩ, chẳng có chút gì đáng gọi là... cao bồi, đúng lý phải kêu là *cây sậy biết đi*. Quả thật, Na gầy. May mà chiếc áo dài trắng cắt rộng, quần ống loe nên che bớt những nét mảnh khảnh. Quảng cố tình hỏi những câu thật dễ. Khi Na nhận lại tập vở, cặp mắt đã to lại càng trố ra lúc thấy con số 10.

Bởi vậy, quên sao nổi!

Tấm ảnh chụp cả lớp treo trên tường kích thích sự tò mò của Quảng. Bao lần muốn xem lắm nhưng Quảng không có dịp. Lựa một lần cho học trò làm bài kiểm, Quảng giả vờ đi vòng vòng như thể để canh chừng. Tới bức hình Quảng liếc nhìn. Lại thấy trước tiên cặp mắt mở rộng. Cô bé đứng hàng đầu, chính giữa. So với những bạn khác; người nào cũng như hừng hực sức sống, chỉ riêng cô bé cao ngồng, mình hạc sương mai. Với dáng đứng đuột người trong chiếc áo dài rộng thùng thình, đã thế cô bé còn buông thõng đôi tay dài... quá khổ hẳn tới gần ngang đầu gối khiến Quảng thấy cô giống... con đười ươi leo cây trong sở thú. Ý nghĩ khiến Quảng mỉm cười. Vừa lúc đó Quảng nhìn xuống dãy bàn cuối lớp, bất chợt gặp ngay cũng cặp mắt mở rộng ấy đang trố ra nhìn mình, như muốn thầm hỏi, thày cười chi vậy?

Lại một buổi trưa tan học, vì có chuyện quan trọng (mà việc gì, Quảng không nhớ nổi) Quảng cũng phải vội vã ra về. Tuy nhiên vừa thoát khỏi cổng trường, Quảng đành phải dừng xe bên một góc tường. Học trò ùa lượt chen chúc nhưng dường như ai cũng chỉ ham cười nói, chẳng để ý di chuyển. Quảng chợt thấy cô bé Na tách rời đám bạn, nghênh ngang giữa lộ. Bỗng không biết từ đâu một chiếc xe gắn máy vụt tới. Tên thanh niên ngồi yên sau vươn người gần mặt Na. Quảng không hiểu chuyện gì, chỉ thấy Na quăng mạnh chiếc cặp theo đúng lưng hắn, miệng hét:

"Đồ mắc dịch!"

Chiếc xe gắn máy vội lượn như con lươn, mất hút. Từ xa nghe như có tiếng cười sằng sặc vang lại. Mà chính Quảng cũng phải bật cười, nói thầm "đúng là Jango... thứ thiệt!".

Vậy thì làm sao quên được!

Hầu hết trong những giờ ra chơi hay lúc tan trường, học trò thường đón Quảng hỏi hết chuyện nọ tới chuyện kia. Học trò của Quảng đã đành mà lớp khác cũng có. Quảng cảm thấy khó bỏ đi mặc dù đôi khi rất sốt ruột. Rồi không hiểu do... "thần giao cách cảm" hay sao mà một lần Na chợt rẽ đám đông, chen vào giữa, lay tay Quảng. Giọng rất tự nhiên:

"Mẹ dặn bữa nay anh về sớm đưa mẹ đi công chuyện. Anh quên hả? Để em chờ mãi đến giờ!"

Quảng gật gật đầu:

"Ờ... ờ... Anh lấy xe đây!... Thôi, thày xin lỗi! Thày phải đi."

Khi Quảng vừa nổ máy xe, Na đã ngồi tót lên phía sau; tay bám vào lưng Quảng. Vẫn rất tự nhiên. Ra tới đường, Quảng ngoái cổ lại:

"Na đóng kịch giỏi lắm!"

"Em giải thoát cho thày đấy. Gì mà mấy chị ấy bám thày cứ như đỉa! Ghét ghê!"

"Cảm ơn Na. Họ hỏi... bài đấy mà. Những lần sau... cứ thế, Na nhé."

"Nhưng sao thày biết ý em mà trả lời tinh bơ vậy?"

Quảng nhún vai. Chạy thêm một quãng ngắn nữa, Quảng dừng xe vào lề đường, chỗ khá vắng người qua lại. Na bước xuống, rực cười:

"Thày nhớ về thẳng nhà đấy. Nếu không em... méc mẹ cho xem!"

Quảng cũng cười theo, nói như thật:

"Na chịu làm em út của thày không? Thày chỉ có mỗi một cô em gái, sắp lấy chồng rồi."

Na chu môi:

"Chịu gấp! Em cũng đang không có anh lớn. Vậy ngoéo tay đi!"

Quảng chau mày, ngạc nhiên:

"Hả? Sao?"

"Giời! Ngoéo tay để chứng tỏ thật tình."

Hiểu ra, Quảng giơ ngón tay trỏ lên . Na lắc đầu:

"Không phải! Ngón áp úp cơ! Người ta vẫn lấy ngón đeo nhẫn để buộc lời thề."

Trong khi làm theo ý của cô bé học trò, Quảng cảm thấy mình bỉy động

thật sự. Na như lớn hẳn so với khi ngồi trong lớp.

Chợt để ý chiếc cặp sách Na ôm trước ngực, Quảng sực nhớ:

"À, bữa trước tên con trai chạy xe gắn máy trêu chọc Na gì thế?"

"Nó dám bảo, "*Em ăn gì mà ốm quá... dzậy!*". Tức dễ sợ!"

Quảng bậm môi lại kịp, không để tiếng cười vỡ ra, tặc lưỡi:

"Lếu láo thật. Đáng bị... chửi!"

Na "hứ" một tiếng rồi quay gót. Cô bé trở lại trường lấy xe của mình. Quảng nhìn theo những bước chân chim của Na trên vỉa hè; tà áo trắng uốn lượn như cánh bướm. Nắng trưa loang loáng trên các nóc nhà. Những ngọn me nhẩy múa theo hướng gió vờn. Tưởng như đang reo vui. Trời đã gần cuối xuân, sắp hè.

Và cũng từ ngày đó Na không chịu gọi Quảng bằng thày nữa (trừ trong lớp) mà là anh - Anh Hai! Và Quảng những khi vắng người cũng xưng "anh" với Na và gọi Na là "bé Na".

Thế đấy, dễ gì quên!

2.

Nhận được điện thư trả lời của thày Quảng, Na mừng như thể chưa bao giờ mừng bằng. Chẳng biết tại sao. Những lúc sực nhớ tình cảm này, Na cũng đã tự hỏi nhưng không tìm ra câu trả lời rõ rệt.

Thày Quảng quả quyết "*thày nhớ ra bé Na ngay*". Rồi như để chứng minh ký ức vững vàng của mình, thày Quảng nhắc tới nào "*cặp mắt nai tơ*" và nào "*nhân dáng mảnh khảnh*" của Na. Nhưng đặc biệt thày Quảng hỏi lại Na còn nhớ "*cái ngày Na giải cứu thày khỏi đám học trò vây quanh không?*". Dĩ nhiên Na nhớ lắm, nhớ rất rõ. Từng chi tiết! Và Na vẫn không bao giờ quên thày Quảng đã nhận Na làm em. Ngoéo tay đàng hoàng. Trong lá thư đầu, Na đã muốn gọi thày Quảng là anh - như độ ấy - nhưng còn ngại, sợ qua bao năm tháng, "*anh Hai*" đã quên "*bé Na*" này. Câu hỏi của thày Quảng mặc nhiên như một sự xác nhận vị trí của Na đối với thày. Na thầm thì, em nhớ chứ... anh! Và Na cảm thấy thân thương trở lại với danh xưng ấy. Mà chẳng phải với một kỷ niệm đó thôi đâu, nhưng cả một bầu trời dĩ vãng vẫn được Na ấp ủ trong tâm tưởng, nay phục sinh. Bầu trời ấy vốn khởi đi từ tuổi mới lớn và sau này vẫn luôn theo Na qua những quãng hành trình cuộc đời.

Thày Quảng đã viết trong cuốn lưu bút của Na, niên học cuối cùng thày phụ trách lớp: "*Thương Bé yếu ớt, mong manh. Cầu mong Bé luôn an manh*

- để còn vui chơi, học hành và... mộng mơ nữa chứ!". Đấy, nguồn lực để Na thấy được màu xanh và nụ cười viên mãn trong những bước chân lao đao. Na đã thuộc lòng từng chữ, xem như kinh nhật tụng.

Ngày xưa ngoài việc dạy học, thày Quảng vẫn hoạt động nhiều với các đoàn thể tuổi trẻ và xã hội. Và thày đã đem những ngọn đuốc phục vụ này vào trong các bài giảng ở lớp. Bên ngoài cổng trường Na cũng đã nhiều dịp theo thày đi sinh hoạt đây đó vào những ngày cuối tuần hay những kỳ nghỉ. Nhưng thày Quảng chẳng để ý gì lắm tới Na, coi như bao tham dự viên khác hoặc cùng lắm chăm sóc Na như trông nom một... em bé; ngược lại Na luôn nhìn thày là một thần tượng. Ảnh hưởng này tới nay vẫn sâu đậm và Na cũng lại thực hiện cho tha nhân những gì thày đã làm trước kia.

Na mở máy vi tính, viết hồi âm cho thày Quảng. Lần này Na đã tự nhiên gọi anh và xưng bé Na, chỉ sửa đổi chút xíu; từ ngữ "anh Quảng thương mến" thay cho tiếng "anh Hai" khô khan. Na khoe bây giờ mình không còn là "cái kẹo đồng đôi" nữa, nhưng đã... mập "vượt chỉ tiêu" rồi, đến độ lúc nào cũng phải canh chừng cây kim của bàn cân, không cho nó nhích thêm. Dĩ nhiên Na đồng ý với thày... à quên với anh Quảng rằng sau gần ba chục năm đã có biết bao thay đổi. Với bất cứ ai cũng vậy thôi. Như Na, cũng đã lập gia đình nhưng lại đã tan vỡ. Và như Quảng, theo anh viết "*nay cũng đã già nhiều*". Giọng văn trong thư của Quảng thấp thoáng chút bi quan, chút cay đắng dù thỉnh thoảng anh cố châm thêm đôi chút khôi hài. Hình như có điều gì anh ngần ngại. Na thầm nói, phải hỏi ngay trong thư này. Na tự hứa sẽ mạnh dạn, không thèm rụt rè như xưa nữa. Nghĩ lại mà vẫn giận. Độ ấy bao lần ngoài giờ học Na rất muốn nói chuyện riêng với... thày Quảng, nhưng không chen chân nổi với các chị lớp lớn, cứ phải đứng ôm cặp chầu rìa. Nếu không đánh bạo đóng kịch lần ấy, chắc chẳng bao giờ được gần thày. Nhớ tới, Na lại bật cười về sự lì lợm của chính mình, nhưng lại thỉnh thích thấy như anh Quảng với mình "tâm đầu ý hiệp". Sau đó hầu hết học trò trong trường đều tin Na là em ruột của thày Quảng, nhưng lại đi đồn: "Em gái thày Quảng... bà chằng quá trời!".

Na viết, sau biến cố 30 tháng Tư 75, Na chẳng còn được thấy bóng dáng anh Quảng ở trường Nguyễn. Nghe nói anh bị thuyên chuyển về một trường ngoại ô, đâu như tận trên Thủ Đức và không còn được dạy văn chương nữa, phải đổi môn. Mãi khi anh cùng gia đình vượt biên và đã định cư ở Bắc Âu, Na mới hay tin. Do nhỏ Hạnh kể lại. Bạn bè của Na đứa còn đứa mất. Rồi nhỏ Hưng cũng ra đi, Hạnh bỏ học. Chỉ còn nhỏ Dung thân

thiết với Na. Tuy hai đứa vẫn tiếp tục cắp sách đến trường nhưng nữ sinh không còn được tha thướt trong chiếc áo dài trắng. Bầu khí trong lớp khô cằn sỏi đá. Tuổi trẻ bị lão hóa theo chế độ sắt máu. Na cũng phải tối tối tham dự các buổi học tập chính trị, cũng lặn lội ở các vùng thủy lợi. Nhưng khi đứng trước cảnh trời đất bao la, nhìn những thân hình nhễ nhại đào xới từng miếng đất dưới ánh nắng như lửa đốt, Na nhận thức con người thật yếu đuối. Na nghẹn ngào nghĩ, thế mà vẫn có những con người tìm mọi cách làm khổ con người. Từ đó tâm tính Na trưởng thành hẳn với một nhân sinh quan của riêng mình: Dù trong hoàn cảnh nào, tình người vẫn luôn là ánh sáng cho hướng đi tâm hồn.

Và trong những dịp sinh hoạt ở phường khóm, Na đã gặp Hậu, một thanh niên nuôi nhiều hoài bão. Tình yêu nẩy nở mặc dù trong thâm tâm Na linh cảm như đã hiện hữu những đợt sóng ngầm. Nhưng Na vẫn dấn thân và tin tưởng.

Na được cha mẹ cho phép theo Hậu vượt biên. Như vợ chồng mới cưới. Ra tới ngoại quốc tuy ngơ ngác lúc đầu nhưng nhờ thông minh và tháo vát, Na hội nhập nhanh với cuộc sống hoàn toàn xa lạ. Tiếc rằng từ sau khi Na có thêm đứa con thứ hai, Hậu cũng hoàn toàn thay đổi. Na cắn răng chịu đựng, nuốt sâu vào ngực những cơn nức nở. Ra đường, vào sở làm Na vẫn giữ dáng vẻ một phụ nữ tươi vui, vô tư. Nhưng về nhà, đêm đêm đôi mắt lại ngập tràn dòng lệ. Cuối cùng biết không thể cứu vãn nổi mái ấm gia đình, Na đành dứt điểm. Như một thứ định mệnh bất khả tránh.

Bây giờ con cái đã tương đối lớn, lại ngoan khiến Na an tâm. Chẳng phải áy náy hiện tại, cũng không thắc mắc tương lai. Hiên ngang sống. Chao đảo nhưng Na không gục. Điệp khúc của Na, đơn giản nhưng hiệu nghiệm, luôn là "Có sao đâu!" sau mỗi điêu đứng.

Na kết thúc lá thư: "Bé Na của anh vậy đó. Lì lắm! Không ngờ biệt hiệu *Jango* bạn bè gán cho thuở nào vậy mà đúng, anh ạ".

3.

Quảng nén tiếng thở dài. Anh khó tin bé Na lại có thể bất hạnh như vậy. Xinh đẹp. Linh hoạt. Giỏi giang. Nhân hậu. Na hội đủ các điều kiện để người khác cần đến hầu xây dựng hạnh phúc. Không ngờ! Quảng cảm thấy tội nghiệp Na, xót thương Na. Tuy nhiên Quảng nhận thấy những lý luận của Na trong thư chứng tỏ "cô bé" bây giờ chững chạc quá, "người lớn" quá! Ngày xưa cô bé yếu ớt lắm mà, chỉ nghịch là nhất. Chắc thời gian và hoàn cảnh đã tôi luyện Na thành vậy? Quảng gật gù, "*cây sậy* vậy

mà bừng bừng nghị lực!"

Nghĩ về Na rồi nhìn lại mình, Quảng tự hỏi không lý định mệnh tai quái có thể đùa giỡn trong tất cả trường hợp? Trớ trêu thay những gì đã xảy ra cho Na cũng tương tự đến với Quảng. Vợ chồng Quảng chia tay sau những năm dông dã sóng gió. Các con nay đã trưởng thành và ra riêng cả rồi. Một mình Quảng thui thủi trong căn nhà rộng. Quảng đã rũ bỏ tất cả để thu mình vào một chiếc vỏ chật hẹp. Quảng khác Na hay đúng hơn thua Na ở điểm này. Quảng thầm bảo như muốn tự bào chữa, mỗi người một tâm trạng; vả lại Na còn trẻ.

Gớm bé Na đặt nhiều câu hỏi quá, nhưng Quảng cũng kể hết. Như lâu thật lâu nay mới được dịp thổ lộ. Mã cũng lạ, ngay với cha mẹ và các anh em, Quảng chỉ cho biết sơ qua về hoàn cảnh của mình. Với Na, ngược lại, Quảng không giấu một chi tiết. Nội tâm. Cuộc sống. Cảnh đổ vỡ. Những cay đắng. Quảng trải rộng tất cả trong những dòng chữ gửi cho Na.

Đọc thư anh Quảng, Na trố mắt ngỡ ngàng. Bé Na cũng những tưởng anh phải được hạnh phúc lắm chứ. Lập tức Na viết trên mạng, cho em số phôn, Na muốn nói chuyện trực tiếp với anh thay vì viết thế này... mỏi tay lắm! Lưỡng lự nhưng rồi Quảng cũng chiều ý cô bé. Giữa đêm điện thoại reo:

"Anh Quảng ơi, bé Na đây!"

Đã đoán trước nhưng Quảng vẫn giật mình, tỉnh ngủ hẳn:

"Na đó hả? Lâu quá mới lại nghe lại giọng nói của bé. Anh mừng lắm, không ngờ có ngày anh với Na lại được trò chuyện với nhau thế này."

"Anh nhận ra em liền không?... Chắc không chứ gì, tại trước khác, bây giờ em... già nên giọng cũng đổi. Còn giọng anh, em thấy vẫn như ngày nào anh giảng bài trong lớp. Em nói thật đấy!

Quảng lắc đầu, mỉm cười; bên tai vẫn ríu rít tiếng chim. Rồi tới những câu thăm hỏi, những chuyện kể dĩ vãng. Na bỗng nghiêm trọng:

"Em thấy anh sống như vầy không được. Khí hậu lạnh lẽo, ăn uống thất thường, cô đơn, đau ốm rồi anh... lăn đùng ra đấy, ai biết. Em nghĩ chắc anh phải có một người chăm sóc."

"Bé Na này, không phải bây giờ mà anh đã tự lo cho mình cả năm, sáu năm nay rồi, vẫn ngon lành. Anh khỏe mạnh chứ yếu ớt gì đâu. Vả lại sống chết, người ta... có số. Na đừng bận tâm làm gì, để sức lo cho con cái."

"Không! Hai đứa con của em lớn rồi, lại vẫn ở với mẹ thì việc gì em phải lo cho chúng nó. Chỉ có anh thôi. Cứ để bé Na lo cho anh, anh Quảng nhé!"

Quảng bật cười:

"Na ở tận bên ấy, anh bên này, cách nhau cả hơn nửa vòng trái đất, em làm gì được cho anh mà bảo lo với lắng. Bé Na... lộn xộn quá!"

"Hì! Hì!... Em chưa biết phải làm gì... Nhưng cứ mặc em!"

Đấy Na là như thế. Bao giờ cũng nồng nhiệt đến bướng bỉnh. Sau lần điện đàm đầu tiên Quảng nghĩ chắc Na nói để mà nói, xúc động bộc phát chứ sẽ chẳng làm được gì. Sau đó Quảng quên bẵng câu chuyện. Ít ngày sau Na lại gọi điện thoại:

"Em đã nhắm giới thiệu anh cho một người bạn thân của em. Chị này được lắm, cả người lẫn nết, anh ạ. Cũng ly dị như em nhưng hiện chị ấy sống một mình, có một đứa con nhưng nó đã lập gia đình ở tiểu bang khác. Thú thật, em mừng thật mừng!"

Quảngà... hoảng hồn, lặng hẳn người. Thấy Quảng làm thinh, Na hỏi tiếp; vẫn giọng sốt sắng:

"Anh chịu chứ gì? Phần em, chỉ cần nói một tiếng là xong ngay. Em làm mai mát tay lắm đó. Tin bé Na này đi! Xong việc đừng quên cho bà mai ăn đầu heo, nghe ông anh!"

Quảng vội chận lại:

"Thì cứ từ từ đã nào. Bây giờ bé Na nghe anh nói này nhé. Anh em mình tuy đã... tìm lại được nhau, nhưng thực tế mình vẫn chưa có dịp thấy mặt nhau. Sau bằng ấy năm xa cách, dĩ nhiên cả anh, cả em đều đã thay đổi. Em không còn là... con bé ốm tong ốm teo nữa... Khoan! Anh xin lỗi, để anh nói tiếp đã! Anh cũng không còn là một thày giáo trẻ nữa. Ấy là chưa nói tới mặt tâm lý. Vô tình gặp nhau ngoài đường, sức mấy anh em mình nhận ra nhau. Thử hỏi, bé Na dựa vào đâu mà đòi... giới thiệu hay làm mai?"

Chắc hẳn ở đầu dây nói bên kia cặp mắt của Na đang mở lớn, môi chu ra nên Quảng thấy giọng của Na càng sôi nổi hơn:

"Em không cần biết, nhưng theo em, người lớn ít thay đổi lắm vì cơ thể đã thành khuôn mẫu rồi. Có già đi nhưng không biến diện. Em vẫn nhớ như in hình ảnh của anh. Em tin chắc bây giờ gặp anh, dù ở đâu em cũng nhận ra anh liền. Anh của em vẫn đẹp trai, lại hiền nữa. Mặt hơi nghiêm nhưng cười thì dễ thương! Mấy bữa trước em có hỏi thăm, anh Tư cũng xác nhận anh Hai không thay đổi nhiều, gần như xưa. Thấy chưa!"

Những lời giải thích, can gián của Quảng sau đó không lay động nổi Na. Quảng đành tìm kế hoãn binh:

"Vậy hay là thế này, Na chịu khó chờ anh một hai... tuần lễ rồi anh sẽ viết thư cho Na biết sau... tiện hơn."

"Sao lâu thế?"

"Việc đại sự thì phải có nhiều thời giờ suy nghĩ kỹ. Được không, cô bé?"

Sau tiếng "OK" là một tràng cười:

"Em chờ anh đấy!"

Quảng nhìn qua khung cửa kính. Bầu trời bên ngoài đã sẩm tối. Chớm thu. Chỉ còn ít lá vàng bám hờ trên cành. Thỉnh thoảng gió luồn qua các ngọn cây, rít lên. Mưa tơi tả đã hai ba ngày liền, ướt đẫm không gian.

Những ngày kế tiếp Quảng suy tư thật sự, nhưng không phải về đề nghị của Na mà chỉ riêng về Na. Tự nhiên vậy. Có một cái gì đó đã khuấy động tâm hồn Quảng. Những điện thư của Na, giọng nói dịu ngọt và nhất là mối nhiệt tình chia sẻ của Na như có bùa phép muốn lôi Quảng ra khỏi khối âm u hiu quạnh. Hơn thế nữa, đồng cảnh ngộ tạo nguồn giao cảm. Hình ảnh cô bé học trò độ ấy không ngờ vẫn lung linh trong tâm thức Quảng. Như thể đã được thảo trình, giờ tự động bộc phát. Vả lại, phải chăng cái "ngoéo tay" ngày nào vốn là biểu tượng của một sự an bài? Quảng sống trở về quá khứ. Quảng trăn trở với hiện tại. Và Quảng ngờ ngợ một sự sắp xếp mới của định mệnh. Na như đã đầy ắp trong mỗi nhịp tim của Quảng.

Cuối cùng khi Quảng ngồi trước máy vi tính, các chữ như đã có sẵn, tuôn trào xuất hiện y thể đã vượt khỏi sức kiểm soát của lý trí:

"Anh những tưởng trái tim mình đã khô héo theo hoàn cảnh và tuổi tác, nhưng dường như nó đã thức tỉnh. Tại bé Na đấy! Đáng lý điều này anh không bao giờ nói ra, định tâm sẽ mang theo xuống mồ. Nhưng vì sợ Na bị thất bại trong việc xe duyên nên anh đành tiết lộ: Na ơi, thôi cho anh xin cầu hôn với chính... bà mai vậy! Nếu bằng lòng giúp anh, Na nên "giải nghệ" đi, Na không "mát tay" như em vẫn tưởng!"

Nhưng khi lá thư đã được chuyển đi, Quảng ngồi thừ, thẫm nghĩ, kể như đã mất bé Na vĩnh viễn. Cảm giác bồn chồn réo rắt từng giây phút. Khoảng trưa hôm sau, bỗng trên màn kính máy vi tính nhấp nháy dấu hiệu có thư mới. Quảng đọc. Thật chậm. Như muốn nuốt từng chữ:

"Vâng, bé Na chẳng thèm làm bà mai nữa, nhưng tình nguyện làm người đi bên anh cho tới cuối cuộc đời còn lại. Ghét anh ghê, để bé Na phải chờ đợi mãi anh mới "tiết lộ" được một câu có đầy đủ ý nghĩa!"

Đã gần cuối thu mà bên ngoài bỗng có nắng ửng vàng.

4.

Sau nhiều lần thử nghiệm, bác sĩ quyết định chứng "gai cột sống" cấp tính của Quảng không thể chữa trị bằng phương pháp nào khác ngoài phẫu thuật. Quảng không cho ai hay, lặng lẽ xách theo ít vật dụng cá nhân vào bệnh viện.

Buổi chiều trước ngày giải phẫu, Quảng phải ghi một số câu trả lời trong phiếu điền, nào trong trường hợp khẩn cấp ai là người phải được liên hệ số 1, ai số 2, nào các đồ vật mang theo này sẽ trao cho ai, bệnh nhân thuộc tín ngưỡng và giáo xứ nào. Quả đúng là một hình thức di chúc. Y tá thông báo sắp có một bác sĩ tâm lý tới gặp. Quảng hỏi lý do. Thì cũng lại để được trấn an mà... chết, nếu rủi ro cuộc giải phẫu thất bại. Quảng từ chối cung ứng này, nghĩ nếu đã tới số, cần gì nữa phải sửa soạn... tâm lý tâm liếc. Quảng buột miệng, vớ vẩn! Và đêm đó Quảng đã ngủ rất ngon.

Cuộc giải phẫu kéo dài năm tiếng. Khi tỉnh, Quảng biết mình đang nằm trong phòng hồi sinh nhưng hoàn toàn không thể định được thời gian. Trên vách tường xanh nhạt không treo chiếc đồng hồ nào như ở các phòng bệnh nhân khác. Ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn tăng thêm vẻ cô tịch. Quảng đau quá, rên. Một nữ y tá vội tới, dịu dàng hình như nói chào mừng đã trở lại sự sống. Cô đo mạch, khen tốt rồi bơm nhẹ dòng thuốc mê vẫn cắm sẵn cây kim vào huyết quản ở cổ tay. Quảng lại thiếp đi. Cứ vậy, mỗi khi Quảng tỉnh, y tá lại cho Quảng ngủ. Để trấn áp những cơn đau khủng khiếp.

Những ngày kế tiếp trong bệnh viện, Quảng vật vã với đớn đau. Vết thương ở xương hông mới dữ dằn, nơi người ta lấy một mẩu xương để xuyên qua một lỗ khoét ở cổ họng, đem luồn xuống đặt giữa hai đầu xương sống số 5, số 6 đã mòn. Quảng không tự đứng dậy nổi. Mỗi lần muốn đi, Quảng phải gọi y tá giúp. Quảng ngụp lặn trong những cơn chán chường.

Ngày xuất viện Quảng di chuyển vẫn chưa vững. Thêm vào đó Quảng phải đeo một vòng nhựa to bản quanh cổ khiến Quảng không thể quay đầu hai bên được. Quảng có cảm tưởng mình là một người máy.

Ngồi trong xe taxi ngó mắt ra ngoài, Quảng lơ đãng nhìn tuyết rơi trắng xóa đất trời. Tâm trạng Quảng trống rỗng.

Quảng đâu ngờ rằng hơn mười ngày qua Na nôn nóng như bị lửa đốt. Bỗng Quảng biến mất. Điện thoại reo, không thấy người nhấc máy. Thư gửi đi, không được hồi âm. Na liên lạc với gia đình của Quảng ở bên Mỹ, cũng không ai biết gì. Na chẳng hiểu lý do, tưởng điên được.

Bệnh tật bất ngờ đã nhắc nhở Quảng một thực tế, bắt anh phải suy nghĩ. Nhìn lại quá khứ của mình, Quảng thấy toàn những thất bại. Nay Quảng

nhận ra cuộc đời mình như đã khởi sự bước vào đoạn cuối. Chẳng còn gì để quyến luyến, tiếc nuối. Trừ tình yêu. Nhưng bé Na còn quá trẻ. Na lại đẹp. Quảng cảm thấy mình bó tay, không còn rộng rãi thời gian nữa. Yêu Na thì phải để Na hưởng hạnh phúc. Quảng nhận thức thêm rằng mình không có quyền làm Na khổ lần nữa. Na tươi cười duyên dáng trong tấm hình mà Quảng vẫn đặt trên bàn viết hẳn như đã biểu đồng tình với Quảng.

Vì còn yếu, Quảng nằm ẹp trên giường với bao ý nghĩ rối bời, với tâm tư thấm đẫm tuyệt vọng. Nhiều lúc Quảng để mặc những cơn đau nơi vết mổ tha hồ hoành hành. Mấy lọ thuốc an thần bị ném vào sọt rác. Căn nhà tối om. Giá lạnh của tiết đông luồn vào mọi khe kẽ trong các gian phòng. Quảng không động tới chiếc máy vi tính, giựt dây điện thoại ra khỏi ổ điện. Quảng đã lờ mờ thấy cái chết cận kề. Quảng bình tĩnh. Thôi thì mọi chuyện cũng phải tới lúc kết thúc. Chỉ bực không hiểu sao trong đầu Quảng cứ nghe văng vẳng tiếng trẻ sơ sinh khóc, đôi khi lại là tiếng cả bầy vịt đực gọi nhau. Đêm vừa chợp mắt, Quảng lại giật mình như có tiếng chuông cửa reo chát chúa hay tiếng đám đông người cãi cọ đâu đây. Lò dò bước ra, Quảng chỉ thấy bóng đen dày đặc và sự thinh lặng tuyệt đối.

Chẳng hiểu tình trạng như vậy kéo dài bao lâu, nhưng Quảng biết mình phải cho Na hay quyết định của mình. Quảng gượng ngồi vào bàn máy vi tính - viết thật nhanh - như thể nếu ngưng Quảng sẽ mất hết can đảm. Quên anh đi, bé Na ạ. Anh lớn tuổi quá rồi, lại nhiều bệnh tật. Hãy tưởng tượng hình hài của anh bây giờ. Khủng khiếp! Thế này, Na này: Tóc tai đã rụng hết. Răng không còn chiếc nào. Mặt mũi nhăn nhúm. Gầy trơ xương! Em còn trẻ đẹp, hãy nghĩ tới tương lai. Chắc chắn có nhiều người xứng đáng hơn anh đang theo đuổi em. Hãy thực tế, Na nhé. Lúc nào anh cũng ước mong bé Na của anh hạnh phúc!

Chỉ ít phút sau hiện về lá thư hồi âm. Na chỉ viết vỏn vẹn, chiều nay cho em nói chuyện điện thoại với anh. Quảng làm theo - như bao lần Quảng vẫn không thể làm khác ý Na. Khi điện thoại reo, Quảng nghĩ sẽ phải nghe những lời trách móc, nhưng không, giọng Na dịu ngọt lạ thường:

"Anh khỏe không? Anh đi đâu cả tháng nay mà chẳng cho em biết. Em sốt ruột quá, anh ơi!"

Bao sức lực tập trung nơi tâm trí Quảng bỗng tàn lụi. Toàn thân Quảng rạo rực trở lại. Rồi như bị u uẩn lâu dài, Quảng kể lể cho Na nghe hết nguồn cơn, từ căn bệnh tới cuộc giải phẫu, từ những đớn đau tới những ảo giác và hoang tưởng. Quảng chỉ ngừng khi chợt nghe tiếng khóc thút thít trong điện thoại. Tim Quảng nhói đau. Phút sau ở đầu dây bên kia Na mới ấp

úng lại được:

"Sao anh... giấu em?"

"Anh không muốn em lo lắng"

"Vâng, dĩ nhiên em không thể dửng dưng khi anh đau yếu, nhưng sự lo lắng đó cũng chỉ để chia sẻ với anh. Sao anh không hiểu rằng, ừ thà em lo lắng mà biết được nguyên do còn hơn là em hoang mang, lo sợ trong mịt mù. Thử hỏi đàng nào hơn. Em tưởng mình phát điên. anh ạ."

"Anh xin lỗi Na. Cũng vì anh thương em thôi!"

"Nói thương em, nhưng sao anh còn viết lá thư gì... kỳ cục quá vậy? Bộ anh vẫn chưa hiểu em sao?"

"Hiểu chứ... nhưng..."

Quảng nghẹn lời. Na tiếp:

"Anh Quảng ạ, em không còn nhỏ dại gì để mà bồng bột. Những gì em làm, em ý thức được. Yêu anh, em yêu tất cả những gì ở nơi anh. Em nổi tiếng... cứng đầu. Đúng! Có nghĩa là một khi em đã chọn, đã quyết ý thì không một ai hay ngoại cảnh nào có thể lay chuyển được em."

Quảng đã nén được xúc động; giọng bình tĩnh trở lại:

"Như anh đã viết cho em, anh sợ với số tuổi chồng chất hiện tại, anh sẽ chỉ làm em khổ thôi, trong khi đó em không thiếu cơ hội để sống đầy đủ và hạnh phúc."

"Em hiểu ý anh. Thật ra không phải mình anh nghĩ vậy. Mấy chị trong sở làm cũng nói với em như thế. Nhưng em đã trả lời họ, sau này tôi với ông ấy, chưa chắc ai phải chăm sóc cho ai. Vả lại nếu thương nhau thì việc chăm sóc cho nhau là niềm sung sướng chứ. Còn nói về sống chết, ai dám quả quyết mình thọ hơn người khác. Không thiếu người trẻ, kể cả con nít vẫn có thể qua đời cơ mà. Hơn nữa, yêu nhau thì dù được sống một ngày bên nhau cũng đủ hạnh phúc rồi."

"Em... lý tưởng quá, Na ạ. Mình nên thực tế thì bảo đảm hơn."

Na làm thinh. Quảng không biết Na đang nghĩ ngợi gì. Thời gian như thể đã đông cứng. Mãi lúc sau Na mới nối tiếp sau tiếng thở dài:

"Em đã nói hết ý của em... Thôi được, em tùy anh quyết định. Nhưng em muốn đề nghị anh điều này. Anh mới mổ xong, cần dưỡng sức. Bên đó lạnh lẽo, anh nên qua Cali này đôi ba tuần lễ cho ấm áp, nhân thể thăm mẹ và các anh em của anh. Cả gia đình vẫn nóng ruột sau khi anh bỗng dưng cắt đứt liên lạc. Hơn nữa chúng mình cũng chưa từng gặp nhau mặc dầu đã hai năm nay chúng mình nói yêu thương nhau. Anh cho em được gặp mặt anh một lần..."

Chợt Na ngưng lại như để đè nén cơn xúc động. Quảng cũng ngây người. Chiếc điện thoại nóng ran trong tay Quảng. Giọng Na thoáng pha nước mắt:

"Gặp nhau, em xin anh hãy nhìn vào mắt em, đôi mắt mà anh vẫn ca ngợi rồi anh cứ việc xác nhận anh không còn... yêu em. Em hứa sau đó em sẽ không... làm phiền anh nữa!"

Quảng hoảng hốt:

"Đâu phải là anh không... Em!... Na!..."

Chỉ còn văng vẳng tiếng nức nở tắc nghẹn trong máy. Quảng bỗng cảm thấy xây xẩm mặt mày, may mà dựa kịp người vào thành ghế. Chiếc điện thoại vuột khỏi tay Quảng, rơi xuống sàn nhà, nứt đôi.

5.

Quảng ra hiệu cho đứa em cứ về sau khi nó đã chở anh tới đây. Quảng đến chỗ hẹn sớm hơn giờ định. Nắng miền Cali rực rỡ. Gió nhẹ. Quảng cố tình ăn mặc giống như độ ấy mỗi khi đi dạy học: Quần đen, áo sơ-mi trắng xắn tay, cúc trên hở ngực. Càng lúc Quảng càng nôn nóng, hồi hộp. Hết ngồi xuống chiếc ghế đá, Quảng lại đứng lên đi đi lại lại. Nhìn chiếc kim đồng hồ đeo tay, Quảng tưởng thời gian đã ngừng lại. Quảng ngạc nhiên về chính mình, như thể đây là lần đầu tiên hẹn hò với người yêu của thuở thanh xuân.

Và Na đã đến. Quảng đứng bật dậy, ngây nhìn Na bước ra khỏi xe. Mái tóc dài tung bay trong gió. Na đơn giản nhưng vẫn kiều diễm trong bộ quần áo đậm màu. Quảng bước tới, nhưng bỗng dưng chân anh ngập ngừng. Ôi, vẫn đôi mắt ấy! Ơi là nụ cười năm xưa! Na đã đến bên Quảng. Hai vòng tay quấn quít lấy nhau.

"Anh đâu có khác xưa mấy. Thế mà anh cứ là..."

"Già sụm rồi!"

"Hứ!"

"Còn em thay đổi... một trời một vực. Nay em đẹp quá; nhân dáng thanh thoát, quí phái. Làn da..."

"Thôi! Không cho... "thày" tả nữa đâu. Mắc cở chết được!"

Khoảng hơn khắc sau Quảng và Na đã ngồi dưới một bóng cây sồi lùn xum xuê lá, ngoài bãi biển. Quảng đề nghị tới đây, bởi Na vẫn kể em mê biển. Na hay nhắc lại ngày vượt biên, lúc lênh đênh trên biển cả, Na cảm nhận thân phận con người không bằng hạt cát đối với đại dương mênh mông. Nhưng Na bảo, từ đó em thân thương với biển. Em vẫn thầm cám ơn biển,

Nhưng Na bảo, từ đó em thân thương với biển. Em vẫn thầm cám ơn biển, vì biển đã cứu em, đã cho em tự do, cho em lại sự sống. Bây giờ em thường ra đây với biển những khi em cần những giây phút tĩnh lặng cho tâm hồn. Em ngắm biển những buổi chiều mưa sau giờ làm...

Quảng đắm nhìn trong đôi mắt Na:

"Mắt em tuyệt vời. Như biển cả! Anh yêu em vô cùng, Na ơi!"

Na tựa đầu vào vai Quảng:

"Đừng bao giờ bỏ em, anh nhé!"

Quảng nói trong nỗi xúc động:

"Anh không... dại khờ đâu! Chúng mình mãi mãi bên nhau!"

Na ngước mắt lên, vuốt những sợi tóc xõa trước trán Quảng; hơi thở dồn dập. Quảng cúi xuống, đặt nụ hôn nồng nàn trên đóa môi Na.

Từ xa một đợt sóng lớn tràn tới, đập vào thành đá, tung lên hàng triệu triệu tia pháo bông.

Ngoài khơi mặt biển chói chang dưới ánh mặt trời rực rỡ.

Hoài Mỹ

Hận thù có mãi tiếp diễn
sau cuộc chiến?
Người trí thức sống và nghĩ như thế nào
trong bước khốn cùng?

TRÊN CẢ HẬN THÙ
Tập truyện của Tiêu Dao Bảo Cự

Ngoài 4 truyện ngắn đầu
và 3 truyện ngắn cuối,
tất cả còn lại được viết
trong thời gian
tác giả bị quản chế

tạp chí Văn Học xuất bản
giá 12 mỹ kim
đã có bán tại các nhà sách

vườn cỏ buổi chiều cuối cùng

MURAKAMI HARUKI

Lời người dịch:

Truyện ngắn sau đây, "GogoNo SaigoNo Shibafu", đăng trên tạp chí Takarajima tháng 8 năm 1982, là truyện thứ 5 trong tuyển tập "Chiếc Thuyền Đi Chậm Đến Trung Quốc - Chugoku-iki No Suro-bo-to", được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật trong bản bỏ túi do Chuko Bunko tái bản lần thứ 7 tháng 1 năm 2003.

Tôi đã làm nghề cắt cỏ thuê đâu khoảng năm 18, 19 tuổi, tức là đã 14, 15 năm trước. Thời xa xưa rồi.

Thỉnh thoảng có khi tôi lại nghĩ 14, 15 năm trước thì cũng chẳng là thời *xa xưa* gì mấy. Cái thời mà Jim Morrison ca bản *Light My Fire*, hay Paul McCarney ca bản *Long and Winding Road* (có lẽ là trước hay sau đấy một tí, nhưng đại khái thì cỡ thời đại ấy) mà bảo là thời xa xưa quá, thì tôi cảm thấy thiếu xác thực thế nào ấy. Bởi tôi nghĩ bản thân tôi bây giờ, so với thời ấy, thấy cũng chẳng đổi khác bao nhiêu.

Mà không, đâu có thể thế được. Chắc chắn là tôi đã thay đổi nhiều rồi chứ. Nếu không nghĩ thế thì có quá nhiều sự việc không sao giải thích được.

Ô-kê, vậy thì tôi đã thay đổi nhiều rồi. Và 14, 15 năm trước quả là thời xa xưa rồi.

Thời ấy, gần nhà tôi (lúc ấy tôi vừa mới dọn đến) có trường công lập trung học cấp hai; mỗi lúc tôi đi mua đồ hoặc tản bộ đều đi qua trước cổng trường. Vừa đi vừa lơ đãng ngắm đám học trò đang tập thể dục, hay vẽ tranh, hay chọc phá nhau. Chẳng phải tôi thích thú gì mà ngắm, chỉ vì chẳng có gì khác để ngắm đó thôi. Ngắm hàng cây anh đào bên tay phải cũng được, nhưng ngắm học trò trung học cấp hai vẫn hơn.

Cứ thế, mỗi ngày ngắm đám học trò ấy, bỗng một hôm tôi nghĩ ra: "*Đám học trò nầy đều khoảng 14, 15 tuổi cả*". Điều nầy đối với tôi là một phát hiện khá đáng kể và có chút kinh ngạc. 14, 15 năm trước đây thì đám nầy hoặc chưa được sinh ra, hoặc có vừa mới sinh ra thì cũng chỉ là khối thịt đỏ hỏn chẳng có ý thức gì. Vậy mà bây giờ thì đã biết mang nịt vú, biết thủ dâm, biết viết những bưu thiếp vớ vẩn gửi cho tụi Disc Jockey chọn quay đĩa nhạc, biết trốn vào góc kho chứa đồ thể dục mà hút thuốc lá, biết dùng hộp phun sơn đỏ viết bậy chữ "*sex*" lên tường nhà người ta, và có lẽ còn đọc truyện "*Chiến tranh và Hoà bình*" nữa.

Chao ôi!

Tôi quả thật đã nghĩ: *Chao ôi!*

Chứ 14, 15 năm trước thì tôi làm nghề cắt cỏ thuê cho người ta đấy.

*

Ký ức là thứ giống như tiểu thuyết, hoặc tiểu thuyết là thứ giống như ký ức.

Tôi cảm nhận thiết thực như thế từ ngày bắt đầu viết tiểu thuyết. Ký ức là thứ giống như tiểu thuyết, hoặc... vân vân...

Cho dù có rán điều chỉnh hình dáng đến đâu đi nữa, mạch văn cũng xiên bên nầy xẹo bên kia, cuối cùng có khi chẳng ra văn mạch gì ráo cả. Có vẻ cứ như là mình đang cố xếp chồng mấy con mèo con mềm nhũn, con nầy lên con kia. Âm ấm tay, mà lại chênh vênh thế nào ấy. Lắm khi tôi nghĩ thứ nầy mà là món hàng bán được sao? (mà hàng bán được thật đấy), thiệt là mắc cỡ. Quả thật có khi còn đỏ mặt lên vì xấu hổ nữa. Mà tôi đã đỏ mặt lên thì cả thế giới cũng đỏ mặt lên.

Tuy nhiên, nếu nắm được rằng sự tồn tại của con người -dựa trên cơ sở lý do tương đối thuần túy của sự việc- là hành vi cực kỳ điên khùng, thì chuyện điều gì đúng, điều gì sai, chẳng còn quan trọng gì mấy. Từ đó mới sinh ra ký ức, sinh ra tiểu thuyết. Sự thực nầy thì đã hẳn, giống như một thứ động cơ vĩnh viễn không ai ngăn lại được. Động cơ ấy vừa phát

ra tiếng "*lạch cạch*" vừa đi vòng quanh thế giới, vẽ lên mặt đất một đường dài không bao giờ dứt.

Con người nghĩ: cứ thế song suốt được thì tốt quá nhỉ. Thế nhưng làm sao mà song suốt được chứ. Bởi chẳng có cách nào để song suốt được cả.

Mà dù vậy, biết làm thế nào bây giờ?

Bởi lý do như thế cho nên tôi lại thu tập mấy con mèo con ấy mà xếp chồng lên nhau. Đám mèo con nhũn nhão và thật mềm mại. Không biết khi mở mắt ra thấy bị xếp chồng lên nhau kiểu những thanh gỗ nhóm lửa trại như thế, lũ mèo con ấy suy nghĩ như thế nào nhỉ? Có lẽ chúng chỉ nghĩ: "Ủa, sao kỳ vậy?", thế thôi. Nếu quả thật như thế -chúng chỉ nghĩ thế thôi- thì tôi được cứu rỗi phần nào.

Chuyện là như thế.

*

Tôi làm nghề cắt cỏ thuê đâu khoảng tuổi 18, 19, cho nên là chuyện xa xưa quá rồi. Khoảng ấy, tôi có người yêu cùng tuổi, nàng có chút sự tình nên phải ở một phố xa. Chúng tôi chỉ gặp được nhau mỗi năm tổng cộng chừng hai tuần lễ. Trong hai tuần ấy, chúng tôi làm tình, hay đi xem chiếu phim, đi ăn khá sang, hay chuyện trò không dứt từ chuyện nầy sang chuyện khác. Rồi cuối cùng thế nào cũng cãi nhau vang động, rồi lại làm hòa, và lại làm tình với nhau. Nghĩa là, tất cả mọi chuyện các cặp yêu nhau trên thế giới nói chung, làm với nhau, thì chúng tôi cũng đã làm với nhau theo kiểu phim rút gọn ấy.

Tôi có thật sự yêu nàng không, đến nay tôi cũng không hiểu rõ. Nhớ lại được, nhưng chẳng hiểu rõ. Chuyện thế vẫn có thật đấy. Tôi thì thích dùng bữa chung với nàng, thích ngắm nàng cởi bỏ dần từng mảnh y phục; mà vào trong âm hộ nàng thì cũng thích. Thích cả chuyện ngắm nàng làm tình xong lại áp mặt vào ngực tôi mà nói chuyện, hay nhắm mắt ngủ. Nhưng, chỉ thế thôi. Hoàn toàn chẳng có gì hơn thế.

Ngoài vỏn vẹn hai tuần lễ gặp nàng, đời tôi thời ấy có lẽ rất đơn điệu. Thỉnh thoảng đến đại học nghe giảng bài, qua được vừa đủ số môn học cho bằng người ta. Còn thì đi xem phim một mình, dạo chơi thơ thẩn vô chủ đích trên phố, hay hò hẹn với bạn gái thân mật nhưng không có khoản làm tình. Vốn tính không quen chuyện tụ họp đông người để chơi đùa náo động, nên người chung quanh nghĩ tôi là người trầm lặng. Khi chỉ có một mình thì chuyên nghe toàn là nhạc Rock and Roll. Những lúc ấy, cảm thấy có vẻ vui sướng, mà cũng cảm thấy có vẻ buồn bực. Nhưng vào thời ấy thì ai cũng thế cả.

Vào một buổi sáng mùa hè, đầu tháng Bảy, tôi nhận được lá thư dài của người tình, bảo là muốn chia tay. *Em đã yêu anh suốt từ ngày xưa, bây giờ vẫn yêu, và sẽ còn yêu...* vân vân. Nói tóm lại là muốn chia tay đó thôi. Bởi nàng đã có người yêu mới. Tôi lắc đầu, hút sáu điếu thuốc, ra ngoài uống bia lon, rồi trở về phòng, hút thuốc nữa. Và đã bẻ gãy ba cây bút chì độ cứng HB trên bàn học. Cũng chẳng phải giận tức gì. Chỉ bối rối không biết phải làm gì thôi. Thế rồi thay áo quần, đi làm. Từ đó, trong một khoảng thời gian, người chung quanh bảo là tôi dạo nầy trông vui tươi quá nhỉ. Cuộc đời thật khó hiểu.

Trong năm ấy, tôi làm thêm việc cắt cỏ thuê. Hãng cắt cỏ ở gần ga Kaido trên tuyến tàu điện Odakyu, khá phát đạt. Nói chung, người ta xây nhà thường trồng cỏ. Hoặc nuôi chó. Việc nầy giống như là phản xạ có điều kiện. Có người làm cả hai chuyện. Thế cũng tốt. Vườn cỏ xanh trông đẹp mắt, mà chó nuôi cũng dễ thương. Nhưng chỉ nửa năm thôi, mọi người bắt đầu chán. Vườn cỏ cứ phải cắt hoài, mà chó thì phải dắt đi chơi. Khó mà làm vui thích được mãi.

Đại khái vì thế mà chúng tôi mới có việc cắt cỏ thuê cho những người như thế. Tôi lấy được việc ấy vào mùa hè năm trước từ Ban Giúp Đỡ Sinh Viên của đại học.

Ngoài tôi còn có nhiều sinh viên khác vào làm nữa, nhưng tất cả đã nghỉ việc ngay sau đó, nên chỉ còn có mỗi mình tôi. Công việc thì cực nhọc nhưng thù lao khá. Lại nữa, chẳng cần phải nói gì nhiều với khách hàng cũng được. Hợp với tôi. Kể từ lúc bắt đầu làm việc ấy, tôi đã để dành được một món tiền khấm khá. Định dùng làm kinh phí du lịch mùa hè đâu đó với người tình. Nhưng bây giờ đã chia tay nhau mất rồi nên kinh phí ấy không cần nữa. Trong một tuần sau khi nhận được bức thư chia tay ấy, tôi đã suy tính nên dùng số tiền ấy vào việc gì. Nói đúng ra thì cũng chẳng có chuyện gì để suy nghĩ ngoài chuyện dùng số tiền ấy. Cả một tuần lễ lừng lơ chả ra đâu vào đâu cả. Đến cả dương vật của chính mình cũng ngờ ngợ là dương vật của ai khác. Ai đấy, tôi chẳng biết là ai, đang cắn nhẹ vào núm vú nhỏ bé của nàng. Có cảm giác sao đâu thật kỳ dị.

Kết cuộc cũng chẳng nghĩ ra cách dùng số tiền ấy. Cũng đã có người nào đấy dạm bán chiếc xe cũ Subaru 1000 phân khối. *Món hàng* không tệ mà giá cả cũng vừa túi tiền, nhưng không hiểu sao tôi vẫn chẳng dứt khoát được để mua. Cũng đã muốn đổi bộ loa mới, nhưng lại không hợp với nhà trọ bằng gỗ nhỏ xíu của tôi. Dọn qua nhà trọ khác cũng có thể được, nhưng chẳng nghĩ ra lý do phải đổi chỗ ở. Mà dọn qua nhà trọ mới rồi thì lại không

còn tiền để đổi bộ loa.

Chẳng biết tiêu số tiền ấy vào đâu. Rốt cuộc, chỉ mua một chiếc áo sơ-mi polo mùa hè với vài đĩa nhạc, phần còn lại vẫn còn nguyên. Rồi mua thêm một đài bán dẫn tính năng tốt hiệu Sony có loa lớn, nghe đài FM rất rõ.

Sau tuần lễ ấy, tôi để ý đến một sự thực. Đó là, nếu không biết tiêu tiền vào đâu, thì chuyện kiếm tiền để chẳng tiêu vào đâu cả ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì. Một sáng nọ, tôi nói với chủ hãng cắt cỏ thuê là muốn nghỉ việc. Bởi sắp sửa phải học thi rồi, mà trước đó cũng muốn đi du lịch. Chứ chẳng lẽ lại nói là không cần tiền nữa!

"Vậy hả? Tiếc quá". Chủ hãng (một trự ra dáng nhà chuyên môn trồng tỉa) nói. Rồi thở dài, ngồi xuống ghế mà hút thở ra khói thuốc. Mặt ngước lên trần nhà, đầu đảo một vòng trên cổ kêu "*lụp cụp*". "Cậu quả là làm việc giỏi. Trong đám sinh viên làm thêm, cậu là người làm lâu nhất, mà khách hàng cũng khen ngợi lắm. Ừm, còn trẻ mà làm thật giỏi đấy".

"Cảm ơn ông". Tôi nói. Thật vậy, tiếng tăm làm việc của tôi thật là tốt. Nhờ làm việc chu đáo. Đại loại dân làm thêm thường chạy máy cắt cỏ điện động cỡ lớn để cắt bừa cỏ đi, chỗ sót lại thì cắt tay qua loa. Làm thế thì chóng xong, mà đỡ mệt. Cách tôi làm hoàn toàn khác. Dùng máy cắt sơ qua, xong cắt lại bằng tay cẩn thận. Tất nhiên cỏ cắt đẹp hẳn. Nhưng *thu hoạch* kém hơn. Bởi thù lao tính bao cho từng nhà. Cứ theo diện tích đại khái của vườn cỏ mà định giá. Lại nữa, cứ khom lưng mà cắt cỏ nên lưng đau mỏi nhừ. Nỗi đau nầy không phải là người thực tế cắt cỏ thì không sao hiểu thấu được. Chưa quen việc thì nội chuyện đi lên đi xuống cầu thang là đã đủ khó nhọc rồi.

Chẳng phải vì muốn được tiếng tăm tốt mà tôi cắt cỏ cẩn thận thế đâu. Nói ra thì khó tin nhưng quả thật chỉ vì tôi thích cắt cỏ. Cứ mỗi buổi sáng mài kéo cắt cỏ, chất máy cắt cỏ lên xe van, chạy đến nhà khách hàng mà cắt cỏ. Đủ loại vườn tược, đủ loại cỏ, đủ loại vợ người. Có bà hiền hậu tử tế, có bà thô tạp. Có cả bà vợ trẻ mặc áo thun cổ rộng, không nịt vú, cứ thế ngồi trước mặt tôi đang cắt cỏ mà cho xem cả đầu vú nữa.

Dù gì đi nữa, tôi cũng đã tiếp tục cắt cỏ thuê. Phần lớn là vườn cỏ mọc cao. Cứ như là bụi cỏ dại. Cỏ càng mọc cao, cắt cỏ càng có ý nghĩa. Bởi khi xong công việc, ấn tượng của khu vườn hoàn toàn đổi khác. Cảm giác nầy thật tuyệt vời. Cứ như là tầng mây đen dày vừa được vén lên cho ánh dương rạng rỡ phủ chan hòa lên vạn vật.

Có một lần, sau khi xong việc, tôi đã làm tình với bà chủ nhà. Khoảng tuổi 32, 33. Nàng nhỏ người, vú nhỏ săn chắc. Đóng cả cửa gỗ chống mưa,

tắt hết đèn, chúng tôi làm tình trong căn phòng tối mịt. Nàng để nguyên áo đầm, cởi bỏ quần lót, ngồi lên người tôi. Không để tôi chạm tay vào phần ngực trở xuống. Da thịt nàng mát lạnh quá chừng mà âm hộ lại ấm áp. Nàng hầu như chẳng nói lời nào. Tôi cũng lặng im. Lai áo đầm của nàng cọ xát thành tiếng "*sột soạt*", lúc nhanh lúc chậm. Nửa chừng, chuông điện thoại reo. Reo một hồi rồi ngừng bặt.

Về sau, có lúc bất chợt tôi nghĩ không chừng vì chuyện ấy mà người tình đã chia tay với tôi. Cũng chẳng có lý do gì để phải nghĩ như thế. Vẩn vơ nghĩ như thế thôi. Tại tiếng chuông điện thoại không bắt ấy. Nhưng cũng chả sao. Chuyện đã xong rồi.

"Nhưng mà kẹt lắm đây". Chủ hãng nói. "Bây giờ mà cậu rút thì không sao làm cho xong các chỗ đã đặt làm. Mùa nầy là bận rộn nhất mà".

Đúng vào mùa mưa lâm râm nên cỏ tha hồ vươn cao.

"Hay là thế nầy, cậu làm thêm một tuần nữa thôi, được không? Trong vòng một tuần ấy có thể có thêm người làm, thế nào cũng xoay sở được. Nếu cậu giúp được cho thế thì tôi trả thêm tiền thưởng".

Cũng được, tôi đáp. Chẳng có dự định gì gấp hay đặc biệt, mà công việc thì tôi cũng chẳng ghét bỏ gì. Mà trớ trêu thật chứ. Đúng vào lúc mình nghĩ là không cần tiền thì lại có tiền vào.

Ba ngày sau đó liên tục nắng tốt, chỉ một ngày mưa, rồi lại ba ngày nắng tốt. Tuần lễ cắt cỏ thuê cuối cùng của tôi đã qua đi như thế. Trời hè. Mà lại là những ngày hè tuyệt đẹp đến mê tơi. Trên nền trời xanh có những cụm mây trắng lơ lửng như những hoài niệm cũ. Ánh nắng châm chích như đốt da mình. Da lưng của tôi đã lột sạch ba lần, tuyền một màu đen sẫm. Đến phía sau vành tai cũng đen thui.

Buổi sáng cắt cỏ thuê cuối cùng, tôi mặc áo thun, quần soóc, mang giày quần vợt, kính mát, lên xe van đến vườn cỏ cuối cùng phải cắt của mình. Máy nghe đài trong xe đã hỏng nên tôi mang theo chiếc máy bán dẫn, mở nghe nhạc *Rock and Roll* vừa lái xe. Nhạc của Cleadence hoặc Grand Funk, đại khái thế. Mọi thứ trên đời xoay vòng quanh mặt trời mùa hạ. Tôi huýt sáo miệng vài hồi, lúc không huýt sáo thì hút thuốc. Người xướng ngôn đài FEN của quân đội Mỹ liên tiếp phát âm những địa danh Việt Nam trầm bổng lạ tai.

Chỗ cắt cỏ thuê cuối cùng của tôi nằm gần sân bóng Yomiuri Land. Chán thật. Vì cớ gì mà người ở tuốt dưới huyện Kanagawa lại phải gọi đến dân cắt cỏ thuê ở tận trên Setagaya kia chứ? Nhưng tôi cũng chẳng có quyền gì mà cằn nhằn về chuyện ấy. Bởi chính tôi đã chọn chỗ nầy mà. Buổi sáng

đến hãng thì các chỗ cần làm trong ngày đã được niêm yết trên bảng đen, mỗi người tự mình chọn lấy chỗ muốn làm. Đại loại thì ai cũng chọn chỗ gần. Đi lại nhanh chóng để làm được nhiều chỗ. Tôi thì ngược lại, nhắm chỗ xa. Lần nào cũng thế. Ai cũng lấy làm lạ về chuyện nầy. Bởi như đã nói, tôi là người làm việc lâu năm nhất trong đám sinh viên làm thêm, nên có quyền ưu tiên chọn chỗ làm trước mọi người.

Cũng chẳng có lý do gì đặc biệt. Chỉ vì tôi thích đi xa, thế thôi. Thích đến vườn xa, cắt cỏ nơi xa. Thích ngắm phong cảnh nơi xa trên đoạn đường xa. Mà giải thích kiểu nầy có lẽ chẳng ai hiểu cho.

Tôi chạy xe với tất cả các cửa sổ mở toang. Càng rời xa đô thị, gió càng mát, và cây cỏ càng đậm màu. Mùi cỏ và mùi đất khô nồng thêm, đường viền giữa mây và màu trời in rõ thêm. Thời tiết tuyệt vời. Ngày nắng tốt tuyệt hảo cho một chuyến du lịch nhỏ của một đôi tình nhân. Tôi nghĩ đến biển mát lạnh cùng bãi cát nóng bỏng. Rồi đến một căn phòng nhỏ ướp lạnh sẵn bằng máy điều hòa không khí cùng tấm khăn trải giường màu xanh mới, còn nguyên nếp hồ. Chỉ có thế thôi. Ngoài ra, chẳng nghĩ đến gì khác cả. Bãi cát và tấm khăn trải giường màu xanh thay phiên nhau hiện lên trong trí tôi.

Cả lúc dừng xe đổ xăng cho đầy bình ở trạm xăng, tôi cũng đã nghĩ như thế. Tôi nằm dài trên đám cỏ bên cạnh trạm xăng, lơ đãng ngắm người phục vụ đang kiểm dầu nhớt hay lau kính xe. Áp tai xuống mặt đất thì nghe được nhiều thứ tiếng động. Nghe cả tiếng gì như tiếng sóng nơi xa. Nhưng tất nhiên đấy chẳng phải là tiếng sóng thật. Mà chỉ là tổng hợp của rất nhiều thứ tiếng động thu hút vào lòng đất, hòa trộn nhau mà thành. Có chú sâu nhỏ đang bò trên nhánh cỏ ngay trước mắt tôi. Loài sâu màu lục có cánh. Chú bò đến tận đầu mút ngọn cỏ, ngơ ngẩn một lúc, rồi bò ngược trở lại đường cũ. Mà thấy chú cũng chẳng có vẻ gì thất vọng cả.

Chú sâu có phải cũng đang cảm thấy trời nóng đó không? Chẳng hiểu.

Chỉ mười phút là đổ xăng xong. Người phục vụ bóp kèn xe gọi tôi.

*

Căn nhà tôi hướng đến nằm ở lưng chừng ngọn đồi. Một ngọn đồi thoai thoải trang nhã. Hai bên đường ngoằn ngoèo bò lên đồi trồng hai hàng cây cử[1] san sát nhau. Trong vườn nhà nọ có hai cậu bé đang trần truồng cầm vòi nước xịt vào nhau. Những tia nước bắn lên tạo thành một mống trời nho nhỏ cỡ 5 cen-ti-mét. Có ai đấy đang luyện đàn dương cầm bên cửa sổ mở rộng. Nghe thật điêu luyện. Đến có thể nhầm là đang nghe từ đĩa nhạc.

Tôi dừng xe trước nhà, bấm chuông. Chẳng ai lên tiếng. Chung quanh im vắng lạ thường. Chẳng thấy bóng người nào cả. Có cảm giác như là giờ ngủ trưa thường có ở các nước thuộc hệ Tây Ban Nha. Tôi bấm chuông một lần nữa. Rồi kiên nhẫn chờ.

Ngôi nhà xinh xắn, dễ thương. Tường trét vữa màu kem nhạt, giữa nóc nhà đâm lên một ống khói vuông vức cùng màu. Khung cửa sổ màu xám, buông rèm trắng. Cả hai khung cửa sổ đều cháy nắng từ đời nào. Nhà cổ, nhưng vẻ xưa cổ ấy thật hợp. Đến các vùng nghỉ mát thì hay thấy loại nhà như thế nầy. Chỉ nửa năm có người ở, nửa năm bỏ trống. Ngôi nhà nầy toát ra vẻ như thế. Sự hiện diện của ngôi nhà tỏa ra mùi của đời sống.

Hàng rào chỉ cao đến ngang hông, bằng gạch chất lên nhau theo kiểu Pháp, bên trên trồng hoa hồng. Hoa tàn rụng cả rồi, chỉ còn lá xanh đang tẩm đầy ánh nắng chói chang mùa hạ. Không thấy được đến tình trạng cỏ, nhưng khu vườn trông thật rộng rãi, có cây long não lớn in bóng mát rượi lên tường nhà màu kem.

Tôi phải bấm chuông lần thứ ba mới thấy cửa chính từ từ mở ra, và một người đàn bà trung niên xuất hiện. Một người đàn bà to con dễ sợ. Tôi thuộc loại chẳng nhỏ con gì nhưng bà ta còn cao hơn tôi ít nhất là ba cen-ti-mét. Bề ngang giữa hai vai cũng rộng, ra dáng hùng hổ như đang tức bực điều gì. Tuổi chừng trên dưới 50. Không phải là người đẹp nhưng mặt mũi cân đối. Tuy cân đối nhưng chẳng phải là khuôn mặt khiến người khác có cảm tình. Lông mày rậm, cằm vuông cho thấy vẻ ương ngạnh, đã nói ra là không bao giờ rút lời lại.

Bà ta, cặp mắt lờ đờ như còn ngái ngủ, nhìn tôi có vẻ phiền hà. Tóc cứng, uốn dợn sóng trên đầu đã có vài sợi bạc, từ vai áo đầm bằng vải màu nâu buông thõng hai cánh tay chắc nịch mà trắng bóc.

"Gì đấy?". Bà ta hỏi.

"Thưa, tôi đến để cắt cỏ trong vườn". Tôi nói, rồi tháo kính mát ra.

"Vườn gì?". Bà ngoẹo đầu. "À, cậu đến cắt cỏ đấy nhỉ?"

"Vâng, chúng tôi được điện thoại bảo đến đây".

"Ừm, phải rồi. Cắt cỏ đấy nhỉ. Xem nào, hôm nay là ngày mấy?"

"Thưa, ngày mười bốn".

Bà ta ngáp. "Ờ, đã mười bốn rồi nhỉ". Rồi ngáp thêm một cái nữa. "Mà nầy, có thuốc lá không?"

Tôi lôi bao thuốc lá Hope điếu ngắn ra, đưa một điếu thuốc cho bà, rồi châm lửa hộ. Bà ngước mặt lên, khoan khoái thở khói thuốc lên trời.

"Vậy thì cắt đi". Bà nói. "Bao lâu thì xong?"

"Bà hỏi thời gian bao lâu?"

Bà ta hếch cằm ra trước, gật đầu.

"Còn tùy vườn rộng bao nhiêu và cỏ cao đến đâu. Bà cho xem vườn, được không?"

"Được chứ. Không xem thì không làm được chứ gì".

Tôi theo chân bà ta đi vòng xem khu vườn. Vườn phẳng, hình chữ nhật, rộng khoảng hai trăm thước vuông. Có bụi tú cầu và cây long não. Còn lại là cỏ. Dưới khung cửa sổ có hai lồng chim trống không bỏ ở đấy. Khu vườn có vẻ được chăm sóc đàng hoàng, cỏ mọc cũng không cao đến nỗi cần phải cắt ngay. Tôi có hơi thất vọng.

"Cỡ nầy thì hai tuần nữa mới phải cắt. Bây giờ thì chưa cần".

"Cắt bây giờ hay không thì tôi định chứ, phải vậy không?"

Tôi liếc nhìn bà ta. Ừ, thì đúng như thế rồi.

"Tôi muốn cắt ngắn nữa kia. Và sẽ trả tiền cắt. Vậy là được chứ gì?"

Tôi gật đầu. "Khoảng bốn tiếng đồng hồ thì xong".

"Gì mà lâu thế?"

"Tôi muốn làm thong thả thôi". Tôi nói.

"Ừ, thế cũng được". Bà ta nói.

Tôi ra xe lấy máy cắt cỏ điện động với kéo cắt cỏ, cào cỏ, bao rác, bình thủy đựng cà-phê và đài bán dẫn, mang vào vườn. Mặt trời đã lên gần đỉnh đầu, nhiệt độ tăng nhanh. Trong lúc tôi mang đồ nghề vào vườn, bà ta bày ra ở ngưỡng cửa cỡ chục đôi giày, lấy giẻ phất bụi. Toàn là giày đàn bà, cỡ nhỏ cùng cỡ thật lớn.

"Tôi nghe nhạc trong lúc cắt cỏ có được không ạ?". Tôi dạm hỏi.

Bà ta vẫn ngồi khom lưng, ngước lên nhìn tôi.

"Được chứ. Tôi cũng thích nghe nhạc đấy".

Trước tiên, tôi dọn dẹp các viên sỏi rơi trong vườn, rồi chạy máy cắt cỏ. Để máy khỏi bị hại vì chạm phải sỏi ấy. Máy cắt cỏ mặt trước có giỏ nhựa, cỏ mới cắt đều gom vào trong giỏ ấy. Giỏ đầy thì tháo ra, sang cỏ qua bao rác để đem bỏ. Vườn rộng hai trăm thước vuông nên dù cỏ không cao cũng cắt được một lượng lớn. Mặt trời chiếu nắng "*xèo xèo*". Tôi cởi bỏ áo thun đẫm mồ hôi, chỉ còn độc một chiếc quần soọc. Cứ như là đang ở trong một lò nướng thịt ngoài trời, khá tráng lệ. Kiểu nầy thì có uống bao nhiêu nước cũng thoát ra thành mồ hôi, chẳng thành giọt nước tiểu nào cả.

Chạy máy cắt cỏ khoảng một giờ xong, tôi nghỉ tay, ngồi dưới bóng cây long não uống cà-phê đá. Lượng đường nghe thấm vào từng ngõ ngách trong thân thể. Trên đầu thì ruồi không ngừng vo ve. Tôi bật máy nghe đài,

vặn nút chọn chương trình nhạc thích hợp. Khi nghe được ban Three Dog Night ca bản *Mama Told Me*, tôi ngừng tay vặn, nằm ngửa ra mà nhìn qua kính mát, đám lá cây, và ánh nắng len qua đám lá cây ấy.

Bà chủ nhà đến đứng cạnh tôi. Từ dưới nhìn lên, thấy bà ta cao to như cây long não. Tay phải bà cầm ly rượu có nước đá lay động lấp lánh dưới ánh nắng hè.

"Nóng chứ?". Bà ta hỏi.

"Vâng". Tôi đáp.

"Cơm trưa thì tính sao?". Bà hỏi.

Tôi nhìn đồng hồ tay. 11 giờ 24 phút.

"12 giờ thì đi đâu đấy ăn trưa. Tôi thấy gần đây có quán hamburger".

"Khỏi đi làm gì cho mất công. Tôi làm bánh mì kẹp thịt gì đấy cho".

"Thật tình, không sao đâu. Lúc nào làm việc cũng ra ngoài ăn đấy mà".

Bà đưa ly rượu lên uống một hớp nửa ly. Rồi chun miệng thở ra một tiếng "*phù*".

"Đừng lo. Bề nào thì cũng làm cho mình, nhân tiện làm cả cho cậu luôn. Ăn nhé?"

"Nếu thế thì xin bà. Cảm ơn bà".

"Có gì đâu". Bà ta nói. Rồi đánh đưa hai vai, thong thả đi trở vào nhà.

Tôi cắt cỏ bằng kéo cho đến 12 giờ trưa. Trước tiên, xén thẳng những hàng cỏ so le từ lần cắt bằng máy, lấy cào tóm lại một chỗ. Xong cắt những chỗ đã không cắt được bằng máy. Việc làm rất công phu. Muốn làm bừa cho xong cũng làm được, mà muốn làm cho cẩn thận thì cũng làm được. Nhưng cho dù có làm cẩn thận cũng chưa hẳn sẽ được khen. Có khi còn bị chê là chậm chạp nữa. Thế nhưng như đã nói, tôi thì làm rất cẩn thận. Đấy là vấn đề tính cách con người. Và có lẽ là vấn đề lòng tự hào nữa. Khi tiếng còi điểm 12 giờ trưa vang lên từ hãng xưởng nào đấy, thì bà chủ nhà gọi tôi vào bếp, đưa cho miếng bánh mì kẹp. Bếp không rộng nhưng gọn gàng sạch sẽ. Ngoài cái tủ lạnh to tướng chạy nghe tiếng "*rù rù*" thì thật là tĩnh lặng. Chén, đĩa, thìa đều là đồ cổ xưa. Bà ta mời bia nhưng tôi thoái thác vì còn phải làm việc. Thay vào đó, bà cho nước cam. Còn bà uống bia. Trên bàn ăn còn để một chai whisky White Horse chỉ còn một nửa. Dưới bồn nước, đủ thứ chai không lăn lóc.

Bánh mì kẹp thật ngon. Giăm-bông, sà-lách, dưa leo kẹp vào bánh mì, thêm bột cay kích thích. Tôi khen: Ngon quá. Bà ta nói: Chỉ có bánh mì kẹp

là tôi làm ngon. Bà ta chẳng ăn miếng nào cả. Chỉ nhấm nháp hai miếng dưa ngâm dấm, còn thì uống bia suốt. Bà ta không nói chuyện gì, mà tôi cũng chẳng có chuyện gì để nói.

Đến 12 giờ rưỡi, tôi trở ra vườn. Vườn cỏ buổi chiều cuối cùng đây.

Tôi vừa nghe nhạc *Rock and Roll* từ đài FEN vừa cẩn thận xén đều vườn cỏ. Nhiều lần đã dùng cào để dọn sạch cỏ vụn, và kiểm điểm từ nhiều góc cạnh xem có cắt sót chỗ nào không, giống như việc thợ cắt móng tay vẫn làm. Đến một giờ rưỡi thì xong được hai phần ba. Đã nhiều lần mồ hôi tươm vào mắt lại phải ra vòi nước trong vườn để rửa mặt. Vài lần dương vật cương cứng lên, rồi lại xẹp xuống. Đang cắt cỏ mà cương cứng lên, thật là chuyện điên khùng.

Đến 2 giờ 20 phút thì xong việc. Tôi tắt máy nghe đài, đi chân không một vòng quanh vườn cỏ. Kết quả rất đáng hài lòng. Không cắt sót mà cũng không cắt phạm vào đâu cả. Trơn tru như quả bóng.

"*Cả bây giờ đây, em cũng vẫn yêu anh*". Nàng viết trong bức thư cuối cùng như thế. "*Em nghĩ anh hiền hòa và đáng trọng. Nhưng có khi em cảm thấy chỉ thế thôi thì có lẽ không đủ. Tại sao lại nghĩ như thế thì em cũng không hiểu. Em nghĩ nói như thế thì tệ thật. Mà chẳng giải thích được gì cả. Tuổi 19 là tuổi thật đáng ghét. Lớn thêm vài tuổi nữa, có lẽ em sẽ giải thích được hay hơn. Nhưng mà, vài năm nữa có lẽ lại chẳng còn cần phải giải thích gì nữa*".

Tôi ra vòi nước rửa mặt, mang đồ nghề ra xe van, mặc áo thun mới. Rồi mở cửa chính thông báo là đã xong việc rồi.

"Thế thì uống bia đi nào". Bà chủ nhà nói.

"Cảm ơn bà". Tôi nói. Bia thì có uống cũng chẳng sao.

Hai người ra đứng cạnh nhau ở đầu khu vườn, ngắm vườn cỏ. Tôi uống bia, còn bà cầm ly cao nhỏ uống Volka Tonic không có chanh. Loại ly mà tiệm bán rượu hay tặng cho khách hàng. Ruồi vẫn không ngừng vo ve. Bà ta trông chẳng có chút gì là say cả. Chỉ hơi thở có hơi không tự nhiên. Tiếng thở "*xì*" như lọt qua giữa kẽ răng.

"Cậu làm giỏi lắm". Bà khen. "Từ trước đến nay, tôi đã gọi lắm người cắt cỏ thuê rồi, nhưng cắt cẩn thận cho thế nầy thì cậu là người đầu tiên".

"Cảm ơn bà". Tôi nói.

"Chồng tôi lúc còn sống rất khó về chuyện cắt cỏ. Lúc nào cũng giành tự mình cắt lấy. Ông ấy cắt cỏ cũng kỹ như cậu".

Tôi rút thuốc lá ra mời bà ta, rồi cả hai cùng hút thuốc. Bàn tay của bà to hơn bàn tay tôi. Cả ly rượu bên tay phải lẫn điếu thuốc Hope điếu ngắn

bên tay trái trông nhỏ xíu. Ngón tay bà mập mạp, không đeo chiếc nhẫn nào. Móng tay có những đường vân dọc.

"Ông ấy hễ có ngày nghỉ là chỉ cắt cỏ thôi. Mà chẳng phải là người quái kỳ gì đâu nhé".

Tôi thử tưởng tượng một tí về ông chồng của bà. Nhưng chẳng làm sao tưởng tượng ra được. Không khác gì phải tưởng tượng cho ra hai vợ chồng cây long não vậy.

Bà ta lại thở ra một hơi "*xì*".

"Ông ấy mất đi rồi...". Bà nói. "Tôi phải gọi người cắt cỏ thuê suốt từ đấy. Tôi thì kém chịu nắng, con gái tôi cũng ghét phơi nắng đen da. Mà cho dù không ngại chuyện nắng làm đen da đi nữa, con gái còn trẻ mà đi cắt cỏ cũng đâu có được".

Tôi gật đầu.

"Cách làm việc của cậu thì tôi ưng ý lắm. Vườn cỏ thì phải cắt như thế nầy mới đúng".

Tôi lại ngắm vườn cỏ một lần nữa. Bà ta ợ một tiếng.

"Tháng sau lại đến làm nhé".

"Tháng sau thì không được đâu". Tôi nói.

"Sao vậy?". Bà hỏi.

"Hôm nay là ngày làm việc cuối cùng rồi". Tôi đáp. "Vì không sớm trở lại đời sinh viên mà học hành thì không xong được các môn học đâu".

Bà nhìn mặt tôi một lúc, nhìn xuống chân tôi, rồi trở lại nhìn mặt tôi.

"Sinh viên à?"

"Vâng". Tôi đáp.

"Trường nào?"

Tôi nói tên đại học của mình. Tên đại học chẳng làm bà ta chú ý. Bởi chẳng phải là đại học đáng chú ý. Bà ta đưa ngón tay trỏ gãi sau vành tai.

"Thế không còn làm việc nầy nữa à?"

"Vâng, trong mùa hè năm nay". Tôi đáp. Trong mùa hè năm nay, sẽ không làm việc cắt cỏ nữa. Mà mùa hè năm sau, rồi mùa hè năm sau nữa, cũng không."

Bà ta hớp một ngụm Volka Tonic, ngậm phồng miệng như đang súc miệng, rồi nuốt từ tốn làm hai lần. Mồ hôi tươm đầy trên trán bà. Trông như những côn trùng nhỏ bám vào.

"Vào trong nhà đi". Bà nói. "Ngoài nầy nóng quá".

Tôi nhìn đồng hồ tay. 2 giờ 35 phút. Còn sớm hay đã muộn cũng chẳng rõ. Công việc thì đã xong cả rồi. Từ nay, chẳng còn phải cắt dù là một cen-

ti-mét cỏ. Có cảm giác thật kỳ lạ.

"Phải đi gấp à?". Bà ta hỏi.

Tôi lắc đầu.

"Vậy thì vào trong nhà uống tí gì lạnh rồi hãy đi. Không mất thì giờ cậu đâu. Vả lại, có thứ nầy muốn cho cậu xem nữa".

Thứ nầy muốn cho xem?

Thế nhưng tôi không có thì giờ để ngần ngừ. Bà ta đã nhanh nhẹn bước đi trước, chẳng ngoái nhìn lại phía tôi. Tôi đành bước theo. Trời nóng đến làm đầu tôi lơ lửng mơ hồ.

Bên trong nhà vẫn lặng yên như trước. Từ chỗ ngập lụt ánh nắng mặt trời buổi chiều hè, đột ngột bước vào trong nhà tối, phía sau mi mắt tôi nghe đau như có kim chích vào. Trong nhà như phảng phất một màng sợi bóng đêm đen nhạt đã lược qua nước lạnh. Bóng đêm như đã quen thuộc với căn nhà nầy đâu từ vài mươi năm trước rồi. Không tối đến mịt mùng, chỉ tối nhạt thôi. Không khí mát mẻ. Không phải là cái mát của máy điều hòa không khí, mà là cái mát do không khí lay động. Như có gió lọt vào từ đâu đó, và thoát ra từ đâu đó.

"Phía nầy nầy". Bà ta nói, bước đi với tiếng dép "*phành phạch*" trên một hành lang thẳng. Hai bên hành lang có vài cửa sổ, nhưng tường rào nhà kế bên và những nhánh cây cử quá lớn ngăn cản ánh sáng từ bên ngoài. Nhiều thứ mùi phảng phất trong hành lang. Đều là những mùi tôi đã ngửi thấy từ trước. Những mùi mà thời gian tạo ra. Thời gian tạo ra những mùi ấy, rồi ngày nào đấy lại xóa tan đi. Mùi của áo quần cũ, bàn ghế cũ, sách cũ, đời sống cũ. Cuối hành lang có bậc cấp. Bà ta ngoái đầu lại xem có tôi đi theo không, rồi bước lên bậc cấp. Từng bậc cấp dưới chân bà rên lên tiếng gỗ nẻ.

Lên khỏi bậc cấp mới thấy ánh sáng chiếu vào. Từ khung cửa sổ không có màn che, ánh nắng hè chiếu thành vũng sáng trên sàn. Tầng trên nầy chỉ có hai phòng. Một phòng chứa đồ đạc, phòng kia là một phòng ngủ trông có vẻ ngăn nắp. Trên cửa phòng màu lục nhạt đùng đục, có khung nhỏ bằng kính mờ. Lớp sơn màu lục đã có vài đường nứt, nắm cửa bằng đồng thau thì chỉ chỗ tay vặn đã đổi sang màu trắng.

Bà ta chun miệng thở "*phù*" một tiếng, đặt ly Volka Tonic gần cạn lên bệ cửa sổ, rút chùm chìa khóa trong túi áo đầm ra, mở khóa, vang lên tiếng động lớn.

"Vào đi". Bà nói.

Chúng tôi bước vào phòng. Trong phòng tối om và ngột ngạt. Không

khí hầm nóng tù hãm. Từ những khe hở trong cánh cửa gỗ chống mưa đóng kín bên ngoài, ánh nắng chiếu xuyên vào phòng như vài miếng giấy bạc cán dẹp. Chẳng thấy gì trong phòng cả. Chỉ lấp lánh bụi lơ lửng đây đó. Bà ta kéo màn cửa, mở cửa kính rồi vẹt cửa gỗ chống mưa kêu "*rèn rẹt*". Thoáng chốc, ánh nắng rực rỡ choáng mắt và gió nam mát rượi chan hòa tràn vào phòng.

Căn phòng trông có vẻ là loại phòng điển hình của một thiếu nữ mười mấy tuổi. Bên cửa sổ có bàn học, phía đối diện có một chiếc giường gỗ nhỏ. Trên giường trải một tấm chăn màu xanh san hô, không một nếp nhăn. Và một chiếc gối đồng màu. Phía chân có một cái mền gấp xếp lại. Cạnh giường là tủ áo và tủ trang điểm. Trước tủ trang điểm xếp vài thứ đồ trang điểm như lược, kéo nhỏ, son môi, hộp phấn. Có vẻ không phải là người nhiệt tâm trang điểm.

Trên bàn học có tập vở và từ điển. Tiếng Pháp và tiếng Anh. Có vẻ đã được dùng nhiều rồi. Mà không phải lối dùng thô bạo, có vẻ đã được dùng cẩn trọng. Đĩa đựng bút có một nắm bút, sắp bằng đầu. Cục tẩy mòn tròn một đầu. Rồi đồng hồ báo thức, đèn bàn và cục chặn giấy bằng thủy tinh. Vật nào cũng là thứ giản dị. Trên tường gỗ treo năm tấm tranh chim chóc màu sắc thiên nhiên, và một cuốn lịch toàn số. Tôi miết thử ngón tay lên mặt bàn thì ngón tay bám đầy bụi trắng. Bụi bám đâu đã một tháng nay rồi. Cuốn lịch cũng đang ở trang tháng Sáu.

Nhìn chung căn phòng có vẻ trống trải quá cho một cô gái ở tuổi dậy thì. Không có thú nhồi bông, cũng chẳng có hình ca sĩ nhạc Rock. Những món trang trí lòe loẹt đã không có mà giỏ rác có hình hoa hòe cũng chẳng có. Trên tủ sách gắn vào tường, bày đủ loại sách. Sách văn học toàn tập, thi tập, tạp chí phim ảnh, tờ rời quảng cáo triển lãm hội họa... Sách bìa mỏng tiếng Anh cũng có mấy cuốn. Tôi thử tưởng tượng hình dáng cô chủ căn phòng nầy nhưng chịu thua. Chỉ có khuôn mặt của người tình đã chia tay hiện lên trong trí mà thôi.

Bà chủ nhà trung niên to con ấy vẫn ngồi trên giường nhìn theo tôi. Bà ta nhìn theo hướng mắt tôi suốt từ nãy đến giờ, nhưng có vẻ suy nghĩ gì đấy hoàn toàn khác. Mắt bà chỉ hướng theo tôi thế thôi, chứ thật ra chẳng nhìn gì cả. Tôi ngồi vào ghế cạnh bàn học, ngắm bức tường trét vữa sau lưng bà. Tường nầy chẳng treo gì cả. Chỉ trắng toát. Nhìn chăm chú một hồi, thấy như phần trên của bức tường đang chúi xuống phía trước. Cảm thấy như nó sắp đổ ập xuống đầu bà ta. Nhưng tất nhiên, chuyện đó không xảy ra. Chỉ nhìn thấy thế vì ánh sáng thay đổi thôi.

"Uống gì không?". Bà ta hỏi. Tôi lắc đầu từ chối.

"Không làm khách cũng được mà. Có phải ăn vặt đâu mà sợ".

"Vậy thì xin bà thứ bà đang uống, pha nhạt bớt". Tôi nói và chỉ vào ly Volka Tonic.

Năm phút sau, bà ta trở lại, mang theo hai ly Volka Tonic và đĩa gạt tàn thuốc. Tôi uống một hớp Volka Tonic của mình. Chẳng pha nhạt bớt tí nào cả. Tôi hút thuốc, chờ nước đá tan. Bà ta ngồi xuống giường, nhấm nháp ly Volka Tonic có lẽ còn đậm hơn nhiều so với ly của tôi. Thỉnh thoảng bà lại nhai nước đá "*cụp cụp*".

"Thân thể tôi vững lắm". Bà ta nói. "Nên không say đâu".

Tôi lơ lửng gật đầu. Bố tôi cũng đã vậy. Nhưng chẳng có ai đua với rượu mà thắng bao giờ. Chỉ là cho đến khi mũi mình ngập mất dưới mực nước, mới để ý đến chuyện nầy chuyện kia đó thôi. Bố tôi mất năm tôi 16 tuổi. Cái chết rất thản nhiên. Chết như chẳng nhớ trước đó đã sống hay không.

Bà ta im lặng hồi lâu. Ly rượu di động, nghe tiếng nước đá "*lanh canh*". Từ cửa sổ đã mở, thỉnh thoảng có gió mát lùa vào. Gió từ hướng nam thổi qua ngọn đồi bên kia mà đến. Buổi chiều mùa hạ yên tĩnh đến muốn ngủ luôn một giấc. Từ xa đâu đấy có tiếng chuông điện thoại reo.

"Mở tủ áo xem đi". Bà ta nói.

Tôi đến trước tủ áo, mở hai cửa ra theo lời bà. Áo quần treo chen chúc trong tủ. Phân nửa là áo đầm, còn lại là váy, nịt ngực và áo khoác. Toàn là đồ mùa hè. Đồ cũ cũng có mà đồ mới như chưa xỏ tay lần nào cũng có. Váy phần lớn là váy mini. Kiểu cách và vật liệu đều không tệ. Chẳng đặc biệt quyến rũ mắt người ta, nhưng vẫn thật trang nhã đẹp mắt. Có được chừng nầy y phục thì suốt mùa hè, mỗi lần hò hẹn có thể mặc một bộ khác. Tôi ngắm dãy quần áo một hồi rồi đóng cửa tủ lại.

"Đẹp quá". Tôi nói.

"Mở ngăn kéo ra xem". Bà ta nói. Tôi hơi ngần ngừ, nhưng rồi cũng nghe theo mà mở xem từng ngăn kéo của tủ áo. Trong lúc con gái người ta đi vắng mà vào phòng ngủ lục lọi như thế nầy, dù có được phép của bà mẹ đi nữa, cũng không thể xem là hành vi đàng hoàng được; thế nhưng cãi lời bà mẹ thì lại phiền phức quá. Tôi chẳng hiểu được người từ mười một giờ sáng đã bắt đầu uống rượu ấy đang suy nghĩ như thế nào.

Ngăn kéo lớn trên cùng có quần bò, áo polo, áo thun. Giặt xong, xếp gấp cẩn thận, không một nếp nhăn. Ngăn kéo tầng hai có xách tay, dây nịt, khăn tay và vòng đeo tay. Thêm vài cái mũ vải. Tầng ba có đồ lót và vớ tất. Mọi thứ đều sạch sẽ, ngăn nắp. Tôi tự dưng cảm thấy buồn buồn vô cớ.

Ngực nghe trĩu xuống một tị. Tôi đóng ngăn kéo lại.

Người đàn bà vẫn ngồi trên giường, ngắm khung cảnh bên ngoài cửa sổ. Ly Volka Tonic trên tay phải đã gần cạn.

Tôi trở lại ghế ngồi, châm lửa điếu thuốc. Bên ngoài cửa sổ, dốc đồi thoai thoải xuống, đến cuối dốc lại uốn lên một dốc đồi khác. Trông xa, thảm cỏ xanh dợn sóng lên xuống kéo dài vô tận, những căn nhà điểm xuyết như được dán lên thảm xanh ấy. Nhà nào cũng có vườn, vườn nào cũng tràn đầy những cỏ.

"Cậu thấy sao?". Bà ta nói, mắt vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ. "Về *cô* nầy".

"Không gặp lần nào thì làm sao mà biết được". Tôi nói.

"Nhìn y phục cô nào thì đại khái hiểu được chứ". Bà ta nói.

Tôi nghĩ đến người tình của mình, nhớ lại xem nàng mặc y phục như thế nào. Mà chẳng làm sao nhớ lại được. Những điều tôi có thể nhớ về nàng đều là những hình ảnh mơ hồ. Khi tôi cố nhớ lại hình ảnh chiếc váy của nàng thì hình ảnh áo sơ-mi nàng mặc lại biến mất đi. Tôi cố nhớ lại chiếc mũ nàng đội, thì khuôn mặt nàng lại biến thành khuôn mặt của cô gái nào khác. Mới có nửa năm, mà tôi đã chẳng còn nhớ lại được gì cho rõ. Kết cuộc, chẳng hiểu tôi đã biết gì về nàng nhỉ?

"Tôi chẳng biết". Tôi lặp lại.

"Cảm thấy thế nào cứ nói thế ấy thôi mà. Điều gì cũng được. Nói cho tôi nghe tí xíu là đủ rồi".

Tôi uống một hớp Volka Tonic để câu giờ. Nước đá đã tan hầu hết, rượu ngọt như nước đường. Mùi Volka mạnh trôi qua cuống họng, xuống dạ dày, làm ấm nhẹ trong người. Ngọn gió thổi vào từ cửa sổ làm tán loạn tro thuốc lá trắng trên bàn học.

"Có vẻ là người ngăn nắp, đáng mến". Tôi nói. "Không đường đột, nhưng cũng không phải là nhút nhát. Thành tích học vấn thuộc hạng cao. Đại học nữ sinh hoặc là đại học ngắn hạn hai năm, bạn bè không nhiều nhưng là bạn thân... Đúng thế không?"

"Nói tiếp đi đã".

Tôi xoay ly rượu trong tay vài vòng rồi đặt ly xuống bàn trở lại.

"Ngoài những điều ấy ra thì tôi không hiểu gì hơn. Mà ngay cả những điều vừa đoán ấy, tôi cũng hoàn toàn không có tự tín là đúng nữa".

"Đại khái thì đúng đấy". Bà ta đáp, không lộ vẻ gì đặc biệt. "Đại khái đúng thế".

Tôi cảm thấy như người con gái chủ căn phòng nầy từ từ len lén hiện

ra trong phòng. Như một bóng trắng mờ ảo. Không có mặt, mũi, tay, chân gì cả. Biển ánh sáng đã tạo ra một nếp sai lệch trong đó có hình ảnh của cô gái. Tôi uống thêm một ly Volka Tonic nữa.

"Cô ấy có bạn trai". Tôi nói tiếp. "Một hay hai người gì đấy. Khó hiểu quá. Chẳng hiểu thân mật đến mức nào. Nhưng mà điều đó thì sao cũng được. Vấn đề là... cô đã không thể thích ứng được với nhiều thứ. Thân thể của chính mình, những điều mình nghĩ, những điều mình cần, những điều người khác đòi hỏi... Đại khái thế".

Người đàn bà im lặng một hồi rồi nói: "Vâng, tôi hiểu điều cậu nói".

Còn tôi thì chẳng hiểu. Tôi hiểu những lời mình đã nói có ý nghĩa gì. Nhưng những lời nói đó là từ người nào hướng đến người nào thì tôi không hiểu. Đã thấm mệt quá rồi, chỉ muốn ngủ thôi. Ngủ được một giấc thì có lẽ mọi chuyện sẽ rõ ràng ra. Thế nhưng khi mọi chuyện rõ ràng ra rồi, cũng không hẳn có khỏi bận trí được hay không.

Bà ta im lặng suốt từ đấy. Tôi cũng lặng thinh. Cứ như thế trong 10, 15 phút. Kết cuộc, chẳng có gì làm nên tôi đã uống hết nửa chai Volka Tonic. Gió thổi mạnh hơn một tí, làm lay động những lá tròn của cây long não.

"Giữ cậu lại thế nầy thật tôi có lỗi lắm". Một hồi sau, bà ta nói. "Vườn cỏ được cắt thật đẹp nên vui mừng quá đấy".

"Cảm ơn bà". Tôi nói.

"Tôi trả tiền cậu nhé". Bà nói, rồi thọc bàn tay to trắng vào túi áo đầm. "Bao nhiêu thế cậu?"

"Xin sẽ gửi hóa đơn rồi bà chuyển tiền trả qua ngân hàng sau". Tôi vội nói.

"Hừm".

Chúng tôi xuống bậc cấp, trở lại hành lang để ra ngoài nhà. Hành lang ra đến cửa chính cũng mát lạnh và tối tăm như lần vào. Ngày hè thuở bé, tôi đã đi chân không ngược dòng sông cạn, lúc chui dưới gầm cây cầu sắt thật lớn cũng đã có cảm giác giống hệt như thế. Tối om, nước dưới chân đột nhiên lạnh hẳn đi. Và cát quyện dính vào chân một cách kỳ dị.

Lúc ra đến ngưỡng cửa, xỏ chân vào đôi giày quần vợt rồi mở cửa bước ra ngoài, tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm cả người. Quanh tôi chan hòa ánh nắng, và trong gió thoảng mùi cỏ mới cắt. Vài con ong uể oải đập cánh bay vòng trên tường rào.

"Cỏ cắt đẹp quá". Người đàn bà ngắm vườn cỏ và tán thán một lần nữa.

Tôi ngắm vườn cỏ. Quả thật cỏ đã được cắt thật đẹp.

Người đàn bà rút ra từ túi áo đủ thứ đồ -đủ thứ thật- chọn riêng một tờ vạn Yen[2] nhàu nát. Giấy không đến nỗi cũ, nhưng đã bị vày vò nhiều lần. Một vạn Yen nầy 14, 15 năm trước là một món tiền rất lớn. Tôi lưỡng lự một tí, nhưng cảm thấy không thể từ chối nên đã nhận lãnh.

"Cảm ơn bà". Tôi nói.

Người đàn bà có vẻ nói chưa hết lời. Không biết nói sao cho đúng ý mình. Vừa hoang mang như thế vừa nhìn ly rượu trong tay phải. Ly đã cạn. Rồi lại nhìn tôi.

"Khi nào làm việc cắt cỏ trở lại thì điện thoại đến đây nhé. Lúc nào cũng được".

"Vâng". Tôi nói. "Tôi sẽ gọi đến. Cảm ơn bà đã cho bánh mì kẹp và rượu".

Bà ta ậm ừ tiếng gì nghe như "*Ừm*" hay "*Hừm*" trong cuống họng, rồi quay lưng lại, bước trở vào nhà. Tôi lên xe nổ máy, và mở máy nghe đài. Đã quá ba giờ chiều rồi.

Lái xe nửa chừng, để bớt buồn ngủ, tôi vào quán bên đường, gọi cola và spaghetti. Spaghetti dở ẹc, chỉ ăn nổi nửa đĩa. Dù sao, bụng tôi cũng chẳng đói gì. Cô hầu bàn mặt mày nhợt nhạt dọn xong đĩa tách, tôi ngồi trên ghế bọc nhựa thiu thiu ngủ. Quán đang vắng khách, lại thêm máy lạnh mát rượi. Một giấc ngủ ngắn chẳng mộng mơ gì cả. Giấc ngủ tự thân đã là mộng rồi. Dù vậy, khi tôi mở mắt dậy thì ánh nắng mặt trời đã bớt gay gắt phần nào. Tôi uống thêm một ly cà-phê rồi trả tiền bằng tờ vạn Yen vừa lãnh được.

Ra bãi đậu ngồi lên xe, tôi để nguyên chìa khóa trên bảng đồng hồ, hút một điếu thuốc. Những cơn mệt mỏi nho nhỏ cùng lúc tràn lên tôi. Cuối cùng tôi đã mệt quá rồi. Tôi thôi không lái xe, ngồi thườn ra trên ghế xe, hút thêm một điếu thuốc nữa. Có cảm giác tất cả mọi chuyện đã xảy ra đâu ở một thế giới nào xa vời. Rõ ràng mà kỳ dị như thấy qua kính viễn vọng nhìn ngược.

"*Em nghĩ anh muốn đòi hỏi nơi em nhiều thứ*". Người yêu đã viết cho tôi như thế. "*Nhưng em không sao nghĩ được là chính em phải bị người nào đòi hỏi một thứ gì*".

Tôi nghĩ rằng tôi chỉ đòi hỏi cỏ phải được cắt cẩn thận. Trước tiên, phải cắt bằng máy điện động, lấy cào gom sạch, rồi dùng kéo tay mà cắt xén cẩn thận, chỉ có thế thôi. Tôi làm được như thế. Bởi cảm thấy phải làm như thế mới đúng.

"*Chứ không phải sao?*". Tôi kêu lên thành tiếng lớn.

Chẳng có trả lời.

Mười phút sau, người quản lý quán bên đường đến bên xe tôi, khom người xuống hỏi: Có sao không?

"Có hơi choáng váng một tí thôi". Tôi nói.

"Trời nóng quá đấy mà. Tôi mang nước đến cho cậu nhé?"

"Cảm ơn ông. Nhưng quả thật không sao đâu".

Tôi lái xe ra khỏi bãi đậu, chạy về hướng đông. Hai bên đường có đủ loại nhà cửa, đủ loại vườn tược, đủ loại người sống đủ loại đời sống. Tôi cầm lái, nhìn những phong cảnh ấy suốt dọc đường. Sau lưng tôi, máy cắt cỏ rung lắc những tiếng "*lạch cạch*".

*

Từ ngày ấy, tôi không còn cắt cỏ một lần nào nữa. Ngày nào ở nhà riêng có vườn cỏ, có lẽ tôi sẽ cắt cỏ. Nhưng điều đó, tôi cảm thấy còn xa vời quá. Chỉ chắc chắn rằng, lúc đó, tôi cũng sẽ cắt cỏ cẩn thận vô cùng.

Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney 05-2005

---

(1) Keyaki - Zelkova, tự điển Hán Việt Thiều Chửu ghi là cây "cử"; thuộc họ "cây du - elm tree", cao đến 30 mét, tàn rộng, gỗ cứng, dùng làm cột nhà và bàn ghế.
(2) Giấy vạn Yen khoảng 100 đô-la Mỹ.

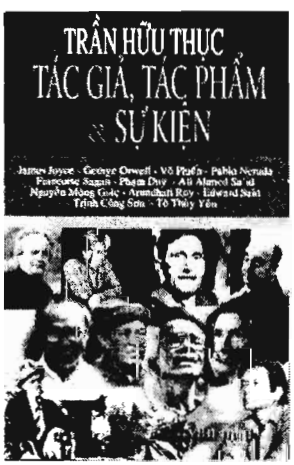

KINH DƯƠNG VƯƠNG

thác với tình

Tặng QT

"Ni cô! Đẹp như ni cô thì cần gì phải tu nữa! Ni cô đã tu từ muôn kiếp trước nên kiếp này mới có được một sắc đẹp Quan Âm như thế. Ni cô phải dâng hiến sắc đẹp cho đời thì mới đúng với lượng từ bi của Đức Từ Phụ. Ni cô hãy trở về với trần thế để độ trì những kẻ vô phúc như tôi, còn xa con đường chánh đạo" .

Chàng trầm ngâm giây lát. "Nhưng không hẳn là tôi vô phúc. Nhân duyên nào đã đưa đẩy tôi lạc bước đến chùa này để gặp gỡ ni cô? Đó chẳng phải là phước đức tôi có được do tiền kiếp đã khổ công tu tập sao? Được gặp gỡ Ni cô ở đây là được chiêm ngưỡng Cái Đẹp, là được ban ơn phước" .

Ánh mắt chàng nhìn tôi si mê, rực sáng như sao băng. Thân thể tôi nóng bừng một cảm giác trần thế. Cảm giác một băng sơn trong chớp mắt tan ra thành nước. Tôi vội vã quay vào, nhưng một Thái sơn đã dựng lên che lấp cổng chùa. Tôi đứng đối diện một Thanh niên, toàn thân tràn ngập một cơn run êm ái.

"Ni cô! Ni cô hãy bố thí! Ni cô hãy làm phúc! Ni cô hãy gieo nhân tốt! Ni cô hãy để cho cuộc đời chiêm ngưỡng sắc đẹp của Ni cô! Đó cũng là một pháp tu. Sắc đẹp của Ni cô là một tài sản Trời ban. Ni cô hãy bố thí cho đời, đừng chôn giấu nó trong cõi quạnh hiu, phụ lòng Đấng Sáng tạo .

Mắt chàng rực ánh lửa nồng nàn, hâm nóng lên và băng sơn tan chảy. Một cảm giác ấm áp dịu dàng ve vuốt da thịt tôi. Tôi quày quả quay về hướng chùa. Một Sơn Thạch dựng đứng chắn trước mặt tôi. Ngôi chùa chìm vào Sơn Thạch.

Thanh niên đứng trước mặt tôi, ánh mắt trở nên ngây dại. Chàng đưa hai tay về phía tôi. Từ chàng tỏa ra sức hút của nam châm đối với mạt sắt. Tôi cố cưỡng lại, như rễ đại thụ cố bám vào mặt đất trước sức cuốn hút của con trốt vòi rồng. Nhưng, những rễ cây ăn sâu vào đất hàng ngàn năm bỗng buông lìa lòng đất.

Đại thụ bay theo con trốt!

Tôi ngã vào vòng tay chàng!

Hàng ngàn năm, đêm nhìn trăng uống sương, ngày nhìn trời uống nắng, hít thở Khí thiêng sông núi mới được thành người. Công ngàn năm tu luyện phút chốc tan theo mây khói.

Cũng đành!

Hồ ly ơi! Hồ ly!

Kinh Dương Vương
11/2004

elka và meir

ISAAC BASHEVIS SINGER

Isaac Singer (1904 -1991), nhà văn Mỹ gốc Ba lan, dùng ngôn ngữ Yiddish để nói lên sức sống đam mê mãnh liệt và tuyệt vọng trước sự phôi phai của truyền thống trong nhiều tác phẩm của ông. Ông đặc biệt khai thác gốc gác Ba lan của mình, những câu chuyện Do thái và văn học dân gian thuộc thời trung cổ ở Âu châu. Nhiều tác phẩm đã được ông tự dịch sang Anh ngữ. Năm 1978, Singer đoạt giải Nobel văn học nhờ "nghệ thuật kể chuyện có tính gây xúc động mạnh" ăn sâu trong văn hóa Ba lan-Do thái.

Sinh trưởng tại Radzymin, Ba lan, ông di cư sang Mỹ vào năm 1935 và nhập quốc tịch năm 1943. Singer tu nghiệp tại Trường Đào tạo Giáo sĩ Do thái Warsaw. Một thời gian ngắn sau khi định cư ở Mỹ, ông làm việc cho tờ Jewish Daily Forward - một tờ nhật báo tiếng Yiddish phát hành ở New York.

Đêm nào Meir Bontz có thể cho phép mình ngủ, là gã thả đầu bịch xuống gối như tảng đá, và nếu không bị quấy rầy thì gã đánh thẳng một giấc mười hai tiếng. Nhưng đêm nay, gã thức dậy lúc rạng sáng. Mí mắt thao láo và không cách nào chớp lại được. Thân hình to lớn, vạm vỡ của gã trăn trở, co giật. Nỗi đam mê và lo âu bao trùm lấy gã. Khó mà gọi Meir Bontz là một người nhút nhát. Lúc còn niên thiếu, gã từng là một tên trộm, nạy két. Trong cái sào huyệt câu kết bọn đầu trộm đuôi cướp, toàn những tay chai lì cả, gã biểu dương sức lực của mình. Không tên nào co gập được cánh tay của gã. Meir hay dùng cơ bắp mình để cá độ kiếm ăn và nhậu nhoẹt. Gã có

thể ngốn nửa con ngỗng và uống cho tiêu đi bằng cả tá vại bia. Gặp trường hợp hiếm hoi lúc bị tóm, gã có thể bẻ gẫy còng hoặc phá tan cửa xe tuần. Sau khi lấy vợ, gã được bổ vào làm trong Hội An Táng Từ Thiện của thành phố Warsaw, nơi cung cấp khăn liệm và đất chôn cho người bần cùng. Gã đi vào sống đời lương thiện. Thời quân Nga còn cai trị Ba Lan, lương gã 20 rubles mỗi tuần, sau này khi quân Đức chiếm đóng, lương Đức mã cũng tương tự như vậy. Gã cắt đứt giao du với tụi trộm cắp, bọn đầu nậu và ma cô. Gã phải lòng một giai nhân, Beilka Litvak, cô đầu bếp của một gia đình giàu có ở phố Marszalkouskạ Nhưng dần dà, gã nhận ra mình đã lấy vợ lầm. Một là Beilka không sanh đẻ gì được. Hai là mụ ta ho khạc ra máu. Điều thứ ba, gã không thể nào chịu được cách phát âm của mụ "Lợn Litvak", gã gọi giọng phát âm của mụ như vậy. Không những thế, nhan sắc của mụ còn bị sa sút. Mỗi khi giận dữ, mụ trù ẻo gã bằng những lời nguyền rủa mà trong đời gã chưa từng nghe. Mụ biết đọc, hằng ngày mụ đọc truyện đăng dài kỳ trên báo Yiddish, chuyện về những bà bị gạt gẫm, những vụ lừa bịp, và trẻ mồ côi bị dụ dỗ. Trong bữa ăn, Meir Bontz thích nghe máy hát chơi những điệu nhạc kịch, song ca và thánh ca, nhưng Beilka càu nhàu rằng cái máy hát làm mụ nhức đầu. Cuộc cãi vã thường nổ ra vào chiều Thứ Sáu, chỉ vì Meir thích ướp cá đông với đường, như bà mẹ quá cố vẫn hay làm, trong khi Beilka thì lại đòi ướp với tiêu. Có vài lần, Meir đánh Beilka bất tỉnh, rồi thì sau đó lại phải rước thầy lang Zeitag hoặc bác sĩ Kniaster tới.

Gã đã toan tẩu thoát khỏi thành phố Warsaw nếu thượng đế không gửi Elka Đỏ tới. Elka Đỏ chính là người phụ trách những tử thi nữ, may áo liệm, và lau rửa họ trên cái bàn rửa đồ tế lễ Elka Đỏ thiếu may mắn. Ả tự vào tròng lấy một lão chồng bệnh hoạn - cáu kỉnh và dở người đáng để bị tống cổ. Thêm nữa, lão còn giở chứng lười biếng. Tên lão là Yontche. Lão hành ghề đóng sách. Trong trận Thứ Tư Đẫm Máu, năm 1905, khi quân Cossack giết hàng loạt nhà cách mạng đang kéo về tòa đô sảnh để đòi hiến pháp từ Nga Hoàng, Yontche bị trúng đạn ngay xương sống. Ít lâu sau lão lại bị mổ mất một quả thận tại bệnh viện phố Czysta, và lão không bao giờ hồi phục lại được nữa. Elka có hai mụn con với lão, cả hai đều chết vì bệnh tinh hồng nhiệt. Mặc dù quá bốn mươi, hơn Meir ba tuổi, trông ả vẫn như còn con gái. Mái tóc hung đỏ của ả cắt kiểu bum bê Hòa Lan, không một đốm bạc. Elka nhỏ và thon người. Mắt ả xanh như mắt mèo, mũi hơi khoằm, má đỏ như táo. Mãnh lực của Elka nằm ở miệng. Khi ả cười, bạn có thể nghe cả nửa dãy phố. Khi ả mắng chửi ai, chữ nghĩa, câu cú cứ vọt từ cái lưỡi bén cho tới nỗi bạn chẳng còn biết nên khóc hay cười. Elka có một hàm răng

kiên cố, khi xông trận, ả có thể táp như một con chó cái.

Lúc Elka bắt đầu làm việc ở Hội và Meir quan sát thấy cái tính điên khùng của ả, gã cảm thấy sờ sợ... Ả giễu cợt với người chết như thể họ còn sống. "Nằm yên đó, im đi!" ả mắng tử thi. "Đừng dở trò. Tụi tôi đóng cô vào thùng hàng gửi đi bây giờ. Cô đã nhảy nhót mấy năm ròng rồi, giờ tới lúc ngủ ngon nha!"

Có lần Meir thấy Elka lấy điếu thuốc từ miệng ả cắm vào môi tử thi. Meir nói không nên làm vậy "Đừng bận tâm," ả nói. "Đằng nào em cũng sẽ bị ăn đòn tơi bời dưới âm phủ mà, thêm một cái nữa nhằm nhò gì." Và ả tự đét vào mông mình một cái!

Chẳng bao lâu, Meir Bontz đã phải lòng ả, với nỗi đam mê mà gã chưa bao giờ nghĩ là mình lại có thể như vậy. Gã khao khát ả ngay cả khi họ đang ở nhà. Gã chẳng bao giờ chán kiểu nói cay độc của Elka.

Thời còn nhỏ, và cả sau này, Meir Bontz vẫn thường huênh hoang rằng gã không đời nào bị dải yếm đàn bà buộc vào. Nếu cô nào bắt đầu làm eo hay mè nheo, gã sẽ nói họ vào hỏa ngục đi cho khuất mắt. Gã thường nói, trong đêm con mèo nào cũng xám cả. Thế mà, gã không kháng cự lại được Elka. Ả trêu chọc gã một cách hồn nhiên tầm vóc to con và sức ăn phi phàm, bàn chân to tướng và giọng nói ồ ề của gã. Ả gọi gã là "trâu", là "gấu", và "bò". Ả giỡn, ả thắt bím mớ tóc thô cứng cho gã, như Delilah làm cho Samson. Chuyện Elka và Meir muốn hẹn hò không phải dễ. Cả hai không thể đến nhà nhà. Họ tìm đến những phòng trọ loại qua đêm mà bạn không cần đăng ký. Đơn giản thế thôi họ cũng không thực hiện được; chưa kịp bước chân ra khỏi nhà là họ đã được phái tới một cảnh tượng tang thương - kẻ bị xe cán, người thì treo cổ tự tử, kẻ nhảy lầu, hoặc bị chết cháy. Những vụ như vậy cảnh sát đòi hỏi phải có xét nghiệm tử thi, người dân phải luồn lách hoặc đút lót vì việc xét nghiệm tử thi trái với luật đạo Do Thái. Elka Đỏ lúc nào cũng có cách. Ả nói tiếng Nga, tiếng Ba Lan, và khi quân Đức chiếm đóng Warsaw, ả tập tành nói chuyện với cảnh sát của họ bằng tiếng Yiddish pha tiếng Đức. Ả tán tỉnh bọn bắp-cải-muối[1] này và khéo léo đút giấy bạc vào túi chúng.

Rồi thì Elka Đỏ cũng xoay sở được cho Meir Bontz về làm phụ tá, đánh xe tang rồi sau đó làm tài xế riêng của ả - Hội vừa kiếm được chiếc xe dùng việc phải đi chở xác từ vùng ngoại ô tới những thị trấn nghỉ mát dọc tuyến đường Otwock, và thế là Meir học lái xe. Đôi khi cặp tình nhân phải lái chuyến đêm băng qua những cánh đồng và những khu rừng - nhờ đấy họ có cơ hội tuyệt nhất cho việc ái ân. Elka Đỏ ngồi cạnh Meir và soi cặp mắt

diều hâu lùng cho ra một chỗ để ngả lưng yên ổn. Ả sẽ nói, "Xác chết phải chờ mình chớ. Làm gì gấp dữ vậy. Mồ mả không bị ôi đâu!"

Elka vừa hút thuốc vừa hôn Meir và đôi khi ngay cả lúc ăn nằm. Thời kỳ sanh nở của ả đã qua nhưng vào mấy năm gần đây nhục dục ngày càng tăng. Mỗi khi Meir gần ả, gã muốn quên mình đang làm việc cho cái hội mai táng, nhưng Elka không để cho gã quên. Ả cứ nói, "Ôi, Meir à, bao giờ anh lăn ra chết làm cái xác nặng chịch. Chắc phải cần tới một toán tám người khiêng hòm lận!" "Câm mồm lại!"

"Bộ run hả. Có ai thoát khỏi cảnh ấy đâu."

Elka Đỏ dần tiêm nhiễm hấp lực kiểu ấy vào Meir đến đỗi những chuyện lúc đầu có vẻ ghê tởm vậy mà bây giờ lại thu hút gã. Gã nói bằng lời lẽ của ả, bắt đầu hút loại thuốc lá của ả, và chỉ ăn món mà ả ưa thích. Elka chưa bao giờ say, nhưng sau một ly ả trở nên xấc xược hơn bao giờ hết. Ả báng bổ, trêu ngươi Thần Chết, các thần hủy diệt dưới âm phủ, và chư thánh trên thiên đàng. Có lần Meir nghe ả nói với một xác chết, "Đừng bực mình xác ơi, an nghỉ đi. Ngài đã để lại cho vợ ngài mớ hỗi môn kha khá và kẻ thừa kế, hắn sẽ được ngồi mát ăn bát vàng với bả." Rồi ả cù nách người chết.

Nghĩ ngợi nhiều không phải là tính cách của Meir Bontz. Chỉ vừa chú tâm một chút là đầu óc gã đã mù mịt và cảm thấy buồn ngủ. Gã thừa biết lối xử sự của Elka với người chết là do động lực dại dột nào đó đã chêm vào đầu ả, nhưng gã tự nhủ mọi người đàn bà gã từng quen biết ai cũng có những điểm đặc đó. Meir từng cặp với một cô cứ ra lệnh cho gã dùng dây da quất và nhổ lên người cô ta. Rồi mấy bận ngồi tù gã được nghe toàn những chuyện dựng tóc gáy do những tội phạm khác kể.

Vậy mà từ ngày cặp với Elka, bao ý nghĩ cứ ào tới tấp như bầy châu chấu. Tối nay gã ngủ nhà - gã giường này, Beilka giường bên. Được hồi lâu, gã bỗng thức dậy với tâm trạng lo âu của kẻ gặp chuyện chới với. Beilka ngáy, mũi phì phò, rồi lại thở sườn sượt. Gã đã đưa đề nghị ly dị song vẫn tiếp tục trợ cấp nhưng Beilka từ chối. Trong bóng đêm, gã chỉ thấy có Elka trước mắt. Ả đùa cợt và gọi gã bằng những tên kỳ quặc. Ai chứ Elka và tính nết na thì cách nhau vời vợi. Mấy năm ả đã hành nghề buôn hương bán phấn ở phố Grzybowska. Hắn là ả đã tiếp đàn ông còn vô số hơn là tóc trên đầu gã. Ả đã từng chết mê chết mệt tay ma cô Leibele Marviche, đã bị Feivel Mù đâm chết. Tới giờ ả vẫn còn khóc tức tưởi mỗi khi nhắc đến cái tên ma cô ấy. Cũng vậy thôi, Meir sẵn sàng cưới nếu ả thoát khỏi ách lão Yontche. Có người mách với gã rằng bên Mỹ có nhà loại nhà quàn tư và có người giàu sụ nhờ cái ngành làm ăn táo bạo này. Meir có một giấc mơ:

gã và Elka qua đất Mỹ mở nhà quàn. Lão Yontche chết vì ho lao, còn Meir tống khứ được Beilka. Trên Đất Mới sẽ không còn ai biết được tội phạm của gã hay cái nghề làm đĩ của Elka. Cả ngày ắt họ sẽ bận rộn với những tử thi, và chiều chiều họ sẽ đi tới rạp hát. Meir sẽ trở nên một thành viên của một hội đường Do Thái giàu có. Họ sẽ sanh con trai con gái và sống trong ngôi nhà riêng. Những tử thi hạng giàu có nhất của cả thành phố New York sẽ được mang đến nhà quàn của họ. Một ý tưởng man rợ chợt lóe lên trong đầu Meir - họ còn chần chờ gì nữa. Gã có thể hóa kiếp Beilka trong chớp nhoáng; chỉ cần xiết cổ mụ một cái một. Còn Elka có thể chuốc cho Yontche một viên thuốc. Đằng nào cả hai cũng đều là kẻ bệnh hoạn, khác chi đâu nếu họ tàn đời sớm hay muộn hơn một năm?

Một nỗi sợ hãi ập xuống gã từ những ý tưởng này, và gã bắt đầu lầm bầm và gãi sột soạt. Gã bật ngồi dậy mạnh tới nỗi lò xo giường kêu cót két.

Beilka tỉnh giấc: "Sao cứ oằn oại như rắn thế. Yên cho tôi ngủ nào!"

"Ngủ đi, lợn Litvak!"

"Ông ngứa ngáy rồi, phải không? Ngày nào tôi còn thở ngày ấy con đó chớ hòng làm vợ ông được. Suốt đời nó phải là con đượi, con đĩ rạc, đĩ thõa, con điếm thối ở số 6 phố Krochmalna. Lạy cha trên trời cho nó cháy thiêu cháy rụi!"

"Câm mồm, mụ già! Không thì mụ chết ngay tại chỗ bây giờ!"

"Muốn giết tôi hả. Giỏi thì lấy dao đâm ngay đi. Sống như thế này thì chết mới là thiên đàng."

Beilka bắt đầu ho, khóc rồi khạc nhổ.

Meir ra khỏi giường. Gã thừa biết Elka đã ngập ngụa trong cái nhà thổ ở đường Grzybowska, nhưng số 6 phố Krochmalna là điều mới với gã. Rõ ràng Beilka rành Elka hơn gã. Gã nổi giận điên lên, muốn hét thật to và túm tóc Beilka lôi đi. Gã biết nhà thổ số 6 phố Krochmalna, một cái hầm chứa không cửa sổ, một nấm mồ sống. Không, không thể nào như vậy được, mụ ta chỉ đặt điều. Gã cảm thấy buồn nôn.

Ngày tháng trôi về đâu, Meir cũng không rõ. Beilka bị thổ huyết hết cơn này qua cơn khác, Meir phải đem mụ vào viện điều dưỡng ở Otwock. Bác sĩ nói mụ chẳng còn hưởng dương bao nhiêu nữa, nhưng dù sao, với không khí trong lành ở đó, họ giữ linh hồn mụ được le lói. Meir phải trang trải phí tổn cho mụ. Bấy giờ gã mới có được căn hộ riêng cho mình, và Elka lui tới thoải mái. Còn lão chồng của Elka thì nằm bệnh tại nhà. Nhưng cặp tình nhân cũng không có thời giờ với nhau được. Sau khi chiến tranh bùng nổ trong cái ngày Ab[2] năm 1914, những vụ bắn giết, đâm chém và tự tử

lại gia tăng gấp mấy lần. Dân tị nạn gần khắp nửa quốc gia Ba Lan đổ xô về thành phố. Chiếc xe đen liên tục dùng để đi gom xác. Ngay đến một giờ dành cho lạc thú, Meir và Elka cũng không có được. Chuyện tình của họ chỉ rặt có nói chuyện, hôn hít và những dự tính. Lúc quân Đức chiếm đóng thành phố Warsaw, nạn đói và dịch sốt phát ban đã dọn vắng tanh toàn bộ những tòa nhà. Vậy mà Elka chẳng mất đi cái tính bông lơn. Cái chết vẫn là chuyện đùa với ả - một cơ hội để rủa xả thượng đế và con người, để lập đi lập lại rằng mạng sống treo trên đầu sợi tóc, rằng niềm hi vọng là cạm bẫy, rằng những lời hứa hẹn về một thế giới đang đến, về Đấng Cứu Tinh và sự Phục Sinh đều chỉ là những lời dối trá, còn những gì mà không mau chụp bắt lúc này sẽ tiêu tan vĩnh viễn. Nhưng để chụp bắt chúng, bạn cần thời gian. Elka than thở, "Để rồi xem, Meir ạ, mình sẽ không có ngay cả thời giờ để mà chết đâu!"

Elka gần như nhịn ăn. Ả chỉ nhấm nháp mẩu bích-qui, miếng xúc-xích, thanh súc-cù-là. Ả uống rượu mạnh và hút thuốc. Meir sống theo Elka bằng những loại thức ăn không cần nấu nướng. Nửa đêm, cái điện thoại sẽ reng lên và họ được vời tới đồn cảnh sát, tới bệnh viện Do Thái ở phố Czysta, tới bệnh viện Điều Trị Bệnh Dịch ở phố Pokorna, hoặc nhà xác. Họ không còn được nghỉ lễ Sabbath[3] hay ngày nghỉ mát. Nhân viên trong Hội ai ai cũng có ngày nghỉ hè, nhưng chẳng ai có thể thay thế cho Elka và Meir được. Họ là những người duy nhất có liên hệ chính thức với cảnh sát, những nhà chức trách dân sự, quân đội, viên chức canh giữ nghĩa trang Gesia và Praga. Căn hộ của Meir ngày càng bụi bặm và bị bỏ bê. Xi măng tường bị tróc lở. Từ khi những người ở thôi trả tiền thuê, chủ nhà cũng ngưng sửa chữa. Ống nước đông đá bị bể không ai sửa. Cầu tiêu thì bị nghẽn. Hoạ hoằn, Elka có dịp ở lại đêm với Meir định chỉnh đốn mọi việc, thì cái điện thoại luôn luôn phá bĩnh. Cặp tình nhân bị gọi tới phục dịch đám nạn nhân bị bắn, bị chết cháy hoặc đứng tim dọc đường. Khi điện thoại reng, Elka thường la lên, "Chúc mừng, Thần Chết đến rồi!" Và trước khi Meir kịp hỏi chuyện gì, ả đã vội mặc quần áo vào.

Nga hoàng thoái vị ở Nga. Quân Đức bắt đầu hứng sự thất bại ở tiền tuyến. Bằng một cách hên xui may rủi nào đó, Ba Lan được độc lập, nhưng sự kiện này không làm giảm đi bệnh tật và chết chóc. Nền hòa bình hưởng được ngắn ngủi, rồi quân Bolshevik xâm chiếm Ba Lan. Một lần nữa, dân tản cư từ khắp các tỉnh xâm nhập thành phố Warsaw. Tại những thị trấn mà quân Bolshevik chiếm đóng, họ bắn chết giáo sĩ Do Thái và người giàu. Dân Ba Lan thì treo cổ người Cộng Sản. Lão Yontch qua đời nhưng Elka

không làm lễ shivah[4]. Meir mù chữ, vì thế phải cần đến ả để đọc các văn kiện, ký giấy tờ, điền tên và địa chỉ. Nhờ làm nhiều giờ, họ kiếm bộn bạc nhưng lạm phát làm số bạc ấy mất giá. Hàng trăm rubles Meir dành dụm phòng khi túng thiếu giờ trở nên vô dụng, nằm trong cái hộc bàn mở toang, đến trộm cũng chẳng thèm rớ tới. Elka có sắm vài món nữ trang mà không có dịp nào đeo vào. Có lần Meir hỏi sao ả không đeo vài đồ trang sức con con, ả nói, "Đeo dịp nào? Rồi anh sẽ bỏ chúng vào trong túi áo liệm tôi." Ả đang ám chỉ câu tục ngữ "áo liệm không có túi".

Lâu nay Meir suy ra Elka không chỉ giễu cợt thây ma mà thôi, dường như cái chết của chính ả cũng đem ra làm trò, chế nhạo, tức là chỉ có Quỉ mới hiểu được. Meir không ưa nói chuyện chết chóc, nhưng Elka có dịp là cứ nói rằng việc ả đang làm hẳn rồi sẽ tới phiên người ta làm cho ả. Ả đã lo liệu một mảnh đất ở nghĩa trang Gesia của Hội để cho với giá hời. Ả bắt Meir hứa sau khi qua đời gã sẽ được nằm cạnh ả chứ không phải cạnh Beilka. Meir hay phát khùng vì ả: ả chỉ mới bắt đầu cuộc sống, sao lại nói gở kiểu này?

Nhưng Elka vặn lại, "Sợ rồi hả, Meir? Ai biết chuyện ngày mai. Thần Chết không xem lịch đâu!" Cả nhà ả đều chết trẻ - bố, mẹ, em gái Reitza, em trai Chaim Fishl. Sao ả lại tốt số hơn họ được?

Meir nhận cú điện thoại từ Otwock báo cho hay mụ Beilka đã qua đời. Sáng ấy vẫn như mọi bữa ăn điểm tâm. Mụ còn ráng đọc mục truyện dài trên tờ báo Yiddish, nhưng tới bữa trưa y tá vào đo nhiệt thì phát hiện mụ đã tắt thở. Meir muốn một mình đi Otwock, nhưng Elka khăng khăng đòi đi theo. Như thường lệ, ả có thể. Vì Meir đã dọn phần mộ cho gã cạnh Elka, nên Beilka được an táng ở Karczew, ngôi làng gần Otwock. Dẫu cho các bà trong Hội An Táng Karczew cho đó là phạm tội thánh. Elka rối rít lo cho thi thể của Beilka, lau rửa mụ bằng lòng đỏ trứng gà và may áo liệm cho mụ.

Elka hét vọng xuống huyệt của Beilka, "Tụi tôi rồi sẽ đi đến với mụ, không phải mụ đến với tụi tôi đâu nhé. Mong mụ can thiệp cho tụi tôi ở Trên ấy!"

Bây giờ tưởng chừng Meir và Elka sẽ cưới nhau ngay. Sao lại phải ôm hai căn? Giữ hai hộ? Thế mà Elka cứ trì hoãn. Ả hẹn lần một năm sau. Ả đọc đâu đó rằng hồn ma còn quanh quẩn bên người thân cho đến ngày giỗ đầu. Một năm sau Elka lại viện cớ khác. Ả muốn đổi căn hộ, sắm sửa đồ đạc, có tủ áo quần riêng, nghỉ dài phép (ả có cả mấy năm nghỉ mát dồn lại) và đi du lịch Paris. Ả ăn nói đủ kiểu, lúc nghiêm túc, lúc giễu cợt. Meir Bontz nào có quên được giấc mơ nước Mỹ, nhưng Elka lý lẽ, "Anh cần gì

ở Mỹ nào? Anh cũng chẳng sống muôn đời ở đó được đâu."

Có một đêm Meir và Elka xoay sở chuồn khỏi việc và Meir ở lại nhà... Elka cầm bàn tay Meir đưa lên vú bên trái của ả. "Sờ đi, Ngay đây nè," ả nói.

Meir cảm thấy có gì cưng cứng, "Gì vậy?"

"Cục bướu. Mẹ em chết vì nó. Dì Gittel cũng vậy"

"Sáng mai việc trước tiên là tới ngay bác sĩ khám."

"Bác sĩ hả? Nếu mẹ tôi đừng vội gặp bác sĩ, ắt bả được chết thoải mái rồi. Mấy cha đồ tể đó chặt bả ra từng khúc. Em không tới nỗi ngu như vậy đâu, Meir à."

"Biết đâu cái bướu đó không bị việc gì!"

"Không, Meir ơi, nó là cái án lệnh từ trển gửi xuống."

Những lời này giúp để kích thích ả, và việc vuốt ve, hôn hít bắt đầu. Elka thích nằm giường chuyện trò, tra hỏi gã những người tình cũ, cuộc phiêu lưu của gã với những bà có chồng. Ả luôn đòi gã phải so sánh ả với những người khác và nêu những những điểm nào mà ả hơn họ. Lúc đầu, Meir không ưa cái lối tra khảo này, nhưng luôn luôn với Elka, gã đã quen dần. Lần này, Elka nói kì thực cả Hội lẫn Meir không thể nào xoay sở nếu thiếu ả. Ả sẽ phải huấn luyện một phụ nữ khác để thay thế mình, để truyền nghề. Và hơn thế nữa, người đàn bà mới này có thể thay thế chỗ của Elka trong đời Meir.

Meir đặt bàn tay nặng trịch trên miệng Elka nhưng ả la lên, "Bỏ tay ra!" và ả cắn vào gan bàn tay gã.

Kể từ đó, mỗi khi họ lái xe vòng vòng trong đêm, ngay cả ban ngày, Elka lại tiếp tục nói về cái chết. Khi Meir than phiền không muốn nghe bẻm mép kiểu ấy, Elka sẽ nói, "Làm gì dữ vậy? Tôi đâu phải con bê mà sợ tên đồ tể."

Elka đâu phải chỉ nói suông. Bỗng dưng một người em bà con hiện ra, một cô gái tỉnh lẻ, đen đúa như quạ, mắt xếch như dân Tartar. Tuy Elka nói cô ta hai mươi bảy tuổi, còn Meir trông vẻ bên ngoài đã quá ba mươi. Như Elka, cô ta uống rượu mạnh và hút thuốc. Tên là Dishka. Khó mà tin được là cô ấy và Elka có họ hàng. Elka hoạt bát tinh nghịch, Dishka thì ăn nói đắn đo. Không một nụ cười hiện trên miệng hay trong ánh mắt đen ảm đạm của cô ta. Vừa gặp mặt là Meir đã thấy ghét. Elka đem cô theo tới nhà quàn. Cô ta giúp Elka rửa ráy tử thi và may áo khâm liệm. Dishka đã từng làm thợ may, gốc miền quê, cô khéo tay hơn cả Elka trong việc xé vải gai - vì kiêng cữ xài kéo - và đường chỉ khâu. Có lần Elka mắc phục dịch trong

thành phố, Dishka theo Meir trên xe tang đến một vùng ngoại ô nơi người ta tìm được xác một người Do Thái bị giết. Suốt chuyến đi Dishka không hề mở miệng. Rồi bỗng nhiên cô nàng đặt bàn tay trên đầu gối Meir, bắt đầu vuốt ve và kích thích gã. Meir cầm tay ấy và đặt nó lại lòng cô nàng. Đêm đó gã nằm thao thức đến rạng sáng. Sọ gã gần như vỡ tung vì nghĩ ngợi đủ điều. Gã vừa toát mồ hôi vừa cảm giác ớn lạnh chạy dọc cột sống. Gã có nên ép Elka tống khứ Dishka? Gã có nên bỏ lại tất cả và thoát thân qua Mỹ? Gã có nên chờ tới lúc Elka qua đời rồi tự cứa cổ trước mộ ả? Gã có nên từ bỏ việc Hội An Táng để đổi sang làm kẻ gác-dan hay tài xế xe tải? Thiếu Elka, nghĩ ngợi lung tung mọi thứ có vẻ rỗng tuếch. Meir chưa bao giờ say rượu một mình, nhưng bây giờ gã khui một chai rượu trong bóng đêm và dốc hết nửa chai. Đây là lần đầu gã cảm thấy nỗi kinh hoàng trùm lấy mình. Gã biết rằng Dishka sẽ mang vạ tới cho hắn. Không ai có thể thay thế Elka. Meir đứng chết lặng bên cửa sổ nhìn đăm đăm bóng đêm và tự nhủ, "Toàn bộ chuyện khốn nạn này từ nay không còn đáng một xu."

Elka nằm liệt giường. Bướu vú bên này đã lan sang vú bên kia như thể chùm bướu lây lan qua có một đêm. Elka đau đớn đến mức bác sĩ dùng tới liều nha phiến. Giáo sư Mintz cố thuyết phục Elka vào bệnh viện Do Thái để điều trị bằng quang tuyến. Có thể ả được mổ để vớt vát khỏi chết sớm. Nhưng Elka nói với ông, "Với tôi, chết sớm còn hơn là cứ bệnh hoạn dai dẳng. Tôi đã sẵn sàng ra đi."

Bệnh hoạn thế mà Hội vẫn cầm chân giữ việc Elka. Meir vẫn phải tường thuật mỗi thi thể, mỗi cuộc an táng với... Tuy khi dễ Dishka là quê mùa, gã phải công nhận cô ta có những điểm tốt. Khi Elka liệt giường, Meir dọn đến chỗ ả, còn Dishka thì dọn đến chỗ của gã. Cô ta quét dọn, tự ý vứt hết những chén đĩa cũ và nồi niêu bẻ của Beilka bỏ quên. Cô còn thuyết phục được chủ nhà sơn phết, trám trần nhà, và lát sàn mới. Mỗi buổi sáng, Meir gặp Dishka ở Hội hay ở chỗ, cô thường mang đồ ăn cho gã - không phải bánh bích-qui hay súc cù là, những thứ Elka ăn để cầm chừng, mà là thịt gà, thịt bít-tết, và thịt viên. Elka chỉ cần một cốc rượu là bắt đầu bẻm mép, nhưng Dishka thì có thể uống liên tu và vẫn tỉnh táo. Meir không thể hiểu được cô ta. Làm sao thị mẹt này lại có thể nẻ ra từ cái làng tồi tàn được chứ? Cô tiếp thu nghị lực từ đâu? Kinh nghiệm bản thân dạy cho Meir biết rằng dân thị trấn nhỏ đều là những hạng hèn hạ đáng thương, nhu nhược dại dột, lúc nào cũng sụt sùi, than vãn.

Một ngày kia, người đàn bà trông nom Elka ngã bệnh và người để thay thế bà ta lại đi thăm đứa con gái qua đêm ở Pelcowizna. Elka được thầy lang

Zeitag tiêm thuốc. Meir ngồi bên giường cho tới khi ả ngấm thuốc. Trước khi thiếp ngủ, ả đòi Meir nghiêm trang thề sau khi ả qua đời gã sẽ lấy Dishka, nhưng Meir từ chối. Sáng nay, gã bị chuông điện thoại đánh thức từ tờ mờ. Một diễn viên thủ vai một người tình nhiều năm trên sân khấu Yiddish, thoạt đầu ở rạp Muranow rồi sau ở nhiều rạp khác và lưu diễn, vừa từ trần tại viện điều dưỡng ở Otwock. Ở phố Smocza, một tay nấu rượu gây hỏa hoạn giết chết năm đứa trẻ. Một thanh niên ở phố Nowolipski treo cổ tự tử và cảnh sát muốn khám nghiệm tử thi. Meir tắm gội và cạo râu. Elka nghe tin, muốn biết thêm chi tiết. Ả biết diễn viên ấy và hâm mộ tài diễn xuất, hát cùng pha trò của ông ta. Mọi cái chết đó trong một ngày khiến tinh thần Elka hồi sinh, ả nói năng với giọng khỏe khoắn một hồi. Chị trông coi ả 10 giờ rồi vẫn chưa thấy tới, và Meir miễn cưỡng để ả một mình, nhưng Elka nói, "Còn gì xảy ra cho em nữa chứ?" nheo mắt mỉm cười.

Cả ngày, Meir và Dishka bận rộn đến nỗi không còn thời giờ mà ăn uống. Meir thử bắt chuyện với Dishka về thảm kịch của lũ trẻ. Dishka không lên tiếng. Meir nhớ lại gặp hoàn cảnh tương tự Elka bao giờ cũng sẵn có một lời bình phẩm thích hợp. Gã thấy mình không thể sống với một người bản tính như Dishka dù là đôi ba tuần.

Theo lệ, viện điều dưỡng giữ tử thi trong phòng lạnh cả ngày và chỉ đưa ra vào giấc khuya để tránh gây hoảng sợ tới bệnh nhân khác. Suốt ngày, Meir và Dishka bận bịu việc trong thành phố, tới chiều tối họ mới khởi hành đi Otwock. Đêm mù mịt và mưa, không trăng sao. Meir cố bắt chuyện nhiều lần nhưng Dishka trả lời cộc lốc đến nỗi chẳng bao lâu gã không còn gì để nói. Cô ta suy nghĩ gì trong suốt khoảng thời gian này, Meir thắc mắc. Cáu kỉnh - chẳng còn gì khác. Ban ơn cho bạn bằng việc ngồi cạnh bạn.

Họ lái xe qua nghĩa trang Praga. In trên nền trời đỏ rực của thành phố lớn, đám bia mộ trông như một rừng nấm dại. Meir bắt đầu nói theo giọng điệu Elka: "À, thành phố của người chết. Tự mình hao mòn rồi nằm xuống. Cô có tin vào thượng đế không?"

"Tôi không biết," Dishka đáp sau một hồi lâu im lặng.

"Vậy thì ai tạo ra thế gian?"

Dishka không đáp lại khiến Meir cáu giận. Gã nói, "Sanh ra đời làm gì nếu kết liễu là như thế đấy? Ở phố Karmelicka có căn nhà của giai cấp thợ thuyền, người ta gọi tên nó như vậy, rồi có một ông lớn đến đó diễn thuyết. Tôi đi bộ ngang qua, có ghé vào nghe. Hắn nói làm gì có thượng đế. Vạn vật tự tạo thành. Thế làm sao vạn vật tự nó có được? Ngu xuẩn!"

Disha vẫn không đáp, và Meir quyết không thêm lời nào với cô ta đêm

đó nữa. Gã cảm thấy nhớ Elka da diết. "Ả đừng hòng chết được!" gã lầm bầm. "Ả đừng hòng chết được! Nếu có mệnh hệ nào một trong hai người phải ra đi, để người đó là tôi."

Chiếc xe băng qua Wawer, một ngôi làng đông dân Ngoại; qua Miedzeszyn, ngôi làng đang được xây cất; qua Falenia, nơi các thầy rabbi, giáo phái Chassidim và những người Do Thái ngoan đạo trải qua mùa hè; và sau đó là Michalin, Jozefow, Swider, nơi tụ tập giới trí thức - Do Thái phục quốc Zionist, nhóm nhân quyền Bundist, nhóm Cộng Sản và những người từ bỏ ngôn ngữ Yiddish và chỉ nói tiếng Ba Lan.

Bệnh tình của Elka lay động bộ não của Meir Bontz khiến gã bắt đầu nghĩ lung. Ví dụ, Dishka làm cái thớ gì ở cái làng quê cô ta? Chắc hẳn trong thời chiến thị từng đi buôn lậu hoặc làm đĩ. Gã chợt nhớ đến Beilka. Thoạt đầu mụ chẳng ưa gì gã, và gã đã quì trước mụ, hứa hẹn thề thốt tình yêu muôn đời. Gã thấy giọng mụ lơ lớ tiếng Lithuania đặc biệt đáng yêu. Vậy mà mấy năm sau, khi mụ trở bệnh, mỗi lời mụ nói là mỗi lời làm gã khó chịu. Gã có yêu cầu mụ một điều: mụ nên im lặng. Thế nhưng với Elka, ả càng nói gã càng muốn nghe.

Meir lái đến gần phòng lạnh của viện điều dưỡng. Mọi việc suôn sẻ nhanh chóng, lặng lẽ y như một âm mưu. Cửa mở, và hai nhân vật chuyển một cái hòm vào trong xe tang. Gã không kịp nhìn thấy mặt họ. Không ai nói nửa lời. Một lát sau cánh cửa phòng lạnh mở ra, Meir thoáng nhìn thấy hai hòm nữa giống vậy. Trước cái bàn dài có hàng nến xèo xèo nhỏ sáp là một ông cụ đang tụng Thánh Thư. Làn gió lạnh như từ trong hầm đá ùa ra từ trong căn phòng đó. Meir lôi ra chai rượu vodka gã mang theo trong túi và nốc cạn một hơi. Khi lái về hướng Warsaw, cuộc sống gã lóe hiện trước mắt gã - căn nhà tồi tàn, lũ trộm cắp, những cuộc ẩu đả, nhà thổ, đĩ điếm, sự bắt bớ. "Sao mình lại có thể đã cam chịu một hỏa ngục như thế nhỉ?" gã tự hỏi, và nhớ tới lời của bà mẹ: "Thượng đế phù hộ ta lánh xa mọi điều có thể nhiễm thói."

Chiếc xe đi vào khu rừng. Meir phóng nhanh và đảo qua đảo lại. Gã muốn Dishka nằn nì gã giảm tốc độ nhưng cô ta cứ im lặng bướng bỉnh, chỉ nhìn chằm chằm ra ngoài bóng đêm.

Meir lên tiếng: "Đừng sợ. Tôi không giết cái thây ma đâu."

Một thoáng hận đời nảy ra trùm lên lấy gã cùng lúc với động lực muốn thử thời vận, như sự dục vọng liều lĩnh của con bạc đã chán nản cuộc chơi và đem liều mạng một mất một còn. Đèn pha xe rọi lóa hàng thông, nhà cửa, vườn tược, ống nước, ban công. Thình thoảng, Meir liếc sang Dishka.

"Rõ ràng sinh mạng đối với thị chẳng đáng giắt kẽ răng," gã nhủ thầm.

Chiếc xe tang tiến vào một quãng ngang qua bãi đất trống. Nó trượt bánh như thể đang tuột dốc, và tiếp tục lao theo đà. Tức thì Meir cảm thấy hớn hở và nhẹ nhõm. Chẳng có gì phải lo, gã nghĩ. Mọi việc để chúng tự lo lấy. Gã hầu như quên bẵng người hành khách ủ dột kia. Sống là tốt. Ngày nào đó có lẽ mình sẽ qua Mỹ. Thiếu gì đàn bà và xác chết ở bên đó. Gã vừa lái xe vừa mơ mộng. Elka, hóa trang thành một người khác, đang ngồi trên xe, bông lơn và đùa giỡn, thách tính gan dạ của gã. Bất ngờ một thân cây hiện ra trước mắt. Một cái cây mọc giữa đường ư? Không phải, gã đã lái lệch khỏi xa lộ? Một trong những trò ranh ma của ả đây, gã nghĩ vậy. Gã muốn đạp phanh, nhưng chân gã lại đạp ga. "Thôi hết rồi!" ở đâu đó trong gã la lên. Gã nghe một tiếng nổ ầm kinh hoàng rồi mọi vật đi vào im lặng.

Hôm sau, một người nông dân đi làm sớm thấy chiếc xe tan tành với ba xác chết. Cửa sau xe tang bị văng ra và cái hòm đựng xác người diễn viên vuột ra ngoài. Đám đông xúm lại; cảnh sát được gọi đến. Từ Warsaw Hội An Táng Từ Thiện gửi hai xe tang đến để lượm các thi thể. Ông giám đốc và vị quản lý quyết định không để Elka hay, nhưng bà hội viên săn sóc ả nghe được bản tin trên đài đã báo cho Elka biết. Khi Elka nghe tin, ả phá lên cười không dứt. Chẳng bao lâu tiếng cười biến thành tiếng nấc. Tiếng nấc vừa ngưng, ả ra khỏi giường và nói, "Đưa tôi quần áo." Trong hai ngày cần để thu xếp mai táng, Elka đã hồi lại sức. Mọi người trong Hội quan sát sự linh hoạt của ả với nỗi kinh ngạc. Ả rửa ráy Dishka và may áo tang cho cô ta và Meir. Ả chạy từ phòng này sang phòng kia, sập cửa rầm rầm, ra đủ thứ lệnh. Ả nói chuyện với những tử thi bằng lối trêu chọc thường lệ: "Sẵn sàng đi xa chưa? Đóng thùng hàng lại nhé?"

Thành phố Warsaw có hai đám tang lớn. Đám diễn viên, nhà văn và những người yêu chuộng sân khấu vây quanh quan tài của người diễn viên. Vây quanh quan tài cặp Meir và Dishka là bọn trộm cắp, ma cô, đĩ điếm, đầu nậu từ các con phố Krochmalna, Smocza, Pocezjow, và Tamki. Chiến tranh, dịch sốt phát ban, nạn đói tiêu hủy gần hết cái tầng lớp cặn bã của thành phố này. Quân Cộng Sản tiếp quản hết các quán rượu và sào huyệt của họ cùng quảng trường ở phố Krochmalna, nhưng cũng còn đủ bạn bè cũ đến viếng Meir lần cuối. Elka đi cùng họ. Ả trông khá trẻ trung, xinh đẹp, trong bộ đồ đen và mũ phù mạng đen. Meir Bontz và Elka Đỏ vẫn còn được ghi nhớ. Đoàn xe ngựa đưa tang kéo dài từ phố Iron đến phố Gnoyna. Meir Bontz đã từng ủng hộ một Giáo luật Talmud; nên một giảng viên với hàng

chục học trò đi trước xe tang la lên, "Công chính sẽ soi dắt ông ấy."

Tại nghĩa trang, hai người đánh xe nhấc Elka lên đứng lên một bia mộ để ả đọc đoạn điếu văn: "Meir của em, yên nhé. Em sẽ tới gặp anh. Đừng quên em, Meir ơi. Em đã có sẵn phần đất cạnh anh rồi. Những gì ta đã có với nhau sẽ không ai lấy đi được, ngay cả thượng đế!"

Ả nói với Dishka: "Hãy an nghỉ, em của chị. Chị muốn cho em tất cả, nhưng đó không phải là định mệnh." Với những lời này, Elka quỵ ng ã.

Cuối cùng ả được mang vào bệnh viện, nhưng mầm ung thư đã lan khắp, không còn chút hy vọng cứu khỏi. Elka ngồi giường ngả tựa vào hai chiếc gối khi các bà bên Hội An Táng đến thăm hỏi, kể lại những chuyện đang xảy ra. Người ta mướn thêm nhân viên mới, nhưng Thần Chết vẫn là một. Vải gai lên giá, cộng đồng đòi trả thêm cho đất chôn, thợ tạc bia nâng giá. Đám thợ khắc Do Thái đã bắt đầu tạc đủ loại kiểu cách - sư tử, nai, ngay cả mặt chim - trên mộ bia của người giàu, gần như theo gương mẫu của dân Ngoại. Elka lắng nghe và hỏi han. Mặt ả trở nên vàng vọt, nhưng đôi mắt vẫn giữ màu xanh lục như quả lý gai. Giờ thì Meir đã ở cõi khác, Elka chẳng có gì để tiếc nuối. Mọi việc đang sẵn sàng chờ ả - một phần đất, áo liệm, mấy mẩu thủy tinh đậy mi mắt nàng[5], và một nhánh sim[6] cho ả cùng Meir đào tìm đường vượt qua hang tối để lăn tới Xứ sở Do Thái khi Đấng Cứu Tinh ngự đến.

Isaac Bashevis Singer, 1977
Người dịch: Zlateh the Goat

---

1) nguyên văn là kraut, tên lóng của dân Đức, từ chữ sauerkraut mà ra. Sauerkraut là bắp cải muối, món quốc hồn quốc túy của Đức.

2) ngày quốc khánh của Do Thái.

3) trong bảy ngày để tang, toàn bộ gia quyến phải ở trong ngôi nhà của người chết, chỉ được ngồi trên ghế thấp hoặc dưới đất, che phủ hết những tấm gương và kiêng cữ nhiều điều khác. Những người để tang phải đốt bảy cây nến, tượng trưng bảy ngày tưởng nhớ người quá cố.

4) Sabbath bắt đầu từ chiều Thứ Sáu và chấm dứt vào chiều Thứ Bảy. Đây là thời gian để nghỉ ngơi, gia đình họp mặt và cầu nguyện.

5) tục lệ đặt mảnh thủy tinh trên mí mắt người chết để giúp họ thấy rõ ở thế giới bên kia.

6) sim (myrtle): loại cây bụi lớn trường xuân mọc rậm cạnh sông suối. Lá thơm cũng dùng làm dầu thơm. Màu xanh của lá thường được dùng để trang hoàng Lễ Nhà Tạm. Sim biểu tượng cho sự bình an, hoan lạc, khoan hồng và công lý.

hát nữa biển ơi!

TRẦN TỰ

Phía trái mạn tầu là tháp hải đăng cuối cùng sừng sững trên hòn đảo nhỏ. Phía trước mũi tầu là vùng biển quốc tế, một vùng thâm u. Chỉ nhờ những tia ánh sáng chói gắt đều đặn chớp lóe chọc thủng màn mù rọi xa tới vài hải lý ta mới có thể nhìn thấy mờ ảo bóng vài ba con tầu lớn của nước ngoài dường như chờ đón họ, hoặc đang buông neo chờ lệnh từ đất liền vượt qua biên giới biển vào vùng cảng H. Nhưng khốn khổ, cơn bão đột ngột như một sự phản trắc hoặc như một sự trừng phạt ập đến lúc chiều nay. Gió mạnh tăng dần đến cấp mười hai, làm con tầu vượt biên không sao nhích lên được, mặc dù luôn dằn hết mã lực, đến nỗi trong các khoang sặc sụa mùi dầu cháy khét lẹt. Mưa rầm rầm xối xả tưởng như trời có bao nhiêu nước đều đổ xuống vùng biển này, và gió ngược chiều rít ken két trong ống khói. Sóng mỗi lúc một thêm dữ, lúc như tung con tàu nhỏ lên cao, lúc lại như muốn nhấn chìm nó xuống đáy biển. Nó cố chống chọi nhưng sức chỉ như đứa trẻ bị đòn đau kêu la, giẫy giụa quằn quại.

- Trời ơi! Khủng khiếp quá! Chết mất - Giọng người đàn ông khàn khàn.

- Lạy trời, lạy Phật cho chúng con thoát nạn - Giọng phều phào của người đàn bà đuối sức.

- Ối, mình ơi! Tôi đã can ngăn mình mà mình không nghe - Tiếng người mẹ trẻ ôm con nhỏ nói với chồng.

Đám người say sóng nằm lử như đàn cá bị mắc cạn thở mang ngam ngáp chờ chết. Tiếng nôn ọe thốc tháo. Bỗng, một giọng quát:

- Câm đi! Làm cái gì mà ầm ĩ lên thế? Thần, Phật nào phù hộ các người. Có gan ăn cắp thì phải có gan chịu đòn chứ. Sợ chết thì ở nhà, có ai bắt phải đi đâu... Mẹ kiếp, không nhiều lời... Bắt chúng nó nôn ra hết.

Bốn thằng thanh niên lực lưỡng ở buồng bên cùng với cô gái trần truồng ngồi co ro đau khổ vì bị mấy thằng đó thay nhau hãm hiếp. Một thằng ghì riết cô gái, cười khằng khặc nhăn nhở. Cô gái khốn khổ khóc nức van xin: "Em lạy các anh"

- Bắt chúng nó nôn hết... Hành sự đi. Đứa nào chống cự cứ vất mẹ nó xuống biển, làm mồi tế thần bão - Thằng để bộ râu dữ tợn nhất quanh cái cằm bạnh, nói. Hắn cầm đầu toán cướp trên con tầu này.

Người tài công già, mặt đầy vết nhăn hằn sâu, từng dày dạn kinh nghiệm trên biển, lúc này mồ hôi rỏ ròng, cố sức lái con tầu gối lên đầu sóng.

- Hừm... chuyến đi này... đen đủi quá!

Đám người nằm ngồi chen chúc trong cái khoang to rộng nhất, dường như đã quá mức sợ hãi nên đều im lặng, phó mặc đời mình cho số phận. Có đôi vợ chồng trẻ hoặc mới chỉ là tình nhân dường như đã chấp nhận số phận. Họ dùng tấm khăn voan buộc chặt tay hai người lại với nhau. Cô gái ngồi áp má vào ngực chàng trai, vẻ mặt cả hai tuy mệt mỏi nhưng thanh thản. Một ông già tuổi chừng năm mươi để bộ ria mép khá kiểu cách, đầu đội mũ phớt, mắt sáng, vẻ vừa tinh anh, vừa hiền dịu lại từng trải nỗi đời. Một người đàn bà trung tuổi ôm ngực ho khan. Ông già nhìn bà ta thương cảm, móc túi lấy hộp thuốc chống say sóng:

- Này, tiếp tục dùng thuốc của tôi. Lúc xuống tầu ra đi tôi ngỡ mình là người đầu tiên không chịu nổi sóng... hóa ra... còn phong độ lắm.

Người đàn bà nhận thuốc, dù trong khoảnh khắc nghiệt ngã vẫn cố ngước ánh mắt thiện cảm và còn hàm ý cả tình tứ nhìn lại ông thay lời cảm ơn.

Hai chàng trai ngồi đối diện, cách nhau chồng hành lý hỏi chuyện làm quen nhau:

- Cậu làm nghề gì?

- Họa sĩ.

- Sao lại bỏ ra đi?

- Tự do... Thằng bạn ở Mỹ gửi thư về nói: "Những người như cậu, dôla tiêu thoải mái, lại dễ nổi tiếng". Hừm, khi con người không có tiền dễ biến thành con vật...

- Đúng thế... "Phú quý sinh lễ nghĩa, bần hàn sinh đạo tặc" cổ nhân dạy cấm có sai câu nào - Ông già chen ngang.

- Nhưng kinh khủng hơn khi con người không còn cả thứ nuôi sống tâm hồn mình. Người như vậy không chỉ biến thành con vật mà sẽ biến thành con quỷ. Mình đang có nguy cơ như vậy thì nhận được thư bà cô ở Canada hứa rằng: "Chỉ cần cháu đến Hồng Kông, cô sẽ đón và bảo lãnh đến nước thứ ba". Hừm, vậy mà... cơn bão chết tiệt này... Còn bác làm gì?

Ông già cười khà khà, làm như đang sống giữa bữa rượu bạn bè:

- "Vua" ánh sáng sân khấu của một đoàn kịch.

- Sao bác lại bỏ đi?

- Còn lại chục năm cuối đời, thích thoát cảnh tù hãm để tự do giao du thiên hạ.

- Còn vợ con bác?

- Bà ấy chê tớ nghèo đã khoác tay với một thằng giàu xụ. Còn con hả, nói tới làm gì; cũng tại một phần chúng làm đầu tắt mặt tối mà không đủ tiền nuôi thân chúng...

Họ nhìn phía mạn tầu bên kia, nơi có một cô gái ôm cây đàn thập lục ngồi quay lưng nhìn qua ô cửa kính trong. Đó là cô gái duy nhất không bị say sóng. Từ lúc xuống tầu mọi người đều để ý đến cô, lấy làm sự lạ. Còn cô chẳng thèm để ý tới ai và cứ như bị câm, không hề nói nửa lời. Lúc này, chắc cô vừa ngắm nhìn cảnh bão táp đùa giỡn với thân kiếp mình, vừa chợt nghĩ thoáng tới vùng quê Quan Họ, hoặc tới mối tình đầu đời lắm say mê, cũng có thể cô đang nghĩ tới gia đình nghèo khó của mình với hình ảnh người mẹ gầy guộc bên luống cầy... Ôi, người bỏ trốn lúc này có biết bao nhiêu tâm trạng.

Hai chàng trai tiếp tục nói chuyện:

- Nàng kia làm gì mà cứ ôm khư khư cây đàn?

- Chắc ở một đoàn dân ca tỉnh lẻ. Có thể cô ta ra đi gữa lúc đoàn đang biểu diễn nên mang theo cả cây đàn và mặt còn nguyên son phấn.

- Nàng này sống ở nước ngoài chắc đắt giá...

- Hẳn vậy!

Câu chuyện của họ bị ngắt quãng bởi đợt sóng lừng xô mạnh hai bên mạn tầu khiến người nọ ngã dúi vào người kia. Đôi trai gái buộc chặt tay vào nhau do cơn sóng đó, cô gái nằm trong lòng chàng trai như ở chỗ không người. Chẳng hiểu khoảnh khắc ấy họ có cảm giác gì về tình ái?

- Ôi! Chốn thiên đường mơ ước của ta ơi! - Giọng kêu than của ai đó.

- Chết mất! - Lần đầu tiên cô gái ôm cây đàn bật nói.

- Sao cháu bi quan quá vậy? Một người như cháu không thể chết được... - Ông "vua" ánh sáng sân khấu nói.

- Tại sao lại như thế hả chú?

- Vì một người như cháu mà chết trong cảnh thảm thương này thì đời còn có là nghĩa lý gì nữa.

- Còn chú không như thế sao? Chú tốt bụng biết bao. Đời cần chú biết bao.

- Ô ô... đời chú, còn nói làm gì... Qua hết rồi... trừ cái chết. Chính vì vậy chú nghiệm ra rằng: ở đời người ta hơn nhau sự biết chứ không phải sự giầu.

Cô gái nhắm mắt mặc cho số phận, dồn đau đớn vào hồi tưởng.

Chàng họa sĩ mơ màng mường tượng đến cảnh mình dựng giá vẽ trước

những cô gái thổ dân đảo Haiti, nơi Gauganh để lại những kiệt tác... Từ một cái góc sũng nước, ai đó bỗng cất lên giọng ca buồn thảm. Hắn chàng ca sĩ đang hình dung tới cảnh mình biểu diễn trên sân khấu khổng lồ lộng lẫy trên đất Mỹ giống y như thiên đường của Micheal Jackson.

- Mẹ kiếp, còn thú vui gì nữa mà cười mà hát?

Ba thằng thanh niên dữ tợn bước xuống. Thằng nào cũng cầm dao sáng loáng:

- "Nôn" ra!

- Chúng tôi còn gì nữa đâu...

- Mụ này, vàng giấu ở đâu... Đưa đây!

- Chị van các chú, chị chỉ còn vài chỉ phòng thân...

Ông "vua" thở dài:

- Các em ơi! đến giờ phút này con người thương nhau còn không nổi, nỡ nào hả các em?

- Mẹ kiếp... giờ phút nào cũng vậy thôi. Ai thương chúng tôi. Ở đâu cũng phải có tiền... mà cái mẽ để tóc dài như anh già này đồng xu dính túi cũng chẳng có, thương được ai... nghệ sĩ hở? Câm đi, anh già...

Bọn chúng moi bằng được ba chỉ vàng của người đàn bà khốn khổ đã bị say lử vì sóng.

- Còn thằng này?

- Mình là ca sĩ.

- Câm mồm... trông mày quen lắm... Nhưng lúc này tao cần tiền chứ không phải "giọng ca tiếng Thổ" của mày... Tao cắt họng thì rồi một đồng xu cũng kiếm không nổi ở nơi đất khách quê người đâu, thằng em dại ạ... Thằng này?

- Tôi chỉ có mấy tuyp mầu.

- Tuyp mầu là cái mẹ gì? Có bán ra tiền không hở?

- Được!

- "Nôn" ra!

Chàng họa sĩ lục tìm trong ba lô, lấy ra mấy tuyp mầu. Một thằng cướp xia mũi dao găm vào một tuyp, ật cổ cười:

- Mày muốn giỡn chúng ông... định biến chúng ông thành lũ hề hả?... Tiền đâu?

- Nếu có tiền thì tôi chẳng chịu ra đi trong cảnh này.

- Chí lý... Tha cho chú em... Cố mà sống để vẽ như cái ông gì ấy nhá...

Chàng họa sĩ mỉm cười.

Thằng cướp quay đầu về phía cô gái ôm cây đàn thập lục. Cô vẫn bình thản nhìn sóng biển hung dữ qua ô cửa kính tròn... Thật kỳ lạ. Thằng cướp vẫn nhìn cô gái. Không phải chỉ lần này mà từ lúc xuống tầu, chúng luôn nhìn cô chứ chưa thằng nào thậm chí nói một lời chòng ghẹo, cứ như cô là người thân đáng nể trọng của chúng hoặc cô có bùa phép hộ mệnh. Chúng cứ tiếp tục lục hành lý của những người trong khoang, lấy hết những thứ cần lấy. Chợt, thấy đôi trai gái buộc chặt cổ tay vào nhau, chúng phá cười ngặt nghẽo. Một thằng tỏ ra hiểu biết:

- Ái chà, chúng mày lại định gây ra vụ Romeo-Juyliet kiểu mới đây. Nhưng thời buổi này không có ai nhỏ một giọt nước mắt thương vay cho chúng mày đâu.

Chàng trai vung cánh tay còn lại:

- Bọn mày có im đi không?

Một thằng chắp tay vái, điệu bộ như hát tuồng:

- Ái chà chà... đàn em xin bái phục!

Bọn cướp kéo nhau lên tầng boong trên. Ông "Vua ánh đèn sân khấu" nhìn theo thở dài, tiếng thở dài não khổ giống như của đức Phật mỗi lần nhìn xuống thế gian thấy cảnh chúng sinh náo loạn đua chen: "Con người là vậy đấy!"

Một vệt sét ngoằng xé rạch trời đêm.

Lại tiếng ồn kêu thét. Chắc bọn cướp đang hành sự ở boong trên. Người ta biết bọn chúng không di tản. Khi đến Hồng Kông chúng sẽ nhảy sang tầu khác luồn lách trở về Việt Nam với số tiền cướp được trên con tầu này... ăn chơi xả láng ở các vũ trường, hộp đêm...

Từ buồng tài công mấy người nhận ra bóng mấy con tầu mờ mờ ở màn mù phía trước. Tiếng reo mừng:

- Thoát rồi!

Giữa lúc ấy, một cơn sóng to như trái núi chồm lên nhận chìm con tàu xuống đáy đại dương... Làm như trên đời này chưa bao giờ có nó.

*

Biển lặng!

Gió thổi rạt hàng phi lao, vọng lên từng hồi hú man rợ. Mặt trời lặn một nửa xuống vòng cung biển, nhưng vẫn còn vương vấn thế gian, lia lướt chút ánh nắng cuối cùng vào vạn chài... rồi lùi dần... nắng tắt!. Hoàng hôn mầu tàn nhang trùm xuống mênh mang.

Trong nhà một dân chài, cuộc rượu đã tàn. Chàng trai đứng dậy đi từng bước xiêu xọ xuống triền cát. Chàng cởi trần, áo vắt vai để lộ thân hình

cường tráng, cơ bắp cuồn cuộn. Chẳng hiểu chàng ta đang nghĩ gì vui thú, bỗng cất chuỗi cười dài. Tiếng cười vọng vào vách đá, lan trên biển, khiến tất cả đều như chao đảo, đu đưa theo bước chân chập choạng của người trong cơn say.

Chàng về nhà mình, vẫn cười cùng với lời tự nhủ: "Tối nay phải đánh mẻ lưới cho rã cơn say và cho thiên hạ phải nể mặt!" Chàng xốc vàng lưới cuộn lên vai, rồi lại cười, đi về phía biển. Chàng hất vàng lưới xuống thuyền, cởi dây, dùng sào đẩy con thuyền nhỏ ra xa bờ.

Đang giăng lưới, chàng chợt thấy một vật trôi nổi bập bềnh dạt dần vào bờ. Lúc đầu chàng nghĩ là tấm ván thuyền, nên không quan tâm, tiếp tục thả lưới. Khi vật kia trôi đến gần, chàng giật mình nhận ra cô gái nằm úp sấp, tóc rũ lòa xòa, hai tay dang rộng ôm mép ván. Chàng thoáng ngẫm ngợi: "Chắc lại con tầu gỗ đi đi tàn bị bão gió đánh vỡ tan tành rồi!". Nghĩ vậy, chàng quơ mấy bơi chèo áp mạn vào sát tấm ván. Chàng khẽ vuốt mái tóc cô gái và có cảm giác cô còn sống thoi thóp. Chàng cúi rạp, tì ngực lên mạn thuyền, gắng hết sức nhấc bổng cô gái đưa lên thuyền. "Lại còn cái thứ gì đây nữa?" Chàng không biết đó là cây đàn, nên phỏng đoán: "Chắc nó phải là vật quý giá lắm nên thậm chí đến phút chết, cô ta cũng không rời nó". Chàng vớt cây đàn đặt bên cạnh cô gái, rồi nhanh chóng chèo thuyền vào bờ. Chàng vác cô gái chạy vội về nhà, đặt cô nằm trên tấm sạp thuyền làm giường ngủ của mình: "Hẳn cô ta đã trôi lênh đênh mấy ngày đêm trên biển... kiệt sức vì đói, rét". Chàng ra sân vơ mấy tầu dừa khô đem vào nhà, châm lửa đốt, mong có hơi ấm cho cô. Nhìn bộ quần áo rách tả tơi ngấm sũng nước trên thân thể cô gái, chàng ngần ngại... Nhưng chẳng thể còn cách nào khác, chàng quyết định cởi bỏ hết quần áo cô gái. Lần đầu tiên trong đời chàng được thấy thân hình trẻ trung trinh nguyên của người khác giới, khiến chàng phút đầu không tránh khỏi rung lên những cảm xúc thật khó tả. Nhưng chỉ thoáng qua. Chàng cho đây là việc cứu người... Rồi chàng vô tư làm những động tác dân chài thường dùng để cứu những người chết đuối... Hà hơi nóng từ miệng mình vào miệng cô gái, thậm chí dùng môi ngậm vào mũi cô hút hết những thứ có thể làm tắc đường thở... Chàng làm vậy hồi lâu... Do hơi ấm của lửa, của người đồng loại, cô gái tỉnh dần, đã nghe rõ nhịp thở.

Chàng dân chài lấy nắm gạo vo qua quýt, rồi đổ vào nồi đặt lên bếp lửa. Chàng trai lại ngồi cạnh cô gái, hồi hộp lắng nghe động tĩnh từ thân thể cô... Nồi cháo sôi, tràn nước xuống bếp lửa xèo xèo. Cô gái nằm thiêm thiếp, ngón tay khẽ động đậy. Bấy giờ chàng chợt thấy lúng túng trước thân hình

trần truồng của cô gái và tự trách mình quá vụng về... Chàng vội cầm tấm chăn đơn làm bằng cánh buồm vá víu của mình đắp lên người cô gái. Rồi chàng múc cháo vào bát, ngồi cạnh cô tay run run đút vào miệng cô thìa cháo đầu tiên. Môi cô khẽ động đậy, chóp chép nuốt từng thìa cháo.

Ăn hết bát cháo đầu tiên, cô gái từ từ mở mắt, kêu u ú như người vừa tỉnh cơn ác mộng: "Ôi... gì... gì... thế này?" Chàng dân chài cười chất phác vui mừng:

- Cô đang ở cõi trần gian chứ không phải chốn Long Cung đâu.

Cô gái mở to mắt, hoảng hốt:

- Đây là đâu... Là đâu thế?

Chàng dân chài tiếp tục cười:

- Cô còn yếu lắm. Đừng sợ gì nữa. Tôi đã mang cô về nhà tôi từ tấm sạp thuyền trôi nổi ngoài khơi...

Cô gái khép mi, dường như đã nhớ loáng thoáng những sự khủng khiếp trên con tàu trong bão táp. Cô hỏi:

- Mọi người đâu?

- Ôi, tôi biết sao được.

Cô gái ôm mặt khóc. Chàng dân chài múc thêm bát cháo:

- Nín đi... ăn đã... phải tỉnh, khỏe mới nhớ nổi điều ghê gớm gì đã xảy ra chứ.

Vừa nói chàng vừa đổ cháo vào miệng cô gái. Cô ăn nhanh hơn... Chợt, cô nhận ra mình nằm trần truồng trong tấm chăn vải. Cô hoảng hốt:

- Ôi, tại sao lại thế này... Anh đã làm gì tôi?

Chàng dân chài luống cuống, môi run run:

- Không... Không... Tại quần áo cô ướt hết, cô bị nhiễm lạnh nặng. Tôi ngỡ không cứu nổi cô cơ đấy. Đừng nghi oan tôi. Cô sống lại là mừng rồi.

Cô gái cũng tự nhận ra thân phận mình, giọng dịu dàng:

- Cám ơn anh đã cứu em!

- Ôi thôi... ân huệ làm gì. Là con người cả với nhau thôi mà.

- Đây là đâu, hả anh?

- Một hòn đảo không tên. Cách đây vài chục năm chưa có người ở. Cha ông chúng tôi chán kiếp lênh đênh nên dần dần tụ về đây lập vạn chài... Thôi, cô cứ nghỉ cho lại sức. Tôi phải ra biển thu vàng lưới về. Ơ, mà cô còn có vật gì, dây dợ lằng nhằng thế?

- Ôi, cây đàn thập lục của em!

- Đàn thập lục à, lạ nhỉ. Tôi sẽ mang nó về cho cô.

Chàng dân chài vo tảng lưới rách làm gối đặt dưới đầu cô gái, cười chất phác, đi ra phía biển. Cô gái ngước đầu nhìn chàng trai rồi khép mi chìm dần vào giấc ngủ.

Trăng tỏa sáng xuống cảnh vật. Biển như tấm ngực khổng lồ rung lên theo tiếng dội ầm ào trầm bổng như bản giao hưởng, hòa tấu mãi không thôi.

Trong ánh sáng nhập nhòa của lửa và của ánh trăng, cô gái tỉnh hẳn. Cô ôm mặt khóc khi nghĩ tường tận lại khoảng khắc tận diệt trên con tầu di tản gặp bão táp... Những con người thú đến đận ấy vẫn còn lộ hết bản chất tàn bạo gây tội lỗi với đồng loại... Cô khóc tức tưởi hơn khi nghĩ tới hai chàng ca sĩ và họa sĩ trẻ trung lộ đầy vẻ tài hoa, xinh trai... và người nghệ sĩ "ánh đèn sân khấu" già, rất chi tốt bụng, vui tính... Hẳn tất cả không còn trên cõi đời này... Nhưng sao kỳ quặc vậy: Trong phút tận diệt ấy, người nghệ sĩ già cứ ngắm nhìn cô và khẳng định: "Cháu không thể chết được. Vì một người như cháu phải chết trong cảnh thê thảm này thì đời còn ra cái nghĩa lý gì?" Thế là thế nào... Là thế nào chứ?... Ôi, lẽ nào với con người từng trải một đời ấy, mình là hiện thân của "cái đẹp"? Phải chăng đã đúng như vậy, nên bọn cướp tàn bạo kia không một lần động đến mình. Cô mỉm cười với hình ảnh người nghệ sĩ già lãng mạn.

Vài ngày sau, cô gái ấy hoàn toàn bình phục. Dân chài hay tin rủ nhau đến thăm nàng, làm như nàng là người thân đi xa lâu lắm bây giờ mới trở về. Họ đùm bọc chẳng để nàng thiếu thứ gì. Họ coi nàng là niềm vui tình người mà lần đầu tiên họ được thổ lộ ở hòn đảo xa tít trùng khơi này. Nhưng nàng luôn buồn bã trong nỗi cô đơn, nhớ da diết hình ảnh những con người tưởng như không hề quen biết trên con tàu di tản. Chỉ một lần trong cảnh nghiệt ngã để không bao giờ gặp lại... vậy mà... Nàng nhớ quê hương... Nhớ đến rùng mình cái nơi mình vừa từ đó ra đi. Những buổi tối trong nhà, nàng thường kể chuyện với chàng trai xứ biển, về những con người trên chuyến tàu di tản. Nàng kể tỉ mỉ về ông già nghệ sĩ đến nỗi chàng dân chài cũng phải đưa ra lời bình luận "chú ấy đã hoàn tất ước nguyện đời mình."

Ban ngày chàng trai đi khơi, chỉ còn mình nàng trong ngôi nhà hiu quạnh ở cuối bãi. Chẳng có gì để giải khuây, nàng thường đi tha thẩn dọc bờ biển, chăm chú tìm những vỏ ốc hoặc những viên đá được nước biển bào gọt thành những hình thù kỳ dị, đẹp đến bất ngờ. Hoặc đứng sát ngấn sóng, đăm đăm nhìn về hướng đất liền. Khi chiều xuống, nàng trở về nhà, buồn tình hát với cây đàn thập lục.

Mỗi khi người con gái ấy hát thì dường như thành sự kiện. Người vạn

chài kéo đến xúm quanh, vòng trong vòng ngoài lắng nghe...

Bèo dạt mây ứ ừ trôi... Tiếng thoi đưa... anh ơi... anh cứ đợi ứ ư... cứ chờ... Thương nhớ ừ... ai ơi

Nàng hát bài dân ca Quan Họ chỉ cốt giải tỏa cho hết tâm trạng mình. Nhưng với dân chài thì đấy là nguồn vui sống, mà lần đầu tiên họ biết tới nó trên cõi đời này.

Bỗng một lần nửa đêm tỉnh giấc, cô ca sĩ nghe vẳng tiếng hát từ ngoài khơi. Lúc đầu vọng xa xa, sau rõ dần, có lúc tưởng như tiếng hát cất lên từ nơi sát ngấn sóng gần chỗ nàng ở. Rõ ràng một giọng nam cao tha thiết:

"Đêm nay thu sang cùng heo may... *Đêm nay sương lam mờ chân mây... Thuyền ai lờ lững trôi theo dòng... anh nhớ thương ai trùng tơ lòng...(*)*

Giọng hát có sức quyến rũ khiến nàng không sao cưỡng nổi mình. Nàng đoán rằng: Chắc chàng ca sĩ ấy cũng may mắn thoát nạn như nàng, và chàng đang sống trên con thuyền đánh cá của dân chài ở hòn đảo nào đó gần đây... Nàng bỏ nhà ra bãi biển. Đêm đen, không nhìn thấy gì ngoài những vệt lân tinh xanh ánh. Phải chăm chú lâu lắm, nàng mới nhận ra lẫn trong lân tinh, có đốm đèn leo lét trên con thuyền ở ngoài khơi. Tiếng hát cất lên từ đó... mỗi lúc thêm thiết tha tâm tình. Nàng đoán rằng: biết đâu người nghệ sĩ ánh đèn sân khấu già cũng thoát nạn và đang ở đó... Háo hức quá chừng!

Lúc gần sáng... tức là lúc vầng mặt trời dâng dần lên từ vòng cung biển phía đông rù bóng loang lổ xuống mặt biển, tiếng hát mới ngừng bặt. Nàng chân hẫng hoài tiếc trở về nhà.

Suốt ngày nàng ngơ ngẩn mong trời về đêm... Đêm sau... đêm sau nữa... vẫn tiếng hát vọng từ ngoài khơi. Chàng trai xứ biển cũng lắng nghe: "Đúng... chắc chàng trai nào đó cũng may mắn thoát nạn như cô... Để tôi tìm giúp."

Đêm ấy, chàng trai biển chèo thuyền đến Lạch Luồn câu cá, nơi chàng đoán tiếng hát chỉ có thể phát ra từ quanh đây. Chàng thủng thẳng buông dây neo, gác hai mái chèo, rồi ngồi bình thản mắc mồi vào lưỡi câu, quăng tới chỗ nước chảy quẩn ở cửa Lạch Luồn... Chàng chăm chú lắng nghe... nghe mãi, vẫn không thấy tiếng hát nào vọng lên từ biển. Buồn tình chàng hát: "Bèo dạt ứ ừ mây trôi..." điệu hát bắt chước cô ca sĩ... Bỗng, "nhoằng" một cái dây cước bị kéo mạnh... nhùng nhằng mãi, chàng mới kéo nổi con cá to bằng bắp chân lên thuyền... "Ha ha", chàng vừa hả hê vừa tháo lưỡi câu khỏi mép cá... Lại mắc mồi nữa, lại quăng mồi đến chỗ nước quẩn... chờ mãi... chờ cá cắn câu và chờ tiếng hát... chờ mãi... Chàng chăm chú nhìn

xung quanh vẫn chỉ thấy những vệt lân tinh xanh ánh chợt hiện chợt tan trên mặt nước. Bỗng chàng nhận ra có một khối lân tinh tròn ủng to bằng cái thúng trôi bập bềnh lừ đừ về phía Lạch Luồn. Khi cách vài mét, chàng vẫn chưa thể đoán ra nó là vật gì, chỉ khi nó giạt vào mạn thuyền, chàng xòe diêm soi... cười ngất: "Hóa ra xác chết trôi". Dân biển vốn chẳng coi xác chết trôi là vật gì đáng sợ hãi. Mấy năm trước, cao trào của người di tản, có đêm động biển, chàng đánh lưới vét quanh vụng, hốt được năm xác chết trong lưới. Chàng bình thản làm phúc bế từng xác lên bìa cát, có sao đâu, huống chi cái xác này... Chàng cầm sào định đẩy xác trôi qua Lạch Luồn. Nhưng bản tính tò mò, chàng bật cây diêm nữa và nhận ra mớ tóc dài lòa xòa của xác chết đã nhiều sợi bạc. Chợt nhớ lại chuyện kể của cô gái, chàng đoán đây là xác ông nghệ sĩ già: "Ôi, bố già... Bố thích chu du thiên hạ cơ mà... Sao lại còn luẩn khuất ở vùng biển này?... Được, con làm phúc giúp bố được toại nguyện... Ờ, có lẽ nào tiếng hát đêm đêm lại phát ra ra từ bố?". Chàng dùng sợi dây thừng có sẵn cái móc, quạc lưỡi móc vào áo xác chết, rồi kéo neo... chèo thuyền kéo xác chết ra đến cửa Lạch Trường, thả nó trôi mạnh ra đại dương. Làm xong việc đó, chàng dân chài cười ha hả: "Nhất bố rồi nhé... Từ nay vong hồn bố thả sức chu du năm châu bốn biển nhá... Thôi, con chào bố!"

Sáng hôm sau, chàng trai biển mang cá về nhà và kể lại câu chuyện đêm qua với cô gái. Nàng lặng đi một lúc, rồi khẳng định:

- Không... không phải chú ấy... Chú ấy không thể chết như vậy... Trên con tàu đó thiếu gì những mái đầu bạc.

- Ừ nhỉ! Nhưng đêm qua cô còn thấy có tiếng hát nữa không?

- Không...

- Thật lạ!

Bẵng mấy ngày...

Vào một đêm cô gái đang ngủ bỗng ngồi chồm dậy kêu thét. Chàng trai biển ngủ dưới bếp chạy vội lên nhà đến bên giường cô:

- Gì thế?

Cô gái vẫn trong mơ, ôm chầm lấy anh:

- Cứu cứu em với...

- Có gì đâu... Tôi đây mà...

- Em sợ quá! - Cô gái tỉnh hẳn, nhưng tay vẫn run run ôm chàng trai - Em mơ thấy mình lại trên con tàu đó... Ôi, sợ quá!

Chàng trai biển lúng túng trong vòng tay cô gái:

- Ô ô, vì cô vừa trải qua việc khủng khiếp... Mà sức khỏe cô chưa hoàn

toàn bình phục.

- Em chịu ơn anh rất nhiều...

- Ôi, ơn huệ gì... Là con người cả với nhau thôi mà... Cô tiếp tục ngủ nữa đi... Nửa đêm rồi...

Vẫn để nguyên vòng tay mình, môi nàng ấp úng muốn nói điều gì nữa... nhưng chàng trai quá lúng túng... ngập ngừng... rồi gỡ nhanh tay nàng, đi nhanh xuống bếp... Nơi có đống than hồng đang âm ỉ cháy.

Cô gái tiếp tục nằm, nhưng không sao ngủ được. Nàng khóc thầm...

Đêm nay thu sang cùng heo may...

Tiếng hát...

Nàng nín thở lắng nghe. Tiếng hát theo gió vọng đến mỗi lúc thêm rõ. Vẫn cái giọng nam cao trong trẻo tha thiết tâm tình... Nàng không sao cưỡng nổi mình... Như kẻ mộng du, nàng trở dậy, đi ra bãi biển đêm đen. Chẳng thể nhìn thấy gì, ngoài ánh sao. Sao trên trời cao và sao in xuống mặt biển phẳng lặng... Chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng hát háo hức ngoài khơi. Những làn sóng êm đềm liếm sâu vào bìa cát ướt lạnh chân nàng. Nhưng nàng vẫn bước... Cuối cùng nàng bước lên thuyền của chàng trai xứ biển. Tâm hồn nàng thật háo hức. Nàng hát như đối đáp với lời ca vọng từ ngoài khơi: "*Bèo dạt mây trôi... ứ ừ trôi... Anh ơi, em vẫn đợi... ứ ư vẫn chờ... Sao chẳng thấy anh...*"

Con thuyền nhỏ của nàng như chiếc lá khô quay cuồng hướng về phía ánh đèn hy vọng trên biển đêm. Tiếng hát của người con trai hòa với tiếng biển dội trầm trầm như dàn nhạc tấu... tâm giao...

Từ ngày ấy, ở hòn đảo nhỏ không tên ấy đêm đêm, dân vạn chài thức trắng rù nhau ra bờ biển nghe tiếng hát như oán như than của đôi trai gái vọng từ ngoài khơi...

Dân biển nhầm bụng hát theo và thuộc không ít bài... Có người bảo: "Đó là hồn ma!". Có người bảo: "Chắc là đôi trai gái ấy gặp nhau. Họ không thể trở về đất liền, vì sợ chính quyền tống tù, nên nấn ná ở nơi hoang dã này". Người thì bảo: "Đó là những lời nguyện cầu... là tất cả những gì con lại sau khi con tầu kia chìm dưới đáy đại dương."

Chao ơi! Họ cũng những kiếp người...

Đêm đêm... tiếng hát...

Hát nữa... Hát nữa đi... hát đến tận mai sau... biển ơi!

Trần Tự

(*) Lời bài hát "Con thuyền không bến" của cố nhạc sĩ Đặng Thế Phong.

ba cuốn sách, không đủ một nửa sự thật!

PHAN NHẬT NAM

Dẫn Nhập

Nay chúng tôi trở lại vấn đề sau rất nhiều đề cập, tranh luận mà vẫn chưa (*và cũng chưa bao giờ*) giải quyết một cách chung nhất, để có thể đạt được một kết luận thỏa đáng, cuối cùng. Đấy là: *Vấn đề đối với người cộng sản* - Nói rõ hơn, về những người Việt Nam theo đuổi, tin tưởng chủ nghĩa, chế độ cộng sản; phục vụ, thực hiện một chế độ chuyên chế đã hình thành, đang củng cố trên đất nước Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ, cụ thể là từ 30 tháng Tư 1975. (*Thật hay giả, đúng hay sai là vấn đề của họ, không là của chúng tôi - Thành phần đã hoàn tất sự phân định, chọn lựa dứt khoát từ một thuở rất lâu - Ngày còn rất trẻ*) Đấy là câu chuyện về, của những người gọi là "*Việt Cộng*". Danh xưng nầy nay không do những "*Người Việt Không Cộng Sản*" tùy tiện đặt nên bởi mục đích chính trị, sử dụng trong tiến trình đấu tranh chống lại chủ nghĩa, chế độ kia, nhưng do chính tác giả của một trong ba cuốn sách sắp đề cập tự xác nhận. Phải, người viết cuốn sách có tiêu đề: "*Nhật Ký của một Việt Cộng*", tự xác nhận vị trí chính trị của mình - *Một Việt Cộng* - với tất cả tận hiến vinh hiển lẫn thảm bại khắc nghiệt của thân phận con người qua tư thế ấy.

Cũng khác những bài viết khác, nay chúng tôi không *trình bày luận cứ từ ý kiến của bản thân cá nhân,* nhưng thuần túy là quan điểm từ phía họ - Những người tự xếp hạng vào hàng ngũ những kẻ chiến đấu vì "*độc lập - tự do - dân tộc*", tình nguyện mang vác nhiệm vụ sứ giả thiện chí, người lính tiền phong "*gìn giữ hòa bình thế giới, bảo vệ giá trị nhân loại*". Chúng tôi không "*viết hoa*" những tiêu đề đẹp đẽ trên vì qua họ. Những người cộng sản Việt Nam, những Việt cộng - Chúng (Chữ và Nghĩa ấy) đã lộ nguyên bản chất là những tiếng lời dối trá, ngụy danh được chứng nghiệm qua hơn

nửa thế kỷ (Từ năm 1930, năm Đảng Cộng Sản Đông Dương thành lập) và ngay hôm nay nơi đất nước Việt. Cũng trên toàn bán đảo Đông Dương và cả thế giới nếu muốn nói rộng ra. Và cũng chính họ chứ không ai khác đã tìm ra "*lời giải đáp*" cuối cùng của hoài bão "*ngây thơ một cách đáng thương hại và cũng đáng oán hận*" kia. Bởi chính niềm mong ước ấy đã "*là đầu mối*" của chuỗi đau thương đọa đày không có dấu hiệu chấm dứt mà toàn thể các dân tộc sống trên vùng Đông Dương (Người Việt là nạn nhân đầu tiên, chính yếu) đồng gánh chịu từ ngày chế độ "*bất nhân một cách tự nhiên kia*" được thành lập ở Hà Nội, ngày 2 tháng Chín 1945. Cụ thể hơn là bản thân của một trong số ba nhân sự sắp kể ra chính là "*kẻ thụ nạn thê thảm*" do hành vi tự hiến, hy sinh của chính bản thân và gia đình người ấy.

Cũng cần nói thêm vài chi tiết tuy thứ yếu nhưng nghĩ cũng hữu ích. Ba cuốn sách đang đề cập do ba cá nhân khác nhau về giới tính, chủng tộc, địa phương sinh quán, môi trường sinh hoạt, vị trí xã hội viết nên. Nhưng tất cả đồng có chung một mẫu số - Đấy là những "*trí thức thiên tả*", được đào tạo, sinh hoạt, hành nghề từ, trong môi trường văn hóa Pháp Ngữ, ở thủ đô Paris, nước Pháp. Nói như thế hẳn đã đủ để chúng ta bắt đầu vào câu chuyện.

Cuốn sách Thứ Nhất:
Judit Radiguet, "*Mẹ ơi, chiến tranh đã chấm dứt*";
Nhà Xuất Bản Rocher, Paris, France 1995.

Tác giả là một người nữ, ký giả những bài viết đoạt Giải Thưởng Phóng Sự Ondas (của giới truyền thông quốc tế, phổ biến trên đài Vô Tuyến Số 3 Pháp) về tình hình trẻ con, phụ nữ bị bức hại ở những nước thuộc Thế Giới Thứ Ba. Cô đã có mặt ở Việt Nam từ 1963, cùng một đứa con nhỏ và chồng, René, cũng là một ký giả do lời mời của luật sư Tân (?). (Trong sách ghi là Tan - "*Một luật sư người Việt xuất sắc, tài năng, và thông thái, chủ nhân một biệt thự tráng lệ với những bữa ăn thân mật, thịnh soạn*"- Đánh giá của Judit). Luật sư Tân đề nghị cùng cô nhiệm vụ xướng ngôn phần tiếng Pháp cho đài phát thanh. Cô ký giả trẻ (tính theo tuổi ở năm 1963) chấp thuận với ý định, qua việc làm, cô sẽ tìm hiểu về một xứ sở rối rắm đang trong tình trạng chiến tranh. Công việc của cô làm những giới chức chỉ huy quân sự trẻ (Là những ai? Pnn) ở địa phương Đà Lạt không hài lòng vì cô "đã khám phá ra sự giả dối" ở những con số người chết, bị thương được ngụy tạo trong các bản tin.[1] Cuộc đảo chính quân sự 1 tháng 11, 1963 chấm dứt chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa với Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cũng chấm

dứt luôn công việc ở đài phát thanh của cô ký giả. Sau đó vài ngày, luật sư Tân bị ám sát nơi nhà để xe. Vợ chồng cô ký giả đến thăm, bà vợ viên luật sư gào ngất: "*Bọn người mặc đồ lính giết chồng tôi! Tôi sợ chúng giết cả tôi nữa.*" Từ sự kiện luật sư Tân, Judit có kết luận: "*Chúng tôi không bao giờ biết được kẻ nào đã giết Giáo Sư Tân, một luật sư xuất sắc và trung chính. Ông hẳn có thể trở nên một lãnh tụ chính trị của thành phần mà sau nầy gọi là "thành phần thứ ba"*[2]. *Ông Tân là một trong muôn vàn những nạn nhân dân sự của chế độ quân nhân - Ông là một trong những nhân vật hàng đầu của nhóm người trung lập. (Radiguet, trg191-196).*

Năm 1970, Judit trở lại Việt Nam lần thứ nhất với một tâm lý chín chắn, trưởng thành hơn. Cô quyết tìm hiểu "*cuộc cách mạng nhất định phải có do (xã hội) bị áp bức.* Radiguet trg11" trong dòng sinh mệnh của một quốc gia có liên hệ với lịch sử Pháp, văn hóa Pháp ố Mà cô là "*đại diện cho giới nhà văn, nhà báo trung chính*" của nền văn hóa cao cả nầy, cũng do "*tinh thần (vô sản) chiến đấu*" từ mẹ, cha cô truyền lại. Phần tình cảm bản thân Judit cũng có sự thay đổi: Cô trở lại Việt Nam với tình trạng một người đàn bà đã ly dị, nay chung sống với một người tình cho cô cảm giác được che chở; đồng thời cô có lạc thú vừa được giải thoát, tự do. Tâm lý nầy là cơ sở tinh thần trên đường tìm hiểu cuộc "*cách mạng*" vừa kể ra. Đêm đầu tiên lần trở lại Sài Gòn, cô chứng kiến một vụ phá hoại nổ một rạp hát cải lương (*Trong sách, "Nhà hát Tàu"*); từ phòng khách sạn, cô băng mình chạy xuống diễn trường và bản thân tham dự, chứng kiến... "*Người mẹ của một nạn nhân nắm tay cô đặt lên thi thể đẫm máu với lời nói thất thần đau đớn: "Bà bạn ơi, con tôi, chết rồi...* (Không nói vì sao mà chết. Chết bởi vì ai? -Pnn*) Con tôi là diễn tiến đóng tuồng.* Radiguet, trg 9*"*. Những ngày sau, Judit đi thăm một trại mồ côi, thấy cảnh tượng xót xa của những em bé không cha mẹ, tàn tật nơi những căn nhà tan hoang, rách nát. Lòng cô cũng tương tự như cảnh vật, phận người phải chứng kiến giữa thành phố Sài Gòn ầm vang tiếng động, xe nhà binh, hàng quà, lính tráng, và chuẩn bị hứng chịu hỏa tiễn "*từ một phía người Việt*" khác dội vào để trở nên một nơi chốn tràn đầy chết chóc. *(Radiguet trg7-12)* . Tính đến những dòng chữ vừa kể ra, chưa hề thấy xuất hiện danh tự "*cộng sản; người cộng sản; Việt cộng*". Thế nên, nếu không phải là người Việt Nam (*ở trong nước; mà dẫu cho ở tại Sài Gòn, có được mấy người hiểu thấu* - Pnn) người đọc bình thường (nếu là người ngoại quốc, ở Pháp, Mỹ...) ắt sẽ được dẫn đến kết luận: *"Cái chết của luật sư Tân, vụ nổ rạp cải lương, cảnh sống tang thương tại trại mồ côi.. Tất cả hẳn có chung một mẫu số nguyên nhân đấy*

*là: **Chế độ quân nhân của Sài Gòn chứ không đâu khác**".* Điều nầy được sẽ nói rõ ra ở những trang sau.

Năm 1973, Judith trở lại Sài Gòn lần thứ hai, trước và sau Hiệp Định Paris ký kết (27 tháng Giêng, 1973). Cũng như lần đến Việt Nam mười năm trước, Judit không có ý nguyện nào khác là cốt tìm hiểu phong tục, tập quán, văn hóa, tôn giáo người Việt. Cô tìm đến một "*bậc thầy*", Ni sư Huỳnh Liên. Và sau đây là những lời giảng dạy từ "*người thầy*": "*Chúng tôi thành lập phong trào đòi quyền sống cho người thấp cổ bé miệng chung cho cả nước... Những phụ nữ bần hàn, những em bé mồ côi. Hiện tại chúng tôi đang chăm sóc, dạy dỗ cho khoảng 60 em, từ đứa bé đến đứa lớn. Khi chúng bị bệnh chúng tôi đưa tới bệnh viện, nhưng chẳng có bác sĩ nào trông nom, chữa chạy... Ở nước nầy người ta có chủ trương trồng rau cỏ mà đòi hái cây có trái!*". Người (gọi là) Thầy dạy tiếp: "*Phong trào có các tiểu ban khắp nơi, miền Trung cũng như miền Nam; năm 1970 chúng tôi tổ chức "Ủy Ban đòi cải thiện chế độ lao tù"; mỗi ngày ủy ban đến thăm một nhà tù, cho tù nhân bánh kẹo, trái cây. Một ngày đến thăm Trại Tân Hiệp (Biên Hòa, cách Tây-Bắc Sài Gòn 30 cây số.Pnn); người ta xua đuổi chúng tôi bởi muốn che giấu vết tích tra tấn tù nhân. Tháng Ba, chúng tôi phát động cuộc biểu tình phản đối, một phụ nữ bị bắn chết, xác quàn tại nhà thương Chợ Quán. Chúng tôi mang xác về chùa làm lễ cầu siêu và biểu tình trước Quốc Hội; chính quyền ra lệnh thiết quân luật và các cuộc bắt bớ càng gia tăng.*" Các cuộc xuống đường phản đối chính phủ được "thầy" mô tả sống động như sau: "*Trong những lần biểu tình, những người đàn bà lớn tuổi được xếp hàng đầu với khẩu hiệu dính sát trên ngực. Khi cảnh sát cố giật những tấm khẩu hiệu thì đám đàn bà la lớn với đám đông: "Nầy đồng bào nhìn đây, tôi già quá rồi nên không còn tóc, bọn cảnh sát còn đòi sờ vú tôi".* Radiguet trg138-149".Cảnh sát bó tay và đành để yên cho đám người (đàn bà) biểu tình; hơn nữa những người nầy còn gọi cảnh sát là "*con của mẹ ơi!!*" (Nếu mô tả như thế nầy thì quả thật không có một đội quân dẹp biểu tình, bạo loạn nào nhân ái và dễ thương như lực lượng Cảnh Sát Dã Chiến của chế độ Miền Nam -Pnn) Cuối cùng, "ni sư" đề cập đến phạm vi chính trị, xã hội. Người "*giáo dục*" tiếp cho cô ký giả: "*Bọn nhà binh ăn cắp ở mức độ lớn, hằng ngày chúng lấy những xe bồn chở xăng khổng lồ; nhưng lại áp dụng biện pháp kiểm soát gắt gao đối với dân chúng, những người bán xăng lẻ ở dọc đường... Chưa hết, chúng lại bắt lính đóng mỗi tháng một trăm đồng vào cái gọi là Quỹ Tiết Kiệm Quân Đội.*" Radiguet trg 150". Lẽ tất nhiên, "*người*" không quên kết luận về tội ác của Mỹ Ngụy

bằng một hoạt cảnh ở Gò Công: "*Chính quyền địa phương bày những cái xác Việt cộng bị chết trong một cuộc công đồn để thân nhân đến nhận về đem chôn. Còn một xác vô thừa nhận; viên chỉ huy đồn gắn một điếu thuốc lên xác người chết để tỏ ý khinh miệt, đùa cợt!*".

Câu chuyện kể trên của "*ni sư Hỳnh Liên*" tạm chấm dứt nơi đây với so sánh của chúng tôi: "Vào cao điểm vượt biên trong thập niên 80-90, người Miền Nam (chưa tính tới Miền Bắc) ra đi bất cứ nơi đâu với những con thuyền nhỏ có thể cập bến (để đưa người ra thuyền lớn ngoài vùng biển). Điển hình tại bến Bình Đông (Chợ Lớn); cầu Rạch Chiếc (trên xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa); Phước Hải, Vũng Tàu, Bà Rịa... Các cuộc vượt biên phần đông bị lộ vì tổ chức kém cẩn mật; công an thuộc đơn vị "biên phòng" được lệnh tàn sát không nương tay (Công an bắt vượt biên/Công an bán bãi vượt biên cũng là MỘT). Sau đó, xác các nạn nhân phần lớn là đàn bà, trẻ con (do đàn ông, người lớn hầu hết đã ở trong trại tập trung) kéo lên bờ phơi nắng, gió với tấm bảng viết hàng chữ: "*Kẻ phản bội tổ quốc, bỏ nước ra đi bị trừng trị*" Thân nhân muốn nhận về chôn phải "*học tập nhận tội*" trước tòa án nhân dân địa phương sau khi đóng "*tử phí: xác người lớn 1000 Đồng; trẻ con 600 Đồng*". Thời giá năm 80, "*lệ phí xác chết*" kia tương đương với 2, 3 đô-la Mỹ. Nhà nước cộng sản có quy định coi dịch vụ nầy như một "*biện pháp kinh tế, tăng cường nền tài chánh của xã hội xã-hội chủ nghĩa.*" Câu chuyện nầy được Trần Mạnh Hảo kể lại qua bài thơ: "*Ngày giỗ Nguyên Hồng, thấy xác người vượt biên trên Bãi Trước, Vũng Tàu*".

Đi tiếp đoạn đường tìm hiểu sự thật, cô ký giả người Pháp tìm đến những nhân vật "lớn". Và đây là "Cha" Chân Tín dịch cho cô một đoạn báo Điện Tín, số ngày 11 tháng Tư 1970: "*Ngày 9 tháng Tư, thẩm phán Tòa Án Mặt Trận ra lệnh bắt giữ đám sinh viên tranh đấu vào "Trung Tâm Cải Tạo". Trong các buổi học tập* (trong trại giam, giữa các sinh viên -Pnn), *sinh viên tố cáo những vụ hành hung khi hỏi cung, như bị đánh bằng gậy gỗ teck, roi điện, đổ nước xà phòng vào mũi, dùng xăng dầu đốt cháy bộ phận sinh dục và đầu vú",* Radiguet trg 158". Buổi hội thảo có một nhân chứng sống, mẹ của Huỳnh Tấn Mẫm, Chủ tịch sinh viên y khoa Sài Gòn; người mẹ tố cáo: "*Con tôi bị bắt giữ từ ngày 20 tháng Ba 1970, nhưng hai tháng sau chính quyền mới xác nhận. Ngày 30 tháng Ba, lúc 5 giờ sáng, Mẫm bị khảo cung bằng tra điện để bắt anh ký một tuyên bố giả mạo; anh từ chối* **"đòi phải có bằng chứng cụ thể"** (Về việc cáo buộc anh có hoạt động cho phía cộng sản -Pnn). *Người ta phải đưa anh ta vào nhà thương ba lần, chính thuốc tê liệt thần kinh nửa mê nửa tỉnh. Mẫm bị tra tấn bằng bóng đèn sáng đến*

100 watts đặt trước mặt, nên hiện tại hai mắt như bị mù, da mặt bị đốt cháy, phải điều trị hàng hai mươi ngày mới lành... Radiguet trg 157-158". Câu chuyện về hành hạ tù nhân được kèm thêm một nhân chứng, vợ chồng Vũ Hạnh. "*Nhà văn*" tố cáo: "*Ông bị bắt giam oan ức* (nghĩa là không phải cán bộ cộng sản nằm vùng -Pnn) *vì chỉ viết những bản văn phê phán chế độ; chế độ Sài Gòn cũng đã bắt giam con trai, con gái ông vì những bài viết, bài hát ca ngợi "hòa bình" của họ.*"

Chúng tôi có thể kể thêm rất nhiều về "*tội ác*" của chế độ Sài Gòn mà người ký giả "*trung thực*" Judith Radiguet đã viết nên trong hơn 200 trang sách. Nhưng nghĩ rằng, cuốn sách cần thêm những chi tiết mà do một "*cơ duyên khổ nạn*", bản thân chúng tôi đã chứng kiến, tham dự, sống cùng... Ngày 23 tháng Bảy 1973, người viết hướng dẫn một phái đoàn gồm hai chiếc trực thăng đưa một số "*nhân vật thuộc thành phần thứ ba*" đi Lộc Ninh để trao trả cho "Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam (số phận và trị giá của chính phủ nầy, phần bài viết thứ ba sẽ đề cập đến). Trong đám người trao trả có Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Long, và Huỳnh Tấn Mẫm... Mẫm tươi cười, khoẻ mạnh, áo trắng, quần xanh tươm tất. Mẫm nói chuyện cùng chúng tôi và Phạm Đức Vượng (Bác Sĩ Y Khoa, hiện ở San José), do quen biết từ trước ở Đại Học Xá Minh Mạng, Trường Y Khoa. Cuối buổi trao trả, tôi đưa Mẫm về lại Sài Gòn vì anh nêu lý do: "*Anh không là thành viên mặt trận, cán bộ cộng sản, anh chỉ là "sinh viên tranh đấu" cho "hòa bình - độc lập dân tộc - hạnh phúc nhân dân*". Nội dung và hình ảnh buổi nói gặp gỡ nầy được in và kể lại trong *Tù Binh và Hòa Bình,* (NXB Hiện Đại, Sài Gòn 1974 trg133-159). Sau 30 tháng Tư, 1975 Mẫm được cho một chức vụ ngang với trưởng ty ở Sài Gòn (đã đổi tên thành Thành Phố HCM). Với chức vụ mới, vợ anh có được điều kiện thuận tiện để đi buôn lậu. Hai vợ chồng phải ra tòa, nhưng "*thành tích cách mạng*" giúp anh khỏi bị vào tù lần thứ hai. Câu chuyện về Huỳnh Tấn Mẫm chưa chấm dứt. Trong giai đoạn đi tù ở Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, tiếp chuyển về Trại 5 Lam Sơn, Thanh Hóa (25/8/1978), người viết ở cùng phòng giam với Nguyễn Văn Phấn, Đại úy truyền tin Sư Đoàn 5 Bộ Binh đóng tại An Lộc trong những năm 70. Phấn kể chuyện: Anh suýt bị thủ tiêu bởi toán biệt động thuộc tỉnh đội Bình Long nếu không chịu trao những mã khóa truyền tin cho chúng. Âm mưu được thực hiện, điều động bởi Huỳnh Thị Bạch Yến, em gái Mẫm, con ông Huỳnh Tuấn, thầy xu (surveillant) đồn điền cao su Quản Lợi, An Lộc. Và "*người bị chế độ Sài Gòn bắt oan*" Vũ Hạnh, là một trong những người lập nên danh sách, quyết định vận mạng

toàn bộ những người viết văn, làm thơ, văn nghệ sĩ trình diễn, giáo sư, trí thức Sài Gòn sau 30 tháng Tư 1975. Các huynh trưởng, văn hữu Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Hoạt, Dương Hùng Cường v.v... phải chịu những cái chết oan khốc; hằng mười, hai mươi năm tù của Doãn Quốc Sỹ, Như Phong, Đoàn Viết Hoạt, Hoàng Hải Thủy, Duy Trác... và hàng trăm, ngàn người cầm bút, sinh hoạt trong lãnh vực giáo dục, văn hóa bị lăng nhục, ngược đãi mà hậu quả đến hôm nay vẫn đang tiếp diễn với Hòa Thượng Quảng Độ, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế, Giáo Sư Nguyễn Đình Huy... Vũ Hạnh cũng chính là người đeo băng đỏ cùng Cung Tích Biền, Nguyễn Hữu Đống, Kim Cương, Trần Trọng Thức... đi truy quét anh em, bằng hữu chúng tôi với cách thế năng nổ, nhiệt thành nhất ngay sau giờ Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, ngày 30 tháng Tư 1975. Thật sự trước cả ngày 30, vào sáng 29 tháng Tư. Vũ Hạnh và những người gọi là "*Thành phần thứ Ba ố Không cộng sản*" đã chứng thực họ là ai? Sẽ có những "trị giá" gì sau 30 tháng Tư 1975 không bao lâu.

Những chi tiết trên Judith không thể biết được vì cô đã rời khỏi Việt Nam sau ngày 27 tháng Giêng 1973 với "*tấc lòng yên ổn*" do đã "*hoàn tất sứ mệnh trao gởi thông điệp tình thương lại cho những kẻ khốn cùng ở Việt Nam - Những người bị bách hại trong những nhà tù của Thiệu...*" Uổng quá! Cô chỉ cần ở lại lâu hơn chút nữa, sau 30 tháng Tư 1975, cô sẽ thấy ra "*Nhà tù của Thiệu không nghĩa lý gì so với Hỏa Lò của Hà Nội! Nhà tù của Thiệu có là bao so với hàng trăm, hàng ngàn trại tù khắp Miền Nam, của cả Việt Nam*" - Không đâu xa, ngay tại những nơi chốn mà "*ni sư*" Huỳnh Liên đã đề cập ố Cũng không xa ngôi chùa của "*người thầy*" nầy: Nhà Tù Phan Đăng Lưu tức Tòa Tỉnh Trưởng Gia Định cũ. Và nếu muốn viết tiếp cuốn sách cho đầy đủ hơn, cô hãy đến hỏi những Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Hữu Luyện, Nguyễn Văn Lý, Tuệ Sĩ, Nguyễn Đình Huy... Và rất nhiều người nữa, con số sẽ lên đến vạn, triệu - Cả một Dân Tộc Việt Nam sau hơn nửa thế kỷ chứ ít gì. Cụ thể và chính xác hơn, cô chỉ cần hỏi một người nữ bình thường: *Chị Cả Bống - Người đàn bà hóa điên nơi bến đò Đuôi Cáo ở Miền Bắc, nước "cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam."*[3] - Người Mẹ có đứa con bị mổ bụng lấy mật ngâm rượu thuốc cho "*anh Sáu*", ủy viên trung ương đảng cộng sản ở khu Ba Đình, Hà Nội.

Ghi chú:

(1) *Đài Phát Thanh Đà Lạt* (Pháp ngữ) giai đoạn 1960-1963 chỉ là một đài chuyển tiếp

của Đài Pháp Á Sài Gòn (vào buổi trưa) chuyên về ca nhạc, tin tức xã hội địa phương (liên quan với dân cư sử dụng Pháp ngữ). Đài không là một đài trung ương để có tiết mục bình luận chính trị, quân sự. Đà Lạt của thời điểm kia cũng không hề (không bao giờ) là bàn doanh quân sự quan trọng với những nhân sự chỉ huy cao cấp. Pnn

(2) *Thành phần thứ Ba:* Tập hợp của những người "làm chính trị" ở Miền Nam (1960-1975). Thành phần nầy được kể ra một lần trong văn bản Hiệp Định Paris 1973. Bị vất bỏ ngay sau 30 tháng Tư 1975 cùng lần với cái gọi là "Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam" do chính nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội.

(3) *Chị Cả Bống:* Truyện Phạm Lưu Vũ (Hà Nội), Thế Kỷ 21, CA, USA, Số Tháng 8, 2005.

Cuốn sách Thứ Hai:
Nguyễn Khắc Viện, *Vietnam Une Longue Histoire;*
L' Harmanttan, Paris, France 1999.
Tại sao? Vì đâu cuốn sách đã hình thành?

Trước khi nói về cuốn sách thứ hai - Sách do một người được đánh giá là "*trí thức năng động nhiệt thành, tham dự một cách khách quan vào một giai đoạn lịch sử*" viết nên, và cuốn sách được trao giải thưởng cao nhất của Hàn Lâm Viện Pháp dành cho Khối Pháp Thoại (Grand Prix de la Francophonie 1992) - Chúng tôi thiết nghĩ nên nhắc lại vài sự kiện có liên quan đến nhân sự viết cuốn sách kia. Những sự kiện tuy đã xảy ra khá lâu, nhưng tác dụng tệ hại vẫn kéo dài mãi đến hôm nay, ở Việt Nam. Năm 1985, Tố Hữu, đệ nhất "văn lại" Hà Nội, ủy viên dự khuyết Bộ Chính Trị Trung Ương đảng cộng sản, Bí thư Ban văn hóa tư tưởng, được xung thêm chức vụ mới: *Trưởng ban cải cách công-nông-thương nghiệp.* Bởi ngoài tài làm những câu "*tụng ca*" đại loại: "*Hoan hô Sít-ta-lin! Vững bền cây đại thọ. Rợp bóng mát hòa bình. Ngọn hải đăng vô sản...*" Tố Hữu, tiểu danh Lành còn có khả năng điều hành, tổ chức *sản xuất, cách mạng công-nông nghiệp* (cũng với, bằng... lời thơ) qua những câu: "*Với sức người, sỏi đá cũng thành... cơm!*"; hoặc chỉ huy ngành xây dựng với: "*Đường ta rộng thênh thang... tám thước!*" Để vận động "*thơ*" của Tố Hữu thành "*cơm ăn, đường đi, của cải cho xã hội*", tòa soạn báo *Nhân Dân* (Cơ quan có chức năng chính trị như một Ban, lớn hơn một Bộ) được huy động để quảng bá tài làm thơ của quý thủ trưởng, chế biến thơ nên thành sản phẩm nông nghiệp, vật liệu sản xuất, và xây dựng công nghiệp. Tòa báo bày ra cuộc thi thơ với hai câu của "người" làm chuẩn: *Bốn cống, năm cầu, ba cửa ô. Cùng nhau ta xây dựng cơ đồ...* Nghĩa là, sau, từ hai câu thơ "chuẩn" của Tố Hữu, thần dân toàn nước Việt có bổn phận phải tìm ra thêm hai câu thơ

nữa có tính chất vừa hay, vừa thơm, vừa tốt (Chữ của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng khi ra "chỉ tiêu" cho Đề Cương Văn Hóa Việt Nam, vận động vào năm 1948) để làm khẩu hiệu thi đua cho cả nước tiến công lên mặt trận công-nông-nghiệp, quyết tâm xây dựng "*xã hội xã hội chủ nghĩa tiên tiến, văn minh và giàu mạnh*". Nhưng chỉ sau một năm, 1986 cuộc cách mạng (qua thơ ca, khẩu hiệu của, do Tố Hữu chỉ đạo) biến thành trò thảm hại. Cả nước đứng sẵn bên bờ vực chết đói kiểu 1945; miền Nam sau ba trăm năm mở nước, lập quốc cũng rơi vào tình trạng ăn cơm độn... thực phẩm gia súc! Trước tình trạng "*khẩn trương*" của cả nước sau vận động "Văn Hóa Công Nông Nghiệp" thất bại, người trí thức Nguyễn Khắc Viện từ Pháp được đảng gọi về giúp nước. Viện được mời đi "tham quan" để sau đó viết bài động viên nhân dân làm cách mạng xã hội bằng phát triển nông nghiệp theo "*mô hình hợp tác xã tiên tiến - hợp tác xã hội xã hội chủ nghĩa!*" Viện viết một loạt bài "*rất trí tuệ*" gồm những "*dữ kiện có tính cách thuyết phục*" với nội dung như sau (xin lưu ý, những chữ trong ngoặc kép hoặc viết nghiêng thuần là của báo *Nhân Dân*; của ủy viên trung ương Tố Hữu; của trí thức vô sản Nguyễn Khắc Viện v.v..): "*Nhân một buổi về tham quan hợp tác xã vùng đồng bằng sông Hồng, Viện được chứng kiến một hoạt cảnh sinh động, điển hình tiên tiến... Một chị đội trưởng hợp tác xã vừa thổi cơm bằng rơm, vừa thuyết minh "cơ cấu tổ chức" hợp tác xã, chế độ vần công, cách thức điều hành xã viên, phân chia nông phẩm, phân phối phân bón, thuốc trừ sâu, thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp... Chị vừa trình bày vấn đề trọng đại, vừa thổi mồi rơm; lửa hắt ánh hồng lên khuôn mặt tươi trẻ, hiện thực vẻ đẹp cao quý của người lao động trong chế độ ưu việt - chế độ xã hội chủ nghĩa - Chế độ triệt tiêu "hiện tượng người bóc lột người" mà trí tuệ siêu việt Karl Marx, Engel hằng tiên tri, nay Bác Hồ hiện thực trên đất nước Việt Nam giàu đẹp, sau cuộc chiến thắng trời long đất lở, đánh bại hai tên đế quốc sừng sỏ, ghê gớm nhất của nhân loaiỳ, thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ."* Nguyễn Khắc Viện viết những dòng chữ ca ngợi thật xứng đáng trả công cho một lần trở lại quê nhà - Ông không hề băn khoăn (ân nghĩa) đối với đất nước Pháp, nơi đã đào tạo, nuôi dưỡng nên tước vị "*bác sĩ, trí thức xã hội chủ nghĩa*" mà chính phủ Hà Nội vừa tái cấp phát. Viện cũng không hề mảy may nghĩ tới thảm họa toàn dân tộc (không phân biệt Bắc, Nam) đang dần ngập sâu, thấm đẫm bởi vô vàn cách chết oan khốc, kinh hoàng lềnh lầy biển Đông với xác người vượt biên chập chờn chuyển dịch trên lớp sóng sậm máu; hoặc lây lất ngàn, vạn cốt thây của các sắc dân đào thoát khổ nạn cộng sản, phơi xương trắng núi rừng ba nước Đông

Dương. Ông đề nghị một cách khôn ngoan trong loạt bài báo (*có tính khoa học cao*): "*Người Việt nên thay đổi "cơ cấu bữa ăn cổ truyền với thuần gạo tẻ" (và thay vì gọi là "cơm độn" mà nên gọi là "cơm trộn") bằng: "cơ cấu mới: gạo-ngô-khoai-sắn"- vì ngô-khoai-sắn có nhiều chất sắt hơn trong một hàm lượng so với gạo tẻ.*" Viện trích dẫn nghiên cứu của Tiến sĩ nông học Phạm Hoàng Hộ: "*Mười cân rau muống bổ dưỡng bằng một cân thịt bò*". Viện vạch rõ, cũng từ một nghiên cứu khoa học, "*rau muống có nhiều chất sắt hơn thịt bò!*" Đấy là câu chuyện của 20 năm trước. Nay, thành quả nghiên cứu nghiêm túc của Viện Sĩ Nguyễn Khắc Viện, điển hình "*trí thức xã hội chủ nghĩa*" được hệ thống hóa và nâng cấp qua cuốn sách: *VietNam, Une Longue Histoire.*

Lịch sử hình như luôn được lập lại - Nhưng cay nghiệt thay lập lại nhiều lần với những sai lầm, bởi những con người ác độc, nhẫn tâm, hiện diện qua những chế độ cai trị. *Chế độ độc tài càng khắc nghiệt khát khao quyền lực, con người (điều hành quyền lực ấy và những kẻ phụ trợ) càng bị vong thân trầm trọng.* Sự độc hại của những chế độ ấy chỉ được thay thế, hoặc được hạn chế nếu nhà nước cầm quyền thực hiện được một căn bản pháp trị - Nói rõ hơn, khi Kẻ Sĩ, Người Lập Thuyết cho chế độ giữ đúng lương tri, và hành sử đúng lương năng của mình. Nhưng, cuốn sách của Nguyễn Khắc Viện có thể kết luận trước tiên mà không sợ sai lầm: *Là một tường trình ngang ngược biện minh cho chế độ làm hư, xấu con người* đang tồn tại một cách dai dẳng ở Hà Nội, Việt Nam bằng một lập luận không hợp lý: Chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam (1883-1945); chính quyền Quốc Trưởng Bảo Đại (1948-1954); hai kỳ cộng hòa ở Miền Nam (1954-1975) có rất nhiều khuyết điểm trong một giai đoạn lịch sử dài... Vậy nay (nếu) như chế độ chuyên chế Hà Nội có sai phạm thì cũng chỉ là (sản phẩm tất yếu) của lịch sử mà thôi.

Sự Thật ở đâu?

Năm 1985, Nguyễn Khắc Viện về nước, viết loạt bài huy động cải cách nông nghiệp với mục tiêu: "*Tiến đến thực hiện chỉ tiêu xuất cảng **"1 triệu tấn gạo"** do Đại Hội VI của đảng đề ra*". Trong phần "*Việt Nam Thời Kỳ Hiện Đại*", tiểu mục "*Sự bóc lột kinh tế của thực dân (Pháp)*" của cuốn sách vừa kể ra trên, Viện trích dẫn phần tài liệu: "*...Trước năm 1918 (năm chấm dứt Thế giới chiến tranh lần I), hầu như toàn thể đất đai của Đông Dương bị thực dân Pháp **trưng dụng đều được trồng lúa**. Chỉ riêng Nam Kỳ, đã phải nhận một chỉ tiêu cung cấp vượt trội xuất khẩu gạo: Từ **800.000 tấn cho năm 1900**, lên tới **1.200.000 tấn cho thập niên 1920**.*

(Nguyễn Khắc Viện, trang 179)". Như thế là thế nào? Chẳng lẽ cố công thực hiện một cuộc chiến tranh tiêu hao với giá máu của cả một dân tộc, đẩy ải hàng triệu sinh linh vào biển máu lửa với cuộc chiến kéo dài hơn ba thập kỷ (1945-1975); phóng tay mở đầu giai đoạn cách mạng toàn cầu; giải phóng lãnh thổ Đông Dương ra khỏi ách thực dân (cũ lẫn mới) chỉ cốt để tiến tới một ***"mục tiêu mà người Pháp thực dân đã thực hiện hơn sáu - mươi năm trước hay sao?!"*** Nhưng mục tiêu chính của cuốn sách không phải chỉ để trình bày sự kiện bóc lột về kinh tế, mà hơn ba phần tư cốt nói về những hoạt động chính trị, quân sự, khởi loạn theo *quan điểm duy vật lịch sử*... Từ khởi nghĩa của Trương Quyền (con Trương Định) năm 1863, có sự tham dự của Lục Sãi người Miên Pokumbo được đánh giá nên thành "*kết hợp giữa nhân dân hai nước chống chủ nghĩa đế quốc tây phương*" (NKV trang 158); lần thành lập Đạo Cao Đài được giải thích là tổ chức tôn giáo nầy đã bị "*lũng đoạn do thành phần nhân sự lãnh đạo đã bị nhà cầm quyền thực dân ngấm ngầm điều hành*" (NKV trang 212); cuộc vũ trang nổi dậy tại Yên Bái (9, 10 tháng Tư 1930) do Quốc Dân Đảng lãnh đạo thất bại được quy ra "*khuyết điểm thiếu tính quần chúng*", dẫn đến hậu quả những thành phần yêu nước tích cực đồng tìm đến một tổ chức cách mạng hữu hiệu khác (tức là Đảng Cộng Sản Đông Dương); đám còn lại trốn qua Tàu, gia nhập Quốc Dân Đảng Trung Hoa "*biến chất thành phản động, mất hẳn trên vũ trường chính trị*". (NKV trang 213-214).. Tất cả cuối cùng nêu bật một điều: "*Đảng cộng sản kiểu Lê-nin do Bác Hồ thành lập, huấn luyện, tổng bí thư Trần Phú chỉ đạo là đáp số cuối cùng và chung nhất bởi đã tập trung được giai cấp công nhân làm thành phần chủ đạo chiến lược*". Tuy nhiên, Viện cũng có phần chân thật khi xác nhận rằng: "*Lúc đảng thành lập* (3 tháng Hai 1930) *theo thống kê năm 1929, tổng số công nhân toàn bộ Đông Dương không quá 200.000 người, trong đó có 80.000 vừa bỏ đồng ruộng Miền Bắc di cư vào Nam hành nghề cạo mủ cao su tại các đồn điền chủ Pháp* (NKV trang 201)".

Xuyên qua tất cả luận lý, dữ kiện nêu trên, chúng ta có thể đặt nên những câu hỏi với tổ chức đảng kia: "*Vậy tìm ở đâu ra một* ***"giai cấp công nhân tiên tiến"*** *theo định nghĩa của Karl Marx, Lénine để làm lực lượng nòng cốt sẵn sàng cho* ***"đêm hôm trước cuộc cách mạng vô sản"*** *ở Việt Nam - Một nước với nông dân chiếm 90% dân số của vùng bán đảo Đông Dương, toàn cõi Châu Á, buổi đầu thế kỷ 20?!*" Tuy nhiên, cuộc cách mạng vẫn được khởi dậy với khí thế dũng mãnh, bởi vì người dân được kích thích, hứa hẹn: "*Từ đấy hồn tôi bừng nắng hạ. Mặt trời chân lý chiếu qua tim...* "

Khi Tố Hữu đã viết như thế thì lịch sử tất yếu phải đi theo chiều hướng xã hội chủ nghĩa vậy (NKV trang 240). Nhưng nếu chỉ riêng Tố Hữu và đảng cộng sản với vài ba chữ viết thì chắc chẳng có thể làm nên trò trống gì được... Nhưng khổ thay, những "kẻ sĩ, trí thức" Hoàng Xuân Hãn, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... đã đồng lòng tô vẽ cho chế độ, tạo cho chúng một ***chính danh***. Và sự sa đọa của chữ nghĩa do những "trí thức cách mạng" thực hiện càng ngày càng tệ hại. Hãy nghe Viện Sĩ Nguyễn Khắc Viện của Viện Hàn Lâm Pháp tố cáo thành tích tàn ác của thực dân Pháp đối với "*đồng bào ta*": "*Năm 1929: Bắt giữ 1,490 người; bắt nhốt 300; tuyên án tử hình 3. Năm 1930: Nhốt 2,963; kết án tử hình, 83; chung thân khổ sai, 543...*" (NKV trang 227). Màn hài hước nhân đạo ái quốc rởm bất cận nhân tình trên nỗi thống khổ của con người (lại là người chung huyết thống) phải ngưng tại đây nếu chúng ta được biết như sau: "Khu nhà tù Hỏa Lò do người Pháp dựng nên sau khi bình định được nước Việt là trại giam trung ương của Miền Bắc. Ngay sau khi bộ đội cộng sản vào Hà Nội 10 tháng 10, 1954, nhà tù nhận thêm nhiều đợt tù mới (nhiều gấp bội so với tù của thực dân Pháp) để từ đây chuyển đi các trại trung ương từ biên giới Việt-Trung đến Nghệ An, Hà Tĩnh, các trại tập trung dọc vùng thung lũng sông Mã, Thanh Hóa, Hòa Bình, hậu thân của hệ thống trại Lý Bá Sơ, đã thành danh hiệu một Tây Bá Lợi Á của cộng sản Việt Nam. Chiếc cùm chân cùm Trường Chinh ở phòng giam Hỏa Lò nay vẫn được giữ lại như một chứng tích lịch sử của "*thời thực dân tàn ác*" thật không thấm vào đâu so với **khối cùm hộp** kẹp vỡ xương ống chân của những con người trong câu chuyện sắp kể ra dưới đây. Thế nên, phải nói một điều tưởng chừng như vô lý: "*Nhà tù Hỏa Lò thời thực dân Pháp đã là **một thiên đường** so với thời "tập trung cải tạo xã hội chủ nghĩa theo lời dạy của Bác Hồ vô vàn kính yêu!!*" Chúng ta cần nêu một so sánh để khỏi bị cáo buộc đã nói điều vô bằng cớ. Khi xây khám, người Pháp dự trù chỉ để giam cứu cho ***vài ba trăm người*** với những dãy nhà dài rộng. Sau 1954, công an Hà Nội chia thành bốn khu chính với những phòng giam ngăn cách bởi những dãy tường đá, trên thả kẽm gai, và mảnh chai vỡ. Một nhân vật của câu chuyện kể (vốn là đại úy Quân Đội Quốc Gia trước năm 1954) tháng Tám 1961 bị đưa vào tù theo "*Nghị Quyết Tập Trung Cải Tạo*" (Ban hành trước khi thành lập Mặt Trận Giải Phóng, quyết định thanh toán Miền Nam bằng vũ lực sau Đại Hội 3 của đảng, tháng Năm 1960) có danh số tù là ***4257***. Điều nầy giúp cho biết, chỉ mới ***đến tháng Tám lượng tù đã quá số 4000***, cuối năm, theo nhịp tập trung bắt giữ như đã xảy ra, ắt hẳn sẽ có khoảng 6000

lượt người vào, và chuyển dần đi. ***Hỏa Lò nhận một số tù gấp mười lần số lượng dự trù.*** Trong khi ấy, diện tích phòng giam bị co rút lại, thế nên, các phòng giam dẫu treo khẩu hiệu, "*Ăn sạch. Ở sạch. Nội vụ sạch*", sinh hoạt *"điển hình tiên tiến"* nơi phòng Số 14 đã diễn ra như sau:

"*Ba chục tên mới vào chen chúc đứng ở chỗ cửa ra vào, rộng khoảng ba thước vuông, đám tù sẵn có chen nhau nằm trên hai sàn, trên lối đi giữa phòng, không một kẽ hở nhỏ. Tất cả phải nằm úp thìa (bụng người nầy sát vào lưng người kia, chân co lại), trong nhà mét (nhà vệ sinh có bề ngang "một mét") hơn một chục tên nằm ngồi ngổn ngang. Tên trực phòng bàn với tù trưởng phòng:*

- Bây giờ ba chục tên mới vào nhét vào đâu?

- Đành phải lèn chúng nó bằng được!

Trực phòng gọi từng tên một đến chêm vào đống người nằm chật trên sàn... Dồn lại! Dồn lại! Miệng hô, gót chân nện vào bụng, ngực những thằng đương nằm, cố có được một khoảng trống độ mười lăm phân để chêm thêm một tên. Vất vả khoảng mười lăm phút cũng chỉ chêm được bảy tên, nên cuối cùng trưởng phòng có sáng kiến:

- Tao có biện pháp, cho chúng nó "tạc tượng", nghĩa là đứng dựa vào tường đêm nay. Đêm mai sẽ thay lớp khác. Lập tức hai chục "pho tượng" được đặt dọc theo bức tường".

Nhưng 250 con người trong căn phòng (dự trù chỉ 20 người) kia có những nhu cầu sinh tử, trong đêm họ phải đi tiểu, đại tiện... Kẻ đi vào phòng vệ sinh phải trở thành một diễn viên xiếc thượng thặng giữa đám người nằm nêm cứng. Vào được phòng vệ sinh, lại phải thêm một phen chen chúc. Một tên ngồi gục đầu trên hố xí, úp mặt xuống lỗ hố thối thùm, một tên khác ngồi ở bệ bước lên, nhưng dù sao đấy cũng là "hai chỗ ngủ tốt". Có tên nằm co quắp trong bệ tiểu tiện, phải đánh thức tên nầy dậy mới đi tiểu được, vừa tiểu tiện xong, bệ tiểu đã có một tên nhảy vào ngồi trám chỗ. Từ cửa phòng vệ sinh, lão (người tù có danh số 4257) nhìn ra... *Căn phòng im lặng lềnh đặc mùi tanh tưởi của máu, mủ, mồ hôi, mùi phân người bốc lên ngầy ngật. Mấy trăm bộ xương da khẳng khiu, lở loét ngập tràn, nằm ôm cứng la liệt như đống xác chết như một nấm mồ tập thể, lộ thiên chưa lấp đất.* (Nguyễn Chí Thiện, Hỏa Lò, Nhà Xuất Bản Cành Nam, VA, USA, 2000 trg 48-88)

Cảnh tượng trên chỉ là một phòng giam Số 14 của Hỏa Lò, đã vượt xa, xa hơn hẳn nhà tù thực dân Pháp của gần một thế kỷ trước. Và nếu Nguyễn Khắc Viện theo chúng tôi, chỉ cần qua 14 trại của vùng Hoàng Liên Sơn

thuộc quyền quản lý của Đoàn 776 đã cũng đếm đủ *gần ba chục ngàn tù của tổng số 130.000 (một trăm ba chục ngàn) người Nam* bị lùa vào trại cải tạo đem ra Bắc sau năm 1975 - Con số được đọc lên do Lê Hữu Qua, Cục trưởng Cục Trại Giam ở Trại Phong Quang, khi Qua chủ tọa buổi thả tù do chính sách khoan hồng nhân đạo của đảng (năm 1976) - Để có đủ chỗ nhốt tù từ Miền Nam đưa ra trong mùa Hè cùng năm.

Nguyễn Khắc Viện sống lâu năm ở Pháp, hẳn đã có cơ hội để gặp và biết về Người Chết Bất Tử trước nòng súng kẻ nghịch - Trần Văn Bá. Bá không chết một mình, ngày 8 tháng Giêng 1985, Anh linh hiển về trời với Lê Quốc Quân, và Hồ Thái Bạch - Tổng số ba người chết vì chế độ cộng sản Việt Nam bách hại trong một vụ việc ***bằng số lượng người bị thực dân Pháp đưa ra pháp trường*** trong toàn năm 1929 xưa kia. Số lượng mà Nguyễn Khắc Viện nại dẫn để tố cáo chính sách giam giữ, tòa án xét xử bất công của chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam. Viện hẳn không có thì giờ tra cứu thêm để biết rằng: Đấy là ba kẻ đã phạm tội giết người với trường hợp gia trọng. Có hai điều khả thể xảy ra qua vụ án năm 1929 kia: *Hoặc là chế độ thực dân Pháp đầu thế kỷ quá khoan hồng nhân đạo so với chế độ xã hội chủ nghĩa sau nầy của Hà Nội; Hoặc ba kẻ bị kết án tử hình năm 1929 kia là bọn sát nhân can tội giết người đoạt của.* Và bênh vực chúng tức mặc nhiên về hùa với hành động của bọn vô lại, lưu manh.

Chúng tôi muốn nói nhiều hơn nữa về cuốn sách và người viết cuốn sách, nhưng cuối cùng biết ra: Cuốn sách là ***bản in lại từ bản gốc của Nhà Xuất Bản Thế Giới, Hà Nội, Việt Nam 1993. Và Nguyễn Khắc Viện thì đã chết từ 1997.*** Hóa ra, cuốn sách chỉ là ***phó bản sao chép*** về một nội dung tuyên truyền của trung ương đảng cộng sản nơi Hà Nội. Và tác giả của nó đã là một thây ma. Chúng ta còn có thể nói gì hơn!

Cuốn sách Thứ Ba:

Trương Như Tảng (Co Translators: Chanoff David & Đoàn Văn Toại), Journal of A Vietcong; Johnathan Cape, London, England 1986.

Quả thật lòng chúng tôi nặng xuống khi viết những dòng chữ cho phần cuối của tiểu luận "Ba Cuốn Sách..." nầy, bởi đây không là một cuốn sách thông thường, với nội dung là một tác phẩm văn học, hoặc hồi ký hoạt động của một nhân vật chính trị nào đó. Nhưng qua đấy, chúng ta sẽ nhận thấy ra sự tai hại chính trị - đúng ra là thảm họa chính trị (không phải xảy ra đối với riêng mỗi cá nhân đã gây nên sự kiện, hoặc thuộc về một tập

thể đặc biệt nào) mà chính là BI KỊCH CHUNG CHO TOÀN DÂN TỘC VIỆT - THỰC HIỆN BỞI THÀNH PHẦN GỌI LÀ "TRÍ THỨC ƯU TÚ"- NHỮNG NGƯỜI HIẾN DÂNG HẾT CUỘC ĐỜI (với hậu quả không chỉ tác động giới hạn trên cá nhân bản thân họ, mà liên hệ trực tiếp đến gia đình, những người chung huyết thống, giới thân cận, bạn bè, người cộng tác) VỚI MỤC TIÊU CAO THƯỢNG: ĐỘC LẬP DÂN TỘC - HẠNH PHÚC TOÀN DÂN.

Nhưng hỡi ơi, chặng đường gọi là "cách mạng giải phóng dân tộc" kia lại lầy máu của hàng triệu người Việt Nam vô tội bị bức hại, và cũng cùng lúc, họ nhận ra - Chính mình là "nạn nhân" bị đánh gục đầu tiên, và cũng là "thủ phạm" gây nên đại họa trầm kha cho toàn dân tộc phải gánh chịu - Nếu như họ có can đảm tinh thần, trí sáng của ý thức Kẻ Sĩ để nói lên lời xác nhận.

Chúng ta hãy cùng xem lại một hành trình thảm hại và tai họa trong sáu mươi năm dài từ 1945-2005, mà mỗi người chúng ta hẳn cũng đã chia phần trách nhiệm gánh vác, hoặc chịu đựng sự khốn cùng gây nên từ bộ máy bạo lực gọi là chế độ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lập lại thêm một lần cũng không thừa - Trường hợp Trương Như Tảng là một điển hình sắc nét, cụ thể nhất ố Đến hôm nay, Thế kỷ 21 vẫn còn giá trị của một lời cảnh cáo nghiêm trọng nhất đối với cái gọi là "thành phần trí thức khoa bảng trẻ tuổi yêu nước". Cụm từ chứa đựng đầy đủ tất cả "ưu điểm" của những con người đầy phẩm tính hy sinh cao thượng kia lại là bằng chứng hùng hồn và cay đắng nhất về những lầm lẫn họ đã trực tiếp gây nên ố hoặc đồng thuận với tội ác gọi là "cộng sản" một cách nhầm lẫn và tai họa. Biết đến bao giờ mới đủ cho một tấm gương phản tỉnh? Hở biết đến bao giờ?

Màn Một

Trương Như Tảng đến với chủ nghĩa cộng sản, chiến đấu cho phía chế độ chuyên chế sau một quá trình tham gia lâu dài, với căn bản hiểu biết, kinh nghiệm kết tập của một trí thức khoa bảng Miền Nam. Với tình yêu nước sâu sắc, thêm tìm hiểu, phân tích, đánh giá thời cuộc theo cùng chuỗi biến chuyển của vận mệnh quê hương suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua, nơi địa bàn quốc nội, cũng như tại một trung tâm chính trị thế giới, Paris, nước Pháp. Trương Như Tảng tiến tới "chủ nghĩa yêu nước" từ vị thế một đại gia họ Trương (người Việt gốc Hoa), sở hữu một căn lầu ba tầng đường Lê Thánh Tôn, con đường và vị trí cơ sở có giá trị thương mãi số một của Sài Gòn ở thời điểm trước kia cũng như hiện nay. Tài sản họ Trương không chỉ có thế, họ Trương còn có đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một (Bình Dương), nhà

in tại Sài Gòn, nhà nghỉ mát Đà Lạt cho mùa Hè, biệt thự Vũng Tầu cho mùa Đông. Vị thế nhà giáo của người cha nơi trường Chasseloup Laubat (Sài Gòn, trước 1954) chỉ cốt tăng thêm phần "trí thức" chứ không phải là nguồn lợi kinh tế để sinh sống, vì gia đình bên ngoại hằng tặng biếu cho tổ chức Đạo Cao Đài ba trăm mẫu đất để xây Tòa Thánh Tây Ninh. Từ dòng giõi giàu sang, phú quý như kia, sáu anh em trai (không con gái) nhà họ Trương đồng được theo học các trường dành cho trẻ con Pháp tại Sài Gòn, đại học Hà Nội, và tiếp theo các đại học tại Thủ Đô Paris, hoặc các nước Tây Âu để thành bác sĩ, kỹ sư. Trương Như Tảng được chỉ định theo ngành Dược để sau nầy phối hợp cùng người anh cả (Quýnh, theo ngành Y) mà kiếm tiền, sống đời hạnh phúc, vì anh được giáo dục bởi ý niệm thực tế của gia đình người Hoa: Học chỉ là phương tiện, hạnh phúc và giàu sang mới là mục tiêu tối hậu.. *(TNT trg 5) Nhưng dẫu có đời sống vật chất đầy đủ thế kia, (mỗi cậu có một á mẫu người Hoa chăm sóc đời sống vật chất; có gia sư chuyên dạy học, đờn, ca...),* cậu ấm Tảng vẫn mang nặng mặc cảm "ghét Tây"- Mặc cảm thời niên thiếu nầy sinh do bị các trẻ con phương Tây cùng trường gọi một cách khinh miệt là bọn "nhaque - nhà quê", hoặc là lũ mọi rợ "Annamite - An-nam mít". Mặc cảm ngày nhỏ nầy là động cơ đầu tiên thúc đẩy cậu dấn thân vào đường cách mạng một cách sớm sủa vì cậu xem đấy là một xúc phạm trầm trọng (TNT trg 5). Người thanh niên 22 tuổi lên đường cách mạng thật sự vào tháng, ngày lịch sử, 2 tháng Chín 1945 khi nghe lời kêu gọi từ Công Trường Ba Đình, Hà Nội: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng... *Họ được đấng tạo hóa trao gởi cho những quyền hạn không thể phủ nhận...* " Người nói lời hàm xúc cao quý nầy ngừng lại để hỏi câu thắm thiết: "Đồng bào có nghe rõ tôi không?"(*TNTg trg 6).* Từ thúc giục hứng khởi nầy, Tảng có mặt ngay tại đội ngũ đầu tiên của đoàn Thanh Niên Tiền Phong với khẩu súng săn của người anh để lại (không hề có lắp đạn), nhận lãnh nhiệm vụ (được chỉ định) người chỉ huy, vì sức học cao của cậu so với đám thanh niên cùng lứa. Một thanh niên của đoàn Tiền Phong bị bắn hạ khởi động làn sóng phẫn nộ khắp thành phố, đoàn người tràn vào các khu vực Pháp kiều trú ngụ để trả thù. Người thanh niên tên Tảng chứng kiến cảnh tượng đoàn biểu tình hành hung một Pháp kiều cô thế - Anh có nghi vấn: "Cách mạng đâu phải là bạo lực, "vinh quang" giải phóng dân tộc đâu phải cần đến máu người vô tội?!" Anh giao khẩu súng lại cho người bạn thân Albert, để người nầy tiếp tục làm cách mạng, và đáp tàu tới Paris, kinh đô nước Pháp ố Nơi đây anh gặp một người gây nên ảnh hưởng quyết định đối với sinh mệnh chính trị bản thân ố Bác Hồ,

Hồ Chí Minh. Cũng cần nói thêm chi tiết, người bạn thân tên Albert kia là Phạm Ngọc Thảo, em Phạm Ngọc Thuần, Phó chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ. Toàn là những người trẻ tuổi trí thức, cách mạng yêu nước (TNTg trg 7).

"Bác" dạy cho cậu thanh niên Trương Như Tảng nhiều điều quý giá, kỳ lạ với cung cách cha dạy con (Bác gọi Tảng: "Nầy, con ạ...") về văn học, ngôn ngữ, lịch sử và cuối cùng (lẽ tất nhiên), chính trị. Trước tiên, bác chỉ cho Tảng việc tên của anh có điều nhầm lẫn: "Tên anh phải là "Toản chứ không là Tảng". *Vì tên ấy viết theo chữ Hán thuộc bộ "Ngọc", chỉ loài ngọc quý, chứ nếu là "Tảng" chỉ là một cục đá tầm thường."* Bác hình như không biết, hoặc cố ý không biết để tránh rơi vào việc xúi cậu thanh niên làm một chuyện vô lễ: Lấy tên một bậc cha chú làm tên mình. Vì đại tộc Trương (gốc Minh Hương) đã có một người tên Toản, Trương Duy Toản, viết báo Lục Tỉnh Tân Văn (1907), liên lạc viên của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Bác dạy tiếp cho Tảng về chiến công giữ nước của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, và Quang Trung; bác chỉ cho Tảng sự kết hợp giữa thực dân Pháp và phong kiến Việt Nam trong quá trình bóc lột nhân dân; bác giải thích về Cách Mạng tháng Tám, và cuộc chiến đấu không những chỉ chống xâm lược, nhưng còn chống dốt nát, nghèo đói... Cuối cùng, bác kết luận: "Không có gì quý hơn độc lập - tự do".

Lần đầu tiên cậu thanh niên Trương Như Tảng nghe được lời quý giá nầy, đời cậu đã có hướng đi quyết định: Vì độc lập, tự do chứ không còn gì khác. (TNTg trg 14-15) . Trước ngày rời đất Pháp, bác gọi Tảng và một nữ sinh viên người Việt (cô Lý) đến nhà riêng vùng Montmorency, cho Tảng tấm ảnh với lời: "Tặng cháu "Toản" với tất cả lòng thương mến". Qua hai lần gặp gỡ, Tảng (nay đúng ra là Toản như tên bác sửa lại) đánh giá: "Bác là tổng hợp của nhiều tính chất tương phản... *Quốc gia, Nhân chủ, Mác-xít, Lê-nin-nít, Mác-chi-ven-li-an, và cả Khổng Tử! Bác quả thật hơn hẳn nhiều lãnh đạo thế giới khác!" (TNTg trg 16-17).*

Từ căn bản chính trị, hướng dẫn chỉ đạo nhận trực tiếp từ bác, Trương Như Tảng là thành viên năng động nhất trong phong trào chống "Chiến tranh bẩn thỉu - La sale guerre" ở Đông Dương trong giai đoạn sau 19 tháng 12, 1946 - Ngày chiến tranh Pháp- Việt Minh bùng nổ. Anh cùng những đồng bạn trong cộng đồng người Việt tiếp xúc, vận động những "trí thức tiến bộ" tại Pháp, Tây Âu ủng hộ cuộc chiến đấu cao cả kia, đối tượng chủ yếu là những người cộng sản Pháp. Nhưng Tảng không thể không nhận ra tính "không thực" của những người bạn chiến đấu nầy, điển hình qua lời

tuyên bố (mang tính thực dân phản động) của Maurice Thorez, Tổng thư ký đảng cộng sản Pháp: "Nếu chúng ta không đạt được nhượng bộ, thỏa thuận với họ (những người Việt có tinh thần dân tộc - ở đây chỉ người cộng sản Việt do Hồ Chí Minh lãnh đạo), thì chúng ta buộc phải nói chuyện với họ bằng nòng súng." *(TNT trg 23).* Cho dẫu Tảng đã một lần sử dụng ngay đến người vợ mới cưới của mình tự thân trao tặng bó hoa cho Bà Jeannette Versmersch (vợ Thorez) trong một đại hội để thắt chặt thêm tình chiến đấu của hai đảng, giữa những người (cộng sản) tiến bộ đấu tranh cho Tự Do - Bình Đẳng - Huynh Đệ! Đấy là người vợ mà cha Tảng đã phối hợp với một người bạn ở Việt Nam (không nêu rõ danh tính trong hồi ký) kết lập cuộc hôn nhân để buộc người thanh niên trở lại con đường trung chính với bổn phận người chồng, từ bỏ những hoạt động chính trị (đứng về phía cộng sản), chống đối nhà cầm quyền Pháp ở trong nước mà gia đình ông từ nhiều thế hệ đã liên hệ, hợp tác chặt chẽ; các anh, em của Tảng đồng du học ở Pháp, Anh, Đức. Sự kiện cô vợ của Tảng tặng hoa cho vợ Thorez gây phẫn nộ đối với hai người cha ở Việt Nam; ông thân sinh Tảng (cùng sui gia) quyết định: Tảng và vợ phải trở về nước. Cuối cùng hai vợ chồng tuổi trẻ phải chọn một quyết định quan trọng: Chỉ cô vợ trở về (đang mang thai đứa con đầu lòng), Tảng ở lại tiếp tục việc học, và nhất là đi đến cùng con đường cách mạng cứu nước (theo hướng cộng sản). Hai người cha quyết liệt hơn: Cắt yểm trợ tiền bạc, hiện thực dứt bỏ tình phụ tử, buộc người vợ trẻ phải ký giấy ly dị. Không nao núng, sờn lòng, Tảng đi rửa chén, lột khoai ở nhà hàng, quyết định sống tự lập, thực hiện hoài bão chính trị "cứu nước giành độc lập" của mình. Anh đã bỏ ngành Dược để theo học Đại Học Quốc Gia về Khoa Học Chính Trị. Cao thượng thay và cũng bi thảm thay. Bi kịch của cá nhân người có tên Trương Như Tảng mới trình diễn màn đầu. (TNT trg 20- 24)

Màn Hai

Năm 1951, Trương Như Tảng tốt nghiệp cao học chính trị, ghi danh học luật, và có những vấn đề được đặt ra bởi trong nước xảy ra những biến chuyển quan trọng: Chiến trận quân sự bùng vỡ lớn với sự tăng cường của hai phía, phía người Pháp nhận thêm nguồn quân viện của chính phủ Mỹ; phía Việt Minh được yểm trợ trực tiếp do biên giới Hoa-Việt thông thương sau khi quân đội Mao Trạch Đông thâu tóm Hoa Lục, 1949. Về mặt chính trị, chính phủ Bảo Đại được tăng cường củng cố qua hiện diện của chế độ Quốc Gia Việt Nam được cộng đồng thế giới công nhận (Tháng Hai 1950); chính phủ Hồ Chí Minh cũng được Liên Sô và khối cộng sản Đông

Âu thừa nhận sau chuyến công du của Hồ qua ngã Tàu (tháng Ba 1950). Tảng có những chọn lựa: Về chiến khu dưới quyền lãnh đạo của Việt Minh để chiến đấu trực tiếp kháng Pháp - ÝÔ niệm, dự định nầy bị gạt bỏ ngay - Vì người trong Hội Người Việt (tổ chức ngoại vi của cộng sản Việt Nam nhằm vận động Việt kiều ở Pháp) có nhận định: Tảng sẽ gây gánh nặng cho kháng chiến hơn là góp phần vào cuộc chiến đấu. Tảng cũng tự đánh giá: "Mình chỉ là người có khả năng tổ chức cho cuộc đấu tranh chính trị nơi hậu trường, ở đất Pháp, chứ không là một chiến sĩ nơi rừng rậm". Nhưng cuối cùng, Tảng về Sài Gòn để giúp cha gầy dựng lại các cơ sở kinh doanh bị hư hại, suy thoái qua chiến tranh, cũng để cho các anh, em được tiếp tục việc học (ở những đại học Tây Âu) (TNT trg 25-27) Châm ngôn hành động trong cuộc sống, tính thực tế, tình gia tộc của người Việt gốc Hoa cuối cùng vẫn thắng chủ nghĩa cách mạng. Nhưng Tảng hoàn toàn không theo con đường bình an, thuận lợi và phát triển như ý người cha đã vạch ra. Về đến Sài Gòn, để tránh lệnh động viên của chính phủ Bảo Đại, Tảng xuống Châu Đốc (vùng châu thổ sông Cửu Long, nơi có nhiều người gốc Hoa sinh sống) lập trường dạy học. Tiếng gọi cách mạng không hề tắt: Thầy giáo Trương Như Tảng bắt liên lạc với tổ chức cộng sản địa phương để đưa anh vào chiến khu. Và thêm một lần, Tảng được trông thấy tận mắt cảnh tượng tàn sát của lực lượng cộng sản phục kích đoàn tàu người Pháp trên kênh Châu Văn Tiếp và anh lại hiểu rõ thêm một lần: Chỗ đứng của anh không phải nơi tuyến chiến đấu với những du kích. Anh đã có liên hệ chặt chẽ với trường học, môi trường giáo dục, các học sinh, và nhất là cơ sở thương mãi, hệ thống kinh tài của gia đình ở Sài Gòn mà nay anh đã thay mặt cha quán xuyến tất cả, bởi các anh, em vẫn còn ở ngoại quốc chưa về. Mối lợi lớn do cơ sở giáo dục ở Châu Đốc, hệ thống kinh tài đồn điền ở Sài Gòn, miền Đông Nam bộ hồi phục, phát triển lại tình trạng tài chánh của tộc họ Trương. Để tránh tình trạng chiến tranh đang mở rộng, lệnh trưng binh khẩn cấp, một lần nữa, Trương Như Tảng trở lại đất Pháp với vị thế sinh viên sĩ quan Trường Hàng Hải Toulon. Tháng Bảy 1955, Tảng trở về Sài Gòn, các anh, em đồng tốt nghiệp sau nhiều năm du học ở Anh, Đức, Pháp v.v... Trương Như Tảng trở về lại quê hương với hãnh diện do chiến thắng của lực lượng cộng sản ở mặt trận Điện Biên Phủ và sự khinh miệt giới cầm quyền Việt Nam hiện tại. Tảng đánh giá: "Vua Bảo Đại chỉ là một tay chơi được biết tên ở những sân golf, sòng bài, bởi những tay pha rượu; Thủ tướng Ngô Đình Diệm thì hoàn toàn không có một khả năng nào cả." *(TNT trg 27-32).*

Quả thật, chế độ Thực Dân Pháp "gian ác bóc lột", và những chế độ "bù nhìn, hư hại" của Miền Nam trong các thời kỳ từ 1945 đến 1975 đã rất rộng lượng, hào hiệp đối với rất nhiều người, nhiều giới người - Gia đình và bản thân "người cách mạng Trương Như Tảng" là kẻ thụ hưởng nhiều nhất, đủ nhất, và lâu dài nhất. Chẳng cần đợi đến phần cuối của cuốn sách, đến đây chúng ta đã có thể xác định như thế mà không sợ nhầm lẫn.

Giai đoạn về nước lần thứ hai sau 1955, người thanh niên Trương Như Tảng đã hoàn toàn trưởng thành về mọi mặt. Ông đã có một tư thế chính trị, sở học và bằng cấp chuyên môn ổ Trên cơ sở nầy thái độ chống đối chính quyền của Thủ Tướng, hoặc sau đó của Tổng Thống Ngô Đình Diệm càng thêm dứt khoát, mãnh liệt. Chế độ mới với nền cộng hòa đối với ông là bất khả dung hợp do phạm những lỗi: Không kết hợp được thành phần "thân Pháp - điển hình là giai cấp quan lại, đại điền chủ, tư sản Miền Nam như gia đình ông"; người quốc gia kháng chiến chống Pháp (những thành phần giáo phái, Cao Đài (bên ngoại ông là những chức sắc cao cấp), Hòa Hảo v.v...); nhất là thành phần theo Việt Minh (mà theo kinh nghiệm bản thân là toàn thể nhân dân có mặt trong kháng chiến chống Pháp vừa qua). Ông chủ trương không nên khơi động hận thù Bắc - Nam mà nên mở rộng dân chủ như theo chiều hướng của cộng hòa Pháp. *Tóm lại, chỉ còn Hồ Chí Minh với chủ trương nhận viện trợ của Nga và Tàu nhưng vẫn giữ nguyên tính chất của một người quốc gia là giải pháp cuối cùng cho vấn đề Việt Nam.* Một ngày tháng Giêng năm 1956, sau mười năm xa cách Trương Như Tảng gặp lại người bạn thiết từ thuở thiếu niên, Albert Phạm Ngọc Thảo. Lần gặp gỡ và những câu chuyện sau đó có tác động như đặt xuống viên đá tảng bắt đầu cho một sự nghiệp lớn: LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN MIỀN NAM. Tuy cả hai không nói ra (sẽ nói thành lời vào một thời điểm thuận tiện sau nầy) nhưng ngầm ý với nhau rằng: Chúng ta luôn là Bạn Thiết của thời thơ ấu, và bây giờ cùng đi một đường, tuy hai phương tiện, và vị thế khác nhau. Ngay từ lần đầu tiếp xúc nầy Phạm Ngọc Thảo đã tiết lộ với Trương Như Tảng về "âm mưu nằm vùng trong Dinh Độc Lập qua việc chiếm lòng tin của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, Tổng Thống Diệm, Cố Vấn Nhu, kể cả của Bác Sĩ Tuyến, Giám Đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị" (TNT trg 42-50). Gần hết một đời người, thật tình chúng tôi chưa hề nghe, biết được một cán bộ cộng sản (loại chiến lược) nào mau mắn, cả tin, và thẳng thắn như hai người bạn nầy ổ Ngay buổi gặp mặt đầu tiên đã nói cho nhau nghe về những dự mưu chết người (không phải chỉ một vài người mà cả Miền Nam, toàn dân tộc). Chúng ta có thể tạm chấm dứt phần liên hệ giữa Trương Như

Tảng và Phạm Ngọc Thảo ở nơi đây qua sự kiện Tảng bị bắt vào khám Chí Hòa (tháng Giêng 1965) do có liên hệ mật thiết với người bạn, "Chuyên viên tình báo số 1" đánh giá của Tảng đối với bạn mình. Riêng phần những hoạt động lật đổ, đảo chánh, chống đảo chánh của Phạm Ngọc Thảo trong suốt năm 1965 ố Hành động mà ông ta đã thực hiện từ bước đầu dự mưu đảo chánh của biến cố 1 tháng 11, 1963 ố Tất cả nằm trong mục đích mà đã một lần hai người đã bàn định cùng nhau: "*...Điều tốt nhất là làm sao mà thống nhất đất nước bằng lối hòa bình, và nếu ai có thể làm công việc ấy thì tôi sẽ cộng tácà" (TNT trg 44).* Ý niệm nầy được nói lại rõ ràng hơn qua trao đổi thân mật, kín đáo, ngắn gọn giữa hai người:

- "Ba!", Thảo gọi tôi với tên tục với giọng nói có chủ ý. "Tôi nhận thấy bồ vừa có ý gì? *Bồ có với trong bưng phải không?"*

- *"Albert", Tôi đáp: "Tôi cũng thấy cái điệu ấy nơi bạn."(TNT trg 55)*

Trương Như Tảng nghe tin về cái chết của người bạn khi đang còn bị giam ở Chí Hòa (tháng Bảy 1965), và ông có kết luận: Thất bại lớn nhất của Thảo ố Cũng như của Mặt Trận vào những năm đầu 60 ố là không lường được quyết định tham chiến của Mỹ. *Cũng không thể trách ông ta (PNThảo) đã không vạch rõ ra đủ sự bất lực trầm trọng của hệ thống chính trị Nam Việt Nam ố Để từ đó, chính phủ Mỹ áp dụng toàn bộ chiến lược mới mẻ của họ. (TNT trg 62)*

Chúng tôi có nhận định hoàn toàn khác hẳn quan điểm trên. Phạm Ngọc Thảo bị bức tử do không phải đã đánh giá không đủ về người Mỹ và chế độ Việt Nam Cộng Hòa ố Những nhân sự và sự việc ông ta hằng coi thường bởi đã biết tường tận. Ông đã từng gọi Nguyễn Khánh là "thằng chó đẻ" qua lần nói chuyện với Nguyễn Cao Kỳ (có mặt của Trương Như Tảng) từ một phòng điện thoại ở Đường Hàm Nghi dẫu đang ở thời kỳ lẩn trốn truy lùng của Nguyễn Khánh. *(TNT trg 60).* Nhưng Phạm Ngọc Thảo quả đã chết vì KHÔNG LƯỜNG ĐƯỢC SỰ ÁC ĐỘC CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG CHÍ CỦA ÔNG - GIỚI LÃNH ĐẠO ĐẢNG CỘNG SẢN TRIỆT ĐƯỜNG TRỞ VỀ KHI MỘT CÁN BỘ TÌNH BÁO ĐÃ HOÀN TOÀN BỊ LỘ.

Sinh mệnh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cùng thành phần nhân sự lãnh đạo (có bản thân Trương Như Tảng) sẽ được quyết định theo một cách thế tương tự trong chương kế tiếp sẽ là câu trả lời chính xác cho vấn nạn vừa nêu.

Màn Ba

Cao điểm bi kịch của Trương Như Tảng là buổi chiều ngày 16 tháng Sáu 1967, khi ông trở về từ văn phòng bị một chiếc xe của mật vụ văn phòng Tướng Ngọc Loan chận lại. Ông bị đưa về trung tâm thẩm vấn đặc biệt của Tổng Nha Cảnh Sát ở Chợ Lớn để đối mặt cùng Ba Trà, liên lạc viên mà Mặt Trận Giải Phóng bố trí để làm việc với ông trong buổi họp của Phong Trào Tự Quyết ở Thủ Đức từ tuần trước. Trong giai đoạn nầy Trương Như Tảng còn là chủ tịch của Liên Hiệp Thanh Niên, một tổ chức ngoại vi của Mặt Trận. Ba Trà là em rể của Bác sĩ Phùng Văn Cung, thành viên trong chủ tịch đoàn của tổ chức nầy. Nhân viên thẩm vấn, có mặt Ba Trà, buộc Tảng phải thú nhận: "Ông là đảng viên đảng cộng sản". Lời thú nhận thừa thãi và vô nghĩa lý nầy không được xác nhận. Toán thẩm vấn ra tay như nghề nghiệp cho phép. Tảng vẫn giữ nguyên ý chí: Ông là người của Mặt Trận, không phải là đảng viên cộng sản! Cuộc hỏi cung không kéo dài, một hôm vợ ông vào thăm và được phép nói chuyện riêng. Người vợ nói: "Ông cứ nhận là đảng viên đi có khác gì nhau; bà đã có những đường dây để lo riêng (theo ngã hối lộ). *Làm sao phải ra khỏi phòng giam đặc biệt nầy để được trả về giam chính thức bên tổng nha, vì nơi đây có thể bị thủ tiêu bởi là chỗ hỏi cung, thẩm vấn đặc biệt."* Ông theo lời người vợ, phần cũng biết có dàn xếp giữa Trần Bạch Đằng (Bí thư thành ủy Sài Gòn ở giai đoạn 1967-68) và Tòa Đại Sứ Mỹ để trao đổi mật những nhân sự cao cấp. Phía cộng sản có Tảng, và vợ của Trần Bạch Đằng. Cũng trong những ngày nầy, mật vụ Tướng Loan đã ra tay thủ tiêu Trần Văn Kiểu, bí thư công đoàn thành phố và Lê Thị Riêng, hội trưởng hội phụ nữ. Trước một nguy hiểm như thế, nhận hay không nhận (một vấn đề hiển nhiên) thì nào có nghĩa lý gì. Một ngày cuối tháng Hai 1968, Tảng cùng hai người khác, Sáu Nổ, Duy Liên ra khỏi nhà giam tổng nha, được chở lên Tân Sơn Nhất, nằm đợi trong một căn phòng đẹp như khách sạn bốn sao, hai ngày sau được trực thăng Mỹ chở đến một sân bay ở Trảng Bàng, Hậu Nghĩa. Ở đây, có một viên đại úy quân đội Miền Nam đợi sẵn với một chiếc xe Lambretta ba bánh. Xe chạy đến quán cà-phê có một chiếc khác đợi sẵn, viên đại úy trở lại. Cuộc trao trả hoàn tất. Tảng và hai người kia được đưa về Cục R (Trung Ương Cục Miền Nam) gặp Trần Nam Trung, Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Mai Chí Thọ... *Để làm báo cáo cuộc trao đổi và hoạt động vừa qua ở Thuần là cán bộ trung ương đảng cộng sản Việt Nam - Không có một chức sắc nào của Mặt Trận Giải Phóng có mặt trong buổi "hỏi cung" ngụy danh nầy.* Ngày 8 tháng Sáu 1969, Chính Phủ Lâm Thời

Cộng Hòa Miền Nam được thành lập để "hợp thức hoá" sự có mặt tại hòa hội Paris (khai diễn chính thức vào tháng Mười 1968), Trương Như Tảng nhậm chức Bộ Trưởng Tư Pháp - Bộ trưởng của một chính phủ không có hệ thống tòa án, hành chánh, tài chánh, bởi không thể kiểm tra dân chúng, không đất đai quản trị, kể cả không có một địa vực gọi là thành phố, thủ đô. Chính phủ ra mắt trong một khu rừng nằm giữa biên giới Việt- Miên, sát Quốc Lộ 22, đầu sông Vàm Cỏ. Tuy nhiên cũng là một chức bộ trưởng cho suốt một đời tranh đấu vì dân, vì nước. Chúng tôi không hề nghi ngờ thiện chí chiến đấu của Bộ Trưởng Trương Như Tảng ố Nhưng người đặt vấn đề đối với ông và các thành viên trong chính phủ lâm thời lại là những "giảng viên" của đợt học tập chính trị theo lệnh của Lê Duẩn tiến hành trong ba tháng của mùa Thu 1971. Đợt chính huấn để tẩy rửa tính chất phản động của lớp tiểu tư sản thành thị được nuôi dưỡng từ chế độ thực dân cũ và mới ở Miền Nam... *Đứng trước cao trào cách mạng mạnh mẽà Thành phần trí thức thuộc giai cấp tư sản dân tộc phải có những tiến bộ, biết tách rời khỏi giai cấp của mình và thúc dẩy con em mình cũng phải chấp hành như thế..."* Lê Duẩn răn đe dạy dỗ không che giấu. *(TNT trg 197).* Không chỉ một mình Lê Duẩn lên mặt dạy dỗ mà ngay cả đám cán bộ trường Đảng Nguyễn Ái Quốc thực chất chỉ là những "lý thuyết gia" hạng thứ yếu, chỉ biết lập đi lập lại những từ ngữ sáo rỗng vô nội dung của đảng cộng sản Liên Sô viết nêạn từ đầu thế kỷ... "tiến bộ nhất định; triệt để tẩy rửa tính giai cấp phản động; nhiệt liệt thành tâm tin tưởng vào giai cấp vô sản..." *(TNT trg 197).* Hành vi thô bạo trắng trợn của "giới cầm quyền Hà Nội" không chỉ giới hạn trong buổi học tập, về những lý thuyết, chúng được "chuyển biến thực tế" bằng cách cất cử một người miền Bắc thuần gốc, Ba Cấp (không rõ tên thật) thay thế Chín Chiến (người Nam) làm ủy viên điều hành Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Tranh Thủ Hòa Bình ố Một cơ quan lập nên do ý đồ của Hà Nội muốn cột chặt Mặt Trận Giải Phóng vào sự chi phối trực tiếp của họ. Trịnh Đình Thảo được chỉ định giữ chức chủ tịch tổ chức nầy nhưng quyền hành thực sự nằm ở tay Ba Cấp, nhận lệnh trực tiếp từ Lê Duẩn. Người có khí tiết trong mặt trận như Huỳnh Văn Nghi (chồng Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, Bộ Trưởng Y Tế của chính phủ lâm thời) phải nói lên lời cay đắng, phẫn uất: "Nếu chúng tôi nhận sự chỉ đạo chính trị của đảng Lao Động là bởi đến nay đảng đã theo đúng con đường độc lập dân tộc. *Chúng tôi tham gia kháng chiến là do trái tim, lý trí, lòng yêu nước thúc giục đáp ứng lời kêu gọi của Tổ Quốc ố Không là lời kêu gọi của cách mạng vô sản."(TNT trg 197) Lời phẫn uất của Huỳnh Văn Nghi không được hưởng ứng, bởi Bùi*

Thị Nga (vợ Huỳnh Tấn Phát) đã lu loa kể khổ: "Chúng tôi đội ơn đảng một món nợ không trả được.." (TNT trg 198) Nga thuộc về một gia đình quan lại phong kiến miền Bắc trước 1945.

Màn Cuối

Sáng 15 tháng Năm 1975, lần trả lời trọn vẹn đối với màn kịch dài của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, của chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, của Liên Minh Dân Chủ Tranh Thủ Hòa Bình, lẽ tất nhiên cũng của chính Trương Như Tảng, và hàng ngàn (có thể là vạn, triệu) người đã từ một thuở thanh xuân đi theo tiếng gọi "cứu nước", những người "vùng lên nhân dân Việt Nam anh hùng...", kể cả những kẻ "đi B - xẻ dọc Trường Sơn chống Mỹ, diệt Ngụy"- Tất cả những người chiến đấu dưới ngọn cờ hai mầu "Đỏ-Xanh với Ngôi Sao Vàng" của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Trên lễ đài được thiết lập trước Dinh Độc Lập (nay đổi tên là Thống Nhất) với Lê Đức Thọ chiếm giữ vị trí trung tâm đoàn chủ tịch nhìn xuống những đơn vị quân đội duyệt binh. Đạo quân vừa "thâu giang sơn về một mối", lực lượng vừa "giải phóng Miền Nam" theo như câu hát hàm xúc hứng khởi của mặt trận. Các đơn vị lần lượt đi qua, bộ binh, chiến xa, thiết giáp, tên lửa, pháo binh, hải, lục, không quân. Tất cả hiện diện đủ. Nhưng, dần đến tàn cuộc lễ, những viên chức lãnh đạo của "mặt trận, của chính phủ lâm thời" đưa mắt hỏi thầm nhau.. Những "đơn vị của mình", những "công trường của chúng ta", những Sư Đoàn 5, 7, 9... của miền Đông Nam Bộ, của đồng bằng Sông Cửu Long... Tất cả bây giờ ở đâu? Ở đâu? Cuối cùng, không thể chịu đựng thêm, Trương Như Tảng, Bộ Trưởng Tư Pháp Chính Phủ Lâm Thời nghiêng vai hỏi Văn Tiến Dũng, đứng cạnh ông: "Những sư đoàn của chúng tôi đâu rồi, những sư đoàn Một, Ba, Năm, Bảy và Chín? Dũng đưa mắt nhìn Tảng như nhìn một thứ, vật quái dị: "Hả, mấy thứ đó hả... *Bộ đội đã biên chế thống nhất rồi".* Xong Dũng quay đầu nhìn xuống đường, khóe miệng trề xuống khinh miệt. *(TNT sđd trg 264-265)*

Sự cay đắng lập lại lần thứ hai, tàn nhẫn và lạnh lùng hơn. Tháng Sáu 1976, Trương Như Tảng trở lại Hà Nội để dự lễ phê chuẩn Văn Kiện Hội Nghị Hiệp Thương "Thống nhất Nước Nhà về mặt Nhà Nước" (Kể ra cách chơi chữ sống sượng tàn nhẫn đến thế nầy là tối đa). Trong buổi tiếp tân, có một người vỗ vai Tảng. Ông quay lại... Trường Chinh. Chinh nhìn Tảng với cách nhìn của Văn Tiến Dũng hôm tháng Năm năm trước trên lễ đài ở Sài Gòn: "Tôi trông đồng chí có vẻ quen quen?!" Đồng chí "Bộ Trưởng Tư

Pháp Chính Phủ Cộng Hòa Miền Nam" ngớ người... Mới năm ngoái, trước khi trở lại Miền Nam (sau ngày 30 tháng Tư), toàn bộ viên chức "Chính Phủ Lâm Thời Miền Nam" đã được chiêu đãi, chào mừng cũng ở căn phòng nầy, với những con người nầy, những "đồng chí lãnh đạo", Trường Chinh, Lê Đức Thọ... Trương Như Tảng ấp úng: "Tôi là Bộ Trưởng Tư Pháp của Miền Nam!" Mắt Trường Chinh sáng lên khoái trá: "Thế à... *Thế tên là gì? Bây giờ đồng chí làm cái gì?" (TNT sđd trg 286).* Viết hồi ký mà thực đến thế quả là "đạt tiêu chuẩn".

Chúng ta có thể chấm dứt câu chuyện không mấy vui trên bằng cách nhắc lại vài điều phấn khởi. Cuối cùng, chịu không nổi cách "xách mé đều cáng cộng với kỹ thuật ăn cướp công khai xã hội chủ nghĩa" của những "đồng chí" đến từ Hà Nội, Trương Như Tảng với Tôn, một người bên vợ, quyết định vượt biên từ Long Xuyên. Trong lòng chiếc ghe dơ bẩn, chật chội, Tảng có ý nghĩ: "Nếu bị bắt lại thì nhảy xuống biển trầm mình thà chết chứ không để bị bắt." Ông nhớ lại chặng đường cách mạng mấy mươi năm đi qua từ thuở còn trai trẻ... Hồi ức dừng lại nơi lần gặp gỡ với cha ông ở Tổng Nha Cảnh Sát Sài Gòn (1967, năm ông bị bắt vì hoạt động trong phong trào Liên Hiệp Thanh Niên). Cha ông đã nói: "Con ơi, cha không thể nào hiểu được... *Con đã bỏ tất cả: Gia đình êm ấm, hạnh phúc, giàu sang... để theo bọn cộng sản. Rồi đây, chúng sẽ không trả lại cho con một chút gì so với những gì con đã hiến dâng. Rồi con sẽ thấy. Chúng sẽ phản bội con, và con sẽ đau khổ suốt đời..."* Trương Như Tảng nhói đau trong hầm chiếc ghe khi nhớ lại "lời tiên tri" của người cha. Chỉ có điều an ủi khi ông nghĩ đến Loan, cô con gái đầu lòng hiện nay (năm 1978) đang ở Mỹ. Cô Loan đi Mỹ trước 1975 do Bà Nguyễn Văn Thiệu bảo lãnh vì Loan học cùng lớp với con gái bà ở Đà Lạt từ tấm bé. Năm 1967, khi Trương Như Tảng vào tù, Ông Thiệu, tổng thống "chế độ phản động Mỹ-Ngụy" có nói riêng với Loan: "Cháu yên tâm, ba cháu với tonton là kẻ đối nghịch... *Nhưng, cháu luôn luôn được coi như là con cháu trong nhà nầy, chuyện kia không ăn nhằm gì cả..."* (TNT sđd trg 260-261)

À, hóa ra chế độ, và con người (ở Miền Nam) bị cả thế giới chê trách, bêu xấu lại tốt đẹp gấp vạn lần so với người và chế độ ở Hà Nội. Sự việc đơn giản nầy mấy người nào hay?

Sau mười hai năm ở Mỹ
Cũng để hiểu đôi điều của Việt Nam.

Phan Nhật Nam
Santa Ana, 11/ 2005

bay lên bàn tay ơi!

(Đọc truyện ngắn Bóng đè của Đỗ Hoàng Diệu)

HOÀNG THỊ QUỲNH NGA

Đỗ Hoàng Diệu khiến tôi nhớ tới nhiều người, nhớ Vi Thùy Linh những ngày đầu xuất hiện trên văn đàn, cũng ồn ào, cũng yêu ghét lẫn lộn, cũng một lối viết đẫm chất nhục cảm... nhớ cô gái trong thơ Phan Huyền Thư: chân cong váy ngắn, trang điểm đậm và ra vào ảnh viện hơi nhiều (qua những lần chị xuất hiện trên báo chí), nhớ Vệ Tuệ (da diết) - mỗi sợi tóc, mỗi câu văn đều đẹp như một vũ điệu lửa cháy. Chính những nỗi nhớ lẫn lộn và vu vơ ấy khiến tôi có đủ can đảm đọc lại *Bóng đè*, truyện ngắn đã khiến tôi mất ngủ một đêm ròng và có một giờ giảng méo mó, bấn loạn trong đợt thực tập cách đây gần một năm. Và điều tôi thấy trong cơn ác mộng ấy không phải là những đoạn miêu tả tỉ mỉ gây shock, những hình ảnh ứ đầy chất nhục cảm mà là một thân phận và một khát vọng, một thân phận bị dồn đuổi, bị đè nén, bị giằng xé bởi những bóng ma quá khứ, bởi dục vọng của chính bản thân mình, và một khát vọng được tự do, được thanh thản, được thánh thiện. Hãy tìm những điều sâu kín ấy trên bàn tay lụa là của nhân vật Tôi.

Bàn tay là hình ảnh được Diệu chăm chút hơn cả trong truyện ngắn này, bàn tay trở đi trở lại tới 13 lần, bàn tay yểu điệu mở ra những trang đầu tiên và đau đớn khép lại những trang cuối cùng. Bàn tay muôn hình muôn vẻ: mỏng manh như một gọng cỏ, long lanh trong suốt như một sinh thể hút nắng và tỏa nắng, có khi bay lên trong niềm hạnh phúc được ve vuốt, yêu chiều, có khi héo rũ rát bỏng trước người chồng lầm lì dấu lửa, có khi đủ sức mạnh cứu vớt nhân vật khỏi cơn ác mộng, nhưng có lúc lại bất lực yếu đuối trước thân xác ù lỳ nhục cảm. Bàn tay len lỏi xâu chuỗi mọi biến cố trong cuộc đời nhân vật: cuộc sống chồng vợ nồng nàn rồi lãnh cảm, những cuộc truy hoan man dại và loạn luân, sự xuất hiện của hài nhi như

một nghiệp quả. Đôi lúc, tôi có cảm giác nếu không có hình ảnh ấy, người đọc khó có thể theo hết câu chuyện một cách tỉnh táo để hiểu những gì tác giả muốn nói. "*Giông, gió, bão lũ, nắng hạn, tôi có thể chết đi rồi mà bàn tay vẫn nguyên vẹn năm ngón ngắn dài, làn da mỏng manh không trọng lượng*" người đọc cũng có thể chết đi như thân xác ấy, chết vùi trong những đau đớn, khoái cảm, mê muội, giằng xé... nếu không có bàn tay chao liệng trên những trang viết ấy cứu vớt và đưa đường.

Thân phận

Tôi sợ cảm giác bị lạc khi đọc truyện về đêm. Một mình chết lặng giữa những trang sách của người khác, thế giới của người khác, xa lạ và ám ảnh. Chị gái đã ngủ. Đêm đã ngủ. Mọi âm thanh đã ngủ. Ấy là lúc những điều ma ảo trong sách thoát ra ngoài, khoan khoái hít thở và xâm lấn không gian. Lần này cũng vậy, tôi đã mở cánh cửa Bóng đè và không đủ sức khép lại, mặc cho những âm thanh xầm xì trong sách rỉ ra và xiết chặt lấy mình... tiếng hổ cái hực lên trong đêm hoang loạn... tiếng khấn vái ậm è... tiếng âm hồn bay loạt xoạt... tiếng rin rít trong kẽ răng... tiếng tàu hỏa xình xịch... tiếng ngực nở như gốm rạn... tiếng bước chân vụng trộm... hực lên ậm è rin rít loạt xoạt xình xịnh vụng trộm. Bị lạc! Giữa mớ âm thanh hỗn độn to nhỏ, âm dương, thần thánh ma quỷ, bản năng mưu tính ấy, tôi hoang mang đi tìm tiếng rên xiết của một thân phận đang lần khuất đâu đây... Hãy đi theo bàn tay mỏng tang có năm ngón ngắn dài.

"*Thụ hay mân mê bàn tay tôi. Bàn tay thể hiện tâm hồn con người, dù em mập đến mấy ngón tay em vẫn chỉ là gọng cỏ chao liệng dưới gió xuân. Tôi đưa ngón dài nhất mơn quanh môi chồng... Tôi lại mơn nhẹ ngón tay dịu dàng của mình lên môi chồng. Như thế anh sẽ không còn giận tôi. Bàn tay tôi thật kỳ diệu... Chồng tôi trở lại là một người đàn ông nghịch ngợm, hay mâm mê bàn tay vợ rồi khen dù mập dù ốm em vẫn giữ được bàn tay của một thiếu nữ. Tôi sung sướng mỗi khi nghe Thụ khen bàn tay mình không thay đổi*". Những câu văn đằm thắm, mỏng manh và gợi cảm như một cái vuốt nhẹ tình tứ lướt dọc sống lưng. Người ta thường châm chọc (nhưng không sai) rằng dưỡng khí của đàn ông là thể thao và tình dục, còn phụ nữ đó là sự ve vuốt cưng chiều. Bàn tay được hít thở đủ đầy và trở nên óng ả trong nguồn dưỡng khí kỳ diệu ấy. Đó không còn là một bộ phận của cơ thể nữa mà đã hóa thân thành một sinh thể biết khơi gợi cảm giác, biết xoa dịu giận hờn, biết mời gọi khúc dạo đầu âu yếm. Bàn tay hay sự lên tiếng của nhan sắc và xúc cảm, đẹp lụa là, đầy đam mê và nữ tính. Ngỡ như câu chữ

cũng bay lên theo bàn tay lâng lâng hạnh phúc ấy. Bay lên bàn tay ơi, hãy bay lên và múa vũ điệu cuối cùng của nàng công chúa trước khi bước lên giàn lửa trong huyền thoại xưa. Bởi hạnh phúc của người phụ nữ bao giờ cũng ngắn ngủi, mỏng manh, mỗi nhan sắc đích thực đều chất chứa trong mình dự cảm đổ vỡ. Bàn tay là một nhan sắc như thế.

"Ngón tay tôi rụt vội. Hình như làn da mỏng tanh bị bỏng", "Nhưng Thụ không còn sờ nắn bàn tay tôi mà ôm mập dài ngắn". Sau những giấc ngủ kinh hoàng, sau những giây phút trở thành vật hiến thân vừa đau đớn hoảng loạn vừa hứng háo khát thèm cho quá khứ, ve vuốt biến mất, âu yếm không còn. Hình như bàn tay bị nghẹt thở. Người đọc có cảm giác bàn tay là một tấm lụa non bị thiêu đốt bởi hai ngọn lửa dục vọng: dục vọng của quá khứ và dục vọng của chính bản thân Tôi. Nó cố gắng vẫy vùng để thoát khỏi sự dồn đuổi, hãm hiếp của quá khứ bạo dâm và đầy uy quyền *"Vẫn bàn tay mảnh dẻ đập xuống phản giúp tôi dậy".* Thế nhưng những gọng cỏ mỏng manh ấy sinh ra chỉ để ve vuốt và được ve vuốt, làm sao nó có đủ sức chống cự lại sự đồng lõa của dục vọng trong Tôi đang háo hức chờ những bóng ma đâm tới *"Bàn tay kí lên trang giấy, nhưng thân thể tôi ù ỳ không nhúc nhích, không muốn cử động mà ngồi yên vít chắc vào mặt phản, nhất quyết không đi đâu. Thân thể tôi đã u mê trong nhang khói bấy lâu, cưỡng lại bàn tay với tất cả sức lực của nhung nhớ đâm sâu. Bàn tay mảnh dẻ cầm bút bất lực với tự do đã nắm được ở đầu ngón tay nhưng bị trọng lượng thân thể trói buộc".* Thân phận của bàn tay, thân phận của một người phụ nữ, nói rộng ra là thân phận của một thế hệ đang rên xiết dưới những con chữ ngột ngạt. Đỗ Hoàng Diệu đã tiếp nối cảm hứng phủ nhận của các tác giả trong văn học Việt Nam sau đổi mới như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... Cần hiểu chữ phủ nhận ở đây không phải là sự chối bỏ hay đạp đổ quá khứ. Quá khứ là nền tảng, nó không có tội, nó chỉ trở thành dây trói khi người ta sùng thượng và thần thánh hóa nó, coi nó là điểm nhìn mẫu mực để phóng chiếu và xét đoán mọi suy nghĩ hành động của lớp lớp người sau. Theo tôi đó là sự tôn thờ không thành tâm và trong sáng. Với những truyện ngắn "nhại sử" Nguyễn Huy Thiệp đã khiến cả dân tộc phải nhìn lại mình (ý của Nguyên Ngọc). Phạm Thị Hoài - người phụ nữ đã trả lời cho văn giới và bạn đọc về cách viết tiểu thuyết cũng như cách ứng xử với những giá trị mòn cũ từng được coi là chuẩn mực của một thời. Đỗ Hoàng Diệu, một lần nữa lại khơi lại khát vọng cởi trói còn dang dở ấy. Nhưng có lẽ, điểm khác của Đỗ Hoàng Diệu là chị đã diễn tả được tấn bi kịch đa diện và truyền kiếp của những thân phận hiến sinh. Dây trói quá khứ không chỉ là

một áp lực mà đã ăn sâu vào máu như một khoái cảm, một mặt nó đau đớn vì phải hiến sinh, mặt khác nó khoan khoái thỏa mãn khi máu mình chảy, một mặt nó vùng vẫy mong được giải thoát, mặt khác nó khao khát những vòng dây trói thít chặt thêm để tận hưởng khoái cảm xác thịt. Đó là thân phận bi kịch của những kiếp hiến sinh được hoài thai, nuôi nấng và khôn lớn trong bầu không khí phục tùng quá khứ - một quá khứ tuyệt đối bất luận xấu tốt. "*Chúng tôi không biết lựa chọn vì cơ thể chúng tôi đòi hỏi những nhục cảm mà bóng tối ban phát, chúng tôi bất lực...*" không biết lựa chọn và không thể lựa chọn, vì chức phận của nó là một kiếp hiến sinh.

Theo dấu bàn tay đến những trang cuối truyện "*mỗi ngày tôi ra ngồi trước sân đưa bàn tay nhẹ hẫng ra trước mắt, ngắm xem làn da mỏng tanh đang óng ánh dưới nắng rồi lấy bàn tay ấy vuốt ve đứa trẻ đang quẫy nhè nhẹ trong mình, thấy yêu thương vô hạn hòn máu tôi đang mang trong mình... Không biết có người mẹ nào yêu thương bào thai của cha chồng cấy vào bụng mình như tôi*". Tôi rùng mình trước tình yêu ấy, vừa dịu dàng vừa cay độc, vừa chất chứa hy vọng về sự sống và sức sống, vừa ứ đầy dự cảm về sự bất lực và cái chết. Bởi đó là một cuộc sinh nở của những kiếp hiến sinh nối dài nối dài từ thế hệ này qua thế hệ khác, lớp lớp bước lên bệ thờ quá khứ đồ sộ.

Khát vọng

Khi ngồi viết những trang về hình ảnh bàn tay hiện thân cho khát vọng này, tôi chợt nhớ tới hình ảnh đôi cánh thiên sứ luôn trở đi trở lại nhiều lần trong Điên cuồng như Vệ Tuệ. Bàn tay cũng như đôi cánh thiên sứ ấy luôn chấp chới bay lên khỏi những cay đắng bất hạnh để hướng tới một miền thánh thiện và thanh thản hơn. Đôi cánh, bàn tay, hay bóng dáng của những tâm hồn tự do không thể giam cầm: "*Một bàn tay không béo gầy, không trọng lượng, chỉ có làn da mỏng tanh nhưng biết níu giữ tự do cho dù thân thể bị buộc trói*".

Để diễn tả bàn tay-tâm hồn, Đỗ Hoàng Diệu đã sử dụng nhiều tính từ có khả năng gợi hình ảnh và cảm giác: mềm mại, nhỏ nhắn, mỏng tanh, thon... Điệp từ bàn tay được trở đi trở lại dọc tác phẩm trong nhiều phương thức kết hợp khác nhau: bàn tay nhỏ nhắn và mềm mại, bàn tay không thay đổi theo mùa hay béo gầy cơ thể, bàn tay thon, bàn tay ngón dài sáng, bàn tay kỳ diệu, bàn tay da mỏng tanh, bàn tay mảnh dẻ... Bấy nhiêu thôi dường như chưa đủ để diễn tả một sinh thể đẹp kỳ lạ và giàu sức biểu tượng như thế, vì vậy, tác giả tiếp tục đặt hình ảnh bàn tay trong không gian ánh sáng

(5 lần, trong đó 4 lần dưới ánh nắng, 1 lần dưới ánh trăng); trong dòng chảy bất tận của biến cố tai họa, thậm chí cả cái chết "*Giông gió, bão lũ, nắng hạn, tôi có thể chết rồi mà bàn tay vẫn nguyên vẹn với năm ngón ngắn dài*"; trong tương quan với thân xác luôn thay đổi "*hồi 20 tuổi, mới ra trường nằm nhà ba tháng, cơ thể trồi lên những múi thịt, nhưng bàn tay tôi vẫn mảnh dẻ*". Từ lối miêu tả chăm chút nâng niu ấy, bàn tay hiện lên như một nhan sắc sống động, tồn tại bên ngoài không gian và thời gian, bay lượn xa lánh xác phàm, vượt thoát khỏi sự vùi lấp hủy diệt và không dừng bước trước giới hạn nào, kể cả giới hạn cuối cùng: cái chết. Bàn tay vừa như một sinh thể, vừa như một ảo thể, lấp lánh, chập chờn và biến ảo trong ánh sáng và sự vĩnh cửu. Trong bàn tay lúc nào cũng giơ lên trước nắng, tôi nhìn thấy bóng dáng của Phương (*Thân phận tình yêu* - Bảo Ninh) một nhan sắc bất biến được sinh ra để khơi gợi và ban phát tình yêu. Hình ảnh đậm chất lãng mạn ấy ẩn chứa điều gì: một vẻ đẹp giàu tính nữ? một điềm báo về tương lai đài các, an lành? Hơn hết, nó là hiện thân sống động của một tâm hồn tự do luôn hướng sáng và tỏa sáng "*bàn tay thể hiện tâm hồn người, dù em ốm mập đến đâu, ngón tay em vẫn chỉ là một gọng cỏ chao liệng dưới gió xuân*". Và diễn biến của câu chuyện có thể xem như hành trình của bàn tay giấu tâm hồn chống chọi lại với những bóng ma quá khứ và dục vọng bản thân.

Trắc nghiệm

1. Ai là người đầu tiên quyết liệt đối mặt với quá khứ đầy uy quyền

a. Tôi b. Thụ c. Bàn tay

2. Ai cứu thoát nhân vật Tôi khỏi những cuộc truy hoan loạn luân

a. Tôi b. Thụ c. Bàn tay

3. Ai xoa dịu những cơn đau đớn cuồng loạn của thân xác và tâm hồn tôi giữa nghĩa địa

a. Không ai cả b. Thụ c. Bàn tay

4. Ai kiên quyết đấu tranh với thân xác đầy nhục cảm

a. Tự thân xác b. Thụ c. Bàn tay

5. Ai là người tôi cầu cứu, chất vấn và bộc bạch sau những giấc ngủ kinh hoàng

a. Mẹ chồng b. Thụ c. Bàn tay

Kết quả

- Nếu a chiếm đa số: Tôi là người cứng cỏi, độc lập và cô đơn. Tôi có

thể tự mình vượt qua mọi cám dỗ và ham muốn, tự ghìm mình trong những khuôn khổ. Có lẽ, tôi là một nữ tu.

- Nếu b chiếm đa số: chúc mừng vì đã tìm được một người chồng có thể thoái vị vì vợ

- Nếu c chiếm đa số: Tôi có một thân xác bất hạnh vì luôn ứ đầy nhục cảm và một tâm hồn thánh thiện luôn khao khát tự do. Bàn tay mảnh dẻ vút lên từ tâm hồn ấy là đối trọng duy nhất với cả thế giới bóng tối đang sục sôi, gào thét, thèm muốn và hả hê trước sự đồng lõa của thể xác. Nó khẳng khái đối mặt, kiên quyết từ bỏ, vừa âm thầm vừa nghiêm khắc xoa dịu, nó là chỗ dựa cuối cùng của thân xác cuồng phóng nhưng bất lực. Bàn tay ấy, có thể nói là kết tinh của một tâm hồn không chịu khuất phục, dù có bị chà đạp, bị vùi lập, bị thất bại đi chăng nữa.Vì thế bàn tay-tâm hồn ấy là điều duy nhất mà người mẹ muốn truyền lại cho con mình: "*Con tôi sẽ có bàn tay của mẹ. Một bàn tay không trọng lượng béo gầy, chỉ có làn da mỏng tanh nhưng biết níu giữ tự do cho dù thân thể bị trói buộc*".

Và cũng vì lẽ đó nên hãy bay lên bàn tay ơi!

Khép lại bài viết về một bàn tay đẹp, giàu sức biểu hiện, bất giác tôi nhìn xuống bàn tay mình. Bàn tay bé bỏng, tròn trịa, không óng ả lụa là, mỗi ngón giống như một thanh sáp màu đang nhảy nhót trên bàn phím. Bàn tay ơi, bàn tay sẽ đưa ta về đâu, đừng đưa ta đến bên người chồng có dòng dõi đế vương bởi ta không muốn làm một bà hoàng trong tưởng tượng, đừng đưa ta tới một miền quê với chiếc bàn thờ đồ sộ bởi ta không muốn là một vật hiến sinh, đừng đưa ta tới một người mẹ chồng có ánh mắt sắc sói bởi ta không thể làm một nàng dâu bị luôn cúi đầu. Bàn tay nhỏ, hãy đưa ta đến một nơi nào nhiều màu sắc, cần sự chăm sóc, yêu thương, ở nơi đó bàn tay sẽ tìm được hạnh phúc đích thực.

Hoàng Thị Quỳnh Nga

Tìm mua tác phẩm mới của
nhà thơ PHAN XUÂN SINH
Bơi trên dòng nước ngược
tạp văn
Sông Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc: Phan Xuân Sinh
121 Marlborough Rd, Salem MA 01970 USA
Phone: **(978) 745-2022**

nhật ký đặng thùy trâm một sản phẩm dối trá và phản bội

THIÊN ĐỨC

1.- NGUỒN:

Cuốn nhật ký Đặng Thùy Trâm của nhà xuất bản Hội Nhà Văn được độc giả trong và ngoài nước chú ý, toàn bộ hệ thống báo chí Việt Nam thậm chí cả guồng máy chính quyền đều đề cao tán dương như là một điển hình anh hùng cho thế hệ trẻ Việt Nam, trong lúc đó lại có nhiều tranh cãi tính xác thật của nhật ký trên các diễn đàn BBC, Talawas, Đàn Chim Việt... Đâu là sự thật? người viết bắt đầu đi tìm nguồn tài liệu ở diễn đàn BBC, mở bài "*Không xuyên tạc Nhật Ký Đặng Thùy Trâm*" bấm vào tựa bên phải "*Nhật ký Đặng Thùy Trâm bản gốc và bản in*". (có thể trực tiếp vào trang web: http://anonymous.online.fr/Upload/Nhat%20ky%20Dang%20Thuy%20Tram/

Sau cùng, người viết đã có đầy đủ ba tập tài liệu sau đây:

1)- Bản sao viết tay Nhật Ký quyển 1

2)- Bản sao viết tay Nhật Ký quyển 2

Hai bản này gọi là bản GỐC (viết tắt BG).

Bản gốc này đã được đối chiếu là đúng theo bản gốc ở nguồn http://www.vietnam.ttu.edu . Hiện lưu trữ tại Đại học TEXAS TECT. TEXAS USA

3)- Bản in thực tế của NXB Hội Nhà Văn. Viết tắt nkdtt.

(Chú ý bản in ở trên internet chỉ là những trích đoạn, không có giá trị để đối chiếu)

Mở đầu nhật ký bản in, nhà xuất bản cho biết (tr. 7): Trong quá trình biên soạn và chỉnh lý, chúng tôi cố gắng tôn trọng nguyên bản câu văn cũng như những thói quen dùng từ và ngữ pháp của tác giả - chỉ sửa lại một số

từ địa phương hoặc lược bớt những từ trùng lặpà

Theo đài BBC, ông Vương Trí Nhàn, xác nhận ông chỉ tham gia ở khâu cuối cùng và về mặt kỹ thuật nhiều hơn nội dung. Bà Đặng Kim Trâm, em út của bà Đặng Thùy Trâm là người chủ biên, quyết định nội dung phần ra mắt công chúng. Theo ông Nhàn rằng bà Kim Trâm khẳng định bà dám chịu trách nhiệm và không sợ thách thức của dư luận.

Bà Đặng Kim Trâm đã tái xác nhận trong cuộc phỏng vấn với đài BBC ngày 15-10-2005 "Ban đầu tôi e ngại là các ý nghĩ quá đỏ có thể không phù hợp với giới trẻ bây giờ. **Nhưng khi tự tay đánh máy cuốn sách tôi thấy không thể bỏ đi một câu nào..."**

Kết quả đối chiếu sau đây đã cho thấy lời nói không đi đôi với việc làm.

2.- ĐỐI CHIẾU:

2.1- BẢN GỐC:

Bản viết tay quyển 1 có 118 trang, quyển 2 có 28 trang.

Nhật ký được viết từ ngày 8-4-68 đến ngày 20-6-70. Một ngày viết một đoạn ngắn, nhật ký có được 276 đoạn. Nhật ký bản gốc được trình bày theo thứ tự thời gian và diễn tiến sự việc.

2.2.- BẢN IN của Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn (nkdtt)

Bản in gồm 322 trang, đặt mua tại nhà sách lớn của quận Cam, Cali vào giữa tháng 11-2005, sau khi chờ đợi 3 tuần mới có được quyển sách từ Việt Nam gởi sang. Trang đầu ghi Đặng Kim Trâm chỉnh lý, Vương Trí Nhà giới thiệu. Trang cuối ghi Biên tập: Vương Trí Nhàn. In 20.000 cuốn, Số đăng ký... cấp ngày 5.7.2005... nộp lưu chiểu quý IV-2005. Không thấy ghi lần tái bản. Như vậy từ khi cuốn sách xuất bản vào tháng Bảy cho đến nay khoảng 4 tháng chưa có tái bản lần nào (?).

Cảm nhận đầu tiên khi so sánh, đối chiếu bản in nkdtt với bản gốc, người viết có cảm giác cuốn sách được xuất bản một cách vội vàng phục vụ nhu cầu chính trị hơn là phục vụ độc giả vì rằng trong cuốn sách có những lỗi sơ đẳng nhất là đánh máy lộn ngày tháng hay những đoạn trên đưa xuống đoạn dưới mà người đánh máy biết rõ mà không chịu sửa chữa vì với máy computer hiện nay dùng lệnh cut, past điều chỉnh rất dễ dàng khi người đánh máy bị nhầm lẫn. Nhưng tại sao lại không làm?

2.2.1.- NHẦM LẪN NGÀY THÁNG: Nhiều ngày ghi nhật ký đã bị đổi thay hay sáp nhập với nhau nên khó so chiếu với bản gốc.

... 68 là ngày 15-4-68 (bg), 27-7- 68 là 28-7-68 (bg), 19-11-68 là 11-11-68 (bg), 8-3-69 là 3-3-69 (bg), 9-3-69 là 9-3-69 cộng thêm 11-3-69 (bg),

8-1-70 là 3-1-70(bg), ngày 29-3-70 gộp 2 ngày 28-3-70 và 29-3-70 (bg)

2.2.2.- ĐOẠN VĂN BỊ XÁO TRỘN VÀ CẮT XÉN

9-3-69 (tr. 132)

... Những người giải phóng quân ấy đáng yêu biết chừng nào, họ kiên cường dũng cảm trong chiến đấu và ở đây trên giường bệnh họ cũng đã kiên cường dũng cảm vô cùng.

Đó là cậu liên lạc với má núng đồng tiền, lúc nào cũng cười dù vết thương trên tay sưng và đau buốt

Đó là người cán bộ với sức chịu đựng kỳ lạ, đau đớn đã làm anh tràn nước mắt mà miệng vẫn cười, vẫn một câu trả lời: "Không sao đâu". Những lúc ngồi bên cạnh anh, cầm bàn tay anh nóng hổi trong cơn sốt, nghe anh thở hồn hển, mệt nhọc mình thương anh vô cùng mà chẳng biết nói sao. Hình như ngoài tình thương của một người thầy thuốc còn có cả tình thương của một người bạn gái cùng quê hương. Nhưng mình không muốn để lộ điều đó trên lời nói, có chăng chỉ là trong cái nhìn trìu mến mà anh không thể nào biết được đâu.

Hôm nay các anh lại lên đường hành quân, một cuộc hành quân chiến thắng. Chúc các anh lên đường thắng lợi, gửi lời chào tạm biệt người bộ đội có đôi mắt đen ngời.

[(bg) ngày 11-3-69

... Những người giải phóng quân ấy đáng yêu biết chừng nào, họ kiên cường dũng cảm trong chiến đấu và ở đây trên giường bệnh họ cũng đã kiên cường dũng cảm vô cùng.

Đó là người cán bộ với sức chịu đựng kỳ lạ, đau đớn đã làm anh tràn nước mắt mà miệng vẫn cười, vẫn một câu trả lời: "Không sao đâu". Những lúc ngồi bên cạnh anh, cầm bàn tay anh nóng hổi trong cơn sốt, nghe anh thở hồn hển, mệt nhọc mình thương anh vô cùng mà chẳng biết nói sao. Hình như ngoài tình thương của một người thầy thuốc còn có cả tình thương của một người bạn gái cùng quê hương. Nhưng mình không muốn để lộ điều đó trên lời nói, có chăng chỉ là trong cái nhìn trìu mến mà anh không thể nào biết được đâu.

Đó là cậu liên lạc với má núng đồng tiền, lúc nào cũng cười dù vết thương trên tay sưng và đau buốt

Đó là một người thương binh nặng, bàn tay dập nát mà vẫn cười lạc quan tin tưởng.

Hôm nay các anh lại lên đường hành quân, một cuộc hành quân chiến thắng. Chúc các anh lên đường thắng lợi, gửi lời chào tạm biệt người bộ

đội có đôi mắt đen ngời.]

2.3.3.- NHỮNG ĐOẠN VĂN BỊ CẮT XÉN

Ngoài những sửa chữa thay đổi vài từ ngữ có tính cách kỹ thuật, người viết tìm thấy có đến 21 đoạn nhật ký bị cắt xén, ảnh hưởng đến nội dung như sau:

2-6-68 Mất đoạn cuối

Tr.53 tiếp theo dòng cuối trang... đó là một cuộc đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng lạc hậu và tiến bộ. *["bg): Tư tưởng lạc hậu là của những người còn mang những tàn dư của tư tưởng phi vô sản và tư tưởng tiến bộ là của những người đang phấn đấu vì sự nghiệp chung. Quy luật đó là lẽ tất nhiên."]*

12-5-69 thiếu đoạn cuối

Tr.151 tiếp câu cuối... nhưng với anh Long thì đúng như vậy. *[(bg) Nằm nói chuyện với anh nghe anh kể về những ngày công tác của anh mình thốt lên "Giá mà em được ở gần anh em sẽ học được bao nhiêu điều hay" được về công tác với anh đó là một mong ước rất thành thực. Nếu vừa rồi không có sự thay đổi trong biên chế chắc điều đó đã thực hiện rồi.]*

18-5-69

Tr.152 ...chừng nào... [(bg) ...*Cả miền Nam đang tấn công, trên suốt dài đất mênh mông này ở đâu lại chẳng có các anh? Đâu chẳng có bàn chân những người trai dũng cảm.*

Tôi biết trong các anh có rất nhiều và rất nhiều người quê ngoài XHCN. Các anh có nhiều người cũng mới từ những ngày hòa bình bước vào cảnh lửa đạn này. Hôm nọ, gặp mấy chàng trinh sát trẻ măng nước da trắng dưới lớp lông măng trên má, chắc rằng đó là những học sinh cấp hai mới rời cây bút để nhận khẩu súng lên đường đi chống Mỹ cứu nước.]

...Vậy đó, cả nước đã lên đường,[(bg) cả nước đang lăn mình trong cuộc chiến đâu nhất định phải đánh thắng giặc Mỹ xâm lược nhất định phải trả về cho chúng ta những ngày độc lập tự do.]

25-6-69 thiếu 2 câu

tiếp dòng thứ 2 trang 162... như Paven trong trường hợp đó . *[(bg) Cuộc chiến này biết mấy gian lao, chúc Th. đứng vững bên cương vị của người Cộng Sản...]*

69. 69. 16-7-69 16-7-69 thiếu đoạn cuối

Tr.168 "...Lối đó là lối bà già vợ thằng Hùng đó". *[(bg) Ôi! những người dân Việt Nam anh hùng, có lẽ trên trái đất này không ai chịu nhiều khổ đau như mỗi người dân miền Nam anh dũng.]*

26-7-69 thiếu đoạn cuối

Tr.172 cuối trang... mà chị đêm ngày thương nhớ thiết tha. *[(bg) Con đường em đi những bước đi còn chập chững nhưng chông gai gian khổ đầy nước mắt. Chúc em đi những bước vững vàng.]*

6-8-69 thiếu đoạn cuối

Tr.179 cuối trang... Chắc không thể có nụ cười và tiếng đàn sôi nổi ấy. *[(bg) Ôi! Cuộc cách mạng ở mảnh đất này mới kỳ lạ làm sao, đau thương tang tóc ở đâu bằng và lạc quan sôi nổi cũng không đâu bằng.]*

1-9-69 thiếu đoạn cuối

Tr.187 cuối trang... Không hiểu anh Sơ có biết rằng trong câu gửi gắm ấy có tình người anh lo cho đứa em gái hay không. *[(bg) Anh Năm ơi, anh đi bình an nhé, em sẽ đón anh trở về trong niềm vui và tình thương sâu dậm của một đứa em gái.]*

1-11-69 thiếu một hàng cuối

Tr.195 ... Anh đi bình an và mau về nghe anh. *[(bg) người anh thân thương rất đỗi!]*

5-11-69 thiếu đoạn cuối

Tr.196 ... con cháu nheo nhóc ở vào đâu? *[(bg) Ôi! Giặc Mỹ chồng bao tội ác của bay đã chất đầy như núi. Còn sống ngày nào tao thề chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để trả được mối thù vạn kiếp đó.]*

26-02-70 Thiếu đoạn cuối

Tr. 228 ... Tình thương của mình bỗng dột xuất mà sôi nổi lạ lùng. *[(bg) Tuy nhiên lúc em ra về mình cũng chỉ căn dặn em cảnh giác cố gắng tập cho cánh tay mau bình phục rồi nhìn em bằng đôi mắt trìu mến. Thôi, đi nghe em, chúc em khỏe mau trở về với đội ngũ chiến đấu.]*

27-02-70 Thiếu mất hai đoạn

Cuối Tr.228. Phải chăng vì Thuận đã làm được những điều trên?

[(Bg) Tất nhiên trong bước đường đi không ai không vấp phải khuyết điểm. Mình không hề sợ khuyết điểm, cái gì sai thì cố gắng khắc phục, cái gì đúng cố gắng phát huy không theo đuôi quần chúng, không độc đoán quan liêu, không vì sợ mất lòng mà bỏ nguyên tắc. Trước khi làm một việc gì phải cân nhắc kỹ không hướng mình đang đứng trong vai trò của một diễn viên trên sân khấu bao nhiêu đôi mắt khán giả đang nhìn, mình làm được điều đó là dĩ nhiên vì mình là một diễn viên, họ chỉ khen khi nào mình thật xuất sắc (mà điều đó thì mình chưa thể làm được). Nếu mình làm còn thiếu sót họ sẽ chê, chê nhiều, vậy mà cũng đòi làm diễn viên, dở quá v.v... và v.v...]

Tr. 229 "Bao nhiêu năm thoát ly vào sinh ra tử trên chiến trường miền Nam bây giờ lại để nó chỉ huy!..."

[(bg) Không các đồng chí ơi!, tôi làm việc cũng chỉ vì sự nghiệp của cách mang, Đảng giao phó cho tôi, nhưng trách nhiệm quan trọng cũng chỉ vì Đảng muốn tận dụng hết khả năng sức lực của tôi để phục vụ cho Đảng nhiều nhất. Tôi vinh dự vì được tin cậy nhưng không vì vậy mà tôi kiêu căng. Tôi hiểu lắm chứ tuy rằng được học tập trang bị nhiều lý luận trong nhiều năm trên ghế nhà trường nhưng có nhà trường nào lớn bằng trường đại học thực tế đâu? Tôi mới vào đây 3 năm dĩ nhiên không thể bằng những đồng chí đã trải qua 10 năm, 20 năm trên chiến trường gian khổ, cho nên hãy đến với tôi bằng tình thân của những người cùng chung giọt máu để đổ xuống cho đất nước tự do, bằng tình thương của những kẽ xa nhà lấy gia đình cách mạng làm chỗ dựa duy nhất trong cuộc sống. Hãy chỉ bảo giúp đỡ tôi để tôi trở thành một đồng chí phục vụ đắc lực cho Đảng. Phần tôi, tôi tự biết tôi phải làm gì, tự biết năng lực của mình và tự nhủ mình phải khiêm tốn học hỏi thật nhiều mọi người xung quanh.]

8-3-70 thiếu một câu cuối

Tr.233 Phải như Paven, như Ruồi Trâu, hay như M của mình đó. *[(bg) Nhất định phải vậy nghe Th.!]*

30-3-70 thiếu câu cuối

Tr. 237 ... hãy mạnh dạn mà đi, vững bước mà đi nghe. *[(bg) người con gái XHCN trên đất miền Nam]*

5-5-70 thiếu hai đoạn

Tr.241 Nhưng tao đã thề cùng các đồng chí của tao rồi, dù có chết cũng quyết đánh cho đến cùng *[(bg) để đánh giập đầu con rắn độc hiếu chiến].*

Ôi! Căm thù đến bầm gan tím ruột. Tại sao cũng là con người mà lại có những con người độc ác tàn tệ muốn lấy máu đồng bào để làm nước tưới cho gốc cây vàng của nó như vậy.

[(bg) bao nhiêu cũng không đủ túi tham, bao nhiêu cũng không thỏa mãn cái cuồng vọng của bọn quỷ khát máu.]

13-5-70 Thiếu đoạn cuối

Tr.243 những dòng chữ của mình vẫn theo em trên khắp chặng đường chiến đấu. *[(bg) Em ơi, hãy bồi đắp cho tình cảm chị em mãi mãi thắm thiết như ngày xưa ta sống cùng nhau trên quê hương Phổ Hiệp. Thực ra trong những ngày qua cũng có đôi nét mờ đi trong bức tranh tuyệt đẹp của mối tình cảm ấy vì không biết giữ gìn, lỗi đó ở em hay ở mình.]*

19-5-70 Thiếu đoạn cuối.

Tr.246 Vậy ra anh cũng hiểu mình đấy chứ. *[(bg) nhưng tại sao vậy hở anh? Tại sao nỗi lo cho mình trước lúc ra đi "là điều lo anh để lên hàng đầu" mà anh lại cũng làm thinh không nói? Tại sao lúc chưa gặp anh mong chờ da diết mà lúc em đến anh lại cũng làm thinh? Ôi người anh thân thiết, anh rất gần mà lại cũng rất xa. Em hiểu anh hết mà rồi lại cũng không hiểu hết (mà chính anh cũng thắc mắc với anh nữa kia mà!) Sao vậy hở anh?]*

4-6-70 thiếu đoạn cuối

Cuối Tr. 247. vì sao ta không thể đến với nhau trong mối quan hệ tốt đẹp và chính đáng đó?

[(bg) Cách mạng miền Nam! Nhiều cái anh hùng, nhiều chuyện lịch sử mà cũng còn nhiều phức tạp, nhiều rác rưởi trong xã hội, cũng dễ hiểu thôi, vì tất cả cho sự nghiệp đánh Mỹ cứu nước nên ta chưa thể tập trung sức lực để xây dựng con người XHCN, những con người toàn diện, biết sống vì mọi người, biết cách ăn ở và nếp sống có văn hóa.]

2.2.5.- CHÍN NGÀY BỎ SÓT

10-11-68:

[(bg) Những hoạt động xã hội ngày một mở rộng đối với mình. Đại hội phụ nữ tỉnh mời dự, hội thanh niên giải phóng mời dự nhưng mình không có điều kiện tham gia. Trong cách bố trí sắp xếp kể ra cũng có những điều kiện chưa hợp lý. Một lần nữa mình hiểu thêm về lòng ghen tỵ của người đời, vẫn còn những người không vui khi thấy đồng chí mình tiến lên.

Những phút giây lịch sử trong tình chị em, trong đời người. Hãy nhớ trọn đời nghe em!]

7-12-1968

[(bg) Gặp Thường, rất lâu rồi mới được ngồi bên em nói chuyện cùng em như những ngày công tác dưới đồng bằng. Một năm qua trong xa cách, chị vui sướng thấy rằng mỗi chị em mình đều bước đi những bước trưởng thành và tình chị em cũng đã lớn lên dày dạn với thời gian. Vững vàng trước sóng gió. Hãy vun xới cho tình cảm ấy lớn lên và lớn mãi lên nghe em!]

23-5-69

[(bg) Về công tác Phổ Cường. Đêm mơ biết bao ở nhà chị Hạnh: "Không bao giờ tự cầm dao cứa đứt mạch máu trong cơ thể mình". Không, thực tế thì có vậy nhưng em thì không có.]

26-10-69

[(bg) Những ngày sống bên anh có cái gì làm mình cảm thấy quên đi

những ngày gian khổ đang đe dọa bên mình. Có phải vì bàn tay ấm áp của anh đã nắm chặt tay mình truyền cho mình sức mạnh để đánh bạt mọi gian khổ hay không? Có phải những ngón tay nhỏ nhắn của anh đã vuốt trên mái tóc mình thân thiết truyền cho mình tình thương ruột thịt làm mình quên đi cái cô đơn của một kẻ xa nhà? Và có phải đôi mắt đen anh đã nhìn mình qua bóng đem và qua cả những phút giây ngắn ngủi giữa mọi người đã nói với mình rằng: "Hãy vững bước nghe em, trên con đường gian khổ nhưng vinh quang mà em đã chọn, bao giờ cũng có các anh giúp đỡ em với tình đồng chí và có anh dìu dắt em trong cánh tay của một người anh".

Cảm ơn anh nghe anh, em sẽ sống xứng đáng làm một đứa em và một người đồng chí của anh, có nghe em nói không hở anh Năm thân thương của em?]

19-01-70

[(bg) Cám ơn anh, người đồng chí thân thương. Anh đã đến với mẹ bằng tình thương chân thành ruột thịt, anh đã là một chỗ dựa trong cuộc sống của em. Cuộc đời thật phức tạp, không biết ở sao cho vừa lòng tất cả được, cũng như anh đã nói: "Đó là lẽ dĩ nhiên, em không bao giờ bi quan khi gặp trở ngại trong bước đường đi lên của mình". Như bao lần em đã nói cuộc sống là một bức tranh đủ màu sắc, bên cái màu chủ đạo là màu đỏ chiến thắng và màu xanh ước mơ vẫn có thêm màu đen trong tóc màu xám lạnh lùng nham hiểm. Dù sao em cũng vẫn yêu cuộc sống, cuộc sống của những người cách mạng tha thiết tình thương và cháy bỏng niềm tin vào sức mạnh của mình. Anh Năm thân thương, anh tin em chứ? Tin ở đứa em gái của anh nghe anh.]

15-02-70

[(bg) Những ngày sống bên anh, sung sướng cảm thấy tình anh em ngày thêm gắn bó trưởng thành. Em tin anh như tin chính bản thân em. Niềm tin ấy giúp em đi lên, đạp bằng mọi chông gai trở lực vươn lên làm chủ cuộc sống của mình. Sung sướng biết bao khi trong bước đi gian khổ, luôn có anh dìu dắt, anh lo cho em từng ly từng tý, anh dạy bảo em với tình một người anh trai với đứa em gái, anh xây dựng cho em với trách nhiệm một bí thư huyện ủy với một đồng chí mới làm công tác Đảng, anh săn sóc em với tình đồng đội cùng chung trong cuộc chiến đấu sinh tử này. Hãy giữ tròn mãi mãi "... trong ngần thiết tha" nghe anh Năm!]

24-3-70

[(bg) Đọc những lá thư của anh càng hiểu càng thương anh vô cùng, anh Năm ạ. Quả thực anh đã lo, đã thương em với tình thương sắt son ruột

thịt, anh em ta thường nói với nhau rằng: Dù trong hoàn cảnh nào cũng giữ trọn tình anh em thủy chung như nhau. Đâu có phải em không tin anh, em thường nói với chính em rằng em tin anh như tin bản thân mình nhưng ngay cả bản thân mình em cũng nhiều lúc không hiểu rằng xử trí như vậy đã đúng chưa. Vì vậy anh đừng trách khi em giận anh. Thực ra cũng có một tình thương sâu đậm nên em mới cảm thấy giận anh, nếu không, một lá thư như vậy, những câu nói như vậy hết sức bình thường với những người khác nhưng với em lại là khác, em đòi hỏi ở anh một sự quan tâm, đòi hỏi ở anh những biểu hiện của một tình thương đằm thắm trong sạch của một người anh trai với đứa em gái cưng của anh. Đòi hỏi ấy có cao không nhỉ? "Anh đã dành tất cả tình thương duy nhất, độc nhất cho em gái anh". Thì như vậy đâu phải là cao. Vậy đó anh à, hãy hiểu em nhiều hơn nữa nghe anh, hiểu cái đứa em gái có trái tim đầy nhiệt tình, đầy ưu ái, niềm tin ở cuộc đời. Em còn dại lắm, em tin người ta dễ dàng mà cuộc đời lại chưa phải đáng để tin như vậy. Mong anh sẽ là người dìu dắt em đi vững bước một trên con đường chông gai nguy hiểm nhưng rất đỗi vinh quang mà anh em mình đã chọn.]

01-4-70

[(bg) Kỷ niệm 10 năm ngày vào Đoàn, 10 năm qua từ một thiếu niên bây giờ Th. đã là một cán bộ dày dạn trong khói lửa. Th. không thể tự hào mà chỉ thấy rằng mình đã làm đúng như lời thề dưới cờ Đoàn trong ngày hôm ấy.

Những đêm dài suy nghĩ, Th. ơi, hãy nghiêm khắc với bản thân hơn nữa, đừng để một câu hỏi làm đau nhói trong Th. Tại sao mọi người không hiểu Th? Mà hãy hỏi: Tại sao Th. lại để mọi người không hiểu mình? Đành rằng có những người không tốt: nhỏ mọn, ghen tuông, kèn cựa nhưng dù họ với tính cách như vậy vẫn có một số người họ không thể nói được. Vậy thì hãy làm như những người đó. Đừng khóc Th. ơi, nước mắt hãy dành cho ngày gặp mặt những người thân yêu. Đêm khuya nằm bên những người đồng đội, họ đã ngủ, hơi thở đều đều, ngoài kia từng tràng pháo nổ dậy trời. Ơi những người đồng chí của tôi, ta đang cùng chung hơi thở giữa chiến trường lửa khói, hãy thương yêu đùm bọc lấy nhau, sống chết kề một bên, ghen tuông kìn cựa để làm gì?]

05-4-70

[(bg) Có phải mình cô đơn mà cảm thấy nhớ thương đến vô cùng hay không hở người anh thân thiết của em? Chiều nay Cúc lên đường về cơ quan phục vụ, bỗng nhiên nỗi buồn nhớ như tăng lên bội phần. Cuộc sống

sao mà phức tạp mà sao mình lại làm một con bé sống với trái tim giàu tình cảm như thế này? Tại sao ư? Vì từ nhỏ đến giờ nó là như vậy. Nghe những ý kiến của chị Hạnh cảm thấy buồn lạ lùng. Con người vẫn có những kẻ sống với tầm mắt nhỏ hẹp, họ không thể có được những tình cảm trong sáng chân thành như một số người khác. Với họ chỉ có vật chất, chỉ có xác thịt!! Ôi ghê tởm làm sao. Anh trai của em ơi, có đúng như lời anh đã nói đó không? "Tình anh em ta sẽ tồn tại mãi mãi dù thời gian, không gian biến động thế nào" nghĩa là ta sẽ đàng hoàng thanh bạch mà sống, đạp qua mọi rác rưởi gai góc cản trở đường đi của ta. Em cũng sẽ làm như anh, sẽ thực hiện đúng như lời em đã hứa cùng anh.]

3.- TÁC GIẢ:

Bàn về một tác phẩm mà không tìm hiểu tác giả là một điều thiếu sót không thể tha thứ được cho dù người đó đã nằm xuống. Trong bản gốc của nhật ký không có ghi tiểu sử của tác giả, nhưng theo lời kể của gia đình và nhân chứng trong sách in có thể sơ lượt như sau:

Đặng Thùy Trâm sinh ngày 26-11-1942

1960-1961: Học sinh lớp 10C trường trung học Chu Văn An Hà Nội.

Năm 1966: Tốt nghiệp bác sĩ mắt Đại học y khoa Hà Nội (?)loại ưu.

Năm 1967: Vào Nam chiến đấu, phụ trách một trạm xá nhỏ ở Đức Phổ Quảng Ngãi.

Chết lúc 17g20 ngày 22-6-1970.

Nhiều người đã đặt nhiều nghi vấn về chức danh bác sỹ của DTT, bởi nguyên do thời gian theo học đại học y khoa khá ngắn ngủi (?)vì vậy người viết phải làm cuộc so sánh như sau:

3.1.- THỜI GIAN: Trước 1975 tại miền Bắc, hệ giáo dục trung học là 10 năm. Đào tạo bác sĩ chỉ có 5 năm (?).Trong khi ở miền Nam hệ trung học là 12 năm, và đại học y khoa thường là 7 năm.

Như vậy ở miền Bắc, một người bác sĩ chỉ mất 15 năm học ở nhà trường. Ở miền Nam phải mất 19 năm.

3.2.- HỌC TRÌNH: Học sinh Miền Nam chỉ thuần túy học về chuyên môn và văn hóa trong suốt thời gian, hoàn toàn không học chính trị hay sinh hoạt đảng phái đoàn thể.

Trong khi đó học sinh miền Bắc phải tốn ước chừng khoảng 1/3 thời gian để học tập chính trị từ sơ cấp đến trung cấp Mác Lê ở bậc đại học, xây dựng chủ nghĩa cộng sản khoa học, đây là những môn thi bắt buộc. Ngoài ra còn phải phấn đấu sinh hoạt ngoại khóa trong phong trào, tranh thủ để

trở thành cháu ngoan bác Hồ, đối tượng Đoàn, đối tượng Đảng.

Nếu so sánh một cán sự y tế, hay cán sự điều dưỡng miền Nam được đào tạo 3 năm chuyên môn, với trình độ trung học, tổng cộng thời gian học cũng từ 12 năm trở lên (9 năm bằng trung học đệ nhất cấp + 3 năm chuyên môn).

Nếu căn cứ vào học trình để kết luận, thì người bác sĩ miền Bắc bị nhồi sọ về chính trị Mác Lê hơn miền Nam. Nhưng chuyên môn và văn hóa người bác sỹ miền Bắc chỉ có trình độ tương đương với một người cán sự y tế trung bình mà thôi, không thể so sánh bằng với bác sỹ miền Nam được. (Trước 1975)

3.3.- CÔNG TÁC THỰC TIỄN: Với trình độ chuyên môn như trên, tốt nghiệp loại ưu (Tr.305) chắc là DTT sẽ đạt nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động chuyên môn của mình. Sau đây là những thành tích của một bác sĩ XHCN rất đáng để chúng ta suy gẫm và đánh giá.

08.04.68 (tr.33)

Mổ một ca ruột thừa trong điều kiện thiếu thốn, thuốc giảm đau chỉ còn vài ống Novoraine nhưng người thương binh trẻ không hề kêu la một tiếng, anh còn cười để động viên mình, nhìn nụ cười gượng trên môi khô vì mệt nhọc, mình thương anh vô cùng.

Rất đau xót rằng sự nhiễm trùng trong ổ bụng không do ruột thừa vỡ. Tìm kiếm gần một giờ đồng hồ không thấy nguyên nhân đành đóng lại cho đặt dẫn lưu và đổ kháng sinh trong ổ bụng.

Nỗi băn khoăn của một người thầy thuốc cộng nỗi thương xót mến phục người thương binh ấy làm mình không thể yên lòng, vuốt nhẹ mái tóc anh mình muốn nói với anh rằng: với những người như anh mà tôi không cứu chữa được thì đó sẽ là nỗi đau xót khó mà phai đi trong cuộc đời phục vụ của một người thầy thuốc.

Bác sỹ định bệnh sai, đưa đến chết người

22.04.68 (Tr.41)

... Một ngày mệt nhọc vô cùng, ba ca thương nặng vào một lúc, suốt một ngày đứng bên bàn mổ, đầu óc căng thẳng vì những vết thương, vì tiếng khóc xé ruột của chú Công (cha Hường) và vì những tin buồn dồn dập ...

DTT là bác sỹ mắt nhưng làm công việc giải phẫu là chính.

20.07.68 (Tr.64)

... Những ngày bận rộn công tác dồn dập, thương nặng, người ít, mọi người trong bệnh xá đều hết sức vất vả. Riêng mình trách nhiệm càng nặng nề hơn bao giờ hết, mỗi ngày làm việc từ sáng tinh mơ cho đến đêm khuya,

khối lượng công việc quá lớn mà người không có nên một mình vừa phụ trách bệnh xá vừa lo điều trị, vừa giảng dạy. Vô cùng vất vả cũng còn nhiều khó khăn trong công việc nhưng hơn bao giờ hết mình cảm thấy rằng mình đã đem hết tài năng, sức lực của mình để cống hiến cho cách mạng....

27.08.68 (Tr.75)

Một ca mổ quan trọng đã kết quả. Thận dập nát đã được may lại, máu ngừng chảy, nước tiểu người bệnh nhân ấy đã trong lại bình thường. Lẽ ra niềm vui ấy sẽ tràn trề, một mạng người được cứu sống nhưng sao mình rất bình thản trước nụ cười và đôi mắt cảm phục của người bệnh nhân ấy. Một dòng máu ngừng chảy nhưng bao nhiêu dòng máu đã chảy và đang chảy? ...

05.10.68 (Tr.84)

Một ca tử vong sau phẫu thuật cắt đoạn. Đó là một bệnh nhân gần 66 tuổi nhưng sức còn khỏe, đó là một Đảng viên già đã 23 năm trời liên tục chiến đấu. Gia đình và bệnh xá đã tận tình cứu chữa mà cũng không sao cứu thoát cho ông già. Riêng mình dù tập thể và chính bản thân con trai ông già đã xác định và thừa nhận mình không có lỗi mà chỉ có lòng tận tình cứu chữa nhưng mình vẫn xót xa.

Vì sao ông ta chết? Vì kỹ thuật? Cũng không phải tuy là ca đầu tiên cắt cụt nhưng mình vẫn bình tĩnh vẫn đảm bảo thời gian và kỹ thuật. Vậy thì vì sao? Vì không truyền được lọ plasma? Nhưng sự việc này cũng không biết nói sao, cứ truyền vào đúng ven lại trật ra do ông già quẫy cựa. Buồn vô cùng! Một ca tử vong không đáng tử vong mà lại không rút ra được bài học gì đích đáng cả.

Lần đầu tiên giải phẫu cắt cụt, gây chết người, mà không rút ra được bài học nào cả.

24.10.68 (Tr.91)

Một ca mổ cancer dạ dày ở giai đoạn cuối. Với điều kiện thô sơ mình cũng đã mổ thăm dò nhưng rất tiếc rằng cancer đã sang giai đoạn di căn. Không thể làm gì hơn đành đóng ổ bụng lại và đau xót nhìn người bệnh nhân đi dần đến cái chết...

Lại mổ ung thư, gây chết người.

09.01.69 (Tr.115)

... Hôm nay Bốn lại vào viện, da xanh mướt, em nằm im lìm không rên la, một chân đã bị mìn tiêu cụt tơi tả, máu thấm ướt hết áo quần. Bằng tinh thần trách nhiệm cộng với tình thương, mình đã cùng các đồng chí hết sức cứu chữa cắt cụt chân xong, Bốn cười và nói: "Bây giờ chắc sống

80% rồi đây".

Riêng mình vẫn lo lắng vì Bốn mất máu quá nhiều, mạch vẫn rất nhanh 140-150 nhưng cũng nhiều hy vọng.

Cuối cùng Bốn đã không vượt qua nổi, máu ra nhiều quá nên em không còn đủ sức. Bốn ơi máu em đã thấm đầy trên mảnh đất quê hương, máu em đã chảy dài trên đường em đi chiến đấu....

Cũng cắt cụt gây chết người

15.03.69 (Tr.133)

Một đồng chí bộ đội nữa hy sinh, anh bị một vết thương xuyên thấu bụng. Sau cuộc mổ tình trạng không tốt mà xấu đến có lẽ vì một sự chảy máu trong do miếng mảnh không tìm thấy cọ xát làm đứt một mạch máu nào đó. Sau hội chẩn, ý kiến chung không đồng ý mổ lại. Riêng mình vẫn băn khoăn lưỡng lự.

Cuối cùng anh đã chết. Cái chết của anh làm mình suy nghĩ đến đau đầu. Anh chết vì sao? Vì sự thiếu cương quyết của mình chăng? Rất có thể là như vậy. Nếu mình kiên quyết, ít ra 100% thì hy vọng cứu sống anh có thể có 10%. Mình đã theo đuôi quần chúng, bỏ qua một việc làm nên làm.

DTT là người có chuyên môn duy nhất trong bệnh xá mà không có quyền quyết định về chuyên môn bằng lãnh đạo quần chúng? Giá trị của lãnh đạo tập thể?

29.07.69 (Tr.174)

Chiến tranh thật tàn khốc hết mức, sáng nay người ta đem đến cho mình một thương binh toàn thân bị lân tinh đốt cháy, đến với mình sau cả giờ đồng hồ kể từ lúc bị nạn mà khói vẫn còn nghi ngút cháy trên người nạn nhân....

Tóm lại DTT là một bác sỹ mắt mà đi làm công việc giải phẫu chữa đủ các loại bịnh theo kiểu "không có chó, bắt mèo ăn cứt" từ cắt cụt chân, mổ ruột thừa, vá thận, mổ ung thư dạ dày, chữa bỏng còn nhiều nữa chưa kể hết trong nhật ký này (?)

Trong hơn một năm làm phẫu thuật, gây chết 5 người mà vẫn được khen tặng như sau:

06.10.68 (Tr.85)

Có những lời nửa đùa nửa thật ghen với tình thương mà mọi người đã dành cho mình. Mình cũng suy nghĩ về những lời đùa đó nhưng suy ra cho cùng đâu phải mọi người thương mình vì hai chữ "Bác sỹ"...

1.11.68 (Tr.92)

Tổng kết năm qua, bệnh xá Đức Phổ được báo cáo điển hình trong toàn

tinh về thành tích điều trị và các mặt khác, và trong số những người xuất sắc ấy có cả mình. Đó là một thắng lợi chung trong đó có mình một chút.

07.04.1969 (Tr.138)

Được rất nhiều thư, niềm vui tràn ngập thư mẹ, thư em, thư bè bạn từ trên khu, trên tỉnh, trên huyện, dưới xã ai ai cũng gửi đến mình lòng thương mến thiết tha.

Những lời khen ít nhiều cũng làm mình sung sướng: "Thùy Trâm đã được mọi người thương, bạn mến, Đảng tin...", "Thật là một người trí thức toàn diện..."

Không biết bao nhiêu lần mình tự hỏi phải làm gì đây để xứng đáng với lòng tin của mọi người.

Đây là niềm hãnh diện của Đặng Thùy Trâm, người trí thức XHCN toàn diện (?)

Với thành tích trên đã khơi động sự tò mò của người viết phải đi tìm lại dấu tích con đường học vấn của tác giả. Qua lời kể bà mẹ DTT:

Bà cụ nói: "Gia đình không tưởng tượng được là ngay ở Đức Phổ, Quảng Ngãi mà Thùy còn gây dựng được một vườn thuốc và người dân vẫn giữ gìn đến tận bây giờ". Chị Kim Trâm tiếp lời: "Vốn kiến thức về dược liệu mà chị Thùy có đấy là được mẹ truyền cho từ ngày còn nhỏ. Trường y đâu có dạy chị về dược liệu, nhất là thuốc nam. Hồi bé, chúng tôi ở với cha mẹ ngay trong khu tập thể Bộ Y tế, đằng sau là một vườn thực vật rộng mênh mông. Ngoài giờ học và làm việc nhà, mấy chị em toàn chạy vào vườn thuốc chơi.

Chúng tôi lấy những lá chuối to che lại làm lều, "cắm trại" ngay trong vườn thuốc, trò chơi yêu thích nhất của chúng tôi là "đố cây đố lá", lá này của cây gì, dùng để làm gì. Không biết thì về hỏi mẹ. Cứ như thế mà chúng tôi biết được tên gọi và công dụng của các cây thuốc trong vườn".

Bà cụ lại tiếp: "Thùy nó học nhiều hơn ở cha. Thùy học chuyên khoa mắt, không học ngoại, nhưng hằng ngày sau khi học ở trường y về Thùy vẫn đến bệnh viện của cha để theo dõi cha mổ, để học thêm những kinh nghiệm điều trị của cha. Tối đến, hay vào các ngày nghỉ, hai cha con lại say sưa cùng nhau vẽ. Ông ấy không dạy Thùy vẽ tranh phong cảnh mà dạy con vẽ người trên các bức hình giải phẫu. Ông ấy vẽ đẹp lắm, Thùy nhờ cha cũng vẽ rất khá, và cũng từ các bức vẽ "anatomie" ấy, cùng với những lần theo cha đi trực giải phẫu mà sau này khi vào chiến trường, nó có thể bắt tay làm phẫu thuật thương binh được, dù học chuyên khoa mắt". (Báo Tuổi trẻ 4-8-2005 bài ngọn nến vẫn cháy mãi)

Tóm lại DTT học tây y chuyên khoa mắt, nhưng ra làm chuyên viên giải phẫu đủ các loại bệnh và chữa trị bằng thuốc Nam cây nhà lá vườn, chẳng khác gì các thầy thuốc lang băm. Một kỷ lục đáng hãnh diện ghi vào lịch sử phát triển y tế CNXH Việt Nam (?)

Đọc tiếp nhật ký (tr.314-315) "Ai biết liệt sĩ Đặng Thùy Trâm?... Chúng tôi đã hỏi trường Đại học Y khoa, Sở Lao động Thương binh-Xã hội, hỏi Ban liên lạc họ Đặng Việt Nam, đến cả Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam cũng không ai biết".

DTT tốt nghiệp loại ưu là một vinh dự cho nhà trường và gia đình tại sao không có tên trong danh sách tốt nghiệp? Tại sao gia đình không có giữ một bằng chứng nào như văn bằng tốt nghiệp, hình ảnh lễ mãn khóa, tiệc mừng gia đình lúc DTT tốt nghiệp? Trong khi gia đình vẫn còn giữ hình ảnh những ngày cuối cùng trước khi vào Nam chiến đấu. Điều này chứng tỏ DTT không có làm lễ mãn khóa ra trường, không có đem văn bằng tốt nghiệp về cho gia đình lưu giữ (?).Chỉ có một câu trả lời hợp lý là DTT chưa bao giờ tốt nghiệp đại học y khoa, và DTT đã khai man lý lịch trước khi vào Nam chiến đấu?

Hãy nghe lời nhân chứng trong nkdtt (tr.319) lời của ông Ngô Sơn Huy (nguyên phó hiệu trưởng trường PTDL Đinh Tiên Hoàng) là bạn thân của Đặng Thùy Trâm như sau: "Qua lời Trâm kể, tôi biết Trâm được tốt nghiệp trường Đại học Y khoa Hà Nội sớm một năm để đi chiến trường."

Tại sao DTT lại tốt nghiệp sớm một năm? Theo thông lệ miền Nam sinh viên ra trường sớm hơn học trình đào tạo chỉ rơi vào những trường hợp học kém hay bị kỷ luật, bị sa thải mà thôi. Sinh viên ở miền Bắc thì sao? chắc không ra ngoài thông lệ đó?

Hãy nghe DTT tự thú trong nhật ký:

23-07-69 (Tr.170)

Một chiếc bật lửa Mỹ có khắc tên mình cạnh tên người đồng chí thân yêu. Anh Đáo đưa nó cho mình và hỏi ai khắc. Mình cười vô tư rồi trả lại anh nhưng lúc ra về mình cảm thấy nao nao. M. ơi! Anh khắc tên em cạnh anh vì sao? Vì những ngày xưa thơ mộng vì tình thương yêu đằm thắm nơi anh vẫn còn hay vì đó là một động tác bình thường của anh? Thực ra không ai làm việc gì mà không có ý nghĩ. M. lại càng không phải là loại người như vậy nhưng M. ơi, anh hãy nói đi anh, vì sao anh khắc tên em bên cạnh tên người bộ đội giải phóng quân mà anh thường nói rằng không phù hợp với cô sinh viên y khoa ấy?

M là người yêu của DTT từ 8 năm trước, vẫn xem DTT là một sinh viên

y khoa dù DTT đã làm việc với chức danh bác sĩ đã 3 năm qua, đây là điều nghịch lý trong nhật ký. Chỉ có thể lý giải một điều bí mật chỉ có giữa M. và DTT biết rất rõ mà thôi đó là: DTT là một sinh viên y khoa và chưa bao giờ tốt nghiệp và mãi mãi vẫn là một sinh viên y khoa trong lòng M. DTT đã chấp nhận sự thật đó! DTT không hề phản kháng hay hờn giận.

4.- NHỮNG NGHI VẤN XUNG QUANH CUỐN NHẬT KÝ:

Đây là phần nội dung biên soạn trong sách in do những người chỉnh lý biên soạn và nhân chứng liên quan hoàn toàn không có trong bản gốc nhật ký.

4.1 NGƯỜI LƯU GIỮ NHẬT KÝ:

Câu chuyện xuất phát từ ông tiến sĩ FREDERIC WHITEHURST, 35 năm về trước là một người lính trinh sát Hoa Kỳ có lưu giữ hai tập nhật ký của ĐTT, và ông đã có ý định tìm lại gia đình DTT để tính đến chuyện xuất bản tập nhật ký trên, phần sau là một trong những thư trao đổi đầu tiên giữa ông Frederic Whithurs với gia đình DTT.

Chủ Nhật, 1.5.2005

Thưa bà Trâm,

Tôi mong rằng lá thư này sẽ không đem đến cho bà nỗi buồn mà chỉ là niềm tự hào của một người mẹ đã sinh ra một người con gái rất đặc biệt. Tôi cần phải nói lại với bà điều mà bao năm qua tôi vẫn tin đó là cái chết của con gái bà. Tôi ngồi chờ một trận đánh cùng một quân đoàn Mỹ. Ngồi bên cạnh tôi là một người lính và chúng tôi nói với nhau về những trận đánh trong quá khứ.

Người lính đó kể cho tôi nghe về một trận chiến đấu lạ lùng giữa đơn vị gồm 120 người đàn ông với một người phụ nữ. Đơn vị của anh gặp nhiều lều trại trong rừng sâu trên vùng núi phía tây huyện Đức Phổ. Ngay lập tức có người nổ súng vào họ. Người lính thấy rõ nhiều người đang chạy trong rừng để trốn thoát và muốn bắt họ, vì thế họ kêu gọi người đang bắn đầu hàng, nhưng đáp lại lời kêu gọi là thêm rất nhiều viên đạn bắn vào họ.

Đây là một người rất anh hùng bởi vì lính Mỹ được trang bị rất nhiều vũ khí và họ chỉ cần tích tắc để chăn một tay súng lại. Khi thấy bị bắn tiếp lính Mỹ bèn bắn trả và tay súng kia trúng đạn. Nhưng toán lính Mỹ không bắt được ai khác nữa. Khi đến được nơi người kia nằm toán lính Mỹ nhận thấy rằng người đó chết trong khi bảo vệ các bệnh nhân của một bệnh viện. Trên xác người phụ nữ đó có một khẩu SKS và một cái túi vải bạt đựng vài cuốn sổ và sách vở.

Fred (Di sản của DDT-Talawas)

Bức thư trên đã được chỉnh lý sửa đổi. Người biên tập đã ngang nhiên sửa đổi nội dung thư từ riêng của một luật sư tiến sĩ (có sự đồng ý của tác giả bức thư không?) đây là một điều xúc phạm nặng nề, khó chấp nhận được. Sau đây là bức thư bị sửa đổi:

20g27, Chủ Nhật 1-5-2005

Thưa bà Trâm.

Tôi mong rằng thư này sẽ không đem đến cho bà nỗi buồn mà chỉ là niềm tự hào của một người mẹ đã sinh ra một người con gái rất đặc biệt. Tôi cần phải nói lại với bà điều mà bao năm qua tôi vẫn tin: đó là trường hợp hi sinh của con gái bà. Tôi đang ngồi chờ một trận đánh cùng một đơn vị lính Mỹ. Ngồi bên cạnh tôi là một người lính và chúng tôi nói với nhau về những trận đánh đã từng tham dự.

Người lính đó kể cho tôi nghe về một trận chiến đấu lạ lùng giữa đơn vị của anh ta gồm 120 người đàn ông với một người phụ nữ. Đơn vị của anh ta gặp nhiều lều trại trong rừng sâu trên vùng núi phía tây huyện Đức Phổ. Ngay lập tức có một người nổ súng vào họ. Người lính thấy rõ nhiều người đang chạy trong rừng để trốn thoát và muốn bắt họ, vì thế họ kêu gọi người đang bắn hãy đầu hàng, nhưng đáp lại lời kêu gọi đầu hàng là thêm rất nhiều viên đạn bắn vào họ.

Đây là một người rất anh hùng bởi vì lính Mỹ được trang bị rất nhiều vũ khí vậy mà phải khá lâu mới có thể chặn lại một tay súng duy nhất. Khi thấy bị bắn tiếp, lính Mỹ bèn bắn trả và tay súng kia trúng đạn. Nhưng toán lính Mỹ không bắt được ai khác nữa. Khi đến được nơi người kia nằm toán lính Mỹ nhận thấy người đó đang bảo vệ các bệnh nhân trong một bệnh viện. Trên xác người phụ nữ đó có một khẩu CKC và một cái túi vải bạt đựng vài cuốn sổ và sách vở.

Fred (Tr.259)

Phải chăng ông Fred sợ rằng gia đình không tin câu chuyện kể của mình , nên ông Fred đã cẩn thận nhấn mạnh lần thứ hai qua bức sau:

9g44, Thứ Hai, 2-5-2005.

Thưa bà Trâm.

Và giờ đây thắc mắc của tôi đã được giải đáp. Trận đánh mà người lính nọ tả lại cho tôi đúng là điều đã xảy ra. Con gái bà đã một mình chiến đấu với 120 lính Mỹ để bảo vệ các bạn mình.

Ở bất cứ đất nước nào trên thế giới điều đó đều được gọi là ANH HÙNG và những người anh hùng đều được tất cả mọi người tôn kính, dù người đó là đàn ông hay đàn bà. Thế giới phải được biết về sự dũng cảm

của con gái bà và mãi mãi học hỏi được điều gì đó từ tình yêu và những suy nghĩ của chị. Fred (tr. 261)

Thư ông tiến sỹ Frederic Whithurs qua nội dung bức thư tự giới thiệu:

Thứ Ba, 3.5.2005

Hiền và Hồ thân mến,

.... Khi trở về nhà sau chiến tranh, thân thể tôi chỉ bị thương chút ít nhưng trái tim tôi bị tổn thương. Ngay sau khi trở về tôi quay lại trường đại học và tiếp tục học môn hóa. Học xong đại học tôi tiếp tục làm tiến sĩ về hóa học ở đại học Duke trong năm năm rưỡi. Tôi nhớ đó là một thời gian rất khó khăn. Khi làm luận án tiến sĩ tôi cần có người tài trợ, và giáo sư hướng dẫn của tôi chọn người tài trợ là quân đội Mỹ. Nhưng họ muốn tôi nghiên cứu về các vật liệu có chứa phốt-pho. Những nghiên cứu như thế có thể giúp phát triển một cuộc chiến tranh khí hóa học. Tôi tức giận từ chối và nói với giáo sư là tôi sẽ thôi không nghiên cứu nữa. Tôi sẽ không để cho người ta sử dụng mình để giết người một lần nữa. Giáo sư nói với tôi rằng một ngày kia tôi sẽ hiểu bất cứ điều gì do con người sáng tạo ra sẽ có một kẻ tìm cách sử dụng nó với những mục đích hủy hoại, đồng thời sẽ có người khác tìm cách sử dụng nó với mục đích tốt đẹp. Dẫu thế tôi vẫn từ chối và cuối cùng đề tài nghiên cứu của tôi là hóa học các-bon. Sau khi nhận được bằng tiến sĩ hóa học vào năm 1980 tôi tới Texas để tiếp tục học tập và nghiên cứu, nhưng chẳng bao lâu tôi nhận thấy không thỏa mãn. Vậy là tôi lại làm việc cho chính phủ Mỹ một lần nữa và trở thành một nhân viên của FBI. Suốt bốn năm, mặc dù là tiến sĩ hóa học nhưng tôi lại làm một thám tử đặc biệt của FBI chuyên điều tra các vụ cướp nhà băng, bắt cóc trẻ em, các vụ ma túy có liên quan đến heroin, cần sa, cocain và các chất gây nghiện khác. Sau đó tôi chuyển tới làm ở một phòng thí nghiệm về các tội phạm hình sự của FBI, Washington D.C. Chính ở đó tôi đã trở nên nổi tiếng cả ở trong nước lẫn quốc tế. Các bạn thử gõ tên tôi trên Internet và xem người ta đã viết những gì. Cuối cùng tôi đã kiện Tổng thống Mỹ, Tổng Luật sư, Giám đốc FBI, Cơ quan FBI, Bộ Tư pháp Mỹ và Chính phủ Mỹ. Đó là cả một câu chuyện dài về một người đàn ông không làm ngơ trước những sai trái. Năm 1998, sau khi thắng tất cả các vụ kiện, tôi về hưu sớm, quay về sống ở cái xóm nhỏ Bethel để tiếp tục công việc và chăm sóc cha mẹ tôi. Năm 2000 cha tôi qua đời nhưng mẹ tôi còn sống và là một kho báu đối với gia đình tôi cũng như đối với tôi. Vì tôi có học luật trong những năm từ 1992 đến 1996 ở Đại học Georgetown ở Washington

DC cho nên từ khoảng hai năm rưỡi nay tôi bắt đầu hành nghề luật... Fred (Di sản DTT - Talawas)

Ông là người có nhiều kinh nghiệm thực tế và kiến thức uyên bác như trên thì tôi không nghĩ là ông không biết (trừ phi ông cố tình không muốn biết) câu chuyên của người lính vô danh cách đây 35 năm chỉ là DỐI TRÁ, là HƯ CẤU. Thế mà ông vẫn cố tình tin là sự thật (?) để tạo dựng nên một mẫu anh hùng ĐẶNG THÙY TRÂM thì người viết đành phải đặt nghi vấn về sự trong sáng của cá nhân ông trong công việc lưu trữ nhật ký này bởi những nghịch lý sơ đẳng như sau:

4.1.1.- Quân số và đơn vị: Trước 1975 hệ thống binh quyền của lính Mỹ và VNCH được tổ chức theo lý thuyết là đơn vị nhỏ nhất là tiểu đội gồm 12 người, 3 tiểu đội gộp lại thành một trung đội, và ba trung đội thành một đại đội và 3 đại đội thành 1 tiểu đoàn. Và lệnh tác chiến phân bổ theo đơn vị chứ không theo số người dù rằng trên thực tế quân số đơn vị luôn luôn thiếu do hao hụt bởi cuộc chiến không bổ sung kịp. Như vậy con số 120 người lính nói trên thuộc bao nhiêu đơn vị? Một đại đội quá thừa, mà hai đại đội quá thiếu quân số không phù hợp với thực tế. Như vậy chỉ có thể kết luận đây là con số 120 lính Mỹ chỉ là con số phóng đại trong cuộc hành quân nói trên. Phóng ảnh tr.290 báo cáo quân sự cho thấy chỉ có một trung đội hành quân lúc bấy giờ tức là dưới 36 người.

4.1.2.- Vũ khí, hỏa lực: Sau cuộc tổng tấn công năm Mậu Thân, không kể các loại súng cộng đồng, hay đại liên, vũ khí cá nhân của hai bên cuộc chiến đã hoàn toàn thay đổi. Lính miền Bắc sử dụng AK.47, riêng lính Mỹ và VNCH sử dụng súng M.16, M.15 đây là những loại súng tự động, bắn liên thanh hàng loạt với tốc độ nhanh, sát thương nhiều. Còn những loại súng bán tự động như carbin M.1, M.2, garant M.1, CKC không còn được dùng trong trực tiếp chiến đấu nữa vì hỏa lực yếu, tốc độ bắn chậm, dễ trở ngại tác xạ, các loại súng này chỉ được sử dụng canh gác thứ yếu ở những đơn vị phòng thủ cơ sở, hay nhát ma mà thôi.

Do vậy với hỏa lực SKS (?) chỉ có khả năng bắn tia bắn lén rồi chạy trốn làm gì có trực diện chiến đấu với 120 lính Mỹ. Vì chỉ cần nổ phát súng, lộ mục tiêu là banh thây ngay tích tắc chứ làm sao mà có thể cầm cự khá lâu. Đây là một sự hoang tưởng.

4.1.3.- Thực tế hành quân: Đội hình hành quân căn bản ở quân trường đã dạy, nhất là lính Mỹ lại càng được huấn luyện kỹ lưỡng hơn nữa, để tránh nhiều thương vong thì khi hành quân thường dùng đội hình quả trám hay đội hình hàng ngang và luôn luôn có toán trinh sát đi đầu. Như vậy DTT

bất quá chỉ đụng phải toán trinh sát nhỏ này là đã chết bởi hỏa lực yếu kém của mình, đâu còn thời gian chờ 120 lính Mỹ đàng sau đi tới để chiến đấu trở thành anh hùng.

4.1.4.- Trở lại lời văn viết trong thư: "Ngay lập tức có người nổ súng vào họ. *Người lính thấy rõ nhiều người đang chạy trong rừng để trốn thoát và muốn bắt họ, vì thế họ kêu gọi người đang bắn đầu hàng, nhưng đáp lại lời kêu gọi là thêm rất nhiều viên đạn bắn vào họ.*

Đây là một người rất anh hùng bởi vì lính Mỹ được trang bị rất nhiều vũ khí vậy mà phải khá lâu mới có thể chặn lại một tay súng duy nhất. Khi thấy bị bắn tiếp, lính Mỹ bèn bắn trả và tay súng kia trúng đạn"

Trong hành quân tác chiến, địch nổ súng vào mình tại sao không bắn trả theo phản xạ chiến trường, theo qui luật bất thành văn bắn chậm là chết, mà lại kêu gọi đầu hàng? Tại sao thấy người chạy trốn lại không bắn hay đuổi theo, trong khi muốn bắt họ? tại sao súng SKS lại có thể bắn được nhiều viên đạn bắn vào lính Mỹ mà 120 tay súng bắn lại khá lâu mới chặn được? Cũng là những điều nghịch lý.

4.1.5.- Đặng Thùy Trâm chiến đấu như một ANH HÙNG?

Chúng ta hãy nghe lời tự thuật của DTT trong nhật ký:

27-7-69 (Tr.173)

Bây giờ rất khó đi vì pháo bắn nên chị không thể dẫn đi được. Quả nhiên chưa nói dứt lời pháo đã nổ chát bên tai, lửa rực sáng cả khu vực mình ở. Đành phải ở lại nhà chị Thịnh đêm nay một đêm đầu tiên mình phải sống bơ vơ không có ai đảm bảo cho mình ngoài những người dân đối với mình chỉ có một tình thương bình thường gần 3 năm nay đi đâu mình cũng vô tư mặc dù giữa tình hình rất căng thẳng mình vẫn yên tâm vì đã có người bảo vệ mình chu đáo, dựa vào họ mình không phải lo lắng gì cả. Đêm nay chỉ một mình mình lần đầu tiên kể từ ngày bước chân vào Nam mình phải suy nghĩ, địch càn xuống mình sẽ chạy đi đâu, nếu chúng tập kích vào đêm nay thì phải xử trí thế nào? Cần liên hệ với ai để có công sự ở

Tính vào thời điểm tháng 7-69, sau 3 năm vào Nam, DTT chưa một ngày trực tiếp chiến đấu, chưa hề cầm súng, đi đâu có người bảo vệ, chưa biết phản ứng ra sao khi địch tấn công.

Trong thư ông mô tả DTT một mình chiến đấu như là anh hùng, có phải DTT đã tự nguyện hay là bị bắt buộc chiến đấu? bị bỏ rơi không lối thoát? và đây là câu trả lời từ trong nhật ký DTT:

8.4.69 (Tr.139)

Địch càn, vào gần đến máng nước, còn một chút xíu nữa là cơ đồ của

bệnh xá tan hoang. Biết địch gần sát bên nách mà sao mình bình tĩnh lạ lùng. Sau khi đưa thương binh đến chỗ trốn rồi mình quay lại đứng trong phòng mổ. Mình muốn thử xem nếu địch vào đến đây mình có đủ can đảm và linh hoạt giải quyết như những người thường hay ở lại hay không. Cuối cùng địch không vào và đêm đó mình lại ngủ ngon lành trong căn phòng trống trải lộn xộn giữa cảnh chạy càn.

28.4.69 (Tr.145)

Dù đã dự kiến trước nhưng khi tình huống xảy ra vẫn có những cái lận đận vất vả vô cùng. Sáng nay theo tinh thần cuộc họp ban lãnh đạo bệnh xá đêm qua, toàn bộ số thương binh nặng và đi lại khó khăn chuyển sang trường Đảng vì thấy địch có khả năng lùng sục vào bệnh xá.

Chưa đến 6 giờ mình giục anh em chuyển thương binh đi rồi cũng tay xách nách mang theo anh em. Khiêng lên khỏi dốc trường Đảng, mồ hôi ai nấy chảy dài trên mặt nhưng không thể chần chừ nghỉ cho ráo mồ hôi được, mình đành động viên anh em quay lại khiêng nốt ba ca thương còn lại ở sau.

Chưa đầy một giờ ba mươi phút sau, mấy loạt súng nổ gần bên tai, mình nghĩ thầm chắc địch đã đến trạm trực nên quay vào báo cho thương bệnh binh chuẩn bị tư thế. Chưa kịp làm gì thì anh em du kích dân tộc hốt hoảng chạy vào báo địch đã vào đến máng nước rồi và tất cả nhân dân hối hả chạy.

Tất cả lực lượng khiêng thương binh đều chưa về đây, nhìn lại còn năm cas phải khiêng mà chỉ có mình, Tám và mấy đứa học sinh đợt I đang chuẩn bị đi về. "Không thể bỏ thương binh được, phải cố gắng hết sức mình khiêng thương binh, các đồng chí ạ!". Mình nói mà lòng thấy băn khoăn khi trước mặt mình chỉ là mấy đứa thiếu nhi gầy ốm, mảnh khảnh. Tình thế nguy nan, Tám và Quảng hớt hải chạy đến báo tin địch đã vào đến suối nước chỗ tắm rồi.

Mấy cas thương được chuyển đi, còn lại Kiệm - một thương binh cố định gãy xương đùi. Không biết làm sao mình gọi Lý - con bé học sinh - lại cùng khiêng. Kiệm lớn xác, nặng quá hai chị em không thể nào nhấc lên được. Ráng hết sức cũng chỉ lôi được Kiệm ra khỏi nhà được một khúc, mình đành bỏ đó đi gọi anh em đến chuyển giùm. May quá lại gặp Minh, Cơ - hai đứa vừa thở vừa báo tin địch đã bắn chết đồng chí Vận - thương binh. Mấy chị em khiêng Kiệm chạy xuống hố trốn tạm một nơi.

Một giờ sau mới tập trung đông đủ được số thương binh lại, chỉ thiếu một mình Vân, còn cán bộ thì vắng chín đồng chí.

DTT đã bị bỏ rơi một mình với 5 thương binh nặng. Một giờ sau 9 cán bộ vẫn chưa về.

Hãy đọc tiếp trang nhật ký cuối cùng:

20.6.70 (Tr.255)

Đến hôm nay vẫn không thấy ai qua. Đã gần 10 ngày kể từ hôm bị bom lần thứ hai, mọi người ra đi hẹn sẽ trở về gấp đến đón bọn mình ra khỏi khu vực nguy hiểm mà mọi người nghi là Điệp đã chỉ điểm này. Từ lúc ấy, những người ở lại đếm từng giây phút, 6 giờ sáng mong chờ đến trưa, trưa mong cho đến chiều... Một ngày, hai ngày.. rồi chín ngày đã trôi đi mọi người vẫn không trở lại! Những câu hỏi cứ xoáy trong đầu óc mình và những người ở lại. Vì sao? lý do vì sao mà không trở lại. Có khó khăn gì? Không lẽ nào mọi người lại đành đoạn bỏ bọn mình trong cách này sao?

Không ai trả lời bọn mình cả, mấy chị em hỏi nhau, bực bội, giận hờn rồi lại bật cười, nụ cười qua hai hàng nước mắt long lanh chực tràn ra trên mi mắt.

Hôm nay gạo chỉ còn ăn một bữa chiều nay là hết. Không thể ngồi nhìn thương binh đói được. Mà nếu đi, một người đi thì không đảm bảo, đường đi trăm nghìn nguy hiểm còn nếu đi hai người thì bỏ lại một người nếu có tình huống gì xảy ra thì sao? Và không nói gì xa xôi, trước mắt trời sẽ ập nước xuống, một mình loay hoay lam sao cho kịp, chăng nilon trước thì sợ máy bay! Cuối cùng phải hai người đi chị Lãnh và Xăng ra đi, mình đứng nhìn hai người chị quần xắn tròn trên vế, lặn lội qua dòng suối nước chảy rầm rầm, tự nhiên nước mắt mình rưng rưng.

Qua những trang thư trên có thể kết luận rằng DTT chưa hề có một ngày trực tiếp cầm súng chiến đấu, DTT làm công tác hậu cần săn sóc thương binh, và đã từng bị bỏ rơi một mình khi có tình huống địch càn, và không có có kinh nghiệm ứng xử lúc lâm trận thì làm gì có chuyện anh hùng chống 120 lính Mỹ. Cũng giống như hình ảnh những cán binh mặt còn búng ra sữa, không biết lý do vì sao mà phải đi chiến đấu, bị xích lại trong xe tăng lầm lũi tiến đến trong lửa đạn vì số lùi đã bị phá hỏng trong tết Mậu Thân tại thành Nội Huế. Cũng được ca ngợi là anh hùng?

DTT chết trong hoàn cảnh bỏ rơi một mình chỉ là trường hợp vắt chanh bỏ vỏ mà thôi.

4.1.6.- Thương binh ở đâu:? Theo mô tả tình huống trong lá thư ngày 17-06-70 (Tr.253)

"Ngày này Moran không quân, không khí im lặng thỉnh thoảng từng đợt những chiếc HU1A quần sát trên đồi, chắc chắn địch ở quanh khu vực

này. Chỉ có ba chị em gái ở nhà cùng với năm thương binh cố định"

Ngày 20.6.70 hai người đi tìm lương thực, chỉ còn lại một mình DTT và 5 thương binh nặng nằm một chỗ.

Ngày 22.6.70 DTT chết tại sao không bắt được người nào? Vậy 5 thương binh ở đâu? Không lẽ 120 lính khỏe mạnh không chạy kịp 5 thương binh nằm tại chỗ?

4.1.7.- Tiếng chân người? Với tình huống hiện trường như trên, thì một nghi vấn đặt ra là tiếng chân người chạy là ai? ở đây có nhiều kịch bản xảy ra trong ngày 21 và 22 như sau:

• KB1: Đoàn người không về. DTT phải chiến đấu cản đường với cây súng SKS để cho thương binh trốn thoát? Những thương binh nằm liệt giường mà còn khả năng chạy tạo nên tiếng chân thình thịch cho lính Mỹ nghe thấy? Với khoảng cách giữa địch và lính Mỹ phải rất xa? Nếu gần thì đã bị bắt vì chạy chậm hoặc đã chết vì nằm trong tầm hỏa lực của súng Mỹ.

• KB2: Đoàn người đi, đã trở về, nhưng trước tình huống địch tới đã bỏ chạy, bỏ rơi DTT một mình, với 5 thương binh.

• KB3: Đoàn người đã trở về cứu 5 thương binh, thì tại sao DTT lại không đi theo để săn sóc đó là nhiệm vụ chính của mình. Tất cả đi hết rồi, DTT ở lại chiến đấu làm gì?

Ba kịch bản trên đây đều là nghịch lý. Và DTT đã nghi ngờ trong nhật ký là hợp lý theo kịch bản 4:

• KB: Tiếng chân người chạy là hư cấu vì thực tế trong tình hình nóng bỏng vào thời gian đó, không có ai về, để đem thương binh và DTT đi cả. Lời DTT đã nghi ngờ là bị bỏ rơi là đúng sự thật.

4.1.8.- Vết thương nạn nhân: Theo mô tả DTT nằm chết với cây súng, không thấy mô tả hầm trú ẩn, cho thấy DTT nằm chết trên mặt đất. Chỉ có một dấu đạn duy nhất trên trán nạn nhân (lời xác nhận của gia đình DTT). Đây là một điều nghịch lý vì với một người chiến đấu trên mặt đất trước hàng trăm viên đạn của 120 cây súng liên thanh tự động mà chỉ có một vết thương duy nhất?

Những ai đã từng tập bắn bia ở xạ trường sẽ biết rõ chỉ cần một tiểu đội bắn vào một tấm bia nhỏ (chứ đừng 120 cây súng bắn vào một con người) sẽ biết có bao nhiêu dấu đạn.

Với vết thương này chỉ có thể kết luận là bị lạc đạn chết mà thôi. Chứ không thể là vết thương của người trực tiếp chiến đấu trước số đông người được.

4.1.9.- Súng SKS hay CKC? Trong thư ông Fred xác nhận cây súng

trên mình DTT là súng SKS và ông đã giải thích:

Thứ Sáu, 6.5.2005

Em gái Kim,

... Kim hỏi về súng SKS. Em Kim ạ, tôi tin chắc câu chuyện mà người lính Mỹ nọ kể cho tôi nghe chính xác là về chị của các bạn. Người Mỹ gọi đó là súng trường SKS, đó không phải là AK47 mà là một khẩu súng bán tự động bắn từng phát một. Nhưng dù cho đó là súng gì thì cũng không khiến chúng ta phải ngờ ngợ về những giây phút cuối cùng của cuộc đời chị Thùy cũng như những hành động cuối cùng của chị. Mọi chi tiết khác quá giống nhau qua những câu chuyện bạn chị kể lại cũng như câu chuyện của người lính Mỹ kia.

Anh trai Fred. (Di sản DTT - talawas)

Với lời giải thích này ông đã xác quyết rằng trên xác DTT có cây súng SKS là loại súng bán tự động.

Nhưng thực tế trên chiến trường Việt Nam không hề có loại súng nào tên SKS cả mà chỉ có loại súng CKC hoặc SKZ mà thôi. Người biên tập đã sửa đổi súng SKS thành CKC như một lời xác nhận sự thật này. Không thể có sự lầm lẫn được, mà có thể giải đáp là không có cây súng đó hay chỉ là sự bịa đặt.

4.2.- THƯỢNG SĨ NGUYỄN TRUNG HIẾU:

Đây là nhân chứng thứ hai mà ông Fred đã kể ra trong thư với gia đình DTT:

5.2.1- Thứ bảy, 30.4.2005

Hiền và Kim,

Tôi nhớ rõ cái ngày đó tựa như hôm qua. Người lính đó là thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu, là phiên dịch cho đơn vị tôi. Anh ấy là một người bạn rất thân của tôi. Hôm ấy chúng tôi nhận được rất nhiều tài liệu, và sau khi đã tìm kiếm các tài liệu có giá trị quân sự chúng tôi bèn đem chất đống chúng lại để đốt. Trong khi tôi đang đốt các tài liệu thì Hiếu chặn tôi lại. Tay Hiếu cầm cuốn sổ nhật ký của chị các bạn và nói: "Fred, đừng đốt cuốn sổ này. Bản thân trong nó đã có lửa rồi." Tôi vô cùng cảm động thấy Hiếu có thể kính trọng một kẻ thù nên làm theo lời anh. Nhiều đêm sau đó chúng tôi đã ngồi bên nhau và bắt đầu dịch cuốn nhật ký.

Nhưng chẳng được bao lâu, chiến tranh khiến tôi phải gác cuốn nhật ký qua bên. Khoảng một năm sau đó, trong khi tôi dịch thêm một số tài liệu với Hiếu thì anh lại một lần nữa nói với tôi rằng đây là cuốn nhật ký

thứ hai của cô bác sĩ.

Fred (Di sản DTT - talawas)

Những nghi vấn trong câu chuyện này như sau:

– Tại sao Nguyễn Trung Hiếu biết quyển nhật ký của DTT có lửa? Trong khi tài liệu do chính tay ông Fred nhận được, đích thân tuyển chọn, số còn lại sửa soạn đốt đi.

– Ông Hiếu đã đọc tài liệu lúc nào? Tại sao lúc đọc phát hiện nhật ký có lửa lại không để riêng hay báo cho ông Fred biết để lưu ý, mà phải chờ lúc ông Fred đem thiêu hủy mới ngăn cản?

– Tại sao ông Hiếu biết quyển nhật ký (1970) là của Đặng Thùy Trâm trong khi trên bản nhật ký này ở trang đầu trang cuối không có ghi tên họ người viết nhật ký?

– Tại sao một năm sau, Hiếu lại có quyển nhật ký thứ hai (1968-1969)? Tại sao ông Fred không đặt ra nghi vấn về cuốn nhật ký này trong tay Hiếu? Đây là một trong hai cuốn nhật ký mà DTT đã bị ăn cướp theo như đã ghi trong nhật ký ngày 15-01-70 (Tr.216). Tính từ thời gian này đến ngày DTT chết 22-6-70 là hơn 5 tháng cộng thêm một năm sau tính từ ngày Fred nghe lời Hiếu nói nhật ký có lửa. Như vậy là cuốn nhật ký 68-69 đã lưu lạc trên dưới 18 tháng mới xuất hiện trong tay Hiếu để đưa cho ông Fred. Ở đây có 4 kịch bản xảy ra:

• KB.1: Cuốn nhật ký thất lạc trong rừng, 18 tháng sau Hiếu nhặt được? Đây là chuyện hy hữu khó xảy ra vì sau 18 tháng tập sách phơi mưa nắng khó có thể còn nguyên vẹn và Hiếu cũng khó có thể tình cờ may mắn như vậy được.

• KB.2: Cuốn nhật ký này bị lính Mỹ hay lính VNCH tịch thu thì với thời gian này đã bị xử lý hoặc thiêu hủy rồi.

• KB.3: Đơn vị của Fred đã tịch thu từ lâu mà Hiếu đã ém lại để 18 tháng sau mới đưa ra lại càng nghịch lý.

Tóm lại ba kịch bản trên đây không có tính xác thực và khả thị. Vậy chỉ còn duy nhất kịch bản sau đây là hợp với tình huống trên mà thôi:

• KB.4: Cuốn nhật ký thực tế không bị ăn cướp, mà chính ban phản gián hay chính trị của đơn vị Thùy Trâm ăn cướp mà không cho DTT biết. Hành động này nằm trong kế hoạch đã được dàn dựng sẵn (?).(Sẽ có kết luận ở phần sau)

4.2.2.- Theo báo Tuổi trẻ số 21.10.2005 - bài hành trình đi tìm Nguyễn Trung Hiếu kỳ cuối:

Ông Hiếu đã tiết lộ một tình tiết thú vị liên quan đến bài thơ Núi Đôi: Khi cuốn nhật ký lọt vào tay Nguyễn Trung Hiếu, một mảnh giấy rời chép nguyên văn bài thơ Núi Đôi được kẹp giữa những trang viết.

Nguyễn Trung Hiếu mê mẩn những câu thơ và đã đánh liều giữ lại nó cho mình trước khi đưa cho Fred cuốn sổ nhỏ. Tiếc là đến giờ ông không còn giữ được trang giấy viết tay mà ông cho đó là của người bạn tên MINH mà chị Thùy Trâm nhắc tới trong nhật ký đã chép tặng chị.

Tại sao trong nhật ký không kể lại chuyện M tặng bài thơ Núi Đôi? Một sự kiện quan trọng trong đời sống tình cảm của DTT. Trong nhật ký ngày 14.8.1968 (Tr.72) DTT chỉ ghi là Khiêm cũng rất thích bài "Núi đôi". "Quê hương"... mà không hề nhắc nhở gì đến M. cả.

Tại sao Nguyễn Trung Hiếu biết rõ tên Minh người yêu của Thùy Trâm là tên hoàn toàn viết tắt M. trong nhật ký?

4.3.- NHÂN CHỨNG CHÍNH QUYỀN:

Anh Tâm bí thư huyện ủy Đức Phổ hiện nay, cho biết anh được nghe kể lại trước khi hi sinh chị còn hô vang: "Hồ Chí Minh muôn năm. Đả đảo đế quốc Mỹ" (Tr.258)

Lời hô này xảy ra trước hay sau khi bị bắn? Trước khi chết không lo chiến đấu, mà hô khẩu hiệu để lộ mục tiêu ẩn núp cho địch bắn chết? Nếu sau khi bị bắn với viên đạn vào trán thì có còn thở được không chứ đừng nói là hô to. Viên đạn ở trán cũng giống như phát súng ân huệ của người chỉ huy bắn vào đầu tội phạm nơi pháp trường.

Thiên Đức

Một người thông minh & lương thiện thì không thể cộng sản,
Một người thông minh mà cộng sản thì không thể lương thiện, &
Một người lương thiện mà cộng sản thì chắc chắn không thông minh.
nguyễn quốc chánh

chuyện làng ngày ấy

VÕ VĂN TRỰC

(tiếp theo)

VII
VÌNH BIỆT NHỮNG CÂY CỔ THỤ

Làng tôi nằm giữa vùng đồng chiêm trũng. Dân cư quanh năm nghèo đói. Hầu hết là nhà gianh vách đất. Nhưng nhờ có những cây cổ thụ mà xóm mạc trở nên sầm uất. Mỗi cây gắn liền với một chuyện kể, một bài vè hoặc một câu ca. Cổ thụ là tình yêu là máu thịt của quê hương. Bao nhiêu thế hệ nối tiếp nhau sinh ra, lớn lên và qua đời, gửi lại cho cây những chứng tích kỳ diệu của thời gian.

Thế mà những ngày hôm nay, những ngày tháng sục sôi của cách mạng, những ngày tháng phồn thịnh của tinh thần dân quê, hàng chục cây cổ thụ lần lượt nằm xuống! Như những lão tướng xông pha trận mạc, bão bùng, sấm sét, không còn được sự chiêm ngưỡng của dân gian nữa, xin hãy vĩnh viễn lùi về quá khứ. Hầu như trong tâm tưởng của một số người nào đó, trong một phút cuồng nhiệt, họ muốn chặt phá đi tất cả những cái gì xưa cũ để rồi vun trồng lên những gì non tơ hơn, mới mẻ hơn, giàu sức sống hơn. Và từ một số ít người, ý nghĩ đó được lan truyền, được kích động vào số đông. Thế là chính những con người đã tự tay mình chăm bón, đã từng gắn bó máu thịt cuộc đời mình với cây, lại thản nhiên xông ra chặt cây.

Tuổi lên chín lên mười tôi vừa được chứng kiến những ban mai cờ dâng rợp trời vừa đau lòng nhìn thấy những vòm cây khổng lồ bị hạ xuống.

Theo bác Chắt Kế, những thân cây to lớn này và những cồn đất làm địa thế cho cây mọc lên, địch có thể lợi dụng làm pháo đài. Vì thế, phải phá tất, chặt tất! Làng xóm và đồng điền quang quẻ, trơ trụi, vô duyên như mặt người cạo nhẵn thín lông mày.

Cây muỗm nơi đền thờ Bạch Y Thần dễ chừng cao tới bốn, năm chục mét. Cách xa mười cây số có thể thấy ngọn cây mờ xanh như một đám mây.

Mỗi lần tôi sang bà ngoại một mình, mẹ tôi dặn: "Lúc về, nhỡ may bị lạc đường, con cứ nhìn ngọn cây muỗm mà đi."

Dáng cây thẳng tắp. Cành tỏa đều đặn xung quanh. Càng lên cao càng bé dần. Từ xa trông tới, cây giống như cái tháp xanh hùng vĩ.

Sự tích cây muỗm gắn liền với sự tích ngôi đền. Lúc đầu các già làng định xây đền ở nơi khác, nhưng khi khởi công thì thấy cây muỗm mọc lên ở khu đất cao ráo này. Cây lớn rất nhanh, mỗi ngày cao thêm chừng năm gang. Xung quanh gốc, cỏ chết hết. Đến ngày thứ chín, mây vần vũ trên khu đất, một tiếng sấm nổ ra rồi một bóng áo trắng bay lên trời. Sáng hôm sau, cây muỗm bỗng tốt quá đầu người và tỏa tán xanh mướt.

Các cụ bảo đó là điềm thiêng, khu đất cao ráo này mới là nơi Thần ngự, bèn bỏ địa điểm cũ, quyết định xây ngôi đền tại đây.

Cây muỗm và ngôi đền đã từng gắn bó với nhau hàng trăm năm nay như sông với núi, như trời với đất, như âm với dương, thế mà bây giờ phải chia lìa nhau!

Sáng hôm ấy, hơn mười trai làng vác rìu ra chặt thì chợt thấy chân hương cắm chi chít quanh gốc. Họ có cảm giác chờn chợn, gây gây lạnh. Nhiều bó hương còn ngun ngún cháy, chốc chốc lại bùng lửa. Khói bốc lên nhiều đến nỗi ám lại như sương trên những cành lá um tùm. Họ làm "kế hoãn binh", ngồi tán dóc, uống nước chè xanh, hút thuốc lào sòng sọc. Bác Chắt Kế bước tới: "Các đồng chí chưa bắt đầu chặt à?" Họ lúng túng chưa biết trả lời thế nào thì một thanh niên chỉ cho bác thấy chân hương cắm đỏ quanh gốc muỗm. Bác hiểu ý, tỏ vẻ tức giận, đôi mắt sáng quắc sau mặt kính cận: "Hử... Các đồng chí lại mê tín dị đoan à?... Hử!... Tối hôm qua bọn phản động lại bày ra cái trò này để cản trở công cuộc kháng chiến kiến quốc... Hử!...". Mãi về sau, dân làng mới biết rõ đầu đuôi sự việc: Một số cụ già thương tiếc cây muỗm, trong nỗi thương tiếc có pha niềm tín ngưỡng, đêm hôm trước đã ra thắp hương khấn vái lần cuối cùng để rồi vĩnh viễn không được nhìn thấy cây muỗm nữa...

Từ khi mái đền không còn được bóng cây che mát, người ta đồn rằng có một đám mây trắng ngày đêm lởn vởn trên đó ố đám mây đó chính là áo trắng của vị thần hiện về đòi lại cây xanh.

*

Cây đa Cồn Rộng đứng sừng sững giữa đồng không mong quạnh. Cây không mọc trên mặt đất bằng phẳng mà mọc trên cồn đất cao và rộng đến ba sào, cho nên cây càng được tôn lên vẻ đẹp uy nghi.

Vốn lúc đầu người ta đắp một cồn đất giữa cánh đồng trũng, rồi trồng

cây lên đó để bà con nông dân ăn trưa và nghỉ ngơi sau những giờ làm việc mệt nhọc. Cây đa dân dã ấy khi đã xanh um như hòn núi nhỏ thì trở thành cây đa thiêng: có thần cây đa trị vì và quỷ canh giữ. Người ta xây miếu nhỏ dưới gốc đa và hương khói thờ phụng những ngày mồng một, ngày rằm hằng tháng. Nơi đó không còn là nơi nghỉ mát. Người ít lui tới. Cỏ dại mọc um tùm. Cây đa bủa rễ phụ chằng chịt như những vòng tay hung dữ ôm chặt ngôi miếu. Rễ chẻ đôi bệ thờ. Rễ quấn chặt bát hương.

Những trưa hè oi ả và những đêm khuya thanh vắng, gió nam thổi ù ù, từ gốc đa vọng ra tiếng hú ghê rợn, tiếng võng đưa kẽo kẹt, tiếng ru hời ai oán. Thậm chí có người thấy cả bóng quỷ đầu trâu mặt ngựa đi lang thang. Nghe đồn rằng có một cô gái xinh đẹp ở làng chùa đi chợ về, đặt gánh ngồi nghỉ mát, quỷ đòi lấy làm vợ, cô ta khăng khăng từ chối, bị quỷ hiếp, mấy tháng sau cô đẻ ra một đứa bé mặt giống mặt ngựa.

Lũ trẻ cũng không dám vào đó chơi. Riêng thằng Bá rất liều, nhiều lần Bá rủ tôi đến bắt chim, tôi không dám đi theo, Bá đi một mình. Tôi đứng từ xa nhìn tới, thấy Bá lao thoăn thoắt từ cành này qua cành khác. Đêm về, trong giấc ngủ, tôi thấy Bá đánh nhau với quỷ và quỷ thua bỏ chạy.

- Bá ơi, người ta bàn nhau chặt cây đa Cồn Rộng!

- Ai bảo? Bá giật mình, hỏi lại tôi.

- Còn ai bảo nữa. Mai người ta chặt rồi! Một trung đội dân quân khỏe nhất ra chặt.

- Có thật không?

- Thật!

- Cách mạng to gan.

- Người ta chọn những người khỏe nhất để nhỡ ra thần thánh có vật thì cũng không vật nổi.

Sự thật diễn ra đúng như thế. Mấy chục dân quân to khỏe như trâu mộng vác rìu, búa, cưa, cuốc chim xông thẳng tới cây đa Cồn Rộng. Họ trương khẩu hiệu: "Cách mạng quyết thắng thần thánh ma quỷ!" "Đào tận gốc trốc tận rễ đầu óc mê tí dị đoan". Thế là họ hùng hục đào, cuốc, chặt. Bát hương vỡ tung tóe. Bệ thờ nát thành vôi vụn, gạch vụn. Bỗng một tổ rắn bung ra, rắn con rắn mẹ bò lổn ngổn. Tất cả bỏ chạy tán loạn. Mấy chục dân quân đánh tháo về nhà ngồi im thin thít.

Bác Chắt Kế biết được việc này, bèn cho họ một bài học về tinh thần dũng cảm của người chiến sĩ cách mạng: "Các đồng chí hãy gột sạch đầu óc cổ hủ thì mới xứng đáng là thanh niên của thời đại dân chủ cộng hòa... Hử... Thanh niên mà sợ ma quỷ, sợ rắn rết... Hử... thì tức là thanh niên của

thời phong kiến, đế quốc... Hử... các đồng chí phải ra quân dũng cảm..." Mấy chục người ngồi há mồm nghe bác diễn thuyết. Gương mặt bác vuông vức, sáng sủa, vầng trán cao, cặp kính cận long lanh càng tôn vẻ trang nghiêm của lời nói.

Sau bài học về lòng dũng cảm mà bác Chắt Kế ban ra, cây đa Cồn Rộng nổi tiếng là linh thiêng, không còn được phép tồn tại nữa.

*

Cây đa Đập Trùn tỏa rộng tán giữa cánh đồng màu. Tiết tháng Năm, vào vụ thu hoạch khoai lang, cây đa càng được đắc dụng.

Nắng chói chang. Cả cánh đồng tấp nập đàn ông, đàn bà, trẻ con, trâu bò, cày bừa, gồng gánh. Khoai dỡ lên đỏ óng chất lại thành từng đống. Ban trưa, họ ngồi quây quần dưới bóng ỷa trò chuyện. Gió nồm mát rượi. Rổ khoai lang vừa mới đổ trong nồi đất ra, bốc ra mùi mật ngọt thơm. Ăn củ khoai lúc này mới ngon làm sao. Củ khoai bẻ đôi, bùi ngậy. Khoai nghệ vàng óng như mật ong. Khoai chiêm xốp bổ trắng tinh như bột. Khoai đường trong veo.

Trên vòm cây, chim sáo sà xuống hàng trăm con, kêu ríu rít, đùa nghịch, làm rơi bộp... bộp... những quả chín vàng nứt nẻ.

Trong cái vất vả, lam lũ của người dân đồng quê thì những phút nghỉ ngơi như thế này thật là hanh phúc: mồ hôi đầm đìa, ngồi dưới bóng cây vừa nghe chim hót vừa ăn củ khoai béo ngậy đầu mùa. Thế mà bóng cây bị xóa đi, chỉ còn mồ hôi và nắng xối. Vụ thu hoạch khoai đầu tiên sau khi cây đa bị chặt, người nông dân ngồi túm tụm từng nhóm giữa nắng lửa, bàn tán:

- Lợi đâu chưa thấy, đã thấy cái hại ập đến trước mặt!

*

Cây đa xóm Bấc ở ngay đầu cổng xóm, tán tỏa rộng trùm lên ba, bốn sào đất. Dễ chừng cây có trên năm trăm tuổi, vì các cụ già gọi là "cây đa phù Lê" tức là cây đã có công giúp vua Lê đánh giặc Minh. Cây lại ở đền thờ Bạch Y Thần tức là vị thần cứu vua Lê thoát khỏi vòng vây của giặc. Nhưng chắc chắn hơn, cây có tuổi thọ chừng hai trăm năm, vì trên mình cây còn mang những vết đạn của thời kỳ Cần Vương chống Pháp.

Cây đa xóm Bấc, chứng nhân của nhiều thời đại, pho sử của làng. Bộ rễ bủa tung ra, xoắn xuýt, hăm hở, dữ dằn, trìu mến như cuộc đời người nông dân cắm sâu vào đất đai quê hương. Thớ gỗ cuồn cuộn vạm vỡ từ gốc đến ngọn. Sần sùi từng u gỗ phòi ra, rắn đanh lại. Khi cây bị xẻ, người ta còn thấy những mảnh đạn cắm sâu vào thịt làm méo mó những đường vân.

Bao nhiêu thế hệ thanh niên đã lấy gốc đa này làm nơi hò hẹn tình ái.

Đêm trăng phường vải, trai các làng lân cận thường nhóm họp nơi đây, rồi đi vào các ngả xóm hát đối đáp với những cô gái quay xa kéo sợi. Trưa hè, nắng ngột ngạt, sau bữa cơm cà với canh mùng tơi, người ta kéo nhau ra hóng mát. Tán đa trở thành mái nhà thiên nhiên lồng lộng gió. Người kể vè hát những bài vè theo điệu hát giặm: hài hước châm chọc, ngậm ngùi tình sử, hùng tráng thần tích. Không biết tự năm nào, thời nào, người ta lưu truyền câu chuyện "thần hát giặm" li kỳ và ảo não. Cô gái ấy có tài hát đối đáp với bất kỳ một chàng trai nào trong thiên hạ. Bỗng một hôm, cô gặp người trai lạ cất lên lời hát chín mươi chín câu hỏi. Cô không trả lời được và bèn hóa thân vào gốc đa. Cô vẫn được gái trai làng kính trọng và tôn là "thần hát giặm".

Có thể nói cây đa này là nơi sản sinh ra nhiều bài vè mang đậm đà tính thời sự, là quê hương của nhiều câu ca dao mượt mà, là cái nôi của nhiều mối tình dân quê trong trắng.

Bây giờ "thần hát giặm" đi đâu? Những người kể vè phiêu dạt phương trời nào? Những cặp trai gái lấy nơi nào để hò hẹn? Cây đa bị triệt hạ như tổ ấm bị phá vỡ. Một khoảng trống của nỗi tiếc thương ngày ngày hiện ra đầu cồng xóm và hiện ra trong lòng người. Cho đến bao giờ, đến bao giờ mới có vòm đa khác thay thế che rợp cái khoảng trống ấy?

*

Cây đa xóm Trung gắn liền với câu ca dao:

Xóm Trung mà đổ cây đa

Cả làng Hậu Luật đàn bà chửa hoang

Cây mọc trên một cồn đất đầu cồng xóm nhô ra cánh đồng trũng giống hình một cái b. Đối diện cồn đất đó là một cồn đất khác hình tam giác giống như một cái l. Bởi vì cái b. hoang chĩa vào cái l. hoang thì con gái sẽ chửa hoang nhiều, cho nên phải trồng lên đầu b. một cây đa để chặn lại sự dâm dục. Không biết cây đa đã trồng bao nhiêu thế kỷ rồi mà rễ phụ và rễ gốc bủa ra chằng chịt đan nhau như cái lồng nhốt chặt b. vào trong đó.

Nghe nói thuở mới trồng cây đa, cứ nửa đêm là cái cồn b. này quẫy đành đạch và cái cồn l. đối diện cũng rung lên chờ đợi. Một hôm, cồn b. quẫy mạnh quá làm đổ cây đa, tức thì trong làng có một cô gái chửa hoang. Cô ta xinh đẹp nổi tiếng và hát rất hay trong những đêm trăng phường vải. Bây giờ lỡ chuyện như thế, cha mẹ đánh đập, bà con khinh bỉ, làng đe dọa sẽ cạo trọc đầu bôi vôi, cô bèn nhảy xuống bến đò Oan tự vẫn.

Sau vụ cô gái chửa hoang làm rúng động dư luận cả vùng Nam Diễn Châu, các cụ trồng lại cây khác và nghĩ cách làm cho thần b. không quẫy

rồi nữa. Đàn bà, con gái đi chợ và đi làm đồng khi trời chưa sáng hẳn, qua cồn b. thì dừng lại, quay mặt vào cây đa, tuốt váy lên. Các bà có con gái đến tuổi cặp kê thì kỹ tính hơn, đêm đang nằm ngủ, hễ tỉnh dậy là chạy ra cồn b. kéo váy lên một chốc rồi quay về ngủ tiếp. Các bác nông dân dắt trâu cái bò cái qua cồn b. là thế nào cũng bắt trâu bò dừng lại quay đít vào cây đa. Nhà nào nghèo quá, không có trâu bò, đành bắt chó cái hoặc mèo cái làm cái động tác đó. Như vậy là thần b. đêm nào cũng được nhìn l. không quấy nhiễu nữa. Cho mãi đến lúc cây đa to lớn, cường tráng, đủ sức trị lại thần b. thì phong tục cho thần xem l. ban đêm mới được bãi bỏ. Từ đó, trong làng không có cô gái nào chửa hoang.

Chuyện xưa còn truyền lại như thế. Trong cuốn hương sử, cụ Phán Liễu có ghi lại việc này. Vậy mà bây giờ người ta dám chặt cây đa, thật là to gan. Các cụ sợ, sợ mà không dám nói thành lời. Một số cụ không cho con trai mình đi chặt cây, nhưng ngăn cản thế nào được thanh niên thời đại mới. Họ xông ra chặt bảy ngày bảy đêm thì triệt hạ được cây đa. Riêng cái gốc, rễ cái rễ phụ nhiều quá và ăn sâu quá, đành chừa lại. Cây đa này rất to, bốn, năm người ôm mới khít vòng tay. Cây hạ xuống, cưa thành nhiều khúc, chở lên đường quốc lộ số bảy làm ụ kháng chiến.

Các cụ nói có sai đâu. Sau khi chặt cây đa, chuyện cũ lập lại, ba cô gái trong làng chửa hoang. Đau đớn thay cho cái làng từ xưa đến nay nổi tiếng là phép tắc nghiêm ngặt, nhiều người học hành đậu đạt. Thế mà bây giờ có con gái chửa hoang, không phải một mà những ba cô. Các bậc làm cha mẹ tỏ vẻ bất bình, tuyệt nhiên không cho con gái đi ngủ tập trung ban đêm ở trụ sở dân quân, tự vệ nữa.

Một hôm, lũ trẻ chúng tôi thả trâu ngoài đồng, rủ nhau đi cắt cỏ, chợt thấy trong bụi rậm một hình hài nhi đỏ hỏn. Mấy đứa chúng tôi nhìn nhau tái xanh mặt. Tôi bỏ chạy. Những đứa trẻ khác cũng bỏ chạy. Riêng thằng Bá trấn tĩnh lại rất nhanh. Bá gọi chúng tôi đứng quây quần, phân công mỗi đứa một việc: đứa thì đào hố, đứa thì chạy về nhà lấy giẻ để bọc hài nhi, tôi ra chợ mua hương. Dưới sự chỉ huy của thằng Bá, chúng tôi tổ chức một đám tang chu đáo cho em bé chưa kịp cất tiếng khóc chào đời đã phải về bên kia thế giới. Tôi cắm nén hương lên ngôi mộ nhỏ, nước mắt đầm đìa.

Chỉ sau vài tiếng đồng hồ là chuyện này loang ra khắp làng. Người ta xôn xao bàn tán. Mẹ của đứa bé là ai? Mẹ nó là người làng mình hay người làng khác? Sinh đẻ giữa trời giữa đất thế này, mẹ nó có còn sống được không?

*

Cả tổng Thái Xá chỉ có một trường tiểu học. Trường ở cạnh làng tôi. Sân trường có ba cây phượng tuổi thọ đến gần nửa thế kỷ. Bóng rùm ròa tỏa mát khoảng sân rộng chừng ba sào đất. Hoa phượng là hình ảnh thân thương của lứa tuổi học trò. Khi tiếng ve dóng dả thì hoa phượng cũng nở đỏ như ba vòm pháo bông khổng lồ. Hoa rụng xuống sân dầy đặc như một tấm thảm đỏ.

Trước cách mạng tháng Tám, tôi được cắp sách đến trường chừng vài năm. Tôi chỉ được hưởng hai mùa hoa phượng, nhưng suốt đời tôi không thể nào quên màu hoa ấy. Đằm thắm dường bao cái sắc đỏ của tuổi thơ, cái sắc đỏ của muôn vàn kỷ niệm không bao giờ phai nhạt. Sắc đỏ ấy là trang vở trắng tinh khôi, là tình yêu bè bạn, là lòng kính trọng thầy giáo.

Khi trận bão quật đổ cây phượng ở giữa thì cả trường náo động như một sự kiện bi thảm. Thầy trò ra sức dựng cây phượng lên, nhưng không thể nào dựng được, rễ cái bị bật chỏng chơ trên mặt đất. Cây nằm xoài ngang sân đau đớn, dường như van lơn chúng tôi! "Các bạn ơi, lẽ nào các bạn lại bỏ tôi, hãy cứu tôi!" Thầy giáo cứ đứng lặng tê tái, ngậm ngùi nói: "Em nào tìm cách dựng cây phượng sống lại thầy cho ba điểm 10". Nhưng dựng thế nào được nữa thầy ơi. Vĩnh biệt!...

Thầy giáo Cư quê ở Nam Định, vào làm giáo học ở đây khi còn trai trẻ, rồi lấy vợ, sinh con, lập cơ nghiệp tại cái làng nghèo khổ này của xứ Nghệ. Mảnh đất quê người hóa thành tổ ấm của thầy hơn bốn chục năm. Ngôi trường nhỏ là tất cả tình yêu của thầy. Ngoài giờ dạy, thầy tu sửa, chăm chút quanh trường. Khi tấm biển trước cửa trường nhạt nước sơn, tự tay thầy quét lại sơn trắng và viết lại mấy chữ bằng sơn xanh l'école de Thaixa. Mỗi lần theo cha đến chúc mừng thầy trong dịp tết Nguyên Đán, tết Đoan Ngọ, tôi sung sướng như được sống trong ngày hội. Tôi mặc chiếc áo mới, xách túi quà, tung tăng đi cùng cha đến nhà thầy, lòng nôn nóng mong chóng tới để cúi xuống lễ phép cất lời "kính chào thầy" và nghe thầy khen "cháu dạo này học giỏi lắm".

Gần nửa thế kỷ, thầy giáo, mái trường, hoa phượng đã từng in bóng vào tâm hồn bao lứa tuổi thơ. Dẫu đã về hưu, chiều nào thầy cũng tới trường vun luống hoa, trồng cây bàng hoặc quét mạng nhện ở cửa sổ.

Không thể tưởng tượng được nỗi đau của thầy đến mức nào khi nghe tin người ta sắp sửa chặt hai cây phượng để bán lấy tiền chi cho bữa ăn dân làng đắp bờ. Khi bắt đầu về thụ giáo ở đây, thầy trồng ba cây phượng. Thầy chăm bón cây như chăm sóc dạy dỗ học trò. Khi bão quật đổ một

cây, thầy buồn đến đứt ruột. Bây giờ bỗng dưng người ta chặt nốt hai cây còn lại. Thầy gặp chính quyền để hỏi "vì sao lại chặt cây?" Mấy ông chính quyền trả lời: "Chặt cây để xây lại trường khác to lớn hơn". Thầy thở dài. Lúc dân quân vác rìu ồ ạt ra đứng quanh gốc cây, thầy lại đến van xin một lần nữa: "Năm mươi năm tôi trồng cây lớn được chừng này, các ông mà chặt nó thì tôi khổ tâm lắm". Mặc, những lưỡi rìu phũ phàng vẫn chém vào gốc cây như chém vào lòng thầy. Thầy đành chịu bó tay, đứng bần thần. Rồi thầy lại lủi thủi lên gặp ủy ban xã: "Công tôi trồng, tôi chăm bón nó mấy chục năm trời. Bây giờ nó không được sống nữa thì các ông cho tôi mua gỗ đem về nhà...".

VIII
TẬP TRUNG TỔ TIÊN

Hôm nay cả làng nghỉ lao động để làm một trong những việc trọng đại nhất trong lịch sử làng: tập trung tổ tiên. Quy hoạch xây dựng lại làng xóm để người sống ở tập thể chưa thực hiện được, thì thực hiện trước cho những người đã mất. Đối với người sống, khó lắm! Chặt tất cả các cây cổ thụ chỉ mới là triệt hạ cái cũ, còn cái mới thì chưa dựng lên được. Muốn dựng một làng mới theo quan niệm thế giới đại đồng, phải có vôi có gạch, phải lắm tiền nhiều của để xây từng dẫy nhà dài cho từng giới và từng lứa tuổi nam, phụ, lão, ấu. Lại cần phải xây một cái bếp thật lớn có nhiều nồi, nhiều bát đũa, nhiều mâm. Nhiêu khê lắm. Thôi, người đang sống cứ tạm ở như vậy đã, mời hồn người chết tập trung về ở một nơi, dễ dàng hơn, chỉ một ngày là làm xong!

Phong tục hình thành bền vững hàng trăm hàng ngàn năm, nhưng "cách mạng" cái phong tục này lại quá đơn giản, tập trung bà con để giải thích ý nghĩa của công việc. Sáng hôm sau từng gia đình rước tổ tiên đến nhà thờ họ. Rồi từ nhà thờ họ, tổ tiên lại được rước đến nhà thờ đại tôn. Như vậy là cả làng chỉ có một nơi thờ tự, tất cả mọi bàn thờ cá thể bị phá bỏ.

Lũ trẻ chúng tôi nghỉ học. Tôi rủ Bá, Bàng, Thiều, Dân, Viễn... chạy lóng nhóng khắp làng để xem rước. Tôi cảm thấy sung sướng vô cùng. Từ ngày cách mạng thành công đến nay, kéo dài liên miên những chuỗi ngày hội hè, đời mở ra trước mặt một chân trời lộng lẫy. Chỉ có cách mạng mới gieo vào lòng tôi niềm vui lớn như thế. Chỉ có cách mạng mới bảo ban bà con nông dân cổ hủ làng tôi thay đổi nếp sống nhanh chóng đến thế.

Tôi chạy trên đường làng, đôi chân nhẹ nhàng như chạy trong đám mây của miền tiên giới. Không thể đi chậm được, cũng không dừng lại ở

đâu quá vài phút. Tôi chạy thật sự theo đúng nghĩa đen của từ "chạy". Cạy để hưởng tất cả mọi niềm vui, không để sót một niềm vui nào dù rất nhỏ. Tôi chạy từ nhà này qua nhà khác, từ nhà thờ họ này qua nhà thờ họ khác, từ nhà thờ đại tôn đến cổng làng, từ cổng làng về nhà mình. Như một con thoi, phơi đầu giữa nắng hè, tôi chạy...

Có đám rước nào trên thế gian độc đáo như đám rước của làng tôi ngày hôm nay? Hai trăm gia đình tổ chức hai trăm đám rước cùng một lúc. Mỗi gia đình một vẻ, muôn hình muôn sắc. Nhà giàu thì rước to, nhà nghèo thì rước nhỏ. Nhà đông con cháu thì đám rước đông, nhà ít người thì đám rước bé. Bố, mẹ, con, cháu rối rít thành đoàn lũ. Có nhà rước giá gương. Có nhà rước cọc đèn sơn đỏ. Có nhà rước bát hương... Tội nghiệp cố Tuấn không vợ không con, đám rước chỉ có một mình cố, hai tay bưng cái bát đàn sứt miệng đổ đầy cát cắm mấy cây hương đen cháy ngậm ngùi... Bà Đồn cũng một gia cảnh tương tự như vậy. Bà đi làm thuê suốt ngày, tối về nằm còng queo trên cái chõng tre trong túp lều gianh lụp sụp. Trên sáu mươi tuổi rồi, có bao giờ bà thờ cúng ai đâu, có tham dự một đám hội nào đâu. Giữa ngày vui lớn này, bà cũng được tổ chức đám rước, được dự hội. Hai cái bát đàn dùng cho bữa ăn, bà đành liều lấy một cái bát đổ cát vào và cắm hương, tự mình rước đến nhà thờ họ. Bát hương của bà cũng được đặt ngang hàng bát hương của những nhà giàu có. Bà cúi xuống vừa chắp tay lạy vừa lau nước mắt... Đám rước của nhà bà Cựu Diệm lớn nhất. Thằng Viễn là con trai bà, hắn chỉ đi chơi với chúng tôi một chốc rồi về dự rước cùng gia đình. Nhà bà khá đông, khoảng chục người, sắp hàng chỉnh tề. Đoàn người vừa ra khỏi cổng ngăn thì cả xóm xúm lại xem. Dẫn đầu đoàn là một người bê giá gương, người thứ hai bê chiếc bát hương to có đế gỗ, người thứ ba cầm cọc đèn, thằng Viễn đi thứ tư cầm chuông vừa bước chậm chạp vừa gõ, rồi tiếp đến những người khác cầm câu đối và liễn thờ phấp phới màu đỏ màu vàng. Từ nhà bà đến nhà thờ họ chỉ chừng hơn trăm mét mà đi hết gần tiếng đồng hồ. Trẻ con ríu rít theo sau làm cho đám rước trở nên long trọng, đông đến ba, bốn chục người.

Tổ tiên của các gia đình được rước đầy đủ về nhà thờ họ, ông tộc trưởng chỉ huy đám rước chung của cả họ ra nhà thờ đại tôn. Già, trẻ, trai, gái trong họ hầu như không thiếu một ai. Cho nên đám rước của họ nào cũng đông, cũng lớn, vừa nghiêm trang vừa lộn xộn: có ông già bê giá gương, có bà già bê bình hương, có cô gái cầm lọ hoa giấy, có cậu bé cầm cờ lông công, có bác trung niên bê mâm bồng... Cả làng tôi có tới mười tám chi nhánh họ, cho nên các đám rước ra khỏi nhà thờ họ một đoạn là gặp nhau.

Họ này nhường đường cho họ kia, xùng xình gần hết ngày mới hoàn thành việc rước tổ tiên.

Riêng nhà tôi, cha đã soạn sửa bàn thờ từ chiều hôm trước. Để bà con láng giềng không biết, mãi đến tối mịt cha mới đem trưng tất cả các đồ tế khi mà trước đây chỉ ngày tết mới trưng ra: đũa son, bát trái hồng, đĩa cây trúc, đĩa con phượng, đôi hạc đồng ngậm hoa sen, mâm đồng... Tôi xúng xắng bên cạnh cha, cũng soạn cái này sửa cái kia để làm vừa lòng cha. Tần mần tôi hỏi: "Đến mai là tết à, cha?" Cha lặng lẽ trả lời: "Ông bà, tổ tiên chỉ được hưởng những thứ này lần cuối cùng thôi con ạ. Sớm mai ông bà đi tập trung rồi, có về nhà mình nữa đâu". Cha thấp thỏm suốt đêm, rất ít ngủ, lúc thì dậy thắp hương, lúc thì thay nước cúng, lúc thì thay rượu cúng. Gà gáy canh năm, cha đã thu dọn tất cả các thứ trên bàn thờ, cất vào hòm gỗ sơn. Có lẽ cha sợ để đến lúc sáng bạch, người hàng xóm sang chơi, biết nhà mình cúng lễ long trọng quá sẽ bị phê bình... Mẹ tôi hình như thâu đêm không ngủ, quá khuya mới đi họp về. Mẹ lo vo nếp, làm thịt gà để cúng. Trước khi rước ông bà đi tập trung, mẹ tôi đứng chắp tay khấn. Ô, sao lạ thế, chưa hề bao giờ tôi thấy mẹ khấn. Những ngày giỗ ngày tết chỉ có ông hoặc cha khấn, chứ đàn bà con gái có được khấn đâu. Thế mà bây giờ, lần đầu tiên, mẹ khấn. Đang khấn dở chừng, bỗng nhiên mẹ òa khóc, chạy vào buồng. Tôi chạy theo mẹ, hỏi tại sao mẹ lại khóc, mẹ không trả lời, tôi cũng khóc theo. Mẹ nói nhỏ với tôi qua nước mắt: "Con ra khấn ông bà đi, lớn lên con không được khấn nữa đâu...". Tôi làm theo lời mẹ dặn. Hai tay chắp lại khấn tổ tiên mà lòng tôi lại hướng niềm kính trọng về mẹ. Trong gia đình, mẹ là người chu tất nhất trong việc thờ phụng ông bà. Những năm mất mùa, đói kém, đến ngày giỗ ông bà, cha tôi bảo chỉ thắp hương tưởng nhớ là được rồi, nhưng làm thế mẹ không yên lòng, thế nào mẹ cũng chạy vạy mua được cân nếp về thổi xôi để cúng. Mẹ chỉ mới đến ở cái nhà này mấy chục năm, nhưng trong tâm tưởng mẹ, dòng máu huyết tộc thiêng liêng đã chảy từ thời xa xưa cho đến đời tôi bây giờ và cả đời cháu đời chắt sau này nữa. Phận làm dâu, chữ hiếu thật là lớn lao. Bây giờ mẹ lại thêm một vai gánh công việc đoàn thể. Mẹ lo lắng cho tròn cả hai bên. Người mẹ ngày càng gầy xọm. Phải tiễn ông bà, tổ tiên đi tập trung, mẹ buồn, nhưng mẹ cố giấu đi, sợ nước mắt chảy ra, các đồng chí lại chê cười là mẹ chưa gột rửa được đầu óc cổ hủ.

Bác Chắt Kế là chi trưởng của một chi họ Võ. Nhà bác là nhà thờ của ông tổ chi trên. Ngày hội hôm nay bác không thể vắng mặt. Bác mở cửa nhà thờ để bà con họ hàng rước bài vị đến. Các chi khác có tổ chức mâm

cỗ sơ sài, sum họp một lần cuối cùng để rồi vĩnh viễn không đến nhà thờ nữa. Riêng chi bác Chắt Kế, chỉ có trầu và nước chè xanh, đám rước cũng xuềnh xoàng... Vài ba hôm sau, bác Chắt Kế cũng giỗ cụ. Bác cùng mấy người con nghiêm chỉnh ra nhà thờ đại tôn, bảo ông từ mở cửa, vào đúng bàn thờ riêng của nhà mình, đặt nải chuối, đĩa trầu, thắp hương, khấn vái, rồi lại mang lễ vật về. Cử chỉ của bác nêu cho dân làng ba bài học: một là cúng tổ tiên nơi tập trung, hai là tiết kiệm thời gian, ba là tiết kiệm vật chất, tránh chè chén linh đình.

Tổ tiên đã rước đi nơi khác, bác Chắt Kế biến gian nhà thờ cũ thành nhà ở cho cô con gái mới lấy anh bộ đội. Việc này bác làm vội vã quá. Dẫu không cúng tổ tiên ở đó nữa, nhưng vẫn còn cái hơi hướng thiêng liêng của một ngôi nhà thờ qua nhiều năm, ai lại biến thành cái phòng tân hôn. Nhiều cụ ông cụ bà bất bình, xầm xì: "Có đời thuở nhà ai lại đem nhà thờ làm cái nơi ngủ của bà O với ông Dượng. Đời sống mới gì mà lạ thế? Đời sống mới đến đâu cũng phải giữ lấy nề nếp gia phong chứ". Có người đánh liều nói nhỏ với bác Chắt Kế. Bác đỏ mặt, tức giận. Lần đầu tiên bác giận vì có người dám phản bác mình.

*

Sau cuộc rước tổ tiên tập trung về một nơi, tất cả các nhà thờ họ trong làng đều bị phá. Có nhà thờ biến thành địa điểm hội họp. Có nhà thờ biến thành kho phân. Hầu hết các nhà thờ đều dỡ ra, cùng với những đồ tế tự, đem chia đều cho mọi người: người được gạch, người được cái cột gỗ, người được cái xà ngang, người được cái án thư, người được cái trướng, người được chục bát...

Thế là thôi, hết nơi thờ tự, hết nơi sum họp huyết tộc. Các dòng họ bỗng dưng ly tán.

Cả làng chỉ còn lại một nhà thờ đại tôn. Mỗi năm một lần giỗ tổ vào ngày 24 tháng Tư âm lịch. Trước kia, đến ngày giỗ, làng mở hội linh đình. Nhưng nay thì vắng tanh, vắng ngắt, may ra có dăm bảy cụ đến thắp hương, ăn trầu, rồi im lặng ra về. Thậm chí, có năm chẳng cụ nào đến cúng, chỉ có ông từ tha thủi vào điện thờ một mình.

Cách đây chừng bảy trăm năm, ông Võ Chính Đạo từ ngoài Bắc vào, chiêu dân lập ấp. Hình như thuở ấy, sau khi đánh thắng quân Nguyên, nhà Trần tổ chức di dân vào đây khai phá đất hoang. Ông Võ Chính Đạo dừng chân bên sông Bùng, nhìn thấy thế núi Hai Vai dựng phía tây, biển Đông mở ra trước mặt, bèn cắm đất dựng làng. Cuộc đời của ông Tổ mang đầy huyền thoại, trong gia phả có ghi lại mấy mẩu.

Từ ngàn dặm xa xôi phương Bắc vào, mệt quá, ông nằm ngủ mê man trên bờ sông Bùng. Trong giấc mộng, ông thấy rồng cõng ông bay lên chu du khắp vòm trời. Khi tỉnh dậy, ông hóa thành người khổng lồ đầu gối lên núi Hai Vai, chân duỗi ra bể Đông. Ông vuôn vai và trở thành ông Đùng. Ông giết hết rắn rết, hổ báo, gọi dân về cày cấy. Sau khi ông mất, dân làng tôn ông là đức tổ Triệu Cơ và lập nhà thờ tưởng nhớ ông, gọi là nhà thờ đại tôn.

Chín mươi chín phần trăm dân làng là họ Võ. Về sau, một số gia đình họ Trần, họ Đào, họ Dương, họ Lê, họ Nguyễn đến xin ở, cũng tôn ông tổ họ Võ là ông tổ của mình và cùng thờ cúng ở nhà thờ đại tôn.

Mấy trăm năm qua, nhà thờ đại tôn chỉ thờ đức Triệu Cơ một cách tôn nghiêm, bỗng dưng bây giờ thờ đến hàng trăm người quá cố. Như thế là ông tổ Triệu Cơ cùng bình đẳng với trẻ em, thậm chí cả lưu manh, kẻ cắp và ăn mày. Nhiều cụ tỏ vẻ không bằng lòng, nhưng cũng đành im cho xong chuyện, thời nào theo phép ấy, chống lại làm sao được.

Đã thế thì đành phải thế. Chỉ hiềm một nỗi là nhà thờ chỉ có ba gian, mà phải đặt hổ lốn đủ các đồ tế tự: lông ngai, hạc gỗ, giá gươm, bát hương sứ, bát hương sành, thậm chí cả bát sứt bát mẻ, nhiễu điều rách che giá gương... Ôi thôi, trăm thứ bà rằn chen chúc nhau lộn xộn. Còn ra thể thống gì nữa! Còn gì là tôn nghiêm nữa!

Nhiều cụ thấy tình cảnh như vậy, chán nản, không muốn đến dự ngày giỗ Tổ. Nhà thờ đại tôn càng ngày càng hoang vắng. Ngói vỡ. Tường gạch loang lổ từng mảng. Câu đối bị đánh cắp. Trẻ em viết nghuệch ngoạc, bậy bạ lên cánh cửa...

Đùng một cái, ông bí thư đảng ủy của xã quyết định lấy nhà thờ đại tôn của họ Võ làm kho thóc. Các cụ không thể ngồi yên, bàn với nhau: "Cả làng chỉ còn lại một nhà thờ mà ông Đảng cũng đòi chiếm làm kho thóc thì thờ cúng vào đâu. Con cháu vô ơn bội nghĩa với tổ tiên à! Phải kêu lên tận đảng ủy". Lời kêu đụng vào tai ông bí thư, ông ta đanh mặt nói như búa bổ: "Đồng bào miền Nam hy sinh xương máu không tiếc, bà con ta ngồi ở hậu phương lại tiếc cái nhà thờ Tổ!" Các cụ ấm ức, nhưng đành phải buông tay xót xa nhìn ngôi nhà thờ biến thành kho thóc.

IX
TẬP TRUNG THẦN, THÁNH, PHẬT

Dòng sông Bùng chảy qua cánh đồng làng tôi tuy không lớn nhưng nó

là huyết mạch tình cảm từ lâu đời. Bến đò ngã ba sông trở thành nơi hò hẹn của những đôi trai gái trong các phiên chợ Si, chợ Chùa, chợ Lèn, chợ Mới. Bao nhiêu đêm trăng, đám trai làng đã đóng bè chuối vượt sông để hát đối đáp với con gái làng bên. Con sông tình và và cũng là con sông thần thoại. Sự tích các thần trong làng đều ít nhiều quan hệ với dòng sông. Đã có một thời người ta tin rằng dòng sông thiêng liêng này là dòng sông của các vị thần, cho nên hai bên bờ sông được giữ gìn rất sạch sẽ. Trong dịp kỷ niệm hằng năm, dân làng làm những con thuyền tre dán giấy màu sắc sặc sỡ thả xuống sông để các thần du ngoạn.

Sông Bùng là cái nôi sản sinh ra các vị thần. Vì thế trong làng có nhiều đền thờ thần. Ông Đùng đã dùng bàn tay khổng lồ xe đất mở nên sông Bùng để tiêu nước cánh đồng trũng ra bể, Thần Cửa Thung từng đánh nhau với lũ thủy quái để ngăn nước mặn thủy triều ngập vào đồng lúa. Thần Áo Trắng đã cứu vua Lê thoát khỏi tay giặc Minh ngay bên bờ sông... Ngoài các vị thần còn có các vị thánh, các nhân vật lịch sử có công với làng xóm, còn có cả chùa thờ Phật, miếu thờ những vong hồn bất hạnh... Hồi Tây mới cai trị nước ta, một tên cố đạo dẫn lính vào làng, định phá nhà thờ đại tôn để xây nhà thờ Thiên Chúa giáo. Dân làng uất ức tìm cách đối phó. Một người đàn bà tứ cố vô thân, nấp trong bụi cây, rình lúc cố đạo vừa bước vào cổng làng, bà xông ra cởi váy đập túi bụi vào mặt cố đạo. Bị cú trả thù bất ngờ và choáng mặt, cố tháo chạy, không dám quay lại nữa. Và bỏ ý định xây nhà thờ đạo.

Đền chùa miếu mạo nằm rải rác trong làng và cả ngoài cánh đồng. Nhưng làng tôi ở giữa vùng chiêm trũng, cứ vào tiết tháng Tám, hễ mưa một đêm là nước ngập trắng mênh mông, làng biến thành hòn đảo. Qua nhiều đời, dân làng đã ra công đắp những gò đất cao để xây đền, chùa ố những gò đất này vừa tôn vẻ sầm uất, linh thiêng, vừa có tác dụng về thủy lợi.

Đình chùa cùng với những sự tích huyền thoại đã góp phần rất lớn vào sự hình thành lịch sử và nền văn hóa của làng tôi, đã góp phần tạo nên phong tục tốt đẹp và tình cảm, nhân nghĩa của bao nhiêu thế hệ. Tuổi thơ tôi đã từng được bắt rễ sâu thăm thẳm vào các tầng đất đai của quá khứ. Một nét cong đầu đao của mái đình, một pho tượng Phật, một ánh nến trong điện thờ, một vòm cổ thụ thâm u che rợp ngôi miếu đều in bóng trong hồn tôi và lung linh mở ra những vầng mây thần thoại.

Sẽ còn lại gì sau khi các vị thần vị thánh tập trung về một nơi?

Sẽ còn lại gì sau khi các ngôi đền ngôi miếu bị phá và các gò đất bị san bằng?

Sẽ còn lại gì để làm cái cầu cho các thế hệ mai sau trở về thăm lại tiền nhân?

*

Tất cả các thánh, thần, phật ở rải rác cá thể trong thôn trong xã đều phải về ở tập trung tại đền Hàng Khoán dưới chân núi Hai Vai! Đó là lệnh của chính quyền địa phương, không ai được cưỡng lại.

Trời ơi, cái cú tập trung ông bà, ông vải, tổ tiên đã làm cho mọi người choáng, bồi thêm cái cú tập trung thần thánh này nữa có thể làm cho dân làng bị ngất!

Lệnh ban ra quá gấp, cho nên đình chùa miếu mạo chỉ có thể tổ chức cùng một đêm lễ tiễn đưa thần thánh. Nhiều ông cụ, bà cụ tất tưởi chạy hết miếu này đến miếu kia qua chùa nọ để thắp hương, để khấn vái, nhỡ bỏ sót một nơi nào trong giờ phút tiễn biệt thiêng liêng thì sợ thần thánh giận.

Mẹ tôi đi họp suốt mấy ngày đêm để cùng với đoàn thể bàn việc trọng đại này. Đêm cuối cùng, tan họp thì đã qua giờ tý, mẹ cũng lén lút cầm mấy bó hương đi làm lễ tiễn đưa thần thánh. Nhưng đêm sắp chuyển về sáng rồi, mẹ chỉ đến được một ngôi chùa và một ngôi miếu. Lúc trở về, mẹ mệt nhừ người, mặt bệch bạc vì mất ngủ. Chẳng ăn uống gì cả, mẹ nằm xoài trên giường. Tôi lặng lẽ đến ngồi bên cạnh, mẹ nói: "Cách mạng triệt để con ạ! Chủ nghĩa cộng sản là tập thể hóa. Thần thánh tập thể trước, sau đó sẽ tập thể người. Không biết đời mẹ có được hưởng thế giới đại đồng không? Chắc chắn đời con thì sướng lắm. Con cố học cho giỏi...". Nghe mẹ nói, người tôi cứ rưng rưng. Chợt thấy khóe mắt mẹ đẫm ướt. Tôi hỏi: "Làm cách mạng sao mẹ lại khóc?" Mẹ không trả lời. Hình như trong lòng mẹ đang nén lại một điều gì khó bộc lộ cho ai biết.

*

Bọn trẻ chúng tôi lại được một phen chơi bời thỏa thích. Tôi nhớ trong một cuộc họp của đội Nhi Đồng cứu vong, bác Chắt Kế có nói "cách mạng là ngày hội của quần chúng". Càng suy tôi càng thấy đúng. Hết hội rước ông bà, tổ tiên tập trung về nhà thờ đại tôn, lại tiếp đến hội rước thần thánh tập trung về đền Hàng Khoán. Sau cuộc hội này không biết sẽ còn những cuộc hội nào nữa?

Tất cả các đền, chùa, miếu, nhà thánh đều sáng trưng ánh nến, khói hương nghi ngút, trống chiêng ồn ã, tấp nập người vào ra. Náo nhiệt khắp làng xóm một không khí tiễn đưa thần thánh. Có tiếng reo của trẻ con. Có nụ cười gặp gỡ của trai gái. Có nước mắt của các cụ già. Có lẽ thâu đêm suốt sáng thần thánh cũng không ngủ. Thần thánh bồi hồi về cuộc đổi đời

lớn lao này? Hẳn là thế. Hàng mấy thế kỷ qua, mỗi vị thần ngự một điện thờ riêng, mỗi vị thánh hưởng một mùi hương riêng, nay sắp được về ở tập thể, các vị tránh sao được nỗi chờ đợi nôn nao. Không có đường dây liên lạc, mà tin truyền đi rất nhanh ố những cái tin rất thiêng. Pho tượng đức thánh Khổng Tử ở nhà thánh của hội Tư Văn bỗng nhiên mặt đỏ bừng bừng. Pho tượng Phật ở ngôi chùa xóm Trang Hà bỗng lắc lư làm rung cả tòa sen. Bình hương ở ngôi miếu sau đèn bỗng nhiên bốc lửa. Long ngai ở nhà thánh tổng bỗng nhiên chảy máu...

Từ đền này đến miếu kia, từ chùa này đến nhà thánh nọ, tin truyền như con thoi. Các cụ càng chăm chú ra sức lễ bái. Khói hương bay ngột ngạt đến tức thở. Qua ánh nến mờ ảo, các pho tượng, các long ngai, lư hương, cọc đèn, hạc gỗ, giá gươm đều rung lên một vẻ tôn nghiêm khác thường. Hàng chục cây nến hồng nhỏ nước mắt lã chã.

Hồi làm nhà thánh tổng Thái Xá, ông nội tôi cúng một số tiền cho nên được Hàng Tổng phong là "ông tổng Quyền". Sau khi ông qua đời, cha tôi chăm đi lễ thánh, gọi là để giữ cái gia phong do ông truyền lại. Đêm nay, cha tôi đi dự ở các miếu, chùa rất nhanh, nhưng dừng lại khá lâu ở nhà thánh tổng. Khi cha bước vào, các cụ tỏ vẻ trọng vọng: "Mời ông tổng Quyền vào... Ông tổng Quyền thắp hương tiễn thánh đi... Ông tổng Quyền dâng rượu tiễn thánh đi...". Thường ngày, người ta gọi cha tôi theo tên của chị cả tôi: ông Đoan. Giữa giờ phút long trọng này, người ta gọi cha theo tên của ông nội tôi: ông tổng Quyền. Tôi cảm thấy tự hào. Đứng ngoài cửa, tôi dõi nhìn cha tôi khăn xếp, mặc áo lương dài, bước từng bước thận trọng qua nhiều tầng án thư, rồi dừng lại trước pho tượng Khổng Tử: chắp tay lại và cúi đầu một hồi lâu. Từ sau cách mạng tháng Tám thành công, cha làm chủ tịch thôn, chẳng bao giờ trang phục lễ hội, thế mà đêm nay, có lẽ là lần cuối cùng, cha tôi đội cái khăn xếp và mặc chiếc áo lương. Có lẽ cũng là lần cuối cùng cha được nghe các cụ già gọi một cách trân trọng "ông tổng Quyền".

Xem cha lễ xong ở nhà thánh tổng, gà đã gáy canh ba, tôi theo bọn thằng Bá, thằng Viễn đến đền thờ vị thần Áo Trắng. Đây là đền thờ lớn nhất và thiêng nhất ở làng tôi. Đền nằm giữa một khu rừng rậm rạp, có cây muỗm cao sừng sững như cái tháp xanh khổng lồ. Ông từ nói: ngày mồng một và ngày rằm hằng tháng, ông vào thắp hương thường thấy hai con rắn mào đỏ chầu hai bên ngai thờ. Cứ mỗi năm, đến ngày hội, ông thường thấy vị thần Áo Trắng hiện về như một áng mây nhẹ nhàng bay từ bờ sông Bùng qua rừng rậm đến mái đền rồi bay vào hậu cung... Ai đi qua cửa đền cũng

phải cất nón. Những người đang có đại tang không được vào đền lễ bái và không được đi qua đền.

Một lần, có người đàn bà đầu thắt khăn đại tang quê bên kia sông, đi chợ Len về qua cổng đền, bị hộc máu chết tươi tại chỗ. Lũ mục đồng chúng tôi mỗi lần sắp đến cửa đền là phải xuống trâu... Vẻ đẹp tôn nghiêm của ngôi đền càng được giữ gìn qua trường tồn năm tháng. Cây mọc lên ngày càng nhiều, cổ thụ ngày càng cao hơn, bao bọc mái đền như tán long ngưỡng vọng của dân chúng qua nhiều thế hệ che chở sự bền vững của lịch sử.

Thần phả còn được cất giữ cẩn thận trong hộp sơn son thiếp vàng đặt ở thượng điện. Trong cuốn Lam Sơn thực lục, Nguyễn Trãi cũng ghi: "Vua cùng với Lê Liễu chạy đến bên sông Khả Lam thì thấy một người đàn bà mình mặc áo trắng, đeo xuyến vàng và thoa vàng, chết nằm ở đấy ố Vua và Liễu ngửa mặt lên trời và khấn rằng: 'Ta bị giặc Minh đuổi, xin giúp ta thoát nạn, sau (nếu ta) định được thiên hạ, sẽ lập miếu thờ, hễ có lợn bò cúng tế xin cúng trước'. (Vua và Liễu đắp mồ chưa xong thì giặc xua chó ngao đến. Vua và Liễu chạy vào gốc đa. Giặc lấy mũi giáo đâm vào đùi bên tả Liễu. (Liễu) lấy tay xoa cát nắm vuốt mũi giáo cho hết vết máu. Bỗng có một con chồn trắng (từ gốc cây) chạy ra, chó ngao đuổi theo chồn. Giặc không nghi ngờ (trong cây có người) nữa, liền bỏ đi. Vua nhờ vậy được thoát, khi định xong thiên hạ, (vua) phong thần áo trắng làm Hoằng Hưu đại vương".

Thần tích ghi là Bạch Y Thần tức là vị thần áo trắng này. Đêm nay là đêm hội cuối cùng tại ngôi đền. Nghi lễ được tổ chức long trọng như ngày hội lớn. Hai dây cờ tả hữu phất phới bay. Ngọn cờ đại bằng nỉ thêu chữ "Thần" quanh đạc lượn sóng. Cửa tam quan mang nhiều vết đạn thời kỳ cụ Nghè Ôn đánh Pháp bỗng ngời sáng màu ngọc bởi nhiều ngọn nến. Những giải cờ đỏ gắn lục lạc cắm đầy trên cửa chính cửa phụ, gió thổi vô hồi, lục lạc reo tưng bừng.

Trong điện thờ, các cụ từng đôi một đi hai bên dâng rượu, dâng hương. Cụ chủ tế mặc áo thụng đỏ vừa "hơng... bái..." vừa nước mắt chảy ròng ròng. Các cụ khác, cứ ba người một thay nhau vào tấm chiếu hoa trải trước án thư quỳ lạy. Có cụ thụp đầu xuống rất lâu ngỡ như bị ngất vì cơn xúc động lớn. Không xúc động làm sao được! Thần đã cứu vua Lê thoát khỏi nanh vuốt giặc Minh. Thần đã phù hộ cho dân làng vượt qua trăm nghìn trận nguy nan. Sáng mai Thần phải đi tập trung, Thần phải vào thế giới đại đồng cùng với các vị thần khác trong xã. Chỉ còn một đêm, một đêm nay nữa thôi mà. Thần ở với dân làng, cuộc tiễn biệt này nặng nề quá sức chịu đựng của các bậc cao niên.

Trống gióng. Chuông đồ hồi. Lục lạc reo. Rượu cứ rót. Hương cứ thắp. Và "hơng... bái...". Và quỳ lạy. Một cụ già khi dâng rượu, đứng khấn rất lâu, rồi gục xuống dưới chân ngai uy nghi sơn màu đỏ, phải có người lên dắt cụ mới tỉnh lại. Trong lòng mỗi già làng đêm nay đều phân ra làm hai nửa bằng nhau: một nửa là thành kính thần thánh, một nửa là tin theo thế giới đại đồng, vừa muốn Thần ở lại với dân làng, vừa muốn Thần đi ở tập thể để làm gương cho con cháu.

Lễ hội kéo dài đến tận tàn canh. Trời hừng sáng. Không thể nấn ná thêm được nữa. Đã đến giờ tiễn đưa Thần. Lòng các cụ rối bời như tơ vò. Ông chủ tế trong các ngày lễ chỉ đứng làm nhiệm vụ "xướng" như người chỉ huy dàn nhạc, bỗng nhiên ông phá mọi luật lệ bình thường, chạy đến gục đầu dưới chân ngai, khóc nức nở như trẻ nhỏ.

Không thể nấn ná được nữa, mười sáu thanh niên lực lưỡng ghé vai khiêng kiệu "loan giá". Kiệu đi rất chậm tưởng như hàng thế kỷ mới nhích được một bước, vì người chen chúc xô vào đông quá. Các già làng xếp hàng đi sau kiệu, mặt ỉu xìu như bánh đa ngâm nước. Không ai bảo ai, tất cả mọi già làng đều òa khóc.

Thế là thôi, thế là xong, kiệu đã ra khỏi cửa tam quan... Cuộc tiễn biệt đau buồn như cuộc vĩnh biệt...

Thần đã đi rồi. Thánh đã đi rồi. Phật đã đi rồi. Những ngôi đền, ngôi chùa, ngôi miếu như cái xác không hồn... Dân tứ chiếng tranh nhau cướp giật mang đi: người được hòn đá tảng, người được cái cửa vọng, người được viên ngói viên gạch, người được cái cột gỗ...

Ôi tan hoang đến tột cùng tan hoang sau cuộc rước các thánh về thế giới đại đồng. Tại nhà thờ thánh, tượng Khổng Tử lăn long lóc như người ăn mày tha hương chết đường chết chợ, bị trẻ con ném cứt vào mặt. Tại ngôi chùa Trang Hà, hàng chục pho tượng đồ ngổn ngang, bị lũ mục đồng ném bùn lấm láp nước sơn. Cái giếng hình bán nguyệt trước cổng chùa đẹp đến thế mà cũng bị phá phách, cày xới để trồng lúa. Mấy tấm đá ghép cầu bị bê lên làm hố tiêu. Mấy chiếc bia lớn ở nhà thờ thánh tổng, cái thì đem bắc cầu, cái thì bị bọn mục đồng khiêng đi làm trò chơi rồi ỉa đái vung vãi lên mặt bia.

Còn đền thờ Bạch Y Thần thì sao? Khu rừng cổ thụ đã được đoàn Thành Niên Cứu Quốc phá sạch sành sanh để trồng khoai theo lời kêu gọi "tấc đất tấc vàng" của ủy ban kháng chiến. Cây muỗm mấy trăm năm đã bị đào tận gốc trốc tận rễ. Mùi phân bắc, phân lợn, phân trâu bò xông lên hôi hám khắp cả khu đền cũ. Thượng điện biến thành kho phân. Hạ điện biến

thành nơi hội họp. Cửa tam quan bị san bằng hoàn toàn, không còn lại chút dấu vết oanh liệt xưa. Nhà tả mạc, hữu mạc bị phá trụi và được dựng lên đó những túp nhà gianh của các gia đình nghèo khó.

Không còn nữa mùi hương ổi của khu rừng cũ để bọn trẻ chúng tôi vào hái những ngày tháng Bảy. Không còn nữa mùi hương mít quyến rũ vào dịp đầu thu. Không còn nữa những trái thị chín vàng phảng phất hình bóng cô Tấm vào dịp trăng tròn tháng Tám. Không còn nữa câu chuyện hoang đường thiêng liêng con rắn mào đỏ về chầu Ngai, bóng áo trắng của Thần bay lượn trên mái đền... Nghĩa là mất tất cả. Lũ trẻ chúng tôi đã bị tước mất niềm tin tôn kính thiêng liêng vào quá khứ, vào lịch sử. Chúng tôi vô tâm vô tư xông vào hậu cung bẻ gãy đầu rồng của Ngai thờ, nghịch ngợm chặt đôi chặt ba con rùa đội hạc, hung ác cầm gươm thần đánh nhau trong những cuộc tập trận giả, tàn ác đập vỡ hòn sơn giả có gốc si bủa rễ bao bọc hàng trăm năm...

Cả xã chỉ còn lại một đền thờ Hàng Khoán dưới chân núi Hai Vai. Đền này có vị trí đẹp, nhưng chẳng có sự tích gì đáng lưu ý. Những người thợ đá lập ngôi đền này để cầu xin thần núi đừng làm hại họ.

Thần, thánh, phật, ma, quỷ đều tập trung về đền Hàng Khoán để cùng nhau sống trong không khí thế giới đại đồng. Đền có nhà thượng nhà hạ, nhưng tất cả thần thánh trong xã tề tựu về đây thì hóa ra chật chội. Từ ngoài cửa đền trông vào rất buồn cười: tượng ông Khổng Tư đứng bên cạnh ông Thích Ca Mâu Ni, ngai thờ Bạch Y Thần xếp cùng án thư với thần ăn mày, bài vị ông Đùng đặt kề lư hương đất thờ thần dâm, giá gương thờ cụ tổ nghề làm nón làng Xuân Viên để sát vào thanh gươm thờ tên tướng cướp.

Mọi tôn ti trật tự bị đảo lộn lung tung phèo. Xã hội thần linh đang bình yên, bỗng như bị trận lốc xô tới bất ngờ khiến các vị thần không kịp trở tay đối phó, không kịp van xin cầu cứu Ngọc Hoàng.

Thỉnh thoảng dăm bảy cụ già nhớ ngày tế thần của làng mình, kéo nhau lên thắp hương. Nhưng thấy điện thờ lộn xộn quá, ngao ngán quay về. Dần dà về sau, không ai nhòm ngó, không ai hương khói, đền Hàng Khoán vắng tanh và bị phá phách. Ván cửa bị giật. Ngói vỡ, mưa nắng dột nát. Hạc gỗ bị gãy cổ. Ngai thờ bị vứt lăn ngả nghiêng. Và cuối cùng, ngôi đền bị phá hủy hoàn toàn, cỏ hoang mọc um tùm.

Thế giới đại đồng của thần linh thế là tan vỡ. Các vị thần quay về chốn cũ thì chốn cũ đã tiêu điều. Bây giờ các vị thần phiêu dạt nơi đâu?

(còn tiếp)

đùa với đường thi

ĐÀN BÁCH KIẾM

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Tôi bơi lội trong Đường thi, ngậm ngùi, đùa dỡn. Chút mảnh hồn mang mang trong mưa xuân. Lấy chút lòng của cổ nhân mà cấy sinh tử phù vào hồn mình. Đôi cánh hạc có thật đã bay, bay mãi? Sao giấc mộng ban đầu vẫn xôn xao trở về giữa trưa hè hanh nắng? Còn lại gì chăng, ngoài một mầu vàng hiu hắt đến muôn thủa?

Mục Đùa Với Đường Thi nhất định không phải là nơi biên khảo, nhận định, nghiên cứu, về Đường thi hay về bất cứ điều gì. Chỉ là nơi dìu dặt đón đưa mấy vần thơ từ trời hội cũ về trời thơ hôm nay. Khi thì yêu mến nó, lúc thì đùa dỡn với nó. Khi thì nghịch ngợm một cách nghiêm chỉnh, lúc thì đùa dỡn một cách lai rai. Mọi cuộc dịch tự trong tinh thể của nó vốn là một cuộc dời đổi. Lời thơ có di dịch về cõi miền nào khác cũng là điều tự nó. Mọi điển tích có dập dìu di về ngôn ngữ hôm nay cũng là điều tự nhiên.

Bay về ổ chín tầng cao,
Con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG)

Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.

ĐÀN BÁCH KIẾM

xuân vọng

Khi *Văn Học* số này đến tay độc giả thì có lẽ đất trời đang chuyển mình để sửa soạn chan hòa, tưới gội sức sống lên vạn vật. Mùa xuân đang trở về trên nửa trái tinh cầu mong manh này. Lại thêm một tuổi, thêm một cái

Tết trên xứ người. Xin mời độc giả cùng hướng về bên kia bờ Thái Bình Dương, và cùng ngậm ngùi với Đỗ Phủ qua bài thơ *Xuân Vọng*, khi ông chứng kiến cảnh xuân về trên quê hương Trung Hoa của ông trong một bối cảnh loạn lạc, chiến tranh triền miên không dứt.

Đất nước Việt Nam nay đã thanh bình, sao lại đem cảnh loạn lạc ra mà ngậm ngùi như thế? Bài *Xuân Vọng* này ai ai cũng quen biết, sao còn đem ra giới thiệu làm gì? Thưa, chuyện gì cũng có lý lẽ của nó. Bài Xuân Vọng của Đỗ Phủ chỉ là cái cớ mượn lấy để nói lên một điều khác. Bài thơ ấy mở đầu bằng hai câu: *Quốc phá sơn hà tại, Thành xuân thảo mộc thâm*: Tổ quốc tan nát, núi sông còn đó, Thành phố bừng xuân, cỏ cây xanh tốt. Quốc phá là cái gì phá vậy? Cái gì tan vỡ vậy? Có phải là cái vương triều nhà Đường đang bị An Lộc Sơn cưỡng chiếm? Lịch sử đã bao lần thay ngôi đổi chủ, không triều đại này thì triều đại khác, có sao đâu mà bảo là quốc phá? Hay quốc phá là ý nói quân Thổ Lỗ Phồn đang lấn át thành Trường An? Chắc không phải vậy, vì chính triều đình nhà Đường đã nhờ gọi sự yểm trợ của vương quốc Thổ Lỗ Phồn, tiền thân của nước Tibet ngày nay, và cả chính Đỗ Phủ cũng đã có lần lên tiếng reo vui là quân Thổ sẽ giúp quân triều đình giành lại thắng lợi. Vậy thì quốc phá là cái gì phá vậy? Cái khái niệm về tổ quốc có thực là một khái niệm rõ ràng không? Đỗ Phủ đã hiểu cái khái niệm ấy như thế nào? Nhà Nguyễn hay nhà Lê, điều đó có quan trọng bằng sự no ấm của người dân hay không? Nhưng ngay cả sự no ấm của người dân, có thật sự đó là điều tối thượng trên mọi điều khác hay không?

Thử nhìn bằng một cách khác. Nếu thí dụ như, thí dụ cho vui thôi, xứ Cờ Hoa Hiệp Chúng Quốc giầu có và hùng mạnh nhất thế giới này, cái quốc gia có nền dân chủ tân tiến bậc nhất này, cái mảnh đất tự do tôn trọng nhân quyền hơn hầu hết các quốc gia khác này, cái xứ Cờ Hoa ấy bằng lòng đón nhận Việt Nam như là tiểu bang thứ 51, liệu chúng ta có hoan hỷ trở thành người Hoa Kỳ và xóa tên Việt Nam ra khỏi bản đồ thế giới không? Nếu bằng lòng thì chắc chắn là người dân nước Việt sẽ được cơm no áo ấm, sẽ được tự do, được luật pháp bảo vệ, được đối xử một cách tương đối công bằng. Quả tình là nếu chúng ta đặt những quyền lợi ấy của người dân Việt lên trên hết thì chúng ta làm sao mà giải thích sự từ chối không muốn trở thành một phần của nước Mỹ? Lại thử thí dụ thêm một chút nữa cho vui. Thí dụ thay vì nước Hoa Kỳ mà là nước Trung Hoa vĩ đại ở sát nách chúng ta bỗng ngày mai trở thành một quốc gia tự do dân chủ, giầu có bậc nhất ngang hàng nước Mỹ, dân chúng Trung Hoa sống trong cảnh thái bình thịnh trị như thời Nghiêu Thuấn, Pháp Luân Công hay bất cứ một tín ngưỡng nào

khác đều được tôn trọng tuyệt đối, trong trường hợp không tưởng ấy, liệu chúng ta có bằng lòng để Việt Nam trở thành một quận lỵ của Trung Hoa không? *Quốc phá là cái gì phá vậy?* Cái gì là tổ quốc Việt Nam vậy?

Chắc chắn nó không phải là nhà cầm quyền, là nhà Nguyễn hay nhà Lê, là đảng Cộng Sản hay một đảng phái Quốc Gia nào. Nó cũng không phải đơn thuần là sự no ấm, sự hạnh phúc, sự tự do, hay cả sự công bình pháp trị cho mấy chục triệu người dân Việt. Đành rằng đó là điều quan trọng, nhưng cái làm nên tổ quốc Việt Nam chính là lối sống của người dân Việt. Còn lối sống ấy, thì còn tổ quốc Việt Nam, mất lối sống ấy thì mất tổ quốc Việt Nam. Con người ta sống không những phải có hiện tại, chỉ mơ ước tương lai, mà còn cần đến cả quá khứ nữa. Tương lai dù tốt đẹp đến đâu cũng không thể biện minh cho sự xóa bỏ quá khứ. Chúng ta cần quá khứ, vì không có quá khứ chúng ta sẽ lạc lối. Cái làm nên tổ quốc Việt Nam là cả một dòng lịch sử mấy nghìn năm. Mấy nghìn năm ấy đã tạo ra một nền văn hóa với những nét đẹp đẽ lẫn xấu xí của nó, tạo ra một ngôn ngữ với những âm, những chữ, những cách diễn đạt tài tình hay vụng về của nó, tạo ra cái hồn, cái cách sống, cách nhìn cuộc đời, cách thương yêu, vui chơi, đùm bọc, ghèn gựa, bắt nạt lẫn nhau, cách làm cho thôn xóm trở thành một nơi an trú trên cái sa mạc trần gian lạnh lẽo nhưng thơ mộng này. Người Ấn Độ, người Trung Hoa, người Nhật Bản v.v..., mỗi một dân tộc có một cách riêng của họ. Người Việt có cái cách riêng của người Việt. Cái cách ấy làm nên tổ quốc người Việt. Còn nó, thì còn tổ quốc người Việt. Mất nó, thì mất tổ quốc người Việt. Nó có thể mang ảnh hưởng của những nền văn hóa khác tiếp xúc với nó, nhưng nó vẫn là nó. Nó không nằm ở thủ đô Hà Nội, trong những bộ phủ, cơ quan hành chánh, nó không nằm ở Sài Gòn, trong những dinh thự lộng lẫy, mà nó nằm ở làng mạc thôn quê rải rác khắp đất nước, ở miền Nam trù phú, đồng ruộng mênh mông cò bay thẳng cánh, ở thôn xóm miền Bắc với những lũy tre làng bao bọc, ở miền Trung với những xóm chài tắm mình trong nắng. Cái cách sống ấy, cái cách trò chuyện tâm tình, vui chơi ấy là cái hồn dân tộc. Bảo vệ tổ quốc Việt Nam là bảo vệ cái cách sống, cái hồn ấy, cái ngôn ngữ ấy. Khi nhà Hán hay nhà Đường đô hộ Việt Nam, cái cách sống ấy, cái ngôn ngữ ấy đã bị quan cai trị người Trung Hoa tìm cách ngăn cấm, hủy diệt. Họ đã muốn đồng hóa người Việt thành người Trung Hoa. Vì thế, nước Việt Nam vào lúc ấy bị quốc phá. *Quốc phá không phải vì ngoại bang xâm chiếm, mà là vì người dân nước Việt đã không được phép sống theo cái cách của họ. Quốc phá hay không phá không phải ở chỗ ai cai trị đất nước, ngoại bang hay không*

ngoại bang, mà là ở chỗ người dân trong nước có được phép sống theo cái cách của họ hay không. Dĩ nhiên là các quan cai trị người Trung Hoa đã thất bại trong việc hủy diệt nền văn hóa, hủy diệt lối sống, ngôn ngữ của người Việt Nam. Tại sao vậy? Vì tuy quốc phá nhưng sơn hà tại. Núi sông vẫn còn đó. Lối sống, ngôn ngữ của người Việt vẫn còn đó. Cỏ cây nước Việt vẫn còn đó.

Trở lại câu hỏi ở trên, liệu chúng ta có nên trở thành một tiểu bang của Hoa Kỳ, hay một quận lỵ của một siêu quốc Trung Hoa hay không? Câu hỏi dĩ nhiên là một câu hỏi giả tưởng. Nước Mỹ chắc cũng chẳng muốn thêm một tiểu bang nữa, mà Trung Hoa thì nhất định không phải là một xã hội tự do, dân chủ, công bằng. Câu hỏi vẫn là một câu cần phải hỏi. Hơn bao giờ, hiểm họa thôn tính của Bắc Kinh đang đè trên đầu dân tộc Việt. Chủ nghĩa một Đại Trung Hoa đang ngày càng thịnh hành ở Hoa Lục. Cả chính quyền lẫn người dân Việt Nam cần phải chuẩn bị tư tưởng để đương đầu với người láng giềng phương bắc. Sự xâm lấn, tranh chấp sẽ không giới hạn trên bình diện quân sự mà sẽ diễn ra cả trên mặt trận chính trị, văn hóa và kinh tế. Dù là trong trường hợp giả tưởng của một siêu quốc Trung Hoa với một xã hội tự do dân chủ, ngay cả trong cái hoàn cảnh tốt đẹp tưởng tượng ấy, liệu chúng ta có bằng lòng đem quá khứ, ngôn ngữ, văn hóa của chúng ta đánh đổi lấy tự do, lấy cơm no áo ấm hay không? Liệu chúng ta có thể chấp nhận Việt Nam trở thành một quận lỵ của Trung Hoa hay không? Câu trả lời dĩ nhiên là không. Chẳng phải vì tự ái dân tộc, hay vì sự bướng bỉnh, muốn chứng tỏ sự quật cường của mình, hay vì sự căm thù bắt nguồn từ nghìn năm bị Trung Hoa đô hộ. Cũng không phải là sợ có tội với tiền nhân đã dầy công dựng nước, mà vấn đề là vì muốn bảo vệ quyền lợi của những người dân Việt Nam đang sống trên quê hương Việt Nam. Nếu họ không muốn nói tiếng Trung Hoa, không muốn thắt bím, không muốn theo tục lệ của người Trung Hoa thì họ có quyền sống theo ý họ. Miếng cơm manh áo, tiện nghi vật chất, và ngay cả công bình luật pháp đi chăng nữa, tuy quan trọng thật nhưng con người khác con vật ở chỗ có ý thức về cách sống của mình. Và không ai có quyền ép buộc ai cầm đũa hay cầm thìa nếu người ấy không muốn.

Đảng Cộng Sản Việt Nam trong thời gian cai trị miền Bắc đã xém chút nữa phá vỡ cái lũy tre làng của dân quê miền Bắc qua những đợt cải cách ruộng đất, và sau này, khi cai trị cả nước, đã không cho phép người dân được sống theo cái cách mà họ muốn, đã áp đặt một tổ chức xã hội xây dựng trên một lý thuyết không tưởng lên đầu dân Việt. Đất nước Việt Nam

trong giai đoạn ấy, vì thế, đã bị quốc phá. Nhưng, núi sông vẫn còn đó, cỏ cây nước Việt vẫn còn đó. Lối sống của người Việt vẫn còn đó. Đảng sẽ còn tiếp tục thất bại ngày nào họ còn tìm cách đi ngược lại nguyện vọng của người dân.

- Nguyện vọng của người dân là gì? Ai có quyền nói rằng cái điều mình nghĩ ấy là nguyện vọng chung của người dân? Chẳng là nhà nước đã và đang đổi mới theo nguyện vọng người dân từ 15 năm nay sau khi Liên Sô sụp đổ đấy ư? Chẳng là đời sống kinh tế của người dân đã và đang cải tiến gấp bội so với thời 75-90 và còn đang tiến nhanh tiến mạnh đấy ư?

- Xin thưa: Đành rằng so với giai đoạn đen tối 75-90, đời sống vật chất gần đây của người dân nói chung đã được cải thiện nhiều. Nhưng đảng Cộng Sản có thể nào tự hào là mình đã có công trong việc cải thiện miếng cơm manh áo cho người dân trong 15 năm vừa qua hay không? Hay đấy là điều tất nhiên phải đến do sự đầu tư của ngoại quốc vào thị trường Việt Nam?. Có chăng, Đảng chỉ có thể kể một chút công là đã không tìm cách ngăn cản tư bản ngoại quốc, đã không tìm cách thắt chặt vòng kiểm soát, đã xê ra để Việt Nam nương theo đà phát triển của nền kinh tế toàn cầu mà từ từ ngoi lên một cách chậm chạp. Mức tiến ấy, theo đúng lẽ, đã tốt đẹp gấp mấy lần hơn nữa nếu như nhà nước đã thẳng thắn và công minh hơn trong việc hành sử luật pháp và quản lý tài nguyên quốc gia. Hỏi là ai có quyền lên tiếng phát biểu nguyện vọng chung của người dân, thì xin hỏi ngược lại: ai là người không có quyền phát biểu ý kiến của riêng mình? Chỉ bằng cách cho phép tự do ngôn luận thì nguyện vọng của người dân mới được biết đến. Đảng không thể tiếp tục nhân danh sự ổn định chính trị và an ninh xã hội để giải thích cho việc dùng võ lực ngăn cấm quyền hội họp và phát biểu ý kiến của người dân trong nước. Làm như thế là coi thường người dân, là đi ngược lại nguyện vọng của dân chúng, là đưa đất nước đến tình trạng quốc phá, tình trạng hỗn loạn, làm suy yếu sức mạnh của dân tộc. Đảng phải chấm dứt sự bắt bớ, giam cầm, hành hung những người như Hoàng Minh Chính, như Lê Hồng Quang, như Dương Thu Hương, như Hà Sĩ Phu, những tiếng nói mà Đảng có quyền không đồng ý nhưng không có quyền bịt miệng. Nói cho cùng, Đảng đã phần nào thành công trong việc vẽ ra một chính nghĩa chống Mỹ giành độc lập cho đất nước. Người dân miền Bắc đã tin tưởng vào lý tưởng ấy. Và đấy là một phần lý do đã đưa đến sự thành công trong việc thôn tính miền Nam. Nhưng trong thời đại của thông tin điện toán, Đảng không thể tiếp tục lèo lái lòng dân, gạt gẫm họ mãi được nữa, bằng cớ là Đảng đã phải dùng võ lực để bịt miệng họ.

Hơn ai hết, đảng Cộng Sản Việt Nam phải hiểu sức mạnh của dân tộc. Đi ngược lại lòng dân chỉ đưa đến thất bại. Những người cầm quyền ở Việt Nam há chẳng nhớ rằng vua quan cuối đời nhà Đường đã vì lòng tham, vơ vét đầy túi, đi ngược lại lòng dân, làm kiệt quệ tiềm năng của Trung Hoa, mà hậu quả kéo dài suốt triều đại nhà Tống, khiến dân tộc Trung Hoa mãi vẫn không sao ngóc đầu lên được, phải chịu mất một nửa giang sơn cho nước Kim và rồi toàn cõi sông núi cho quân Mông Cổ phương bắc? Há họ chẳng nhớ rằng tài giỏi như cha con Hồ Quý Ly, xây lũy đắp thành, luyện binh đóng cọc, chuẩn bị công phu là thế, cũng không sao bảo vệ được đất nước trước sự xâm lăng của quân Minh, nhưng người anh hùng áo vải Lê Lợi trong mười năm kháng chiến đã đẩy lui được binh tướng Mã Kỳ ra khỏi bờ cõi Việt Nam? Vì sao vậy, nếu không phải vì nhà Hồ đã không được sự hậu thuẫn của người dân? Há họ chẳng nhớ những điều ấy sao? Trước hiểm họa Trung Hoa, giới cầm quyền ở Hà Nội phải biết tập hợp sức mạnh của dân tộc bằng cách từ bỏ việc độc quyền lãnh đạo, tổ chức một xã hội tôn trọng luật pháp, ngăn cấm và cách chức những người lạm quyền tham ô, tạo được uy tín và sự hậu thuẫn của Việt kiều cư ngụ khắp nơi trên thế giới, và nhất là phải thả những tiếng nói đối lập ra khỏi nhà tù, để giới sĩ phu Việt Nam có thể đối thoại với giới cầm quyền Trung Hoa, cho họ thấy là chúng ta không phải là một đám man di cần được giáo hóa, rằng chúng ta thuộc thơ Đỗ Phủ, Lý Hạ, Thương Ẩn hơn cả họ, rằng chúng ta có một lối sống đẹp, có một nền văn hóa cao, có Nguyễn Du, Cao Bá Quát làm thơ chữ Hán hay không kém những bài Đường thi của Lý Bạch, Thôi Hiệu. Rằng chúng ta có những Bà Huyện Thanh Quan, có Nguyễn Khuyến, viết những bài thơ bằng chữ Nôm theo thể Đường Luật của họ, mà những thi sĩ nhà Đường giá có đọc được cũng phải giật mình kinh hãi, không ngờ rằng trên đời này lại có một dân tộc khác, bằng một ngôn ngữ khác, sáng tác những bài Luật thi tứ tuyệt, bát cú một cách tài tình đến thế, và hơn thế nữa, làm được một điều mà họ không làm được: đưa nét trào phúng, châm biếm vào Luật thi với những Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nam Man.

Xin trở lại với bài thơ của Đỗ Phủ:

Xuân Vọng
Quốc phá sơn hà tại
Thành xuân thảo mộc thâm
Cảm thời hoa tiễn lệ
Hận biệt điểu kinh tâm

Phong hỏa liên tam nguyệt
Gia thư đề vạn câm
Bạch đầu tao cánh đoản
Hồn dục bất thăng trâm

春望
國破山河在
城春草木深
感時花濺淚
恨別鳥驚心
烽火連三月
家書抵萬金
白頭搔更短
渾欲不勝簪

Bài thơ này dịch xuôi ra như sau: Đất nước tuy tan vỡ, núi sông vẫn còn đó, phố xá vẫn bừng xuân, cỏ cây vẫn xanh tốt. Ôi cái thời thế gì mà hoa cũng phải xót xa tuôn lệ. Biết bao là nỗi biệt ly, chia lìa ngăn cách, mà chim chóc cũng phải giật mình hoảng sợ. Liên miên suốt ba tháng khói hiệu báo tin giặc. Tin tức hiếm hoi, thư nhà quý như ngàn vàng. Tóc đã bạc, sờ lên đầu chỉ thấy lưa thưa mấy sợi. Chao ôi biết làm sao mà cài trâm đây!

Bài thơ này tôi xin phép không dịch ra thơ quốc âm. Làm sao lột được tâm tình của Đỗ Phủ trong vỏn vẹn mấy vần thơ? Thiên nhiên sao vô tình trước nỗi thống khổ, điêu linh của con người. Sao phố phường vẫn cỏ cây xanh thắm khi bao kẻ đang chạy hộ khẩu đói mờ con mắt? Sao xuân vẫn chan hòa trên núi rừng khi bao kẻ còn đang bị giam cầm, khổ sai trong những trại tù Việt Bắc? Sao hoa vẫn nở để rồi nhỏ lệ? Sao chim chóc vẫn tung cánh để rồi kinh hãi trước đám chó săn hung dữ tự cho mình là pháp luật? Sao đất trời vẫn rộn ràng vào xuân khi người nông dân phải bỏ ruộng vườn tha phương cầu thực? Sao tóc đã bạc lại còn rụng loe hoe sót lại mấy sợi? Sao sự tử tế của con người được đáp lại bằng lòng lãnh đạm, ích kỷ? Sao thư nhà vắng biệt? Sao lửa vẫn cháy trên những cánh rừng cao nguyên thơ dại? Sao con người vẫn đối xử với con người như lang sói? Khổ đau là như thế mà trời vẫn đành đoạn xanh được ư? Làm sao mà nói được những điều ấy trong vỏn vẹn mấy vần thơ? Chữ nghĩa Đỗ Phủ đẹp và chắc như một viên ngọc. Muốn dịch một bài thơ phải ghè cho nó vỡ ra thành từng mảnh vụn rồi mới sắp xếp, tạo dựng nó lại bằng một ngôn ngữ mới. Thơ

Đỗ Phủ ghè cả tuần lễ vẫn không suy suyển, nên thôi, xin đầu hàng. Thay vào đó, xin chép tặng ông một bài thơ Đường luật của Bà Huyện Thanh Quan, và cậy ông lúc nào rảnh rỗi, dịch sang tiếng Trung Hoa cho những người đồng hương cùng đọc.

Thăng Long Thành Hoài Cổ
Tạo hóa gây chi cuộc hý trường
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường

Ôi, Thanh Quan Bà Huyện ơi, vì cớ gì mà Nương Tử lại phá vỡ văn phạm Việt Nam, sao Nương Tử không nói là lối xe ngựa cũ hồn thu thảo mà lại nói là lối xưa xe ngựa, sao không nói là nền điện đài xưa bóng tịch dương mà lại nói là nền cũ lâu đài, khiến cho lòng dạ kẻ hậu sinh này tơi bời, xót xa như thế? Tài dùng chữ, đặt câu của Đỗ Phủ khắp lịch sử Trung Hoa không ai bì kịp. Gặp hai câu Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, Nền cũ lâu đài bóng tịch dương không biết ông có đang ngồi gục gặc cái đầu lưa thưa mấy sợi tóc bạc, loay hoay tìm cách chống đỡ trước những vần thơ ảo diệu của Nữ Sĩ Huyện Thanh đó không?

Nỗi lòng của Đỗ Phủ là nỗi lòng của kẻ ưu thời mẫn thế. Chứng kiến bao cảnh tang tóc, vợ xa chồng, con xa cha, chứng kiến bao nỗi thống khổ của nhân dân Trung Hoa, ông viết bài Xuân Vọng. Ông trông vọng, mơ ước điều gì khi mùa xuân trở về, ông không nói ra. Ông chỉ vẽ lên cảnh điêu linh tang tóc rồi để chúng ta mỗi người tự mơ ước nỗi niềm riêng. Quốc phá sơn hà tại. Thành xuân thảo mộc thâm. Mùa xuân đang trở về trên non sông Việt Nam gấm vóc. Tôi mơ ước một ngày giới cầm quyền ở Việt Nam chấm dứt việc sử dụng võ lực, dùng công an để áp bức, cai trị người dân. Tôi mơ ước một ngày mà người dân ở khắp nơi trên nước Việt, từ thôn quê đến thị thành, được chính quyền đối xử tử tế và công bằng, được để yên cho họ sống như là họ muốn sống. Và tôi cũng xin mơ ước thêm một điều nữa là những người đại diện cho chính quyền Việt Nam đứng ra thương thuyết với nhà nước Trung Hoa, những người ấy hiểu biết về văn hóa Trung Hoa,

quen thuộc với Đỗ Phủ, Lý Bạch, thuộc truyện Kiều, biết thơ Bắc Hành của Nguyễn Du, nhớ Chinh Phụ Ngâm bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn, đọc lại Cung Oán của Ôn Như Hầu, và chí ít, theo dõi thường xuyên mục Đùa Với Đường Thi trên tạp chí Văn Học.

Houston, những ngày giáp Tết Bính Tuất

Đàn Bách Kiếm

Tái Bút: Tôi cũng nhân đây góp đôi lời với ông Sổ Tay Người Thượng Tưởng Năng Tiến. Rằng tôi rất ngậm ngùi đọc những dòng ông viết về những người thiểu số ở Cao Nguyên Trung Phần. Họ đúng là những người có một lối sống đặc thù riêng biệt. Lối sống ấy có dính dáng huyết thống đến người Việt nghìn năm trước hay không, điều ấy có lẽ đúng nhưng không quan trọng. Điều quan trọng là họ có quyền sống theo cái cách mà họ muốn. Nhà cầm quyền Hà Nội phải tôn trọng của cải, đất đai, và quan trọng hơn hết, văn hóa của họ. Tìm cách phá hoại lối sống ấy không những có tội với lịch sử Việt Nam mà còn có tội với lương tâm nhân loại. Chúng ta không thể đòi hỏi người khác đối xử với mình một cách công bình, rồi quay lưng hà hiếp những người cô thân, yếu thế.

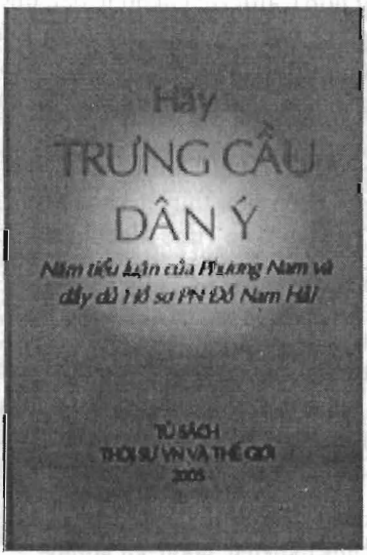

mùa xuân theo máy thời gian

tạp ghi của HOÀNG MAI ĐẠT

"Nếu có máy thời gian, bố muốn đi đâu?" Con gái tôi hỏi bằng tiếng Việt pha với tiếng Anh.

Hai cha con mới rời siêu thị Stater Bros, mua vài món đồ mẹ dặn. Một bó rau xà lách, vài trái cam, một bịch đường, ổ bánh mì lát, hai bịch "gạo" bự cho con chó Kiwi đang "on sale". Nhân tiện tôi mua thêm vài xâu bia tích trữ, cũng "on sale", đề phòng trường hợp California bị động đất, thiếu nước uống. Chiều hôm đó con gái không bận học bài, đồng ý đi theo, giúp bố tìm những hiệu quen thuộc mà vợ tôi thường mua. Trên đường Westminster trở về nhà, thấy cha ít nói trong lúc lái xe, con bé gạ chuyện như mẹ nó thường làm.

Con tôi mới lên trung học, đang đọc cuốn "Máy Thời Gian" của nhà văn Anh Herbert George Wells. Ông viết cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng bất hủ này từ cuối thế kỷ thứ 19. Truyện "The Time Machine" được giảng dạy trong lớp văn chương, dựng thành phim mấy lần. Nhân vật chính trong truyện đã chế máy vượt thời gian, phiêu lưu đến một thế giới của loài người hơn 800,000 năm trong tương lai. Lúc đó nhân loại chỉ còn hai... loại: đám Eloi yếu đuối, ngây thơ như trẻ em, sống vô tư giữa những khu vườn thiếu chăm sóc; và đám Morlock hung dữ, sống dưới mặt đất, chực chờ nhai nuốt những con mồi. Sau những màn trốn rượt gay cấn, kẻ du hành vượt thời gian trở về thời hiện tại, rồi lại bước vào máy, biến mất đâu đó giữa thời gian vô định.

Nghe con hỏi lại muốn biến đi đâu với máy thời gian, tôi càng trầm tư, không ngờ câu trả lời khó hơn tôi tưởng. Đi đâu bây giờ? đến tương lai

hay về quá khứ? xem khủng long nhai cây rừng thời tiền sử, vật lộn đâm húc nhau long trời lở đất, hay ngó dị nhân bán nam bán nữ thời hậu lai, ăn uống bằng ánh sáng thấm qua làn da? Đến khi đậu xe trước nhà, tôi chỉ nói, "*Câu hỏi tưởng dễ mà khó ghê nha. Con cho bố nghĩ thêm vài phút được không?*"

"*Sure,*" con bé trả lời, mau chân chạy phóng vào nhà nựng con Kiwi như mẹ nựng con, để lại tôi với những suy tư kéo dài mấy ngày.

Như ông Wells, tôi cũng muốn bay vèo đến tương lai mấy ngàn năm sau, xem thử thế giới của con người có thoát nổi một trận đại chiến đánh tan nát trái đất, bắn từng mảng lục địa rơi rớt trong không gian. Ông sáng tác cuốn "Máy Thời Gian" trước khi có hai trận đại chiến thế giới, không thể tưởng tượng chỉ mấy chục năm sau khi sách ra đời, đám Morlock đã chạy cùng khắp địa cầu, hăm hở xâm lăng, giết người, trong khi đám Eloi sống nhởn nhơ, vui chơi, không biết có người khác khổ đau. Không cần phải đợi đến mấy trăm ngàn năm mới có con người sống ở hai thái cực như vậy. Ông Wells mất một năm sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc. Chắc có lúc ông đã thất vọng trước sự việc nhân loại dùng những phát minh, trí khôn, để lăn xe tăng, thả bom tiêu diệt lẫn nhau.

Vượt quá xa trong tương lai kể cũng ngại. Nếu không may máy thời gian hết xăng, bị kẹt luôn ở thế giới xa lạ, làm sao tôi kiếm được một chai bia lạnh? tìm đâu ra một tô phở tái? Tôi có thể bấm nút, cho máy chạy tới chừng một trăm năm thôi, xem thử chế độ Cộng Sản ở Việt Nam có còn hay không. Chắc tôi sung sướng khi thấy một vườn hoa rực rỡ, đầy sức sống tại một nơi trước kia là một cái lăng ảm đạm. Nơi ấy không còn một xác người xám ngoét, lạnh ngắt, nằm ì một chỗ mà ám ảnh dai dẳng cuộc đời của mấy thế hệ bị dạy dỗ phải suy tôn xác ma như thần thánh. Liệu một trăm năm sau quê hương tôi có được hưởng thái bình, thịnh vượng như lời cầu nguyện mỗi đầu xuân, hay vẫn bon chen, lấp vá cuộc sống nghèo kém bằng những mỹ từ bắt chước văn minh, tự mãn theo định mệnh muôn đời của một quốc gia nhược tiểu?

Một trăm năm kể cũng còn xa. Thử chạy máy tới vài chục năm xem sao. Mỗi lần vợ chồng tôi cãi nhau, hay nói một cách lịch sự là chúng tôi có "bất đồng ý kiến," nàng thường cong môi, dí câu này cho tôi im miệng, tin chắc đánh trúng tim đen của tôi, "*Thôi em chết quách cho rồi, cho anh muốn kiếm bà nào, con nào khác dễ chịu hay cà chớn thì... ráng mà chịu!*"

Những lúc nóng, lên máu anh hùng xạ điêu... điên, tôi cũng đâu có vừa, hàng tôm hàng cá đâu thua ai, trợn mắt, nói lại liền, "*Anh sẽ chết trước*

cho em biết. Xem thử có thằng cha nào khác chịu nổi em hay không. Đừng tưởng chết trước tui dễ đâu nha."

Lẽ đương nhiên không có đứa nào chết quách, để đứa kia được sung sướng làm lại cuộc đời ở tuổi còng lưng, sắp chống gậy. Nếu có máy thời gian, tôi muốn chạy tới vài chục năm, xem vợ chồng tôi đứa nào được toại nguyện, hả dạ. Biết đâu tôi hên, "bắt" được một "em" trẻ hơn tôi 20 tuổi. Ở tuổi "tám bó", tôi kiếm được một "em" khác, ngon lành ở tuổi 60. Em này thích ngắm hoa mỗi khi đẩy xe lăn cho tôi trong viện dưỡng lão. Biết đâu vợ tôi cũng kiếm được một "gã", ngồi lái xe mui trần chạy 10 dặm một giờ, gây kẹt xe trên xa lộ, tuổi thuộc hàng "thất thập cổ lai hi."

Ở tuổi trung niên, thật tình tôi không còn mơ ước, hoài tưởng, không ngóng quá trớn đến tương lai mà thường nhìn ngược về quá khứ, rờ rẫm những kỷ niệm chất đầy trong nhà, được trân quí như những món đồ vô giá mà bán *garage sale* chẳng ai thèm sờ tới. Nếu được lái máy thời gian, tôi muốn quay về kiếp trước, xem thử mình là... giống gì, người hay thú, dữ hay hiền? Biết đâu kiếp trước tôi từng là một nàng công chúa xinh đẹp, làm vỡ trái tim của nhiều chàng muốn làm phò mã, nên kiếp này bị xuống cấp, phải làm đàn ông, bơi ngược dòng sông, mệt đờ hơi rượt theo các nàng, trước khi được vợ thương tình vớt về nuôi. Biết đâu tôi từng là một bạo chúa, bắt dân phải đốt sách, nên kiếp này khổ sở vì chữ nghĩa, mang nghiệp chướng viết không ra tiền.

Nếu có máy vượt thời gian, tôi muốn biết nghiệp viết của tôi bắt đầu từ thuở nào. Một nơi mà tôi có thể lướt máy về, lượn vài vòng bên trên những mái tôn xập xệ, trước khi đáp xuống như đáp dĩa bay không gian, là chợ Xóm Mới ở Nha Trang. Ở xóm chợ đó, tôi không nhớ mình viết một chữ nào mà có thể gọi là "sáng tác." Tôi chỉ nhớ mình được đọc những quyển sách đầu đời. Trong khoảng thời gian máu lửa chiến tranh, từ đợt tổng tấn công của Việt Cộng trong dịp Tết Mậu Thân năm 1968 đến mấy trận đánh tại Hạ Lào năm 1971, tôi vùi đầu đọc truyện vẽ, sách thiếu nhi. Nhân vật cao-bồi viễn tây Lucky Luke cũng bắn nhiều phát đạn, chu môi thổi khói súng sau mỗi lần dẹp tan âm mưu du kích của bốn anh em tứ quái, mà sao không thấy ai nằm chết la liệt như trong phim chiến sự. Gã phù thủy trong loạt truyện hình Sì Trum (*Les Aventures des Schtroumpfs*) cũng pha thuốc mê, bày mưu tính kế ám hại đám "Tí nhân" màu xanh dương sống trong một ngôi làng giữa rừng thời trung cổ, mà sao không thấy làng bốc cháy, người dân phải bồng bế tìm đường tản cư.

Tôi say mê đọc truyện hình, tìm nguồn vui bên trên xóm chợ, bên ngoài

một cuộc chiến tàn bạo mà quen thuộc đang bao quanh một đứa trẻ chín, mười tuổi. Cha tôi đi lính, tử trận mấy năm trước đó. Mẹ tôi bị đẩy ra ngoài gia đình của chính bà, phấn đấu nuôi hai con trong một quán chợ. Em tôi còn nhỏ, *không thích đọc truyện. Riêng tôi, cơn mê đọc sách đưa tôi ra khơi* trên một chiếc thuyền mong manh chữ nghĩa, khao khát tìm đến những chân trời xa lạ trên những trang giấy. Cứ vài ngày tôi đi bộ đến một ngõ hẻm bên ngoài chợ, bước vào một căn phòng rất nhỏ, chỉ đủ cho hai hoặc ba người đứng giữa những chồng sách chất từ sàn gỗ đến trần nhà. Tôi lục lọi trong núi sách, tìm một cuốn thuê về đọc. Xem hết những truyện vẽ dành cho trẻ em, tôi ngần ngại cầm những cuốn tiểu thuyết. Sách của người lớn hoặc của người... sắp lớn sao mà dày cộm, nhiều chữ quá, không thấy hình. Làm sao tôi có đủ khả năng để đọc hết một cuốn tiểu thuyết? Sau mấy lần phân vân, tôi chọn một cuốn khá dày. Lúc nhận tiền đặt cọc, ông chủ cho thuê sách nhìn tôi vài giây như muốn hỏi, "*Liệu chú mày có đọc nổi hay không mà lấy cuốn sách dày quá vậy? Sao không chọn mấy cuốn mỏng?*"

Cầm sách về chợ, tôi cũng tự hỏi trong lòng như vậy, sợ không hiểu nổi cốt truyện mà lại tốn tiền gấp mấy lần so với xem truyện hình. Sau những buổi trưa hè và đêm thức đọc sách, say mê lật từng trang giấy, tôi vui mừng lúc đọc đến những dòng chữ cuối cùng của cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong đời. Tôi sung sướng, hãnh diện, biết mình không ngu dốt như "dân ở chợ." Cuốn sách dày gần 600 trang ấy là cuốn "Vô Gia Đình" của nhà văn Hector Henri Malot. Lúc ông Malot viết cuốn "Sans Famille" vào năm 1878 ở bên Pháp, ông H. G. Wells của tác phẩm "Máy Thời Gian" chỉ mới có 12 tuổi, có lẽ đang học nghề với một người thợ ở bên Anh. Lúc đó cha của ông Wells bị thương ở chân trong một tai nạn, phải cho các con đi học nghề để nuôi thân. Giữa những lần học nghề thất bại, cậu bé Wells cảm thấy thích, vui sướng hơn mỗi khi bước vào thư viện của thành phố, thả hồn theo những sách tiểu thuyết đương thời mà có lẽ trong đó cũng có cuốn "Sans Famille" của nhà văn Pháp Malot.

Cuốn tôi đọc do ông Hà Mai Anh chuyển sang tiếng Việt, được giải thưởng dịch thuật vào năm 1970 của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Mẹ tôi cũng đã đọc "Vô Gia Đình", khen tôi còn nhỏ mà biết đọc sách. Bà cũng khuyên tôi hãy đọc những tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn. Sau này tôi mới biết mẹ chỉ thích sách của Khái Hưng, Nhất Linh, mặc dù bà có đọc những tác giả khác. Khi nghe tôi viết sách, mẹ từng nói, "*Hãy viết như Tự Lực Văn Đoàn ấy. Thế mới hay.*" Có lẽ bà được đọc Tự Lực Văn Đoàn trong thời gian êm đẹp nhất của thời thanh xuân, trước ngày chôn xác

cha tôi, trước khi lăn xả vào một cuộc sống ở chợ, phải đỏ mặt, trừng mắt trong những lần cãi nhau mà có lúc cần giải quyết bằng bàn tay giật đánh, ném những trái cân vào kẻ đang xông tới quán, bảo vệ miếng cơm cho con. Cũng với bàn tay thô mạnh, gân guốc ấy, mẹ tôi lần giở những trang sách, tìm thiên đường bên trên một cuộc đời có quá ít niềm vui. Không cần lời mẹ khuyên, tôi cũng đọc Tự Lực Văn Đoàn, cảm thấy gần gũi hơn với nhà văn Thạch Lam. Ông viết với tình cảm chân thật, nhìn ra những nét đẹp hiếm hoi, tấm lòng con người trong những cuộc đời khốn khó.

Có lẽ nhà văn Malot cũng vậy. Ông đã lôi cuốn tôi qua mấy trăm trang sách bằng lối viết rất cảm động. Tôi ráng đọc hết sách cho dù không giỏi chữ, có khi không hiểu hết ý nghĩa của truyện. "Vô Gia Đình" mở đầu với một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, được một cặp vợ chồng nuôi nấng. Năm Minh được tám tuổi, người chồng bị tai nạn, quyết định bán em cho một ông lão diễn trò rong. Cùng với ông lão, một con chó và một con khỉ, Minh ố hay Remi trong nguyên tác tiếng Pháp ố lang thang khắp đất Pháp và xứ Anh. Nhiều biến cố, tai họa liên tục xảy ra cho nhóm diễn rong. Minh dùng trí khôn, lòng can đảm để vượt qua những thử thách trước khi tìm được gia đình.

Đoạn đầu của sách đã khiến tôi rơi lệ, muốn đọc tiếp đến hết cuốn truyện. Có lẽ giống mẹ, tôi ít khóc trong thời thơ ấu. Tôi không khóc khi biết cha mất, không khóc ngày gia đình bên ngoại bỏ rơi mấy mẹ con khi đạn pháo kích rớt vào một thành phố hỗn loạn, mở đường cho quân Cộng Sản chiếm Sài Gòn. Vậy mà tôi rơi lệ ở đoạn Minh phải xa mẹ nuôi, đi theo một ông lão xa lạ và gánh hát nhỏ của ông. Nếu có máy thời gian, tôi sẽ thấy lại quán của mẹ con tôi trong góc chợ Xóm Mới, gần nhà vệ sinh công cộng. Mỗi đêm ba mẹ con ăn cơm, đọc sách trong ánh đèn dầu, cùng lúc có xe ba gác chở thùng đến hốt phân tại nhà vệ sinh. Trong một đêm hôi hám như thế, tôi khóc khi đọc đến đoạn đứa bé phải rời một miền quê yêu dấu. Đoạn ấy được viết như sau:

"Tôi thấy bàn tay ông già cầm cổ tay tôi kéo đi. Phải đi.

Than ôi! Ngôi nhà yêu dấu, khi bước chân khỏi cửa, tưởng chừng như tôi đã để lại một miếng da miếng thịt của tôi.

Tôi cất tiếng gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ Liên ơi!

Nhưng không ai trả lời. Tiếng kêu của tôi nghẹn dần. [...]

Đi được vài bước, tôi quay đầu lại. Chúng tôi đã đi qua đỉnh núi. Tôi không nhìn thấy thung lũng và nhà tôi nữa. Xa xa, chỉ thấy những ngọn đồi

xanh lô nhô trên nền trời cao rộng. Mắt tôi nhòa trong khoảng vô tận."

Tôi xúc động, thương cho đứa trẻ bất hạnh phải rời xa quê hương, mà cũng buồn lo cho thân phận chúng tôi có ngày phải rời bỏ quán chợ, lang thang đến một nơi xa xăm vô định. Quán cũng là nhà che chở ba mẹ con, cho dù quán phảng phất mùi xú uế mỗi đêm. Con không cha như nhà không nóc, người ta thường nói vậy. Tôi thiếu cha nhưng không bao giờ thiếu một mái nhà, nhờ tình thương của mẹ và nhờ những cuốn truyện mà tôi hằng tìm nơi nương tựa.

Nếu có máy thời gian, tôi sẽ nương theo, tìm về một nơi chốn nào đó trên miền núi Ban Mê Thuột. Miền đất đỏ cao nguyên ấy là nơi duy nhất tôi còn vài kỷ niệm với cha. Đúng hơn là chỉ có hai kỷ niệm trong trí nhớ, mà đều không vui. Cha tôi đi lính Bộ Binh, mẹ tôi bồng bế hai con theo chồng. Một ngày mưa tầm tã, tôi chừng bốn tuổi, nghịch ngợm tìm những nơi dột trong nhà. Thấy nước mưa từ trên mái tôn rơi xuống, tôi thò đầu, cố ý để những giọt nước rớt trúng đỉnh đầu, càng gần xoáy tóc càng vui, nghe tiếng nước rơi đều trên óc. Cha tôi la con vài lần, thấy tôi không ngưng hứng nước mưa trên đầu, liền bế thằng con lên đùi và đánh mấy phát vào mông. Nghe tôi khóc lớn quá, mẹ can cho yên chuyện. Trong mấy năm tôi mới lớn, cứng đầu, không nghe lời, mẹ thường mắng, *"Phải chi ba mày còn sống, đánh cho mày một trận như hồi mưa dột. Tao mệt quá, nói không nổi."* Nhờ mẹ la hoài mà tôi không quên kỷ niệm "mưa cao nguyên" của tôi với cha.

Kỷ niệm thứ nhì xảy ra ở ngoài đường. Chắc hôm ấy cha tôi thấy trời nắng đẹp, vui vui sao đó, nên đạp xe chở theo tôi ngồi ở đằng sau. Cha con dạo một vòng trên những con đường đất của Ban Mê Thuột. Tôi còn bé, cẳng ngắn, đong đưa đôi chân ở hai bên xe. Trong một lúc đổ dốc, có lẽ ông cao hứng, đạp ào ào như một thể tháo gia tham dự Tour de France, phóng đến Khải Hoàn Môn, quên cậu con đang ngồi ôm chặt ghế ở đằng sau, sợ xanh mặt. Xe nghiêng một bên, khiến tôi thò một bàn chân vào trong bánh đang quay nhanh. Xe bị vướng chân, ngã ào xuống đất. Máu từ mắt cá chân tôi chảy ướt bàn tay xoa của cha. Ông vội vàng nhờ người đưa tôi vào bệnh viện cấp cứu. Mấy tháng sau khi xảy ra biến cố xe đạp, ba tôi tử trận trong một cuộc phục kích của Việt Cộng tại Tuy Hòa. Ông mất lúc chưa được 30 tuổi. Tôi lành vết thương từ lâu, thỉnh thoảng sờ lại vết sẹo trơn láng trên mắt cá bên chân phải mỗi khi chạnh nhớ đến cha.

Thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ đến cha, như trong một lần Tết về thăm gia đình ông ngoại ở Sài Gòn. Ông ngoại tôi khó tính, không thương mẹ tôi như thương mấy người con với bà vợ thứ nhì. Bà ngoại ruột của tôi mất

sớm, để lại hai đứa con gái cho một người chồng luôn ao ước có con trai. Ngày tản cư ở miền Bắc, rời vùng Việt Minh kiểm soát, ông tôi không muốn người trong làng biết gia đình trốn về thành phố, sai mẹ tôi ở lại coi nhà, đun rơm như vẫn sinh hoạt bình thường. Lúc đó mẹ tôi mới gần mười tuổi, ở nhà một mình giữa một miền quê đang bao trùm trong không khí hận thù, chém giết có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đến khi hiểu mình bị bỏ rơi, mẹ tôi hốt hoảng chạy theo người quen về thành phố. Tìm được gia đình, mẹ tôi bám chặt theo ông cho đến ngày di cư vào Nam. Càng bị ruồng bỏ, hắt hủi, mẹ tôi càng quí trọng ông ngoại hơn, bám víu vào hy vọng một ngày kia cha sẽ hồi tâm. Mỗi mùa xuân ông có ban phát một chút tình thương cho ba mẹ con, cho phép chúng tôi từ Nha Trang về thăm gia đình ở Sài Gòn. Mẹ tôi nghèo, góa bụa, không có gì cho ông ngoại hãnh diện. Còn tôi, dưới mắt ông, chỉ là một thằng cháu xấu đen như dân Thượng miền Trung, chậm chạp, kém lanh lợi, không thông minh. Ông chẳng bao giờ xoa đầu, cho tôi một lời khen. Ông cũng không cho tôi đến gần và cấm ngồi trên giường nệm của ông.

Mỗi khi không bị sai vặt trong một căn nhà chuyên bán chiếu nằm trên đường Tôn Đản, tôi thường leo lên gác trên, chơi bên cạnh những kệ chiếu cao ngất. Một bữa Tết kia tôi được mẹ mua một con búp-bê Batman dài bằng cánh tay. Tôi và chàng hiệp sĩ người dơi đã tung chạy bắt kẻ gian giữa những tấm chiếu. Mải vui, tôi thảy Batman lên cao, khiến chàng hiệp sĩ bay rớt qua khung cửa sổ, bị kẹt sâu giữa hai tường nhà. Đúng lúc tôi ngóng cổ, cố gắng dùng cây khều Batman, ông ngoại lên gác xem xét động tĩnh. Khi biết chuyện, ông mắng tôi ngu như Thượng, dốt như "dân ở chợ." Tôi không dám nhìn lên ông ngoại, chỉ biết len lén ngó theo chàng hiệp sĩ đang nằm úp mặt chổng hai chân lên trời. Lúc ấy tôi có nghĩ đến cha tôi, tưởng tượng cha không thật sự chết trận, bị lầm lẫn với người khác và vẫn còn sống. Cha tôi sẽ tìm hai đứa con, che chở chúng trong những lúc nguy nan. Nhưng cũng như chàng hiệp sĩ đồ chơi của tôi bị kẹt giữa hai bức tường, cha đã nằm yên dưới huyệt mộ, muôn đời không xuất hiện trong cuộc đời của chúng tôi. Về lại xóm chợ ở Nha Trang từ ngày Tết đó, tôi đọc nhiều hơn, kể cả cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong đời.

Nếu có máy thời gian, tôi mong trở về một mùa xuân còn có cha. Cho dù bị cha bợp tai vì tội đưa đầu hứng mưa, hay bị cha chở trên xe đạp, hoảng sợ như sắp té, tôi vẫn mong có một mùa xuân với ông. Trong trí nhớ tôi không có một mùa xuân nào với cha, không có tiếng pháo, bánh chưng, hay tiền lì xì của ba.

"Bố muốn gặp lại cha của bố, ông nội của con," tôi trả lời vắn tắt nhân dịp trở lại câu chuyện với con gái tại bàn ăn.

"Vậy hả bố?" con tôi mở tròn hai con mắt.

"Còn con thì sao? Nếu có máy thời gian con muốn đi đâu?" tôi hỏi lại.

"Con không biết. Thật sự không biết," con tôi trả lời, bằng tiếng Anh, sau vài giây nghiêng đầu im lặng.

Không nói ra nhưng tôi thầm mừng cho con. Không cần đi đâu trong thời gian ở phía trước hay ở đằng sau có lẽ là điều tốt. Mong một ngày kia con tôi không cần dùng máy thời gian, để tìm tôi trong ký ức của nó. Máy chỉ cần thiết cho tôi, người muốn bay tìm trong quá khứ mông lung, mong hòa giải với chính mình trước những nỗi niềm chưa nguôi cho dù thời gian đã trôi quá nửa đời người. Thốt nhiên, tôi chợt thấy ra mình đã có máy vượt thời gian từ lâu mà không biết đó thôi. Với những dòng chữ đang viết trên giấy, tôi có thể bay xa hàng triệu năm từ tương lai đến quá khứ, bay cái vèo dễ như chơi, qua mấy đoạn đời trong muôn kiếp người.

Hoàng Mai Đạt

sinh hoạt văn học nghệ thuật thế giới

LÊ QUỲNH MAI

HOA KỲ

Cơn điên của Katrina

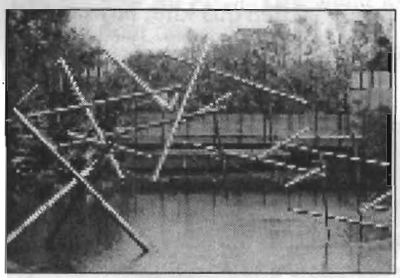

Sự thức dậy của cơn bão Katrina đã làm tổn thất không ít về nghệ thuật tại Hoa Kỳ. Ở New Orleans, nơi đa số trung tâm văn hóa nằm trong khu "*French Quarter*" bị tàn phá nặng. Một vài nơi may mắn không bị ảnh hưởng nhiều như Warehouse Art Districk, bảo tàng viện Ogden của thành phố phố New Orleans. Những địa điểm khác như Biloxi tại Mississippi bị phá hủy gần hết vì nằm ngay trước bãi biển. Một trong những nơi khác là Pleasant Reed House, bảo tàng viện này được xây cất bởi những nô lệ da đen vào cuối thế kỷ 19. Riêng Virlain Tower cao 45 foot bị sụp đổ hoàn toàn. Đây là một trong 55 công trình nghệ thuật, được xây cất tại vườn điêu khắc Sydney and Walda Besthoff năm 1981. Cũng ảnh hưởng bởi cơn bão, trên 80% nhân viên của các trung tâm văn hóa nghệ thuật bị sa thải, vì ngân sách cắt giảm của các thành phố bị tàn phá. Sau cơn điên của Katrina, các cơ quan bảo tồn văn hóa nghệ thuật, Quốc Hội Hoa Kỳ và Tòa Bạch Ốc đã tài trợ để xây dựng và tu sửa lại những bảo tàng viện và phòng triển lãm, nhưng ngân sách trợ cấp cũng bị cắt giảm tối đa. Tuy nhiên tại NewYork, một số văn nghệ sĩ độc lập đã giúp đỡ thành phố New Orleans. Trong khoảng tháng Chín và tháng Mười năm 2005, bảo tàng viện Nghệ Thuật Hiện Đại Nữu Ước đã bán hơn 50 tác phẩm của Lee Friedlander, với giá từ 3000 đến 5000 mỗi ấn bản. Ngay sau tuần lễ Katrina

đến Vùng Vịnh, một số nhà văn nhà sách nhà xuất bản tại Hoa Kỳ, cũng như các tổ chức văn hóa đã cố gắng giúp đỡ các nạn nhân bị thiệt hại nặng vì bão. Nhóm thiện nguyện đã quyên góp được số tiền lớn. Trong số đó có nhà văn John Grisham, ông tặng 5 triệu mỹ kim để lập ra *Rebuild Coast Fund* giúp nạn nhân vùng Mississippi. Website Amazon.com tặng 12 triệu mỹ kim cho Hội Hồng Thập Tự. News Corps, chủ nhân của Harper Collins tặng 1 triệu mỹ kim. Công ty truyền thông báo chí Viacom, chủ nhân của Simon & Schuster tặng 1 triệu mỹ kim. Random House cũng đã gởi tặng 500.000 mỹ kim, và giúp một số việc làm cho nạn nhân với công ty này. Tất cả số tiền quyên góp đã được chuyển đến Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ. Chủ Tịch Quỹ Ủy Lạo Nghệ Sĩ của New Orleans phát biểu rằng "*Rất nhiều nghệ sĩ tại Nữu Ước giúp đỡ chúng tôi. Họ đã chứng tỏ được sự quan tâm và lo lắng đến nền Nghệ Thuật Hoa Kỳ*" (Artnews USA, 11/2005).

Giải Pulitzer 2005

Ted Kooser đã nhận giải thưởng cao quí dành cho thi ca, qua tác phẩm mới nhất của ông: *Delight & Shadows*. Tiểu thuyết *Gilead* cũng mang giải thưởng về cho nhà văn Marilynne Robison. Ted Kooser được giới văn thi sĩ biết đến qua hoạt động rất mạnh của ông, về việc phát huy nền thi ca. Ông đã từng đi khắp các tiểu bang để đọc thơ, và tuyển chọn những tài năng cho giải thưởng thi ca. Việc làm này đã khuyến khích không ít cho những nhà thơ tại Hoa Kỳ (Artnews, 11/2005).

Tiếng Sáo Thiên Thu

Nguyễn Đình Nghĩa, tay sáo hàng đầu của nền âm nhạc Việt Nam, đã qua đời ngày 22 tháng 12 năm 2005 tại Hoa Kỳ. Ông sanh năm 1940 tại Đà Nẵng, theo học tại Collège Tourane. Năm 1960, cư ngụ tại Sài Gòn đến 1975. Nguyễn Đình Nghĩa cùng gia đình đến Canada năm 1984, sau đó định cư tại Hoa Kỳ kể từ năm 1994. Tự học âm nhạc và sáng tác, tài hoa của Nguyễn Đình Nghĩa đã đưa tên tuổi ông trở thành bất tử qua bài *Phụng Vũ*. Được mệnh danh là "Tay Sáo Thần" trong làng âm nhạc Việt Nam, đại diện Việt Nam Cộng Hòa đi trình diễn tại Đại Hội âm nhạc Paris, Tokyo... Năm 1978 sống ở miền cao nguyên, ông tiếp xúc và khám phá ra những loại nhạc khí độc đáo của dân sắc tộc Bahnar, H'mong... Năm 1981, *Tay Sáo Thần* hoàn tất tác phẩm độc đáo của ông, dựa trên *đàn T'rưng* của dân sắc tộc và sáng kiến của một nhạc sĩ Nhật Watanabé. Đó là chiếc đàn 28 ống tre có độ 1/5, 1/10 milimètre mỗi ống, nhạc khí này có khả năng tiết tấu bốn bát độ, với một âm thanh tuyệt đối thuần túy, nhờ vào cách chọn lọc và bảo vệ những ống tre. Năm 1987, Nguyễn Đình Nghĩa cùng năm người con của ông, liên

tiếp trình diễn những buổi hòa tấu tại Đại Học Toronto, và vùng Đông Bắc Hoa Kỳ với đàn T'rưng 28 ống trúc, đàn Độc Huyền, Thập Lục, Tây Ban Cầm và trống. Ngoài âm nhạc, ông là môn sinh võ Thiếu Lâm, từng góp mặt trong phim Đời Võ Sĩ, và vô địch môn Điền Kinh tại trung học. *Khôi Nguyên Nghệ Sĩ Trình Tấu Xuất Sắc Liên Hoan Nghệ Thuật Âm Nhạc Thế Giới* tại tiểu bang Maryland qua 4 năm liên tiếp, từ 1994 đến 2002, Nguyễn Đình Nghĩa đã mang lại niềm vinh dự cho nền âm nhạc Việt Nam qua tài hoa hiếm có của ông. (DC, USA, 22/12/05)

Mái tóc Dạ Hương không còn nữa

Làng âm nhạc Việt Nam vừa mất thêm một tài hoa trong tháng 12 năm 2005 vừa qua: nhạc sĩ Nguyễn Hiền. Quê quán Bắc Ninh, ông sanh ra và lớn lên tại Hà Nội. Có năng khiếu và học âm nhạc từ nhỏ, ông nghiên cứu nhạc cổ truyền Đông phương, cũng như kỹ thuật sáng tác dựa trên âm nhạc cổ điển Tây phương, sử dụng nhiều nhạc khí khác nhau như dương cầm, phong cầm, vĩ cầm, sáo. Năm 18 tuổi Nguyễn Hiền đã soạn nhạc phẩm đầu tay cùng hơn một trăm ca khúc sau này, đặc biệt ông thường phổ thơ thành nhạc như: *Mái Tóc Dạ Hương* (thơ Đinh Hùng), *Anh Cho Em Mùa Xuân* (thơ Kim Tuấn), *Lá Thư Gởi Mẹ* (thơ Thái Thủy)... Ông còn soạn nhạc cho phim Việt Nam trước 1975 tại Sài Gòn, như *Tiếng Hát Học Trò*... Năm 1950, Nguyễn Hiền là Nhạc trưởng của ban nhạc tại Hotel de Paris, Hà Nội. Sau đó là Trưởng Ban chương trình âm nhạc của Đài Phát Thanh Quân Đội Sài Gòn vào giai đoạn đầu thời kỳ di cư vào miền Nam. Thời kỳ này là giai đoạn phát triển và thịnh hành nhất của phong trào sáng tác cũng như phát hành tân nhạc. Năm 1988 đến định cư tại Hoa Kỳ, từ đó Nguyễn Hiền tham gia hoạt động trong lãnh vực văn hóa. Ông là Ủy Viên Văn Hóa & Nghệ Thuật của thành phố Westminster trong tám năm liên tiếp, Cố Vấn Hội Cao Niên Á Mỹ, Cố Vấn Hiệp Hội Di Sản Văn Hóa Hùng Vương. Với kiến thức rộng về âm nhạc, Nguyễn Hiền đã được mời tham dự Đại Hội Văn Hóa Tư Tưởng tại San José, và thuyết trình về Triết Lý Âm Nhạc Đông & Tây phương trong năm vừa qua. Hơn hai phần ba cuộc đời, ông đã đóng góp cho nền văn hóa không ít, qua kiến thức cùng tài hoa về lãnh vực âm nhạc. Sự ra đi của nhạc sĩ Nguyễn Hiền là một mất mát lớn của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại (Tin California, 12/2005).

CANADA

Văn Lâm Xã Montréal

Trong cuối năm vừa qua, *Văn Lâm Xã* đã tổ chức buổi họp mặt thường niên tại Montréal. Chương trình gồm 4 phần liên tiếp qua tiết mục: ba mươi năm thấm thoát, thơ, câu thơ nối vần, sự muôn năm cũ. Cũng trong dịp này, BTC giới thiệu đến thân hữu *Tuyển Tập Văn Lâm Xã IV - 2005* qua chủ đề *Ba Mươi Năm Thấm Thoát*. Nội dung Tuyển Tập Văn Lâm Xã phong phú đa dạng, gồm những bài thơ xướng họa, thơ chuyển dịch từ tác phẩm ngoại quốc, với sự góp mặt của nhà thơ Dương Tử, Tôn Thất Thận, Tôn Thất Xứng, Trần Kim Vân, Thân Trọng Thiên Kim, Đỗ Thị Kim, Ngọc Lâm, Ngọc Sương, Nguyễn Văn Phú, Lâm Văn Bé, Quản Hùng, Sao Khuê, My Lan, Đặng Quân Tiểu Sính, Khoa Nghi, Nguyễn Bá Triệu, Bảo Sơn, Trình Chung, Hoài Chi, Nguyễn Văn Giáp. Văn Lâm Xã được thành lập tại Montréal từ 10 năm qua, với mục đích duy trì phổ biến thi ca Việt tại hải ngoại. Tổ chức của Văn Lâm Xã mang nét đặc thù cổ truyền Việt Nam, qua thành phần BTC được gọi là Tiên Chỉ, Lý Trưởng, xã viên... Buổi họp mặt kỉ niệm thường niên trên thành công với những tiết mục văn nghệ: đọc thơ, xướng họa thơ, ngâm thơ... do các xã viên trình diễn. (Intermedia Montreal)

Di Dân Á Châu Aki Shimazaki và giải thưởng Văn Học Canada

Nhà văn nữ Canada gốc Nhật Bản Aki Shimazaki vừa nhận giải thưởng - *Prix littéraire du Gouverneur Général du Canada* - trong cuối năm 2005, qua tác phẩm *Hotaru* của cô (nxb Leméac Éditeur/ Actes Sud). Truyện kể về cuộc đời của hai bà cháu, trải qua những giai đoạn biến chuyển của lịch sử, và mở ra những bí mật bề trái của một đại gia đình danh giá. Nhà thơ bản xứ Jean Marc Desgent cũng nhận giải thưởng thi ca qua *Vingtième Siècles*. Giải thưởng dành cho thế hệ trẻ sáng tác về tay Camille Bouchard với *Le Ricanement des Hyènes*. Mỗi tác giả nhận được 15.000 gia kim. Theo thống kê trong 5 năm vừa qua, các tác phẩm nhận giải Văn Học, là tác phẩm chỉ được các nhà xuất bản nhỏ phát hành, không có cơ hội phổ biến rộng rãi. Vì lý do trên, ba nhà xuất bản đều nhận được bằng ban khen của Toàn Quyền Canada và 3000 gia kim trợ cấp, để giới thiệu quảng cáo các tác phẩm này đến độc giả yêu thích văn chương. (La Press Montréal, 11/2005).

PHÁP QUỐC

François Weyergans-Giải Goncourt 2005

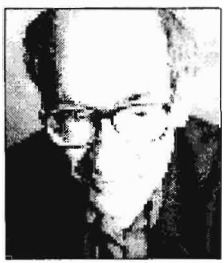

Tác phẩm *Trois jours chez ma mère* (nxb Grasset) đã nhận giải Goncourt trong cuối năm vừa qua. Mang hai dòng máu Pháp và Bỉ, 64 tuổi, con trai của nhà văn Franz Weyergans. François thành công trong lãnh vực nghệ thuật thứ bảy, qua viết điểm phim cho tạp chí Cahier du Cinéma, mặc dù trước đó ông đã nổi tiếng với *Le Radeau de la Meduse, Je suis Écrivain, Franz et François*. Ông đã thực hiện một số phim ngắn dựa trên tác phẩm sáng tác. Vào năm 1992, François nhận giải Renaudot với La Démence du boxeur. Trong lịch sử văn học Pháp Quốc, chưa có tác giả nào nhận được hai lần giải thưởng lớn Renaudot và Goncourt như ông. *Trois jours chez ma mère* là một tác phẩm có cấu trúc rất khó viết, như chính tác giả đã phát biểu. (Magazine Littéraire 11/2005).

Vargas Llosa, người tình Châu Mỹ La Tinh tại Kinh Đô Ánh Sáng

Đó là một cuốn tự điển, mở đầu bằng dòng chữ "*Khám phá Châu Mỹ La Tinh...*", được ghi chép lại trên giấy theo thời gian từ thập niên 60, khi "*người tình Châu Mỹ La Tinh*" đến Pháp lúc 23 tuổi. Với tài hoa thiên bẩm, Mario Vargas Llosa sử dụng văn chương như một vũ khí chinh phục Kinh Đô Ánh Sáng. Từ đó đến nay, ông không ngừng viết, không ngừng đọc, không ngừng du lịch để tìm nguồn cảm hứng cho tác phẩm văn chương. Sức sáng tạo mãnh liệt của Vargas đã chinh phục được sự ngưỡng mộ, sự thán phục dành cho tác giả tài hoa này. Tác phẩm *Dictionnaire Amoureux de l'Amérique Latine* mang độc giả đến một đoạn đời phong phú, nhưng trải dài khó khăn đau khổ củaVargas tại quê hương thứ nhì của ông. Độc giả cũng tìm thấy một phần lịch sử văn học Pháp Quốc trong thế kỷ 20, một số chân dung của Vargas qua những cuộc gặp gỡ thân kỳ với các nhà văn tên tuổi như Jorge Amado, José Lezama Lima, Julio Cortazar, Rafael Albert, Jorge Luis Borge... Cảm tưởng của ông về Gabriel Garcia Marquez, ấn tượng về một Pablo Neruda với những dòng thơ bất hủ không ai so sánh được. Hình ảnh của Fidel Castro, Fernando Botero, Che Guevara, cùng nhiều khuôn mặt trong thế giới Châu Mỹ La Tinh. Tác phẩm *Dictionnaire Amoureux de l'Amérique Latine* do nhà xuất bản nổi tiếng Plon giới thiệu (Magazine Lire 11/2005).

ANH QUỐC

Đổi xác ướp lấy ngọc thạch

Qua sự hiện diện của Thủ tướng Tony Blair của Anh Quốc và Chủ Tịch đảng cộng sản Trung Quốc Wen Jianbao, một hiệp định văn hóa ngắn hạn về trao đổi cổ vật, vừa được ký tại Bắc Kinh trong cuối tháng Chín năm 2005. Đây là sự trao đổi về lãnh vực văn hóa nghệ thuật giữa hai quốc gia, tính từ Đại Hội Olympic 2008 tại Bắc Kinh cho đến ngày kết thúc Shanghai Expo 2012. Cổ vật thứ nhất, sẽ được trưng bày tại bảo tàng viện của hai quốc gia trong ngày khai mạc Đại Hội Olympic. Bên phía xứ sương mù của Nữ Hoàng Anh sẽ cho mượn một số xác ướp Ai Cập, và những khuôn chữ cổ được dùng trong chữ viết của người Ba Tư và người Assyria cổ. Để đáp ứng lại, Trung Quốc sẽ gởi đến tất cả bộ sưu tầm bằng ngọc thạch và sành sứ của nhiều thời đại vua chúa Trung Hoa, mà một trong những vật quí giá có giá trị nhất là bộ tách trà của vua Càn Long mang theo dùng, khi du lịch Giang Nam. Từ khi trở thành Giám Đốc viện bảo tàng Anh Quốc, Neil Macgregor đã cổ động việc trao đổi văn hóa nghệ thuật giữa các nước và Anh Quốc. Triển lãm xác ướp Ai Cập là triển lãm văn hóa đầu tiên tại Trung Quốc, chắc chắn sẽ mang lại sự thích thú cho giới yêu thích đồ cổ. (Artnews, 11/2005).

Ý ĐẠI LỢI

Phá hoại có lợi

Trong lịch sử hội họa và điêu khắc, một vài sự phá hoại các tác phẩm nghệ thuật, lại trở thành nguồn sáng tạo và mang về nguồn tài chánh cho tác phẩm đó. Như trường hợp chân trái bức tượng điêu khắc David của Michelangelo bị bẻ gãy, hoặc hình ảnh Jésus Christ bị xóa đi trong tác phẩm hội họa *The Last Supper* của danh họa Léonardo. Tổ chức bất vụ lợi CittàItalia tại Ý Đại Lợi đã đưa hai tác phẩm nghệ thuật này lên đài truyền hình, và trên bích chương dán tại trung tâm thành phố. Việc này gây nên cú sốc mạnh cho giới thưởng ngoạn hội họa và điêu khắc. Thực tế hai tác phẩm trên chưa hề bị phá hoại như hình ảnh trưng bày. Mục đích của tổ chức chỉ dùng vào việc quyên góp tài chánh, để tu bổ lại những tác phẩm hội họa bị tàn phá theo thời gian. Bộ trưởng văn hóa Ý Đại Lợi tuyên bố "*Dân tộc Ý phải lo cho nghệ thuật mà họ may mắn được thừa hưởng hiện nay, hoặc là sẽ mất hết*", sau khi Thủ

Tướng Ý cắt giảm ngân sách trợ cấp cho khoản trùng tu về lãnh vực nghệ thuật. Tổ chức CittàItalia tại Ý Đại Lợi phải dùng hai phần ba trong quỹ quyên góp, để giúp dân nghèo tại miền Nam, nên chương trình tu bổ các tác phẩm nghệ thuật chỉ đứng hàng hai. Cũng nhờ kỹ thuật hiện đại của máy điện toán, mà hình ảnh của hai tác phẩm có giá trị cao trong nghệ thuật điêu khắc và hội họa, đã quyên góp được một số hiện kim không nhỏ cho tổ chức bất vụ lợi CittàItalia. (Artnews, 11/ 2005).

SWITZELAND

Năm trăm năm lịch sử nghệ thuật

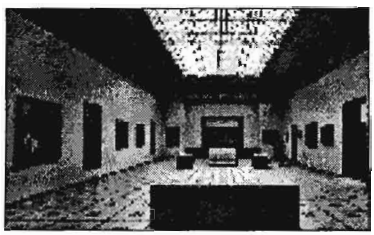

Viện triển lãm cổ xưa nhất tại Switzeland, *Majestic Kunsthaus Zurich*, đã mở cửa lại trong tháng 11 năm 2005 vừa qua, sau bốn năm tu sửa lại với số tiền lên đến 42.5 triệu mỹ kim. Đây là cuộc triển lãm mới, giới thiệu 500 lịch sử nghệ thuật quốc gia. Khoảng 600 tác phẩm hội họa, điêu khắc, hình ảnh chụp lại, những cuộn băng videó đã được giới thiệu đến công chúng. Khu triển lãm chính được vẽ kiểu bởi kiến trúc sư nổi danh Âu châu Karl Moser năm 1910, đã được tân trang lại với hệ thống đèn nhiệt độ, điều khiển bằng máy điện toán. Khu vực Art Nouveau cũng được sửa chữa lại theo kiểu vẽ mới, để phù hợp với đúng tên của khu vực này. Khoảng đất dành cho toàn bộ tác phẩm của Giacometti, tài sản chính của viện Kunsthaus, cũng được mở rộng. Một trong những chương trình gây chú ý chú ý nhiều nhất là tác phẩm của họa sĩ Zurich, Johann Heinrich, người được biết đến trong giới hội họa qua qua tên Henry Fuseli (1741-1825). Triển lãm tại quốc gia Switzeland sẽ kéo dài đến cuối tháng 1 năm 2006. Độc giả yêu tranh có thể du lịch đến thành phố Zurich để thưởng ngoạn cuộc triển lãm vĩ đại này. (Artnews, 11/2005).

ISRAEL

Yann Martel nối vòng tay lớn qua tác phẩm văn học

Nhà văn Gia Nã Đại với giải thưởng Anh Quốc Man Book 2002 qua tác phẩm *L'histoire de Pi*, đã thực hiện buổi đọc sách trong tháng 11 năm 2005 vừa qua tại Jerusalem, khi ông đến Israel để tìm tài liệu và thăm lò thiêu Yad Vashem. Được đón tiếp long trọng bởi các chức sắc trong cộng đồng Do Thái, Yann Martel đã đọc hai phần trong truyện sắp hoàn tất của

ông - *Holocaust* - Nội dung của tác phẩm xoay quanh sự chăm chỉ và thông minh của con lừa và con khỉ, hai con vật đại diện cho dân tộc Do Thái. Yann Martel bắt đầu viết *Holocaust* từ năm 2002, nhưng tác phẩm này bị gián đoạt vì tiếng vang của *L'histoire de Pi*. Sau đó, ông đã bắt tay sáng tác trở lại song song với nghiên cứu tài liệu, hồi ký của những nạn nhân may mắn sống sót, trong số sáu triệu dân Do Thái bị sát hại trong Thế Chiến II vừa qua. Yann cho rằng viết về đề tài diệt chủng, là một thử thách mới trong nghệ thuật sáng tạo của ông. "*Mỗi cuốn sách tôi viết giống như một thế giới nhỏ. Khi chấm dứt một tác phẩm, tôi như vừa thi xong bằng tốt nghiệp*". (The Globe and Mail 11/2005)

TÂY BAN NHA

Giải thưởng Cervantes 2005 và Sergio Pitol

Nhà văn Mễ Tây Cơ nổi tiếng trong khối Châu Mỹ La Tinh vừa nhận giải thưởng cao quí nhất mang tên tác giả tiểu thuyết Don Quixote, Cervantes. Sergio Pitol sang năm 1933, là giáo sư văn chương, tùy viên văn hóa tại Trung Quốc, Ba Lan, Pháp, Hung Gia Lợi, đại sứ tại Tiệp Khắc. Ngoài lãnh vực ngoại giao, ông còn là tác giả của nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi ký, dịch giả của những tác phẩm nổi tiếng quốc tế. Pitol có nghệ thuật kể chuyện rất linh hoạt trong tác phẩm. Điểm đặc biệt nổi bật trong sáng tác của ông, là kết hợp những suy tưởng và ký sự về đời sống con người. Victor Garcia de la Concha, giám đốc Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Tây Ban Nha nhận định rằng, Sergio Pitol đã đóng góp năng lực, làm phong phú truyền thống văn chương của khối Châu Mỹ La Tinh qua tiếng Tây Ban Nha. *Địa Ngục Trần Gian là một trong những tác phẩm hay nhất của nhà văn nhận giải Cervantes 2005.* Sergio Pitol là tác giả thứ ba người Mễ Tây Cơ nhận vinh dự này sau Octavio Paz (1981) và Carlos Fuentes (1987). (The Gazette Montreal, 12/2005).

Á CĂN ĐÌNH

César Aira, nhà văn xứ Tango

Sanh năm 1949 tại Colonel Pringles, một làng nhỏ tại Á Căn Đình. César Aira sống tại Buenos Aires từ năm 18 tuổi trong khu Flores.

Năm 1980, độc giả biết đến ông qua tác phẩm *La robe rose*. Đặc biệt trong năm 2005, César trở thành nhà văn duy nhất có ba tác phẩm được giới thiệu cùng một thời gian, qua ba nhà xuất bản khác nhau. *Les Nuits de Flores, La princess Printemps và Varamo. Les nuits de Flores* kể chuyện một cặp vợ chồng già rất đúng giờ, cẩn thận, có trách nhiệm. Họ đi bộ giao *pizza* vào ban đêm trong khu phố sang trọng Flores. Đặc biệt là hai nhân vật chính trong truyện, cầm những sợi dây cột hộp *pizza* nóng hổi, đi bộ xuyên qua các ngã tư đường, họ cũng đứng lại mỗi khi đèn đỏ báo hiệu. Nhờ đi bộ giao hàng ban đêm, mà họ khám phá ra mặt trái của xã hội, từ tội phạm giết người, đến những nữ tu trốn khỏi nhà dòng đi ăn tại nhà hàng... Trong *La princess Printemps*, độc giả sẽ được du lịch trên đảo thần tiên bên cạnh xứ Panama, để gặp nàng công chúa mùa Xuân trẻ đẹp, ngồi bên cửa sổ trong lâu đài bằng cẩm thạch trắng để chuyển ngữ những tác phẩm văn chương. *Varoma,* một thợ sắp chữ già độc thân, in tác phẩm thơ của ông bằng tiền lương vừa nhận được, sau vài ngày xuất bản tập thơ đã trở thành tác phẩm văn chương hàng đầu tại Trung Mỹ. Với ba tác phẩm có nội dung phong phú, César Aira chắc chắn sẽ được đón tiếp nồng nhiệt từ độc giả yêu văn chương viết bằng ngôn ngữ Tây Ban Nha. Hiện nay, *Les Nuits de Flores, La princess Printemps, Varamo* đã có bán tại các hiệu sách. (Magazine Lire, 11/2005).

MA RỐC

Nhà thơ viết văn

Rachida Madani, tác giả của những dòng thơ bất hủ trong tập thơ *Blessures au vent*, vừa ra mắt độc giả tiểu thuyết *L'histoire peut attendre*, qua nhà xuất bản La Différence tại Ma Rốc. Tiểu thuyết đầu tay của Rachida, là một tập hợp thánh ca về sự thương tổn của thành phố nằm trong eo biển. Người kể chuyện đã mang lại sự choáng váng cho độc giả "*khi lắng nghe trong đêm tối con tim Địa Trung Hải chống chỏi lại sự phá hoại của hốc hầm biển cả*". Từng dòng chữ mang lại sự thật, mà Rachida là chứng nhân trực tiếp từ thuở thơ ấu. Sự thật, tác phẩm mang một chủ đề về sự liên hệ giữa con người qua tình yêu, qua tiếng nói. Từ từ, tác phẩm dẫn độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, qua lối viết trữ tình của một nhà thơ thử nghiệm ngòi bút để trở thành nhà văn. Người phụ nữ có khuôn mặt trí thức sau cặp kính cận và chiếc khăn trùm kín đầu

theo tôn giáo, Rachida Madani đã chinh phục không ít độc giả tại xứ sở của bà. (Match du Monde, Édition 11-12/2005).

Mohamed Choukri

Nhà văn quá cố thuộc khối Ả Rập Mohamed Choukri. Qua đời năm 2003, Mohamed Choukri là viên kim cương đen trong văn học thuộc khối Ả Rập, đã trở lại với độc giả qua tác phẩm *Pain Nu* do nhà xuất bản Points Seul giới thiệu. Ông được độc giả Hoa Kỳ biết đến qua bản dịch *Thé au Sahara* của Paul Bowles, sau đó độc giả Pháp Quốc cũng được biết ông qua tài dịch thuật của Tahar Ben Jelloun, nhà văn của giải Goncourt 1987. Qua đời năm 2003, Mohamed Choukri là viên kim viên đen trong văn học thuộc khối Ả Rập. Từ khi tác phẩm của ông xuất hiện trên văn đàn, mọi sự thật được phơi bày không còn bị che giấu như trước đó. Từ tuổi 20, Choukri thể hiện sự độc lập về trí tuệ của ông, cùng lúc với sự chuyển hướng độc lập của quốc gia Ma Rốc. Từ một trẻ thơ vô tư, ông trở thành thầy giáo, rồi nổi tiếng trong văn học. Ông viết về nhiều đề tài khác nhau, qua thân phận một cô gái giang hồ, qua thân phận thành phần băng hoại của xã hội, qua chức năng của người cha trong gia đình, cho đến hình ảnh phụ nữ mang lại sự ham muốn cho nam giới. Sống động và dí dỏm, dòng văn của Mohamed Choukri đã góp phần không ít trong dòng văn chương hiện đại qua chữ viết của khối Ả Rập. (Match du Monde, Édition 11-12/2005)

TRUNG QUỐC

Chúng tôi còn trẻ. Tình Dục, làm ơn!

Thế hệ trẻ Trung Quốc đã gần như lột bỏ đồng phục của thời Đại Mao, để chấp nhận sự truyền nhiễm về tự do yêu đương. Lili, cựu phóng viên của tuần báo lớn nhất Bắc Kinh, vừa làm chấn động đất nước của Khổng Mạnh, qua hồi ký viết về đời sống tình dục của cô với bút hiệu Muzi Mei, mặc dù hồi ký này bị kiểm duyệt gắt gao và cấm phát hành, nhưng vẫn được chuyền ra ngoài độc giả với số lượng không nhỏ. Ở số tuổi 27 còn rất trẻ, Muzi đã tuyên bố "*I don't keep statistics*", khi viết ra con số khoảng 100 phái nam liên hệ tình dục với cô. Cựu phóng viên này cho đây không phải là một tác phẩm *Kiss and Tell*, như một số tác giả đã thực hiện khi viết về hồi ký, bởi lẽ không một tên tuổi bạn tình nào được nhắc đến. Trong khoảng hai năm trở lại, Muzi Mei đã liên hệ tình dục với người khác phái, từ độc thân đến

có gia đình, từ thành phần trí thức đến giai cấp thấp, từ đạo đức đến phóng túng, từ trẻ tuổi đến lớn tuổi. Qua tìm bạn trên Internet, tìm bạn bốn phương trên tạp chí, qua cuộc gặp gỡ vô tình trong đời sống thường nhật. Người nữ phóng viên trẻ tuổi này, chưa bao giờ nhận một số tiền nhỏ, hoặc quà tặng từ những phái nam liên hệ. Hiện nay, "*Freedom in the bedroom*" tự do tình dục, là ý niệm mới tại Trung Quốc, nơi chế độ cộng sản đã kéo dài qua nhiều thập niên, làm đời sống cá nhân của con người bị xâm phạm ở mức độ tối đa. Theo thống kê 70% dân Bắc Kinh có liên hệ tình dục trước hôn nhân, so với 15.5% trong năm 1989. Thanh thiếu niên khoảng tuổi 14 đến 20 đều đã trải qua kinh nghiệm tình dục ít nhất một lần. Trong *Sex Culture Festival* ở phía Nam thành phố Quảng Châu (Guangzhou) trong tháng 11 vừa qua, đã lôi cuốn trên 50.000 người tham dự. Tuy nhiên, phản ứng của thế hệ cũ cũng rất mạnh về ý niệm này. Tại một số trường trung học, nhiều giáo sư lớn tuổi đã xé những trang sách viết về tình dục, đánh rớt những học sinh có bạn khác phái. Với ý niệm mới, thế hệ trẻ Trung Quốc cũng không muốn biết đến vấn đề ràng buộc rắc rối của đối tượng. Qua phỏng vấn chớp nhoáng với câu hỏi duy nhất của Muzi Mei, một phần ba dân số dưới 36 tuổi, không thấy có vấn đề khó khăn trong việc ngoại tình, khi còn ràng buộc với hôn nhân. Muzi viết rằng "*Tôi thể hiện tự do và tình cảm dành cho con người với nhau qua tình dục. Không bán tình dục. Đó là đời sống của tôi và tôi có thể làm tất cả những gì tôi muốn*". Khi hồi ký và đoạn băng ghi âm của nữ phóng viên này xuất hiện trên Internet, đã có hơn 50.000 người tìm cách vào xem, đến nỗi website của Muzi Mei hoàn toàn bị tê liệt trong 25 phút sau đó. Những dòng chữ cuối cùng trong tác phẩm của Muzi Mei được tuyên ngôn, như một tiếng kêu tuyệt vọng cần tự do trong chế độ cộng sản. Và cũng như Vệ Tuệ, cựu phóng viên, hồi ký tình dục của cô, hiện nay đang là cơn bão tố tại Bắc Kinh. (Time Canadian Edition, 12/2005).

giới thiệu sách
HOÀNG MAI ĐẠT

MỘT CÀNH MAI
thi kệ của các thiền sư Việt Nam

Một Cành Mai gồm 30 bài "thơ thiền" của 24 vị sư Việt Nam từ thế kỷ thứ 10 đến thứ 18. Nhà xuất bản cho biết "thiền sư" được hiểu một cách rộng rãi với sự góp mặt của những người không là thiền sư, như Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh Khiêm. Với sự hiểu rộng như vậy, những thiền sư trong *Một Cành Mai* là Khuông Việt, Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Lý Thái Tông, Mãn Giác, Ngộ Ấn, Không Lộ, Thường Chiếu, Huệ Sinh, Đạo Hạnh, Diệu Nhân, Trần Thái Tông, Trúc Lâm, Huyền Quang, Tuệ Trung, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Chân Nguyên, Minh Lương, Liễu Quán, Tông Diễn, Tịch Truyền, Như Trừng, và Hương Hải.

Những thơ kệ của họ được họa sĩ Võ Đình dịch từ Hán văn sang tiếng Việt. Võ Đình và nhà thơ-nhà giáo Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang cũng dịch những bài thơ sang Anh ngữ. Nguyên tác từng bài thơ được viết bằng Hán tự bởi Hạnh Cơ, một thư pháp gia hàng đầu với bút lông mực Tàu.

Một Cành Mai được rút ra từ câu cuối của một bài thơ xuân do thiền sư Mãn Giác đời Lý để lại. Vĩnh Hão từng viết về bài thơ này mà cũng như nói cho những thơ kệ khác như sau: "*Bài thơ xuân trong cửa thiền được nhiều người biết đến nhất, có thể nói là bài 'Cáo Tật Thị Chúng' của Mãn Giác, một thiền sư Việt Nam thế kỷ thứ XI, cách đây gần một ngàn năm. Bài thơ ấy thực ra không là một bài thơ. Không phải là thơ vì thiền sư, thực ra, đã không làm thơ. [...]*

"Vào một lúc tâm tư tĩnh lặng an nhiên nhất, khi những thăng trầm của thế sự không còn là điều bận lòng với mình, khi những cánh hoa tan tác rơi rụng không làm tâm hồn xao xuyến, sợ hãi nữa, [...]thiền sư bất chợt bật lên một tiếng kinh ngạc, hốt nhiên giác ngộ tính cách bất nhị của bản thể và hiện tượng giới. Và ngôn ngữ của một kẻ giác ngộ, đứng trên đỉnh cao chót vót của trí tuệ, dù không đẽo gọt, uốn nắn tìm chữ, sắp đặt ý lời, đã vô tình trở nên thơ."

Bài "Cáo Tật Thị Chúng" (Có Bệnh, Dặn Dò Tăng Chúng) được dịch: "*Xuân đi trăm hoa rãi / Xuân đến trăm hoa khai / Xem chuyện đời trước mắt / Tóc trên đầu đã phai / Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết / Tối qua sân trước một cành mai.*"

Nhân dịp giới thiệu Một Cành Mai tại Quận Cam cuối tháng 10, 2005, nhà phê bình Ngô Nhân Dụng cho rằng chỉ có một tâm hồn thơ với kinh nghiệm thiền như Võ Đình mới có thể diễn dịch những bài thi kệ như bài "Ngôn Hoài" (Tiếng Lòng) của thày Không Lộ, nhất là hai câu sau: "*Đất kia rồng rắn là nhà / Suốt ngày vui thú đậm đà tình quê / Leo lên đỉnh gió bốn bề / Hú dài một tiếng lạnh về hư không.*" Ngô Nhân Dụng tiếc Võ Đình không diễn dịch nhiều hơn thay vì chỉ có 30 bài.

Một Cành Mai dày trên 160 trang, do An Tiêm xuất bản với giá bán $12 Mỹ kim. Liên lạc Võ Đình Mai, P.O. Box 211-626, Royal Palm Beach, FL 33421. E-mail VoDinhMai@aol.com.

TÌM TÒI VÀ SUY NGHĨ

tiểu luận của Thu Tứ

Tìm Tòi Và Suy Nghĩ gồm khoảng 30 bài "tìm tòi" và "suy nghĩ" rất thú vị, đầy trí tuệ, một món quà tinh thần cho những ai thích đọc, suy ngẫm, tìm vị lạ, sự khác biệt trong văn chương, nghệ thuật, văn hóa của người Việt bên cạnh dòng văn hóa của người ở các quốc gia khác.

Trong lời nói đầu, tác giả Thu Tứ cho biết tại sao ông viết cuốn sách đầu tiên của ông: "*Thế giới đang vừa xích lại gần nhau vừa bị văn hóa vật chất ám ảnh. Về vật chất, Đông Phương nói chung vẫn còn ở trong tình trạng tụt hậu so với Tây Phương. Do đó, không ít người Á Đông đâm tự ti mặc cảm mà sẵn sàng từ bỏ truyền thống tinh thần của mình để Âu hóa triệt để.*

"Trước cảnh 'thua vật chất, mất tinh thần, bỏ tinh thần', kẻ nóng nẩy

không dằn được lòng, bèn liều cầm bút".

Nhờ Thu Tứ đã "nóng nẩy" và "liều cầm bút", độc giả được thấy sự trung dung của người Việt giữa văn hóa của người Hoa và người Nhật trong bí quyết, thói quen ăn, uống, mặc, và... tắm. Qua *Tìm Tòi Và Suy Nghĩ*, người đọc được biết người Việt có cái nhìn tự nhiên, nói thứ tiếng có tính toàn thể; lời Việt giống tự nhiên, lời Anh giống máy móc; sự khác biệt giữa văn Bắc, văn Trung, và văn Nam; tại sao nghệ thuật có thể lùi khi vật chất tiến?

Trong bài "Nấu Phở, Làm Thơ", Thu Tứ viết: *"Tô phở là hóa phẩm, Truyện Kiều là hóa phẩm. [...]Hóa phẩm bộc lộ bản sắc văn hóa. Văn hóa không độc đáo thì hóa phẩm xoàng xĩnh, tầm thường. [...]Liệu người Tàu có công nhận tính ưu việt của phở, có thưởng thức hóa phẩm của Nguyễn Du hay không? Liệu ông tây bà đầm bên Paris nghĩ sao về món bánh mì kẹp giò lụa rắc muối tiêu?"*

Tìm Tòi Và Suy Nghĩ dày trên 300 trang, do Của Tin xuất bản với giá bán $18 Mỹ kim. Liên lạc Của Tin, P.O. Box 2765, Palm Desert, CA 92261. Chi phiếu xin đề tên Vũ Thị Mai.

ĐÊM TRẮNG

tập truyện của Hoàng Nga

Đêm Trắng gồm 18 truyện ngắn, là tuyển tập thứ sáu, mới nhất của Hoàng Nga, một tác giả đã xuất hiện trên làng văn chương hải ngoại gần mười năm. Mai Kim Ngọc từng viết về bà như sau: *"Tôi nghĩ Hoàng Nga viết hay vì nhiều lý do. Thứ nhất, bút pháp bà cao, cái thiên phú còn kèm theo cả cái công phu nghiên cứu trau giồi. Bà viết kỹ, lưu tâm đến âm hưởng, nhịp điệu từng câu từng đoạn. Tác phẩm lại hài hòa cân xứng khi nhìn vào tổng thể. [...]Bà lấy những cảnh đời rất bình thường làm cốt truyện. Tay không, bà bước vào cõi nhân tâm tìm được trong cái tầm thường những tác phẩm văn học hay."*

Những truyện ngắn trong Đêm Trắng trải đầy những cảnh đời thường mà hầu như người Việt lưu vong nào cũng từng biết, từng sống qua. Giọng văn của Hoàng Nga có lúc vui, cười cợt, mà sao nghe xót xa, ngậm ngùi, gần gũi như đang nói với bạn ở bàn tiệc sắp tàn. Trong truyện "Hải", bà kể một nhân vật nữ về nước, gặp lại một anh bạn nay đã lập gia đình: *"Tôi im re. Hai tiếng 'cố nhân' của Hải nghe mềm và ấm như hơi người nằm trong chăn, nhưng cái âm thanh vang ra có vẻ buồn rầu không tả được. Như đã*

cố, để không bị nghẹn nửa chừng. Tôi chớp mắt ngó Hải.

"- Hải gặp chị ấy ở đâu vậy?

"Hải không đáp, mà lại nói:

"- Ông bà già giận quá trời. Không bằng lòng cái đám cưới."

Trong truyện "Ở Một Nơi Không Có Tết", Hoàng Nga viết: "*Có thể nào sắp Tết ở một nơi nào đó hay không, trong khi ở bên này nàng đang phải co ro cúm rúm, sáng sáng trước giờ đi làm, phải ra đứng trơ giữa trời, cày cục nạo từng mảng tuyết, cậy từng mảng băng đóng kín trên nóc, trên cửa kính xe, rồi khi chui được vào chỗ ngồi, lại phải toát mồ hôi hột gài số, đạp thắng đạp gas, de tới de lui, trườn qua trườn lại trên lớp tuyết đóng cứng chung quanh chiếc xe của mình, mới rời được khỏi nhà!*"

Trong "Vĩnh Biệt Mùa Thu", Hoàng Nga tả sự thất vọng "trên từng thớ da thịt" về một thành phố mà trong thực tế đã khác với huyền thoại: "*Tôi đã chờ. Vậy mà, hỡi ơi. Hà Nội vào thu! Tôi có biết đâu Hà Nội vào thu, vẫn hừng hực cái nắng cuồng điên, nhức nhối. Vẫn nóng bức đến ngỡ ngàng như sa mạc lúc tôi đứng ở sân bay Nội Bài, lặng người nghe những hạt mồ hôi rịn ra trên từng kẽ chân lông, trên từng thớ da thịt. [...]Đến cả khi ngồi thu mình trên chiếc xe mini bus gắn máy lạnh, đưa mắt ngó ra ngoài, tôi vẫn cứ để lòng 'hy vọng' mình chưa đi đâu ra khỏi Sài Gòn*".

Đêm Trắng dày 230 trang, do Văn Mới xuất bản với giá bán $12 Mỹ kim. Liên lạc Văn Mới, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248. Điện thoại 310-366-6867.

TIỂU TRIỆU MINH

tập truyện của An Phú Vang

Tiểu Triệu Minh gồm 20 truyện viết ngắn của An Phú Vang. Đây là tập truyện riêng đầu tiên của một thi sĩ sáng tác dưới bút hiệu Nguyễn Nam An. Anh từng có truyện đăng chung với những tác giả khác. Truyện của An Phú Vang giàu tình quê hương thời thơ ấu ở miền Trung, tình đồng đội thời chiến tranh, và tình yêu ở mọi nơi. Giữa những mẩu chuyện đời thường, trong thời ly loạn cũng như trong đời lưu vong, độc giả tìm được ở tác giả những nét đáng mến, thú vị, và khôi hài.

Trong truyện "Huế Ơi!", An Phú Vang viết: "*Tôi có nửa phần xương thịt Huế trong người nhưng không biết nhiều về quê quán của cha. [...]Huế với tôi như một người bà con xa từ lâu không gặp. [...]Ba*

qua được Hải Vân cao năm trăm thước rồi dính luôn với đất Quảng. Sống tha phương chết tìm về. Ba tôi không có được cơ hội như vậy. Đơn vị đầu đời và đơn vị cuối cùng của ba là Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Ba chết! Xác chôn ở Đà Nẵng."

Trong "Như Hoa Cỏ Rụng," An Phú Vang kể: "*Tôi là một thằng bắn M16 bằng tay trái như những thằng thuận tay trái khác trong đại đội. [...]Lúc học mẫu giáo đã bị khẻ tay vì viết bằng tay trái. Vào đời, bắn súng bằng tay trái không ai nói gì nhưng chính mình coi bộ không khá! Tay phải sẽ phỏng trước bởi vỏ đạn nóng bỏng bay ra từ 'cửa sổ tống vỏ đạn' của súng M16 trúng vào."*

Trong Tiểu Triệu Minh, An Phú Vang viết: "*Con nhỏ tung cước. Tôi vờ thối lui như bị chấn động khi bàn chân nhỏ chạm vào lòng tay mình. Lúc này mới thấy con bé dễ thương hẳn ra khi mặt nó bắt đầu hồng lên vì vận sức. Tôi mong 'hắn' đá liên hoàn cước để bắt chân. Rùa lắm thì cũng bắt dính một lần trong mười ngọn cước con bé tung ra. Giật nhẹ cho 'hắn' mất thăng bằng để bổng vào lòng..."*

Tiểu Triệu Minh dày 190 trang, Quyên Book xuất bản, giá bán $12 Mỹ kim. Liên lạc e-mail nqread@yahoo.com, hoặc trang www.xuquang.com/naman/.

NHỚ, NẮNG NHIỆT ĐỚI

tập thơ của Nnguong

Nhớ, Nắng Nhiệt Đới là tập thơ thứ nhì của Nnguong, sau tập *Riêng Hồn Tôi Hạn Hẹp Một Tình Yêu.* Lê Du Miên đã tán mạn về Nnguong như sau: "*Tập thơ thứ hai này anh nói về nỗi nhớ quê hương, bạn bè và người tình. [...]Đọc tập thơ này của anh, nỗi nhớ trong tôi cũng bùng lên chất ngất trong lòng, buồn tôi cao như núi, hoài niệm dài như sông."*

Nguyễn Thị Tê Hát viết trong lời giới thiệu: "*Nhà thơ có cái tên kỳ cục, cái tên khó đọc, khó gọi. Cái tên lạ lẫm đã làm tôi chú ý khi đọc được những bài thơ hay của anh trên Internet, để có lúc nghiền thơ anh như anh đang nghiền cái Nắng, đang nhớ đến cái Nắng Nhiệt Đới trong một lần về thăm quê nhà, từ nam ra bắc, để mang cái tâm trạng người trở về như kẻ khất thực duy nhất trên tuyến đường hành hương trên chính quê hương của mình."*

Trong bài "Bơi Ngược", Nnguong kể: "*mỏi tay viết lại tự tình / thơ*

chưa bám giấy đã đành giạt, trôi / nên ngôn ngữ cũng rạc rời / nên miệng, lưỡi cũng đớ lời: ngậm, câm / lỡ lao vào bơi ngược dòng / tưởng đâu tâm thất xong phần nợ, duyên."

Cũng theo ý của Nguyễn Thị Tê Hát, "*Đọc thơ Nnguong đôi lúc cảm thấy tức cười, vui vui khi đọc những câu thơ dễ thương đã nói lên cái gàn bướng, bất cần đời của thi sĩ trong tình yêu, trong đời sống thường nhật để người đọc có thể phác họa hình ảnh một người đàn ông lừng khừng với túi thơ bầu rượu ở bất cứ không gian, thời gian nào trong đời sống hiện tại.*"

Nhớ, Nắng Nhiệt Đới gồm có hơn 90 bài thơ được sắp xếp theo abc lạ kỳ trong phần mục lục, dày 215 trang, do Khúc Hương xuất bản, không đề giá bán. Liên lạc Nghia Hua, 1268 Brookview Ct., Morrow, GA 30260. E-mail nghihua@aol.com.

PHIẾM 2

Song Thao

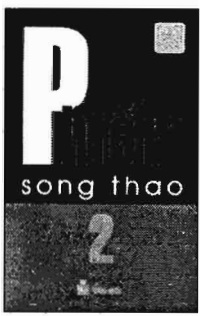

Phiếm 2 gồm 40 bài phiếm của Song Thao, viết về nhiều đề tài trong cuộc sống từ ăn, chân, chả & nem, chơi, chôm, cỏ, cưới, đêm, đổi gia vị, đến truồng, tượng, tù, xâm, xin.

Theo ý của Phạm Phú Minh, "*Nhiều người nghĩ bản chất của Phiếm là lan man, viết gì lại chẳng được, nhưng nghĩ thế là lầm. Mỗi bài viết của Song Thao là một công phu. Là một nhà văn, trước hết tác giả trao cho chúng ta cái khía cạnh cảm xúc của đề tài, thường bắt nguồn từ vốn sống và kỷ niệm của riêng mình [...]*".

Qua lời của Trà Lũ, "*Chuyện Phiếm là những chuyện lông bông, nửa thật nửa ảo, trộn lẫn với tiếng cười, nói cho vui, viết cho vui. Chuyện Phiếm của Song Thao, ngoài dáng dấp viết cho vui nói cho vui, còn khiến người đọc sau khi cười phải suy nghĩ thêm.*"

Phiếm 2 dày 430 trang, do Văn Mới xuất bản với giá bán $17 Mỹ kim. Liên lạc Văn Mới, P.O. Box 287, Gardena, CA 90248. Điện thoại 310-366-6867.

TRUNG QUỐC NGỤC TÙ VÀ NƯỚC MẮT

Bùi Minh Tuấn

Trung Quốc Ngục Tù Và Nước Mắt gồm những bài thơ bi thảm và phẫn uất của một cảnh đời tị nạn bị giam lầm ròng rã trong 10 năm trời từ Hồng

Kông qua Trung Hoa. Bùi Minh Tuấn viết: "*Tôi rời quê hương để ra đi tìm tự do vào ngày 31-5-1981 bằng đường biển và tới được Hồng Kông ngày 22-6-1981. Nhưng khi tôi tới Hồng Kông, chính quyền nghi ngờ tôi đã định cư tại Trung Quốc, vậy là chúng giam cầm tôi hai năm rưỡi trong các nhà tù và nhà thương điên tại Hồng Kông, và chúng đã hành hạ tôi bằng những loại thuốc vô cùng ghê tởm... [...]Sau khi tới biên giới Trung Quốc, tôi đã không xuống xe và nói với công an Trung Cộng rằng tôi là người Việt Nam, chưa từng ở qua Trung Quốc. Nhưng công an đã dùng vũ lực bắt tôi phải sang xe của chúng... [...]Sáng hôm sau bọn công an đem tôi ra đánh đập một cách tàn nhẫn, chúng đánh tôi ngất xỉu, người tôi bê bết máu và bầm tím vì những vết dùi cui điện. Đánh xong, chúng nói với tôi rằng: 'Sao mày không trốn theo nó, ở đây chờ chết à.'*"

Trong một đêm lang thang ở phố lạ, Bùi Minh Tuấn viết bài thơ "Giấc Mộng Đêm Giao Thừa": "*Ôi! Đêm nay là ba mươi Tết / Sau cả ngày mỏi mệt lang thang / Khắp Quảng Châu nơi hang cùng ngõ hẻm / Tôi bước đi trong cơn đói say mềm /... Niềm đơn côi, đói rét miệt mài / Khổ đau này biết chia sẻ cùng ai / Tạo hóa ơi! Cho thời gian ngừng lại / Để cuộc đời đừng có ngày mai.*"

Bùi Minh Tuấn nay đã định cư tại Phần Lan. Tập *Trung Quốc Ngục Tù Và Nước Mắt* dày gần 100 trang, không đề giá bán. Liên lạc e-mail nguctuvanuocmat@yahoo.com, thư về Bùi Minh Tuấn, Tiirismaantie 6C50, 00710 Helsinki, Finland.

MỘT PHẦN TƯ THẾ KỶ THI CA VIỆT NAM HẢI NGOẠI 5

Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 5 gồm những bài thơ tiêu biểu của 35 tác giả do nhóm Văn Hóa Pháp Việt sưu tầm. Trong bốn tập trước, Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại đã đăng thơ của 124 tác giả. Tập thứ 5 này được xuất bản trong năm 2005.

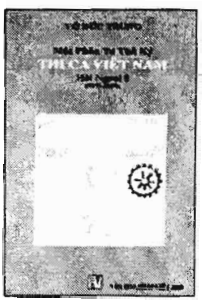

Trong lời vào sách, nhóm thực hiện cho biết: "*Từ năm 2000, khi chúng tôi bắt đầu sưu tầm địa chỉ và tiếp xúc với các nhà làm thơ để phối trí và thực hiện Bộ Tập hợp Thi ca 'Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại (1975-2000)' này, ngoài những người làm thơ đã có thi phẩm được trang trọng trình làng, chúng tôi*

để ý còn có rất nhiều người làm thơ không hội đủ điều kiện để tự xuất bản những sáng tác của mình. Đây quả là một thôi thúc, ray rứt không nguôi trong lòng người làm thơ."

Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại 5 có những người làm thơ như Bùi Minh Tuấn, Hoài Điệp Tử, Hoàng Xuân Sơn, Huỳnh Mai Hoa, Nguyễn Ái Lữ, Tạ Tỵ, Võ Đình Tuyết. Mỗi tác giả có vài bài thơ và hình chân dung. Sách dày 360 trang, không đề giá bán. (Tập 4 cũng có 35 tác giả, được bán với giá $20). Liên lạc Nhóm Văn Hóa Pháp Việt, 1, Allée des Peupliers, 59.320 Hallennes Lez Haubourdin, France.

TÁC GIẢ, TÁC PHẨM & SỰ KIỆN

tiểu luận của Trần Hữu Thục

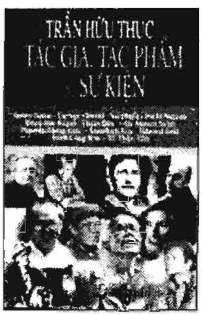

Trong lời tựa của Tác Giả, Tác Phẩm & Sự Kiện, Trần Hữu Thục viết: "*Mục đích của cuốn sách này khá đơn giản: mang lại cho các độc giả yêu văn chương càng nhiều thông tin càng tốt về một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng của Việt Nam cũng như trên thế giới, từ Á Châu đến Âu Châu, từ Phi Châu và Trung Đông đến Mỹ Châu.*"

"Trong lúc phân tích và đánh giá tác phẩm hay sự nghiệp văn chương của một tác giả, tôi đưa thêm vào những thông tin có tính thời sự liên quan đến cuộc đời hay tác phẩm của họ, giúp nhìn rõ hơn các đặc điểm của từng tác giả hay tác phẩm."

Tác Giả, Tác Phẩm & Sự Kiện đã mang đến những tác giả James Joyce, George Orwell, Võ Phiến, Pablo Neruda, Françoise Sagan, Phạm Duy, Ali Ahmed Sa'id, Nguyễn Mộng Giác, Arundhati Roy, Edward Said, Trịnh Công Sơn, và Tô Thùy Yên.

Sách dày trên 350 trang, do Văn Mới xuất cản với giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc Văn Mới qua e-mail kimanquan@yahoo.com, hoặc Trần Hữu Thục, 11 Oak Leaf Circle, Worcester, MA 01603; e-mail trandoannho@yahoo.com.

VÀNG SẮC CỜ BAY

thơ Phạm Kim Khôi

Vàng Sắc Cờ Bay là tác phẩm thứ bảy của Phạm Kim Khôi, gồm 100 bài thơ mà hầu hết là thơ chính trị. Tác giả cho biết: "*Vàng Sắc Cờ Bay là tâm tư thao thức của một công dân nước Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời cũng là một người lính chưa tròn nghĩa vụ nhưng luôn giữ vững niềm tin vào tương lai quật khởi của đất nước.*"

Thỉnh thoảng Phạm Kim Khôi cũng có những bài thơ cho thấy một chút tâm hồn lãng mạn, như bài "Thu Cuối Ai Về": "*Ai về gom lại mây chiều nhớ / Thấp thoáng trong mơ hiện bóng người / Trên lối đi đầy thơ mộng đó / Chiếc lá thu vàng rụng xuống vai.*"

Ngoài Vàng Sắc Cờ Bay, Phạm Kim Khôi cũng tái bản hai tập thơ Chinh Khách và Bên Bạn Bên Thù trong năm 2005. Giá bán Vàng Sắc Cờ Bay là $12 Mỹ kim. Chinh Khách và Bên Bạn Bên Thù được in chung trong một tập, giá bán $18 Mỹ kim. Liên lạc Phạm Kim Khôi, 101 W. Central Ave., #C, Brea, CA 92821.

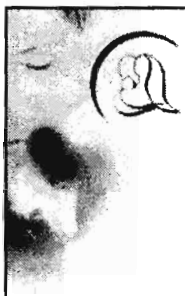

BS. Hồ Ngọc Minh

Hiếm Muộn và Thụ Thai Nhân Tạo

- Thụ Thai Trong Ống Nghiệm (IVF. ICSI).
- Sanh Trai Hay Gái Tùy Theo Ý Muốn bằng PGD (99.9%).
- Giải Phẫu Nối Lại Ống Dẫn Trứng
- Các Bệnh Phụ Khoa.
- Ở Xa Có Phương Tiện Chỗ Ăn, Ngủ (*cần ở lại 1 tuần*).

San Diego • Orange County

619.286.5054 • 866.3DR.MINH (866.337.6464)

Up to 15 % Discount or A FREE Cycle with Mentioning of This Announcement

Visit our web site for more info's

www.bacsihongocminh.com

NGUYỄN DŨNG TIẾN

VÀNG ĐEN

Giá 10 MK